Tiến sĩ HUỲNH VĂN TÒNG

Báo chí Việt Nam

TỪ KHỞI THỦY ĐẾN 1945

嘉定報
GIA ĐỊNH BÁO
L'ANNAM
NÔNG-CỔ MÍN-ĐÀM

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Rung
Vững Sơn Ca
Sách này Mẫn tặng

Tiến sĩ HUỲNH VĂN TÒNG

BÁO CHÍ VIỆT NAM

TỪ KHỞI THỦY ĐẾN 1945

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
2000

LỜI TỰA

Trong số các phương tiện thông tin đại chúng thông dụng nhất hiện nay, báo chí ra đời sớm nhất - cách đây trên ba trăm năm, và là phương tiện thông tin đại chúng duy nhất cho đến cuối thế kỷ XIX. Ngày nay, tuy đang bị canh tranh ráo riết bởi các phương tiện thông tin đại chúng khác như truyền thanh, truyền hình... báo chí vẫn không đánh mất địa vị quan trọng vốn có của nó, vì bất kỳ ai cũng có thể tìm thấy trên báo một thông tin nào đó đáng để đọc, hoặc có ích cho nhu cầu riêng tư của mình.

Ở Việt Nam, theo đà phát triển của xã hội, báo chí xuất hiện ngày càng nhiều, cách trình bày và chất lượng bài viết đã được cải tiến rõ rệt. Chỉ cần so với cách đây khoảng 10 - 15 năm, người ta sẽ nhận thấy báo chí Việt Nam đã tiến một bước dài cả về nội dung lẫn hình thức. Số lượng tờ báo và số ấn hành của mỗi tờ báo tăng lên với tốc độ đáng kể. Rõ ràng là xã hội Việt Nam càng phát triển, báo chí đóng vai trò càng quan trọng. Chuyển biến này đòi hỏi những người làm công tác báo chí cần phải nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình. Nhiều lớp đào tạo báo chí thuộc đủ hệ: chính quy, bồi dưỡng, nâng cao, tại chức,... được mở ra ở nhiều nơi trong cả nước nhằm đáp ứng nhu cầu này.

Trong số các môn học được đưa vào chương trình đào tạo chính khóa, có bộ môn "Lịch sử báo chí Việt Nam".

Ở những quốc gia từng có một lịch sử lâu dài về báo chí như Pháp, Anh, Hoa Kỳ,... bộ môn "Lịch sử báo chí" đã được nghiên cứu kỹ lưỡng. Nhiều công trình viết về lịch sử báo chí nước sở tại và các nước khác trên thế giới đã được xuất bản. Tuy nhiên, ở Việt Nam lịch sử báo chí chỉ bắt đầu được chú ý nghiên cứu cách đây không lâu, số công trình được xuất bản chưa nhiều. Tình hình này đã gây khó khăn cho việc học tập và giảng dạy ở các lớp đào tạo báo chí.

Quyển ***Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945*** được biên soạn theo phương pháp biên niên và theo bốn giai đoạn phát triển.

Năm 1865 có thể được coi là năm khai sinh ra báo chí Việt Nam bằng việc xuất bản tờ *Gia Định báo*, tờ báo đầu tiên được viết bằng chữ Quốc ngữ. Giai đoạn đầu tiên hay còn gọi là giai đoạn phôi thai, bắt đầu từ năm 1865 và kết thúc vào năm 1907-1908.

Giai đoạn hai từ 1908 đến 1918, là thời điểm diễn ra một sự kiện quan trọng trong lịch sử cận đại Việt Nam: sự xuất hiện của phong trào Duy Tân và trường Đông Kinh Nghĩa Thục với khẩu hiệu: "*Giáo dục quần chúng để canh tân xứ sở*". Cuộc vận động vừa mang tính chất chính trị, vừa mang tính chất văn hóa này đã tác động mạnh đến nội dung báo chí lúc ấy. Nhờ vậy, một số tờ báo đã góp phần không nhỏ vào việc thúc đẩy sự tiến bộ của nền văn học quốc ngữ.

Giai đoạn thứ ba kéo dài trong những năm 1918 đến 1930, đây là giai đoạn ra đời của nhiều thể loại báo: báo ngày, báo định kỳ, báo cho từng giới (phụ nữ, tôn giáo, kinh tế, thương mại,...), báo xuất bản bí mật... Kỹ thuật làm báo và trình độ nghiệp vụ được cải tiến nhiều.

Giai đoạn cuối bắt đầu từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập cho đến hết Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Có thể gọi đây là giai đoạn trưởng thành của báo chí Việt Nam với sự ra đời của đủ loại báo, phục vụ rộng rãi nhu cầu của bạn đọc thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau và mang đủ mọi màu sắc chính trị.

Thực ra từ năm 1973, quyển *Lịch sử báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1930* đã được biên soạn xong và được Nhà xuất bản Trí Đăng (Sài Gòn) ấn hành.

Nay, được sự động viên, khuyến khích của bạn bè xa gần, tôi đã mạnh dạn cho tái bản, sau khi đã sửa chữa và bổ sung thêm giai đoạn 1930 - 1945 và một số tài liệu mới, song cũng chỉ đề cập đến những tờ báo phát hành công khai và hợp pháp. Tuy vậy, cuốn sách vẫn khó tránh khỏi nhiều thiếu sót. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc xa gần để hy vọng trong lần tái bản sau sẽ được bổ khuyết. Xin chân thành cảm tạ trước.

Nhân đây, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến chị Nguyễn Hồng Cúc, về sự giúp đỡ tận tình được thể hiện qua một số tư liệu mà chị đã cung cấp cho tôi, cùng sự động viên, cổ vũ nhiệt tình của chị.

TP. Hồ Chí Minh, xuân 2000
HUỲNH VĂN TÒNG

CHƯƠNG I

THÔNG TIN TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM NGÀY XƯA

"Từ khi có con người, mỗi người chúng ta lẽ dĩ nhiên là cần phải nói với người khác những gì mà mình biết và những gì mà mình suy nghĩ và những gì mà người khác biết và suy nghĩ như chúng ta. Nhu cầu này là một điều kiện sinh tồn đối với con người ngay từ lúc sơ khai" (1). Vì vậy, sự truyền thông trong xã hội dù bất cứ trình độ nào và trong bất cứ xã hội nào trên thế giới cũng xuất hiện trước khi có vấn đề thông tin báo chí hiện đại. Đó là một điều kiện sinh tồn của con người.

Ở Việt Nam, sự quảng bá những biến cố hay những tin tức đã được phổ biến từ lâu dưới nhiều hình thức.

I. PHỔ BIẾN TIN TỨC BẰNG SỰ TRUYỀN KHẨU

1.1. Những câu ca dao và những bài hát bình dân

Việt Nam ngày xưa chịu ảnh hưởng của nền văn minh Trung Quốc, người ta đã chọn một hệ thống truyền tin gần giống hệ thống truyền tin của xứ này, nghĩa là những tin tức được phổ biến trong dân chúng nhờ những câu ca dao, những bài hát bình dân hay những bài thơ truyền khẩu (1).

---

(1) F. Terrou. L'Information. P.U.F. Paris 1968, trang 13.

1.2. "Thằng mõ"

Ngày xưa, người ta dùng "Thằng mõ" như là một phương tiện thông tin trong làng xã. Vai trò của "Thằng mõ" rất quan trọng, nhất là trong những làng xã Việt Nam và hệ thống truyền tin này đã tồn tại cho đến giữa thế kỷ 20.

Người ta gọi là "Thằng mõ" vì anh ta là một người rất nghèo và bị cả làng coi thường. Nếu có biến cố xảy ra, người xã trưởng gọi "Thằng mõ" đi khắp cả làng gõ mõ gọi dân làng đến tề tựu ở đình làng để cho họ biết những tin tức xảy ra. "Thằng mõ" làm công việc này không có lương bổng gì cả.

Người ta chỉ cho nó một vài miếng đất công để có thể cày cấy và đến mùa gặt, một vài chủ ruộng cho nó một ít thóc (2).

Ngoài nhiệm vụ phổ biến tin tức, "Thằng mõ" còn làm một công việc khác: đó là tuần phòng ban đêm ở trong làng. Dưới sự hướng dẫn của các viên chức và các tráng đinh, thằng mõ gõ những hồi mõ đều đặn để báo hiệu giờ giấc. "*Nhiều lần trong những đêm đẹp đẽ của miền nhiệt đới, chúng ta đã nghe những hồi mõ dài báo động: Giờ giấc trôi qua, các anh hãy ngơi nghỉ. Nhưng nếu có một biến cố bất ngờ xảy ra, thằng*

---

(1) Đoàn Thị Đỗ. *Le Journalisme au Vietnam et les périodiques vietnamiens de 1865 à 1944*. Paris 1958

(2) Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn 1951 - tr.230

mõ gõ liên hồi để báo động cho dân chúng" (1). Vai trò của thằng mõ đã được vua Lê Thánh Tôn (1442-1497) ca ngợi:

> *"Mõ này cả tiếng lại dài hơi,*
> *Mẫn cán ra tay chẳng phải chơi.*
> *Mộc đạc vang lừng trong bốn cõi,*
> *Kim thanh rền rĩ khắp đòi nơi.*
> *Trẻ già chốn chốn đều nghe lệnh,*
> *Làng nước ai ai phải cứ lời.*
> *Trên dưới quyền hành tay cắt đặt,*
> *Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi".*

Đó là phận sự thông tin của "Thằng Mõ". Mặc dầu bị dân làng coi thường, trên thực tế phận sự của anh ta đôi khi có giá trị quan trọng. Lý do là "Thằng Mõ" làm việc ngày đêm để mang tin tức đến cho mọi người, anh ta đã được xem như là một người tận tụy hy sinh cho dân làng.

1.3. Ca kịch cổ truyền Việt Nam

Trong khi nói đến cách phổ biến tin tức bằng sự truyền khẩu trong xã hội Việt Nam ngày xưa, chúng ta không nên quên một hình thức phổ biến tin tức khác, ngoài cách truyền đạt bằng những bài hát bình dân và thằng mõ, đó là ca kịch cổ truyền Việt Nam. Ở vào thời kỳ chúng ta chưa có phương tiện thông tin báo chí như hiện nay, ca kịch cổ truyền Việt Nam đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phổ biến và ca tụng chế độ quân chủ và phong kiến. Chúng ta tự hỏi ca kịch cổ truyền từ đâu mà ra và nó có phận sự nào trong việc phổ biến tin tức.

---

(1) E.Luro, *Le Pays d'Annam*. Etude sur l'organisation politique et sociale des Annamites, Paris 1878, tr.129

a) Nguồn gốc ca kịch cổ truyền Việt Nam

Có nhiều giả thuyết liên quan đến nguồn gốc ca kịch cổ truyền Việt Nam:

Trong một buổi diễn thuyết ngày 7 tháng 6 năm 1928 tại Hà Nội, ông Lương Khắc Ninh đã đưa ra giả thuyết như sau (1) :

"Cách đây 500 hay 600 năm ở Việt Nam những người khá giả hay những chủ ruộng giàu có trong những vụ trúng mùa đã tổ chức những cuộc lễ lộc, đã hạ bò giết heo để cúng vua Thần Nông. Họ ăn, uống rất vui vẻ. Tuy nhiên ăn và uống cũng chưa đủ làm cho họ thỏa mãn, do đó họ còn tìm ra một trò vui khác để đạt đến mức tối đa sự thỏa mãn tri thức và tinh thần của họ. Vì lý do đó, ca kịch cổ truyền đã được phổ biến".

Tiếp theo đó, nhân dịp ra đời của một vị hoàng tử, cuộc lễ lớn đã được tổ chức. Một vị đại thần đã tâu với vua rằng ở trong nước nhất là ở thôn quê vừa xuất hiện một loại ca kịch trong dân chúng, vị đại thần đã xin vua thành lập một loại ca kịch tương tự loại ca kịch của những người nông dân. Loại ca kịch hoàng gia bắt đầu có từ đó.

Giả thuyết thứ hai có liên quan đến ca kịch cổ truyền Việt Nam: hát bội. Theo giả thuyết này thì vào năm 1005 vua Lê Ngọa Triều đã ra lệnh cho đoàn

---

(1) Cordier (G) *Etude sur la littérature annamite, le théâtre*. Hanoi 1914, tr.14

cung nữ tập hát dưới sự điều khiển của một phường hát tên là Liên Thu Tâm, một tên hát chuyên nghiệp người Trung Hoa. (1)

Và giả thuyết thứ ba đã được kể như sau:

Trong thời gian chống quân Mông Cổ vào thế kỷ thứ 13, Hưng Đạo Vương bắt được một tù binh tên là Lý Nguyên Cát, một kịch sĩ trứ danh mà các tướng lãnh Trung Hoa thường hay có thói quen đem theo để giúp vui quân đội của họ. Bị thu hút bởi tài ca kịch của Lý Nguyên Cát, người Việt Nam đã đến học nghề ca kịch này. Như vậy, theo giả thuyết này thì ca kịch Việt Nam đã xuất phát từ ảnh hưởng của Trung Quốc.

Dù sao chăng nữa, có một điều mà chúng ta phải thừa nhận là qua lịch sử suốt bao nhiêu thế kỷ bị người Trung Hoa thống trị, người Việt Nam bị bắt buộc phải dùng đến chữ viết của kẻ chinh phục. Ảnh hưởng đó đã khiến nền ca kịch của người Trung Hoa đã được người Việt Nam chấp nhận một cách dễ dàng và sau khi dân tộc ta đã xua đuổi được kẻ xâm lăng, lấy lại nền độc lập cùng lúc với ý thức quốc gia của mình, người Việt Nam, dù muốn dù không, cũng không thể nào loại bỏ hết được ảnh hưởng của nền văn học cũng như nghệ thuật Trung Hoa. Tuy nhiên, chúng ta đã áp dụng nền văn học và nghệ thuật này bằng những nét đặc biệt thích hợp với xã hội Việt Nam, do đó lần lần đã phát sinh được một nền văn học, nghệ thuật, điêu khắc và ngay cả một nền ca kịch riêng biệt cho chính người Việt Nam.

---

(1) Origine de quelques aspects culturels et métiers traditionnels au Vietnam, Saigon, Edition spéciale de la revue Horizons, tr.15

b) Vai trò của nền ca kịch cổ truyền Việt Nam

Ca kịch cổ truyền Việt Nam là một hiện tượng rất thông thường trong xã hội ta ngày xưa. Chẳng những nền ca kịch cổ truyền đó có được sự ủng hộ nồng nhiệt của dân chúng, mà một đôi khi còn được sự giúp đỡ của chính quyền tại vị.

Trong các làng xã, mỗi khi có những cuộc tế lễ cúng Thần Thành Hoàng, người ta thường hay rước những đoàn ca kịch đến trình diễn.

Ngày xưa ở Huế, trong cung vua có một nhà hát rất lớn, các vua chúa cùng các quan đại thần thường hay đến xem trình diễn. Đề tài của những vở kịch luôn luôn có tính cách tuyên truyền cho ý thức Khổng giáo và chế độ quân chủ. Đó là phương tiện dùng để phổ biến tư tưởng Khổng giáo trong khi chúng ta chưa có phương tiện thông tin báo chí hiện đại.

Trên phương diện này, chúng ta thấy những tiểu thuyết Trung Hoa đã cung cấp cho các nhà soạn kịch Việt Nam những đề tài rất phong phú. Những đề tài này thường có tính cách luân lý, dạy dân chúng những bài học về đạo đức và xem đó như là một phương tiện thích hợp nhất trong việc giúp đỡ người dân học hỏi giáo lý Khổng Mạnh: những vở kịch thường có cùng một cách kết cấu như nhau, người hiền thì được thưởng, kẻ dữ thì bị trừng phạt, vua chúa thì chiếm lại được ngôi báu sau những cuộc binh biến do các bọn nịnh thần cướp ngôi...

Tóm lại, chúng ta có thể nói rằng nhiệm vụ chính của ca kịch cổ truyền Việt Nam là giữ vai trò thông tin trong quần chúng: giải thích cho dân chúng, giáo dục quần chúng theo những đường lối Khổng Mạnh để họ tích cực hơn trong việc phục vụ chế độ quân chủ và xã hội phong kiến...

II. PHỔ BIẾN TIN TỨC BẰNG CHỮ VIẾT

2.1. Những báo cáo

Trong một nước mà phương tiện giao thông chưa được mở mang, những tin tức quan trọng thường cần ít nhất là 7 hoặc 8 ngày để đi từ kinh đô đến các thị trấn xa xôi, người ta mới thấy vai trò quan trọng của các tổng đốc hay tổng trấn tập trung hết tất cả quyền hành về mình (1). Để đề phòng những vị tổng đốc này có thể làm loạn chống lại chính quyền trung ương, nhà vua thường bắt họ phải gởi một cách đều đặn những báo cáo kể rõ tất cả những gì đã xảy ra trong vùng cai trị của họ. Đối với nhà vua thì đó là một phương tiện hữu hiệu nhất để biết những gì đã xảy ra trong nước và cũng là một cách để chứng tỏ lòng trung thành của các quan đại thần.

Những bản báo cáo trên đây phải được đóng dấu và niêm phong cẩn thận để gởi về cho vua, và luật lệ của các vua chúa ngày xưa thường phạt rất nặng những ai dám ngăn cản hay làm chậm trễ các bản báo cáo hay các tin tức từ các địa phương gởi về cho chính quyền trung ương (2).

---

(1) E. Luro. Sách đã dẫn. Tr. 107

(2) E. Luro. Sách đã dẫn. Tr. 108

2.2. Biên niên sử (Les annales historiques)

Ngoài những bản báo cáo trên đây, các tin tức hay những biến cố quan trọng còn được các sử quan ghi chép một cách kỹ càng trong các biên niên sử và vai trò của nó gần giống như vai trò của báo chí hiện đại.

Do đó, *"những bản thảo viết về lịch sử Việt Nam đã được xem như là những tờ báo đầu tiên ở Việt Nam. Dưới đời nhà Lý (thế kỷ thứ 11) đã có những quyển sách in bằng mực tàu, và kể từ đời nhà Trần (thế kỷ thứ 13) nghề in đã được phát triển"*. (1)

Dưới các triều vua thường lập ra sử quan chuyên ghi chép các sử liệu. Ở Việt Nam, vào những thời kỳ tự chủ, các vua chúa thường đặt ra các vị quan chuyên viết sử và ghi chép tất cả những biến cố quan trọng xảy ra trong nước.

Một quan đại thần là Lê Quý Đôn, đã xác nhận điểm này như sau:

"Một phương pháp hay để viết sử là các biến cố phải được ghi chép một cách đúng đắn và khách quan để cho độc giả có thể hiểu những biến cố ấy như là chính họ đã trông thấy" (2).

Trong các biên niên sử, sử quan đã ghi chép những gì mà người ta tìm thấy trong những đề mục của một tờ báo hiện đại: những cuộc du hành của nhà vua, những sắc dụ, sắc chỉ, những thư từ hay những bản báo cáo của các quan, cách tổ chức quân sự, kinh tế, tài chính, những quan hệ ngoại giao với các nước láng giềng, những cuộc chinh phạt các nước Chiêm Thành, Chân Lạp, sự tiến triển của nền ca nhạc kịch vũ...

---

(1) Nguyễn Khánh Đàm, *Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ*, NXB Lũy Tre, Sài Gòn 1942, tr.22.

(2) Boudet (Paul), *Les Archives des Empereurs et l'Histoire Annamite*, Hanoi, 1945, tr.3

Do đó, chúng ta tìm thấy trong các biên niên sử dưới thời nhà Lý được ghi chép bởi Lê Văn Hưu, lịch sử nhà Trần bởi Phan Phu Tiên... Dưới thời Hồng Đức, sử gia Ngô Sĩ Liên đã ghi chép 3 đời vua từ năm Thuận Thiên (1428) đến năm 1458. Dưới thời Hồng Thuận (1509-1515), ông Vũ Quỳnh, đã tiếp tục ghi chép 4 triều vua liên tiếp từ năm Quang Thuận (1460) đến năm Đoan Khánh (1508) v.v... (1) và như vậy các sử gia nối tiếp nhau ghi chép những biến cố xảy ra trong nước làm thành những quyển sử có giá trị cho chúng ta ngày nay để thay thế cho báo chí chưa xuất hiện trong thời kỳ này. Đó là ta chưa kể đến mục "khí tượng" thường được chép trong các biên niên sử, mục mà ngày nay ta thường thấy đăng trên các báo. Dưới thời nhà Nguyễn, Khâm Thiên Giám đã được thiết lập. Mỗi năm cơ quan này giữ nhiệm vụ bắt đầu từ tháng 2 làm lịch cho năm sau và ghi rõ thời tiết khí tượng và cả nhựt thực, nguyệt thực... (2)

III. NGHỀ IN VÀ ẤN LOÁT

Nước ta từ lâu vẫn không biết nghề khắc bản in là gì, kinh truyện và sách vở cần dùng cho sự học ta đều phải mua của người Tàu in sẵn bên nước họ đem qua. Họ phát minh nghề làm giấy từ lâu, nhưng họ vẫn giữ bí truyền để in sách bán cho những nước chung quanh họ, như Việt Nam, mỗi năm thu lợi rất lớn.

---

(1) Boudet (Paul), sđd, tr.16

(2) Vũ Quốc Thông, *Pháp chế sử*, Saigon 1968, tr.118

Thuở ấy, danh Nho ta làm ra sách gì cũng chỉ viết được bằng tay, cất làm gia bảo, dù muốn in ra để truyền bá cho đời cũng chẳng được (1). Một người trong đám sĩ phu Việt Nam thấy rõ lợi hại, quyết chí sang Trung Hoa học nghề in, người ấy là Lương Như Hộc, ông tổ nghề khắc bản in của ta vậy.

Lương Như Hộc, tự là Tường Phủ, người làng Hồng Liễu, huyện Trường Lân (nay là làng Thanh Liễu, huyện Gia Lộc) tỉnh Hải Dương. Ông vốn thừa biết người Trung Hoa có nghề gì cũng giữ bí truyền cho con cháu, không dạy bảo người ngoài. Bỗng dưng mình sang học nghề in của họ, không phải chuyện dễ. Trừ phi có được đi sứ, nhân đó tò mò học được không ?

Bởi thế, ông cố học để đỗ Trạng nguyên. Đỗ Trạng nguyên tức là có hy vọng sung vào sứ bộ sang Tàu.

Đến năm Đại Bảo thứ ba (1442) đời vua Lê Thái Tông năm cuối, ông thi đỗ Trạng nguyên thật. Với địa vị quan Trạng nước Nam, ông được cử đi Bắc sứ hai lần.

.Lần thứ nhất, vào đời Lê Nhân Tông Thái Hòa nguyên niên (1443).

Lần thứ hai (1459) cũng vào đời vua Lê Nhân Tông.

---

(1) Theo sách *Lịch sử Việt Nam tập 1*, nxb KHXH - Hà Nội 1976, tr. 158, có ghi: "Vào thời Lý, nghề khắc bản in (theo lối bản gỗ) cũng đã xuất hiện nhưng chủ yếu phục vụ nhà chùa in kinh".

Ngày xưa, Sứ ta sang Tàu phải chờ đợi rất lâu mới được vào "chầu Thiên Tử". Trong lúc chầu chực ấy, các quan sứ ta thường giết thì giờ bằng cuộc ngao du ngâm vịnh với văn nhân học sĩ Tàu. Không thì thả bước lang thang đi xem phong cảnh. Mỗi cảnh các cụ lại đề ra một bài thơ. Lúc về góp lại thành ra mấy quyển gọi là Bắc sứ thi tập còn truyền đến nay.

Trái lại, Lương Như Hộc lợi dụng những ngày nhàn rỗi ở kinh đô nước Tàu, mò mẫm học nghề khắc bản in.

Ông tìm cách làm quen với quan Giám chính Khâm Thiên Giám, cốt xem những thợ chuyên môn của ty này khắc bản in lịch. Khéo lấy trí khôn nhận xét và con mắt dòm ngó tỉ mỉ, ông la cà hỏi han họ một cách kín đáo, khiến họ nói hết cả bí yếu của nghề in.

Loại gỗ gì thớ thịt mềm mỏng, dễ khắc, có thể dùng mà không lo bị vênh, bị mọt, bị nẻ ? Khi dán trái tờ giấy viết lên mặt gỗ rồi phải dùng thứ dầu gì thoa mỏng giấy để mỗi nét lộ ra rõ ràng mà khắc ? Họ có năm bảy thứ dao, con nào để bào gỗ, mũi nào để gọt nét mác cho sắc, tỉa nét chấm cho tròn? Phải biết khuôn phép chạm trổ thế nào cho được mau chóng mà mỗi chữ viết tại sao khắc thế, không hề thiếu nét kém gân?

Người ta có thể đoán chắc ông tò mò học lỏm đại cương nghề khắc của người Tàu vào thời kỳ ông đi sứ lần thứ nhất (1443). Trở về ông thực nghiệm với người đồng hương song nhiều chỗ vụng về thiếu sót thì nhân cuộc đi sứ lần thứ hai (1459) ông dụng tâm nghiên cứu thêm, bấy giờ nghệ thuật mới được hoàn thiện.

Nghề khắc bản in của nước ta khai sáng từ đấy.

Sau cùng ông ở triều làm quan được ít năm rồi trí sĩ về làng dạy học và đem nghề khắc bản in đã học được bên Tàu truyền bảo cho người đồng hương. Ông thọ được hơn 80 tuổi (1).

Khởi đầu là hai làng Hồng Liễu, Liễu Tràng ở Hải Dương được truyền thụ trước, dần dà rải rác đến các nơi khác. Vì thế những người ở hai làng ấy sống về nghề khắc, đến nay vẫn thờ Lương Như Hộc làm tiên sư.

Trong sách *Hải Dương Phong Vật* có đoạn chép về ông như sau:

"Hai lần phụng mạng đi sứ sang Tàu, được đi xem người Tàu khắc gỗ làm bản in, lúc đi sứ về dạy nghề này cho người trong làng dùng mũi dao cong, khắc những bản kinh sứ có tiếng và in ra rồi."

"Làng Liễu Tràng ở cùng huyện cũng học nghề ấy, đến nay vẫn thờ ông làm tôn sư".

Vào khoảng năm 1942, 43 và 44 ở Hà Nội, các sách xuất bản có in kèm chữ Hán muốn cho nét chữ được sắc sảo, hầu hết các nhà xuất bản đều nhờ thợ khắc ở hai làng Hồng Liễu và Liễu Tràng kể trên, thường gọi tắt là thợ khắc ở Hải Dương.

Nhưng biết nghề khắc bản in mà giấy vẫn phải mua của Tàu, không tự chế ra được thì vấn đề truyền bá học thuật kể như là mới giải quyết được có một nửa.

Tình hình dở dang gần như một nhà có gạo không nồi, phải đi mượn của hàng xóm mới thổi được cơm. Các thương nhân người Hoa, mất một mối lợi bán sách ít nhiều, song mối lợi bán giấy họ vẫn giữ được nguyên vẹn. Cũng vì thế đương thời không thể tự in được hết các sách cần học theo ý muốn vì không biết làm giấy. Vậy phải làm cách nào để chế tạo ra giấy ?

Người có ý nghĩ ấy là chúa Trịnh Căn (1682-1709). Ông nhất định mở nghề làm giấy ở nước ta.

Nghề này người Tàu cũng giữ bí truyền như các nghề khác, ta không thể công nhiên phái người sang học mà họ dạy cho, lại phải dùng mẹo ăn cắp nghề mới xong. Một lần nữa, bánh xe quan sứ của nhà ngoại giao đi việc nước đem một kỹ nghệ mới về cho dân.

Chúa Trịnh muốn tiện một công hai việc bèn chọn một số thanh niên thông minh, có chí, cấp cho tiền bạc và dặn bảo cơ mưu rồi cho đi trà trộn vào đám sứ bộ sang Tàu. Người nào cũng phải biết tiếng Tàu để giao thiệp thông thường. Họ vâng mật chỉ chúa Trịnh khi sang tới đất Tàu thì bỏ sứ bộ trốn đi, tùy tiện tìm cách học lấy nghề làm giấy cho thành thuộc rồi mới trở về nước, sẽ được trọng thưởng.

Ý định của Khang Vương Trịnh Căn được thành tựu mỹ mãn. Những thanh niên đi học nghề lần đến vùng Phiên Ngung, Nam Hải, chịu khó làm thuê, ở mướn cho mấy nhà chuyên môn làm giấy, trải qua ba, bốn năm, học được tất cả bí thuật của người Trung Quốc rồi tìm đường về quê nhà.

---

(1) *Niên Giám Nghiệp Đoàn Nhà in và Nhà xuất bản*, Sài Gòn 1961, tr. 20-27.

Khang Vương thưởng công mỗi người rất hậu và chọn ngay phường Yên Thái, mở xưởng làm giấy, lại sai họ đứng trông nom, truyền nghề cho dân địa phương. Kỹ nghệ giấy của xứ ta xuất hiện từ đấy.

Bảy tám làng ở quanh trên Bưởi (Yên Thái, Hồ Khẩu, Đông Xá, Nghĩa Đô...) chuyên nghề làm giấy bản và hình như độc quyền suốt từ thế kỷ XVIII đến sau này.

Theo con số thống kê năm 1940, giấy bản chế tạo ở mấy làng kể trên mỗi tháng được 60 triệu tờ, bán ra khoảng 21 vạn bạc (tiền Đông Dương năm 1940).

Do đó, từ thời Trịnh Căn, mọi việc đều dùng giấy bản mà trong xứ đã chế tạo được, không phải mua giấy bản của Tàu nữa, hàng năm có lợi cho dân về phương diện kinh tế rất nhiều.

Đã có nghề khắc bản in và nghề chế tạo giấy mở mang trong xứ, nhưng dân chúng vẫn còn thích mua kinh truyện xuất bản bên Tàu, nên đến đời Trịnh Giang phải ra lệnh cấm nhập cảng sách của Trung Quốc, (vào năm Giáp Dần 1731).

Nhờ đó mà nghề làm giấy và in sách của ta ngày càng phát triển.

Theo ông Hoàng Xuân Hãn (1) trong quyển *Bích Câu Kỳ Ngộ*, thì ông cho rằng ở Việt Nam ta ngày xưa không có một luật lệ nào có liên quan đến nghề in và ấn loát. Bất cứ một thợ in nào cũng có quyền in và bán bất cứ một quyển sách nào và bất kỳ của ai cho độc giả. Theo ông, ở làng Liễu Tràng tỉnh Hải Dương ngày xưa những người thợ in khắc những chữ trên một tấm gỗ dùng để in. Loại gỗ tốt nhất dùng để in là gỗ cây thị vì loại gỗ này không bao giờ bị mọt ăn. Vì những nhà xuất bản và những độc giả thường rất nghèo cho nên sách thường được in trên những loại gỗ xấu và trên kích thước nhỏ. Khi tấm gỗ đã được dùng nhiều và bị mòn, người thợ in dùng lại bản sao và dán ngược lại trên tấm gỗ mới theo nét mực để in lại.

---

(1) Hoàng Xuân Hãn, *Bích Câu Kỳ Ngộ*. Viện Đại Học Huế, 1964, tr.19

IV. NHỮNG PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN

Vào thời xa xưa, các vua chúa của chúng ta đã không ngừng coi sóc và phát triển vấn đề giao thông và xem đó như là phương tiện hữu hiệu nhất để kiểm soát tình hình trong nước, để giữ một sự liên lạc thường trực giữa kinh đô và những miền xa.

Một quốc lộ đã được thành lập từ lâu để nối liền kinh đô và các tỉnh, quốc lộ này được gọi là quan lộ. Gọi là quan lộ nhưng trên thực tế chỉ là một con đường mòn, gồ ghề, khúc khuỷu dùng làm phương tiện giao thông cho những người đưa thư của vua (đi bộ hoặc đi ngựa), cứ cách khoảng 15 cây số, dân địa phương thiết lập một trạm nghỉ ngơi cho người và ngựa. Thay vào công việc trên, một số tráng đinh của dân làng sẽ được miễn đi lính cho vua. Quyền ưu tiên sử dụng con đường trên dành cho các quan, những người đưa thư của vua và những ai thừa lệnh các cơ quan công quyền (1).

---

(1) E. Luro, Sách đã dẫn, tr.115

Trong mỗi tỉnh có một Ty Bưu Chính được đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của viên chủ sự phòng pháp lý, và ở Huế, dưới quyền chỉ huy của một viên Tổng Giám, chủ sự phòng đặc biệt hoàn toàn độc lập với những cơ quan khác. Sở bưu chính được đặt ra chỉ để sung dụng theo nhu cầu quốc gia, và không có một bưu chính nào dùng để cho các tư nhân sử dụng.

Trong mỗi trạm có 2 viên chức trông nom: Dịch Thừa và Dịch Mục. Viên quan thứ nhất là một vị quan đệ nhị cấp thuộc hàng bát phẩm, và vị quan thứ hai chỉ là một vị quan đệ nhị cấp thuộc hàng cửu phẩm. Dưới hai viên chức này thường có lối 60 lính trạm, con số này thay đổi tùy theo sự quan trọng của mỗi trạm (1).

Theo ông Dutreuil de Rhins trong quyển *Le Royaume d'Annam,* thì chính người đưa thư lãnh nhiệm vụ giao cho các quan những tài liệu nhà nước và nhất là phải chuyển giao một cách mau chóng tất cả những phong thư chính thức. Những thư từ chính thức thường được để trong những ống tre đậy kín giao cho những người lính trạm đi bộ hoặc đi ngựa từ trạm này qua trạm khác. Những người này đôi khi được võ trang bằng một cây gậy dài dùng để tự vệ trong khi đi đường. Họ có thể đi trong 8 ngày từ Hà Nội đến Huế xa độ 700 cây số. Mỗi trạm cách nhau khoảng 20 cây số.

Khi đến nơi, người lính trạm giao cho người giữ trạm ống công văn và một cờ hiệu trên có ghi rõ ngày khởi hành, ngày đến và liền sau đó người giữ trạm giao ống công văn trên cho một người lính trạm khác để chuyển đến một nơi khác...

Trong mỗi trạm có một quyển sổ dùng ghi rõ tên họ người đưa thư hay người lính trạm cùng ngày khởi hành và ngày đến. Nếu người đưa thư trễ 30 phút, ông ta sẽ bị phạt đòn. Không ai có quyền cản trở người đưa thư hay lính trạm trong khi họ đang làm phận sự, trái lại sẽ phạm vào tội phá hoại nền an ninh quốc gia.

Theo Despierres, thư ký hội địa dư Hà Nội thì tổ chức bưu điện theo kiểu Tây phương được thực hiện đầu tiên ở Nam Kỳ.

Con đường dây thép đầu tiên nối liền Sài Gòn-Biên Hòa đã được khánh thành ngày 27-3-1862. Và nhà bưu điện chính Sài Gòn được Đô Đốc Bonard khánh thành ngày 13-1-1863, mở cho dân chúng sử dụng vào ngày 1-1-1864. Kể từ đó, nhà bưu điện được thiết lập tại mỗi tỉnh ở miền Nam Việt Nam.

Trong mỗi sở có một toán người đưa thư và 50 lính võ trang để bảo vệ sở. Họ có quyền dùng mọi phương tiện vật chất trong khi thi hành nhiệm vụ. Tất cả những phí tổn trong việc sửa sang bưu sở hay tất cả những sở phí trong công việc hàng ngày đều do chính quyền địa phương đài thọ.

Ngày 25-8-1883 triều đình Huế ký một hiệp ước với Pháp đặt miền Bắc nước ta vào sự bảo hộ của người Pháp. Điều 9 của hiệp ước này đã nói đến sự thành lập một đường dây thép nối liền Sài Gòn-Hà Nội, qua Quy Nhơn, Đà Nẵng, Huế và Vinh. Hệ thống viễn thông này dài 2000 cây số, khởi sự năm 1884 và hoàn tất ngày 22-3-1888.

---

(1) *Văn hóa Nguyệt san*, quyển X, Saigon 4 tháng 9, 1964, tr.1.072.

Ngày 1-7-1894, nhà bưu điện chính Sài Gòn bắt đầu khánh thành hệ thống điện thoại.

Và đầu năm 1929 đường hàng không nối liền Sài Gòn-Paris được thành lập...

CHƯƠNG II

CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ VIỆT NAM DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

I. NGUYÊN NHÂN SỰ THÀNH LẬP BÁO CHÍ VIỆT NAM

Năm 1858, thực dân Pháp đã xâm chiếm Nam Kỳ và kết thúc cuộc xâm lăng này vào năm 1884 với sự thành lập nền bảo hộ ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Biến cố này đã gây sự xúc động vô cùng mãnh liệt trong lòng người dân Việt Nam. Tất cả mọi người, nhất là giới sĩ phu, đều căm phẫn người Pháp, sự chiếm đóng của người Pháp ở Nam Kỳ là nỗi nhục nhã của một dân tộc có nguồn gốc và một lịch sử anh hùng. Do đó từ năm 1862, ngoài việc đấu tranh bằng quân sự, nhân dân ba miền đã dùng văn thơ với lối diễn đạt thẳng thắn rõ ràng và quyết liệt để gây lòng căm phẫn, tạo ý chí chống ngoại xâm trong lòng người dân mất nước. Điều đó, cũng là một nguyên nhân đưa đến sự thay đổi thái độ và hình thức diễn đạt của văn học - nhận thức được tác dụng của báo chí.

Một nguyên nhân khác cũng không kém phần quan trọng, đó là sự phổ biến cái học mới của Tây Phương do người Pháp chủ trương, và họ muốn thay đổi tận gốc rễ bằng các cố gắng truyền đạt sâu rộng trong quần chúng.

Đô đốc Bonard, vị Thống đốc đầu tiên ở Nam Kỳ (1861-1863), đã thiết lập một chế độ chính trị mới tại đây. Tất cả quyền hành chánh, tư pháp, tài chính... đều nằm trong tay của các sĩ quan quân đội Pháp (1) và các thống đốc kế tiếp Bonard, quyền cai trị vẫn nằm trong tay các quân nhân. Tuy nhiên, để đảm bảo cho một nền hành chính dân sự, chính quyền thuộc địa rất cần sự hợp tác của các quan lại bản xứ làm việc bên cạnh họ. Do đó, chính quyền Pháp lúc bấy giờ nghĩ đến việc lợi dụng một thứ vũ khí mới, vũ khí chính trị: đó là báo chí. Dùng phương tiện báo chí, người Pháp nhằm hai mục tiêu: phổ biến chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, tuy nhiên dụng ý chính của họ vẫn là chinh phục tinh thần của dân chúng thuộc địa bằng nền văn minh Tây Âu.

Vào thời kỳ đầu tiên, tất cả báo chí đều do người Pháp thành lập và điều khiển, trong số này hầu hết là những cựu công chức Pháp như Pierre Jeantet, François Henri Schneider, hay những nhân vật có ảnh hưởng lớn đối với chính phủ như Ernest Babut, Georges Garros... Trên thực tế, những nhà sáng lập báo chí đầu tiên tại Việt Nam hầu hết chỉ là phát ngôn viên chính thức cho chính quyền Pháp, chúng ta thấy rất nhiều bài báo lúc bấy giờ đã không ngớt tán tụng chính quyền Pháp hay tình "hữu nghị Pháp Việt"... và không ngần ngại tuyên bố mục đích của báo chí là dùng để canh tân hóa xứ sở, để giúp đỡ dân bản xứ... Thực ra, báo chí lúc bấy giờ chỉ dùng để phục vụ cho quyền lợi của thực dân Pháp ở Việt Nam, cũng như chính phủ thuộc địa đã dùng báo chí để chinh phục tình cảm của người dân bản xứ.

Đầu tiên, người Pháp cho phát hành hai loại báo: báo bằng Pháp ngữ và báo bằng Hoa ngữ. Loại thứ nhất dùng cho những độc giả người Pháp và những người Việt Nam biết chữ Pháp; và loại thứ hai nhằm vào những quan lại bản xứ có ý muốn từ chối không hợp tác với chính quyền Pháp. Sau đó, báo chí bằng tiếng Việt ra đời và đóng một vai trò rất quan trọng cho hậu ý chính trị của người Pháp trong giai đoạn đầu của cuộc xâm lược lâu dài ở Việt Nam mà mọi người đều biết.

Tuy nhiên, chính quyền Pháp lúc bấy giờ cũng đã ý thức được báo chí như con dao hai lưỡi: nó có thể là phương tiện tốt của nhà cầm quyền để thực hiện ý đồ chính trị của họ, cũng như nó có thể là một phương tiện của người dân bị trị dùng để tranh đấu cho quyền lợi của dân tộc mình. Do đó, ngay từ lúc thành hình, báo chí tại Việt Nam đã bị lệ thuộc vào những luật lệ của chính quyền Pháp đặt ra.

Chế độ báo chí Việt Nam không thay đổi bao nhiêu trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, cho nên ở đây chúng ta sẽ dành riêng một chương để nói về chế độ báo chí Việt Nam từ 1865 đến 1945 thay vì chúng ta phải xét riêng từng giai đoạn một. Mặt khác, vì chế độ chính trị giữa Nam Kỳ là xứ thuộc địa khác với Bắc Kỳ và Trung Kỳ là xứ bảo hộ, cho nên chúng ta sẽ nghiên cứu hai chế độ báo chí ở hai miền trong hai trường hợp khác nhau.

---

(1) Lê Thành Khôi, *Le Vietnam, Histoire et Civilisation*. Ed. Minuit. Paris 1955. tr.370

Chúng ta sẽ lần lượt đề cập đến các điểm sau đây:

- Chế độ báo chí ở Nam Kỳ
- Sắc luật ngày 30-12-1898
- Chế độ báo chí ở các xứ bảo hộ Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

II. CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ Ở NAM KỲ

Theo các hiệp ước được ký kết giữa triều đình Huế và Pháp 1862 và 1881, thì Nam Kỳ là một thuộc địa của Pháp. Thống đốc chỉ huy trưởng quân đội Pháp ở Nam Kỳ lúc ấy đã ra các thông tư cho toàn quốc biết rằng Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, những ai phủ nhận sự kiện trên và muốn giữ nguyên quốc tịch Việt Nam thì trong thời gian ba tháng phải rời khỏi đất Nam Kỳ và đến sinh sống ở miền Trung, riêng những ai muốn ở lại miền Nam thì phải chấp nhận sống dưới quyền cai trị của người Pháp và phải lấy quốc tịch Pháp.

Vì lý do trên mà người ta thấy lúc đó có một số người Việt Nam đã rời miền Nam đến sinh sống ở Phan Thiết, miền Trung và họ sống chung với nhau làm thành một làng gọi là làng Đông Châu (1).

---

(1) Diệp Văn Kỳ, *Chế độ báo giới Nam Kỳ*, Saigon 1938, tr.13

Trước khi áp dụng đạo luật ngày 29.7.1881 về báo chí, chúng ta thấy có hai sắc lệnh được công bố:

- Sắc lệnh thứ nhất do Tổng thống Pháp ký năm 1880. Sắc lệnh này được áp dụng ở Guyane, Sénegal, ở các nhượng địa của Pháp ở Ấn Độ. Những điều khoản của sắc lệnh ngày 16-2-1880 cũng đã được áp dụng ở quần đảo Antilles và Réunions. Những sự truy tố về tội phạm luật báo chí hoặc bằng những phương tiện hay quảng cáo khác được dự trù bởi điều 1 của đạo luật ngày 7-5-1881 sẽ bị đưa ra trước tòa tiểu hình căn cứ theo các tổ chức các cơ quan tư pháp ở các xứ không có tòa thượng thẩm (1).

- Sắc lệnh thứ hai ngày 25.5.1881 trên thực tế đã nhằm vào việc đồng hóa người dân bản xứ. Sắc lệnh này quy định rằng: *"Dân bản xứ An Nam, sanh ra và cư ngụ ở Nam Kỳ là người Pháp, một khi người dân bản xứ đã chấp nhận sự thống trị của người Pháp thì họ bắt buộc phải học tiếng của chúng ta và chấp nhận những phong tục tập quán của chúng ta, chúng ta không thể nào ban bố tất cả những quyền lợi của một công dân cho những ai không hiểu được nền văn minh của chúng ta"* (2).

Ngoài ra, sắc lệnh ngày 25.5.1881 còn ghi rõ trong điều 1 là: *"Những ai đã sinh đẻ ở Nam Kỳ là người Pháp, tuy nhiên họ có thể tiếp tục phải theo các luật lệ hiện hành của người An Nam. Và nếu họ muốn, bắt đầu từ 21 tuổi, họ có thể làm đơn xin nhà cầm*

---

(1) Cochinchine française - Presse. Décret du 16.12.1880, Saigon. Imprimerie national 1880.

(2) Diệp Văn Kỳ, sđd, tr.24.

quyền Pháp để được hưởng tất cả những quyền lợi của một công dân Pháp. Trong trường hợp đó, họ phải tuân theo, cùng với vợ và con cái còn vị thành niên, những luật lệ dân sự và chính trị áp dụng cho những người Pháp ở thuộc địa" (1).

Như vậy, căn cứ theo 2 sắc lệnh trên đây, tất cả những công dân cư trú ở Nam Kỳ, dù họ là người Pháp hay Việt, đều được hưởng tất cả những quyền lợi của một công dân Pháp. Vì lý do này, một khi đạo luật về "Tự do báo chí" được áp dụng ở Nam Kỳ, không những được áp dụng cho người Pháp mà cho cả những người Việt Nam sống ở Nam Kỳ.

Ban hành tại Pháp ngày 29.7.1881, đạo luật "Tự do báo chí" đã được áp dụng ở Nam Kỳ kể từ ngày 22.9.1881 (2).

Theo đúng đạo luật trên, việc ấn hành những sách báo ở Nam Kỳ sẽ được hoàn toàn tự do, dù là tờ báo Pháp hay Việt, nghĩa là luật lệ không bó buộc những điều kiện tiên quyết để thành lập một tờ báo. Đạo luật này có những điểm như sau:

Điều 1: Việc ấn loát sách, báo đều tự do.

Điều 5: Mọi tờ báo và các ấn phẩm định kỳ đều không cần xin phép trước và không phải nộp tiền ký quỹ, sau khi đã khai theo quy định của điều 7.

Điều 6: Mọi tờ báo và các ấn phẩm định kỳ đều có một người quản lý. Người quản lý phải là người Pháp thành niên, được hưởng quyền công dân và từ trước đến nay chưa hề bị tòa án xử mất quyền công dân.

Điều 7: Trước khi phát hành các báo hay ấn phẩm định kỳ, phải làm bản khai ở biện lý cuộc về những điểm sau đây:

Tên của tờ báo hay xuất bản phẩm định kỳ và phương thức phát hành.

Tên và địa chỉ của người quản lý.

Nơi in báo.

Tất cả những sự thay đổi trong các điểm trên đây buộc phải khai báo trước 5 ngày.

Điều 10: Khi phát hành mỗi tờ báo hay ấn phẩm định kỳ phải nộp 2 bản có chữ ký của người quản lý ở Biện Lý cuộc hay ở Tòa Đốc Lý các thành phố, nơi không có tòa án đệ nhị cấp.

Sau khi thỏa mãn hết tất cả những điều kiện bắt buộc bởi đạo luật trên, mọi tờ báo sẽ được phát hành tự do trên toàn lãnh thổ thuộc địa. Ngược lại, nếu những điều kiện trên không được thỏa mãn, luật lệ sẽ dự trù một số các hình phạt để truy tố những ai phạm pháp.

Do đó, đáng lý ra từ sau ngày 12-9-1881, các tờ báo ở Nam Kỳ xuất bản bằng tiếng Việt phải được tự do theo luật báo chí này của quốc hội Pháp, nhưng chính phủ thuộc địa đã tùy tiện không chịu thi hành, bác bỏ hiệu lực pháp lý của nó, buộc mọi tờ báo tiếng Việt tại Sài Gòn phải làm đơn xin phép, theo sắc luật ngày 30-12-1898 của Toàn Quyền Đông Dương lúc bấy giờ.

---

(1) Le décret du 25 Mai 1881 (L'Article 1er) du Gouvernement Français en Cochinchine.

(2) Liloiff (Henry), Le Régime de la Presse en Indochine. Hanoi, 1939, tr.7,8.

III. SẮC LUẬT NGÀY 30.12.1898

Sau khi sắc luật ngày 30-12-1898 được ban hành, quyền tự do báo chí ở Nam Kỳ hoàn toàn bị bãi bỏ.

Tại sao chính phủ Pháp lúc ấy đã cho thi hành sắc luật trên? Và nội dung của nó chứa đựng những gì?

Trước tiên vào thời kỳ này, một tờ báo Việt Nam, tờ *Phan Yên báo*, đã đăng một loạt bài có liên quan đến tình hình chính trị trong nước có ý chống đối lại sự hiện diện của người Pháp ở Việt Nam, nhất là bài "Đòn cân Archimède", lý do chính cho việc khai sinh ra sắc luật trên.

Lý do thứ hai là sự tấn công ồ ạt của báo chí Pháp chống lại các cơ quan chính quyền và các đại diện Pháp ở Bắc Kỳ lúc ấy. Một sự công kých như vậy đã làm tổn thương rất nhiều đến nhà cầm quyền Pháp trước mắt người dân Việt Nam. *"Từ các nhà cầm quyền bản xứ cho đến viên công sứ hay ngay cả viên Toàn Quyền Đông Dương, mỗi người đều chỉ lo bảo vệ quyền lợi riêng của họ: người thì giữ độc quyền bán rượu, kẻ lo buôn bán á phiện v.v... Họ (nhà báo) tấn công các quan lại và không kính nể mấy chính quyền Pháp mà họ đã cố tình bêu xấu trước mắt người dân bản xứ"*... (1).

Trong tình trạng như vậy, chính phủ Pháp không thể nhắm mắt làm ngơ trước một sự kiện làm giảm mất danh dự và uy tín của người Pháp, trong lúc người dân Việt Nam luôn luôn tìm mọi cơ hội để vùng dậy chống lại họ, mà điều đó đã gián tiếp thúc đẩy dân bản xứ chống lại sự hiện diện của quân đội Pháp ở Đông Dương (?)

Vì những lý do trên, Chính phủ Pháp ở Đông Dương, ban hành sắc lệnh ngày 30-12-1898.

Tuy nhiên, dù sao chăng nữa, biện pháp chế tài này đã nhắm vào báo chí tiếng Việt hơn là các tờ báo Pháp tại Việt Nam. Vì rằng, sau khi cho ban hành sắc luật này, báo tiếng Pháp vẫn tiếp tục được hưởng tất cả những sự tự do về việc thành lập một tờ báo nghĩa là họ không cần một sự xin phép trước; chính quyền chỉ cần đòi hỏi đừng tiếp tục mở những cuộc bút chiến gay gắt chống lại nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương, một phương tiện giúp người Việt Nam đứng lên chống lại họ.

Riêng những gì có liên quan đến việc phát hành một tờ báo bằng một thứ tiếng khác với Pháp và để đề phòng trường hợp chống đối rất có thể xảy ra đối với chính quyền, điều 2 và 3 của sắc luật ngày 30-12-1898 đã buộc: *"Tất cả những tờ báo in bằng Việt ngữ, Hoa ngữ hay bất cứ một thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Pháp, phải có một sự cho phép trước của viên Toàn Quyền sau khi hội kiến với Ủy Ban Thường trực của hội đồng cấp cao Đông Dương (La Section permanente du Conseil Supérieur de l'Indochine)"*. Trên thực tế, sắc luật đã cho phép viên toàn quyền Đông Dương ngăn cấm và làm khó dễ sự lưu hành của tất cả những tờ báo được in bằng những thứ tiếng khác với tiếng Pháp. Những sự truy tố về việc phạm các điều lệ trên đây sẽ được đưa ra trước Tòa án Cảnh sát Khinh tội

---

(1) Le Régime de la presse, Rapport de M. Salles, Inspecteur de Colonies, Hanoi le 3 Mars, 1898.

(Tribunaux de la Police Correctionnelle). Ông Nguyễn An Ninh còn xác nhận rằng mỗi số báo trước khi phát hành phải bị kiểm duyệt và bị ngăn cấm đề cập đến các vấn đề có liên quan đến chính trị.

Ông Nguyễn An Ninh còn viết: *"Sự cho phép trước của viên Toàn Quyền như vậy trên thực tế rất khó mà xin được. Và sự cho phép trước này hình như chỉ xin được có một lần cho một người Việt Nam là ông Nguyễn Kim Đính, giám đốc tờ Công Luận Báo, nhưng ông này xin được là nhờ sự giúp đỡ của một người Pháp, một nhân vật chính trị có ảnh hưởng lúc bấy giờ là ông De Lachevrotière, giám đốc tờ báo tiếng Pháp L'Opinion. Vì lý do trên, lúc bấy giờ chúng ta thấy là nếu một người Pháp được sự cho phép trước của viên toàn quyền để lập ra một tờ báo, họ có thể cho một người Việt Nam mướn để khai thác. Đó cũng là một cách để bóc lột những người làm báo Việt Nam".* (1)

Điều 5 và 6 của sắc luật 1898 còn chứa đựng những biện pháp nhằm ngăn cấm những vụ "phỉ báng" của những tờ báo Pháp chống lại chính quyền của họ. Vì như thế sẽ cho những người Á châu có những cơ hội tốt để vùng dậy: *"Tất cả những sự thúc đẩy người dân bản xứ và những người Á châu khác vùng dậy chống lại chính quyền Pháp bởi những người châu Âu hay những người lấy quốc tịch Âu châu bằng những phương tiện được ghi rõ trong điều khoản 23 của đạo luật ngày 29-7-1881 sẽ bị truy tố theo đúng điều 25 của đạo luật nói trên".* Mặt khác, sự đem bán, phân phát hay triển lãm bởi những người Âu châu hay những người lấy quốc tịch châu Âu, những hình vẽ, những đồ điêu khắc, những bức họa hay tất cả những hình ảnh có thể đưa đến việc làm mất sự kính trọng chính quyền Pháp ở Đông Dương, sẽ bị phạt bởi những hình phạt ghi rõ trong điều 28 của đạo luật ngày 29-7-1881.

Như vậy, chúng ta thấy rằng nội dung của sắc luật ngày 30-12-1898 hoàn toàn trái ngược với tinh thần của đạo luật ngày 29-7-1881 về vấn đề tự do báo chí. Sắc luật trên đã công khai hủy bỏ điều 5 của đạo luật 1881 cho phép tất cả những tờ báo đều được xuất bản ở Nam Kỳ, nơi mà mọi người đều có quyền hưởng tất cả những quyền lợi của người Pháp ở mẫu quốc, đúng theo tinh thần của sắc lệnh ngày 25-5-1881.

Về phương diện pháp lý, một sắc lệnh có thể nào hủy bỏ một đạo luật do Quốc hội ban hành? Trên nguyên tắc, muốn thay đổi hay hủy bỏ một đạo luật cần có một đạo luật khác, bất cứ một cơ quan hành chính nào dù cao cấp đến đâu cũng không có thẩm quyền để hủy bỏ đạo luật do Quốc hội ban hành.

Sự hạn chế tự do báo chí này kéo dài đến năm 1938 mới được nới lỏng phần nào khi sắc lệnh ngày 30-8-1938 được ban hành nhằm hủy bỏ sắc lệnh ngày 30-12-1898 kể trên, nhưng báo chí Việt Nam trong khoảng thời gian trước 30-8-1938 còn phải chịu một tình trạng bi đát hơn là luật ngày 5-8-1914 về tình trạng chiến tranh, trong đó có việc kiểm soát báo chí (sẽ đề cập ở phần sau).

---

(1) *Nguyễn An Ninh, La France en Indochine.* Imp.A et F.Debeauve, Paris, 1923, tr.16.

Xem như vậy trong thời kỳ Pháp thuộc, làng báo Nam Kỳ đã gặp quá nhiều khó khăn, điển hình nhất là các báo bị đóng cửa, ký giả bị trục xuất, bị đưa ra tòa, luật lệ báo chí quá phức tạp mà lại áp dụng không đồng nhất tại 3 miền Bắc, Trung, Nam trên cùng một quốc gia.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ Ở CÁC XỨ BẢO HỘ : BẮC KỲ VÀ TRUNG KỲ

Chúng ta biết rằng chế độ chính trị ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ là chế độ chính trị của một xứ bị bảo hộ, khác với Nam Kỳ là một thuộc địa của Pháp; do đó chế độ báo chí ở hai xứ này dĩ nhiên có phần khác nhau.

Ở Nam Kỳ, người làm báo được hưởng về phương diện nào đó, những quyền lợi của đạo luật ngày 29-8-1881 về tự do báo chí. Ở miền Bắc, những đồng nghiệp của họ, trong những cuộc bút chiến gay go chống lại chính quyền địa phương, đã có ý lợi dụng tất cả những đặc quyền do đạo luật 1881 ban cho. Vì lý do đó, đối với nhà cầm quyền Pháp bấy giờ là một mối lo ngại lớn, vì những cuộc bút chiến chống chính phủ Pháp đã làm tổn thương không ít uy tín của họ trước mắt người dân Việt.

Trong một bức thư gởi cho ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp ở Paris ngày 2-2-1889, Richaud, Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ đã xác nhận điểm này (1):

---

(1) Thư của ông Richaud Toàn quyền Đông Dương gởi cho Tổng trưởng Thuộc địa Pháp, Hà Nội ngày 02-02-1889

"Đạo luật 1881 không thể thực hiện được ở đây (Bắc Kỳ và Trung Kỳ) và cái tính cách tự do của nó đã làm cho chúng ta bó tay trong rất nhiều trường hợp: trên lãnh thổ được nhượng bộ bởi vua An Nam này, nên nhớ một điều là chúng ta không sống trên một thuộc địa, nơi mà chúng ta có thể hưởng tất cả những quyền lợi quốc gia và hành chánh, chúng ta cũng không phải đang sống ở một nước bảo hộ thường mà nơi ấy chúng ta chỉ có một việc làm là bảo vệ kiều dân của chúng ta. Vì lý do đó mà chúng ta hiểu tại sao báo chí hay những bích chương phải theo đúng với những điều kiện thích hợp trong một nước bảo hộ và cũng là một cách để chúng ta có thể đề phòng những gì không hay rất có thể xảy ra?"

Vì lý do trên, thể theo lời đề nghị của viên Toàn quyền Đông Dương, một Ủy ban Tư vấn Tố tụng của Hải quân và Thuộc địa (Le Comité Consultatif du Contentieux de la Marine et des Colonies) đã được nhóm họp vào ngày 25-3-1889 để giải quyết vấn đề này. Sau phiên họp, một bản thông cáo chung đã được công bố. Theo nội dung của bản thông cáo này thì luật pháp về vấn đề tự do báo chí (với đạo luật ngày 29-7-1881) đã được tuyên bố và áp dụng ở Algérie và các thuộc địa khác. Và vì rằng đạo luật này đã được thi hành ở bất cứ một thuộc địa nào và nó không tự động được áp dụng ở các nước bảo hộ, cho nên người ta có thể giải thích sự kiện trên bởi lý do là các thuộc địa Pháp lúc bấy giờ đã được xem như những bộ phận gắn liền vào mẫu quốc. Sự kiện này không giống như trường hợp của các nước bảo hộ tức là nơi mà nước Pháp chỉ giữ quyền kiểm soát và tự chủ được ghi rõ bởi các hiệp ước được ký kết giữa Pháp và các quốc gia này, và vì những hiệp ước này, thay đổi tùy nơi và tùy trường hợp cho nên chúng ta không thể tự động áp dụng ở những xứ này đạo luật về tự do báo chí giống như ở mẫu quốc được (1).

Mặt khác, theo các điều khoản của sắc lệnh ngày 27-1-1886, sự bảo hộ ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ đối với Pháp đã tạo nên một cơ sở đặc biệt, tự lập, có một lối tổ chức riêng, một ngân sách riêng và những phương tiện riêng... Tình trạng này đã không thay đổi chút nào dù tương đối, với sắc lệnh ngày 17-10-1887 về cách thức tổ chức ở Đông Dương, nó có mục đích và tác dụng là thực hiện việc thống nhất các quốc gia khác tạo nên xứ Đông Dương, mà sắc lệnh trên chỉ chú trọng đến một vài thành phần và một vài cơ sở đặc biệt của nền hành chính Pháp ở Đông Dương lúc bấy giờ, và hậu quả của nó là chế độ báo chí cũng không có gì thay đổi sau khi cho ban hành hai sắc lệnh trên.

Tuy nhiên, theo hiệp ước được ký kết vào ngày 6-6-1884 giữa Pháp và triều đình Huế, thì một viên khâm sứ (Résident Général) đại diện cho chính phủ Pháp kiểm soát và điều khiển tất cả những liên lạc ngoại giao của triều đình Huế, và bảo đảm sự điều hành của nền bảo hộ; và theo tinh thần của sắc lệnh ngày 27-1-1886, viên khâm sứ này nắm giữ hết tất cả những quyền hành của Pháp ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Từ khi 5 xứ Đông Dương họp thành một Liên Hiệp Pháp, viên khâm sứ trên vẫn tiếp tục nắm giữ hết tất cả quyền hành của chính phủ Đông Pháp, chính ông ta đã bảo đảm hết tất cả những vấn đề trật tự và an ninh trong những điều kiện thích hợp ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Riêng về báo chí Việt Nam thì theo nội dung của bản thông báo ngày 5-4-1889 thì *"vì thiếu một luật pháp ban hành bởi nhà vua để nói rõ về vấn đề một chế độ báo chí trong những điều kiện có thể làm thỏa mãn những quyền lợi của người Pháp"* cho nên viên Toàn quyền Đông Dương đã giao cho viên khâm sứ nắm giữ tất cả những biện pháp cần thiết để đảm bảo nền an ninh ở các xứ bảo hộ này để đối đầu với các báo chí địa phương.

Do đó, luật báo chí ở Bắc Kỳ đã cho chúng ta thấy rằng việc phát hành báo chí đã được ấn định và cho phép bởi viên khâm sứ với chức vụ kiêm nhiệm kinh lược; chính điều 76 của nghị định ngày 9-5-1922 đã nói rõ đến việc kiểm soát các nhà in và phát hành báo chí. Mặt khác, đối với những nhà báo người Pháp theo điều 10 của hiệp ước ngày 6-6-1884 thì chỉ có những tòa án Pháp mới có đủ thẩm quyền để xét xử những vụ vi phạm luật lệ báo chí nếu những người vi phạm là những công dân Pháp, những người có quốc tịch Pháp hay những người ngoại quốc khác (1).

Mỗi tờ báo phải có một viên quản lý chịu trách nhiệm (điều 7 Nghị định ngày 9-5-1922). Khi phát hành báo, phải nạp ở văn phòng viên chủ tỉnh 2 số báo có ký tên quản lý (điều 10). Và cứ cuối tháng những báo nạp bản như vậy sẽ phải gửi đến các văn khố và thư viện Hà Nội trong những điều kiện được ấn định bởi điều 3 của nghị định ngày 31-1-1922.

---

(1) Séance du 25 Mars 1889 du Comité Consulatif du contentieux de la Marine et des Colonies.

(1) Journal Officiel de L'Indochine, N04 du 17 Janvier 1928, p.113.

Trong những năm 1927-1945: Sau khi những cơ sở cai trị đã được thiết lập khá vững vàng, nhà cầm quyền Pháp ra Sắc lệnh số 3367 ngày 4-10-1927 quy định chế độ báo chí ở Đông Dương trừ Nam Kỳ là xứ thuộc địa đã được hưởng tự do báo chí của Luật 1881. Thật ra sắc lệnh này đã dựa vào toàn bộ từ hình thức đến nội dung của Luật 1881 với những sửa đổi cho thích hợp với ý muốn hạn chế tự do ngôn luận và tự do báo chí tại các xứ bảo hộ. Từ đó, sắc luật này là văn kiện căn bản chi phối báo chí ở hai xứ bảo hộ: Trung và Bắc Kỳ. Sắc lệnh này được áp dụng ở Bắc Kỳ do Nghị định ngày 10-1-1928 và ở Trung Kỳ do Nghị định ngày 20-12-1927. Các nhà cầm quyền thời đó chủ trương rằng về các vi phạm báo chí, ngoài các khinh tội và trọng tội có dự liệu hình phạt trong sắc luật, tòa án vẫn có thể áp dụng các điều luật hình trong các bộ luật canh cải của Bắc và Trung Kỳ. Và qua những vụ án báo chí thời này, người ta thấy những điều 68, 69, 71, 74 và 328 ở bộ hình luật Bắc Kỳ và các điều 104, 107, 108 và 424 vẫn có hiệu lực đối với tòa án,

Trong giai đoạn này, giai đoạn có thể nói là toàn thịnh của báo chí Việt Nam. Những tờ báo kỳ cựu như *Nam Phong, Trung Bắc Tân Văn* tiếp tục nhiệm vụ thông tin và đăng tải những công trình khảo cứu với mục đích giáo hóa quần chúng. Một số báo khác ra đời nhằm cải tiến nghề nghiệp như tờ *Đông Tây* (1929) của Hoàng Tích Chu, tờ *Hà Thành Ngọ báo* (1927) của Bùi Xuân Học, hoặc cải tạo xã hội như tờ *Phong Hóa* (1932) của Phạm Hữu Ninh và Nguyễn Tường Tam, hoặc tranh đấu chống giai cấp thống trị và tư bản như tờ *Le Travail* (1935) của Trịnh Văn Phú và Khuất Duy Tiến, v.v..

Loại báo tranh đấu này dựa vào tinh thần của dân chúng đòi dân quyền và thế lực của Mặt trận Bình dân nắm chính quyền ở Pháp hồi đó khiến các nhà cai trị địa phương phải chú ý. Họ cố gắng vận động để chính phủ Pháp ra Sắc lệnh ngày 12-8-1936 quy định sự trừng trị việc loan tin thất thiệt ở các lãnh thổ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào và Campuchia. Sắc lệnh này đã được Toàn quyền ban hành ngày 17-9-1936.

Ít lâu sau, nước Pháp lâm vào Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Các nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương, một mặt phải đương đầu với các lực lượng hùng mạnh của Nhật Bản lúc đó đang mở rộng phạm vi hoạt động trong vùng Đông Nam Á, mặt khác phải đối phó với các luồng dư luận của dân tộc Việt Nam đang muốn thoát khỏi xiềng xích nô lệ. Họ đã đưa ra và thi hành hàng loạt văn kiện ấn định những biện pháp đối phó với báo chí và các ấn loát phẩm trong tình trạng chiến tranh. Sắc luật ngày 24-8-1939 về việc kiểm soát đề phòng "những ấn loát phẩm, hình vẽ và các bản viết để in hoặc dùng trong các buổi phát thanh và các buổi chiếu bóng. Sắc luật ngày 1-9-1939 trừng trị sự phổ biến những tin tức có hại cho tinh thần quân đội và dân chúng. Dụ số 78 ngày 15-1-1940 truy tố những tác giả đưa ra những tin tức có lợi cho các cơ quan ngoại quốc chống lại nước Pháp, chống lại "Hoàng triều An Nam" hoặc gây ảnh hưởng xấu cho tinh thần quân đội và dân chúng. Luật ngày 13-12-1941 buộc phải xin phép trước tất cả những nhật báo và báo định kỳ trong các lãnh thổ thuộc quyền Bộ Thuộc địa Pháp (1).

Tiếp theo đó, chính phủ Pháp ở Đông Dương liên tiếp ban hành 2 sắc lệnh: Sắc lệnh ngày 6-5-1944 đề cập đến chế độ báo chí trong thời gian chiến tranh và Sắc lệnh ngày 24-11-1944 liên quan đến chế độ báo chí ở các thuộc địa Pháp.

Trên đây là một vài nét chính về chế độ báo chí ở Nam Kỳ và những xứ bảo hộ. Nhân tiện chúng ta thử thêm vào một vài nhận xét về chế độ báo chí trong thời kỳ chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất (1914-1918) và tình trạng giới nghiêm mà báo chí Đông Dương đã trải qua vào thời bấy giờ.

V. TÌNH TRẠNG GIỚI NGHIÊM TRONG THỜI GIAN CHIẾN TRANH 1914-1918.

Trước Chiến tranh thế giới 14-18, đạo luật ngày 5-8-1914, được áp dụng ở Đông Dương ngày 30-5-1914, đã quy định những biện pháp khá gắt gao hầu đối phó với tình trạng báo chí trong thời chiến. Đạo luật này ngăn cấm việc phổ biến tất cả những tin tức không do chính phủ hay vị chỉ huy trưởng quân đội cung cấp, cấm đăng những tin tức nào có liên quan đến vấn đề quân sự hay ngoại giao có lợi cho địch và gây ảnh hưởng không tốt cho tinh thần binh sĩ và dân chúng (2).

---

(1) Báo chí Tập san, Bộ I, số 2, Hạ 1968, Sài Gòn, tr. 63, 64

(2) Dương Văn Giáo. L'Indochine pendant la guerre 14-18. Thèse pour le doctorat Faculté de Droit Paris 1925. Tr..374.

Đạo luật ngày 5-8-1914 vừa nói chỉ là một lợi khí của chính quyền đối với báo chí trong thời chiến.

Ông Outrey, nghị sĩ Đông Dương ở quốc hội Pháp, đã cho rằng việc duy trì tình trạng giới nghiêm ở Đông Dương lúc bấy giờ với mục đích duy nhất là bịt miệng báo chí Đông Dương. Ông ta đã viện cớ vì những phong trào phản đối chính phủ, vì vấn đề an ninh quốc gia, v.v... tự do báo chí Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh 14-18 đã hầu như hoàn toàn bị bãi bỏ trước sức mạnh của phòng kiểm duyệt báo chí Pháp lúc bấy giờ.

TÌNH TRẠNG GIỚI NGHIÊM VÀ NỘI VỤ TỜ OPINION

Tình trạng giới nghiêm đã được thiết lập ở Đông Dương trong thời kỳ chiến tranh 1914-1918. Và tình trạng đặc biệt này trên nguyên tắc phải được áp dụng cho tất cả báo chí xuất bản ở Việt Nam, báo Việt lẫn báo Pháp. Do đó chúng ta thấy là mặc dù những tờ báo Pháp hưởng một chế độ báo chí khá tự do so với những tờ báo bằng tiếng Việt, báo chí Pháp đôi khi cũng gặp phải những "đòn sấm sét" của chính quyền Pháp ở Đông Dương, nhất là vào thời kỳ chiến tranh. Một tình trạng giới nghiêm được long trọng tuyên bố và nhất là trước sự quá "lộng hành" của báo chí Pháp, chính quyền Pháp lúc bấy giờ đã không ngần ngại lợi dụng biện pháp đặc biệt này để đàn áp ngay những tờ báo Pháp. Trường hợp điển hình là tờ *Opinion*, đã gây tiếng vang lớn trong toàn quốc và ngay ở Pháp nữa.

Phải chăng tờ *Opinion* đã vi phạm đạo luật ngày 5-8-1914 về tình trạng giới nghiêm đã được áp dụng ở Đông Dương ngày 30-9-1914 trong việc cho đăng một loạt bài để chống lại chính quyền Pháp lúc bấy giờ ? Chúng ta không biết điều này đúng hay sai. Tuy nhiên, theo chính quyền thì tờ báo này đã tiết lộ những tin tức quân sự có lợi cho địch. Qua những bài viết đăng trên tờ *Opinion*, người ta có thể biết được một số tàu chiến Pháp và đồng minh đã được tập trung ở ngoài khơi biển Nam Hải và một số tàu khác đã rời bờ biển Việt Nam sang Pháp mang theo quân lính và những dụng cụ chiến tranh; sự tiết lộ này, theo nhà cầm quyền Pháp, rất nguy hiểm, vì những chiếc tàu Đức "Emden" và "Koengberg" đậu sẵn ở Ấn Độ Dương, có thể nhận được những tin tức do các gián điệp Đức đánh đi bằng điện tín từ các nước lân cận. Mặt khác, tờ *Opinion* đã cho đăng một loạt bài chống chính phủ Đông Pháp lúc bấy giờ nhất là những bài nói đến việc nhà cầm quyền Pháp đã cho bắt một số lính Việt Nam sang đánh giặc ở Âu châu.

Vì lý do trên, hai nhà báo đã bị bắt ngày 20-11-1914, người thứ nhất là ông Héloury, giám đốc tờ *Opinion*, 2 tháng tù và 1000 quan tiền phạt; và người thứ hai, ông Devilar, chủ bút, 3 tháng tù và 1000 quan tiền phạt, viện cớ là 2 nhà báo trên đây đã vi phạm đạo luật về tình trạng giới nghiêm được áp dụng ở Việt Nam ngày 30-9-1914.

Sau khi 2 nhà báo của tờ *Opinion* bị bắt, tất cả báo chí đều đồng lòng đứng lên phản đối chính quyền, chẳng những ở Việt Nam mà ngay cả ở Pháp nữa. Ở trong Nam, tờ *Le Courrier Saigonnais, Le Réveil Saigonnais, Le Nouvelliste Cochinchinois* và tờ *Le Saigon-sportif*; ngoài Bắc những tờ như *L'Avenir du Tonkin, L'Indépendence Tonkinoise* và tờ *Le Courrier d'Haiphong*... Các

nhà báo trong Nam lẫn ngoài Bắc đã kêu gọi tất cả các bạn đồng nghiệp gởi bức kháng thư cho viên biện lý và kêu gọi biện lý cuộc Đông Dương phải tôn trọng quyền tự do tư tưởng của những người cầm bút. Và ngay ở Pháp, vụ này cũng đã được các báo ở đây đề cập tới ; chẳng hạn tờ *Les Annales Coloniales* ra ngày 9-1-1915 đã lên giọng phản đối chính quyền Pháp ở Đông Dương và bênh vực đồng nghiệp của mình bằng những luận điệu như sau:

"Việc ban hành đạo luật ngày 5-8-1914 có phải chăng đã hợp pháp khi nó được áp dụng ở Đông Dương ? Có điều chúng ta nên nhớ rằng:

1. Tình trạng giới nghiêm không có ở Đông Dương.

2. Không có điều khoản nào của đạo luật trên đã nói đến việc quốc phòng ở Đông Dương.

3. Đông Dương chưa bao giờ bị trực tiếp đe dọa bên ngoài cũng như bên trong kể từ ngày 31-7-1914...

Như vậy, vì lý do gì 2 nhà báo trên bị bắt? Theo tờ Les Annales Coloniales thì 2 nhà báo trên đã cho in một số đặc biệt (tháng 3-1914) gồm 22 trang, trong đó tác giả đã tố cáo, với những bằng có chắc chắn, chính sách lừa bịp của Albert Sarraut.. họ đã có can đảm đứng lên chống lại những việc làm của chính phủ từ khi có chiến tranh; họ đã tổ chức những buổi diễn thuyết ở Paris để phản đối việc chính phủ Pháp muốn nhường Đông Dương lại cho Đức..."

Cuối cùng chính phong trào phản đối lan rộng này đã khiến cho nhà cầm quyền Pháp trả lại tự do cho 2 nhà báo trên và tờ *Opinion* vẫn tiếp tục phát hành.

VI. NGHIỆP ĐOÀN BÁO CHÍ THUỘC ĐỊA

Với sự cho phép của viên Toàn quyền Đông Dương, Albert Sarraut, Nghiệp đoàn báo chí thuộc địa đã được thành lập tại Sài Gòn ngày 8-9-1917. Hội viên danh dự của nghiệp đoàn này gồm có: ông Albert Sarraut và ông Outrey, nghị sĩ Nam Kỳ.

Nghiệp đoàn này được lập ra để bảo vệ quyền lợi của nhà làm báo (điều 2, chương I). Nghiệp đoàn có nhiệm vụ phải giúp đỡ những hội viên khi họ phạm luật và bị truy tố trước tòa án, hoặc hơn nữa trong những trường hợp hội viên bị bệnh hay bị nợ nần. Nghiệp đoàn đóng vai trò trung gian trong những cuộc hòa giải giữa các hội viên nếu có những tranh chấp xảy ra. Trụ sở chính của nghiệp đoàn này đặt tại Sài Gòn và vị chủ tịch là ông Lucien Héloury và phó chủ tịch là ông Nguyễn Văn Của.

Nhưng mãi đến năm 1937, một tổ chức của các nhà báo tiến bộ đấu tranh cho quyền tự do ngôn luận mới triệu tập được Hội Nghị Báo Giới.

"Từ ngày 15-1-1937, báo Nhành Lúa trong số ra mắt đã đăng lời kêu gọi của 17 nhà báo, trong đó có những cây viết Cộng sản nổi tiếng như Hải Triều, Nguyễn Chí Diểu, Lâm Mộng Quang,... về triệu tập một hội nghị báo giới Trung Kỳ. Ngày 23.3 báo Nhành Lúa lại đứng ra tổ chức một cuộc họp trù bị tại trụ sở Hội ở Quảng Trị (Huế) và được những nhà chí sĩ nổi tiếng như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng gửi thư cổ vũ."

"8 giờ sáng ngày 27-3-1937 trong khuôn khổ một cuộc họp công khai được phép của nhà cầm quyền, Hội Nghị Báo Giới Trung Kỳ đã khai mạc tại "Đông Pháp lữ quán" (7 Đông Ba, Huế) với 70 đại biểu của các báo Trung Kỳ và đại biểu báo chí cách mạng của Bắc Kỳ (Võ Nguyên Giáp của tờ Rassemblement và Hà Huy Giáp của tờ Tiếng Trẻ). Hội nghị đã thông qua những chương trình nghị sự: kêu gọi lập một mặt trận thống nhất của người làm báo ở Đông Dương, yêu cầu được tự do xuất bản... và thành lập Hội Ái hữu Báo giới Trung Kỳ. Trên cơ sở kết quả của Hội nghị này, ngày 30.3.1937, một Ủy ban thường trực bàn về việc chuẩn bị hội nghị báo giới toàn quốc đã được triệu tập gồm 12 người, nhưng sau đó chính quyền thực dân tìm cách đối phó quyết liệt ra lệnh cấm mọi hoạt động nhằm thực hiện những mục tiêu mà Hội nghị đã đặt ra. Sự kiện này mở đầu cho cuộc vận động mở hội nghị báo giới ở các địa phương khác."(1)

"Tiếp theo hội nghị báo giới Trung Kỳ, ngày 12.4.1937 tại báo quán *Tương Lai* một cuộc họp của 18 tờ báo thuộc nhiều xu hướng khác nhau mà hạt nhân là các tờ báo Cộng sản (*Le Travail, Rassemblement, Hà thành thời báo,...*) đã ra thông cáo về việc triệu tập một hội nghị báo giới Bắc Kỳ nhằm mục tiêu đòi tự do báo chí và vận động thành lập tổ chức báo giới thống nhất trên toàn quốc. 18 giờ 30 ngày 24-4-1937, trên 200 người làm báo đã tới dự cuộc Hội nghị Báo giới Bắc Kỳ họp tại Hội Quán Thể Thao (Cercle Sportif Annamite, nay là Câu Lạc Bộ Quân Đội, đường Hoàng Diệu, Hà Nội). Tại Hội nghị, Hải Triều đại biểu báo giới Trung Kỳ đã trình bày việc thành lập một mặt

---

(1) Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1945*, Hà Nội 1989, tr. 39, 40

trận thống nhất báo giới. Hội nghị đã cử ra một ban biên tập gồm 7 người (trong đó có Trần Huy Liệu, Đào Duy Kỳ, Nguyễn Đức Kính) và Ủy Ban Quản Trị (trong đó có Võ Nguyên Giáp, Phan Tử Nghĩa, Nguyễn Mạnh Chất). Các cơ quan này có nhiệm vụ giao thiệp với báo giới Trung Kỳ và Nam Kỳ và sẽ giải tán khi thực hiện được việc thành lập một tổ chức chung của báo giới cả nước. Hội nghị cũng dự kiến sẽ triệu tập một cuộc họp tiếp theo vào ngày 25-4-1937, nhưng cuộc họp đã bị chính quyền bảo hộ không cho phép, kèm theo hàng loạt những cuộc khủng bố nhằm vào các tờ báo cách mạng như: rút giấy phép tờ *Tương Lai* (28.4), bắt giữ nhân viên báo *Le Travail*. Cho đến 20 giờ ngày 9.6.1937, cuộc họp thứ hai mới triệu tập được, với sự có mặt của 134 nhà báo Bắc Kỳ, Hội trưởng nghiệp đoàn báo giới Nam Kỳ (Nguyễn Văn Sâm), và đại diện báo giới Trung Kỳ. Hội nghị đã bầu ra một Ủy ban quản trị thường trực gồm 19 ủy viên chính thức và 5 dự khuyết trong đó có Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu và Khuất Duy Tiến. Ủy ban này tiếp tục sứ mạng vận động thành lập tổ chức báo giới chung cả nước đấu tranh cho tự do báo chí. Chính quyền thực dân tìm mọi cách phá hoại cuộc vận động, dùng bọn bồi bút khiêu khích, chia rẽ phong trào...(1)

Nhưng mãi đến ngày 27-8-1938, hội nghị báo giới ở Nam Kỳ mới được triệu tập tại Sài Gòn (Hôtel des Nations) với sự có mặt của đại biểu báo giới 3 miền. Đáng lẽ cụ Huỳnh Thúc Kháng khai mạc nhưng cụ bị bệnh, ông Nguyễn Văn Trấn đọc diễn văn: "*...Từ trước đến giờ tôi có thấy chính phủ thuộc địa cùng vua chúa xứ này có nệ một phương pháp khốc hại nào đâu để đàn áp ngôn luận người dân? Làm như thế tưởng đâu đã dập tắt đặng ngòi dư luận, trái lại người ta chỉ gây thêm sự oán hận để làm cho dân chúng càng cảm thấy tự do ngôn luận là cần thiết...*"(1)

Một trong những mục tiêu chính của hội nghị báo giới này là tranh đấu cho báo chí Việt ngữ được hưởng quy chế "tự do báo chí" y như báo Pháp ngữ.

Một tuần sau khi có các sự kiện nêu trên, ngày 30-8-1938, tổng thống Pháp ra sắc lệnh bãi bỏ các điều 2 và điều 4 trong sắc lệnh 30-12-1898, có nghĩa là từ đây việc xuất bản báo chí, kể cả bằng tiếng Việt được tự do, không phải xin phép, mà chỉ cần báo trước cho chính quyền Pháp 24 giờ đồng hồ. Sắc lệnh này chỉ áp dụng riêng cho Nam Kỳ.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, khi chiến tranh bùng nổ, sắc lệnh này đã bị hủy bỏ bởi một văn bản ký ngày 26-9-1939 và với đạo luật ngày 13-12-1941 của chính phủ Pháp về việc thủ tiêu điều 5 của đạo luật về tự do báo chí. Như vậy là trên toàn Đông Dương kể từ đây tất cả các tờ báo (kể cả báo chí viết bằng tiếng Pháp) đều phải xin phép nhà cầm quyền khi ra báo và chịu sự kiểm duyệt chặt chẽ, cũng như những hình phạt nặng nề khi vi phạm.

Điều này chứng tỏ, báo chí, một thứ phong vũ biểu chính trị xã hội tự giác hay không tự giác đã

---

(1) Theo Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1945*, tập 4, nxb KHXH, Hà Nội, 1989, trang 39, 40, 41, 42.

---

(1) Nguyễn Văn Trấn, *Chúng Tôi Làm Báo*, NXB Văn nghệ TP.Hồ Chí Minh, 1981

phản ảnh ít nhiều thực trạng kinh tế xã hội chính trị Việt Nam thời bấy giờ và thái độ của chính quyền thuộc địa đối với báo chí cũng đã biểu lộ khá rõ rệt quan điểm của họ đối với những diễn biến quan trọng của thời cuộc.

*
* *

Để kết luận cho chương nói về chế độ báo chí trong thời kỳ thuộc địa này, chúng ta có thể nói rằng chế độ báo chí đã được áp dụng một cách tương đối khá tự do đối với báo chí Pháp, nhưng ngược lại, báo chí Việt Nam, trong suốt thời kỳ lệ thuộc đã chịu một sự kiểm soát khá gắt gao. Đạo luật ngày 29-7-1881 về vấn đề tự do báo chí chỉ được áp dụng cho các tờ báo bằng tiếng Pháp mặc dầu trên nguyên tắc đạo luật trên phải được áp dụng cho tất cả các tờ báo xuất bản ở Đông Dương. Hơn thế nữa báo chí Việt Nam còn phải bị kềm chế bởi sắc luật ngày 30-12-1898, bắt buộc báo chí Việt Nam phải có một sự xin phép trước và nó cấm chỉ sự phát hành tất cả những tờ báo nào có tính chất chính trị. Thí dụ điển hình nhất cho trường hợp này là tờ *La Cloche Fêlée* của ông Nguyễn An Ninh. Vị giám đốc của tờ báo này đã viết như sau: *"Chính phủ thuộc địa đã dùng hết tất cả phương tiện để đàn áp những tờ báo bằng tiếng Việt. Thí dụ: cấm tất cả những nhà in, ấn hành những tờ báo nào nói đến chính trị, cấm các công chức đọc những tờ báo ấy, hơn nữa chính phủ thuộc địa đã kiểm soát tất cả những thư từ gởi cho những nhà báo để biết tên họ của những người mua báo/. Ông Nguyễn An Ninh nói tiếp, La Cloche Fêlée, tức là tờ báo mà tôi đã đặt tên cho nó là "cơ quan phổ biến những tư tưởng Pháp" đã gặp không biết bao nhiêu là khó khăn; tôi có thể nói rằng những biện pháp kềm chế của chính phủ đã làm cho tờ báo của tôi gặp rất nhiều cản trở về vấn đề tài chính nhất là tờ báo này lại không có đủ vốn để mua nổi một nhà in; và biện pháp trên của chính phủ còn làm cho tờ báo tôi mất đi một số những người mua. Hơn thế nữa chúng tôi còn gặp những trường hợp nguy hiểm khác như tôi đã bị tố cáo là cộng sản và tờ báo của Nghị sĩ Outrey đã không ngần ngại tố cáo tôi như là người chủ mưu trong vụ ám sát hụt viên Toàn quyền Merlin ở Quảng Châu vừa qua. La Cloche Fêlée không phải chỉ là một nạn nhân..."* (1)

Trên đây là một vài nét đại cương về chế độ báo chí ở Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc từ năm 1865 đến năm 1945.

---

(1) Nguyễn An Ninh, *La France en Indochine*, Paris 1923, tr.16.

CHƯƠNG III

GIAI ĐOẠN KHỞI ĐẦU CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM THỜI KỲ TỪ 1865 ĐẾN 1907

Chính quyền Pháp muốn dùng báo chí để phổ biến nền văn minh của họ và nhờ vào phương tiện mới và hữu hiệu này họ có thể lưu ý và phô trương những thay đổi mới mẻ mà chính quyền mới đang đem đến và làm thay đổi tất cả hệ thống hành chính cổ truyền Việt Nam. Việc phô trương này nhắm vào các thành phần trí thức người bản xứ.

Báo chí Việt Nam dù xuất hiện ở Nam Kỳ và sau đó ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ đều nhằm vào hai mục tiêu sau:

- Mục đích của nhà cầm quyền thuộc địa là muốn dùng báo chí như một công cụ tuyên truyền hữu hiệu nhất nhằm ổn định Nam Kỳ sau cuộc chinh phục bằng quân sự.

- Phổ biến tin tức có liên quan đến những sự thay đổi hay những thực hiện của chính phủ cho dân chúng biết, kể cả những người Pháp ở Việt Nam lúc bấy giờ.

I. BÁO CHÍ VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 1865

Trước khi tờ báo đầu tiên ở Việt Nam được phát hành bằng Việt ngữ xuất hiện năm 1865, chúng ta đã thấy có ba tờ báo khác ở Nam Kỳ. Đó là: *Le Bulletin Officiel de l'Expédition de la Cochinchine*, *Le Bulletin des Communes* và *Le Courrier de Saigon*.

1.1. *Le Bulletin officiel de l'Expédition de la Cochinchine (Nam Kỳ Viễn Chinh Công Báo)*

Khi đến Sài Gòn, Đô đốc Bonard đã đem theo một máy in và một số thợ in. Đầu tiên, ông cho phát hành ngày 29-9-1861 (1), tờ báo được xem như là một phương tiện duy nhất để tiếp xúc giữa chính quyền Pháp và dân chúng địa phương, đó là tờ *Le Bulletin Officiel de l'Expédition de la Cochinchine*, báo viết bằng tiếng Pháp trong đó có ghi rõ: "*Những việc làm của vị chỉ huy trưởng (tức là Thống đốc Nam Kỳ lúc bấy giờ), được phát hành mỗi tuần một lần, gồm có những nghị định, những thông tư,... hầu lưu ý những nhân viên quân sự cũng như dân sự của chính phủ, người dân sống ở Nam Kỳ đặt dưới quyền cai trị của người Pháp...*". Tờ báo trước tiên được giao cho Đô đốc Bonard đảm nhiệm đến số 173. Tờ báo này được đặt dưới sự kiểm soát của một Ủy ban Quốc phòng cho tới ngày nó bị đình bản vĩnh viễn vào năm 1888. Báo có kích thước gần giống như những tờ công báo Pháp đương thời.

---

(1) Theo tài liệu viết tay tìm thấy được ở Văn Khố Quốc gia Pháp: Le Bulletin Officiel de l'Expédition de la Cochinchine (1861- 1862), code: Indoch. Doc (2). Carton 48, Archives Nationales de Paris.

1.2. Le Bulletin des Communes (Xã Thôn Công Báo)

Vì mới đến Việt Nam nên người Pháp chưa có sự tiếp xúc thường xuyên và trực tiếp với người dân bản xứ, vì tiếng Pháp còn là một ngôn ngữ rất xa lạ với dân chúng Việt Nam lúc bấy giờ, nhất là đối với quan lại Việt Nam không biết một ngôn ngữ nào khác ngoài chữ Hán. Vì muốn phổ biến và thông tin cho người dân biết những quyết định cũng như những sự cải cách của chính quyền mới, chính phủ Pháp đã cho ra đời thêm một tờ báo thứ hai vào năm 1862 in bằng chữ Hán, đó là tờ *Le Bulletin Des Communes.* Tờ báo này sau khi in xong được gửi đi khắp các làng xã Việt Nam và nhờ vậy chính quyền các địa phương có thể theo dõi và biết được những huấn thị của chính quyền trung ương. Tờ báo còn nhằm vào việc "*Giúp cho người dân hiểu rõ quyền lợi và bổn phận của họ, những biện pháp thi hành của viên Thống đốc chỉ huy trưởng hầu thiết lập một nền an ninh trật tự cho xứ sở và gây sự thịnh vượng chung cho toàn dân...*" (1).

1.3. Le courrier de Saigon (Sài Gòn thư tín)

Tuy nhiên, hai tờ báo trên đây vẫn chưa thỏa mãn hết nhu cầu mới của một nước vừa được chinh phục. "*Để thực hiện những việc làm mới, chúng ta thấy không có một phương tiện nào hay hơn ngoài việc quảng bá*". Vì lý do này, một tờ thứ ba được thành lập ngày 1-1-1864, in ở nhà in của chính phủ. Tờ này ngoài việc cho in những công văn, những nghị định của chính phủ, còn đề cập đến những vấn đề có tính cách xã hội và những tin tức địa phương. Đầu tiên tờ báo phát hành 2 lần trong tuần dưới quyền điều khiển của Gaston Amelot, và tờ báo gồm có một phần chính thức và một phần không chính thức. Mỗi số được thêm một phụ trang văn học hay lịch sử rất bổ ích. Hơn nữa, còn đăng những tài liệu chính thức rất quan trọng khác... Căn cứ theo một bức thư đề ngày 5 tháng 8 năm 1865 của Phòng Thương mại ở Bordeaux thì tờ báo này "*rất hữu ích cho sự buôn bán của xứ Bordeaux bắt đầu phát triển và mở rộng ra để tiếp xúc với các thuộc địa mới của Pháp ở Viễn Đông*"(1).

Bắt đầu từ ngày 3 tháng 11 năm 1894, tờ *Le Courrier de Saigon,* số 1, bộ mới phát hành 3 lần trong tuần thay vì 2 lần. "*Tờ báo này không chính thức cũng không bán chính thức*" *trình bày một cách vô tư cái tốt cũng như cái xấu của chính quyền cũng như của những Hội đồng Dân cử...*"

Tờ *Le Courrier de Saigon* đã tự cho là "cơ quan ngôn luận có khuynh hướng Cộng hòa" và hứa với độc giả sẽ không bao giờ bỏ lỡ một dịp nào trong việc chiến đấu cho xứ Nam Kỳ và cho thành phố Sài Gòn, "*chúng tôi hứa sẽ luôn bình tĩnh trong mọi bút chiến, cố gắng tránh những sự chỉ trích cá nhân, sẽ không bao giờ nói đến đời tư của bất cứ ai...*"

Trong mỗi số có đăng một bài xã thuyết nói về những vấn đề thuộc địa Pháp ở Viễn Đông, tin tức ở Trung Hoa, Nhật, Thái Lan..., những nghị định của chính phủ, sự hoạt động của thương cảng Sài Gòn và tất cả những vấn đề có liên quan đến kỹ nghệ, canh nông hay thương mãi.

---

(1) Henri Cordier, Bibliotheca Indosinica, Impr. Nationale, Paris 1912. Vol 3, tr. 1748.

---

(1) Thư đề ngày 5-8-1865 của Phòng Thương Mại ở Bordeaux gửi cho viên Thống đốc Nam Kỳ.

Nhưng cuối cùng, từ năm 1899, tờ *Le Courrier de Saigon* được đổi chủ. Từ đây, tờ này thuộc quyền sở hữu của Paul Blanchy, Đô trưởng Sài Gòn đang cần một cơ quan ngôn luận dùng làm phương tiện tranh đấu cho đường lối của ông ta để chống lại viên Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ là ông Paul Doumer.

II. TỜ BÁO TIẾNG VIỆT ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM: *GIA ĐỊNH BÁO*

2.1. Xuất xứ

Có nhiều giả thuyết khi đề cập đến nguồn gốc của tờ *Gia Định Báo*.

Theo nhà sách Nguyễn Khánh Đàm, thì trong khi Đô đốc Bonard cho ra tờ *Le Bulletin Officiel de l'Expédition de la Cochinchine* và tờ *Le Bulletin Des Communes* bằng chữ Hán, ông ta cũng cố gắng giúp đỡ cho ra đời một tờ bằng tiếng Việt. Muốn làm công việc trên, ông ta đặt làm những chữ in ở tận bên Pháp để có thể in được chữ Quốc ngữ. Công việc trên phải mất đến hai năm, nghĩa là hoàn tất vào tháng Giêng năm 1864. (1)

Cuối cùng quyền phát hành tờ báo này được chính phủ giao phó cho một người Pháp tên là Ernest Potteau, và một nghị định của Đô Đốc Ohier ngày 16 tháng 9 năm 1869 giao cho ông Trương Vĩnh Ký thay ông Ernest Potteau làm quản lý tờ *Gia Định Báo*.

Tuy nhiên, theo ông Đào Trinh Nhất thì tờ *Gia Định Báo* được xuất bản năm 1867 và theo tác giả

---

(1) *Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ,* Nxb Lũy Tre, Sài Gòn 1942, tr. 23

Thê Húc thì năm 1865, nhưng hai ông này không nói rõ hơn nguồn gốc của tờ báo đầu tiên này.

Giáo sư Lê Ngọc Trụ đã tìm đọc những tờ công báo năm 1865 để biết rõ hơn nghị định ngày 1 tháng 4 năm 1865 mà nhà xuất bản Nguyễn Khánh Đàm vừa nói ở trên, nhưng không tìm thấy. Và ông Vương Hồng Sển, trong quyển "Sài Gòn năm xưa", cũng cho rằng tờ *Gia Định Báo* được phát hành vào năm 1865.

Số cũ nhất của tờ *Gia Định Báo* hiện còn lưu trữ ở Thư viện Quốc gia Sài Gòn được đề tháng 6 năm 1880, xuất bản năm thứ 16. Như vậy người ta có thể suy ra rằng số 1 tờ *Gia Định Báo* được ra đời vào năm 1865. Ông Phạm Việt Tuyền trong bài nói về *"Gia Định Báo,* tờ báo đầu tiên ở Việt Nam" (ngày 28-11-1965) cũng công nhận rằng tờ báo này ra đời vào năm 1865 và ông cũng không thêm một chi tiết nào có liên quan đến nguồn gốc của tờ báo đầu tiên này.

Theo những lần nghiên cứu ở Thư viện trường Ngôn ngữ Đông Phương (L'École Nationale des Langues Orientales Vivantes) tại Paris, tôi đã tìm ra được số báo cũ nhất của tờ *Gia Định Báo* phát hành ngày 15-7-1865, số 4 phát hành ngày 15 mỗi tháng. Từ đó, chúng ta có thể suy ra rằng số thứ nhất của tờ *Gia Định Báo* được ra đời ngày 15 tháng 4 năm 1865. Từ sự kiện này ta có thể xác nhận rằng quyền cho phát hành tờ *Gia Định Báo* đã được chính phủ cấp cho ông Ernest Potteau ngày 1 tháng 4 năm 1865 và tờ đầu tiên được ra đời ngày 15 tháng 4 năm 1865.

Giả thuyết trên đây đã được công nhận bởi một bức thư của ông G. Roze, Thống đốc chỉ huy trưởng Nam Kỳ gởi cho Tổng trưởng Hải Quân và thuộc địa

Pháp ngày 9 tháng 5 năm 1865. Trong bức thư này, ông ta có ghi rõ: "*Số đầu tiên của tờ Gia Định Báo được in bằng chữ Annam, theo mẫu tự La tinh phát hành vào ngày 15 tháng 4 vừa qua...*".

Để kết luận về nguồn gốc của tờ *Gia Định Báo* chúng ta có thể xác nhận một cách chắc chắn rằng đầu tiên chính ông E. Potteau được giao cho quyền phát hành tờ báo này ngày 1 tháng 4 năm 1865 và ông ta đã cho xuất bản số đầu ngày 15 tháng 4 năm 1865 cho đến ngày 16 tháng 9 năm 1869 một nghị định khác của Đô đốc Ohier giao cho ông Trương Vĩnh Ký đảm nhiệm tờ báo trên. Tác giả Khổng Xuân Thu (1) còn cho biết là ông Trương Vĩnh Ký, trong khi làm công việc trên, được thù lao mỗi năm 3.000 quan (theo quyết định ngày 16-9-1869). Và bà Đoàn Thị Đỗ trong quyển *Báo chí ở Việt Nam từ 1865 đến 1944*, thì chính ông Huỳnh Tịnh Của đã được giao phó chức vụ chủ bút tờ *Gia Định Báo* (2).

2.2. *Giám đốc và chủ bút tờ* Gia Định báo

a. Giám đốc: Trương Vĩnh Ký (3)

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Trương Vĩnh Ký (cũng thường được gọi là Pétrus Ký), người thôn Cái Mông, làng Vĩnh Thanh, huyện Tân Minh, tỉnh Vĩnh Long nay thuộc Bến Tre; sinh ngày 6-12-1837. Cha là Trương Chánh Thi, lãnh binh dưới triều Minh Mạng, đồn trú ở Nam Vang, bị bệnh và tạ thế tại đó (1845). Vĩnh Ký mồ côi cha sớm, được mẹ tần tảo nuôi cho đi học chữ Hán. Đến năm lên 9, có ông linh mục tục gọi là cụ Tám (là người đã từng hàm ơn Chánh Thi che chở trước) ghé thăm, thấy gia đình nghèo bèn xin nuôi và dạy giùm. Từ đó Vĩnh Ký theo cụ Tám, rồi theo cố Long (nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu cho rằng cố Long là Bouillevaux, một linh mục thuộc dòng Thừa sai ở Paris, một nhà bác học nổi tiếng người Pháp, người có công phát hiện Đế Thiên Đế Thích, là tác giả những quyển sách viết về Việt Nam được giải thưởng của Pháp và quốc tế công nhận...). Điều đó cho thấy thêm bên cạnh những đặc điểm về nguồn gốc gia đình, Trương Vĩnh Ký (gốc người Minh Hương) vốn thông minh bẩm sinh đã được chuẩn bị rất kỹ từ người thầy bác học uyên thâm ngay từ thời trẻ. Năm 11 tuổi, ông được gởi đi học tại trường đạo Pinhalu ở Cao Miên, nơi tụ tập học trò nhiều xứ (Miên, Xiêm, Lào, Trung Quốc) mà sự tiếp xúc đã làm phát sinh nơi ông cái khuynh hướng bác ngữ sau này. Học rất xuất sắc nên sau đó ông được gởi đi học tại Nhà Chung nổi tiếng ở Penang (là chủng viện tối cao cho Á Đông khi đó đặt ở đảo Penang (ngoài khơi Ấn Độ Dương, do người Anh cai trị). Ông ở đấy 6 năm (từ 1852 đến 1858), học tiếng Hy Lạp, trau dồi thêm La tinh. Ở đó, nhờ sự tiếp xúc với các bạn từ các nơi đến, ông cũng học thêm tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Ấn Độ... Năm 1858, ông trở về Việt Nam. Lúc đó Pháp đã chiếm Gia Định, cần một người Việt Nam có khả năng để giúp việc; giám mục Sài Gòn Lefèbvre tiến cử Pétrus Ký (1860).

---

(1) Khổng Xuân Thu, Trương Vĩnh Ký. Xuất bản Tân Việt Saigon 1958, tr. 11.

(2) Đoàn Thị Đỗ, *Le Journal au Vietnam et les périodiques Vietnamiens de 1865 à 1944*, Paris 1958.

(3) Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử*, Sài Gòn 1958, tr. 11.

Trương Vĩnh Ký làm việc cho Pháp, lãnh chức thông ngôn lương mỗi tháng 20 đồng. Năm 1862, theo thiếu tá Simon ra Đà Nẵng để thương lượng với triều đình Huế. Năm 1863, ông cùng với Phan Thanh Giản qua Pháp thương thuyết. Trở về Sài Gòn, ông dạy học tại trường Thông ngôn (1866-1868), Giám đốc tờ *Gia Định báo* (1869).

Năm 1872, ông được phong chức Huyện hạng nhứt thư ký hội đồng thành phố Chợ Lớn, 1873 làm giáo sư trường Hậu Bổ dạy Việt văn và Hán văn, viết sách. Năm 1876, ông được biệt phái ra Bắc Kỳ nghiên cứu tình hình chính trị (viết tập hồi ký *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi*) Ông được cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn (là hội viên duy nhất và đầu tiên là người Việt Nam), Hội đồng học chánh thuộc địa và trở lại công việc viết sách.

Tháng 1 năm 1886, Paul Bert, toàn quyền Đông Dương biết tài của Pétrus Ký đưa vào Viện Cơ Mật làm nhiệm vụ quan sát những hoạt động của Viện này và vận động cảm tình của vua Đồng Khánh theo ý của chính quyền Pháp. Nhưng ông ở Huế được vài tháng thì cáo bệnh về Sài Gòn (tháng 8-1886). Tháng 11-1886, Paul Bert nhiễm bệnh mất ở Hà Nội. Cuộc hợp tác chính trị của Paul Bert và Trương Vĩnh Ký đến đây là dứt.

Ông trở về đời sống viên chức của soái phủ Sài Gòn, bị hạ lương bổng. Năm 1888, trường Thông Ngôn đóng cửa, ông bị thất nghiệp sau đó chỉ dạy chữ Hán và chữ Miên và ông quay trở lại với công việc viết sách cho đến khi mất (01-09-1898).

Điều ai cũng chú ý là Trương Vĩnh Ký có thể tự hào là người trí thức Việt Nam đầu tiên có học thức quảng bác mở rộng sang Tây phương. Tuy phần lớn là tự học và học trong nhà dòng nhưng khả năng ngoại ngữ của ông thật là đáng trọng. Ngoài ngôn ngữ, ông còn để ý nghiên cứu các ngành học thuật khác. Ở Pháp, ông đã gặp Renan, sử gia Pháp nổi tiếng thời bấy giờ, gặp Littré, nhà soạn tự điển của Pháp, mà ông trù tính dịch cuốn tự điển sang Việt ngữ, gặp cả nhà đại văn hào Victor Hugo và nhất là nhà sinh vật học Paul Bert mà sau này hai người trở thành đôi bạn thân. Sau này ông có nhiều công trình biên khảo về sử ký, địa lý Việt Nam, làm hội viên thư tín nhiều học hội tại Tây phương. Có thể coi Trương Vĩnh Ký là nhà văn đầu tiên ở nước ta xứng với cái nghĩa nhà văn như ngày nay ta hiểu, nghĩa là người coi việc viết văn, làm sách như một hoạt động chính yếu, thường xuyên, chuyên nghiệp, khác với văn gia Nho sĩ ta xưa coi việc trước tác chỉ là một hoạt động phụ thuộc tài tử. Ông bắt đầu có sách xuất bản từ năm 26 tuổi (1862) và theo nghiệp viết văn cho đến lúc từ trần (1898).

Năm 1869, ông được giao phó đảm nhiệm tờ *Gia Định Báo* với chức vụ giám đốc, tờ báo mà chính ông đã hợp tác và viết từ năm 1865.

b. Chủ bút: Huỳnh Tịnh Của

Huỳnh Tịnh Của sinh năm 1834 tại Bà Rịa và mất năm 1907. Ông rất tinh thông cả hai nền Hán học và Tây học. Năm 1861, ông được cử giữ chức vụ Đốc phủ sứ và Giám đốc Phòng phiên dịch tư pháp của chính phủ. Chính ông đã đề nghị dùng chữ Quốc ngữ thay chữ Hán. Trong một bài điều trần gởi cho vua Tự Đức, ông đã yêu cầu nhà vua cho xuất bản báo chí bằng chữ Quốc ngữ để giáo dục quần chúng(1) nhưng ông bị thất bại trong công việc này. Ông là một trong những người Việt Nam đầu tiên có sáng kiến thành lập ra nền báo chí Việt Nam. Văn của ông rất giản dị và bình dân.

Ngoài công việc của một nhà báo, Huỳnh Tịnh Của còn là người đầu tiên đã soạn ra một quyển tự vị để chỉ rõ nghĩa và cách viết chữ Quốc ngữ trong tình trạng còn phôi thai. Đây là một tài liệu rất quý được xem như là một cuốn sách có căn bản vững chắc để cho các nhà văn Việt Nam lúc bấy giờ dùng để viết cho đúng và chính nó cũng đã giữ một vai trò rất quan trọng trong văn học sử cận đại và trong việc xuất hiện nền báo chí nước nhà.

2.3. *Đặc tính tờ* Gia Định báo

Gia Định Báo, tờ báo đầu tiên ở Việt Nam được viết bằng chữ Quốc ngữ và đồng thời cũng là tờ công báo của chính phủ thuộc địa vào thời kỳ đó.

---

(1) Thanh Lãng. Biểu Nhất lãm văn học cận đại. Saigon 1957. Tr. 74.

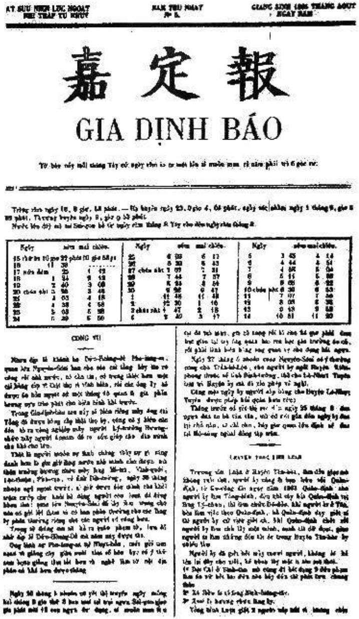

嘉定報

GIA DỊNH BÁO

Số 5 tờ *Gia Định Báo* ra ngày 15-8-1865

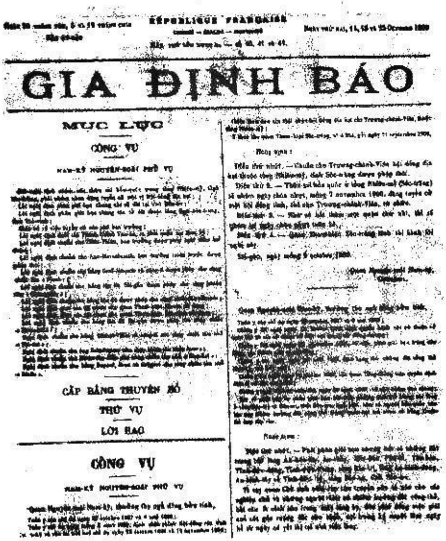

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE

GIA ĐỊNH BÁO

MỤC LỤC

CÔNG VỤ

CÔNG VỤ

Số 40, 41 và 42 tờ *Gia Định Báo*
ra ngày 11, 18 và 25-10-1909

Từ năm 1865 đến năm 1869 dưới quyền điều khiển của E. Potteau, tờ này chỉ giữ vai trò của một tờ công báo gồm có 2 phần:

- Phần đăng các công văn, nghị định, những tài liệu chính thức...
- Phần tạp trở đăng những tin tức trong nước...

Năm 1869, dưới sự điều khiển trực tiếp của Trương Vĩnh Ký, nội dung của tờ *Gia Định Báo* có phần phong phú hơn. Người ta còn tìm thấy có những bài nghiên cứu về lịch sử, thơ, chuyện cổ tích,...

Ban biên tập gồm có Tôn Thọ Tường, Trương Minh Ký và nhất là viên chủ bút Huỳnh Tịnh Của đã đảm nhiệm cùng với ông Trương Vĩnh Ký phiên dịch những tài liệu chính thức bằng Pháp văn ra Việt văn (diễn văn, nghị định, công văn,...) để đăng trên tờ *Gia Định Báo*. Và chính trong những năm đầu tiên tờ *Gia Định Báo* đã góp phần vào việc xây dựng căn bản cho báo chí nước nhà sau này.

Tờ *Gia Định Báo* được in 4 trang, khổ 32 x 25, trên đầu trang nhất, ba chữ *Gia Định Báo* được in bằng chữ Hán và bên dưới có ghi "Tờ báo này mỗi tháng Tây cứ ngày rằm in ra một lần ai muốn mua cả năm phải trả 6 góc tư". Sau đó được phát hành 2 lần trong tháng và cuối cùng là mỗi tuần vào ngày thứ Ba, đặt mua mỗi năm 20 quan, 10 quan 6 tháng, 5 quan 3 tháng, "ai muốn mua thì cứ đến dinh Quan Thượng Lại". Ngày 2-6-1900, ba chữ Hán không còn nữa và được thay thế vào bằng những chữ Pháp "République Française, Liberté-Égalité-Fraternité". Và cũng trong dịp này, tiền mua báo được sửa lại bằng đồng bạc thay vì đồng quan Pháp: 1 năm 8 đồng. Trang thứ tư cũng là trang cuối, thấy xuất hiện phần quảng cáo. Về phương diện hình thức chúng ta thấy rằng những bài báo được in chen chúc và nối tiếp nhau trên những cột báo dài và không chú trọng gì đến kỹ thuật trình bày những trang báo cho đẹp như lối trình bày của báo chí ngày nay.

2.4. Mục tiêu của tờ Gia Định báo

Dụng ý của chính phủ Pháp trong việc cho hình thành tờ báo đầu tiên này đã được viên Thống đốc chỉ huy trưởng Nam Kỳ lúc ấy là ông G. Roze ghi rõ trong văn thư đề ngày 9-5-1865 gởi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp: "*Tờ báo này (tức Gia Định báo) nhằm phổ biến trong giới dân bản xứ tất cả các tin tức đáng cho họ lưu ý và cho họ có một kiến thức về những vấn đề mới có liên quan đến văn hóa và những tiến bộ về ngành canh nông. Những viên thanh tra đặc trách về những công việc của người dân bản xứ đã cho tôi biết rằng tờ Gia Định báo đã được dân chúng ủng hộ một cách nồng nhiệt và ở nhiều địa phương những em bé biết đọc chữ Quốc ngữ đã đọc báo cho cha mẹ chúng nghe. Như vậy tờ báo này xuất bản mỗi tháng một lần sẽ là một sự hữu ích không thể chối cãi được và nó sẽ góp phần vào việc thay thế chữ của chúng ta và chữ Hán, một thứ chữ mà chỉ có một thiểu số quan lại hiểu biết mà thôi*".

Đoạn văn trên đây trích dẫn trong một bức thư của viên Thống đốc Roze trên một phương diện nào đó đã cho chúng ta biết mục đích của nhà cầm quyền Pháp trong khi cho phát hành tờ báo đầu tiên này.

Thoạt đầu, nó chỉ là một tờ công báo và được lưu hành ở các xã thôn. Tuy nhiên, từ khi ông Trương Vĩnh Ký đảm nhiệm trông nom, tờ *Gia Định báo* lại có một nhiệm vụ khác:

- Cổ động cho một lối học mới.
- Phát triển chữ Quốc ngữ.
- Khuyến khích dân chúng học chữ Quốc ngữ.

Tóm lại, từ những sự kiện trên cho chúng ta thấy rằng:

- Tờ *Gia Định báo* được thiết lập do chính phủ thuộc địa Pháp.
- Những độc giả lúc bấy giờ cũng là những công chức, vì dân chúng lúc bấy giờ ít ai hiểu được chữ Quốc ngữ.
- Những cộng sự viên do chính phủ trợ cấp.

Tờ *Gia Định báo* chỉ là tiếng nói đầu tiên của chính phủ Pháp ở Việt Nam mà thôi.

III. NHỮNG TỜ BÁO KHÁC TỪ NĂM 1865 ĐẾN NĂM 1907

3.1. Ở Nam Kỳ

⋄ *NHẬT TRÌNH NAM KỲ*: Xuất bản năm 1883 được viết bằng hai thứ tiếng Pháp và Việt, chủ nhân là một người Pháp.

⋄ *PHAN YÊN BÁO*: Ra đời năm 1898 do ông Diệp Văn Cương chủ trương ; báo tuần, chỉ ra được vài số thì chết (khoảng đầu năm 1899). Phan Yên tức Phiên

An là tên cũ của thành Gia Định kể từ năm 1833 trở về trước.

Ông Diệp Văn Cương, hiệu là Yên Sa, tự Thọ Sơn, sinh ở Cao Lãnh, Sa Đéc; sau đó cư ngụ tại Gò Vấp, Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Ông vốn là con nhà nghèo, hiếu học. Khi Pháp chiếm Nam Kỳ, ông được chọn du học tại Alger (thuộc địa của Pháp) cùng với Nguyễn Trọng Quản. Khi về nước, ông dạy ở trường Chasseloup-Laubat. Toàn quyền Paul Bert đưa ra Trung Kỳ dạy tiếng Pháp cho vua Đồng Khánh. Vợ ông là công chúa Công Nữ Thiện Niệm (cô ruột vua Thành Thái). Ngoài việc chủ trương tờ *Phan Yên Báo*, ông cũng là tác giả quyển sách giáo khoa luân lý tên là *Việt Nam luân lý tập thành*.

Con trai ông là Diệp Văn Kỳ cũng là một nhà báo nổi tiếng.

Ông mất năm 1929 tại Sài Gòn (1).

Nội dung và hình thức của tờ *Phan Yên Báo* không khác tờ *Gia Định Báo* bao nhiêu. Nhưng, vị giám đốc của nó là ông Diệp Văn Cương, hội đồng quản hạt, đã dám cho đăng những bài báo có tính cách chính trị, nhất là loạt bài về " Đòn cân Archimède", ký tên "Cuồng Sĩ". Trong bài này, tác giả dám chỉ trích công khai chính sách thực dân Pháp. Do đó, tờ báo bị cấm lưu hành, và cũng vì lý do này, chính phủ Pháp đã ban hành sắc luật ngày 30-12-1898, mà chúng ta đã đề cập đến trong chương trình bày về chế độ báo chí.

---

(1) Theo *Tự điển Nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế, in lần 4, Nxb Văn Hóa, 1997.

◇ *THÔNG LOẠI KHÓA TRÌNH*: (1888-1889) của Trương Vĩnh Ký, "được trình bày như một quyển sách, khổ 16 x 23,5 có trang bìa và cả trang nhan đề". Ở cả hai trang, từ trên xuống có một dòng tên tập san bằng chữ Nho *Thông Loại Khóa Trình*. Dưới nữa là tên tập san bằng chữ Pháp Miscellanées... Số 1 và số 2 không ghi tháng, từ số 3 mới bắt đầu ghi bằng tiếng Pháp: "Tháng 7-1888 năm thứ nhất". Từ tháng 6-1889, *Thông Loại Khóa Trình* lấy tên mới bằng chữ Nho là *Sự Loại Thông Khảo*. Tất cả có được 18 số (1).

◇ *NÔNG CỔ MÍN ĐÀM*: Ra đời tại Saigon ngày 1-8-1901.

Tờ này được một người Pháp sáng lập là ông Canavaggio, Hội Đồng quản hạt. Sau đó được điều khiển bởi các ông Đỗ Thúc, Lương Khắc Ninh, Gilbert Chiếu, Nguyễn Đông Trụ, Lê Văn Trung, Tân Châu, Nguyễn Chánh Sắt. Báo xuất bản mỗi tuần một lần. Về phương diện văn chương, cách hành văn của tờ báo này còn rất thô sơ. Có thể tìm thấy trong tờ báo mọi vấn đề liên quan đến cạnh nông hay kỹ nghệ (như cao su, trà, cà phê...). Thỉnh thoảng, chúng ta đọc thấy một vài bài thơ do các độc giả gởi đăng được in trên trang nhất bên cạnh mục đăng kết quả xổ số kiến thiết...!

Ngày 24-4-1902, ông Canavaggio mất, quyền điều khiển tờ báo này thuộc quyền ông Nguyễn Chánh Sắt (chủ bút) và ông Nguyễn Tấn Phong (quản lý).

---

(1) Bằng Giang, *Văn học Quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865-1930*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 58.

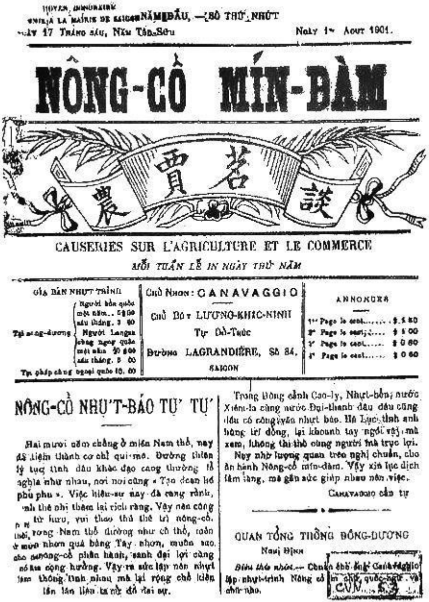

NĂM ĐẦU, — SỐ THỨ NHỨT

Ngày 17 Tháng sáu, Năm Tân-Sửu

Ngày 1er Aout 1901.

NÔNG-CỔ MÍN-ĐÀM

農賈茗談

CAUSERIES SUR L'AGRICULTURE ET LE COMMERCE

MỖI TUẦN LỄ IN NGÀY THỨ NĂM

Chủ Nhơn: CANAVAGGIO

Chủ Bút: LƯƠNG-KHẮC-NINH

Tự Dũ-Thúc

Đường LAGRANDIÈRE, Số 84,

SAIGON

NÔNG-CỔ NHỰT-BÁO TỰ TỰ

Trong Đông cảnh Cao-ly, Nhựt-bổn, nước Xiêm-la cùng nước Đại-thanh đâu đâu cũng đều có công vân nhựt báo. Hà Lục-tỉnh anh hùng tề đông, lại khoanh tay ngồi vậy mà xem, không thi thố cùng người mà trục lợi.

Nay nhờ lượng quan trên nghị chuẩn, cho ấn hành Nông-cổ mín-đàm. Vậy xin lục dịch lâm lang, mà gắn sức giúp nhau nên việc.

Canavaggio cẩn tự

QUAN TỔNG THỐNG ĐÔNG-DƯƠNG

Trang 1, tờ *Nông Cổ Mín Đàm* ra ngày 1-8-1901

◈ *NHẬT BÁO TỈNH:*

Của ông Georges Garros cũng được ra đời tại Sài Gòn năm 1905. Đó là một tờ báo được dịch ra tiếng Việt của một tờ báo Pháp, tờ *Le Moniteur des Provinces*. Trên đầu tờ báo không thấy ghi rõ tên giám đốc hay chủ bút mà chỉ ghi hai chữ "Actes officiels" và những hàng chữ khác: *"Ai muốn mua báo cứ gởi đến ông chủ báo ở đường Charner, số 117 Saigon. Và mục đích của tờ báo này là để giúp đỡ và giáo dục người Annam..."*.

◈ *LỤC TỈNH TÂN VĂN:*

Do ông François Henri Schneider (chủ một tờ báo ở miền Bắc) trở vào Nam, nơi mà trước đó ông đã có một nhà in và một nhà sách, thành lập vào năm 1907. Ông F.H. Schneider đưa cho ông P. Jeantet trông nom với sự cộng tác của ông Thọ An, Giác Ngã, Phạm Duy Tốn, Thiện Đắc, Nguyễn Bá Trác,...

Số đầu của tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* được phát hành ngày 15-11-1907. Đầu tiên mỗi tuần một lần, sau 3 lần vào ngày thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu. Giá bán mỗi số là 0,04 đồng.

Về phương diện hình thức, những bài báo được xếp nối tiếp nhau và không chú trọng đến kỹ thuật trình bày như thế nào để tờ báo trông cho đẹp. Những mục quảng cáo lại được xếp chung bên cạnh những tin tức quan trọng ở ngay trang nhất. Tờ báo đề cập đến mọi vấn đề trong nước cũng như ngoài nước như Pháp, Đức, Nga.

Bắt đầu từ ngày 3-1-1921, tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* và một tờ báo khác, tờ *Nam Trung Nhật Báo* hợp lại thành một tờ lấy tên là *Lục Tỉnh Tân Văn* phát hành

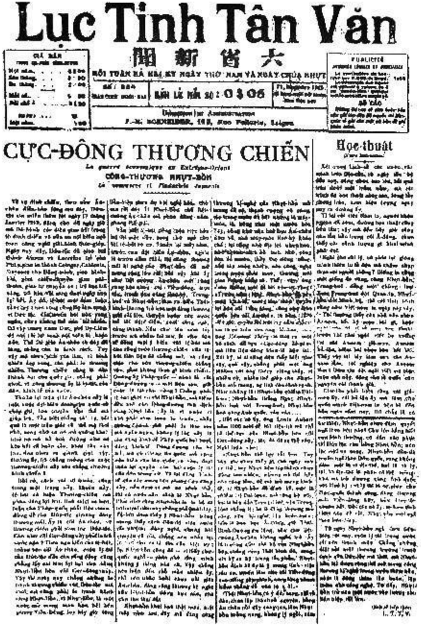

Lục Tỉnh Tân Văn

六省新聞

MỖI TUẦN RA HAI KỲ NGÀY THỨ NĂM VÀ NGÀY CHÚA NHỰT

BÁN LẺ MỖI SỐ : 0 $ 05

CỰC-ĐÔNG THƯƠNG CHIẾN

Học-thuật

Tờ *Lục tỉnh Tân Văn* ra ngày 22-12-1901

mỗi ngày và in trên giấy khổ 37x64 thay vì 35x39. Mỗi số bán 0,05 đồng. Giám đốc là ông Nguyễn Văn Của và chủ bút là ông Lê Hoằng Mưu.

3.2. Ở Bắc Kỳ

3.2.1. Báo chí miền Bắc

Trái với thông lệ mà người ta được biết từ xưa văn hóa Việt Nam di chuyển từ Bắc vào Nam, nhưng ngược lại báo chí Việt Nam lại đi từ Nam ra Bắc. Báo chí ở Bắc xuất hiện sau báo chí ở Nam khoảng 20 năm.

Sách *Đại Nam Thực Lục* viết:

"Bấy giờ Viện Cơ Mật tâu nói: tục lệ các nước, đều có nhật báo tân văn: việc lớn thì: chính sự triều đình, sau đến tình trạng hương lý, cũng là giá hàng cao hạ, truyền bá với nhau, tuy việc hình như viển vông, nhưng lấy đấy mà khen chê công cộng, tình hình trong ngoài, động có điều gì lầm lỗi, tức thì bị mọi người nghị luận, đó là một việc, mà ý khuyên răn được ngụ ở trong. Nước ta từ trước đến giờ chưa từng làm việc ấy, cho nên tình hình bên trong không thể thấu đến bên ngoài; tình hình ở trong không thể thấu được, thì dân tình ở dưới thông với trên sao được. Hiện nay, việc giao thiệp nhiều, nhật báo là cần hơn cả, nhưng xem xét nhật báo, ở các nước đều lập ra Cục, người trông coi Cục phần nhiều là nhân dân, ẩn sĩ, cho nên nghị luận thường nhiều ý kiến cao rộng, và bản in đều riêng từng chữ, xếp in dễ dàng, cho nên ngày nào cũng có, xin bắt chước phương pháp các nước, lập Cục Đại Nam Công Báo, nhưng do sử quán kiêm nhiệm giữ việc ấy, cứ 10 ngày hợp làm 1 tờ. Việc ấy và các bộ, nha, đều theo công việc đã làm,

ghi chép, giao cho Cục ấy, cứ 10 ngày 1 lần; Cục ấy phải kiểm xét, sửa soạn, hàng ngày viết ngay, giao cho thợ khắc chữ, để truyền bá, bắt đầu từ ngày mồng một tháng 3 này (tức 4-4-1886), đây là buổi mới thử qua, đợi sau gửi mua bản in có từng chữ riêng cho tiện việc xếp in,... vua nghe theo" (1).

Tháng 5-1888: thực dân Pháp đặt Cục ĐẠI NAM NHẬT BÁO và ngày 8-7-1888, tờ *Bảo Hộ Nam Dân* ra số đầu tiên. Đây là tờ báo in bằng chữ Hán ở Bắc Kỳ (xem chi tiết ở phần 3.2.2.).

Sáng kiến lập ra một tờ báo bằng tiếng Việt là do ông Françoise Henri Schneider, một người Pháp mà theo Phạm Quỳnh ông ta là "*Người đã yêu mến xứ này, đã trải qua những tháng năm đẹp đẽ nhất của cuộc đời ông, người đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát triển nghề in và nghề xuất bản ở Đông Dương, đó là ông F. H. Schneider mà chúng tôi quen gọi là "cha Schneider". Cha Schneider có một bộ mặt rất quen thuộc: chính ông là một trong những người đầu tiên đã cổ động một cách tích cực cho cái chính sách "Pháp Việt đề huề*" (2). Ông Schneider được phép cho phát hành năm 1892 tờ báo bằng chữ Hán, tờ *Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo*, tờ này được đổi thành tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* năm 1907 và lần này được in bằng hai thứ tiếng: Hán và Việt. Biên tập viên chính của tờ này là Đào Nguyên Phổ giữ phần chữ Hán và Nguyễn Văn Vĩnh giữ phần Quốc ngữ.

---

(1) *Đại Nam Thực Lục*, tập 37, trang 151-152, Nxb KHXH, Hà Nội, 1977.

(2) Phạm Quỳnh, *La presse Annamite*. Revue Nam Phong số 107, Juillet 1926. tr. 4-5

Ông Nguyễn Văn Vĩnh là một nhà báo rất nổi tiếng ở miền Bắc. Với một tinh thần hoàn toàn thân Pháp và được đào tạo trong những trường Pháp, lần đầu tiên ông viết những bài báo rất sôi động và thú vị. Dưới nhiều biệt hiệu khác nhau (như Tân Nam Tử, Đào Thị Loan), những bài báo do ông viết đã góp phần rất lớn vào việc thành lập nền văn học nước nhà.

Tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* bị đình bản sau vài năm hoạt động vì tình hình chính trị sôi động xảy ra trong thời kỳ này.

Năm 1905, tờ *Đại Việt Tân Báo* lại ra đời và được in bằng tiếng Việt và chữ Hán, do ông Enerst Babut làm chủ với sự cộng tác của ông Đào Nguyên Phổ, chủ bút. Đó là tờ báo nửa của chính phủ, nửa của tư nhân do chính phủ trợ cấp cũng như hai tờ báo trên. Trong tờ này thỉnh thoảng chúng ta thấy đăng một vài bài của Phan Chu Trinh và đã làm cho nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ rất lo ngại.

Trong giai đoạn 1865-1908 tại Trung Kỳ không có xuất bản một tờ báo nào.

3.2.2. Cách thức khai thác báo chí ở miền Bắc trong thời kỳ từ năm 1865 đến 1907

Có nhiều lý do để thành lập một tờ báo ở Việt Nam: để ủng hộ lập trường của ông chủ, viên giám đốc, hay chủ bút của tờ báo, ủng hộ đường lối của những nhân vật chính trị hay một nhóm chính trị quan trọng, một nhóm tài phiệt giàu có để nhận trợ cấp tài chính, họ gây áp lực với chính quyền để trục lợi, v.v...

Ngoài những lý do trên đây còn có một lý do khác, một lý do hoàn toàn có tính cách thương mãi nhờ sự quen biết riêng của những ông chủ báo có uy tín đối với chính phủ. Một người đứng ra cho phát hành một tờ báo và sau đó, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp buộc độc giả phải đặt mua dưới áp lực của chính quyền. Tờ báo trong trường hợp này có tính cách chính thức hoặc bán chính thức. Phần lớn những tin tức đăng trên báo là những văn bản chính thức, những tài liệu hay những tin tức do chính phủ cung cấp và nhà báo khỏi cần phải trả tiền "nhuận bút". Độc giả phần lớn là các viên chức ở các xã thôn, những công chức... bắt buộc phải đặt mua báo dài hạn. Do đó số báo phát hành rất nhiều và dĩ nhiên đó là một mối lợi to cho những ông chủ báo.

Cách khai thác báo chí trên đây là một đặc điểm hết sức cá biệt của báo chí miền Bắc, ít nhất nó đã xảy ra rất thường trong những năm đầu thành lập nền báo chí xứ này. Trường hợp hai tờ *Bảo Hộ Nam Dân* và *Đại Nam Đồng Văn Nhật báo* là tiêu biểu nhất.

a. Trường hợp tờ Bảo Hộ Nam Dân

Dự án và sự cho phép phát hành: sáng kiến cho phát hành tờ báo trên là do một người Pháp De Cuers de Cogolin, Giám đốc một tờ báo Pháp *Le Courrier d' Haiphong*, một nhân vật có rất nhiều uy tín lúc bấy giờ và có quan hệ mật thiết với những công chức cao cấp Pháp.

Từ những sự kiện trên đây, lợi dụng uy tín và ảnh hưởng, ông De Cuers de Cogolin đã vận động viên Kinh lược Bắc Kỳ để nhờ vị này cho phép với sự chấp

thuận của chính phủ Pháp phát hành **một tờ báo bằng** chữ Hán lấy tên là *Bảo Hộ Nam Dân*.

Việc cho phát hành tờ báo trên, theo ông De Cuers là để "*Cho người dân biết cái sự cao quý, công lý cũng như lòng quảng đại của nhà vua. Tờ báo sẽ trình bày tất cả những biến cố xảy ra trong vương quốc, từ sự thay đổi các quan lại, sự nhậm chức, thăng hay giáng chức của những vị này, những sắc chỉ hay những quyết định của nhà vua để cho các quan lại có thể theo dõi và am tường tất cả những công việc hành chính của ba chính phủ Annam, Pháp và Trung Hoa, và nhất là những vấn đề thương mãi và kỹ nghệ để cho người dân mỗi ngày có thể học hỏi thêm những kiến thức mới để có thể trở nên giàu mạnh được. Tờ báo này dùng để cho người dân hiểu rõ tất cả những biến cố trong và ngoài nước và để dạy cho các quan lại biết những luật lệ và những điều lệ hiện hành ở vương quốc...*".

Mặt khác, ông De Cuers đã vận động Toàn quyền Đông Dương để nhờ ông này xin nhà vua cho tất cả các địa phương biết rằng tờ báo trên đây rất có lợi cho dân chúng. Ông De Cuers đứng xin quản đốc tờ báo này và nhất là xin viên Toàn quyền ban cho ông ta tất cả quyền hành cần thiết để buộc các công chức và các viên chức ở các xã thôn phải đặt mua báo của ông ta dài hạn. Giá tiền mua báo là 5 đồng mỗi năm và báo sẽ phát hành 52 số trong một năm.

Trên đây là dự án của ông Giám đốc tờ *Le Courrier d'Haiphong* và ông ta cũng nói rằng tờ báo này chính ông ta sẽ ấn định sau và văn phòng Nha Kinh lược sẽ khỏi phải trả tiền mua báo, ngoài ra tất cả những nơi khác hay địa phương khác đều phải trả 5 đồng mỗi năm. Tiền đặt mua báo sau khi thu nhận ở các nơi bởi các cơ quan chính quyền sẽ phải giao nộp lại cho ông De Cuers. Ông này còn đòi chính quyền cung cấp cho ông ta một viên quan lại để dịch thuật. Tiền lương của vị này cũng như tất cả những tổn phí khác về giấy mực sẽ do ông ta đài thọ...

Địa điểm in tờ báo này ở Hải Phòng và Hải Dương.

Nếu xem kỹ dự án thành lập tờ báo trên chúng tôi thấy rằng ngay trong dự tính của người sáng lập tờ báo này phải là một cơ quan quảng bá hơn là một cơ quan chính thức, được ra đời do một nghị định của chính phủ. Tất cả cho chúng ta thấy một khi ra mắt độc giả nó sẽ đủ tất cả những phương tiện sẵn có để hoạt động. Chúng ta sẽ chờ đợi sự xuất hiện của cơ quan ngôn luận này.

Sự ra đời của tờ Bảo Hộ Nam Dân: số 1 tờ *Bảo Hộ Nam Dân* ra mắt độc giả Chúa nhật ngày 8 tháng 7 năm 1888 dưới sự cho phép của ông Parreau, Thống sứ Bắc Kỳ sau khi nêu ra những điều kiện bắt ông De Cuers phải tuân theo:

- Tờ *Bảo Hộ Nam Dân* phải luôn luôn theo đúng tinh thần của người Pháp, phải hết lòng giúp đỡ chính quyền và phải vì lợi ích chung cho nền bảo hộ.

- Tờ báo phải theo đúng đường lối chính trị của chính phủ Pháp và nhất quyết phải theo đúng những chỉ thị của nhà nước.

- Tờ báo không được phép gây ra những cuộc bút chiến hay bất cứ một cuộc tranh luận nào có thể đưa

đến việc làm giảm sút uy tín những viên chức hay những cơ quan hành chính Pháp, bởi vì một cuộc bút chiến đi ngược lại quyền lợi quốc gia sẽ không bao giờ chấp nhận được trước mắt một dân tộc vừa mới chinh phục được, cơ quan hành chính địa phương sẽ có đủ thẩm quyền để đình bản hoặc cấm chỉ lưu hành tờ báo này nếu nó ngoan cố đi theo một đường lối chính trị nguy hiểm cho ảnh hưởng của chúng ta ở xứ này.

- Việc cho đăng những công văn hay những tài liệu chính thức do chính phủ cung cấp sẽ khỏi phải trả tiền "nhuận bút", bù lại viên Công sứ Hải Phòng sẽ có quyền kiểm soát bài vở và tất cả những bài dịch phải được kiểm duyệt bởi một nhân viên do cơ quan hành chính địa phương chỉ định.

- Tờ báo sau khi phát hành phải nộp bản ở tòa Công sứ theo đúng những điều lệ do Tòa Thống sứ Bắc Kỳ và Công sứ Hải Phòng ban hành...

Sau khi tất cả những điều kiện trên đây được thỏa thuận giữa chính phủ Pháp và ông De Cuers, số 1 của tờ *Bảo Hộ Nam Dân* ra đời với một mục tiêu là:

"Tờ báo này có mục đích là để phụng sự quyền lợi cho nước Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, dạy cho dân Annam biết kính phục chính phủ nước Cộng hòa Pháp và những đại diện của họ, làm an lòng và bớt đi sự thù hằn của người dân, và với những địa hạt canh nông, thương mãi và kỹ nghệ... Sự phát hành tờ báo này sẽ có ích cho người Pháp, giúp cho họ biết và thương yêu dân Annam, và từ từ nó sẽ dạy cho dân Annam biết rằng nước Pháp là một người bạn tốt luôn luôn muốn tìm cách giúp đỡ và nâng cao mức

sống của họ, tờ báo này sẽ gây nên một tinh thần thân thiện giữa hai dân tộc...".

Sự thất bại của tờ Bảo Hộ Nam Dân: Một dự án vĩ đại, một cuộc vận động lâu dài, một mục tiêu cao cả, nhưng tờ *Bảo Hộ Nam Dân* có một thời gian góp mặt hết sức là ngắn ngủi, nó bị đình bản sau vài số ra mắt độc giả. Tại sao có sự thất bại này ? Tại vì ông giám đốc của tờ báo đã tỏ ra quá vụng về đối với nhà vua và quá nhiều tham vọng dưới mắt ông Richaud, viên Toàn quyền Đông Dương thời ấy.

- *Đối với nhà vua:* Với triều đình Huế, tờ *Bảo Hộ Nam Dân* đã phạm một lỗi lầm đáng tiếc là sau khi cho phát hành số đầu của tờ báo trên, Viện Cơ Mật Huế đã thông báo cho viên Thống sứ Bắc Kỳ biết "*một sự lỗi lầm đáng tiếc*" của tờ báo: Biên tập viên người Trung Hoa trong một bài báo đã dám gọi vua Việt Nam bằng "*Đại Nam Quốc, Phiên Đại Vương*" điều đó có nghĩa là vua Việt Nam vẫn còn là một chư hầu của Trung Quốc (1).

Vì lý do trên đây, Viện Cơ Mật đã lưu ý tất cả những gì đáng tiếc trong cách xưng hô được đăng trong một tờ báo mà mọi người đều biết là tờ báo được in ở Hải Phòng, trong lòng vương quốc Annam. Viện đã yêu cầu viên Thống sứ hãy tìm cách ngăn cản cho phát hành một tờ như vậy ít nhất tại những tỉnh ở Trung Kỳ. Điều chắc rằng biên tập viên người Trung Hoa kia trong khi đặt bút viết câu văn trên cũng đã hiểu rằng điều ấy hoàn toàn trái với tinh thần của hiệp ước đã được ký kết giữa Bắc Kinh và triều đình Huế. Và trong một bức thư gửi cho nhà vua, một bức thư mà trong đó chứa đầy những điều hết sức là vô lễ, biên tập viên người Trung Hoa kia đã dám đứng ra yêu cầu nhà vua ra lịnh cho tất cả mọi cơ quan hành chính phải đặt mua dài hạn tờ báo trên. Sự lưu ý trên đây của triều đình Huế rất là quan trọng và chúng ta không nên xem thường điều đó.

"*Không những,* ông Parreau nói tiếp, *khi tên biên tập người Trung Hoa kia nói đến nhà vua hay nước Annam, mà ngay khi ông ta muốn nói đến những binh sĩ, sĩ quan hay công chức người Pháp, ông ta vẫn luôn luôn dùng những câu rất chướng tai và thô bỉ. Do đó, tôi yêu cầu ông hãy ra lịnh cho viên giám đốc người Pháp chịu trách nhiệm sớm chấm dứt những sự kiện đáng tiếc nói trên để chúng ta khỏi bị nhạo báng và bị giảm uy tín trước mắt các quan lại Annam cũng như trước chính quyền Trung Hoa...* (1).

Dĩ nhiên là sau vụ cảnh cáo này, vị giám đốc tờ *Bảo Hộ Nam Dân*, De Cuers, bị bắt buộc cho biên tập viên người Trung Hoa nghỉ việc và tìm một người khác thay thế. Đó là một quan lại người Việt Nam do Nha Kinh lược cung cấp. Và viên biên tập thông dịch được lựa chọn này tên là Nguyễn Cẩn, đậu cử nhân luật và là cựu Tri phủ Xuân Trường tỉnh Nam Định, một người đã từng bị giáng chức 2 bậc.

Nhưng mặc dù với sự giúp đỡ của viên quan lại "người gốc Bắc Ninh và là một nhà bác học uyên thâm

---

(1) Thư của ông Parreau, Thống sứ Bắc Kỳ gởi cho Thị trưởng Hải Phòng, Hà Nội ngày 01-08-1888.

---

(1) Thư của viên Kinh lược gởi cho Thống sứ Bắc Kỳ, Hà Nội, ngày 05-08-1888

này", công việc nhà báo vẫn không trôi chảy, nó bị đình bản vĩnh viễn sau một vài số ra mắt độc giả vì một lý do khác quan trọng hơn việc lỗi lầm gây ra bởi biên tập viên người Trung Hoa đối với nhà vua: đó là cái tham vọng kinh tài của viên giám đốc tờ báo này.

- *Đối với chính phủ:* Đầu tiên việc cho phép tờ báo này là của ông Constant, Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ, tức là người có rất nhiều quan hệ mật thiết với ông De Cuers, sáng lập viên và giám đốc của tờ *Bảo Hộ Nam Dân*. Nhưng sau khi ông Richaud thay ông Constant làm toàn quyền Đông Dương, ông này đã thấy ngay tham vọng kinh tài của ông De Cuers trong việc thành lập tờ báo trên. Theo ông, vì tham vọng này trên một phương diện nào đó đã gây tổn hại cho ngân sách chung của xứ Đông Dương và cũng gây ít nhiều tiếng tăm không tốt đối với chính phủ Pháp trước mắt người dân bản xứ.

Chúng ta nhớ lại rằng cùng một lúc với việc cho phép phát hành tờ báo trên một điều khoản quan trọng được ghi nhận theo đó thì *"những quyền hành cần thiết để ra lịnh cho công chức ở các thôn ấp phải đặt mua dài hạn tờ báo này với giá là 5 đồng một năm"*. Từ đó, suy ra có tất cả 9.274 nơi đặt mua báo (chưa kể huyện, phủ và những viên chức ở các thị xã này), vị chi tất cả cho một số tiền là 46.370 đồng và nếu chúng ta kể thêm một số quan lại khác bắt buộc phải đặt mua, con số trên đây lên đến 120.000 đồng, dĩ nhiên số tiền này quả là một gánh nặng cho một dân tộc nghèo nàn đã tìm đủ mọi cách để chống thuế, chống độc quyền mà từ lâu chính phủ bắt họ phải gánh lấy.

Tóm lại, lối khai thác thương mãi của tờ *Bảo Hộ Nam Dân* trên đây không đạt được kết quả mà vị giám đốc của nó mong muốn vì mối ác cảm sẵn có của người dân đối với chính quyền thực dân luôn luôn tìm mọi cách để vùng dậy chống lại.

Sự kiện bắt buộc họ mua báo là một lý do, mặt khác, vì sự vụng về của De Cuers trong việc cho đăng câu văn xấc láo của biên tập viên người Trung Hoa đối với nhà vua.

Dù sao chăng nữa thì chúng ta thấy rằng chính tham vọng làm tiền của ông giám đốc tờ báo này và hậu quả chính trị của nó đối với chính phủ Pháp, và với dân chúng đã là nguyên nhân chính khiến tờ báo trên bị đóng cửa vĩnh viễn.

Sau khi bị cấm phát hành, De Cuers vẫn còn nuôi hy vọng cuối cùng, bằng hành động ông đích thân ra Hà Nội nhờ Parreau, Thống sứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ, can thiệp với Kinh Lược và Toàn quyền Đông Dương để hai nhân vật này đảm bảo cho ông tiếp tục phát hành tờ báo. Nhưng ông Parreau đã từ chối sự yêu cầu này.

Sau khi hoàn toàn mất hết hy vọng tìm lại số tiền khổng lồ bằng sự ép buộc gián tiếp mua báo, ông De Cuers đã tỏ ra hết sức giận dữ và đành phải trở lại tiếp tục hoạt động cho tờ báo đầu tiên của ông, tờ *Le Courrier d'Haiphong* và bắt đầu tấn công một cách ráo riết chính quyền địa phương cả Pháp lẫn Việt.

b. Trường hợp của tờ Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo

Trường hợp của tờ *Đồng Văn Nhật báo* gần giống như tờ *Bảo Hộ Nam Dân*. Cách điều khiển và khai thác tờ báo đều do một người đặc biệt nắm giữ, nhưng lại được chính quyền cung cấp bài viết và phát hành khắp các làng, tổng...

Thật ra, phải nói rằng, tờ *Đồng Văn* tiến triển tốt đẹp được là nhờ ông giám đốc François Henri Schneider, một người thân cận của vị Toàn quyền Lanessan (1). Ông này sang Việt Nam từ lâu, có nhiều nhà in và cơ sở báo chí tại Nam Kỳ cũng như ở Bắc Kỳ.

Ông ta hiểu biết nhiều về dân bản xứ và còn giao thiệp rộng rãi với các nhân vật chính trị người Pháp.

Phạm Quỳnh, chủ nhiệm tờ *Nam Phong* gọi Schneider là "Cha Schneider", ông tổ của nền báo chí Việt Nam. Ông có rất nhiều mánh lới để điều khiển tờ báo hoạt động tốt. Tờ *Đồng Văn* của ông ra hàng tuần, bán với giá 4 quan một năm, báo được in đúng và dễ đọc.

Ngoài ra những tin tức do chính quyền cung cấp và phải giao cho nhà báo trễ nhất là vào chiều thứ năm để báo có thể ra mắt vào ngày chủ nhật. Ngày thứ bảy là hạn chót để viên Khâm sứ kiểm duyệt.

Schneider cũng khôn ngoan khi cam kết rằng sẽ không đăng những tài liệu không được phép của viên Khâm sứ. Báo sẽ được đóng gói và gởi đi các làng, khi gởi đi thì phải được giữ gìn cẩn thận và gởi đi theo danh sách đã được chính quyền ấn định. Ông Schneider có bổn phận phải báo cho viên Khâm sứ biết việc gởi các kiện hàng báo chí đi các tỉnh. Mọi sự chậm trễ không chính đáng trong việc ấn loát, việc giao hàng hay gởi hàng sẽ bị phạt 10 đồng mỗi ngày trong 5 ngày đầu. Tiền phạt sẽ tăng lên 20 đồng mỗi ngày nếu sự chậm trễ lên quá 5 ngày.

Tờ báo này đã mang lại cho ông Schneider một món lợi là 40.000 Franc mỗi năm. Cũng nên lưu ý rằng khế ước khai thác tờ báo này được xét lại hàng năm.

Theo nguyên tắc, mỗi người đều có quyền khai thác công việc này, nhưng trên thực tế, chỉ một mình ông Schneider giữ độc quyền nhờ tài xã giao khéo léo của ông với các viên chức cao cấp trong chính quyền Pháp tại Việt Nam, nhất là nhờ sự giúp đỡ của ông De Lanessan. Chính đặc quyền này của ông Schneider làm cho các chủ nhiệm, chủ nhà in ở Bắc Kỳ bất mãn chống lại sự độc quyền đó.

Tuy thế, tài khéo léo và ảnh hưởng của ông Schneider đã giúp ông giải quyết nội vụ tốt đẹp và nhất là đã mang lại số lợi tức hàng năm lên đến 40.000 Franc trong việc khai thác tờ *Đại Nam Đông Văn Nhật báo*. Ngoài ra, ông cũng kiếm được nhiều lợi tức khác nhờ các tờ báo và nhà in khác mà ông có ở Nam Kỳ.

Ở Trung Kỳ, triều đình Huế vẫn còn giữ truyền thống bảo thủ, chống lại những gì từ bên ngoài vào, cho nên trong tình trạng như vậy báo chí khó mà xuất hiện ở đây được.

---

(1) Thư của một nhóm thợ in ở Hà Nội gởi cho Tổng trưởng thuộc địa Pháp tại Paris, Hà Nội ngày 28-05-1906.

IV. BÁO CHÍ PHÁP NGỮ GIAI ĐOẠN 1865-1907

Vào khoảng thời gian từ 1865 đến 1907, trong khi báo chí bản xứ không quá chục tờ ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ, thì báo chí Pháp ngữ đã đi vào giai đoạn thịnh hành với khoảng chừng 70 tờ, và trong những năm đầu đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc khai sinh và phát triển báo chí Việt ngữ.

Nhiều người cho rằng báo chí Pháp là trường dạy báo chí Việt Ngữ, các ký giả Việt Nam đã học hỏi rất nhiều kinh nghiệm trong nghề làm báo nhờ các đồng nghiệp người Pháp.

Để có một ý niệm so sánh giữa hai loại báo Việt và Pháp ngữ, chúng ta nêu ra những đặc điểm của một vài tờ báo Pháp, mà trên một phương diện nào đó, đã có công góp phần vào việc tạo dựng nền báo chí nước nhà.

4.1. Ở Nam Kỳ

Khoảng thời gian trước năm 1907, dư luận quần chúng rất xôn xao khi nghe đề cập đến việc thành lập "Đế quốc Đông Dương". Báo chí trong thời gian ấy đã đăng tải tin tức và bình luận rất nhiều về vấn đề này. Báo chí Pháp ngữ lo đăng tin về những cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt hay Hội đồng thành phố Sài Gòn.

Tại Nam Kỳ, thuở đó có khoảng từ 3.000 đến 3.500 người Âu cư ngụ, và có rất nhiều báo. Sau đây là một vài tờ quan trọng:

❖ Tờ *LE SAIGONNAIS (1883-1889)*:

Chủ bút là Adrien Marx, con của Jules Adrien Marx, là một trong những biên tập viên quan trọng của tờ *Figaro* của Villemessant, Marx một nhân vật nổi tiếng trong hàng ký giả người Pháp ở Đông Dương. Ông ta cũng có một tờ báo khác tên là *L'Aisie Française* do nhóm Công giáo Việt Nam tài trợ.

Nhưng sau những thiếu hụt về tài chính Marx đã bán lại cho "Hội truyền giáo hải ngoại" tờ báo của mình.

❖ Tờ *LE MÊKONG (1892-1897)*:

Đây là một tờ báo chuyên về chính trị, thương mại, thông tin phát hành 4 lần mỗi tuần. Người sáng lập và chủ bút là ông Ulysse Lerich, một nhà báo trào phúng với ngòi bút trong sáng và bóng bẩy. Nhưng dân Sài Gòn lúc đó chỉ trích Lerich đã nhận tiền để phổ biến đường lối chính trị của Paul Doumer, cho nên tờ báo của Lerich không sống được lâu, sau khi Paul Doumer rời khỏi chức vụ.

❖ Tờ *L' OPINION (1899-1934)*:

Tờ *L' Opinion* do Lucien Héloury thành lập, ông là một ký giả chuyên nghiệp rất nổi tiếng ở Đông Dương vào thời đó. Tờ này là một nhật báo lớn ở Sài Gòn, sống được 35 năm, Héloury trước đây theo học tại Toulouse, đã từng cộng tác với tờ *Télégramme* và nhiều báo khác. Đến Việt Nam, ông cho ra đời một tờ lấy tên là *La Semaine Coloniale*, lúc đầu phát hành mỗi tuần 3 lần, sau đó phát hành hàng ngày lấy tên là *L'Opinion.*

Sau một thời gian thành công mau chóng, lợi dụng thời cơ, tờ báo đã khai thác những cuộc tranh chấp giữa Blanchy và Paul Doumer, Toàn quyền Pháp ở Đông Dương.

Đây là một tờ báo có lối trình bày đơn giản, thích ứng với người đọc. Chủ nhiệm lại rất có uy tín với anh em đồng nghiệp. Ông ta còn là sở hữu chủ của một tờ báo Việt ngữ lấy tên là *Công luận báo* và ông cũng còn giữ chức Chủ tịch của "Nghiệp đoàn báo chí thuộc địa" thành lập năm 1917.

Nhờ tài điều khiển của Héloury trong nhiều năm, tờ *L'Opinion* luôn luôn đứng đầu so với các báo khác tại Sài Gòn.

Ngoài ra còn có các tờ báo:

- *LA FRANCE D'ASIE*
- *LE COURRIER SAIGONNAIS* (xuất bản ngày 1.1.1864)
- *LE POU DE BOIS*
- *L'ÉCHO DE SAIGON...*

4.2. Ở Bắc Kỳ

Năm 1883, chính quyền Pháp cho xuất bản tờ công báo mang tên *Le Bulletin Officiel du Protectorat de l' Annam et du Tonkin* (Công báo của xứ Bảo hộ Trung-Bắc Kỳ).

Đến năm 1886, tờ báo trên được đổi là *Le Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin* (Người hướng dẫn xứ Bảo hộ Trung-Bắc Kỳ).

Năm 1899, Pháp cho sát nhập tờ *Le Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin* vào tờ *Bulletin Officiel de l'Indochine Française* (Công báo Đông Dương thuộc Pháp).

Từ năm 1902 lại cho tách ra làm hai tờ riêng là *Le Bulletin Administratif de l'Annam* (Tập san hành chính Trung Kỳ) và tờ *Le Bulletin Administratif du Tonkin* (Tập san hành chính Bắc Kỳ). (1)

Theo quyển Niên giám Trung tâm học vụ Đông Dương số 1, tháng 9 năm 1929, nhà in đầu tiên được chính phủ bảo hộ thiết lập ở Bắc năm 1883. Tờ báo đầu tiên được phát hành ở đây là một tờ báo bằng tiếng Pháp: *Le Bulletin du Comité d'Études Agricoles, Industrielles et Commerciales de l'Annam et du Tonkin* do chính phủ Bảo hộ phát hành.

Năm sau, 1884, một người Pháp tên là Jules Cousin cho xuất bản một tờ khác, tờ *l'Avenir du Tonkin* (ngày 13-12-1884).

Ngoài ra, còn có:

- *LE COURRIER D'HAIPHONG*
- *L'INDÉPENDANCE TONKINOISE...*

V. VAI TRÒ BÁO CHÍ TRONG THỜI KỲ 1865-1907

5.1. Vai trò giáo dục và truyền bá

Khoảng thời gian cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, báo chí Việt Nam đã đóng một vai trò rất quan trọng là vai trò giáo dục quần chúng và truyền bá tư tưởng. Về phương diện này, báo chí đã đóng một vai trò rất quý giá bên cạnh nhà trường. Ảnh hưởng của nó đôi khi lớn mạnh hơn ảnh hưởng của nhà trường nữa vì báo chí chẳng những nhằm vào việc giáo dục những lớp người trẻ còn đang đi học, mà nó còn nhằm vào việc giáo dục cho tất cả những ai có thể đọc được chữ Quốc ngữ. Đó cũng là một cách làm tăng thêm số độc giả. Thời kỳ 1865-1907 quả là thời kỳ phôi thai của báo chí Việt Nam và những người làm báo trong giai đoạn này có thể tự hào đã đóng vai trò một nhà giáo dục quần chúng, một người hướng dẫn hay một "sứ đồ" như Phạm Quỳnh đã nói (1)

---

(1) Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, tập I và II, nxb KHXH Hà Nội, 1981, 1982.

5.2. Ảnh hưởng của báo chí trên văn học

Không ai có thể phủ nhận quan niệm nói rằng báo chí đã ảnh hưởng trên văn học Việt Nam. Thiếu Sơn trong quyển *Phê bình và Cảo luận* đã nói: *"Trong những nước văn minh, văn học ra đời trước báo chí, nhưng ở Việt Nam, chính báo chí đã tạo nên nền văn học hiện đại"*.

Thật vậy, văn học hiện đại của chúng ta chỉ xuất hiện từ sau khi có báo chí ra đời. Những tác giả đầu tiên của những tác phẩm được viết bằng chữ Quốc ngữ đều được đào tạo trong môi trường báo chí... Những tác phẩm của Huỳnh Tịnh Của hay của Trương Vĩnh Ký, chẳng hạn, được đăng trên *Gia Định báo* đã ảnh hưởng rất nhiều đến nền văn học nước nhà trong giai đoạn đầu này. Bởi vậy, chúng ta không thể nào phủ nhận vai trò đóng góp tích cực của báo chí trong nền văn học đó. Sau đây một bài trích từ *Gia Định báo* (ngày 15-4-1867) của Tôn Thọ Tường:

"Thầy Ký, giáo học, tác giả quyển "Những phương pháp học chữ Pháp" vừa in ra một quyển sách bằng chữ Quốc ngữ để giúp việc học một cách dễ dàng tiếng của chúng ta. Những quan lại có học thường hay học chữ này, vì với 24 chữ cái người ta có thể viết được muôn ngàn truyện. Thật là khác xa với chữ Tàu mà người ta đôi khi phải học cả đời nếu không sẽ không biết gì cả. Tôi hiểu được tiếng Quốc ngữ, tôi có thể viết được và đọc được không có khó khăn gì hết và có thể học phương trong vài tháng...".

Đoạn văn trên đây cho chúng ta thấy rõ vai trò của những nhà làm báo, chính những người này đã góp phần đắc lực vào việc phát huy nền văn học Việt Nam và lịch sử văn học Việt Nam đã đi đôi với lịch sử báo chí. Những nhà văn đầu tiên như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của cũng là những nhà báo. Lối viết văn xuôi đăng trên báo đã bắt đầu phát triển và dần dần giữ một vai trò trọng yếu trong nền văn học cận đại Việt Nam.

Việc ấn hành báo chí trong giai đoạn này quả là một phát minh hết sức mới mẻ. Điều này đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc phổ biến nền văn hóa mới, cho nên mỗi nhà báo quả là một chiến sĩ tiên phong trong việc xây dựng và canh tân xứ sở. Trên các báo chúng ta thấy nhiều bài viết chỉ trích lối học cũ và cổ động cho lối học mới. Do đó, nền văn hóa đã bắt đầu phát triển và nẩy nở để dần dần tạo thành căn bản vững chắc cho văn học nước nhà trong tương lai. Lối học cũ đã bãi bỏ và những ngôi trường Pháp-Việt được thành lập. Như vậy chúng ta có thể nói rằng miền Nam là nơi đầu tiên đã nảy sinh ra báo chí Quốc ngữ.

---

(1) Phạm Quỳnh. *La Presse Annamite*. Tạp chí Nam Phong, số 107, Juillet 1926, P. 6

5.3. Vai trò của báo chí đối với quần chúng

Sau tờ *Gia Định báo*, các tờ báo khác lần lượt ra đời: *Lục Tỉnh Tân Văn, Nông Cổ Mín Đàm, Đại Việt Tân Báo...*

Trong giai đoạn đầu dĩ nhiên báo chí nước ta gặp rất nhiều khó khăn. Quần chúng phần đông chưa hiểu được chữ Quốc ngữ, cho nên báo chí đối với họ còn là một thứ xa xỉ phẩm hay một cái gì còn xa lạ, đó là lý do giải thích tại sao số độc giả rất hạn chế vào thời ấy. Do giá tương đối cao; báo càng thêm khó bán, vì vậy ảnh hưởng của báo chí đối với quần chúng còn rất yếu ớt khi mà đa số dân chúng còn chưa biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Độc giả lúc bấy giờ phần lớn là những công chức của chính phủ vì chỉ những người này mới bắt buộc phải biết tiếng Pháp lẫn tiếng Việt.

Trong tình trạng này, ký giả Tự Do (tên thật là Huỳnh Văn Chính) viết (1): "*Những nhà làm báo Annam luôn luôn than phiền, không phải là không có lý, rằng những đồng bào của họ không đọc nhiều báo*".

Tờ báo được nhiều người đọc nhất cũng không có trên 2.000 độc giả. Chỉ có khoảng 1/10 trong tổng số trên 3 triệu dân là biết đọc biết viết trôi chảy chữ Quốc ngữ. Trong thời kỳ này dân chúng chưa đủ sự hiểu biết về sự ích lợi của vấn đề đọc báo và không cho đó là một việc làm quan trọng.

Và mặt khác, ông ta viết tiếp, *nhiều người làm nghề viết báo đã không biết hổ thẹn để chọc giận độc giả bằng cách bêu xấu họ và làm mất tín nhiệm kể cả những người làm báo chuyên nghiệp xứng đáng. Đó là những sự kiện hết sức đáng tiếc mà mọi người đều biết và chúng ta không biết làm sao mà chống lại được. Nhưng còn một lý do quyết định khác đã làm cho dân Annam tẩy chay báo chí là phần đông độc giả nhận báo không đều hoặc nhiều khi không nhận được. Chúng tôi muốn nó đến những độc giả ở miền quê. Họ không có những phương tiện nào khác hơn để nhận báo bằng lối bưu trạm và qua các viên chức làng xã.*

Chính những hạng độc giả này đông nhất, thích đọc báo nhất, và cần được biết tin tức hơn ai hết. Nhưng lối tổ chức bưu trạm ở các làng xã đã làm cho họ chán ghét và không còn muốn đọc báo và dĩ nhiên không muốn mua báo nữa. Thí dụ một làng cách tỉnh ly có ty bưu điện khoảng 30 cây số. Bưu phẩm được mang từ tỉnh ly về thôn quê, đến một nhà nhỏ gọi là trạm. Trạm trưởng có bổn phận mang bưu phẩm này bằng đường bộ hoặc đường thủy đến các đình làng để giao cho các vị kỳ mục hay xã trưởng. Nếu may mắn vị kỳ mục hay xã trưởng này có mặt tại sở thì mọi việc êm xuôi chẳng nói làm chi. Nhưng trường hợp ông ta vắng mặt, không ai có quyền đụng đến gói bưu phẩm và như vậy nó bị bỏ nằm đó ngày này qua ngày khác. Cuối cùng, thôi chúng ta cũng cho là thư từ đó cũng sẽ được phân phát cho người nhận dù là trễ. Tuy nhiên, phân phát bằng cách nào? Rất giản dị, phân phát qua sự trung gian không có trách nhiệm gì cả và cũng chẳng có ai kiểm soát công việc làm của hắn. Hậu quả là bao nhiêu thư từ bị mất cắp, bị phát hoàn... mà cũng chẳng ai biết.

---

(1) Tự Do. Les Fragments Journalistiques. Saigon 1926, Tr. 39-41.

Với lối phân phát bưu phẩm như vậy những vị kỳ mục hay xã trưởng bất cẩn dễ giao báo của người này cho người khác hoặc đọc xong rồi mới giao hoặc phát hoàn cho nhà báo... Và như vậy báo chí từ Sài Gòn phải mất hằng mấy tuần, có khi đến hàng tháng mới đến tay người đọc và có gói báo khi đến nơi bị phanh phui trong tình trạng hết sức đáng thương... Những vị giám đốc các tờ báo mỗi ngày đều nhận được những thư khiếu nại của những người mua báo và đôi khi các nhà báo bắt buộc phải hạn chế gởi báo cho những độc giả ở những nơi không có bưu điện.

5.4. Vai trò báo chí trên địa hạt chính trị

Bên cạnh vai trò giáo dục, truyền bá và nhất là vai trò của báo chí về phương diện văn học, báo chí Việt Nam giai đoạn này đã giữ một vai trò chính trị rất quan trọng.

Báo chí trong giai đoạn này được xem như là gạch nối, là trung gian giữa nhà nước và dân chúng. Báo chí trong thời kỳ này được xem như là phương tiện để giải thích cho dân chúng biết được những ý định, những biện pháp làm việc của chính phủ, và để giúp chính quyền thực dân biết được phản ứng và dư luận của một dân tộc mà họ vừa chinh phục được. Báo chí lúc bấy giờ đã nhắm vào hai mục tiêu rõ rệt: giáo dục chính trị cho dân chúng và tuyên truyền để phục vụ cho chính sách thuộc địa của Pháp ở Đông Dương.

Vào thời kỳ đó ít khi thấy xuất hiện những bài báo đề cập đến vấn đề chính trị có tính cách chống đối chính quyền thực dân ngoài những bài ca tụng cho chế độ này. Báo chí đầu tiên chỉ là tiếng nói chính thức của nhà nước mà thôi.

Ký giả Tự Do đã xác nhận rằng *"tờ Gia Định Báo chỉ là một tờ công báo được dùng trong các công sở nhất là ở các làng xã. Và tờ Lục Tỉnh Tân Văn đã nhận tiền trợ cấp của chính phủ hàng năm để phiên dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Việt những công văn, những nghị định của chính phủ... và mỗi làng phải đặt mua hàng năm tờ báo này để theo dõi những việc làm của chính phủ. Chúng ta cũng nên biết rằng tờ báo này ít khi đăng những tin tức gì ngoài những tài liệu chính thức do chính phủ cung cấp. Chúng ta không dám chê trách những đồng nghiệp của chúng ta về điều này, tuy nhiên, chúng ta vừa đóng vai một cơ quan chính thức vừa là một cơ quan ngôn luận lý thú cho độc giả.*

Các viên xã trưởng ở làng xã ở Nam Kỳ cần một tờ báo hành chính bằng tiếng Annam. Và điều này không làm cho chúng ta ngạc nhiên gì cả" (1).

5.5. Vấn đề thông tin và những phong trào cách mạng

Những biến cố chính trị xảy ra ở Đông Dương trong những 1907, 1908 đã phát sinh ra, ngoài một vài tờ báo nói đến vấn đề chính trị, vô số những bài "văn đả kích", những "bài văn nhục mạ", những bài hát, thơ, những bích chương, truyền đơn do các nhà cách mạng yêu nước lúc bấy giờ phổ biến ra để kêu gọi quần chúng toàn quốc chống Pháp.

---

(1) Tự Do, Les Fragments journalistiques, Saigon 1926, tr. 39-41.

Trong một bức thư của viên Toàn Quyền Đông Dương gởi cho bộ trưởng thuộc địa Pháp ta thấy có một đoạn nói đến điều này như sau:

"Loại văn học này nó không phải mới xuất hiện mới ngày hôm qua. Nó ra đời và được phổ biến ngay trước những biến cố chính trị xảy ra trước ngày chiến thắng của quân đội Nhật. Ông Beau ngay từ lúc đó đã thông báo cho chúng tôi biết sự xuất hiện của loại văn học nói trên, và loại văn học này đã gia tăng gấp bội trong thời gian gần đây.

Tất cả những bài viết trên đây đều có đặc điểm chung kêu gọi lòng ái quốc, ý chí căm thù ngoại bang, đề cao việc coi thường cái chết, sức mạnh một dân tộc mỗi khi dân tộc ấy biết đoàn kết. Tất cả những điều kêu gọi trên đây đã được các sĩ phu Việt Nam cương quyết đấu tranh cho nền độc lập dân tộc. Linh hồn của nhóm sĩ phu cách mạng trên đây chính là hai nhà chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Chúng ta thấy thơ văn của Phan Châu Trinh thường phản ảnh những lý thuyết hay tư tưởng cách mạng của những nhà cách mạng tân tiến Trung Hoa. Theo sự nhận xét của viên toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ thì "những bài thơ của Phan Châu Trinh bề ngoài tuy có vẻ ít bạo động hơn những bài trào phúng của Phan Bội Châu nhưng có lẽ nó gay gắt và nguy hiểm hơn cho nền thống trị của chúng ta.

"Những bài viết của Phan Bội Châu cũng rất táo bạo, nhuốm đầy tư tưởng tiến bộ mà chính cụ đã viết bằng một giọng văn rất thi vị và bóng bẩy luôn luôn ngụ hai ý dùng để gởi cho những sĩ phu, trí thức hoặc những thành phần ưu tú. Ngoài những loại văn trên đây còn có một thứ văn chương bình dân được phát triển mạnh mẽ trong giới nông dân, những bà vợ của những thủy thủ, v.v... Những bài hát được truyền miệng từ chợ này sang chợ khác, những bích chương được dán ở những nơi hội họp dân chúng. Những khẩu hiệu chống chính phủ đã được tìm thấy trong những cuộc biểu tình, những tờ tuyền đơn được viết với những giọng văn rất giản dị nói lên sự hà khắc của chính sách tài chính của chính quyền thuộc địa. Những tờ truyền đơn viết tay nguyền rủa những ai phục vụ cho Pháp, được chuyền từ tay này sang tay khác, và người ta kêu gọi nhân dân đứng lên để tự giải quyết công việc của họ, phá hoại và làm giảm uy quyền của các quan lại trước mắt dân chúng"(1)

Có điều chúng ta nên để ý là những bài văn thơ hay bài hát của các loại văn chương cách mạng trên đây không phải là những bản in mà là những bản chép tay trong đó tác giả yêu cầu người đọc xem xong phải chép lại để cho những người khác đọc. Và lối viết tay theo "dây chuyền" này đã làm tăng lên gấp bội những bản văn trong một thời gian rất ngắn.

Tuy nhiên, thứ văn chương lén lút và kín đáo trên đây không phải là một phương tiện duy nhất gây khó khăn cho chính phủ Pháp và tạo nơi người dân những tư tưởng "phá hoại". Những tờ báo viết bằng chữ Hán hay chữ Việt được điều khiển bởi người Pháp với sự cho phép của chính phủ đôi khi cũng đề cập tới những phong trào chính trị này nhưng trong tinh thần có lợi cho Pháp.

---

(1) Báo cáo của Toàn quyền Đông Dương gởi cho Tổng trưởng thuộc địa Hà Nội ngày 3-7-1908.

Ở Bắc, tờ báo của ông Babut, tờ *Đại Việt Tân Báo* tức là tờ đã được chính phủ trợ cấp tài chính cũng đã đăng một số bài nói về những phong trào chính trị trong những năm sôi động này: người ta muốn nói đến một vài bài báo do cụ Phan Châu Trinh viết và được ông Babut, bạn cụ, cho đăng tải trên tờ *Đại Việt Tân Báo* và *Đăng Cổ Tùng Báo*. Chính viên Toàn quyền Đông Dương đã thú nhận là những tờ báo nói trên đôi khi rất khó kiểm duyệt, đã được lưu hành ở các làng xã và gây nên một phong trào chống chính phủ trong các viên chức địa phương.

Ở Nam Kỳ một vài tờ báo Việt ngữ thỉnh thoảng cũng có cho đăng một vài bài có thiện cảm với những phong trào chính trị do các cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh lãnh đạo.

Trước hiện trạng này, chính viên Toàn quyền cũng đã thú nhận là chính phủ Pháp lúc bấy giờ đôi khi phải bó tay trước những biến cố trong những năm 1907 và 1908

*
* *

Thời kỳ từ 1865-1907, báo chí Việt Nam còn ở trong tình trạng phôi thai. Người Pháp vừa thiết lập một nền hành chính mới ở Việt Nam và gặp rất nhiều khó khăn trên mọi lĩnh vực. Tiếp theo đó vì những phong trào chống Pháp, báo chí, lúc đầu được hưởng quy chế tương đối khá rộng rãi, tuy có bị hạn chế với sắc luật ngày 30-12-1898 về sự cho phép trước khi phát hành một tờ báo. Về phương diện kỹ thuật, báo chí thời đó thiếu rất nhiều những thợ chuyên môn, nhất là những chuyên viên lo về việc in báo, sắp chữ, nhà in. Trong bức thư đề ngày 30-11-1863 gởi cho Bộ trưởng thuộc địa Pháp ở Paris, viên Thống đốc Nam Kỳ nhắc đến việc yêu cầu chính phủ Pháp gởi qua một số thợ in và sắp chữ. Trong thư ông ta viết: "*Một người thợ in có thể hưởng những điều kiện như sau: tiền lương 5.000 quan và sẽ được tăng dần đến 6.200 quan, tức là bằng số tiền lương của một viên trung úy hải quân hạng nhất ở thuộc địa*". Về phương diện nghề nghiệp, những người làm báo lúc bấy giờ vừa đóng vai một nhà báo vừa là một công chức. Thực vậy, báo chí lúc bấy giờ giữ hai nhiệm vụ: cơ quan thông tin và đồng thời là phương tiện tuyên truyền cho chính phủ. Báo chí trong giai đoạn này còn gặp nhiều trở ngại khác: báo chí xuất hiện ở Việt Nam tức là nơi mà từ xưa người dân chưa bao giờ biết đến, xuất hiện vào lúc mà phần đông sĩ phu Việt Nam đã chống đối tất cả những gì đến từ nước ngoài (ngoại trừ Trung Hoa). Hơn thế nữa, độc giả còn rất ít vì đa số người dân chưa biết chữ Quốc ngữ... Chúng ta còn phải kể thêm là báo chí xuất hiện giữa lúc nước ta còn ở trong tình trạng chậm tiến trên mọi lĩnh vực kinh tế cũng như khoa học. Những nhà làm báo không được trang bị tất cả những phương tiện vật chất cần dùng cho nghề nghiệp. Kỹ nghệ chưa được phát triển, nền thương mại nước nhà còn quá phôi thai. Báo chí không có quảng cáo để đăng. Hậu quả là giá báo rất đắt so với mức sống của người dân lúc bấy giờ, và dĩ nhiên là độc giả rất hạn chế. Những nhà làm báo đã có một cuộc sống vật chất hết sức khiêm tốn và phần đông chỉ sống bằng trợ cấp của chính phủ thuộc địa.

CHƯƠNG IV

BÁO CHÍ VIỆT NAM TỪ 1907 ĐẾN 1918

I. NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO SỰ XUẤT HIỆN BÁO CHÍ TRONG GIAI ĐOẠN NÀY

Có hai điều kiện thuận lợi cho sự xuất hiện của báo chí trong những năm từ 1907 đến 1918: đó là những điều kiện chính trị và văn hóa.

1.1. Điều kiện chính trị

Vào khoảng năm 1867, sau khi mất Nam Kỳ, một số nho sĩ Việt Nam, chống lại việc thành lập chế độ thuộc địa và bảo hộ của Pháp ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ, đã tổ chức nhiều cuộc bạo động mạnh mẽ. Nhưng, từ đầu thế kỷ 20, hình thức tranh đấu thay đổi. Khẩu hiệu của họ là: *"Giáo dục quần chúng để canh tân xứ sở"*. Đó là giai đoạn của phong trào Đông Du và Duy Tân và sự thành lập các trường học để truyền bá những tư tưởng Tây Âu.

Sự canh tân hùng mạnh của Nhật Bản, những trào lưu tư tưởng Tây Âu đã thâm nhập nhanh chóng vào Việt Nam qua các sách báo Trung Hoa, nhất là của hai nhà cách mạng Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.

Trong giai đoạn này, báo chí Việt Nam đã dành một chỗ quan trọng cho các sinh hoạt văn hóa, bên cạnh những bài báo chính trị thuận lợi cho chính sách thuộc địa của chính phủ bảo hộ.

Chính phủ Pháp, ở một mức độ nào đó đã làm ngơ trước sự xuất bản một số sách báo mới. Họ đã muốn sử dụng sách báo với dụng ý biện hộ cho sự hiện diện của họ ở Việt Nam. Chủ nghĩa đế quốc Pháp, trong giai đoạn này, quyết ổn định tình thế không bằng đường lối quân sự hay chính trị mà quyết "thu phục nhân tâm người dân bản xứ".

Những biến cố chính trị được phát động do những phong trào Đông Du và Duy Tân, chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn, nhưng kết quả chính trị của nó rất đáng kể, bắt đầu ở Quảng Nam, rồi lan rộng khắp Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Sinh viên Việt Nam được gởi đi du học ở Nhật và các xứ tân tiến. Trường học miễn phí được thành lập để cho trẻ em Việt Nam được đào tạo trong một tinh thần mới.

Ở Nam Kỳ, cụ Trần Chánh Chiếu (1867-1919) tức Gilbert Chiếu cũng gọi là Phủ Chiếu, sinh ở Rạch Giá, nhà giàu, học trường Collège d'Adran, làm thông ngôn, hoạt động bí mật cho cụ Cường Để, ông vừa làm kinh tài vừa viết báo *Lục Tỉnh Tân Văn* kêu gọi đồng bào duy tân. Ông đã từng bí mật qua Hương Cảng hội đàm với cụ Sào Nam rồi đem những bản hiệu triệu bằng Hán Văn của cụ Sào Nam về nước. Con là Trần Văn Tiết du học ở Hương Cảng trong phong trào này.

Ông cùng với cụ Nguyễn Thành Út lập Minh Tân công nghệ xã để nấu xà bông và Minh Tân Khách sạn ở Mỹ Tho, Nam Trung khách sạn ở Sài Gòn để đón tiếp các đồng chí (1).

Những biến cố chính trị đã trợ giúp vào việc xuất hiện báo chí ở nước ta, đáng kể là với chính sách của Toàn quyền A. Sarraut từ khi Chiến tranh Thế giới thứ Nhất bùng nổ. Trước sự can thiệp của nước Đức vào Đông Dương và nhất là trong những năm chinh chiến, nhà cầm quyền Pháp tỏ ra dễ dãi hơn trước sự thành lập nhiều tổ chức mới, nhất là những tổ chức có những phần tử cộng tác trung thành với chính phủ bảo hộ.

Ngoài những điều kiện chính trị vừa kể trên, còn những điều kiện khác, đó là những điều kiện văn hóa đã góp phần vào sự phổ biến báo chí Việt Nam trong giai đoạn từ 1907 đến 1918.

1.2. Điều kiện văn hóa

Sự truyền bá chữ Quốc ngữ đã gia tăng một cách đáng kể số người đọc báo Việt ngữ trong làng báo Việt Nam.

Có thể ghi nhận một cách thích thú rằng không chỉ những nhà lãnh đạo phong trào Đông Du và Duy Tân đã cổ vũ, khuyến khích sự truyền bá chữ Quốc ngữ và nền giáo dục mới, mà ngay nhà cầm quyền Pháp cũng đẩy mạnh hơn vấn đề này. Tại sao có sự mâu thuẫn như thế ? Phải chăng người Pháp thực lòng muốn giúp người Việt Nam duy trì và phổ biến văn hóa riêng của người Việt Nam như họ đã từng tuyên bố ?

Hai đối thủ cùng dùng một phương tiện để truyền bá, nhưng trên thực tế họ có hai mục tiêu hoàn toàn khác nhau.

Mục tiêu duy nhất của nhà cầm quyền Pháp khi giúp đỡ việc phổ biến chữ quốc ngữ là để cắt đứt mọi sự tiếp xúc và liên lạc chặt chẽ giữa người Việt Nam và Trung Hoa đã có từ thời xa xưa. Với họ đó là phương tiện tốt nhất để Âu hóa các Nho sĩ Việt Nam, từ xưa không biết một nền văn minh nào khác ngoài nền văn minh Trung Hoa.

Trong lĩnh vực này, không thể chối cãi: *"Ảnh hưởng nặng nề và sâu đậm của Trung Hoa và cái tính cách Tàu ảnh hưởng trên tinh thần trong giới quan lại người Việt. Họ cho cái gì của Tàu cũng là vĩ đại, là siêu việt, của Tàu mới thật sự là quan trọng. Không phải của Tàu thì không ra gì. Nước Tàu biết tất cả, hiểu tất cả, khám phá ra tất cả ; những dân tộc khác chỉ là môn đệ và được đào tạo nên người đều do Tàu... Điều này còn nguy hại hơn nữa; ảnh hưởng của Tàu từ phương pháp đến hình thức vẫn còn tiếp tục đè nặng ở đây..."*.

Nhận xét trên đây của ông Piri, hội viên trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO) đã xác nhận ý đồ của nhà cầm quyền Pháp trong lĩnh vực này.

Ông Piri nói tiếp: *"Sự thật, người Annam mà chúng ta đang bảo hộ, đang cai trị đã được giáo dục theo khuôn mẫu của Trung Hoa, hơn lúc nào hết giới Nho sĩ đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của Trung Hoa.*

---

(1) Nguyễn Hiến Lê, *Đông Kinh Nghĩa Thục*, NXB Lá Bối, Sài Gòn 1968, tr. 142.

Họ chỉ biết, chỉ hiểu qua Trung Hoa, theo Trung Hoa và theo một cách lâu dài. Đối với giai cấp này, điều cần nhất là phải chuyển hướng giáo dục. Vấn đề này sẽ giữ mãi như thế, bao lâu tình trạng hiện tại còn kéo dài, bao lâu người Tàu còn nắm giữ vai trò ưu thế ở đây, bao lâu chưa thay thế chữ Hán bằng chữ quốc ngữ cho mọi sự sử dụng thường ngày và tiếng Pháp được xem như là thượng tầng cơ sở giáo dục".

Đó là mục tiêu của chính phủ Pháp khi phổ biến chữ quốc ngữ.

Còn đối với người Việt Nam yêu nước, mục tiêu của họ trong lĩnh vực văn hóa này thì hoàn toàn khác. Mục tiêu của các nhà lãnh đạo phong trào Đông Du và Duy Tân đã được trình bày rõ ràng trong cuốn *Văn minh tân học sách* (1). Nội dung cuốn sách này nhằm sáng tạo và xây dựng một nền văn hóa khả dĩ nâng cao mức sống của một xứ chậm tiến thành một xứ phát triển. Đối với các nhà Nho yêu nước này, việc phổ biến chữ quốc ngữ chỉ có mỗi mục đích là giáo dục dân chúng, khai hóa họ bằng việc đọc sách báo.

Một phần quan trọng trong cuốn *Văn minh tân học sách* được dành cho vấn đề báo chí. Mục đích của các tác giả là dùng báo chí để loại trừ những kẻ cố chấp mù quáng, để gieo vào đầu óc dân ta tinh thần khoa học và óc tiến thủ.

Sau đây là một đoạn trích trong *Văn minh tân học sách* nói về báo chí (2).

---

(1) Đặng Thai Mai, *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20*, nxb Văn Hóa Hà Nội 1961, tr. 61.

(2) Sách trên, tr. 178 - 179

"Các nước đặt ra báo chí có những danh mục như nhật báo, tuần báo, nguyệt san và bán nguyệt san. Thể tài thì chia ra chính trị, tin tức, thời sự, quảng cáo... Phàm việc trong, việc ngoài, sáng chế mới, tình hình thương mại, cho đến pháp luật, y học, nghề nông, thợ thuyền, thương gia, chẳng giới nào là không có báo. Pháp có hơn 1.230 báo quán, Nhật Bản không quận nào là không có báo quán. Trung Quốc gần đây cũng mở báo rất nhiều. Dân trí sở dĩ được mở mang là chính nhờ đó. Còn nước ta thì chỉ ở Sài Gòn và Hải Phòng có báo viết bằng chữ Tây, người đọc không bao nhiêu! báo viết bằng chữ Hán chỉ có một tờ Đồng văn thôi.

Xét thấy viên chủ bút tờ báo Times là một vị tể tướng về hưu, nên những lời bình luận của báo ấy rất là công bằng và xác đáng. Thiết tưởng ở kinh đô ta cũng nên đặt một tòa báo, lựa lấy một vị đại thần làm chủ, lựa một số nhân sĩ sung vào nửa viết bằng chữ ta (tức chữ quốc ngữ), nửa viết bằng chữ Hán. Bao nhiêu phép tốt, ý hay, nghề lạ, ngón khéo, của Âu Mỹ cùng là những việc xưa nay ở nước ta, hoặc những lời cùng việc tìm đọc trong sách và đáng nêu làm kiểu mẫu; hoặc những bài thiết thực về thời sự góp mặt được trong sách luận, bài thi; hoặc có người đặc biệt trong đám nhân tài, hoặc có kỹ thuật mới có ích lợi cho nước nhà và do giới công nghệ mới tìm ra, thì đều đăng hết lên báo để cho đồng nhân cùng biết. Giá báo thì tính rẻ, và cứ theo ngày đã định gởi cho các quan lại lớn nhỏ trong ngoài và các thôn xã mỗi nơi một tờ. Trong dân gian nếu có ai bỏ tiền ra mua riêng thì có thưởng. Những kẻ thừa hành phát báo nếu để chậm không đúng ngày, đúng kỳ, đúng lệ thì có phạt.

(+) → qnúm tấn bị x phát tư vác nếu nó tqtrg ý ĐC.

Cái lợi thu được đã đủ để chi tiêu về việc nhà báo, mà nhờ báo chương rồi sẽ phá tan được cái giới câu nệ, tối tăm".

Cần nói thêm ở đây, việc sáng lập "Đông Kinh Nghĩa Thục" của các nho sĩ Việt Nam theo ý định riêng của họ là để phổ biến chữ Quốc ngữ và hiến cho giới trẻ trong nước một tinh thần khoa học bằng một sự đào tạo mới, đã làm cho chính phủ Pháp phải lo lắng rất nhiều. Chính quyền Pháp muốn giữ độc quyền giáo dục quần chúng, để đào tạo những trí thức của Việt Nam một sự hiểu biết một chiều có lợi cho chính sách thuộc địa của họ. Việc ấy đã xác nhận cho lời nói của ông Paul Beau, Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ (1).

"Một phong trào cổ xúy cho nền văn học mới, trung học và đại học vừa được thiết lập giữa những người An Nam...

Sự thành lập từ sáng kiến riêng này đã xuất hiện trong một vài lĩnh vực, do sự lo ngại hiện tại của thành phần sáng suốt trong dân chúng. Sự tin tưởng vào công trình giáo dục của chúng ta đã bị lung lay bởi những lời đồn đãi không đúng đắn, cho rằng, chúng ta muốn giới hạn sự giáo dục dân bản xứ và thống trị trên sự ngu dốt của họ.

Mặt khác, không phải là không nguy hiểm nếu để cho họ thành lập một nền giáo dục bản xứ, tự do, dành riêng cho thành phần thượng lưu này, ở bên ngoài sự hướng dẫn tinh thần và sư phạm mà chúng ta đã cố gắng gây ảnh hưởng càng mạnh càng tốt".

Với lý do ấy, Đông Kinh Nghĩa Thục đã bị đóng cửa từ đầu năm 1908 và một số nhà giáo đã bị tù đày.

Tóm lại, mục tiêu của các sĩ phu yêu nước là khuyến khích những người đồng chí hướng xây dựng báo chí, chọn chủ bút trong giới trí thức, đăng những bài thời sự đòi hỏi những sáng kiến mới và làm giảm giá báo tới mức có thể để cho báo chí có thể vào tận làng xã.

Trên đây là hai điều kiện chính trị và văn hóa đã góp phần lớn lao vào sự xuất hiện báo chí trong những năm từ 1907 đến 1918. Đó là chưa kể một sự kiện khác, sâu xa và tích cực hơn: chính sách của Albert Sarraut.

II. CHÍNH SÁCH CỦA ALBERT SARRAUT VÀ BÁO CHÍ THEO CHỦ THUYẾT CỦA A. SARRAUT

2.1. Chính sách của A. Sarraut

Tình hình ở Đông Dương từ khi các nhà lãnh đạo các phong trào Đông Du và Đông Kinh Nghĩa Thục bị bắt, vào năm 1908 đã hoàn toàn bị chi phối bởi A. Sarraut. Ông này đến Việt Nam vào lúc tình hình chính trị ở đây khá nguy kịch, nhất là vào những năm trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất.

Mối bận tâm độc nhất của ông ta trong những năm trước chiến tranh là sự can thiệp của người Đức vào Đông Dương. Nó đã xâm nhập vào Việt Nam dưới hình thức trực tiếp và gián tiếp.

---

(1) Thư của ông Paul, Toàn quyền Đông Dương gửi cho Tổng trưởng thuộc địa Pháp, Hà Nội 16-04-1907.

2.1.1. Hành động gián tiếp của người Đức vào Việt Nam.

Hành động gián tiếp của người Đức vào Đông Dương quả đã làm cho Sarraut phải lo ngại nhiều nhất. Hành động ấy đã xâm nhập vào Việt Nam qua các sách báo của Trung Quốc:

"Sau ngày thế chiến bùng nổ do sự cần thiết phải nắm dư luận quần chúng bản xứ mà sự tuyên truyền thích hợp, có phương pháp và thường xuyên trong lĩnh vực thông tin, đã đem lại từ nhiều năm qua tại Viễn Đông một sự tiến bộ đáng kể. Sự tuyên truyền thâm hiểm của Đức đã thâm nhập sâu rộng vào quần chúng Việt Nam qua trung gian chữ Nho... Hành động đó của kẻ thù của chúng ta đã thành công nhiều nơi tại châu Á và tâm lý thích Đức lại càng hữu hiệu và nhanh chóng nhờ sự can thiệp của Nhật..." (1).

Theo nhận xét trên Albert Sarraut đã muốn ám chỉ đến sách báo của các nhà cách mạng Trung Hoa cố tình gây thù nghịch với Pháp và làm lợi cho Đức. Trong nền văn minh Trung Hoa chúng ta không thấy những tác phẩm dịch từ các tác phẩm Pháp sau thế kỷ XVIII.

Ngược lại, có nhiều sách vở về mọi vấn đề, dịch từ các sách Anh hay Đức, đã được ấn hành từ 20 năm bởi các nhà xuất bản ngoại quốc. Dư luận của các tác giả lúc ấy cho rằng nước Pháp là một quốc gia cổ kính có một quá khứ sáng chói nhưng bị dừng lại từ sau cuộc Cách mạng 1789 và từ đó, không ngừng sa sút và suy đồi. Bằng chứng là nền khoa học Pháp vào

---

(1) Báo cáo của Albert Sarraut, Toàn Quyền Đông Dương gởi cho bộ thuộc địa Pháp ngày 15-9-1917.

thế kỷ thứ 19 đã ít đóng góp vào sự phát triển kỹ nghệ và nghệ thuật đã bị phủ nhận hoàn toàn. Trong khi đó, người Đức được xem như là những người chủ trương thực sự cho sự tiến bộ mới mẻ của khoa học và hạnh phúc nhân loại (1).

Một trong những tác phẩm quan trọng nhất, rất nổi tiếng trong giới Nho sĩ Việt Nam của nhà cách mạng Trung Hoa Khang Hữu Vi, thuật lại cuộc hành trình của ông sang Âu châu vào năm 1900, cuộc hành trình này được ghi thành 11 cuốn, mỗi cuốn dành cho một xứ ông đi qua.

Albert Sarraut không ngần ngại cho rằng nhân vật Trung Hoa này là *"Tên mật vụ đắc lực của Đức ở Trung Hoa và không phải là vô tình mà những cuốn sách viết về nước Pháp được trình bày song song với những quyển viết về Đức. Những điểm viết về nước Pháp là một chuỗi phê bình và kết án, vu khống mà từ 18 năm nay chưa thấy ai viết ở Trung Hoa. Chính Khang Hữu Vi đã liên kết vào ngày mùng 1 tháng 7 vừa qua cùng với vị tướng Tàu tên là Trương Huân, khôi phục chế độ quân chủ ở Bắc Kinh. Rồi ngày nay ai cũng đều biết là cái dự định phục hưng ấy đã được Đức khuyến khích và giúp đỡ về tài chính"*.

Để có một nhận định đúng đắn nhận xét trên đây của Albert Sarraut, xin trích dẫn ra đây một vài đoạn trong cuốn sách của Khang Hữu Vi viết về nước Pháp:

"...Ba-lê không được sạch bằng Bá Linh và Nữu Ước.

---

(1) Báo cáo của ông Piri, nhân viên trường Viễn Đông Bác Cổ. Hà Nội, ngày 03.12.1911.

Từ Khải Hoàn môn đến Louvre toàn những nơi du hí, ăn chơi... đàn ông và đàn bà ăn chơi phè phỡn suốt ngày đêm.

Nguồn lợi của thành phố Ba-lê chỉ thu hoạch được nhờ những nơi ăn chơi và nhà chứa. Con số những người làm điếm trên giấy tờ là 150.000 người. Còn những con số khác người ta không được biết. Những người đàn bà này ăn mặc đẹp đẽ và dồn tất cả vào việc trang điểm. Họ là những bà hoàng của Âu châu.

Ngoài những bảo tàng viện lớn và tháp Eiffel không còn gì để thưởng lãm ở Ba-lê...

Người Ba-lê thì quỷ quyệt và gian dối.

Khoa học và nghệ thuật Pháp rất thấp kém so với khoa học và nghệ thuật của Anh và Đức.

Nền chính trị thì yếu và suy sụp.

Người Pháp ưa chuộng xa hoa và lười biếng, họ không thể làm nên một xứ hùng mạnh.

Những người có học đâm đầu vào những cuộc bàn cãi triết học vô bổ... Dân chúng hưởng khoái lạc trong rượu chè, sung túc, quần áo đẹp và đàn bà. Và người ta không thể nhìn những thứ ấy. Người Pháp đã thiết lập nền Cộng hòa, nhưng hoàn toàn không biết bình đẳng là gì. Họ thường hay bấu víu vào cái thời vàng son xa xưa của họ, mỗi người mỗi ý, nhiều đảng chính trị đối lập. Do đó, mà từ 100 năm nay, đã có nhiều cuộc cách mạng xảy ra... và máu đã đổ một cách vô ích. Người Pháp dễ vui mà cũng dễ giận. Đó chính là đặc tính của dân man rợ... Người Pháp rất thích say sưa, rượu chè... Tôi đã thấy thế nào là cơn say rượu của người Âu châu và người Mỹ. Họ nằm lăn ra đường ban đêm. Họ làm ồn ào cả thành phố. Về nhà, cãi vã, đánh đập vợ con có khi cho đến chết... Công nhân uống rượu đến hết cả tiền kiếm được. Điều ấy dẫn họ đến sự xa xỉ và sát nhân...

Nông nghiệp của Pháp thấp kém hơn của Anh. Nước Pháp không thể so sánh với Anh và Đức. Chính vì lý do trên mà nước Pháp không thể tiến bộ được..."

Sự xâm nhập ảnh hưởng của Đức vào Việt Nam qua sách vở của những tác giả Trung Hoa đã giữ một vai trò rất quan trọng trong giới sĩ phu. Vì muốn hiểu về các nước Âu Châu, họ không còn cách nào khác hơn là sưu tập các tác phẩm của Khang Hữu Vi. Đó là những tài liệu độc nhất viết bằng chữ Hán mà họ có thể đọc được. Ảnh hưởng của những bộ sách trên có một tầm rất quan trọng đã sản sinh ra những phong trào chống Pháp khắp các tỉnh miền Trung và kết quả là xảy ra những cuộc bạo động đẫm máu năm 1913.

Ông Albert Sarraut nói tiếp: *"Mới đây, một trong những cộng sự của tôi sau khi viếng thăm các tỉnh ở miền Bắc Trung Kỳ đã xác nhận rằng các gia đình Nho sĩ chỉ có trong tủ sách của họ, các tác phẩm ngoại quốc phổ biến ở đây đều không nói gì đến Pháp hoặc chỉ giữ những lời bình phẩm bất lợi cho Pháp. Những tác phẩm của Khang Hữu Vi tiếp tục được mến chuộng nhiều và lưu hành trong thuộc địa, mặc dù có những sự cấm đoán của chính phủ về việc nhập cảng các loại sách Trung Hoa..."* (1).

---

(1) Báo cáo của Albert Sarraut, Hà Nội ngày 15-09-1917.

Trên đây là hành động gián tiếp của Đức vào Việt Nam qua trung gian sách vở Trung Hoa. Trong những năm chiến tranh (1914-1918) hành động xâm nhập ấy còn xuất hiện rõ ràng hơn đó là sự can thiệp trực tiếp của Đức vào Việt Nam.

2.1.2. Hành động trực tiếp của người Đức ở Việt Nam

2.1.2.1. Dưới hình thức các loại ấn phẩm

Sự tuyên truyền của người Đức vào Việt Nam ngoài phương tiện sách vở Trung Quốc còn có một số ấn phẩm khác đủ loại có tính cách chống Pháp. Hành động trực tiếp này đã lan rộng ra tận Nam Kỳ.

Mùa hè 1915, nhà cầm quyền Pháp đã khám phá tại tư gia một người Trung Hoa ở Chợ Lớn các tấm bích chương minh họa của Đức (1).

Những bích chương này được in thành hàng chục ngàn bản, vẽ các nhà sáng lập Đức quốc, chân dung của những vị này, cuộc bại trận của Pháp năm 1814-1815 hoàn toàn không đả động gì đến cái hay của Pháp, cái tốt của người Pháp và lịch sử oai hùng của Pháp. *"Đó là cách tuyên truyền khéo léo, thâm độc mà muốn chống lại nó chỉ có một cách là phản tuyên truyền"*(2).

2.1.2.2. Dưới hình thức viện trợ quân sự

Không kể sự tuyên truyền bằng các ấn phẩm đủ loại, người Đức còn can thiệp trực tiếp và tích cực vào Đông Dương bằng một sự trợ giúp quân sự và tài chính cho các nhà cách mạng Việt Nam. Họ tìm cách gây

---

(1) Thư của Biện Lý tỉnh Bến Tre gởi cho Trưởng phòng Tư pháp Sài Gòn. Bến Tre ngày 13-08-1915.

(2) Báo cáo của Toàn quyền Đông Dương. Hà Nội ngày 21-12-1916.

rối loạn ở biên giới. Tòa lãnh sự Pháp ở Liễu Châu báo động có nhiều nhóm "phiến loạn" được các viên lãnh sự Đức ở Quảng Đông trang bị khí giới, đóng quân gần biên giới, trong vùng Lạng Sơn và Cao Bằng (1).

Mặt khác, người Đức hứa giúp cụ Phan Bội Châu tiền bạc để mua khí giới, quân nhu và thuốc nổ, do một nhóm thương gia người Nhật đã lén lút chuyển đến biên giới Hoa Việt. Một người tên là Wu-Sao-Lun mật vụ của Đức làm trung gian cho những cuộc gặp gỡ giữa người Đức và cụ Phan Bội Châu trong vườn Lao-Man-Tcho. Các cuộc gặp gỡ như thế này xảy ra thường xuyên. Ngoài ra, một trong những người bạn thân của hoàng thân Cường Để, là một người Trung Hoa, đã giúp Cường Để có những liên hệ chặt chẽ với lãnh sự Đức ở Quảng Đông. Người ta còn nói đến chuyện du hành của Cường Để sang Bá Linh (2).

Những điều trên đây cho thấy tầm quan trọng rộng lớn của vấn đề được Toàn quyền Đông Dương để tâm theo dõi trong những ngày đầu của chiến tranh.

Nhưng nhà cầm quyền Pháp đã quá chậm: Những sách vở cần thiết cho một cuộc phản công trước sự can thiệp của Đức dưới mọi hình thức ở Đông Dương đã hoàn toàn thiếu sót; mặt khác báo chí bản xứ ở Việt Nam thì bấp bênh đã không mang lại cho chính quyền Pháp một sự giúp đỡ đáng kể nào. Hơn nữa các cơ quan báo chí lúc này rất giới hạn. Ở Bắc Kỳ chỉ có một vài tờ báo của ông Schneider như *Đăng Cổ Tùng Báo, Đồng Văn Nhật Báo*... Ông Schneider, năm 1913, đã ký với nhà cầm quyền Trung Kỳ và Bắc Kỳ những hợp đồng đảm bảo cho ông nhiều đặc quyền; bù lại, nhà cầm quyền được sử dụng một phương tiện xuất bản và thông tin hữu hiệu. Tuy nhiên, tất cả báo chí in bằng Việt ngữ lúc bấy giờ chỉ là những tờ báo hoàn toàn có tính cách địa phương.

---

(1) Điện tín của Toàn quyền Đông Dương gởi cho bộ thuộc địa Pháp ở Paris ngày 29-01-1916.

(2) Điện tín ngày 23-3-1915 của Gaston Liébert, Tổng lãnh sự Pháp tại Hồng Kông gởi cho Toàn quyền Đông Dương.

Chính trong những điều kiện này mà phủ Toàn quyền từ lâu không để tâm tới sự xuất bản báo chí địa phương, đã có sáng kiến xuất bản nhiều tờ báo ở Bắc cũng như ở Nam với mục đích đương đầu một cách có hệ thống ảnh hưởng của Đức ở Việt Nam.

2.2. Báo chí theo chủ thuyết của A. Sarraut

"Một tờ báo! Một cây viết! Quả là một sức mạnh phi thường!". Đó là lời nói của A. Sarraut trong một bài diễn văn khai mạc buổi họp của nghiệp đoàn báo chí thuộc địa tại Sài Gòn ngày 8-9-1917. Là một con người rất thông minh, quỷ quyệt và có tài mị dân, A. Sarraut trước khi bước vào con đường chính trị, cũng là một nhà báo. Ông đã từng là biên tập viên thường trực cho tờ *La Dépêche Du Midi* ở Toulouse. Do đó, biết lợi dụng báo chí cho mục tiêu chính trị quả không còn ai hơn viên Toàn quyền này. Trong những viên Toàn quyền Pháp ở Đông Dương, A. Sarraut là một nhà chính trị khôn khéo nhất, có tài mị dân rất giỏi đến nỗi một số trí thức Việt Nam lúc bấy giờ đã tin tưởng một cách thành thật về cái "sứ mạng cao cả của nước Đại Pháp ở Đông Dương".

Khi A. Sarraut đến Việt Nam tình hình chính trị lúc này hết sức sôi động: sự chống đối của các sĩ phu Việt Nam, sự tấn công ồ ạt của Đức dưới mọi hình thức: giúp đỡ quân sự cũng như tuyên truyền chính trị, chống Pháp, A. Sarraut cho thực thi một chính sách văn hóa nhằm hai mục đích:

- Chống Đức và ca tụng Pháp trong giới trí thức Việt Nam.

- Tách rời thành phần trí thức này ra khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa và Pháp hóa họ.

Tóm lại, A. Sarraut muốn tạo ra một thứ huyền thoại độc tôn về nền văn minh Pháp và mặc cảm tự ti nơi những nhà trí thức Việt Nam lúc bấy giờ.

Để đạt được mục tiêu này, đối với A. Sarraut, không có gì hay hơn là một sự tuyên truyền bằng báo chí. Do đó, báo chí theo chủ thuyết của A. Sarraut ra đời.

2.2.1. Ở Bắc Kỳ

◆ *ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ (1913-1918).*

Sau khi thành lập xong tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* năm 1907 ở Nam Kỳ, F.H. Schneider trở ra Bắc Kỳ. Chính phủ bảo hộ giao cho ông xuất bản một tờ báo bằng tiếng Việt khác. Đó là tờ *Đông Dương Tạp Chí*.

a. Sự thành lập

Thật ra, tờ *Đông Dương Tạp Chí* chỉ là một phần phụ bản của tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* in ở trong Nam. Trên tít của tờ báo, ta thấy ghi: *"Ấn bản đặc biệt của Lục Tỉnh Tân Văn cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ"*. Số đầu được phát hành vào ngày 15-5-1913.

Sau vụ ám sát do Việt Nam Quang Phục Hội tổ chức ngày 22-4-1913 tại Hotel Hà Nội, *Đông Dương Tạp Chí* trong số đầu ra mắt độc giả, đã cho đăng một bài với nhan đề: Vụ một trái phá: trong đó tác giả không tiếc lời chửi mắng thậm tệ các sĩ phu thuộc đảng của cụ Phan Bội Châu và tán tụng những sĩ quan Pháp đã bị chết trong vụ ám sát này. Điều đó đã nói lên lập trường của tờ báo này.

b. Nội dung

Xuất bản mỗi tuần một lần, Đông Dương Tạp Chí đăng những bài có liên quan đến tin tức, những phong trào chính trị trong nước, những bài có tính cách triết học, văn chương, tiểu thuyết...

Trong giai đoạn đầu (số 1 ngày 15-5-1913 đến số 85 ngày 31-12-1915) tờ báo có khuynh hướng đề cập nhiều đến những vấn đề chính trị và bản tóm tắt tin tức, thời sự, vấn đề thương mại trong và ngoài nước... Trong giai đoạn thứ 2 (từ số 86 ngày 10-1-1915 đến số 102 ngày 31-12-1918) báo này có khuynh hướng đề cập đến văn học nhiều hơn: những tiểu thuyết Pháp được dịch ra tiếng Việt, những bài nói về lịch sử, những trang văn chương, những bài khảo cứu về luật lệ, phong tục, tập quán, chế độ học vấn, những tài liệu chính thức...

c. Ban biên tập

Chủ bút: Nguyễn Văn Vĩnh

Đọc tới tờ *Đông Dương Tạp Chí* chúng ta không thể nào không biết đến Nguyễn Văn Vĩnh, cột trụ của tờ báo này.

Sinh năm 1882, đầu tiên Nguyễn Văn Vĩnh theo học trường thông ngôn (Collège des Interprètes). Sau khi ra trường ông làm việc cho chính phủ bảo hộ Pháp ở Bắc Kỳ. Sau chuyến đi của ông ở Pháp về, ông xin từ chức và bắt đầu làm thương mại. Lúc đầu, ông hợp tác với một người Pháp tên là Dufour để mở một nhà in.

NGUYỄN VĂN VĨNH

Là một người rất thông minh và say mê văn hóa Tây phương, Nguyễn Văn Vĩnh ngay từ lúc đầu đã nhận thấy vai trò quan trọng của báo chí Việt Nam. Trong chuyến đi đầu tiên của ông sang Pháp năm 1906 ông đã bắt đầu học về ngành báo. Tờ *Tin Văn* số 1 ra ngày 28-7-1935 viết: *"Năm 1906 tôi được cử vào phái bộ sang dự cuộc đấu xảo ở Marseille. Gian hàng của Bắc Kỳ dựng liền với gian hàng của tờ báo Le Petit Marseillais. Ông chủ tờ báo ấy muốn làm quảng cáo cho báo mình đã khuân cả tòa báo vào trong trường đấu xảo, xưởng máy, tòa soạn, trị sự đủ cả. Hàng ngày tôi thấy cái cảnh hoạt động trong tờ báo ấy mà thèm. Máy chạy ầm ầm, phóng viên đi lấy tin tới tấp. Tôi thấy như đam mê cái nghề làm báo. Cả ngày tôi sang học hỏi hết cái này cái nọ, ông chủ báo ôn tồn giảng dạy cho tôi rất tử tế..."*

Sau đó, lúc về Việt Nam, Nguyễn Văn Vĩnh cộng tác với ông Đỗ Thuận giữ phần chữ quốc ngữ của tờ

Đăng Cổ Tùng Báo (kể từ ngày 28-3-1907). Ngoài ra ông còn chịu khó nghiên cứu học hỏi kỹ thuật về ngành in.

Sau khi tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* đình bản, Nguyễn Văn Vĩnh đảm nhiệm 2 tờ báo khác bằng tiếng Pháp: tờ *Notre Journal* (1908) và tờ *Notre Revue* (1910) và một tờ báo bằng tiếng Việt xuất bản ở Sài Gòn, tờ *Lục Tỉnh Tân Văn*. Năm 1913, với tư cách là chủ bút, Nguyễn Văn Vĩnh đảm nhiệm tờ *Đông Dương Tạp Chí* xuất bản ở Hà Nội, cùng thời gian đó, ông lại lo cai quản thêm một tờ báo nữa, đó là tờ *Trung Bắc Tân Văn* của ông F.H. Schneider. Năm 1919, vì sức khỏe yếu kém, ông Schneider rút lui và giao cho Nguyễn Văn Vĩnh trông nom tờ *Trung Bắc Tân Văn*. Ông Vĩnh đã đổi tờ này ra một tờ nhựt báo, đồng thời ông mua lại tất cả dụng cụ của nhà in "Trung Bắc Tân Văn". Cũng trong năm 1919, tờ *Đông Dương Tạp Chí* trở thành tờ *Học Báo*, tức là tờ báo có tính cách sư phạm và cũng chính ông Nguyễn Văn Vĩnh điều khiển cùng với ông Emile Vayrac nhờ vào nhà in mua lại của ông Schneider. Ông Nguyễn Văn Vĩnh thành lập một ban tu thư lấy tên là "Tư tưởng Tây phương" chuyên xuất bản những tác phẩm Pháp văn dịch ra Việt văn.

Năm 1931 với tư cách là giám đốc và chủ bút, Nguyễn Văn Vĩnh còn điều khiển một tờ báo khác lấy tên là *L'Annam Nouveau* tức là tờ mà ông Nguyễn Văn Vĩnh cho ra đời trong dịp bút chiến giữa ông và Phạm Quỳnh chủ bút tờ *Nam Phong* về vấn đề "chế độ trực trị và chế độ quân chủ lập hiến".

Có một điều đặc biệt là Nguyễn Văn Vĩnh chẳng những điều khiển và trông nom rất nhiều tờ báo, mà ông cũng viết rất nhiều. Ông viết gần hết những bài báo, từ những bài xã luận đến những trang tiểu thuyết hay dịch thuật từ Pháp văn ra Việt văn... dưới nhiều bút hiệu khác nhau. Vì vậy chúng ta có thể nói rằng Nguyễn Văn Vĩnh là một người đầu tiên đã biết lợi dụng và phát triển ngành báo chí và xuất bản tại Việt Nam.

Ngoài những công việc làm báo ra, Nguyễn Văn Vĩnh cũng rất thích bước chân vào sự nghiệp chính trị. Năm 1907, ông là người Việt Nam đầu tiên được bầu vào Hội viên của hội nhân quyền và cũng vào năm này, Nguyễn Văn Vĩnh vào giảng dạy tại trường Đông Kinh Nghĩa Thục do các nhà ái quốc Việt Nam tổ chức. Ông được đặc cử vào Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ, năm 1932, Nguyễn Văn Vĩnh được cử lần thứ hai vào phái bộ Việt Nam cùng với vua Khải Định sang Pháp dự cuộc đấu xảo quốc tế ở Marseille.

Từ năm 1931, Nguyễn Văn Vĩnh đã đề ra chủ thuyết trực trị cho Việt Nam, một chủ thuyết trái ngược với chế độ quân chủ lập hiến do Phạm Quỳnh đề ra.

Sau khi thất bại trên địa hạt làm báo và mang nợ nần, Nguyễn Văn Vĩnh thực hiện một chuyến đi cuối cùng của đời ông. Ông sang Lào cùng với ông bạn người Pháp tên Clément với hy vọng tìm được vàng. Vàng không có, ông lâm bệnh nặng mất ngày 2-5-1936.

Những biên tập viên khác của *Đông Dương Tạp Chí*.

+ Phan Kế Bính

Viết cho *Đông Dương Tạp Chí* bắt đầu số 35 nhưng có thể nói rằng Phan Kế Bính là một biên tập viên đắc lực nhất của tờ báo này cho đến ngày nó đình bản. Sinh năm 1875 ở Hà Đông, cử nhân Hán học. Ông đảm nhiệm từ năm 1907 phần chữ Hán của tờ *Đăng Cổ Tùng Báo*. Sau đó ông vào Nam để cộng tác với tờ *Lục Tỉnh Tân Văn*. Năm 1914, ông trở về Bắc và viết cho tờ *Đông Dương Tạp Chí*. Đến năm 1918 khi tờ *Đông Dương Tạp Chí* đổi thành *Học Báo*, ông chuyên viết những bài xã luận cho tờ báo này. Ông mất ngày 30-5-1921 tại quê nhà ở Hà Đông.

+ Trần Trọng Kim

Đặc biệt viết những bài có tính cách sư phạm, văn học, lịch sử, địa lý... hầu giúp đỡ các giáo viên tiểu học. Và chính phần sư phạm trên đây dần dần chiếm giữ một vai trò rất quan trọng trong tờ *Học Báo* này.

+ Phạm Quỳnh: đóng một vai trò không quan trọng trong tờ *Đông Dương Tạp Chí*.

+ Nguyễn Văn Tố: chuyên dịch những tác phẩm bằng Pháp văn ra Việt văn.

+ Phạm Duy Tốn: chuyên viết những loại tiểu thuyết.

+ Nguyễn Đỗ Mục: chuyên dịch những tiểu thuyết Tàu.

+ Nguyễn Khắc Hiếu: viết những bài về văn học.

Ngoài ra, tờ *Đông Dương Tạp Chí* còn có sự cộng tác của những biên tập viên khác như Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Bá Trác, Thân Trọng Huề v.v.

a. Vai trò của tờ Đông Dương Tạp Chí

Như chúng ta đã nói trong phần trên, *Đông Dương Tạp Chí* lúc đầu nhằm vào ý hướng chính trị rõ rệt.

Nhưng sau đó với sự cộng tác của nhiều nhà văn khác, tạp chí này trên phương diện nào đó đã có công góp phần vào việc tài bồi cho nền văn học nước nhà.

Trong thời gian 5 năm (từ 1913-1918) tờ *Đông Dương Tạp Chí* đã gặt hái nhiều kết quả tương đối khả quan cho nền văn học Việt Nam. Trước *Đông Dương Tạp Chí* có những tờ báo khác như *Gia Định Báo, Lục Tỉnh Tân Văn*... Nhưng, những tờ báo này thực ra chỉ có tính cách thông tin, văn chương còn luộm thuộm và hết sức đơn sơ. Nhưng với *Đông Dương Tạp Chí*, văn chương Việt Nam bắt đầu được kết cấu mạch lạc trôi chảy. Có thể tạm gọi là thời kỳ khởi đầu của nền văn học chữ quốc ngữ.

Tóm lại chúng ta có thể xét tờ *Đông Dương Tạp Chí* dưới 3 khía cạnh khác nhau:

- Về phương diện chính trị: tạp chí này chỉ là một cơ quan tuyên truyền của chính phủ Pháp, nó hết lời ca ngợi nền văn minh Pháp và nó kêu gọi dân chúng chống lại việc tham gia vào những phong trào chính trị kháng Pháp.

- Về phương diện văn học: *Đông Dương Tạp Chí* đã giữ nhiệm vụ phổ biến những tư tưởng, những học thuyết Tây phương cũng như Đông phương.

- Về phương diện ngôn ngữ: *Đông Dương Tạp Chí* tích cực truyền bá chữ quốc ngữ.

Với đường lối mới nghiêng về văn hóa của *Đông Dương Tạp Chí*, chữ quốc ngữ đã bắt đầu phát triển và tiến bộ để sau này giữ một vai trò trọng yếu trong nền văn học cận đại của nước nhà. Đó cũng là nhờ sự góp phần đắc lực của những nhà văn, nhà báo cộng tác cho tờ *Đông Dương Tạp Chí*; mặc dù chính phủ Pháp lúc bấy giờ muốn cho ra đời tờ báo này với dụng ý hoàn toàn có tính cách chính trị.

Nhưng từ 1918, trước sự lớn mạnh của tờ *Nam Phong*, *Đông Dương Tạp Chí* bắt buộc phải nhường chỗ cho bạn đồng nghiệp của mình làm công việc ca tụng "nước Đại Pháp và xây dựng cho một nền văn hóa mới".

◇ *TỜ NAM PHONG TẠP CHÍ*

Sự khánh tận của *Đông Dương Tạp Chí* là do Nguyễn Văn Vĩnh, một nhà báo có tài năng nhưng lại là một nhà chính trị vụng về. Vì lý do đó A. Sarraut đã cho ra đời tờ *Nam Phong* với sứ mạng tiếp tục ca tụng và phổ biến nền văn minh Pháp. Chính tờ báo thứ hai này của A. Sarraut đã đóng vai trò tích cực và gây một ảnh hưởng rất lớn trong giới sĩ phu lúc bấy giờ và nó còn để lại những dấu ấn sâu đậm trong giới trí thức Việt Nam.

a. Sự thành lập tờ Nam Phong

Ngay từ trước năm 1914 người Pháp đã thiết lập một chế độ bảo hộ trên toàn cõi lãnh thổ Việt Nam và tạo nên ở miền Đông Nam Á một quốc gia được gọi là Đông Pháp (Union Indochinoise). Trong giai đoạn đầu, người Pháp lập ra một nền hành chính mới đồng thời tiếp tay với triều đình Huế đàn áp tất cả những phong trào đấu tranh bạo động cũng như bất bạo động nổi lên chống Pháp. Khi tình hình trong nước được ổn định, họ bắt đầu khai thác tài nguyên xứ sở. Mặt khác, người Pháp còn nghĩ đến việc đào tạo ra những quan lại mới để phục vụ cho họ trong các cơ quan

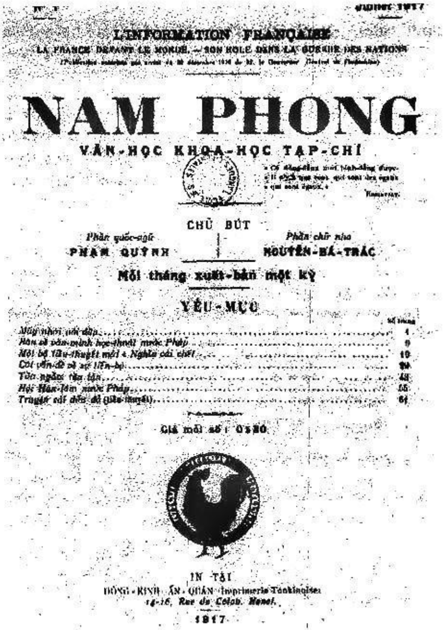

L'INFORMATION FRANÇAISE

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHỦ BÚT

Phần quốc-ngữ — PHẠM QUỲNH

Phần chữ nho — NGUYỄN-BÁ-TRÁC

Mỗi tháng xuất-bản một kỳ

YẾU-MỤC

Giá mỗi số : 0$20

IN TẠI

ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN Imprimerie Tonkinoise

14-16, Rue du Coton. Hanoi.

1917

Tờ *NAM PHONG* ra ngày 1-7-1917

hành chính: Chính phủ Pháp đã cải tổ lại hoàn toàn chế độ học vấn. Họ khuyến khích người Việt học hỏi nền văn hóa Tây phương với một tinh thần hết sức thiển cận và làm cho họ quên lãng những cuộc nổi dậy chống Pháp xảy ra trong thời gian chiến tranh 1914-1918.

« Trong tình hình này, chính phủ có sáng kiến lập ra một tạp chí bằng tiếng bản xứ để cho người Annam dễ thực thi chính sách giáo dục và tuyên truyền mà chúng ta cần phải đeo đuổi.

"Việc thành lập tạp chí này mà ban biên tập đã được giao phó cho những nhà trí thức danh tiếng trong nước đã được chuẩn bị từ nhiều tháng trước, vì không những phải gom góp các vật liệu trước mà còn phải đợi nhà in tìm mua máy móc và những thứ chữ cần thiết cho việc in chữ quốc ngữ" (1).

Tạp chí *Nam Phong* ra đời, A. Sarraut giao cho Louis Marty, giám đốc Phòng an ninh và chính trị Đông Dương, có trọng trách điều khiển. Tất cả những bài vở trước khi in đều phải qua sự kiểm duyệt và chấp thuận của L.Marty.

b. Đặc tính tờ Nam Phong

Số đầu tờ *Nam Phong* ra ngày 1-7-1917. Đó là một loại bách khoa nguyệt san, khổ 19x27,5cm. Người sáng lập được ghi rõ trên báo là L. Marty, giám đốc Phòng Nghiên cứu chính trị của chính phủ Đông Pháp, và chủ bút là Phạm Quỳnh.

---

(1) Bản báo cáo của Louis Marty gởi cho A. Sarraut đề ngày 22-8-1917

Như các tờ báo thân chính quyền khác, *Nam Phong* theo đường lối duy nhất rõ rệt: Hợp tác với nhà nước, chấp nhận chính sách thuộc địa và chế độ cai trị của người Pháp. Vì lý do ấy mà hàng tháng chính phủ trợ cấp 400 đồng cho báo này, gọi là để trợ cấp những chi phí tòa soạn và ấn loát. (1)

- Louis Marty, ban đầu là viên chức ở Tòa Thống sứ Bắc Kỳ, năm 1914 được đề bạt làm phó giám đốc Phòng nghiên cứu chính trị của Toàn quyền A. Sarraut trong thời Chiến tranh Thế giới thứ Nhất (1914-1918), ông được phép qua tòa đại sứ Pháp ở Bắc Kinh để thương thuyết với các nhà cầm quyền Trung Hoa về những rắc rối xảy ra ở biên giới Việt-Hoa. Khi trở về Hà Nội, ông giữ chức giám đốc Phòng Nghiên cứu chính trị đồng thời đặc trách về việc tổ chức hệ thống tình báo ở Đông Dương. Từ đó ông ta là chuyên viên tài giỏi, là cố vấn chính trị của những toàn quyền kế tiếp, mãi đến năm 1934, Toàn quyền René Robin cho ông qua làm Khâm sứ ở Lào. Ngoài sự hiểu biết khá sâu rộng về Việt ngữ, Louis Marty còn biết rành chữ Hán, viết và đọc dễ dàng như một nho sĩ đương thời. Ông ta giỏi về tổ chức chính trị. Ngoài việc sáng lập tờ *Nam Phong Tạp Chí*, ông còn sáng lập tạp chí *Âu châu chiến sử*; và là một trong những sáng lập viên của hội Khai Trí Tiến Đức, một tổ chức nhằm thu hút quan lại và trí thức để thực hiện chính sách Pháp Việt đề huề.

---

(1) Louis Marty, phúc trình về *Tạp Chí Nam Phong*, Hà Nội ngày 22-8-1917

Nam Phong Tạp Chí sống khoảng thời gian dài (1917-1934) nên nội dung có biến đổi tùy tình hình trong nước và do tham vọng chính trị của chủ bút Phạm Quỳnh. Phạm Quỳnh vạch rõ lý thuyết của mình là quân chủ lập hiến, chống lại thuyết "trực trị" của Nguyễn Văn Vĩnh đề xướng. Ông ta tuyên bố: *"Những gì tôi đã làm từ buổi đầu cho đến bây giờ chỉ nhằm vào mục đích chính trị. Người ta trách tôi, chỉ vì không hiểu tôi. Bởi vậy, kể từ hôm nay vì hoàn cảnh bắt buộc tôi phải lo việc nước, lo các vấn đề ích lợi cho sự tiến bộ quốc dân. Trong trường hợp này, người ta có thể xem như tôi bước vào chính trường"*. (1)

c. Vai trò tờ Nam Phong Tạp Chí

- Về phương diện chính trị: dụng ý chính trị của A. Sarraut trong việc đề cử L. Marty như là sáng lập viên của tạp chí này rất rõ ràng mặc dù bên cạnh đó Phạm Quỳnh và bạn bè ông ta đã cố tình tìm cách làm cho nổi bật khía cạnh văn học của tạp chí này. Chỉ việc cho đăng câu nói trứ danh của vị tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt trên trang bìa tờ báo cũng đủ cho ta thấy cái dụng ý chính trị của A. Sarraut: *"Có đồng đẳng mới bình đẳng được"*. (*Il n'y a que ceux qui sont des égaux qui sont égaux*). Câu nói trên đây có mục đích là để khuyến dụ người Việt Nam là họ cần phải học hỏi và tìm hiểu tư tưởng nền văn minh Tây phương đặc biệt là nền văn minh Pháp nếu họ muốn tự đặt ngang hàng với người Pháp. Mặt khác, chính người Pháp muốn cho dân Việt Nam say mê nghiên cứu văn hóa và như vậy sẽ lãng quên những vấn đề chính trị.

---

(1) Đào Hưng, phỏng vấn Phạm Quỳnh, *Phụ Nữ Tân Văn* số 87 ngày 18.6.1931.

- Mục đích chính của tờ tạp chí này theo A. Sarraut là để *"cung cấp cho tầng lớp sĩ phu và trí thức Việt Nam những bài chính xác nữa hầu họ hiểu được cái vai trò của người Pháp trên thế giới về phương diện văn hóa, khoa học kinh tế. Tạp chí mới này, lấy tên là Nam Phong, sẽ đăng những bài phân tích chính xác về những tác phẩm khoa học và văn chương hay nhất, tiểu sử những nhà bác học danh tiếng của chúng ta, những sự mô tả đẹp đẽ về nước Pháp, những bài phiên dịch, những truyện ngắn hay tiểu thuyết... Ngay sau khi phát hành, tạp chí này đã hoàn toàn thành công trong giới độc giả trí thức mà nó muốn chinh phục và nhóm người này lần đầu tiên đã tìm thấy được một cái gì tương đương với những sách vở mà họ đã gởi mua từ bên Tàu trước đây..." (1)*

- Mặt khác, riêng việc L.Marty chọn cái tên Nam Phong cho tờ báo (chắc chắn có sự góp ý của Phạm Quỳnh) cho chúng ta thấy rõ dụng ý chính trị khi cho ra đời tạp chí này. Theo L.Marty thì cái tên *Nam Phong* được bắt nguồn từ bài cổ thi danh tiếng Trung Hoa được làm ra dưới thời vua Thuấn (2255 trước Công nguyên). Sau đây là bản dịch bằng tiếng Pháp của L.Marty:

"Les tièdes effluves du "Vent du midi"
Dissipent les chagrins de mon peuple.
La Saison du "Vent du midi"
Accroit la richesse de mon peuple!

Nam Phong chi huân hề,
Khả dĩ giải ngộ dân chi uẩn

---

(1) Báo cáo của Louis Marty gởi cho A. Sarraut ngày 22-8-1917.

Nam Phong chi thời hề,
Khả dĩ phụ ngô dân chi tài".

Tạm dịch:

"Mùi thơm của Nam Phong có thể giải được lòng buồn phiền của dân ta.

Gặp thời cơ Nam Phong có thể làm cho tài sản dân ta tăng lên".

(Theo Khổng Tử Gia ngữ: Vua Thuấn đàn ngũ huyền cầm ca bài ca *Nam Phong*).

Theo L.Marty, cái "Ngọn gió nam" này đã được sắp xếp theo những ảnh hưởng tốt nhất, một trong những đề mục thích hợp nhất cho tạp chí này nằm trong sự đối kháng của nền văn minh Hy-La chống lại nền văn minh của các nước Nhật-nhĩ-man, chính hai chữ *Nam Phong* đã ám chỉ rất thích hợp cho mục đích của nó. Mặt khác, như đã nói, tạp chí này được đưa ra để nâng cao trình độ tinh thần và trí thức của dân Annam, từ đó người ta có thể tìm thấy ngay trong cái tên của tạp chí ngụ ý của mục đích thứ hai vì chữ Nam là chữ tắt của Annam, nó có cái nghĩa bóng là: "*ngọn gió tái tạo xứ An nam*".

Như vậy, mục đích của tờ *Nam Phong* đã rõ ràng, nó chỉ là công cụ của bộ máy tuyên truyền của chính phủ Pháp. Mục đích của nó là tôn trọng, ca ngợi người Pháp, chống lại sự bêu xấu của Đức qua các sách báo Trung Hoa ở Việt Nam. Chính vì vậy mà chúng ta không lấy làm ngạc nhiên khi đọc trên bìa tờ *Nam Phong* những câu như: "*La France devant le monde. Son rôle dans la guerre des Nations*"... và bìa sau của tờ báo có in hình "Rồng Nam phun lửa diệt Đức tặc". Chúng ta có thể đọc trong Nam Phong những bài viết về chiến tranh (1914-1918) với một giọng căm thù Đức rất hăng say của ký giả Tuyết Huy: "*Vái trời phù hộ cho mẹ nuôi ta mau mau giết hết lũ yêu ma, mà vun lại mầm dân tộc*" (*Nam Phong* số 2).

Ngoài mục tiêu một chính sách ngắn hạn, A.Sarraut và L.Marty còn nhắm một chính sách dài hạn. Hai ông muốn dùng tạp chí *Nam Phong* để phổ biến nền văn minh Pháp đã và đang bị tuyên truyền Đức bêu xấu trước mắt người dân nhất là trong giới trí thức Việt Nam từ xưa tới nay chỉ biết có nền văn minh Trung Hoa mặc dù có sự hiện diện của người Pháp là những kẻ chinh phục mới ở ngay trước mặt họ. Vì vậy, tạp chí *Nam Phong* có cái sứ mạng là giới thiệu nền văn minh Pháp bấy giờ, "Pháp hóa" những thành phần ưu tú của Việt Nam ngõ hầu dễ bề thống trị lâu dài trên bán đảo Đông Dương. Chính L.Marty cũng xác nhận mục đích này của tờ *Nam Phong*: "*Tạp chí có tên Nam Phong, được xuất bản hai thứ tiếng, chữ Annam và chữ Tàu. Nó nhằm mục đích phổ biến một cách sâu xa trong giới trí thức Annam và cái tầm hoạt động của nó còn lan rộng trong giới kiều dân Trung Hoa ở Đông Dương và ở các tỉnh gần biên giới Hoa Việt...*"

- Về phương diện văn học: mặc dù mục tiêu chính trị của tạp chí Nam Phong quá hiển nhiên, nhưng dù sao chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng tờ báo trên phương diện nào đó đã góp phần rất đắc lực vào việc phát triển nền văn học nước nhà.

- Nhờ chữ quốc ngữ và với mục đích phổ biến những tư tưởng và văn hóa Tây phương, tạp chí *Nam Phong* đã cho đăng những bài có liên quan đến:

Triết học, văn chương, lịch sử... của Tây phương lẫn Đông phương.

Nghiên cứu nền văn học cổ nước nhà, chữ Hán và chữ Nôm v.v...

Tạp chí *Nam Phong* gây ra được hai ảnh hưởng quan trọng:

1. Trên lĩnh vực ngôn ngữ: làm giàu thêm ngôn ngữ nước nhà bằng cách đặt ra nhiều danh từ mới có liên quan đến triết học và khoa học bằng cách mượn chữ Hán, làm hoàn hảo thêm tiếng Việt trong việc dịch thuật và diễn tả được những tư tưởng triết học.

2. Trên lĩnh vực nghiên cứu: phổ biến rộng rãi những ngành học mới, nghiên cứu mọi vấn đề của Tây phương cũng như của Đông phương và nhất là bảo tồn nền văn hóa xưa của Việt Nam.

Về phương diện này, nhà văn Thiếu Sơn trong quyển *Phê bình và Cảo luận* đã xác nhận rằng "*Có những kẻ không hiểu biết gì về văn chương Pháp và Trung Hoa, nhưng với tạp chí Nam Phong họ có thể có được một trình độ tri thức cần thiết cho cuộc sống hàng ngày. Những học giả chỉ cần đọc tạp chí này cũng có được một kiến thức rộng rãi. Và trong khi đọc tờ Nam Phong người ta cũng có thể học hỏi được nền văn hóa Đông phương*" (1).

---

(1) Thiếu Sơn, *Phê bình và Cảo luận*, Nhà xuất bản Nam Kỳ, Hà Nội 1933, tr.27

Nếu ngày nay chữ quốc ngữ được phổ biến rộng rãi và trở thành ngôn ngữ chung cho cả nước thì chúng ta không thể phủ nhận vai trò của tờ *Nam Phong*. Nó đã góp phần rất đắc lực vào việc làm cho văn chương Việt Nam cận hiện đại trở nên vững chắc hơn.

Tóm lại, dù muốn dù không chúng ta cũng phải nhìn nhận trên phương diện nào đó công lao của những nhà biên tập tạp chí *Nam Phong* trên địa hạt văn chương mặc dù người sáng lập ra nó có dụng ý chính trị rõ rệt là phục vụ cho người Pháp.

2.2.2. Ở Nam Kỳ

A. Sarraut ngoài việc quá lưu tâm đến báo chí Bắc Kỳ, không phải ông ta không để ý đến chính sách tuyên truyền văn hóa ở Nam Kỳ. Dù sao chăng nữa báo chí Nam Kỳ lúc bấy giờ không giữ vai trò quan trọng bằng báo chí ở miền Bắc về cả hai phương diện văn hóa và chính trị. Báo chí trong Nam thời này, nhắm vào một chính sách ngắn hạn: chống Đức và ca tụng chiến thắng của người Pháp trong chiến tranh 1914-1918. Nó không giữ vai trò quan trọng nào về phương diện văn học, mà nó chỉ có tính cách thông tin bao quát và đa số không được sống lâu dài như hai tờ *Đông Dương* và *Nam Phong*.

Căn cứ theo tờ *Đại Việt Tạp Chí*, trong thời gian chiến tranh, A. Sarraut đã cho thành lập 6 tờ báo ở Nam Kỳ: tờ *Nam Trung Nhật Báo, An Hà Báo. Đại Việt Tạp Chí, Nữ Giới Chung, Đèn Nhà Nam*, và *Quốc Dân Diễn Đàn*.

Chúng ta xét lần lượt 6 tờ báo trên đây của A. Sarraut.

NAM TRUNG NHẬT BÁO

Đó là một tờ tuần báo có tính cách thông tin, được thành lập với sự cho phép của A. Sarraut ngày 23-2-1917. Số đầu của tờ *Nam Trung Nhật Bảo* ra ngày 10-4-1917 với khẩu hiệu “Cơ quan truyền bá tư tưởng Pháp”. Ban biên tập được giao phó cho ông Diệp Văn Cương, cựu hội đồng quản hạt, cho đến số 9 ngày 5-6-1917 thì ông Nguyễn Tử Thức lên thay. Về nội dung: tờ báo này đăng tất cả những vấn đề có liên quan đến thời sự, mục diễn đàn tự do (khuynh hướng chống Đức), những công văn hay nghị định của chính phủ, những tin vặt, ngoài ra mỗi số có dành riêng một phần nói về học vấn và một phần nói về vấn đề phụ nữ. Nói chung thì phần lớn, những tin tức hay những bài bình luận về thời sự thường có tính cách ca tụng những chiến thắng của người Pháp trước sự xâm lăng của quân Đức.

Đến ngày 1-10-1921, tờ này được sát nhập vào tờ *Lục Tỉnh Tân văn* và phát hành mỗi ngày.

AN HÀ BÁO

Tờ này chỉ là một ấn bản in bằng chữ quốc ngữ của tờ báo Pháp, tờ Le Courrier de L'Ouest. Đây là một tờ tuần báo chuyên đăng những tin tức có liên quan đến mọi vấn đề canh nông, thương mại, kỹ nghệ. Đó là một tờ báo địa phương đầu tiên được phát hành ở Cần Thơ, chủ tờ báo này là ông Võ Văn Thơm, một trong những điền chủ nổi tiếng ở Hậu Giang, và viên chủ bút là ông Nguyễn Tất Đoài, sau đó là ông Trương Quang Tiền. Tờ *An Hà Báo* được bán với giá 5 đồng 1 năm, 3 đồng 6 tháng trong khi tờ *Le Courrier de l'Ouest* chỉ bán có 3 đồng 1 năm và 2 đồng 6 tháng.

Chúng ta có thể tìm thấy trong tờ báo này những tin tức ở ngoại quốc: lụt lội ở Nhật, nạn đói ở Nga, tin trong nước, chính sách của Pháp ở Đông Dương, những bài về văn học và trào phúng... Mục đích của tờ báo đã được ông chủ bút giải thích một cách ý nhị bằng màu sắc của hình bìa tờ báo: *“Năm thứ nhất, bìa trắng, năm thứ nhì bìa xanh, và năm thứ ba bìa đỏ, và như vậy có thể tạo thành lá cờ tam sắc”*.(1)

ĐẠI VIỆT TẠP CHÍ

HỒ BIỂU CHÁNH
(Hồ Văn Trung)

Vào đầu năm 1918, với sự cho phép của A. Sarraut, nhà văn Hồ Biểu Chánh cho ra đời một tạp chí khác ở Long Xuyên. Đó là tờ *Đại Việt Tạp Chí*. Tờ báo được ra đời dưới sự bảo trợ của Hội khuyến học tỉnh Long Xuyên. Đó là một thứ *“Nam Phong”* ở miền Nam, mặc dù nó không được sống lâu và thủ giữ một vai trò chính trị hay văn hóa quan trọng như bạn đồng nghiệp của nó ở miền Bắc. Đây là một tờ báo định kỳ có tính cách truyền bá văn học hơn là một tờ thông tin mặc dù mỗi kỳ đều có đăng những tin tức có liên quan đến chính trị, kinh tế hay thời sự. Số đầu ra mắt độc giả vào tháng 1 năm 1918 với tôn chỉ là: Cơ quan truyền bá tư tưởng Pháp.

---

(1) An Hà Báo, số 34 ngày 20-9-1917

Tuy có một đời sống hết sức ngắn ngủi, tờ *Đại Việt Tạp Chí* (đình bản tháng 7 năm 1918) dưới sự điều khiển của Hồ Biểu Chánh, một nhà văn nổi tiếng cùng những cây bút có tiếng khác ở miền Nam như Lê Thúc Thanh, Nguyễn Đình Chi, Đặng Thúc Liêng... đã giữ một địa vị tương đối quan trọng trong việc truyền bá chữ Quốc ngữ ở miền Nam trong giai đoạn này.

Từ số 7, tháng 7 năm 1918, tờ *Đại Việt Tạp Chí* có ý định thực hiện chương trình của A. Sarraut: thống nhất tiếng nói ba xứ: Bắc, Trung và Nam. *Đại Việt Tạp Chí* đã đưa ra một đề nghị là chọn lọc một số nho sĩ có tiếng bấy giờ và yêu cầu chính phủ cho thành lập một Hàn lâm viện để làm ra một thứ tiếng nói chung cho cả 3 xứ: thành lập một hội đại diện cho Bắc và Nam để phiên dịch ra tiếng Việt một quyển tự vị Pháp nào đó cho là hay nhất và sau đó 3 xứ Bắc, Trung, Nam lựa chọn và đưa ra một số trí thức hiểu được hai thứ tiếng Việt và Pháp để bàn cãi và sau đó lập ra một thứ ngôn ngữ chung cho cả ba xứ cùng dùng hàng ngày.

Để thực hiện chương trình này của A. Sarraut, *Đại Việt Tạp Chí* (số 7, tháng 7 năm 1918) viết: *"Chúng tôi đang suy nghĩ về chương trình này, thì thình lình ông Phạm Quỳnh vào Nam gặp chúng tôi. Ông có cho biết ý kiến là muốn nhập tờ Đại Việt Tạp Chí và Nam Phong lại làm một để thực hiện chương trình của A. Sarraut, chúng tôi rất lấy làm bằng lòng về điều này, vì một mặt độc giả cần phải tăng thêm và mặt khác, họ cần phải hiểu được hai ngôn ngữ Bắc Nam".*

Theo chương trình của ông Phạm Quỳnh, *Đại Việt Tạp Chí* sẽ được ấn hành ở Hà Nội kể từ ngày 1-1-1919 dưới cái tên chung là *Nam Phong Đại Việt* và được chia ra làm hai phần: phần dành cho độc giả miền Bắc và phần dành cho độc giả miền Nam, và mỗi phần sẽ do chính những ký giả mỗi miền riêng của họ phụ trách.

Chính vì lý do này mà bắt đầu từ số 7 tháng 7 năm 1918 *Đại Việt Tạp Chí* bị đình bản, nhưng nó đã sống lại để thực hiện chương trình truyền bá tư tưởng Pháp vào lúc thuận tiện nhất, tức là trong khoảng thời gian chiến tranh 1939-1945. Lần này nó không còn là tờ báo theo chủ thuyết của A. Sarraut nữa mà là tiếng nói chính thức của Thống chế Pétain.

◆ *NỮ GIỚI CHUNG*

A. Sarraut từ lâu đặc biệt chú ý đến những thành phần trí thức Việt Nam tuy nhiên ông ta cũng không quên một thành phần khác mà từ lâu bị bỏ quên trong xã hội Việt Nam. Đó là phụ nữ.

"Ngay sau khi đến Saigon và trong chương trình nhằm cải cách nâng cao mức sống xã hội dân Annam, ông A. Sarraut đã cho phép xuất bản một tờ tạp chí phụ nữ đầu tiên dùng để nâng cao mức sống của phụ nữ" (1).

Phát hành ngày 1-2-1918, tờ *Nữ giới chung* chỉ là một tờ tuần báo xuất bản mỗi thứ sáu. Chủ nhân

---

(1) Nữ giới chung số 1 ngày 1-2-1918

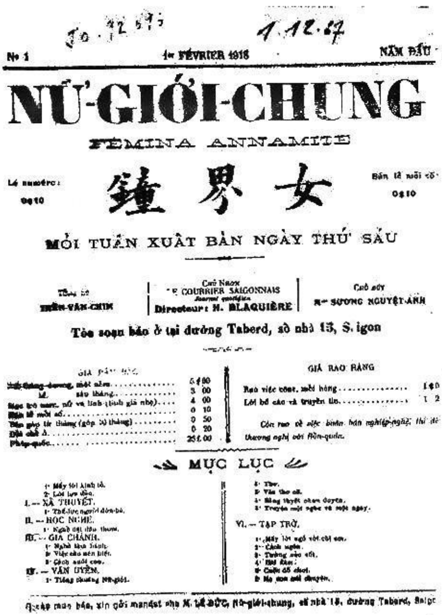

1.12.67

No 1 1er FÉVRIER 1918 NĂM ĐẦU

NỮ-GIỚI-CHUNG

FÉMINA ANNAMITE

Lé numéro: 0$10

女界鍾

Bán lẻ mỗi số: 0$10

MỖI TUẦN XUẤT BẢN NGÀY THỨ SÁU

Chủ Nhơn LE COURRIER SAIGONNAIS Journal quotidien Directeur: H. BLAQUIÈRE

Chủ bút Mme SƯƠNG NGUYỆT-ANH

Tòa soạn báo ở tại đường Taberd, số nhà 13, Saigon

GIÁ RAO HÀNG

MỤC LỤC

I. — XÃ THUYẾT.

II. — HỌC NGHỀ.

III. — GIA CHÁNH.

IV. — VĂN UYỂN.

VI. — TẠP TRỞ.

Số 1 tờ *NỮ GIỚI CHUNG* ra ngày 1-1-1918

tạp chí này là một người Pháp tên là Henri Blaquière, ông này còn làm giám đốc một tờ báo khác bằng tiếng Pháp, tờ *Le Courrier Saigonnais*. Ông Blaquière giao phó cho bà Sương Nguyệt Anh điều khiển ban biên tập. Bà Sương Nguyệt Anh là một nữ sĩ rất nổi tiếng ở miền Nam lúc bấy giờ, và là con gái của thi sĩ nổi danh: Nguyễn Đình Chiểu.

Tạp chí gồm có 18 trang và 8 trang đã dành cho phần quảng cáo. Giá báo: 0,40 đồng mỗi số. Nội dung đăng những bài xã luận, thơ, tiểu thuyết, một vài tin tức và có cả một phần dạy làm bếp. Trong số đầu, vị chủ bút, bà Sương Nguyệt Anh đã ghi rõ mục đích của tạp chí là chú trọng đến việc truyền bá chữ quốc ngữ và nhất định không đề cập đến vấn đề chính trị. Bà Sương Nguyệt Anh đề nghị một đường lối cho tờ báo mà bà phải noi theo:

- Nâng cao nền luân lý,
- Dạy cho độc giả biết cách sống hàng ngày,
- Chú trọng đến nền thương mại và tiểu công nghệ,
- Tạo sự tiếp xúc giữa con người v.v...(1)

Về phương diện văn chương, ta thấy cách hành văn và kết cấu câu văn của tờ báo này còn rất thô sơ, dưới mỗi trang báo đều có ghi chú và giải thích những chữ khó hiểu để cho độc giả có thể hiểu được.

Tờ *Nữ giới chung* là một tờ báo phụ nữ đầu tiên ở Việt Nam, sự xuất hiện của nó quả là một biến cố quan trọng đối với dân chúng lúc bấy giờ, đặc biệt là đối với phụ nữ Việt Nam. Theo dư luận một số nữ độc giả, tạp chí này đã mang lại, hoặc ít hoặc nhiều, những biến đổi mới mẻ trong đời sống tinh thần và vật chất của phụ nữ Việt Nam, vốn từ xưa đã bị sống ràng buộc trong những nguyên tắc cứng nhắc của Khổng Mạnh.

---

(1) Nữ Giới Chung, số 1 ngày 1-2-1918

Tuy nhiên, dù với đường lối "cao cả" mà nó muốn theo đuổi, tờ *Nữ giới chung* rất tiếc không được sống lâu với phụ nữ Việt Nam. Sau gần một năm ra mắt độc giả, nó phải đình bản vào cuối năm 1918 và biến thành một tờ báo khác: tờ *Đèn Nhà Nam*.

◇ ĐÈN NHÀ NAM

Là biến thể của tờ *Nữ giới chung, Đèn Nhà Nam* là một cây đèn *"không dùng để soi sáng một thành phần đặc biệt nào của dân Annam, mà dùng để soi sáng tất cả. Đèn này dùng để soi sáng cho các nho sĩ cũng như cho các nhà nông, cho người miền Nam cũng như miền Bắc... Nước Đại Pháp vừa chiến thắng trước quân Đức vì tự do của nhân loại, công lý của toàn dân, văn minh của thế giới v.v..."*

Tờ báo do ông Trần Năng Thuận làm giám đốc mặc dù với đường lối mới nhưng sống không được lâu. Nó phải đóng cửa sau khi ra được số thứ 5 ngày 8 tháng Giêng năm 1918.

◇ QUỐC DÂN DIỄN ĐÀN

Sau cùng, một trong những tờ báo theo chủ thuyết A. Sarraut xuất bản ở Nam Kỳ là tờ *Quốc dân diễn đàn*. Tuần báo này lần đầu tiên ra mắt độc giả ngày 28-10-1918. A. Sarraut giao phó cho ông Nguyễn Phú Khai điều khiển.

Mục tiêu của tạp chí cũng được ông giám đốc ghi rõ ngay trong số đầu: *"Núp dưới bóng cờ tam sắc mà giúp Đại Pháp và Annam"*. Khuynh hướng chung của tờ báo là ca tụng những người Việt Nam chiến đấu bên cạnh quân đội Pháp ở Âu Châu (trong chiến tranh 1914-1918) và kêu gọi dân chúng mua công trái để giúp chính phủ trong thời gian chiến tranh.

Tờ báo đăng những tin tức ngoại quốc do hãng Havas ở Paris cung cấp. Con số phát hành của tờ này tương đối khá cao vào lúc bấy giờ: 4000 số.

2.2.3. Báo chí theo chủ thuyết A. Sarraut được phát hành ngoài lãnh thổ Việt Nam

"...Để đáp lại sáng kiến của người Đức trong việc cho phát hành ở Thượng Hải những tài liệu bằng tiếng Trung Hoa nói đến những biến cố ở Âu Châu bằng những luận điệu hoàn toàn bất lợi cho Đồng Minh. Phòng Nghiên cứu Chính trị của chính phủ Đông Dương vừa cho in vào tháng 4-1916 những tài liệu tương tự được in ở Thượng Hải, nơi phát sinh ra những nhà trí thức của Trung Hoa hiện đại." (1)

Sáng kiến trên đây của A. Sarraut trong việc phát hành một số báo định kỳ ở Trung Hoa để trả đũa lại tuyên truyền của Đức cũng đã được ông Phạm Quỳnh xác nhận trong một cuộc phỏng vấn đăng trong báo *Phụ Nữ Tân Văn*, số 87 ngày 18-3-1931.

"Tạp chí Nam Phong ra đời năm 1917, nhưng thật ra thì có đã lâu, và không phải tôi đứng lên sáng lập; lúc trước, nó là một bộ Âu Châu Chiến Sử, xuất bản giữa hồi Âu chiến, viết bằng chữ Hán, chủ tâm chỉ viết cho người Tàu bên Trung Quốc đọc thôi. Nguyên hồi đó chính phủ Đông Pháp thấy ở bên Thanh đảo,

---

(1) Báo cáo của A. Sarraut. Hà Nội ngày 15-9-1917

người Đức làm báo chữ Tàu, in hằng muôn số phát không cho dân chúng, chuyên nói về việc chiến tranh và tán dương nước Đức. Chính phủ Đông Pháp đây lo cái thế lực người Đức ở bên Tàu mỗi ngày một lớn, bèn vời tôi lên phủ Toàn quyền, bảo tôi cùng với ông Nguyễn Bá Trác làm một tờ báo bằng chữ Hán, lấy các tin tức ở sở điện tín ARIP nói ròng chuyện chiến tranh, viết bài kể từ nguyên nhân gốc rễ cuộc Âu chiến, tuyên bố hết những chuyện dã man của dân Đức. Bài thì ký tên người Tàu, và báo cũng in ra hằng muôn số, rồi đem sang Trung Quốc phát không, để tìm cách chống lại việc tuyên truyền của bên địch và đánh đổ thế lực của Đức ở cõi Viễn Đông.

Vậy trong mấy năm, tờ Âu Châu Chiến Sử chỉ là một tờ báo chữ Hán và không có lưu hành trong xứ Đông Dương. Đến năm 1917, trên phủ Toàn quyền mới bàn với tôi là sẵn có các tin tức và bài vở đó, nên mở ra một bản quốc văn để làm cơ quan tuyên truyền tin tức trong xứ. Từ đó, Nam Phong mới xuất hiện và cùng với bạn đồng nghiệp Đông Dương Tạp Chí là hai tờ báo quốc văn ở đất Bắc..." (1)

Như vậy, theo ông Phạm Quỳnh trước khi tạp chí *Nam Phong* ra đời, chính phủ Pháp, lúc bấy giờ, do sáng kiến của A. Sarraut, cho phát hành một tạp chí lấy tên là *Âu Châu Chiến Sử*. Thật ra chỉ là một tập sách được trình bày dưới hình thức một tờ báo in bằng chữ Hán do hai ông Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác điều khiển và hầu hết bài vở là do hai ông này viết. Ông A.Sarraut đặc biệt chú tâm đến tạp chí này. Nó được trình bày đẹp mắt và rất hấp dẫn để thu hút độc giả. Những hình ảnh về chiến tranh Âu Châu được sắp xếp khéo léo và có mỹ thuật. Tất cả những phương tiện vật chất dùng vào việc trình bày tờ báo nhất là những hình ảnh đều do sở địa lý của chính phủ cung cấp. Chính Tổng trưởng thuộc địa Pháp, ông Henri Simon cũng đặc biệt lưu tâm đến tờ báo này, nhất là hình ảnh những vị nguyên thủ, những chính khách quan trọng và những nhà quân sự của các quốc gia đồng minh. Tổng trưởng Henri Simon trong khi khen tặng tác phẩm của A. Sarraut đã không quên nhấn nhủ vị này đừng bao giờ cho in những hình ảnh nào ngoài những hình ảnh nói đến chiến thắng vẻ vang của nước Pháp (theo thư đề ngày 3-12-1917 của Tổng trưởng thuộc địa gửi cho Toàn quyền Đông Dương).

Tưởng chúng ta cũng nên nói thêm chủ đích của A. Sarraut trong khi cho phát hành tập *Âu Châu Chiến Sử* này, ngoài chính sách tuyên truyền chống Đức, theo A. Sarraut tờ báo còn có một dụng ý khác: nhằm đánh vào giai cấp sĩ phu, tức là thành phần trí thức Trung Hoa, nhất là những sĩ quan trẻ tuổi Trung Hoa vừa tốt nghiệp các đại học quân sự ngoại quốc như ở Nhật; ảnh hưởng trên sự hiểu biết non kém của họ bằng cách làm cho họ nghi ngờ sự hiểu biết về quân sự của chính họ, mặt khác làm cho họ thích thú và theo dõi những hình ảnh về quân sự đăng trên tạp chí này. Ông A. Sarraut cũng không tin là tạp chí này có thể sống lâu dài được, tuy nhiên nó sẽ sống tùy theo sự lâu dài và phức tạp của cuộc khủng hoảng trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất (1914-1918).

Theo ông, điều cần thiết cho đường lối của tờ báo là trình bày trước mắt người dân Trung Hoa sự thật về cuộc chiến tranh từ khởi thủy và những ngày đầu của chiến tranh mà vấn đề chính yếu để giải quyết là biện minh cho tất cả những biến cố đã xảy ra trước đó.

---

(1) Phụ nữ Tân Văn số 87 ngày 18-6-1931

Ngoài tờ *Âu Châu Chiến Sử*, A. Sarraut còn có nhiều giải pháp chính trị khác cũng luôn luôn nhằm mục tiêu là phản công chống Đức ở các nước lân cận Đông Dương. A. Sarraut và chính quyền của ông đã vận dụng hết mọi sự cố để tiêm nhiễm trong các từng lớp ở Á châu những tư tưởng thân Pháp. Vì lý do đó, chính phủ Đông Dương lúc bấy giờ đã trợ cấp mọi phương tiện tài chính để cho phát hành một số báo chí ở Xiêm, Nhật và Trung Hoa (1).

---

(1) Về việc báo ở Xiêm (Thái lan bấy giờ). Theo Tế Xuyên, Nghề Viết Báo, nxb Khai Trí, Saigon 1969, trang 23-24 có ghi:

"Ông Quán Chi Đào Trinh Nhất có viết một bài nói rằng người Việt Nam qua ở bên Xiêm thời Minh Mạng và Thiệu Trị đã biết làm báo rồi...

"Biết lợi dụng, phổ thông quốc ngữ vào việc làm báo làm sách cho công chúng, bắt đầu chính là người Việt kiều ngụ bên Xiêm trước, rồi đến đồng bào trong Nam sau.

"Nguyên xưa, người Việt Nam mình sang ở đất Xiêm khá đông vì lẽ hoạn nạn ở quê hương xô đẩy. Có hai hạng người kết hợp thành xóm làng riêng: một là Cựu Annam hương" - Tiếng Xiêm gọi là Samphên - gồm những người theo Đức Cao Hoàng từ trăm năm về trước; hai là "Tân Annam hương" - Sansên - gồm những người theo đạo Thiên Chúa ở 2 triều Minh Mạng, Thiệu Trị; trong nước có lệnh cấm đạo nghiêm khắc, họ trốn sang Xiêm rồi sanh tụ luôn ở đấy.

"Đoàn thể trên đã hoàn toàn hóa bản xứ, nhất thiết ngôn ngữ, phong tục không còn chút gì vấn vương cố hương.

"Duy có người ở đoàn thể sau thì còn giữ được phần nhiều bản sắc, tuy sự sinh hoạt có thay đổi theo hoàn cảnh, nhưng tiếng mẹ đẻ vẫn không lãng bỏ, lại cố tình đùm bọc, quây quần với nhau là nhờ sức tôn giáo.

"Lúc đó quốc ngữ, theo khuôn pháp Đức Cha Bà-Đa-Lộc chỉnh đốn, đã thành nền nếp rõ ràng. Trong phái Tân Annam, đã có

Chính A. Sarraut đã xác nhận rằng chính phủ Đông Dương không thể nào không lưu tâm tới những sự tuyên truyền của Pháp tại các nước ở Viễn Đông ngoài Việt Nam. Theo lời yêu cầu của Bộ trưởng thuộc địa Pháp, Chính phủ Đông Dương, vào tháng 1 năm 1915, đã trợ cấp một số tiền hàng năm là 3000 ticaux (1) cho tờ *Bangkok Daily Mail* một tờ báo bằng tiếng Anh xuất bản ở Bangkok có khuynh hướng bảo vệ chính sách của Đồng Minh ở Thái Lan.

Chính phủ Đông Dương mặt khác còn cho phát hành ở Thượng Hải dưới sự bảo trợ của tòa lãnh sự Pháp và Anh, một tạp chí thông tin lấy tên là *Ngeon-Chan-Che-Pao*. Ngoài hàng ngàn số được lưu hành ở Trung Hoa, một số khác của tạp chí này còn được chính phủ Pháp cho nhập cảng vào Việt Nam và được phổ biến rộng rãi trong giới trí thức ở xứ này. A. Sarraut cũng cho biết là tờ báo này nhận tiền trợ cấp mỗi tháng là 620 đôla. (2)

Ngoài ra vào tháng giêng năm 1917, A. Sarraut còn trợ cấp cho viên lãnh sự Pháp ở Quảng Châu một số tiền hàng tháng là 700 đồng tiền Đông Dương để dùng vào việc khuyến dụ những tờ báo ở địa phương này viết những bài chống lại chính sách tuyên truyền của Đức đăng trên một vài tờ báo ở đây.

---

mấy người đàn anh học quốc ngữ, thấy sự lợi ích, bèn xin các cố "mở ra ở Vọng Các một nhà in để in sách vở chữ quốc ngữ truyền bá trong đám kiều bào. Ngoài ra, họ lại in một tập kỷ yếu gần như là tạp chí xuất bản bất thường, ghi chép những việc quan hệ trong giáo hội và dân gian, cho các đạo hữu cùng biết"...

(1) Ticaux tức là đơn vị tiền tệ của Thái vào thời đó.

(2) Phúc trình của A. Sarraut. Ld.

Mặt khác A. Sarraut còn gởi cho Tòa Đại sứ Pháp ở Tokyo một số tiền là 15.000 Franc để dùng vào việc trợ cấp cho một số tờ báo in bằng tiếng Pháp được phát hành ở đây. Đó là tờ *Information d'extrême-Orient.*

Về phương diện này, A. Sarraut đã thú nhận trong một bản tường trình gửi cho Tổng trưởng thuộc địa Pháp ngày 15-9-1917:

"Về những gì có liên quan đến một chính sách tuyên truyền, trong nước cũng như ở các nước láng giềng, chính phủ Đông Dương đã thực thi những công trình lợi ích: đó là con đường duy nhất mà chính phủ phải noi theo để đạt được những kết quả tốt và ý định của tôi là tiếp tục cung cấp và giúp đỡ chính sách tuyên truyền hữu hiệu này của người Pháp bằng tất cả những phương tiện mỗi khi chính sách tuyên truyền này cần đến để đánh mạnh vào các giới Á châu."

A. Sarraut viết tiếp: *"Tôi hy vọng là với sự kiên nhẫn và làm việc có phương pháp trong sự cố gắng của chúng ta, chúng ta sẽ có thể phổ biến ở Đông Dương và ở các nước lân cận những tài liệu thông tin đúng đắn cho phép dân chúng ở các nước này, trong hoàn cảnh mà chúng ta đang trải qua, hiểu rõ những lời biện minh của chúng ta và cố gây nên một sự khắng khít hay cảm tình mà chúng ta phải giữ gìn đối với người này và tìm được ở người khác."*

Cũng nên nói thêm ở đây là trong lúc Chiến tranh 1914-1918, chính phủ Pháp ở Paris có cho phát hành một tạp chí đặc biệt để gởi đi và lưu hành ở thuộc địa ở Viễn Đông cũng như ở châu Phi và châu Mỹ La Tinh. Đó là tờ *Panorama*, được in trên 12 trang

giấy, ra 2 lần trong tháng, và được trình bày bằng những hình ảnh rất đẹp, dưới mỗi hình có những lời giải thích bằng năm thứ tiếng khác nhau: Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Ả Rập và Việt Nam.

Vai trò của tạp chí này là nói lên chiến thắng của người Pháp trên mọi lãnh vực, sự tiến bộ và thịnh vượng của các thuộc địa cùng tất cả những sự đóng góp của những thuộc địa vào mẫu quốc. Tờ *Panorama* được lưu hành cũng như bao nhiêu tờ báo khác theo chủ thuyết A. Sarraut, là nhằm đương đầu lại những sách báo tương tự mà người Đức đã cho phổ biến ở các thuộc địa này. Theo Tổng trưởng bộ thuộc địa Pháp thì tờ này phải được phổ biến càng nhiều càng tốt trong giới những người dân bản xứ. Riêng xứ Đông Dương lần đầu tiên nhận ngày 14-6-1916 tất cả 500 số (tức lần đầu của tờ *Panorama*), và nhận lần thứ nhì ngày 23-6-1918 cũng 500 số. Vào năm 1920, để nhận 2000 số của tờ *Panorama*, viên Toàn quyền Maurice Long phải trợ cấp một số tiền 15.000 Franc để duy trì tạp chí này.

III. NHỮNG TỜ BÁO KHÁC XUẤT BẢN TRONG THỜI KỲ TỪ 1908 ĐẾN 1918

Trong thời kỳ này ngoài những tờ báo do chính A. Sarraut chủ xướng còn nhiều tờ khác xuất hiện ở Nam cũng như ở Bắc. Mặc dù những tờ này không do chính A. Sarraut làm ra nhưng ít hay nhiều nó cũng bị chính phủ kiểm soát một cách rất gắt gao và trên phương diện nào đó nó cũng phải theo đúng đường lối do A. Sarraut đề ra.

3.1. Ở Bắc Kỳ

◈ *TỜ TRUNG BẮC TÂN VĂN*

Do F. H. Schneider sáng lập năm 1913, với sự cộng tác của các ông Hoàng Tăng Bí và Nguyễn Bá Trác chuyên viết những bài xã luận và Nguyễn Đỗ Mục lo về phần dịch những tiểu thuyết Tàu ra tiếng Việt. Chính Nguyễn Văn Vĩnh là chủ bút mà cũng là cột trụ của tờ báo này.

Năm 1919 vì già yếu, ông Schneider đành phải bán lại tờ này cho Nguyễn Văn Vĩnh cùng với những dụng cụ nhà in với giá là 18.000 đồng. Từ đó ông Nguyễn Văn Vĩnh đổi tờ này thành nhật báo. Đó là tờ nhật báo đầu tiên ở Bắc Kỳ và sống rất lâu (nó bị đình bản trước Chiến tranh Thế giới thứ Hai). Được in 4 trang, khổ 45 x 57 cm, tờ này được bán với giá 0,02 đồng mỗi số. Tuy nhiên cách trình bày tờ báo vẫn còn rất đơn sơ và không có kỹ thuật gì cả, những bài báo được xếp liên tiếp bài này đến bài kia, không tiếp theo trang sau... Về phương diện nội dung, có thể đọc trong tờ này tất cả những đề mục như: ngôn luận tự do, văn học, những tài liệu chính thức của chính phủ, những câu chuyện lịch sử và những tin vặt khác v.v... Ngoài ra, mỗi tuần vào ngày chủ nhật còn có thêm một phụ trương văn học rất lý thú lấy tên là *Trung Bắc Chủ Nhật*. Ban biên tập ngoài những vị vừa kể trên, tờ báo còn được sự cộng tác của các ông Nguyễn Văn Hiền, Bùi Huy Cường, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Văn Luận v.v... *Trung Bắc Tân Văn* xuất hiện sớm nhất và tồn tại lâu nhất ở Bắc Kỳ. Từ năm 1913 đến tháng 4-1941 mới đình bản (tổng cộng 7.265 số báo).

Dù sao chăng nữa thì tờ nhật báo đầu tiên ở đất Bắc này cũng không thể thủ giữ một vai trò quan trọng như hai tờ *Đông Dương* và *Nam Phong*, về cả hai phương diện văn học lẫn chính trị.

3.2. Ở Nam Kỳ

◈ *NAM KỲ ĐỊA PHẬN (1908-1945)*

Tờ báo Thiên Chúa Giáo của L.m. Mossard, số 1 ra ngày 26-11-1908 và số cuối ra ngày 15-2-1945, phổ biến giáo lý Thiên Chúa Giáo tại Nam Kỳ, tuần báo ra ngày thứ năm.

◈ *TÂN ĐỢI THỜI BÁO*

Do một người Pháp thành lập, ông Lucien Héloury, giám đốc tờ báo *L'Opinion*. Ban biên tập được đặt dưới sự điều khiển của ông Nguyễn Kim Đính. Tờ tuần báo này được thành lập vào tháng 1 năm 1916 có khuynh hướng thân chính phủ, đề cập đến những vấn đề có liên quan đến thời sự, chiến tranh Âu Châu, văn chương, tiểu thuyết v.v...

◈ *CÔNG LUẬN BÁO*

Đến ngày 29-8-1916, tờ *Tân Đợi thời báo* trên đây được đổi thành tờ *Công luận báo* và xuất bản mỗi tuần 2 lần và sau đó là mỗi ngày. Thật ra tờ này chỉ là một ấn phẩm bằng tiếng Việt của tờ *L'Opinion*, một tờ báo bằng tiếng Pháp của ông L. Héloury. Và chủ bút của tờ này là ông Nguyễn Kim Đính.

◈ *NAM VIỆT TẾ GIA*

Đó là một tờ tuần báo, được in bằng hai thứ tiếng: Việt, Pháp và viên giám đốc là người Pháp, bà

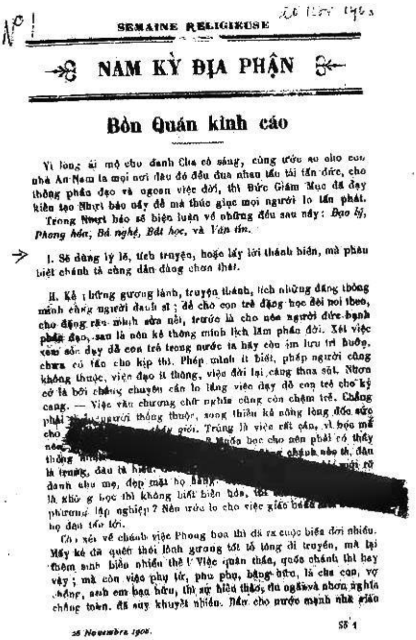

N° 1

26 Nov 1908

SEMAINE RELIGIEUSE

NAM KỲ ĐỊA PHẬN

Bổn Quán kính cáo

Vì lòng ái mộ cho danh Cha cả sáng, cùng ước ao cho con nhà An-Nam ta mọi nơi đâu đó đều đua nhau tấn tài tấn đức, cho thông phần đạo và ngoan việc đời, thì Đức Giám Mục đã dạy kiến tạo Nhựt báo nầy để mà thúc giục mọi người lo tấn phát.

Trong Nhựt báo sẽ biện luận về những điều sau nầy: *Đạo lý, Phong hóa, Bá nghệ, Bác học,* và *Văn tín.*

→ I. Sẽ dùng lý lẽ, tích truyện, hoặc lấy lời thánh hiền, mà phân biệt chánh tà cùng dẫn đàng chơn thật.

II. Kể những gương lành, truyện thánh, tích những đấng thông minh cùng người danh sĩ; để cho con trẻ đặng học đòi noi theo, cho đặng rèn mình sửa nết, trước là cho nên người đức hạnh phần đạo, sau là nên kẻ thông minh lịch lãm phần đời. Xét việc vỡ lòng dạy dỗ con trẻ trong nước ta hãy còn ỉm lưu trì huởn, chưa có tấn cho kịp thì. Phép mình ít biết, phép người cũng không thuộc, việc đạo ít thông, việc đời lại càng thua sút. Nhơn cớ là bởi chẳng chuyên cần lo lắng việc dạy dỗ con trẻ cho kỹ càng. — Việc văn chương chữ nghĩa cũng còn chậm trễ. Chẳng phải [redacted] người thông thuộc, song thiếu kẻ nóng lòng đốc sức cho [redacted] thầy giỏi. Trúng là việc rất cần, vì bọn mê nên [redacted] Muốn học cho nên phải có thầy thông [redacted] chánh nào thì, đâu là trường, đâu là hiếu [redacted] mới rõ danh cha mẹ, đẹp mặt họ hàng [redacted] là không học thì không biết biến hóa, thì [redacted] phương lập nghiệp? Nên ước lo cho việc giáo hóa [redacted] họ đạo tấn tới.

Còn xét về chánh việc Phong hóa thì đã ra cuộc biến dời nhiều. Mấy kẻ đã quên thói lành gương tốt tổ tông di truyền, mà lại thêm sinh biến nhiều thế! Việc quân thần, quốc chánh thì hay vậy; mà còn việc phụ tử, phu phụ, bằng hữu, là cha con, vợ chồng, anh em bạn hữu, thì sự hiếu thảo, tín nghĩa và nhơn nghĩa chẳng toàn, đã suy khuyết nhiều. Đến cho nước mạnh nhà giàu

26 Novembre 1908. Số 1

Tờ *NAM KỲ ĐỊA PHẬN* ra ngày 26-11-1908

Rose Quaintenne, phát hành lần đầu tiên vào ngày 14-10-1917 và bị đình bản vĩnh viễn vào ngày 22-9-1918.

◆ THỜI BÁO

Đó là một tờ báo dùng để "binh vực những quyền lợi Pháp Việt", ra mỗi tuần 2 lần, xuất bản vào tháng 10 năm 1918 với sự cộng tác lần lượt của các ông Trần Quang Có, Trần Văn Chim, Nguyễn Thành Út, với tư cách là chủ bút và Giám đốc. Cũng như bao nhiêu tờ báo khác đương thời, là một người Pháp, ông Henri Blaquière, ông này cũng là chủ tờ *Le Courrier Saigonnais*.

Về đường lối chính trị của tờ này thì cũng giống như những tờ báo khác theo chủ thuyết A. Sarraut. Khẩu hiệu của nó là: "Cho Đại Pháp, bởi Đông Dương" *(Pour la France, par l'Indochine)*. Tờ báo cho đăng những tin tức có liên quan đến thời sự, tin trong nước, tin ngoại quốc, văn học v.v... Báo này rất lấy làm vinh dự đã thu hút được Vua Khải Định trong số những độc giả của nó. Mặc dù thế, nó cũng không thể sống lâu nổi và đã chào vĩnh biệt vị Hoàng đế An Nam vào năm 1921 sau 3 năm trời đóng vai phát ngôn viên của chính phủ Pháp.

IV. BÁO CHÍ CHUYÊN BIỆT

(La presse spécialisée)

4.1. Báo Tiếng Pháp do người Việt Nam chủ trương

4.1.1. Ở Bắc Kỳ

Về loại này, ở Bắc ta chỉ thấy có hai tờ và cả hai tờ này đều do Nguyễn Văn Vĩnh thành lập và điều khiển.

Notre Journal là một tờ tuần báo, phát hành số đầu ngày 19-10-1908 tại Hà Nội. Đây là một cơ quan ngôn luận của những công chức và nhân viên bản xứ của nền hành chính Pháp và của nền thương mại Đông Dương.

Notre Journal được thành lập, theo ông Nguyễn Văn Vĩnh, nhằm hai mục đích:

- Duy trì sự giao hảo giữa những người Annam để phục vụ cho Pháp, phổ biến trong giới này cái học thuyết của sự hợp tác chân thành cho công trình của nước Pháp ở Đông Dương.

- Giúp đỡ cho người Pháp hiểu người Annam, những tư tưởng, nguyện vọng, đặc tính, ưu điểm, khuyết điểm của họ... (1)

Dù với "thiện chí" trên đây của Nguyễn Văn Vĩnh, tờ *Notre Journal* cũng không thể sống lâu. Nó tự đình bản vào năm 1910 và sau đó được thay thế bằng một tờ báo khác cùng loại và cũng cùng mục đích, đó là tờ *Notre Revue*. Tờ báo thứ hai này của Nguyễn Văn Vĩnh cũng không thể sống lâu. Báo đóng cửa vĩnh viễn sau 12 số ra mắt độc giả.

4.1.2. Ở Nam Kỳ

Ở Nam, báo in bằng tiếng Pháp được khai sinh trong một khung cảnh hoàn toàn khác biệt. Loại báo này trong giai đoạn đầu đã được chính phủ Pháp hết sức chăm sóc và lưu ý, là một công cụ tuyên truyền cho Pháp. Trong thời kỳ giữa 2 thế chiến, loại báo này được phát triển mạnh mẽ và có mục đích khác mà chúng ta sẽ đề cập vào chương sau.

Về phương diện này A. Sarraut đã nói trong một bảng phúc trình gửi cho Tổng trưởng Thuộc địa Pháp đề ngày 15-9-1917:

"Ở xứ thuộc địa Nam Kỳ này, vấn đề tuyên truyền bằng sách vở và báo chí in bằng chữ Hán sẽ không có lợi mấy vì rằng Pháp văn đã được phổ biến rộng rãi. Ở đây, Hán văn gần như đã bị bỏ quên từ lâu.

Mặt khác, một phong trào đã thấy rõ mấy lúc gần đây trong các giới thuộc địa Nam kỳ là người ta tìm đọc báo tiếng Pháp. Kết quả chắc chắn là với tình trạng đó việc truyền bá chữ Pháp rồi đến văn hóa Pháp rất thuận lợi".

Ngoài những tờ báo tiếng Pháp xuất bản từ trước đến nay vẫn tiếp tục, một số tờ báo mới ra đời.

Để mở đầu chính sách tuyên truyền văn hóa này của A. Sarraut, Nguyễn Phú Khai, một trí thức trẻ tuổi vừa du học ở Pháp về, với sự giúp đỡ của chính phủ, cho ra đời một tờ báo lấy tên là *La Tribune Indigène* (*Diễn đàn bản xứ*) ngày 20-8-1917. Tờ này phát hành mỗi tuần hai lần và có sứ mạng là chống Đức, ca tụng người Pháp, cổ động dân Việt Nam mua quốc trái để phục vụ mẫu quốc...

Bắt đầu ngày 6-9-1919 tờ này có thêm phần phụ trang đặc biệt vào ngày thứ bảy lấy tên là *La Petite Tribune Indigène.*

Năm 1926, *La Tribune Indigène* trở thành cơ quan chính thức của Đảng Lập Hiến Đông Dương của nhóm Bùi Quang Chiêu với cái tên là *La Tribune Indochinoise.*

---

(1) Notre Journal số 1 ngày 19-10-1908

4.1.3. Ở Trung Kỳ

Trung Kỳ, mảnh đất cuối cùng còn lại của triều Nguyễn, cho đến thời kỳ này, vẫn chưa biết gì về báo chí mặc dù lúc bấy giờ vấn đề thông tin đã và đang phát triển mạnh mẽ ở Bắc và Nam. Và chỉ trong lúc Chiến tranh 1914-1918, báo chí Trung Kỳ mới bắt đầu khai sinh.

Tờ báo đầu tiên và duy nhất của xứ Trung Kỳ được in bằng tiếng Pháp là tờ *Le Rigolo*. Đó là một tờ nhật báo chính trị, văn học, nghệ thuật, châm biếm,... một cơ quan bảo vệ quyền lợi Pháp Việt không có một liên hệ với bất cứ một đảng chính trị nào... Tờ báo được thành lập do vị thông phán Tòa sứ người Việt ở Huế. Và những nhà sáng lập của tờ *Le Rigolo* muốn cho tờ này phải là một cơ quan ngôn luận rất mạnh, một tờ báo có một số phát hành lớn nhất ở Việt Nam và sẽ được bán với một giá rất rẻ... Nhưng trên thực tế làm thế nào để thực hiện những mục tiêu lý tưởng trên vào năm 1915, nghĩa là vào lúc mà chiến tranh đang diễn ra mạnh mẽ ở Âu Châu.

Vì rằng tình trạng này sẽ không cho phép họ đặt mua ở Pháp những dụng cụ và tất cả những phương tiện vật chất để in báo, vì nước Pháp lúc ấy đang ở trong tình trạng chiến tranh. Và ngay ở trong xứ lúc bấy giờ cũng phải thiếu nhân công vì thanh niên bị bắt lính để gởi sang Âu Châu v.v... Mặc dù với những trở ngại trên, hai viên thông phán Tòa Khâm sứ ở Huế cũng nhất định cho ra đời tờ báo của họ.

Một trong hai người vừa là giám đốc chính trị, vừa kiêm luôn chức vụ viết báo và bán báo, và người kia là chủ bút, quản lý và... thợ sắp chữ!

Tờ *Le Rigolo*, nhật báo chính trị, văn học,... lần đầu tiên ra mắt độc giả, phát hành được 12 số in trên giấy trắng học trò bằng mực xấu. Để tiết kiệm, người ta dùng đông sương thay keo Tây và dùng thuốc nhuộm để thế mực in. Số đầu được phát không cho độc giả. Và bắt đầu số thứ hai, ta để ý thấy có ghi chú: *"Xin yêu cầu quý vị đặt mua báo dài hạn đến tòa soạn gấp để đóng tiền"*. Và tờ báo sau khi đọc xong đã được độc giả gửi trả lại cho tòa soạn với những câu trả lời thú vị như sau: *"Tôi sẽ trả vào cuối năm"*; *"Tôi sẽ trả bằng bưu điện"*, *"Trước hết tôi cần biết màu sắc tờ báo của ông"*, *"Hãy can đảm lên, tiếp tục đi"*; *"Tôi muốn làm đặc phái viên của ông để khỏi trả tiền báo"* v.v...

Trước tình trạng này, không một độc giả nào muốn mua báo dài hạn và ngay cả Nhà nước cũng không muốn giúp đỡ gì cho đứa con đầu lòng èo uột này. Và hậu quả là tờ "Nhựt báo chính trị, văn học,..." này bắt buộc phải đình bản sau lần thứ nhì ra mắt độc giả. (1)

4.2. Báo chí Trung Hoa được lưu hành ở Việt Nam

Cũng nên lưu ý là trong thời kỳ từ 1907 đến 1918 chúng ta thấy xuất hiện ở Đông Dương một số báo chí bằng tiếng Trung Hoa được nhập cảng từ ngoại quốc. Và hầu hết những tờ báo này đều có một đặc điểm chung là căm thù và chống đối nhà Mãn Thanh bên Tàu và chế độ thuộc địa Pháp ở Đông Dương.

---

(1) Báo chí ở Trung kỳ (*Thần kinh tạp chí* số 1-8-1927. Huế, trang 81-82).

Theo tinh thần của hiệp ước ngày 04-01-1909 được ký kết giữa Pháp và Trung Hoa nhằm mục đích đàn áp những phong trào cách mạng Trung Hoa ở Đông Dương, chính phủ Pháp đã nhiều lần ra lệnh cấm chỉ lưu hành ở Việt Nam những tài liệu hay sách báo nào có tính cánh phỉ báng, xúi dục phạm pháp và bạo động để chống lại triều đại nhà Thanh đang trị vì ở Trung Hoa. Mặc dù vậy, một số báo chí Trung Hoa được du nhập và tiếp tục tràn sang Đông Dương.

Đầu tiên có hai tờ *Novay Tempor* và *Hsin-Shin-Chi-Pao*, cả hai tờ này có cùng một chủ trương là *"khuyến khích những cuộc bạo động chính trị và tuyên truyền nhằm tạo nên dư luận căm hờn trên tinh thần dân chúng địa phương"*. (1)

✧ *TỜ NOVAY TEMPOR (Le Siècle Nouveau):*

Là một tờ báo chủ trương vô chính phủ (anarchiste), được in ở trụ sở tại số 4 đường Broca và in ở số 83 đường La Santé. Ban biên tập gồm có: G. H. Wood (hay là King Hong), Whou-Tu-Gi (hay là Ouang-Jou-Ki), Tsing-Tse-Shing (hay là Tseng-Tze-Siang) và Tsu-Min-Yee (hay Tchou-Ming-Ni). Tất cả, những người này đều ngụ tại nhà số 25 đường Dareau. (2)

Tờ báo cho đăng những bài có tính cách bạo động chống nhà Thanh. Nhưng bằng nghị định ngày 04-01-1910 chính phủ Đông Dương đã ra lệnh cấm lưu hành tờ báo trên. Biện pháp trên đây của chính phủ Pháp đã tỏ ra thiện chí muốn dập tắt ngay tất cả những mầm mống gây loạn và bảo đảm cho chính phủ Trung Hoa một sự duy trì trật tự và ổn định (1).

✧ *TỜ HSIN-SHIN-CHI-PAO*

Cũng là một tờ báo cách mạng Trung Hoa, được in từ nước ngoài, và lưu hành ở Đông Dương. Báo này kêu gọi một cuộc nổi dậy lật đổ chế độ Mãn Thanh bên Trung Hoa. Nhưng tờ này cũng như tờ thứ nhất bị chính phủ Pháp cấm không cho lưu hành ở Đông Dương, vì điều 2 của cuộc thương thuyết Pháp Hoa đã cho phép đàn áp tất cả những cuộc âm mưu cách mạng Trung Hoa ở Đông Dương. Nhà cầm quyền Pháp đã giao kết cấm đoán và đàn áp một cách hà khắc tất cả những tuyên truyền có tính cách cách mạng và chống lại nhà Thanh ở Đông Dương bằng báo chí hay bất cứ một phương tiện ấn loát nào.

Chúng ta có thể kể thêm những tờ báo Trung Hoa khác xuất bản ở Quảng Châu và sau đó cho phổ biến ở Đông Dương. Hai tờ này còn "nguy hiểm" hơn hai tờ trên. Bạo động nhất là tờ *Yunnam-Journal* đã bị chính phủ Pháp đập ngay từ lúc đầu. Theo Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ thì *"những tờ báo này đượm màu ái quốc quá khích và bài ngoại thái quá. Nó bóp méo một cách quá đáng tất cả những tin tức trong và ngoài nước, có lợi cho Trung Hoa và hại cho người ngoại quốc. Và những tờ báo này đặc biệt rất thù ghét chính phủ Pháp, đã cho đăng tải, nhất là vụ Đề Thám, một số tin tức thất thiệt hầu tách rời*

(1,2) Theo bản báo cáo của Tổng trưởng Nội vụ Pháp ngày 13-03-1909.

(1) Theo thư đề ngày 02-02-1910 của Hoàng Thân K'ing, Tổng trưởng ngoại giao Trung Hoa gửi cho công sứ Pháp ở Bắc kinh.

chúng ta với những người Annam trung thành nhất, họ tìm đủ mọi dịp để tấn công chính phủ Pháp ở Đông Dương..."(1).

Vì vậy việc lưu hành những tờ báo nói trên đã bị cấm chỉ ở Đông Dương hay ít ra *"nó sẽ được lưu hành trong trường hợp không nguy hiểm lắm cho chính phủ sau khi được kiểm duyệt gắt gao, và tờ báo sẽ được gửi đến cho người nhận sau khi những bài vở theo chính phủ, có tính cách chống Pháp, phải được bôi bằng mực và làm cho đọc giả rất khó đọc hoặc không thể đọc được. Nhưng dù sao đi nữa thì biện pháp triệt để chống lưu hành những tờ báo trên vẫn hơn, vì, một công việc như vậy hết sức tế nhị, và đôi khi trả một giá rất đắt, vì nhiều khi chúng ta bỏ qua không kiểm duyệt được những bài rất nguy hiểm được các nhà báo Trung Hoa ngụy trang dưới những hình thức hết sức khéo léo và đầy những ám chỉ mà chúng ta hoàn toàn không hiểu tí gì về cái nghĩa bóng của nó..."* (2).

4.3. Báo chí tiếng Pháp

Sau đây là một số tờ báo tiếng Pháp được phát hành trong thời kỳ từ 1908 đến 1918.

4.3.1. Ở Bắc Kỳ

- Tờ *LE PILORI* của ông Barrou, hội viên hội "Liên hiệp bảo vệ quyền lợi Pháp ở Bắc Kỳ", có mục đích chống đối với chính quyền địa phương (Bắc Kỳ).

- Tờ *LE TAM TAM* (1912) tuần báo có hí họa nhưng cũng chết yểu.

- Tờ *L'UNION RÉPUBLICAINE INDOCHINOISE* (1911-1913) cơ quan của phe Cộng hòa, nhật báo chính trị và thương mại.

- Tờ *LA PLUME INDOCHINOISE* (1912-1913) tạp chí văn học nghệ thuật, phát hành mỗi tháng 2 kỳ, do ông A. Piglowski điều khiển. Ông là nhà văn có tiếng và cũng là cựu giám đốc tờ *Tam Tam*.

4.3.2. Ở Nam Kỳ

- Tờ *L'INFORMATION* (1911) nhật báo thông tin, thành lập năm 1911 của ông Cauchois.

- Tờ *L'ACTUALITÉ* (1912) nhật báo của ông Balestrini. Đóng cửa hai tháng sau khi phát hành.

- Tờ *JOURNAL DE SAIGON* cơ quan bảo vệ quyền lợi của phái Dân chủ, phát hành mỗi tuần 3 kỳ. Báo đóng cửa năm 1910.

- Tờ *LE NOUVELLISTE COCHINCHINOIS* (1912) tờ báo chính trị, văn nghệ, nông nghiệp và thương mại của tên thực dân có tiếng ở Nam Kỳ, Maurice Delaroche.

- Tờ *LE COURRIER D'ASIE* (1909) bán nguyệt san thông tin phát hành vào giờ chót trước khi tàu đi Pháp. Tiếng nói chính thức của Toàn quyền Đông Dương, Klobuskouki. Báo sống được 9 tháng.

- *L'HUMANITÉ INDOCHINOISE* (1914), tuần báo thông tin, do một ký giả chuyên nghiệp thành lập năm 1914, ông Camille Devilar. Bị đình bản năm 1916 vì đã tiết lộ tin tức mật có liên quan đến những hoạt động của Đức ở Thái Lan. Và từ năm 1920 tờ này được tục bản với một cái tên mới: *Le Temps d'Asie* (*The Asiatic Times*), ra đều mỗi tuần.

---

(1) Bản báo cáo của Tổng lãnh sự Pháp ở Quảng Châu gởi cho Toàn quyền Đông Dương ngày 26-04-1909.

(2) Theo văn thư đề ngày 26-04-1909 của Tổng Lãnh sự Pháp ở Quảng Đông gửi cho Toàn quyền Đông Dương ở Hà Nội.

V. NHỮNG NƠI CUNG CẤP TIN TỨC

Tất cả báo chí ở Đông Dương được cung cấp bởi hai nguồn chính: tin quốc nội và tin quốc ngoại.

5.1. Tin trong nước

Được cung cấp bởi:

- Chính phủ: Thông cáo, nghị định, ý kiến hay những cải cách mới của chính phủ v.v...

- Đặc phái viên: báo chí ở Việt Nam lúc bấy giờ còn có một số "đặc phái viên nghiệp dư", những bạn bè hay những độc giả thân tín. Những người này vào một dịp đi xa nào đó, đã lợi dụng viết bài gửi cho tờ báo nào họ thích. Một vài tờ báo đã chọn những "đặc phái viên" trong số những độc giả thân tín nhất của họ, ngược lại những người này sẽ khỏi phải trả tiền đặt mua báo dài hạn.

- HÃNG A.R.I.P.

Hầu hết những tin tức trong xứ đều do hãng A.R.I.P. cung cấp (Agence Radio d'Information et de Presse). Hãng này hoạt động dưới sự kiểm soát của chính quyền Bảo hộ. Những tin tức do hãng này cung cấp đều được viết bằng tiếng Pháp, điều này không có gì trở ngại cho những tờ báo bằng tiếng Pháp, tuy nhiên đối với báo Việt ngữ tin tức trên đây cần phải được dịch ra tiếng Việt. Vì vậy vào thời kỳ này chúng ta thấy có một số nhà báo Việt Nam giỏi Pháp văn chuyên lo về công việc dịch thuật tất cả những tin tức do hãng A.R.I.P. cung cấp như Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Luận, Dương Mậu tức Ngọc Thỏ v.v... (1)

Tóm lại công việc tổ chức các nguồn tin cung cấp cho báo chí Việt Nam vào thời kỳ này còn bấp bênh. Những tin tức thường nhận được rất trễ từ 4 đến 5 ngày. Những nhà làm báo thường hay lượm lặt những tin tức từ trong các báo Pháp có đủ những phương tiện về tài chính và cũng như về kỹ thuật để thu thập đầy đủ hơn.

Vả lại, đa số báo chí Việt ngữ lúc bấy giờ thường không chú trọng đến tin tức mà chỉ chuyên lo những bài bình luận có tính cách luân lý hay văn chương và ít khi nói tới những vấn đề chính trị và thời sự tức là những vấn đề cấm kỵ đối với các ký giả Việt Nam. Vì vậy những bài bình luận của họ thường nhắm vào những đề tài về ngôn ngữ, văn học hay luân lý. Vì vậy ta thấy câu nói của Nguyễn Văn Vĩnh hay của Phạm Quỳnh về chữ quốc ngữ cũng là dịp cho các ký giả Việt Nam khai thác một cách triệt để, để viết hàng loạt bình luận về đề tài này.

Thực ra hãng **A.R.I.P.** ngoài việc cung cấp tin tức cho báo chí Việt Nam, chỉ là hãng thông tin và tuyên truyền cho chính phủ Pháp mà thôi. Theo tờ *Thần Chung* số 318 ngày 19-02-1930 thì *"hãng này hàng năm nhận một số tiền trợ cấp của chính phủ mấy chục ngàn đồng, nhưng lại câm miệng trước những biến cố quan trọng xảy ra trong nước"...*

---

(1) Vũ Bằng. *Báo chí Bắc Việt từ 1934 đến 1954*. Tạp chí Tập san số 1 tháng giêng 1968 trang 10.

5.2. Tin ngoài nước

Tất cả những tin tức xảy ra ở nước ngoài đều do hãng thông tấn Havas cung cấp.

Bắt đầu từ ngày 01-03-1899 hãng thông tấn Havas đã giao kết cung cấp cho Đông Dương tin tức mỗi ngày và những tin tức đặc biệt nếu có những biến cố quan trọng xảy ra bất cứ lúc nào và ở đâu. Ngược lại, Toàn quyền Đông Dương cung cấp cho hãng Havas tất cả mọi phương tiện truyền tin bằng hệ thống đường bộ hay đường thủy của chính phủ. Tất cả những tin tức đầu tiên đều phải được gửi đến vị đại diện của hãng Havas tại Saigon và ông này sau đó trao bản tin lại cho Toàn quyền, và quan Toàn quyền có quyền chuyển một phần hoặc tất cả bản tin trên cho các tòa đại diện và Lãnh sự Pháp ở Viễn Đông. Tất cả những tổn phí về việc chuyển những bản tin ra ngoài nước đều do chính phủ Pháp ở Đông Dương đài thọ. Mỗi năm phải trả cho hãng Havas một số tiền là 50.000 quan để đặt mua những tin tức hàng ngày.

Trước Chiến tranh 1914-1918, ông Albert Sarraut, Toàn quyền Đông Dương, có chương trình thành lập một văn phòng Thông tin của Đông Dương tại Paris. Và văn phòng này trên nguyên tắc sẽ được thiết lập năm 1911 và có nhiệm vụ làm một *“cơ quan tuyên truyền, thu nhập tin tức và đồng thời là một cơ quan thương mại và là cơ quan trung gian trong việc cung cấp tin tức ở Âu Châu cho báo chí Đông Dương...”*.

Tuy nhiên chương trình đẹp đẽ này của A. Sarraut đã bị Tổng trưởng thuộc địa Pháp hủy bỏ vì ông này cho rằng *“chưa phải lúc để thành lập một cơ sở như vậy, vì rằng công việc trên đã tạo thêm một gánh nặng hằng năm là 24.000 quan cho ngân sách Đông Dương, điều này rất khó thực hiện”*(1).

Trên đây là một vài đặc điểm về những nơi cung cấp tin tức trong và ngoài nước dùng cho báo chí ở Đông Dương.

VI. VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 1907 ĐẾN 1918

Trong những năm từ 1907 đến 1918 báo chí Việt Nam đã bước sang một giai đoạn mới trên cả hai phương diện chính trị và văn học.

Sau đây chúng ta sẽ lần lượt xét hai luồng ảnh hưởng quan trọng nhất của báo chí Việt Nam trong giai đoạn này:

- Ảnh hưởng trên phương diện chính trị
- Ảnh hưởng trên phương diện văn học

6.1. Ảnh hưởng của báo chí Việt Nam trên phương diện chính trị

Về phương diện này, báo chí Việt Nam đã đóng một vai trò rất tích cực. Trong giai đoạn này có thể nói là báo chí Việt Nam đã được khai sinh ra từ chính sách văn hóa của A. Sarraut. Chính sách tuyên truyền văn hóa này nhằm hai mục đích:

- Phục vụ cho chính sách ngắn hạn của A. Sarraut, tấn công và tiêu hủy bộ máy tuyên truyền của Đức ở Đông Dương.

---

(1) Thư của Tổng trưởng thuộc địa, Paris ngày 2-9-1911.

- Phục vụ cho chính sách dài hạn: Pháp hóa những thành phần trí thức Việt Nam, tách rời giới trí thức này ra khỏi ảnh hưởng của nền văn minh Trung Hoa.

Về phương diện văn chương, không ai dám phủ nhận cái giá trị của những tờ báo có tính cách văn học. Chính nó là nguồn gốc của phong trào văn học nghệ thuật Việt Nam và nó gây nên một ảnh hưởng sâu xa trong giới trí thức Việt Nam, nhất là vào những năm giữa hai thế chiến. Tuy nhiên, những phong trào văn học này đồng thời đã gây nên những hậu quả rất tai hại. Trên thực tế nó đã vô tình hay cố ý phục vụ cho chính sách tuyên truyền văn hóa của thực dân Pháp. Đó là hậu quả của sự đam mê một nền văn chương lãng mạn trong giới trí thức trẻ tuổi Việt Nam lúc bấy giờ. Ngoại trừ một số tờ báo có tính cách thông tin và không có ảnh hưởng gì mấy đến quần chúng, còn lại một số tờ báo khác chỉ chú trọng đến những vấn đề văn học, một thứ văn học đã được lựa chọn, và kiểm soát trước của chính quyền thuộc địa. Mục đích của thứ văn chương lãng mạn này là làm cho giới trí thức Việt Nam lúc bấy giờ quên đi những phong trào cách mạng chống chính phủ thuộc địa, tạo nơi giới này một thứ mặc cảm tự ti trước uy lực người Pháp hầu dễ bề thống trị lâu dài trên đất nước Việt Nam. Do đó ta thấy một số trí thức Việt Nam bị ảnh hưởng một cách sâu đậm bởi nền văn hóa mới cho rằng đó là một nền văn minh hay nhất, tốt nhất, nền văn minh Pháp. Thí dụ cụ thể nhất cho chính sách tuyên truyền văn hóa này của chính phủ Pháp là hai tờ tạp chí *Đông Dương* và *Nam Phong*.

Chính quyền Pháp lúc bấy giờ đã cung cấp cho giới trí thức Việt Nam một món ăn tinh thần hết sức nguy hiểm, hướng lòng ái quốc vào trong một thế giới giả tạo và viển vông để làm quên đi cái thực trạng bi đát đang xảy ra trên đất nước bị đô hộ.

Tóm lại, về phương diện chính trị báo chí Việt Nam trong suốt thời kỳ từ 1907 đến 1918 chỉ là một công cụ tuyên truyền nhằm phục vụ cho chính sách của Pháp ở Đông Dương. Chính Albert Sarraut đã xác nhận trong một bản báo cáo gửi cho Tổng trưởng thuộc địa Pháp ngày 15-9-1917.

"Về những gì có liên quan đến sự tuyên truyền ở Đông Dương cũng như ở các nước láng giềng, chính phủ Pháp cho thực thi những công trình rất hữu ích, đó là con đường duy nhất để đạt được những kết quả tốt... và ý định của chính phủ là tiếp tục cung cấp cho chính sách tuyên truyền hữu hiệu này của Pháp khắp nơi ở Á Châu tất cả những phương tiện mà nó cần dùng...".

6.2. Ảnh hưởng của báo chí trên phương diện văn học

Về phương diện văn học, báo chí Việt Nam đã đóng một vai trò thực sự quan trọng. Trước tiên ta thấy rằng văn học quốc ngữ ra đời và phát triển là nhờ báo chí. Chính báo chí là phương tiện duy nhất lúc bấy giờ đã cho phép nhà văn phổ biến trong dân chúng nền văn học mới, nền văn học chữ quốc ngữ cùng với những tư tưởng, những học thuyết Tây phương. Nhưng, dù sao chăng nữa, điều quan trọng mà chúng ta cần nên lưu ý là chính phủ Pháp lúc bấy giờ đã cố ý giúp đỡ để phát triển nền văn học Việt Nam hiện đại không phải là vì mục đích thực sự muốn giúp dân Việt Nam đúng cái nghĩa của nó, mà chính là muốn lợi dụng văn học làm phương tiện phục vụ cho chính sách tuyên truyền văn hóa của họ nhằm thống trị lâu dài dân tộc thuộc địa mà thôi. Do đó, có thể nói rằng cái thành quả văn học mà người Việt Nam thâu lượm được, chỉ là cái hậu quả của chính sách tuyên truyền văn hóa để phục vụ cho mục tiêu chính trị. Tuy nhiên, trên thực tế, những nhà trí thức Việt Nam lúc bấy giờ đã biết lợi dụng chính sách văn hóa của người Pháp để phục vụ và làm cho hoàn hảo nền văn học nước nhà còn ở trong tình trạng phôi thai.

Trong giai đoạn đầu, hai tờ báo quan trọng nhất đã góp phần vào việc xây dựng nền văn học Việt Nam là hai tờ: *Đông Dương Tạp Chí* và *Nam Phong Tạp Chí*.

Trước tiên chính tờ *Đông Dương Tạp Chí* đã làm cho nền văn học Việt Nam có được một sự tiến bộ rõ rệt sau khi tờ *Gia Định Báo* và những tờ báo khác ở Nam Kỳ khai sinh ra nền văn học mới này. Chính Nguyễn Văn Vĩnh, nhà báo đầu tiên có công rất nhiều trên lĩnh vực văn học cũng như trên lĩnh vực báo chí, và tờ *Đông Dương Tạp Chí* quả là một tạp chí đầu tiên gây được ảnh hưởng tương đối đáng kể trên lĩnh vực văn chương. Tạp chí này thu hút được một số nhà văn nổi tiếng và tạo ra được một phong trào văn học có thể lôi kéo được những nhà trí thức và các giới trẻ Việt Nam lúc ấy say mê nền văn học quốc ngữ.

Nhà văn Vũ Ngọc Phan cũng xác nhận: “*Người ta có thể lấy ra từ trong Đông Dương Tạp Chí tất cả những điều rất tốt của nền văn minh Trung Hoa cũng như những tư tưởng Tây phương hiện đại. Nói khác đi, Đông Dương Tạp Chí có thể cung cấp cho người Việt Nam những gì mà họ cần cho nền văn hóa mới của họ. Ngày nay, đọc Đông Dương Tạp Chí chúng ta thấy có rất nhiều bài báo có giá trị về vấn đề văn học và nó đã góp phần rất hữu ích cho nền văn học Việt Nam hiện đại*”(1).

Tờ báo thứ hai, quan trọng hơn cả tờ *Đông Dương Tạp Chí*, và đã góp phần to lớn trên lãnh vực văn học trong thời kỳ này, đó chính là tờ *Nam Phong Tạp Chí*.

Trong khoảng thời gian dài 17 năm, tạp chí *Nam Phong* đã xây dựng nên một nền văn học căn bản và vững chắc cho văn chương chữ quốc ngữ, bằng những bài báo hay bài khảo cứu văn học mà những nhà văn, những nhà tri thức Việt Nam ở Bắc cũng như ở Nam lúc bấy giờ đã say sưa theo dõi. Những bài viết về văn hóa Đông Tây này của *Nam Phong Tạp Chí* mặc dù đã bị kiểm soát chặt chẽ và đôi khi theo đúng đường lối chính trị của Pháp, trên thực tế, dù muốn dù không cũng đã cung cấp cho giới trí thức Việt Nam lúc bấy giờ một sự hiểu biết tổng quát bổ ích trên địa hạt văn hóa. Nhà văn Vũ Ngọc Phan cho rằng: "*Muốn hiểu biết những vấn đề tôn giáo hay văn học, những thơ văn Việt Nam từ xưa cho đến thế kỷ thứ 19, để hiểu rõ hơn lịch sử hay cuộc đời của những nhân vật lịch sử Việt Nam, những vấn đề chính trị hay xã hội Âu Châu v.v..., chúng ta chỉ cần đọc và theo dõi tạp chí này. Chỉ cần đọc tạp chí Nam Phong cũng có thể mở mang kiến thức được*”(2).

(1,2) Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, Sài Gòn 1960, tr.173.

Tạp chí *Nam Phong* xuất bản 4 năm sau tờ *Đông Dương Tạp Chí*, nhưng nó đã sống trong một thời gian rất lâu dài và được chính phủ nâng đỡ. Về phương diện văn học, ảnh hưởng của nó quả lớn mạnh hơn tờ *Đông Dương Tạp Chí* rất nhiều. Nó đã để lại những dấu vết văn học rất sâu đậm trong tư tưởng của những nhà trí thức Việt Nam lúc ấy, mặc dù tạp chí này che đậy phía sau nó một dụng ý chính trị rõ rệt.

⁂

Chúng ta có thể nói rằng, về phương diện chính trị, báo chí trong thời kỳ 1907 đến 1918 chỉ là tiếng nói chính thức của chính phủ và nó mang sứ mạng "khai hóa" của người Pháp mà A. Sarraut muốn phổ biến trong dân chúng, nhất là trong giới trí thức, hầu thuyết phục và Pháp hóa giới này.

Về phương diện văn học, hầu hết những tạp chí xuất bản trong thời kỳ này, dù muốn dù không, cũng góp phần vào việc làm phát triển nền văn học nước nhà. Phong trào văn học này có thể so sánh với phong trào văn học cổ điển Pháp vào thế kỷ thứ XVII. Gần như mỗi tờ báo đều có một mục nói về văn chương hoặc những bài dịch từ các văn thơ của Pháp và của Trung Hoa; những mục này thường được đăng vào những ngày cố định trong tuần. Có tờ dành một phụ trương riêng biệt để nói đến vấn đề này, chẳng hạn phụ trương văn học *Trung Bắc Chủ Nhật* của tờ *Trung Bắc Tân Văn*.

Về phương diện nghề nghiệp, mặc dù vẫn còn gặp nhiều trở ngại về công việc phát hành, báo chí trong giai đoạn này đã có thêm được một số độc giả nhờ phong trào truyền bá chữ quốc ngữ được tổ chức và cổ động bởi những sĩ phu yêu nước và đồng thời cả chính phủ Pháp.

Tuy nhiên, báo chí trong giai đoạn này vẫn còn hạn chế trong giới trí thức ở các thành thị, nó chỉ phát triển mạnh trong những năm sau Chiến tranh 1914-1918, những gì mà chúng ta sẽ xét trong chương tới.

CHƯƠNG V

SỰ PHÁT TRIỂN BÁO CHÍ VIỆT NAM TỪ 1918 ĐẾN 1930

I. NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN BÁO CHÍ VIỆT NAM TỪ 1918 ĐẾN 1930

Báo chí Việt Nam sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, đã bắt đầu phát triển mạnh. Trong những năm trước 1930, đánh dấu một khúc quanh lịch sử quan trọng tại Việt Nam không những trên lãnh vực chính trị mà ngay trên lãnh vực báo chí.

Trên thực tế, nguyên nhân của sự phát triển báo chí trong thời kỳ này không phải là nguyên nhân kỹ thuật, mà là những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa tại Việt Nam.

1.1. Điều kiện chính trị

Về phương diện chính trị, ở Bắc Kỳ, Phạm Quỳnh chủ bút tờ *Nam Phong*, cổ động cho một nền quân chủ lập hiến bắt nguồn từ các lý thuyết của Khổng Tử, của Maurras, của Barrès. Chủ thuyết này hoàn toàn trái ngược với chủ trương của Nguyễn Văn Vĩnh, một ký giả có tài, mong muốn thành lập một chế độ trực trị ở Việt Nam.

Ở Nam Kỳ, Đảng Lập hiến do Bùi Quang Chiêu, và Nguyễn Phan Long thành lập năm 1923 tại Sài Gòn, cho ra đời tờ *La Tribune Indochinoise* như là cơ quan chính thức của nhóm trí thức tư sản Sài Gòn. Năm 1925, đảng Lập hiến đưa ra một tập sách lấy tên là *Nguyện vọng người Annam* (Les Voeux Annamites), gửi cho viên Toàn quyền Pháp Varenne, yêu cầu cho tự do hội họp, tự do lập hội, tự do báo chí, tự do đi lại, v.v...

Nhưng những *Nguyện vọng người Annam* này không được chính phủ để ý tới. Sự thất bại này cùng với sự xuất hiện của những nhóm chính trị mới nổi lên trong nước đã làm cho đảng Lập hiến bị quên lãng trước dư luận quần chúng.(1)

Cũng trong những năm giữa hai thế chiến, nhiều đảng chính trị khác bắt đầu xuất hiện và thu hút ngày càng đông quần chúng chẳng những ở thủ đô mà ngay ở các tỉnh, báo chí trong giai đoạn này dần dần thay đổi hẳn bộ mặt của những năm đầu để đổi lấy một sắc thái mới.

Quốc Dân Đảng được thành lập năm 1927, do Nguyễn Thái Học và một nhóm trí thức trẻ tuổi lãnh đạo. Đảng này, mặc dù tổ chức nội bộ chưa được hoàn hảo và chưa gây được ảnh hưởng sâu rộng trong đám đông quần chúng, đã vội ra lệnh tổng tấn công đánh vào quân đội Pháp ngày 10 tháng 2 năm 1930. Thực dân Pháp đã trả đũa rất dữ dội và đàn áp rất tàn khốc: ngày 17 tháng 6 ở Yên Bái tất cả những nhà lãnh đạo Quốc Dân Đảng đều bị xử tử.

---

(1) Lê Thành Khôi, sđd, tr. 436.

Trong khi Quốc Dân Đảng bị tan rã thì Đảng Cộng Sản Đông Dương bắt đầu xuất hiện trên chính trường Việt Nam, được lãnh đạo bởi một nhân vật xuất chúng: Nguyễn Ái Quốc. Đảng trưởng thành một cách mau chóng, đóng vai trò số một trong số những chính đảng lúc bấy giờ. Để cổ động cho một chính sách tuyên truyền có đường lối, Đảng Cộng Sản Đông Dương đã phát hành và phổ biến một số báo chí bí mật rải rác trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam.

Đứng trước những phong trào chính trị sôi nổi đang xảy ra, chính phủ Pháp lúc bấy giờ cho ra đời một chính sách mới với mục đích làm dịu bớt không khí chính trị căng thẳng này. Đó là chính sách được mệnh danh là "Pháp Việt đề huề".

Cái huyền thoại "Pháp Việt đề huề" này thực ra được khai sinh từ thời A. Sarraut, nhưng nó được người ta nói đến nhiều nhứt là sau những năm Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Dụng ý chủ yếu của chính sách mới này là "mê hoặc" dân Việt Nam, nhứt là những phong trào đối lập chính trị. Chính phủ Pháp lúc bấy giờ phải vận động cả một bộ máy tuyên truyền (sách vở, báo chí v.v...) để dùng vào việc cổ động cho việc "Pháp Việt đề huề" này.

Năm 1919, trước khi về Pháp, trong một buổi khai mạc cho hội "Khai trí Tiến Đức", A.Sarraut đã đọc một bài diễn văn tiêu biểu cho chính sách này: *"Biết bao nhiêu người Pháp từ xưa đến nay đã vì văn minh mà phải ngã gục ở đất này? Con đường tiến bộ ở xứ này là một con đường dài, mà nhiều người Pháp đã phải hy sinh..."*

A.Sarraut nói tiếp: *" Tôi sắp rời đất Đông Dương thật, nhưng tôi không có bỏ dân Annam. Dân đã quá mến tôi mà coi tôi như là người cha hiền, người cha có lẽ nào lại bỏ con? Tôi đã đem hết lòng hết dạ yêu mến xứ này, hết công sức xây dựng cho xứ này, thế nào mà bỏ cho được, mà quên cho đành?"*.

Sarraut quả quyết là nếu một ngày kia xã hội Việt Nam tiến bộ tới một trình độ nào đó thì người Pháp tự nhiên sẽ coi như hoàn thành một nhiệm vụ cao quý mà trao trả lại toàn bộ chủ quyền cho dân tộc Việt Nam.

Sau A.Sarraut, những viên Toàn quyền Đông Dương kế tiếp như Maurice Long, Merlin, Varenne... tiếp tục và phát huy chính sách "Pháp Việt đề huề". Toàn quyền Maurice Long trong một bài diễn văn ngày 15 tháng 11 năm 1921 đọc tại hội đồng chính phủ họp tại Sài Gòn, sau khi đưa ra mấy vấn đề cải cách (cải cách Hội đồng Quản hạt) đã hứa hẹn sẽ coi Đông Dương như là một quốc gia (Etat Indochinois), cho người dân bản xứ vào bậc công dân (citoyens indigènes), đặt ra ngạch đối (cadre latéral), cho dân bản xứ có chức vị tương đương với những công chức người Pháp... Năm 1923, vừa tới Sài Gòn, Merlin dám tuyên bố: *"Sự hưng vượng của xứ Đông Pháp tức là cái vinh dự của nước Đại Pháp đó "* (*Thực nghiệp dân báo*, số 852 ngày 21 tháng 8 năm 1923).

Trong một bài diễn văn đọc tại hội đồng chính phủ năm 1925, Toàn quyền Varenne vẫn cố gắng *"Làm cho dân bản xứ được sống thái bình, cùng thương nghiệp phát triển, học thức mở mang, xã hội tiến bộ, v.v..."*.

Vào thời này, phải công nhận là cái chính sách mị dân trên đây của người Pháp đã làm mê hoặc được một số trí thức người Việt Nam. Ngày 5 tháng 12 năm 1925, trong một cuộc tiếp rước Varenne ở Hà Nội, một số sinh viên trường cao đẳng Hà Nội ra đón ông ta với biểu ngữ: "*Vive le socialiste Varenne!*". Ngay cả cụ Phan Chu Trinh trong những năm đầu làm cách mạng ông cũng tin vào chính sách trên. Ông vẫn hay khuyên dân chúng nên học lấy cái "đạo đức" của người Pháp. Ông vẫn tin rằng người Pháp ở thế kỷ 20 vẫn còn là đệ tử trung thành của những nhà cách mạng, còn thừa kế và phát huy tinh thần dân chủ của cuộc cách mạng 1789. Những tờ báo tư sản như *Thực Nghiệp, Khai Hóa* chủ trương chính trị cũng không ra ngoài đường lối "Pháp Việt đề huề".

Thực Nghiệp thì muốn "*Nhờ thầy hay bạn tốt là nước Đại Pháp dạy bảo mà nước ta ngày một thêm tiến bộ*"!(1)

Sợ độc giả có thể ham mê buôn bán mà quên mất đường lối quan trọng đó, *Thực Nghiệp Dân Báo* luôn luôn nhắc nhở độc giả: "*Thầy dạy của ta bây giờ là ai ? Chính là thầy Đại Pháp ấy*".(2)

Tờ *Khai Hóa* của ông Bạch Thái Bưởi cũng luôn luôn tán dương: "*Công ơn khai hóa của Đại Pháp? May sao lại gặp được nước Đại Pháp sang bảo hộ hết lòng hết sức mà khai hóa cho ta*".(3)

---

(1) Thực Nghiệp Dân Báo, số 2 ngày 13-07-1920

(2) Thực Nghiệp Dân Báo, số 546 ngày 18-02-1922

(3) Khai Hóa số 166 ngày 4-2-1922

Tờ *Hữu Thanh* ngày ngày lập đi lập lại điệp khúc trên: "*Từ khi ta công nhận nước Đại Pháp làm bậc tân tiến hướng đạo cho ta, bốn năm mươi năm trở về đây Nhà nước bảo hộ thật hết lòng khai hóa cho ta*".(1)

Tóm lại, trong suốt những năm giữa hai thế chiến cái huyền thoại sống chung thành thật giữa những kẻ thống trị và những người bị trị quả là một đề tài được mọi người và nhất là báo chí đương thời nói đến nhiều nhất. Để biểu dương cho chính sách mị dân này, chính phủ Pháp dù muốn dù không đã chấp nhận cho người Việt Nam một số tự do tối thiểu nào đó trong việc thành lập báo chí. Xuất hiện mỗi ngày mỗi nhiều, báo chí dần dần giữ một địa vị quan trọng trong xã hội Việt Nam.

1.2. Điều kiện kinh tế

Kinh tế Việt Nam bắt đầu thành hình từ sau thế chiến thứ nhất, khi các tàu Pháp vì chiến sự, vì các đường hàng hải bị tàu ngầm Đức phong tỏa không thể chuyên chở hàng hóa sang Việt Nam được. Trước chiến tranh 1914-1918 hàng hóa Pháp nhập cảng sang Việt Nam chiếm tỷ số 50% tổng số hàng nhập cảng, tới năm 1918 chỉ còn 14%(2).

Nhân lúc Pháp bận chiến tranh ở châu Âu, kinh tế Việt Nam có cơ hội phát triển. Sau Chiến tranh 1914-1918, Đông Dương trở nên một trong những khu vực đầu tư chủ yếu của người Pháp ở Viễn Đông. Số lượng những nhà kinh doanh công thương nghiệp tăng lên rất nhanh: "*Mới có 2 năm mà đã xuất hiện ra 5,6, xưởng máy của người Việt Nam. Ở đấy, chữa đủ các thứ máy như là máy ô tô, xe đạp, tàu thủy, và lập lò đúc để chế tạo các thứ máy vừa kể. Những thứ máy đó đều chạy bằng điện.*"(1).

---

(1) Hữu Thanh số 35 ngày 01-01-1923

(2) Tầm Dương, Tản Đà, NXB Khoa Học Hà Nội,1964, tr.66

Sức mạnh về kinh tế Việt Nam phát triển khá vững như công ty vận tải đường thủy Bạch Thái Bưởi ở Bắc Kỳ và ở miền Nam lúc bấy giờ ta còn thấy xuất hiện những nhà tư sản giàu có như Trương Văn Bền, Nguyễn Văn Sâm, Đỗ Hữu Phương v.v...

Song song với cuộc bành trướng thế lực kinh tế, những nhà tư bản Việt Nam lúc bấy giờ đã mở rộng phạm vi hoạt động trong những lãnh vực khác như văn hóa, xã hội. Cùng với những đoàn thể hội buôn, thư xã và báo chí nối tiếp nhau xuất hiện: *Thực Nghiệp Dân Báo, Khai Hóa, Hữu Thanh, Tân Thế Kỷ*, v.v...

Báo chí trong thời kỳ này rất lưu tâm đến việc giới thiệu công nghệ Việt Nam như các nghề dệt, làm pháo, làm muối, đánh cá, ấn loát, v.v... Đồng thời với báo chí, hàng loạt tác phẩm nghiên cứu ra đời cũng nhằm mục đích học hỏi cách làm giàu của giai cấp tư sản.

Tóm lại, trong những năm sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất đến năm 1930, kinh tế Việt Nam đã hình thành và phát triển mạnh. Chính điều kiện này đã góp phần rất quan trọng vào việc thành lập báo chí, một ngành hoạt động mới của xã hội Việt Nam.

---

(1) Thực Nghiệp Dân Báo, số 3 ngày 17-07-1920

1.3. Điều kiện văn hóa

Chúng ta cũng nhận thấy vào thời kỳ này một sự tiến bộ đáng kể về phương diện giáo dục tức là điều kiện thiết yếu trong việc tạo nên số độc giả đáng kể của báo chí Việt Nam. Theo chính sách "Pháp Việt đề huề" và để làm thỏa mãn trên một phương diện nào đó những yêu sách của những nhà ái quốc Việt Nam, một số trường học bản xứ và một số trường Pháp Việt đã được thành lập.

Ở Bắc Kỳ, vào cuối niên học, 1925-1926, có đến 1.309 trường bản xứ và trường Pháp Việt, gồm có 1.946 lớp và có 83.706 học sinh. Chính phủ Pháp đã hỗ trợ, trên địa hạt hành chính và tài chính, trong thời gian 5 năm, số học sinh ở các trường đã tăng lên gấp đôi (1).

Ở Trung Kỳ, trong lãnh vực giáo dục nhờ một sắc lệnh của nhà vua và một nghị định của chính phủ Pháp đã làm cho số người đi học tăng lên vượt bực. Trong thời gian chỉ có một năm, số học sinh theo học ở các trường Pháp Việt đã tăng từ 5.000 học sinh đến hơn 27.000 học sinh. Trong thời gian 10 năm, nhiều trường học đã được thiết lập ở các tỉnh ly, phủ huyện và ngay cả ở các miền quê. Sự kiện này được thực hiện là do điều 69 của luật Giáo Dục Công Cộng: "*Sẽ phải có ít nhứt một trường tiểu học công cộng ở mỗi xã*"(2).

---

(1) La Pénétration Scolaire dans les Pays Annamites. Service de l'instruction publique. Hà Nội. Impr. d'E.O.1931, p. 9.

(2) Theo sách đã dẫn, tr. 13.

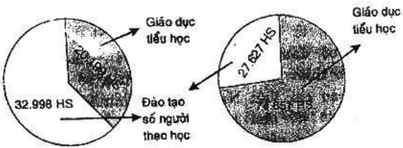

Tại Nam Kỳ các trường tiểu học đã được phát triển mạnh mẽ hơn ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Nhiều trường tiểu học đã được thiết lập rải rác khắp trên lãnh thổ thuộc địa.

Tóm lại, nhờ vào sự phát triển của ngành giáo dục, dù muốn dù không, do chính phủ Pháp và những phong trào truyền bá quốc ngữ do những nhà ái quốc Việt Nam tổ chức, thành phần có học dần dần lan rộng trong xã hội. Hiện tượng này đã góp phần đắc lực vào việc tạo nên một số độc giả cần thiết cho báo chí trong giai đoạn này.

1.4. Điều kiện xã hội

Tiếp theo những điều kiện chính trị, nền kinh tế và văn hóa, người ta nhận thấy xuất hiện một giai cấp mới, giai cấp tư sản, và giai cấp này gia tăng mạnh trong những năm 1919-1930 so với những năm trước. Nhưng yếu tố quan trọng hơn hết chính là thành phần trí thức tiểu tư sản. Về số lượng, thành phần này chiếm số lượng đông đảo ở các thành thị. Thành phần này gồm có những thương gia, những nhà tiểu thủ công nghệ và nhất là lớp người trí thức, sinh viên, học sinh được đào tạo nơi những ngôi trường mới được thành lập. Nhiều nhà trí thức, giáo sư, luật sư, bác sĩ, ký giả đã chịu ảnh hưởng một cách sâu đậm tư tưởng tiến bộ của người Pháp.

Trên đây là bốn điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, những điều kiện cần thiết để họp thành những yếu tố căn bản cho sự phát triển báo chí Việt Nam trong những năm từ 1918 đến 1930.

II. BÁO ĐỊNH KỲ

Cuối năm 1918 chiến tranh kết thúc, Pháp thắng Đức. Trong suốt bốn năm trời chinh chiến, tất cả nhân dân ở các nước thuộc địa đã chiến đấu bên cạnh "mẫu quốc" để chống Đức. Do đó, khi cuộc chiến giải quyết xong, người Pháp dù muốn dù không, đã phải giữ phần nào lời hứa của họ là chấp nhận cho nhân dân các nước thuộc địa một sự tự do tương đối nào đó.

Người Việt Nam, lẽ dĩ nhiên, cũng được thừa hưởng cái ân huệ tối thiểu này. Kết quả là người Việt Nam từ nay có quyền thành lập báo chí. Vì vậy báo chí xuất hiện ngày càng nhiều và dần dần giữ một địa vị ưu thế trong xã hội Việt Nam vào thời kỳ này. Mặt khác, bắt đầu vào những năm 1925-1926, với sự xuất hiện của những phong trào chính trị và xã hội trên khắp lãnh thổ Việt Nam lúc ấy, báo chí Việt Nam và nhất là báo chí bằng tiếng Việt, bắt đầu đề cập đến những đề tài chính trị, kinh tế có liên quan đến tình hình sôi động trong những năm giữa hai thế chiến.

Trong số báo chí xuất bản trong thời gian này, báo định kỳ tuy có sự thiếu kém về phương tiện tài chính, kỹ thuật cũng như độc giả nhưng nó cũng đã đóng một vai trò ưu thế ở Bắc cũng như ở Nam.

Theo ông Nguyễn Thành: "*Cho đến năm 1922, theo thống kê trong tập "Danh mục các ấn phẩm nộp lưu chiểu" thì cả nước có 96 tờ báo, tạp chí, tập san, tức là những xuất bản phẩm định kỳ, trong đó Bắc Kỳ: 44 (36 tiếng Pháp, 8 tiếng Việt), Nam Kỳ: 39 (29 tiếng Pháp, 10 tiếng Việt); Trung Kỳ: 3 (2 tiếng Pháp, 1 tiếng Việt).*

Năm 1925, cả nước có 121 tờ, trong đó Bắc Kỳ:69 (56 tiếng Pháp, 13 tiếng Việt); Nam Kỳ: 49 (38 tiếng Pháp, 11 tiếng Việt); Trung Kỳ: 3 (2 tiếng Pháp và 1 tiếng Việt).

Năm 1929, cả nước có 153 tờ, trong đó Bắc Kỳ: 72 (58 tiếng Pháp, 14 tiếng Việt); Nam Kỳ: 71 (44 tiếng Pháp, 27 tiếng Việt) Trung Kỳ: 10 (4 tiếng Pháp, 6 tiếng Việt) ".(1)

Chúng ta sẽ lần lượt khảo sát sau đây sự diễn tiến của những tờ báo định kỳ trong giai đoạn từ năm 1918 đến 1930.

2.1. Ở Nam Kỳ

Sau đây là những tờ báo thường chỉ đề cập đến những vấn đề đặc biệt. Những vấn đề chính trị chỉ được nói đến rất ít trong tờ báo. Tuy nhiên, nói chung, loại báo này có khuynh hướng thân chính phủ hoặc ít hoặc nhiều tùy theo tờ báo.

---

(1) Dépot légal. Liste des imprimés déposés en 1930 (1er janvier au 30 juim). IDEO, 1930, tr 7. Trích từ Nguyễn Thành, *Báo chí cách mạng Việt Nam 1925-1945*, NXB KHXH, Hà Nội 1984, tr.31

◆ *NAM KỲ KINH TẾ BÁO*

Số đầu ra mắt ngày 27-10-1910. Chủ nhân là một người Pháp, bà Rose Quaintenne cũng là giám đốc một tờ báo Pháp *Le Réveil Saigonnais*. Báo phát hành mỗi thứ tư trong tuần dưới quyền điều khiển của viên chủ bút Nguyễn Thành Út, một điền chủ có tiếng ở Long Xuyên. Cách trình bày của tờ báo này quả đã có tiến bộ so với những tờ báo khác trước đó. Trên hình bìa ta thấy vẽ một trái đất với chữ: "Europe-Asie" kèm theo hai bó lúa với câu chú thích: "*Mạnh vì gạo bạo vì tiền*".

Đó là một loại báo chuyên về những vấn đề kinh tế: kinh tế châu Âu, ngân hàng, lúa gạo, cao su ở Nam Kỳ v.v... Ngoài ra còn có một phần về tin tức thời sự có liên quan đến Đông Dương và ngoại quốc nhứt là nước Pháp, kế đó tin vặt và tiểu thuyết.

Tóm lại, *Nam Kỳ kinh tế báo* là một tạp chí chuyên môn đầu tiên có mục đích làm sáng tỏ những vấn đề kinh tế tức là những vấn đề còn rất mơ hồ xa lạ đối với dân Việt Nam lúc bấy giờ. Báo đình bản ngày 21-2-1924.

◆ *SƯ PHẠM HỌC KHÓA*

Đó là tạp chí đầu tiên chuyên viết về những đề tài có tính cách sư phạm, xuất bản năm 1920, tờ báo này ra mỗi tuần một lần vào ngày thứ hai. Dưới sự bảo trợ của Nha tiểu học Nam Kỳ và ông Diệp Văn Cương: thông dịch viên của chính phủ và là giáo sư trường trung học Chasseloup Laubat tại Sài Gòn. Tạp chí này nhằm mục đích giúp cho các giới giáo viên và học sinh tìm hiểu chương trình học trong năm.

Giá bán mỗi tờ báo đối với giáo viên và học sinh là 20 quan mỗi năm. Riêng về phần quảng cáo thì được ban giám đốc chú ý: Trang giữa: 20 quan mỗi tháng, nửa trang: 12 quan. Riêng những trang bìa thì được ghi kỹ lưỡng là: "xin trả giá".

Báo này được chia làm 4 mục: mục nói về luân lý học đường hay những chuyện cổ tích Việt Nam và ngoại quốc, mục dành riêng cho giáo viên gồm những bài giải thích cho giáo viên biết phương pháp dạy học trò trong mọi môn như luân lý, toán, tập viết v.v... mục dành riêng cho học trò gồm những bài giải thích và câu hỏi, mục dạy tiếng Pháp: giải thích ngữ vựng và văn phạm Pháp.

Vì mục tiêu thuần túy sư phạm, tạp chí này dĩ nhiên phổ biến ở trong học đường và độc giả thì gồm giáo viên và học sinh.

◇ BÁO ĐÔNG PHÁP

Đó là ấn bản bằng tiếng Việt của một tờ báo Pháp *La France d'Indochine*, do một người Pháp thành lập, ông Ch. Mazet. Được phát hành năm 1925 tại Sài Gòn. Tờ báo này bị đình bản năm 1932 sau khi hoàn thành xong sứ mạng: *"Dân Annam chỉ có một lý tưởng, một hy vọng và tin tưởng một cách thành thực vào nước Đại Pháp để được dẫn dắt trên con đường văn minh."*(1)

◇ ĐIỆN XA TẠP CHÍ

Đó là loại tạp chí chuyên môn đầu tiên nói đến vấn đề xe cộ. Tạp chí được thành lập năm 1928 do ông Lê Quang Liêm tự Bảy, hội đồng quản hạt. Một trong những nhà lãnh đạo của nhóm Lập hiến của Bùi Quang Chiêu. Đăng những bài có tính cách chuyên môn như vấn đề bảo hiểm xe hơi, cách sửa chữa xe hơi... Ngoài ra, còn có phần về tiểu thuyết và tin vặt... Tuy nhiên, độc giả của loại báo này là những thành phần tư sản ở Sài Gòn còn ít ỏi cho nên tờ báo không sống được lâu và bị đình bản vào tháng 6 năm 1929.

◇ TỜ CANH NÔNG LUẬN

Được ông Trịnh Văn Hy thành lập năm 1929, tờ báo là *"một cơ quan binh vực quyền lợi của những nhà nông và chấn hưng nền nông nghiệp"*. Tờ báo chỉ chuyên đăng những bài về nông nghiệp. Đình bản năm 1931,

◇ TỜ LONG GIANG ĐỘC LẬP

Đó là một loại tạp chí thông tin do ông Lê Hoàng Mưu và Võ Thành Út thành lập năm 1930 và chủ bút là ông Lưu Công Châu. Báo xuất bản ba lần mỗi tuần và bị đình bản năm 1931 sau đó được tục bản vào ngày 11 tháng 5 năm 1934, trước khi đóng cửa vĩnh viễn vào cuối năm đó.

◇ SÀI THÀNH NHẬT BÁO

Thật ra đó là ấn bản đặc biệt của tờ Sài Thành, một tờ báo chuyên nói về đua ngựa. *Sài Thành Nhật Báo* xuất bản mỗi thứ bảy với những lời tiên đoán về những cuộc đua ngựa vào ngày chủ nhật sau đó. Được phát hành năm 1930, tờ này mỗi kỳ chỉ ra được 250 số, và đình bản vào tháng 4 năm 1931.

◇ NAM NỮ GIỚI CHUNG

Xuất bản ở Chợ Lớn, ngoài những mục nói về đàn ông và đàn bà, có một phần đăng những tin tức trong nước và ngoài nước. Báo này được thành lập ngày 5 tháng 3 năm 1930 do ông Nguyễn Kỳ Sất tức là Huyện Sất. Tờ này, theo ban biên tập nhằm 2 mục đích:

---

(1) Báo Đông Pháp số 3 ngày 12-1-1925

- Dạy độc giả học Hán văn.
- Chỉ trích người Bắc, nhứt là những vị giám đốc hay chủ bút người Bắc của một vài tờ báo ở Sài Gòn.

Vì tinh thần kỳ thị này và có lẽ vì sự vụng về của ông huyện Sất, tờ Nam Nữ giới chung, lúc đầu in 5000 số đã phải giảm xuống còn có 1000 số kể từ ngày 13 tháng 8 năm 1930 vì thiếu độc giả. Dù vậy, tờ báo cũng không thể sống lâu và phải đóng cửa vào cuối năm 1930 sau khi ban giám đốc cho biết lý do của sự đình bản này:

- Độc giả không chịu trả tiền mua báo và ban giám đốc phải chi tiêu mỗi tháng hơn 1000 đồng.
- Các chủ nhà in người Trung Hoa ở Chợ Lớn tẩy chay không chịu in tờ báo này.

Dưới đây là vài tờ báo có khuynh hướng chống chính quyền thuộc địa:

◇ *NHẬT TÂN BÁO*

Ra mắt lần đầu tiên vào ngày 6 tháng 4 năm 1922, tờ báo này thực ra chỉ là một ấn bản bằng tiếng Việt của tờ báo Pháp *l'Ère Nouvelle*, đầu tiên được điều khiển bởi Lê Thành Tường sau đó được thay thế bởi Cao Hải Để trước khi trở thành một cơ quan chính thức của đảng Lao động Đông Dương. Báo này có khuynh hướng chống "chính phủ", mỗi số đều có một bài xã luận về một đề tài có liên quan đến thời sự và những bài nói về khoa học, văn học Pháp, tin tức trong và ngoài nước, tin vặt, v.v... Nó trở thành cơ quan đối lập với chính quyền kể từ lúc ông Nguyễn Văn Trường từ chức giám đốc và tờ này trở thành cơ quan chính thức của Đảng Lao Động Đông Dương dưới quyền điều khiển của Cao Hải Để, một trong những nhà lãnh đạo của nhóm này. Tờ *Nhật Tân Báo* bị đóng cửa ngày 6 tháng 7 năm 1929.

◇ *ĐÔNG PHÁP THỜI BÁO*

Số đầu ra mắt ngày 02-05-1923 dưới quyền điều khiển của ông Nguyễn Kim Đính. Được xuất bản 3 lần trong tuần. Tờ này đầu tiên có khuynh hướng thân chính phủ. Vì lý do đó, báo không được sự ủng hộ của độc giả. Ban giám đốc bị lỗ lã nên phải bán lại cho hai nhà báo có tiếng thời bấy giờ là hai ông Diệp Văn Kỳ, hội đồng quản hạt, và ông Nguyễn Văn Bá, nghị viên đô thành.

Hai ông này đã biến đổi hoàn toàn tờ báo. Từ chỗ xuất bản 3 lần mỗi tuần và có khuynh hướng thân chính phủ, tờ *Đông Pháp Thời Báo* trở nên một tờ nhật báo và có khuynh hướng đối lập và là một tờ báo có rất nhiều người đọc thời bấy giờ. Chính ông Diệp Văn Kỳ đã có sáng kiến mời hai ông Tản Đà và Ngô Tất Tố ở Bắc vào Nam hợp tác để tăng cường cho ban biên tập của tờ báo này.

Năm 1925-1926, hai sự kiện quan trọng được lưu ý: chí sĩ Phan Bội Châu bị coi như là "phản loạn" và bị bắt ở Thượng Hải, đưa về Hà Nội và bị tòa lên án tử hình ngày 23 tháng 11 năm 1925. Tiếp theo là cái chết của Phan Châu Trinh ở Sài Gòn ngày 4 tháng 4 năm 1925. Sau hai biến cố lịch sử này, báo chí bắt đầu nói nhiều về những vấn đề thời sự và chính trị, tức là những vấn đề phản ảnh những nỗi lo âu của người dân và ý thức quốc gia từ lâu bị che kín trong lòng dân tộc. Và có thể nói rằng trong suốt những năm này, không khí trong làng báo hết sức sôi nổi và nói nhiều vấn đề có liên quan đến thời sự.

⋄ *TỜ VĂN MINH*

Thật ra đây chỉ là một tờ báo đối lập ôn hòa do bác sĩ Lê Quang Trinh thành lập ngày 3 tháng 12 năm 1926 và do ký giả Lê Chơn Tâm điều khiển. Báo có khuynh hướng chống đối "nhẹ nhàng" thực ra nó được thành lập chỉ nhằm mục tiêu duy nhất là tấn công nhóm Lập Hiến Đông Dương của Bùi Quang Chiêu. Người ta tìm thấy những cuộc bút chiến rất lý thú trong tờ Văn Minh này nhất là những bài nói về đời tư các nhân vật của đảng Lập Hiến Đông Dương: ông Bùi Quang Chiêu, Lê Quang Liêm tự Bảy, Trương Văn Bền, Nguyễn Văn Sâm việc...

⋄ *RẠNG ĐÔNG TẠP CHÍ*

Đó là một tờ nguyệt san tranh ảnh do một người Pháp thành lập năm 1926, ông Georges Mignon, và chủ bút là một nhà báo và một nhà chính trị có tiếng, ông Trần Huy Liệu.

Theo ban biên tập, tạp chí nhằm đề cập đến những vấn đề như sau:

- Phổ biến những tư tưởng mới.

- Khảo cứu những vấn đề văn học, cùng với lịch sử những học thuyết, những tư tưởng của những bậc vĩ nhân ở Tây phương và Đông phương.

- Đăng những tin tức thời sự trong và ngoài nước.

- Xây dựng một nền văn học hiện đại còn đang ở trong một tình trạng phôi thai.

Đến số thứ 6 ngày 31 tháng 7 năm 1926 viên chủ bút, ông Trần Huy Liệu, vì có dính líu đến nhóm thanh niên cách mạng nên bị bắt và bị đưa ra tòa xử ngày 28 tháng 4 năm 1927, sau đó bị trục xuất về Bắc. Sau vụ này, tờ *Rạng Đông* thay đổi màu sắc và trở thành một tờ tạp chí tranh ảnh thuần túy cho giới thượng lưu trí thức Sài Gòn.

Trong số những cộng sự viên của tờ này ta thấy có Đoàn Trung Còn, Văn Đài, Lê Văn Phát...

⋄ *PHÁP VIỆT NHỨT GIA*

Năm 1926, ông Trần Quang Liêm đến viếng thăm xứ Huế để gặp cụ Phan Bội Châu với ý định là nhờ cụ Phan giúp để thành lập đảng "Cấp tiến Việt Nam" nhằm giáo dục dân chúng "canh tân xứ sở" gây tinh thần đoàn kết giữa 3 miền Bắc Trung Nam. Muốn thành lập một đảng chính trị như vậy, cần phải có một tờ báo. Chính vì lý do này, ông Trần Quang Liêm mới xin phép ông Le Fol, thống đốc Nam Kỳ lúc bấy giờ để ra một tờ báo.

Giấy phép xuất bản đã có, tuy nhiên việc thành lập đảng "Cấp tiến" không thành. Dù vậy, tờ báo dưới cái tên là *Pháp Việt nhứt gia* vẫn được ra đời vào ngày 8-2-1927. Chủ nhân tờ báo này, ông Trần Quang Liêm, đã mời cụ Phan Bội Châu cộng tác, nhưng cụ Phan đã từ chối viện cớ là bận trông coi một thương xã sắp mở ở Huế. Do đó tờ báo được đặt dưới quyền điều khiển của ông Cao Hải Để, một trong những nhân vật lãnh đạo của Đảng Lao Động Đông Dương.

Tuy nhiên, vừa ra đời, dân chúng Sài Gòn đã trách tờ *Pháp Việt Nhứt Gia* đã chạy theo chính sách Pháp-Việt để huề không khác nghĩa nhau mấy tức là chính sách đang bị quần chúng Việt Nam chống đối, khiến ông Trần Quang Liêm phải tự giải thích cho độc giả hiểu đường lối của tờ báo ông không phải là theo chính sách Pháp Việt đề huề mà chỉ chủ trương đường lối bất bạo động.

Và từ khi ông Cao Hải Để bận lo riêng cho tờ *l'Ère Nouvelle*, ông Lê Thành Lư tự Kiêm thay thế điều khiển tờ báo. Ông Kiêm đã viết một loạt bài chỉ trích một cách gay gắt chính sách thuộc địa của Pháp. Dĩ nhiên là tờ báo bị kiểm duyệt sau khi bị chính phủ cảnh cáo nhiều lần. Tờ *Pháp Việt Nhứt Gia* dưới quyền điều khiển của Lê Thành Lư đã bị chính phủ giáng cho những đòn chí tử nên đành phải im hơi lặng tiếng sau khi gửi đến độc giả những dòng cuối cùng rất thành thực và rất can đảm của một nhà viết báo:

"...Có miệng không được nói, có tư tưởng không được giải bày, đó là cái số kiếp của 25 triệu đồng bào ta mà cũng là cái đặc ân của chính phủ Pháp ban cho 25 triệu đồng bào ta. Lịch sử báo giới ta trải qua mấy chục năm nay, những người làm báo toàn là những người miệng câm, tai điếc. Họ là những người được chính phủ Pháp đào tạo cho báo giới nước ta. Mỗi khi ta cầm đến ngòi bút, cầm đến tờ báo, không khỏi lấy làm bầm gan tím dạ, thẹn ruột đau lòng"!

Ông Lê Thành Lư viết tiếp:

"...Ký giả viết xong bài này thì đành liệng cây viết xuống không nói nữa, không viết nữa, chỉ chờ người đến khóa tay dẫn đi mà thôi. Vì vẫn biết rằng dân ta ở nước tự do thì ngôn luận tự do chính là một cái dư luận chính đáng ; chớ ở vào một nước nô lệ như nước ta thì ngôn luận tự do lại chính là cái họa của mình? Tây ngạn có câu: "Không tự do thà rằng chết". Vậy ngày nay tôi cũng xin hô lớn lên rằng: Anh em báo giới nước nhà nếu không được ngôn luận tự do thì thà rằng chết còn hơn".(1)

Trên đây là những lời tâm huyết sau cùng của tờ *Pháp Việt Nhứt Gia*, vì sau khi cho in 10.000 số và phát không cho độc giả, chủ nhiệm Lê Thành Lư bị bắt, tờ báo không người điều khiển đành phải đình bản ngày 17 tháng 5 năm 1927.

◆ KỊCH TRƯỜNG

Là một tạp chí được trình bày rất nhiều tranh ảnh và hình vẽ, chuyên nói về những trò giải trí điện ảnh và kịch. Đầu tiên tờ này do Lê Chơn Tâm điều khiển, tờ báo chỉ đề cập đến những vấn đề chuyên môn:

- Khảo cứu về cách soạn thảo những vở tuồng cổ điển và hát bộ cho thích hợp với trình độ quần chúng, và luân lý.
- Phê bình và chỉ trích những chương trình điện ảnh những câu lạc bộ, đua ngựa, bóng tròn...
- Khảo cứu về văn học.

---

(1) Lê Thành Lư, *Pháp Việt nhứt gia*, ngày 17-05-1927

Tuy nhiên, khi ông Nguyễn Đức Riêu thay thế Lê Chơn Tâm trong chức vụ giám đốc và Hà Thế Vân giữ chức chủ bút, tờ *Kịch Trường* hoàn toàn thay đổi đường lối. Từ một tờ báo hoàn toàn không nói gì đến chính trị, tờ *Kịch Trường* trở thành một cơ quan đối lập với chính quyền. Những mục nói về *Kịch Trường* chỉ chiếm chỗ thứ yếu trong tờ báo ; hầu hết những bài vở chỉ dành cho những bài bình luận chính trị không có lợi cho chính sách của Pháp ở Đông Dương. *Kịch Trường* ca tụng lý thuyết Tam dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên. Lần cảnh cáo thứ nhứt của chính phủ: tờ báo phải tạm đình bản vào ngày 4-1-1928 đến ngày 2-6-1928. Tuy nhiên, sau khi tục bản tờ *Kịch Trường* vẫn tiếp tục đường lối chống đối chính phủ. Lần cảnh cáo thứ hai: *"Tờ Kịch Trường được chính phủ cho phép xuất bản là để nói đến những vấn đề văn học, Kịch Trường, điện ảnh và cấm mọi bình luận về chính trị"*.(1)

Trước lời hăm dọa của chính phủ, *Kịch Trường* vẫn không sợ sệt và can đảm trả lời thẳng với chính phủ: *"Chúng tôi chỉ nói đến văn chương và hát xướng. Cuộc đời chỉ là một trò hát như vụ án Nguyễn An Ninh, vụ án Barbier, v.v..."*(2)

Kịch Trường chẳng những không sợ sệt trước những lời dọa nạt của chính phủ, tuyên bố: cuộc đời chỉ là một trò hát, mà *Kịch Trường* còn muốn nới rộng ảnh hưởng của mình trong dân chúng bằng cách là muốn gởi thông tín viên đi lượm lặt tin tức trên toàn thể lãnh thổ Đông Dương. Nhưng vì thiếu phương tiện tài chính, *Kịch Trường* hứa hẹn với độc giả nào muốn trở thành thông tín viên của tòa báo thì vị ấy phải cổ động trước cho nhà báo được ít nhất là mười độc giả. Trước khi tìm ra 100 thông tín viên theo ý muốn của ban giám đốc và 1000 độc giả mua dài hạn, *Kịch Trường* bị chính phủ đóng cửa vĩnh viễn vào tháng 6 năm 1929 sau nhiều lần cảnh cáo vô hiệu quả.

---

(1) Thư của Thống Đốc Nam Kỳ gởi báo Kịch Trường.

(2) Kịch Trường ngày 28-2-1929

◆ *KỲ LÂN BÁO*

Đây là một tờ báo thông tin chính trị, cơ quan của giới công nhân trẻ, có khuynh hướng Cộng sản rõ rệt. Ra 3 lần mỗi tuần, do Bùi Ngọc Thư điều khiển với sự cộng tác của Văn Trình, chủ bút. Xuất bản vào tháng 8 năm 1928 và bị đình bản 4 tháng sau đó, tức là tháng 2 năm 1929 sau khi gặp những khó khăn tài chính. Tuy nhiên đến tháng 5 năm 1929 tờ báo lại được tục bản, vì lần này ban giám đốc đã kêu gọi độc giả tương lai của họ mua cổ phần để có thể đạt được một số vốn là 30.000 đồng để *"tờ báo có thể sống được và tiếp tục sứ mạng chống tư bản của nó"*. Lần tái bản này tờ *Kỳ Lân Báo* đã nêu ra lời nói của K.Marx và xem đó như đường lối chung của tờ báo: *"Tư bản chủ nghĩa đã tự đào mồ để chôn mình"*. Tờ báo đã cho đăng những bài chống tư bản rất hăng say như: *"...Loài người chém giết nhau như cắt cỏ hồi năm 1914-1918; lịch sử nhân loại chưa có bao giờ trông thấy một cuộc chém giết nào ghê gớm như vậy. Duyên cớ vì đâu ? Không phải vì tư bản chủ nghĩa đó ư ?"*.(1)

Dĩ nhiên với đường lối chống tư bản hăng say trên đây, *Kỳ Lân Báo* không làm hài lòng chính phủ

---

(1) Kỳ Lân Báo, ngày 2-3-1929.

Pháp chút nào. Do đó, tờ báo bị đóng cửa, năm 1929, như bao nhiêu tờ báo khác đương thời dám công khai chống đối chế độ thuộc địa Pháp ở Đông Dương.

◆ ĐUỐC NHÀ NAM

Năm 1928, một tờ báo đối lập khác ra đời, mà người chủ trương là ông Dương Văn Giáo, một nhân vật rất có tiếng. Tốt nghiệp với văn bằng tiến sĩ luật và chính trị học tại Đại học Luật khoa Paris.

Theo Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế, trong *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, trang 110, thì ông Dương Văn Giáo quê ở Long Châu, Vĩnh Long, sau cư ngụ ở Sài gòn. Hồi ở Paris ông là bạn thân của cố thủ tướng Nehru của Ấn Độ (Thực ra vị thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ là Jawaharlâl Nehru, là con của Motilal Nehru, là một trong những lãnh tụ của đảng Quốc đại Ấn Độ, ông này đã trải qua một thời gian dài hoạt động tại châu Âu, và đã cùng với Nguyễn Ái Quốc thành lập "Liên hiệp các dân tộc bị áp bức" vào năm 1927 tại Bruxelles (Bỉ). Như vậy có lẽ Dương Văn Giáo là bạn của Motilal Nehru (cha) chứ không phải là Jawaharlâl Nehru (con), tức là vị thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ).

Đó là lý do mà trong tờ báo của ông thường trích dẫn những câu danh ngôn của đại văn hào Ấn Độ R. Tagore.

Trong thời gian ở Pháp, ông tham gia các hoạt động yêu nước cùng Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền. Khoảng năm 1925, ông về Sài gòn mở văn phòng luật sư và cộng tác với các báo *La Lutte*, *La Cloche Fêlée*, *Đông pháp*, *Thần chung*, *Mai*, *Dân chúng*... và cũng là luật sư đặc trách của các báo trên.

Tuy là người đỗ đạt cao, có vợ quốc tịch Pháp, nhưng ông vẫn là người có lập trường dân tộc, yêu nước, điều đó được thấy rõ qua các bài viết của ông trên các báo vừa nêu. Vì vậy, ông bị thực dân bỏ tù nhiều lần. Ông chủ trương người Việt Nam phải tự mình đảm đương lấy quyền tự quyết, nhất là người Việt phải học tiếng Việt ngay từ bậc tiểu học mới mong mở mang dân trí, dân khí...

Sau tổng khởi nghĩa năm 1945, ông có mặt trong các tổ chức chống Pháp, nhất là sau ngày Nam bộ Kháng chiến (23-9) các lực lượng Kháng chiến rút khỏi Sài Gòn, ông được một số người Pháp "mới" (phe De Gaulle) ủng hộ thành lập một chính phủ có tên Chính phủ lâm thời Quốc dân Việt Nam. Chính phủ này lúc ấy chỉ còn trong bóng tối (ngày 24-9-1945) chưa hoạt động được gì. Sau đó, ông bị kẻ lạ mặt giết ở Chợ Lớn vào hạ tuần tháng 9 năm 1945.

Tờ *Đuốc Nhà Nam* chú trọng về giới nông dân, lao động cốt rọi các tia sáng cho anh em bước tới để ngày sau tất cả thôn quê đều làm đèn điện như ở bên Nga... (1)

Tờ *Đuốc Nhà Nam* đã tự hỏi và tự đưa ra những tội lỗi do thực dân gây ra: "... *nói cho đích đáng thì chủ nghĩa thực dân là nguyên do của những cuộc chiến tranh, là cái tánh háo thắng, háo tiêu diệt của các*

---

(1) Đuốc Nhà Nam ngày 23-10-1928

nước; chủ nghĩa thực dân tức là khắc phục là có sự áp bức ghê gớm".(1)

Báo này mỗi kỳ có đăng những câu danh ngôn của các bậc danh nhân thế giới có tính cách chống đối một cách quyết liệt chủ nghĩa tư bản và nền văn minh Tây phương như:

"Hỡi người Âu tây! Người tự kiêu vì có nhiều tàu, nhiều máy, nhiều đồ sáng tạo và có chúa trời ngươi. Đã lâu rồi, ta đây (người châu Á) vẫn biết chế biến vật chất ngàn cách, mà tự khi ta biết được "Trời" thì ta điềm nhiên.

Hỡi người Âu tây! Người nào có hiểu gì ta đâu, bởi học thuật của ta bí mật, trí đức của ta kín đáo, phàm những sự phải kín đáo mà sớm phô bày thì thành ra cái họa vậy". (Trích trong *Chuyện Đức Khổng Tử* của Maurice Margre) (2).

Hoặc như:

"Văn minh Âu châu là một cái máy xay? Vì là máy xay nên hễ tràn đến đâu thì làm cho người chỗ đó phải hao mòn. Vì là máy xay nên tiêu diệt những dân tộc nào ngăn cản con đường khắc phục của nó.

Văn minh Âu châu tự nó đã là một cái nền văn minh của bọn ăn thịt người: nó áp chế kẻ yếu và do đó mà nó làm giàu. Hễ nó đi đến đâu thì làm cho người ta phải đố kị và oán ghét nhau, lại làm cho không ai gần nó đặng. Đấy là cái văn minh cách trí, chứ không phải là cái văn minh nhân cách cũng vì nó hướng cả tinh thần về mục đích làm giàu nên họ tạo thành một cái thế lực rất lớn...

Chúng tôi dám quả quyết rằng cái văn minh ấy không thể sanh tồn lâu được".

Rabindranath Tagore.
Diễn thuyết tại Tokyo ngày 18-06-1916
***Đuốc Nhà Nam* ngày 30-10-1928**

Tờ báo bị cấm lưu hành ở Bắc kể từ ngày 10-01-1929. Mặc dù với giọng điệu quá khích trên đây tờ *Đuốc Nhà Nam* vẫn sống cho đến năm 1937 nhờ sự ủng hộ của Đảng Lập Hiến Đông Dương.

Trong số những biên tập viên của tờ *Đuốc Nhà Nam* ta thấy có: Dương Văn Giáo, Trần Văn Ân, Lương Trung Nghĩa...

◇ *THANH NIÊN TÂN TIẾN:*

Do hai ông Hồ Văn Sao và Huỳnh Phú Yên thành lập ngày 08-01-1929. Tờ Thanh Niên Tân Tiến là một *"cơ quan bảo hộ quyền lợi của những người trẻ"*, có khuynh hướng chống chính phủ rõ rệt. Vì độc giả không thể trả hết tiền mua báo, tờ báo mặc dù phát hành đến 5.000 số mỗi kỳ, vẫn bị lỗ lã nên đành phải đình bản ngày 15-03-1929. Đến ngày 19-04-1929 tờ báo tiếp tục hoạt động trở lại và lần này in mỗi kỳ 6.000 số. Mặc dù ban giám đốc tờ *Thanh Niên Tân Tiến* cố gắng rất nhiều vẫn phải bị đình bản lần nữa vào ngày 03-05-1929. Đến ngày 19-06-1929 tờ *Thanh Niên Tân Tiến* lại cố gắng hoạt động trở lại với ông giám đốc mới: ông Lê Thành Lư, cựu giám đốc tờ Pháp Việt Nhứt Gia đã một lần bị bắt vì dám nói đến "quyền tự do báo chí". Và ông giám đốc mới này đổi lại khẩu hiệu của tờ báo là *"cơ quan của giới trẻ và giới công nhân"*.

---

(1) Đuốc Nhà Nam ngày 18-10-1928.

(2) Đuốc Nhà Nam ngày 25-10-1928.

Dưới sự điều khiển của ông Lê Thành Lư tờ *Thanh Niên Tân Tiến* bắt đầu công kích chính phủ Pháp với một giọng hết sức gay gắt như tờ Pháp Việt nhứt gia trước đó. Dĩ nhiên là chính phủ Pháp không bao giờ cho phép một tờ báo có luận điệu chống đối chính phủ như thế tiếp tục đường lối chính trị của nó. Ông Lê Thành Lư, một lần nữa lại vào tù với lý do là ông đã phát những truyền đơn Cộng sản. Tờ báo không người điều khiển đành phải đóng cửa vĩnh viễn vào ngày 31.08.1929.

2.2. Ở Bắc Kỳ

Vì là một chế độ bảo hộ cho nên báo chí ở Bắc Kỳ bị kiểm duyệt rất chặt chẽ. Chúng ta thấy rất ít những tờ báo đối lập. Hầu hết báo chí Bắc Kỳ chỉ nói đến những vấn đề đặc biệt như văn học, kinh tế, lịch sử... Tóm lại đó là những tờ báo không chủ trương chính trị rõ rệt, nhưng trên thực tế đường lối của nó hoặc ít hoặc nhiều thân chính phủ.

Sau đây ta xét đến những tờ báo định kỳ.

◆ QUAN BÁO

In bằng chữ quốc ngữ, số đầu tiên ra mắt tại Hà Nội ngày 01-01-1919. Đây là tờ công báo ra hàng tháng do phủ Thống sứ xuất bản bằng chữ quốc ngữ để cung cấp cho các công sở, quan lại và bộ máy tổng lý ở Bắc Kỳ. *Quan Báo* đăng tải các công văn của phủ Thống sứ và Nam triều có liên quan đến Bắc Kỳ. Việc biên soạn tờ báo do phủ Thống sứ tổ chức và do ngân sách Bắc Kỳ đài thọ.

◆ HỌC BÁO

Tờ *Đông Dương Tạp Chí* do Nguyễn Văn Vĩnh điều khiển trong thời gian 5 năm (từ 1913-1918) thì đình bản và biến thành một tạp chí khác lấy tên là *Học báo*. Tờ *Học báo* ra ngày 01-09-1919, đây là một tờ tạp chí hoàn toàn có tính cách sư phạm. Tờ này được in thành hai thứ tiếng Pháp và Việt cũng do Nguyễn Văn Vĩnh điều khiển và đặt dưới sự bảo trợ của Nha tiểu học Bắc Kỳ và được dùng trong các trường tiểu học, với sự cộng tác đắc lực của Trần Trọng Kim và một số giáo viên khác. Tờ báo phát hành mỗi tuần 1 lần và đăng những bài theo đúng chương trình học do chính phủ đưa ra, gồm có hai phần: phần tiếng Việt và phần tiếng Pháp. Tờ này nhằm giúp đỡ các giáo viên những tài liệu cần thiết cho việc giảng dạy của họ ở các trường tiểu học. Trong số các cộng sự của tờ này ta thấy có các ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Xuân Mai, v.v...

◆ HỮU THANH

Được xuất bản ngày 01-08-1921 do Hội Tương tế Thương mại và Kỹ nghệ Bắc Kỳ chủ trương. Tờ này phát hành hai lần mỗi tháng và chỉ đề cập đến những vấn đề luân lý văn học, kỹ thuật, kinh tế... Thoạt đầu chính thi sĩ Tản Đà điều khiển tờ này. Số đầu ra mắt ngày 1-8-1921. Trên hình bìa tờ báo được trình bày bằng hình ba người phụ nữ Bắc Trung Nam. Người ta cho *Hữu Thanh* nổi tiếng thời bấy giờ không phải vì nó là cơ quan chính thức cho Hội Tương tế Thương mãi và Kỹ nghệ Bắc Kỳ, cũng không phải là vì nó được chính phủ Pháp nâng đỡ, mà chỉ là vì tạp chí

Bìa tờ *HỌC BÁO* ra ngày 28-11-1921

này có được hai nhân vật nổi tiếng lúc bấy giờ điều khiển, đó là thi sĩ Tản Đà và ông Ngô Đức Kế.(1)

Trong số báo ngày 1.9.1924 đã đăng bài "Chánh học cùng tà thuyết" của cụ Nghè Ngô Đức Kế mở ra cuộc tranh luận về truyện Kiều với Phạm Quỳnh.

Trong số những cộng sự viên của tạp chí này ta thấy có Nguyễn Mạnh Bổng, Nguyễn Thượng Hiền, Đào Trinh Nhất, Trịnh Đình Rư, Nguyễn Lê, Nguyễn Ưng, Huỳnh Bá Khuê, nữ thi sĩ Đạm Phương.

Sau 6 tháng làm việc, Tản Đà từ chức để ra điều khiển cho tờ báo riêng của ông là tờ *Annam Tạp Chí*, Hà Đức Phong thay Tản Đà giữ chức chủ bút để điều khiển tờ *Hữu Thanh* cho đến năm 1924 tức là năm mà tờ *Hữu Thanh* bị đình bản vĩnh viễn.

◇ AN NAM TẠP CHÍ

Sau khi từ chức chủ bút tờ *Hữu Thanh*, Tản Đà cho ra đời một tạp chí của riêng ông, đó là tờ *Annam Tạp Chí*. Tuy nhiên muốn ra đời một tờ báo cần phải có tiền. Một thi sĩ nghèo như ông thì làm thế nào để có tiền. Tình cờ, một kẻ vô danh nào đó, một người không quen biết, có lẽ là một trong số những người thán phục thơ văn ông, gửi cho ông 100 đồng. Với số tiền nhỏ nhoi này ông vẫn cứ cho ra đời một tờ báo mà đáng lẽ công việc này phải cần đến 3.000 đồng.(2)

Ba ngày trước ngày phát hành tờ báo, ông chỉ còn có 2 đồng bạc! Ông đi vay nợ với số tiền lời là

---

(1) Nguyễn Ngu Í. *100 năm báo chí Việt Nam*. Bách khoa. Số 25 ngày 15-01-1966, tr.21.

(2) Tảm Dương. Sách đã dẫn, tr. 36/96.

15% và với tất cả mọi khó khăn khác, tờ *Annam Tạp Chí* mới ra đời được lần đầu tiên ngày 1-7-1926. Tuy nhiên khi tờ báo vừa ra gặp phải bao nhiêu trở ngại. *"Tờ Annam Tạp Chí ví như một cái thành bị vây"*(1), nó chống chỏi bao nhiêu khó khăn để sống đến tháng 3-1927 và ra được 10 số thay vì 18 số như đã định trước, vì lý do tài chính tờ báo bị đình bản. Vị chủ bút, thi sĩ Tản Đà, rời Hà Nội làm một chuyến viễn du từ Bắc vào Nam. Sau khi ngao du sơn thủy, Tản Đà trở về Bắc cũng vẫn với 7 đồng bạc trong túi, nhưng ông nhất định làm sống lại tờ báo và lần này thì trụ sở của tờ báo được dời về bên Bờ Hồ Hà Nội.

Số 11 của lần tục bản *Annam Tạp Chí* lại ra đời và ông chủ báo lại than phiền: *"Phen này Annam Tạp Chí lại ra, riêng lòng tôi phần khấp khởi vui mừng kém trước, mà sự lo âu nghĩ xa hơn trước"*.

Đứng trước sự sợ sệt của ông chủ báo, tờ *Annam Tạp Chí* cũng không sống được lâu. Trong thời gian 2 tháng, từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1930, *Annam Tạp Chí* chỉ ra được 3 số (N°11 đến 13). Bốn tháng sau đó, trụ sở tờ báo lại được di chuyển một lần nữa về Nam Định và tiếp tục cho ra thêm vài số nữa. Năm 1931, *Annam Tạp Chí* lại dời trụ sở về Hà Nội. Với sự giúp đỡ của bạn bè, Tản Đà tổ chức lại tờ báo, và ra mắt độc giả lần thứ 3. Số đầu tiên của lần tái bản này ra mắt vào tháng 4 năm 1931.

Lần này người ta thấy có sự tiến bộ hơn trước. Báo ra đều. Nhưng bắt đầu từ số 42, thay vì ra hai số mỗi tháng, nó chỉ ra có một số chính và một số

---

(1) Tấm Dương, Sách đã dẫn, trang 35/96.

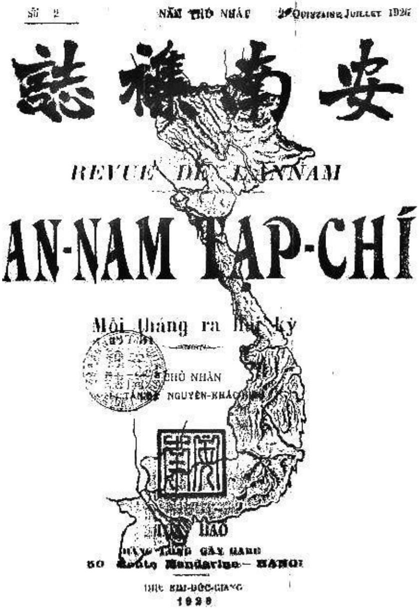

Số 2 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Juillet 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

CHỦ NHÂN

TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-

BÁO

50 Route Mandarine — HANOI

KIM-ĐỨC-GIANG

1926

Bìa tờ *AN NAM tạp chí* ngày 2-7-1926

phụ. Một ngày kia người ta để ý thấy trên trang 1 của số phụ của số 48 tờ *Annam Tạp Chí* những dòng chữ cảm động như sau:

> *"Vì tôi còn thiếu tiền in báo từ trước: số tiền lên đến 600 đồng bạc, đến nay lo món nợ ấy, thành báo quán bị tịch biên". (Annam Tạp Chí số 48 phụ bản ngày 09-07-1932).*

Tháng 9 năm 1932, *Annam Tạp Chí* với khổ nhỏ chỉ bằng nửa lần trước ra thêm được một vài số nữa trước khi bị đình bản vĩnh viễn vào năm 1933. Trong những số cuối cùng của *Annam Tạp Chí* ta để ý thấy những mục quảng cáo như sau: *"Chữa thơ cho thiên hạ mỗi tháng lấy 1 đồng bút phí, hoặc có ai hậu tình xin tùy ở bài giảng"*.

Vĩnh biệt *Annam Tạp Chí*, Tản Đà đành phải kéo dài kiếp sống buồn nản của một nhà thơ bất đắc chí bằng cách viết lách cho tờ *Văn học Tạp Chí* để sống qua ngày. Nhưng vì cuộc đời làm báo không thích hợp với đời sống của một thi sĩ như ông, Tản Đà đành phải rút lui về sống yên tĩnh nơi quê nhà:

"Công danh sự nghiệp mặc đời,
Bên thời be rượu, bên thời bài thơ".

◆ *VIỆT NAM THANH NIÊN TẠP CHÍ*

Đó là một cơ quan chính thức của Hội thanh niên Việt Nam được thành lập do nghị định của chính phủ ngày 06-05-1922, và chủ tịch là hai ông Monguillot, Thống sứ Bắc Kỳ và Hoàng Cao Khải, Kinh lược Bắc Kỳ và Chủ tịch danh dự là Louis Marty, chánh mật thám Đông Dương. Báo được in bằng 2 thứ tiếng Pháp,

Việt. Việt Nam thanh niên tạp chí chỉ đăng những vấn đề có liên quan đến *"sự tiến triển luân lý của thanh niên Annam và sẽ không đề cập đến những vấn đề chính trị và tôn giáo"*.(1)

Trong khi phát hành, Ban giám đốc đã nhận được một số tiền là 1.000 đồng do vua Khải Định gửi tặng.

◆ *VỆ NÔNG BÁO*

Xuất bản năm 1923, tờ báo chuyên về kinh tế nhất là canh nông và ngư nghiệp. Thỉnh thoảng cũng có những bài nói về việc cải tổ nền thương mại, nông nghiệp và công nghiệp trong xứ. Nhưng phần nhiều tờ báo chỉ chú trọng đến việc bảo vệ mùa màng: chọn hột giống, cải thiện canh tác bằng cách dùng phân bón...

◆ *QUẢNG ĐẠT BÁO*

Tuần báo chuyên về quảng cáo, về những vấn đề kỹ nghệ, thương mại. Xuất bản năm 1927 và sống lây lất. Đình bản cùng năm trên.

◆ *ĐÔNG DƯƠNG THƯƠNG BÁO*

Xuất bản vào tháng 8 năm 1930 do ông Đinh Văn Khúc. Ra được 27 số thì đình bản vào ngày 27 tháng 12 cùng năm.

◆ *THƯƠNG BÁO*

Phát hành vào tháng 9 năm 1930 do ông Đoàn Như Khuê là giám đốc. Tờ báo nặng về thương mại.

---

(1) Theo Nguyễn Thành, *Báo Chí Cách Mạng Việt Nam* 1925-1945, nxb KHXH, H. 1984, ghi: Việt Nam Thanh Niên Tạp Chí số 1 ra ngày 1-7-1923 (trang 34).

Số phận cũng như những tờ cùng loại. Ra được 17 số thì đình bản.

2.3. *Ở Trung Kỳ*

Sau một thời gian dài im hơi lặng tiếng, báo chí Trung Kỳ bắt đầu xuất hiện. Nhưng vì thiếu độc giả, báo chí Trung Kỳ trong suốt thời gian từ 1919-1930 chỉ có mỗi một tờ nhật báo.

Tất cả báo chí xuất bản ở đây trong giai đoạn này đều là những báo định kỳ; và hầu hết đều có khuynh hướng thân chính phủ ngoại trừ tờ nhật báo *Tiếng Dân* của ông Huỳnh Thúc Kháng.

✧ *THẦN KINH TẠP CHÍ*

Đây là tờ nguyệt san in bằng tiếng Việt và có một phụ bản bằng tiếng Pháp. Trong số đầu ra mắt độc giả tháng 08-1927 ban biên tập đã long trọng tuyên bố: *"Tờ báo này chỉ đề cập đến những vấn đề thực tiễn như Luật học, Kinh tế, Xã hội... và sẽ không bao giờ nói về chuyện chính trị"*. Tuy nhiên khi phát hành một vài số, dư luận quần chúng đã trách móc tờ *Thần Kinh Tạp Chí* chỉ là tiếng nói trung thành của các quan lại triều đình Huế và mục đích của tạp chí này là để đối đầu với tờ *Tiếng Dân* của nhà ái quốc Huỳnh Thúc Kháng. Người ta đã tìm thấy trong tạp chí này những loại bài chống Cộng rất hăng say. Phải chăng đó là một trong những lý do khiến độc giả nghi ngờ đường lối chính trị của tạp chí này?

Dù sao chăng nữa, tạp chí này sống rất lâu, nó ngưng phát hành vào mùa Xuân năm 1942.

Kể từ năm 1929 tiếp theo những biến cố chính trị xảy ra ở miền Thanh Nghệ Tĩnh do những nhóm cách mạng lãnh đạo, chính phủ Pháp ngày càng lo lắng. Đồng thời đàn áp những phong trào chính trị trên đây bằng vũ lực, chính phủ Pháp còn dùng những phương tiện tâm lý để tấn công tinh thần cách mạng của nhân dân miền Thanh Nghệ Tĩnh này: đó là những phương tiện báo chí.

Người ta thấy xuất hiện trong những năm 1929, 1930 những tờ báo thường được in ở Huế và sau đó cho lưu hành ở những địa phương có những phong trào chính trị chống đối chính phủ do các nhà cách mạng tổ chức. Và tất cả những tờ báo này đều đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của viên Công sứ ở các tỉnh có những phong trào đòi độc lập nói trên.

✧ *HÀ TĨNH TÂN VĂN*

Cơ quan chính thức của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ.

Xuất bản tháng 8 năm 1928, tờ *Hà Tĩnh Tân Văn* gồm có 2 trang: 1 trang in bằng chữ quốc ngữ, 1 trang in bằng chữ Hán. Bắt đầu từ số 22 (tháng 5-1930) phần chữ Hán không còn là phần dịch ra từ tiếng Việt và nội dung gồm có:

1. Những quyết định, những nghị định của chính phủ, của triều đình Huế, của Tòa Khâm sứ ở Huế, và của Công sứ ở các tỉnh...
2. Mục về văn học.
3. Mục về thời sự, Tin tức địa phương: Kết quả kỳ thi, những cuộc bầu cử được tổ chức trong làng, những tai nạn, hôn nhân, sinh tử,...

4. Những vấn đề có liên quan đến những nhu cầu thường ngày của dân chúng: vệ sinh, canh nông, thương mại, kỹ nghệ, khoa học.

5. Tranh luận và ý kiến độc giả v.v...

◇ *HOAN CHÂU TÂN BÁO*

Tờ này do ông Guilleminet, Công sứ Nghệ An thành lập vào tháng 1 năm 1930, nó cũng có cùng một hình thức và cùng một nội dung như tờ Hà Tĩnh Tân Văn nói trên. Tạp chí được phát hành mỗi tháng 2 lần, gồm có hai trang và in bằng hai thứ tiếng Hán và Việt.

Từ ngày 14-7-1930 tờ này được nhập chung với tờ *Hà Tĩnh Tân Văn* và ra 3 lần trong tháng và được in trên 4 trang. Nội dung toàn đăng những bài có tính cách chống Cộng một cách hăng say.

◇ *TRƯỜNG AN CẬN TÍN*

Do Tòa Khâm sứ Pháp ở Huế thành lập năm 1930. Đây là một tờ bán nguyệt san, cũng có đặc tính như 2 tờ báo trên. In bằng tiếng Việt và Hán khuynh hướng chống Cộng sản. Từ ngày 9-4-1932 được nhập chung với tờ khác cùng loại là tờ *Trung Kỳ Nam giới*, ra mỗi tuần và sau đó mỗi ngày dưới cái tên là *Tiên long báo.*

◇ *TẢ TRỰC BÁO*

Do Tòa Khâm sứ ở Huế phát hành vào tháng 7 năm 1930. Tả trực báo được in bằng 2 thứ tiếng: Hán, Việt và được lưu hành ở miền Bắc kinh đô Huế. Ra 2 lần mỗi tháng, tờ báo cho đăng những tin tức địa phương, những vấn đề thường thức như vệ sinh, kỹ nghệ, chăn nuôi, trồng trọt... Và mỗi kỳ phát hành, ban biên tập không quên gửi tới độc giả những bài bình luận chính trị chống Cộng. Kể từ ngày 01-10-1931, tờ này được nhập với tờ Bình phú tân văn và lấy tên mới là *Trung Kỳ Nam giới*, in 4 trang và 1 phụ trang chữ Hán mỗi tam cá nguyệt.

◇ *THANH NGHỆ TĨNH TÂN VĂN*

Xuất bản vào tháng 07 năm 1930 tại Vinh, gồm có 6 trang. Bốn trang bằng tiếng Việt và hai trang bằng chữ Hán. Về nội dung, đó cũng là một tờ có khuynh hướng chống Cộng như những tờ báo trên, đình bản năm 1935.

◇ *BÌNH PHÚ TÂN VĂN*

Ra 2 lần mỗi tháng và in bằng 2 thứ tiếng: Hán, Việt. Tờ *Bình phú tân văn* là một trong những tờ chống Cộng sản quá khích ra đời vào những lúc tình hình sôi động nhất vào những tháng 7, 8, 9 năm 1930 ở các miền Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh. Năm 1931 tờ này được sát nhập vào tờ *Tả trực báo* và lấy tên mới là *Trung Kỳ Nam Giới.*

Những tờ báo khác xuất bản ở Trung Kỳ trong giai đoạn này là:

◇ *DU HỌC BÁO (1927-1935)*

Bán nguyệt san của hội khuyến khích tân học.

◇ *TRUNG KỲ VỆ SINH CHỈ NAM*

Do bác sĩ Devy sáng lập, đây chỉ là loại báo hướng dẫn những áp dụng thực tiễn về vệ sinh vào đời sống hàng ngày. Tờ báo xuất bản vào tháng 3 năm 1930 và chết vào tháng chạp năm đó.

III. CÁC NHẬT BÁO

Nhật báo đóng vai trò quan trọng nhất, người làm báo nào cũng muốn đổi tờ báo định kỳ của mình trở thành nhật báo khi hoàn cảnh cho phép. Vì phương tiện tài chính eo hẹp và vì số độc giả chỉ có giới hạn nên số nhật báo xuất hiện luôn luôn ít hơn báo định kỳ. Tuy nhiên, nhật báo đóng vai trò khá quan trọng trên địa hạt chính trị và nhiệm vụ thông tin trong xứ.

Chúng ta lần lượt điểm qua các nhật báo ra đời ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

3.1. Ở Nam Kỳ

◇ *TRUNG LẬP BÁO*

Đứng đầu là Trung lập báo ra mắt độc giả ngày 16-1-1924. Đây là tờ nhật báo thông tin, khi đề cập đến chuyện chính trị thì tỏ ra thận trọng. Tuy nhiên, thỉnh thoảng độc giả gặp những bài chính trị thân chính quyền rõ rệt. Trong thực tế, tờ báo là phát ngôn của ông chủ báo De Lachevrotière, Hội đồng Quản hạt, và cũng có dính líu mật thiết với nhóm tài phiệt Octave Homberg. Báo phát hành khoảng 15.000 số, đứng đầu các nhật báo phát hành ở Sài Gòn lúc bấy giờ, về cách trình bày thì vượt trội hơn các đồng nghiệp khác. Lần đầu tiên, ở trang nhất của nhật báo, độc giả có thể theo dõi những sinh hoạt thường nhật qua các bức ảnh, chụp lại một cuộc đua xe đạp, một tai nạn xe hơi...

◇ *TÂN DÂN BÁO*

Số đầu tiên phát hành ngày 17-11-1924 do Trần Văn Minh sáng lập, nhằm mục đích thông tin với khẩu hiệu *"Phục vụ Đông Dương, nhờ nước Đại Pháp"*. Mặc dầu mang nhãn hiệu không làm chính trị, độc giả vẫn thấy rõ rệt thực chất của *Tân Dân báo* là thân chính quyền. Độc giả không ủng hộ nên báo đóng cửa vào năm 1925.

◇ *CÔNG BÁO*

Đây là tờ báo chính thức của chính quyền thực dân, ra mắt ngày 16-7-1930.

Những tờ báo sau đây có đường lối tiến bộ chống thực dân:

Trong khoảng 1919 đến 1930, chỉ thấy hai tờ nhật báo đối lập là *Tân Thế Kỷ* và *Thần Chung*, không kể đến tờ *Đông Pháp Thời Báo* đã dẫn ở phần trước.

◇ *TÂN THẾ KỶ*

Với khẩu hiệu "Công bình và Bác ái", tờ báo thông tin này do Cao Văn Chánh chủ trương, xem như là cơ quan của "Việt Nam Ái quốc Liên Hiệp". Hội đoàn này là tổ chức hoạt động trong phạm vi luật pháp hiện hành, nhằm mục đích phục hưng nước Việt Nam, bằng cách đề cao và thực thi sự công bình(1). Giám đốc là Cao Văn Chánh đã vạch ra đường lối của tờ báo như sau:

- Khuyến khích dân Việt Nam làm việc để xây dựng có ý thức.
- Phục hưng nền quốc học.
- Kêu gọi đồng bào hãy kính trọng các nhà ái quốc và khinh khi bọn phản quốc.

---

(1) Pháp Việt nhứt gia ngày 17-5-1927.

Chủ bút tờ *Tân Thế Kỷ* là ông Bửu Đình, một người trong hoàng tộc đã viết một loạt bài công kích thái độ khiếp nhược của bọn quan lại trong triều đình Huế. Hơn nữa, chính ông Bửu Đình đã tổ chức nhiều cuộc nói chuyện chính trị tại tư thất của chí sĩ Phan Bội Châu ở Huế (ngày 20-3-1927) trước số cử tọa đông khoảng 500 thanh niên để công kích chế độ phong kiến mục nát của triều đình Huế. Vì lý do ấy, ông bị triều đình bắt.(1)

---

(1) Nguyễn Phúc Bửu Đình, là chắt trai của Hoàng tử Tĩnh gia (con trai vua Minh Mạng) sinh tại Kim Long, Huế. Ông xuất thân trong một gia đình hoàng tộc, thân phụ là một vị quan tại Bình Thuận (Phan Thiết). Thuở nhỏ học tại Phan Thiết, sau học trường Quốc Học (Huế), rồi làm công chức ngành bưu điện tại Sài gòn. Nơi đây, ông cộng tác với các báo: Nam Kỳ Kinh tế, Công Luận, Tân Thế Kỷ, Phụ nữ Tân Văn. Ông có liên hệ mật thiết với các nhà yêu nước, hô hào nhân dân đòi độc lập, dân chủ. Ông từng diễn thuyết kêu gọi xóa bỏ chế độ Nam triều, lập chế độ Cộng hòa. Do đó, ông bị triều đình Huế kết tội "khi quân", bằng cách xóa tên ông trong hoàng tộc. Ông phải dùng họ mẹ, nên còn có tên là Tạ Đình, bị án tù 9 năm tại Lao Bảo, sau đó bị Pháp đày ra Côn Đảo vô thời hạn.
Tại đảo, ông vẫn kiên cường tiếp tục phản kháng chế độ, viết nhiều sách báo gởi về đất liền để tố cáo chế độ tàn ác của thực dân.
Khoảng năm 1931, ông và một số chính trị phạm khác tổ chức thả bè vượt biển trốn về đất liền, nhưng mất tích. Ông hy sinh lúc mới 32 tuổi. Vợ ông người tỉnh Gò Công (nay gọi là Tiền Giang), con gái ông là Tôn Nữ thị Diệu Tiên.
Tác phẩm của ông gồm có:
- Mảnh trăng thu.
- Cậu Tám lọ.
- Giọt lệ tri âm.
- Sông hồ Ba Bể.

(Theo Nguyễn Quyết Thắng, Nguyễn Bá Thế, sđd, trang 588)

Vì những bài báo chống triều đình Huế nên nhật báo này bị cấm lưu hành ở Trung Kỳ do nghị định ngày19-4-1927 của P. Pasquier, toàn quyền Đông Dương và sau đó, do nghị định của Friès, Khâm sứ ở Huế, cũng vì lý do đã nói. Sau khi báo bị cấm lưu hành, tại Saigon có tổ chức cuộc mít tinh để phản đối nhưng viên Thống đốc Nam Kỳ lúc bấy giờ là Blanchard de la Brosse đã ra lịnh cấm. *"Hơn 5000 người ở Nam Kỳ lấy làm ngạc nhiên khi thấy rõ mãi đến ngày nay dân ta chưa có quyền hội họp"*(1). Cũng vì phẫn uất nên các ký giả ở Saigon lại cương quyết tổ chức một cuộc mít tinh khác vào ngày chủ nhật 15-5-1927 để *"phản đối chế độ báo chí, chống lại việc cấm lưu hành tờ Tân Thế Kỷ, chống lại nghị định của Thống đốc Nam Kỳ theo đó các cuộc hội họp đều bị cấm đoán"*(2). Hơn 10.000 người đã đến tham dự cuộc mít tinh, lần này cũng bị cấm tổ chức như lần trước. Một số người tham dự vào cuộc mít tinh này đã bị bắt.

Mặc dầu báo giới ở Sài Gòn đã lên tiếng phản đối, tờ *Tân Thế Kỷ* vẫn bị cấm ra mắt lần thứ nhì, chủ bút là ông Bửu Đình bị triều đình Huế bắt bỏ tù (với lý do là người trong hoàng tộc nên phải bị xét xử theo luật của Triều đình).

◇ THẦN CHUNG(3)

Sau khi Đông Pháp Thời Báo chết, hai ông Diệp Văn Kỳ(4) và Nguyễn Văn Bá lập một tờ báo đối lập khác, vào năm 1929, lấy tên là tờ *Thần Chung*. Trong

---

(1,2) Pháp Việt nhứt gia ngày 17-5-1927

(3) Nên hiểu thần là buổi sớm mai, chung là chuông (tiếng chuông).

(4) Diệp Văn Kỳ (1895-1945) là con của Diệp Văn Cương, sinh trưởng tại Huế, tinh thông cả Hán học lẫn Tây học. Du học tại Pháp.

tờ này, ý thức quốc gia dân tộc biểu lộ quá rõ rệt, cùng với tinh thần chống chính quyền thực dân. *Thần Chung* đã đăng tải một loạt bài về vụ án Nguyễn An Ninh. Tiếc thay, tờ báo đối lập này không sống lâu, bị khai tử vì nghị định ngày 22-3-1930 của Toàn quyền Đông Dương.

Nhờ một số ký giả lừng danh và có tài đứng ra điều khiển nên *Thần Chung* được độc giả đương thời mến mộ, so với các báo khác. Ngoài Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Văn Bá, còn các nhà văn, nhà thơ, ký giả sau đây trong bộ biên tập: Tản Đà, Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Phan Văn Hùm, Đào Trinh Nhất, Bùi Thế Mỹ.

Về mặt kỹ thuật, đây là tờ báo tổ chức khá khoa học. Ký giả Tế Xuyên từ Bắc vào Saigon đã khen ngợi: Tờ *Thần Chung* của Diệp Văn Kỳ không sống dai, tuy nhiên, được tổ chức chu đáo, bộ biên tập gồm người có năng lực, phân công rõ rệt, với nhiều cộng sự viên xứng đáng và một Ban giám đốc có tinh thần khoa học, trong khi các nhật báo khác còn hoạt động trong tình trạng luộm thuộm, tiểu công nghệ và chỉ huy theo tinh thần gia đình.

Đỗ bằng cử nhân luật. Về nước thành lập Hội Khuyến học và tổ chức nhiều buổi diễn thuyết về văn hóa. Ông đứng ra sang lại tờ báo *Đông Pháp Thời Báo* của Nguyễn Kim Đính, sau được phép xuất bản tờ *Thần Chung*. Vì là báo chống Pháp bị Phủ Thống đốc Nam kỳ trục xuất về Trung. Nhưng sau đó trở vào Sài Gòn tham gia hoạt động văn hóa như cũ. Thời kỳ Nhật chiếm đóng, Nhật có mời ông hợp tác. Ông từ chối, về sống ở Trảng Bàng và mất năm 1945.

3.2. Ở Bắc Kỳ

Từ 1919 đến 1930, nhật báo ở Bắc Kỳ ra đời nhiều hơn lúc trước. Trước 1919, không có tờ nhật báo nào, ngoại trừ tờ *Trung Bắc tân văn*, thành lập 1913 rồi đổi ra nhật báo năm 1919(1). Trong khoảng thời gian này, khó tìm ra một tờ báo gọi là đối lập, chỉ vì chế độ chính trị đặc biệt ở xứ bảo hộ này. Chế độ báo chí quá khắt khe, không một chút tự do nào cả. Về báo Pháp ngữ do người Việt chủ trương, không thấy tờ nào xuất hiện, trong khi ở Nam Kỳ loại báo Pháp ngữ này phát triển mạnh, nhờ chút ít quyền tự do tư tưởng và chế độ ở Nam Kỳ cho phép.

Vì lẽ ấy, nhiều ký giả đã từ Bắc vào Nam để hành nghề, trong những năm 1919-1930.

Vì không được quyền phát biểu tư tưởng nên báo chí ở Bắc Kỳ không đề cập đến chuyện chính trị (báo định kỳ và nhật báo cũng vậy), trong lúc nước nhà đang trải qua những năm sôi động (năm 1925-1926 và 1929-1930). Họ chỉ còn một cách để sống và để viết là bàn những vấn đề văn chương, lịch sử hoặc chuyên môn như Kinh tế, Kỹ nghệ, Canh nông. Để hiểu và theo dõi các vấn đề chính trị, độc giả phải chờ đón mấy tờ báo từ Sài Gòn gửi ra bán (nhà nước bảo hộ kiểm soát gắt gao việc này).

Sau đây là sự tiến triển của nhật báo ở Bắc Kỳ.

---

(1) Phạm Thế Ngũ - Sách đã dẫn, tr. 106.

◆ DÂN BÁO

Tờ *Dân Báo* thành lập ngày 1-5-1927 nhân ngày lễ Quốc tế lao động. "*Đây là tờ báo của dân chúng và những ai muốn phục vụ dân chúng phải đọc nó*"(1).

Để xác nhận điều này, chủ nhiệm là Ngô Văn Mẫn đã viết rõ mục đích của tờ báo:

"*Không kể đến báo ngoại quốc, ở làng báo xứ ta chỉ có những tờ báo xuất hiện ở Nam Kỳ là giống phần nào báo chí bên chính quốc, nghĩa là có lằn ranh rõ rệt giữa báo đối lập và báo thân chính phủ, nhờ đó ta phân biệt dễ báo nào tốt, báo nào xấu.*

"Nhưng ở xứ này (Bắc Kỳ) thì ngược lại: những tờ báo tự xưng đứng về dân chúng, trong thực tế chẳng phải là vậy. Bởi vì đa số người làm báo đều mang một bệnh nặng: bệnh khiếp nhược.

"*Bởi vậy khi ra mắt độc giả Dân Báo đã cương quyết từ bỏ cái thói xấu của các đồng nghiệp khác. Những người đứng ra sáng lập tờ báo này không xem nó như là phương tiện để "làm giàu, mua đồn điền hay nhà cao cửa rộng. Nhưng họ làm báo để phục vụ dân chúng*".(2)

Tờ báo này bị kiểm duyệt rất tàn nhẫn. Phân nửa tờ báo này bị bỏ trắng và độc giả chẳng có gì để đọc. Không đầy một tháng sau báo đành tự đình bản.

---

(1) Dân báo ngày 2-5-1927

(2) Dân báo ngày 6-5-1927.

◆ THỰC NGHIỆP DÂN BÁO

Ra đời ngày 12-7-1920, với mục đích là giúp đỡ độc giả về mặt cải tiến kỹ thuật: "*Bổn báo không dám tự nhận là cơ quan hướng dẫn đồng bào nhưng chỉ muốn là người bạn hữu ích để giúp độc giả những ý kiến cần thiết, thích nghi về các vấn đề canh nông, kỹ nghệ, thương mãi*"(1). Vì lý do ấy nên ngoài những tin trong nước và tin ngoại quốc, độc giả gặp những mục về kỹ nghệ, thương mãi, canh nông. Chủ nhiệm tờ này là Bùi Huy Tín, một nhà doanh nghiệp, bộ biên tập gồm trên 50 thương gia và kỹ nghệ gia như Nguyễn Hữu Thu, Nguyễn Hữu Tiếp, Nguyễn Hữu Cự. *Thực Nghiệp Dân Báo* còn đăng tải tiểu sử của những nhà phát minh về khoa học và kỹ thuật, cùng những tay đại tư bản ngoại quốc (Edison, Gutenberg, Franklin, Phlilippe Lebon, Rockefeller (2). Nhiều đề tài quan hệ đến ngành kỹ nghệ và thương mãi được nhắc nhở đến:

- Thương gia cần hiểu biết về tâm lý (số 87 ngày 3-3-1921).
- Việc cạnh tranh trong ngành thương mãi (số 107 ngày 21-3-1921 đến số 128 ngày 5-4-1921).
- Lịch sử của ngành thương mãi trên thế giới (số 107 ngày 21-3-1921 đến số 132 ngày 9-4-1921).
- Kỹ thuật là gì? (số 11 ngày 15-3-1921).
- Vấn đề kỹ thuật ở xứ ta (số 115 ngày 21-3-1921).

---

(1) *Thực nghiệp Dân Báo* số 2 ngày 13-7-1920.

(2) Tầm Dương, sách đã dẫn.

- Vấn đề kỹ thuật ở Âu châu (số 135 ngày 13-4-1921 và số 136 ngày 14-4-1921).

Ngoài các vấn đề kể trên, *Thực Nghiệp Dân Báo* còn chú ý đến những ngành kỹ nghệ ở xứ ta như ngành dệt, ngành ấn loát, ngư nghiệp,...

Rõ ràng tờ báo này là tiếng nói của giới tư sản Việt Nam. Bên cạnh những bài nói về công thương nghiệp, còn nhiều bài đề cập đến vấn đề canh nông. Đây không phải là chọn bài vở tùy hứng nhưng là chủ tâm rõ rệt (cũng như trường hợp những tờ *Khai Hóa, Hữu Thanh*), muốn đặt nặng vấn đề kinh tế. Giới tư sản Việt Nam muốn dùng phương tiện báo chí để tuyên bố rằng: (1) *"Kỹ thuật và kỹ nghệ cũng như thương mãi chỉ là những ngành mới xuất hiện ở Việt Nam. Từ ngàn xưa, nước ta là nước vị nông vi bổn"*. Trước khi nói đến kỹ thuật và kỹ nghệ, nên đề cập đến việc canh nông.(2)

Trong bài xã luận (số 671), nhan đề "Nông Nghiệp quan trọng như thế nào", tờ báo xác nhận rằng khi nông nghiệp được phồn thịnh thì gây ảnh hưởng quan trọng qua các địa hạt khác như kỹ nghệ, thương mãi, văn hóa. Bởi vậy, trong báo này, dành nhiều chỗ cho nghề căn bản của nước ta, là nghề nông, thí dụ như: (3)

---

(1) Tấm Dương, sách đã dẫn trang 72.

(2) Thực Nghiệp Dân Báo, số 628 ngày 18-11-1972.

(3) Tấm Dương, sách đã dẫn trang 73.

- Nông gia phải có tinh thần tập thể. (số 116 ngày 23-3-1921).

- Nước ta có phải là nước nông nghiệp không? (số 130 ngày 7-4-1921).

Tóm lại, *Thực Nghiệp Dân Báo* chỉ là tiếng nói của một giai cấp xã hội đang hình thành lúc bấy giờ: giai cấp tư sản, trong hoàn cảnh khá thuận lợi giữa hai cuộc thế chiến.

Cũng trong loại báo này, chúng ta ghi nhận thêm hai tờ:

◇ *KHAI HÓA NHẬT BÁO*

Do Bạch Thái Bưởi sáng lập năm 1921. Chủ báo này là nhà tư sản Việt Nam có thanh thế và thực lực nhất ở Bắc Kỳ với những chiếc tàu thủy chở hành khách và hàng hóa hoạt động khắp sông rạch và vùng biển (công ty Bạch Thái Bưởi).

Người chủ trương tờ Khai Hóa Nhật Báo là Đỗ Thận, kế đó là Lê Sĩ Tô và Lê Xuân Hưu, hầu hết các bài đều nhắm vào đề tài như:

- Muốn làm giàu, ta phải làm ăn như thế nào?

- Một cách thức mới về cho vay.

Ngoài ra còn những mục về tin tức trong nước, ngoại quốc, mục văn nghệ, thư tín độc giả...

◇ *NÔNG CÔNG THƯƠNG BÁO*

Ra mắt ngày 23-1-1929 do Hội Đoàn của những công thương gia và nông gia Bắc Kỳ chủ trương. Đây là nhật báo, lúc chào đời mỗi số có 2 trang. Người chủ biên là Phạm Chấn Hưng, một nhà doanh nghiệp, nội dung vẫn là các vấn đề công thương và nông nghiệp. Kể từ ngày 8-2-1929, báo đổi lại từ 2 lên 4 trang, tăng gấp đôi số trang nhưng vẫn bán với giá cũ là 1 xu thôi. Ngoài những bài về vấn đề thương mãi, canh nông, còn mục thơ, tiểu thuyết, tin trong nước và tin quốc tế...

HÀ THÀNH NGỌ BÁO

Từ khi hình thành, nói chung, báo chí ở Bắc Kỳ phát triển không ngừng về phương diện hành văn. Về kỹ thuật trình bày, sắp xếp bài vở, phải đợi đến năm 1926, 1927 khi hai nhà báo Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn từ Pháp du học về, hai nhà báo này đã tập họp một số ký giả khác như Tạ Đình Bích, Phùng Bảo Thạch, Tam Lang Vũ Đình Chí để cùng nhau quyết định một cải cách quan trọng trong nghề báo.

Hà Thành Ngọ Báo ra mắt độc giả năm 1927, chủ nhiệm là Bùi Xuân Học, hai nhà báo Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn phối hợp nhau để điều khiển, nhờ vậy *Hà Thành Ngọ Báo* đánh dấu một bước tiến mới, so với các báo đã ra mắt từ trước. Đỗ Văn đem tài năng ra thi thố, nhờ đó mà cách trình bày sáng sủa, không kém như báo bên Pháp. Hoàng Tích Chu dùng lối hành văn mới, gọn gàng và sáng sủa, khác hẳn với lối văn còn mang nặng dấu vết biền ngẫu, hoặc chứa đựng nhiều chữ Hán, nhiều điển cố Trung Hoa. Bấy lâu, các nhà báo thường đăng bài xã luận ở phía trang nhất, hai cột bề ngang, với Hoàng Tích Chu, bài xã luận được rút gọn, sắc bén hơn. Trước kia, tin tức thường đăng ở trang trong, nay thì đem ra trang nhất để làm nổi bật tính cách thời sự sốt dẻo của tờ báo.

Quả thật Hoàng Tích Chu đã thực hiện một cuộc cách mạng trong làng báo Việt Nam. Nhưng lúc ban đầu, độc giả chưa quen với lối hành văn vắn tắt, gãy gọn. Độc giả chê là "quá vắn tắt", "viết văn lai tây" và tác giả bị xem là kẻ lập dị, khôi hài. Hậu quả tai hại là báo bán không chạy, chủ báo đành mời hai nhà báo quá tân tiến này nghỉ việc.

ĐÔNG TÂY

Hai tay khuấy động là Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn không chịu thua, cứ cương quyết theo con đường đã vạch sẵn, họ đứng ra sáng lập một tờ báo riêng, lấy tên là Đông Tây vào ngày 15-11 năm 1929. Từ đó, làng báo Việt bước vào một giai đoạn mới, tiến những bước dài.

Công trình của Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn Đáng được đề cao và tuyên dương. Sau đây là ý kiến nhà văn Thiếu Sơn:

"Cách đây 20 năm, hai thanh niên Việt Nam, người thứ nhất sinh viên trường Cao Đẳng Sư phạm Hà Nội, người thứ nhì đã là ký giả, đã cương quyết bỏ trường học và bỏ nghề để qua Pháp mà học hỏi thêm về cách làm báo của Tây phương. Ký giả Hoàng Tích Chu lo trau dồi nghề nghiệp, Đỗ Văn thì nghiên cứu kỹ thuật ấn loát.

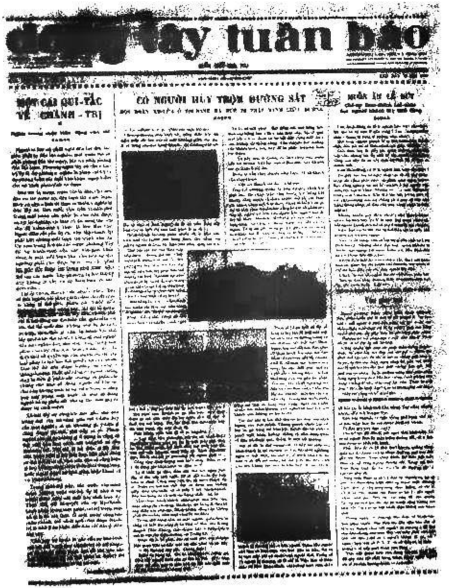

[illegible] tây tuần báo

MỘT CÁI QUI-TẮC VỀ CHÁNH-TRỊ

CÓ NGƯỜI HỦY TRỘM ĐƯỜNG SẮT

[illegible]

Số 13, ĐÔNG TÂY tuần báo ra ngày 10-5-1930

Lúc lưu trú bên Pháp, hàng tháng họ được một số tiền trợ cấp của người bạn thân là Lê Hữu Phúc, giáo sư trường Trung học Albert Sarraut. Học xong, họ trở về nước, tới lượt giáo sư Lê Hữu Phúc qua Pháp học thêm về văn chương và Triết ở Trường Đại Học Văn Khoa Aix-en-Provence.

Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn chờ đợi khi Lê Hữu Phúc về thì "bộ ba" sẽ lập ra một tờ báo với sự phân công rõ rệt: Hoàng Tích Chu làm quản lý, Lê Hữu Phúc lo về tòa soạn và Đỗ Văn lo việc nhà in.

Kế hoạch khá đẹp và thực tế ấy đã bị gãy vì khi học thành tài, giáo sư Lê Hữu Phúc mất ở bên Pháp. Bởi vậy, ở trang nhất của số ra mắt (tờ Đông Tây) Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn đã viết một bài ai điếu, khóc người bạn của mình" (1).

Mặc dầu bước đầu quá thảm đạm nhưng khi lần lượt ra mắt, tờ *Đông Tây* quả là một thành công rực rỡ. Cảm tình nồng hậu mà độc giả dành cho Hoàng Tích Chu là phần thưởng lớn lao, xứng đáng nhất vì chính ông là người có sáng kiến cho ra tờ *Đông Tây*, đem lại sự cải cách sâu rộng trong làng báo Bắc Kỳ. Về nội dung thì chưa có gì tích cực, nhưng về hình thức (cách hành văn, cách trình bày bài vở) thì gần như là một cuộc cách mạng thay cũ đổi mới.

---

(1) Thiếu Sơn, *Phê bình và Cảo luận*. Nhà xuất bản Nam ký, Hà Nội 1933, trang 125-127.

"Cách viết bài của Hoàng Tích Chu mô phỏng theo lối hành văn của người Pháp, lúc ban đầu, độc giả xem đó là lố lăng, không thích hợp nhưng lần hồi, họ làm quen được và xem đó là lối viết thích hợp trên báo chí, nhiều người lại bắt chước Hoàng Tích Chu, Trần Tấn Thọ, chủ tờ Tân Thiếu Niên, từ Bắc vào Sài gòn năm ngoái đã thú nhận với chúng tôi rằng lúc ban đầu ông ta chống lại lối hành văn ấy nhưng sau lại chịu ảnh hưởng của nó, lúc nào không hay".(1)

Hình thức và nội dung tờ Đông Tây

Đông Tây ra số 1 ngày 15-11-1929, ba ký giả Tạ Đình Bích, Phùng Bảo Thạch, Tam Lang có mặt, lại còn có sự hợp tác của nhà thơ tài hoa và yêu nước: Á Nam Trần Tuấn Khải. Đỗ Văn chăm sóc phần trình bày và ấn loát; trong khi một số khá đông họa sĩ có tài hợp tác với nhau góp ý về phần kỹ thuật và lo việc minh họa.

Lúc đầu, Đông Tây ra mỗi tuần một số, sau thành bán tuần san, rồi nhật báo. Lãng Nhân Phùng Tất Đắc làm chủ bút với sự hợp tác của Tế Xuyên và Vũ Bằng. Một luồng sinh khí mới thổi qua làng báo Việt Nam: Đỗ Văn áp dụng kỹ thuật trình bày của báo Tây phương một cách linh động vào hoàn cảnh và phương tiện của Việt Nam. Ở trang nhất, độc giả thấy vui mắt với tranh ảnh, những nét minh họa đẹp mắt. Danh từ Việt

---

(1) Thiếu Sơn, *Phê bình và Cảo luận*. Nhà xuất bản Nam ký, Hà Nội 1933, trang 125-127.

Hán ít khi dùng tới, nhờ đó mà câu văn trở nên đại chúng, rõ nghĩa. Nhiều vấn đề thiết thực của đời sống thường nhật được đề cập tới.

Trong bài "Nghề làm báo ngày nay"(1), Hoàng Tích Chu viết: *"Nghề làm báo ở xứ ta cho đến ngày nay vẫn chưa phải là một nghề, theo nghĩa đúng của nó vì ở xứ ta chưa có trường dạy về báo chí. Chúng ta xem đó là trò tiêu khiển về tinh thần, ký giả chỉ là những người lãnh lương, tức là những người làm công, vì vậy ký giả làm việc miễn cưỡng"*.

Trong một bài khác nhan đề: "Tại sao báo chí của chúng ta không đề cập tới những chuyện quốc sự", Hoàng Tích Chu viết:

"Người chịu tránh nhiệm lớn là các ông chủ báo. Khi lập tờ báo, ông chủ chỉ chú ý đến vấn đề tiền bạc, thay vì chú ý tới bộ biên tập. Chủ báo quan niệm rằng ký giả là người làm công, ngày hai buổi tới tòa soạn để viết xã luận, dịch tin tức để trám cho đầy một cột báo.

Những người làm công nói trên tìm ở đâu ra? Đa số là những nho sĩ nghèo và dốt, những người kiến thức nông cạn nhưng muốn lòe thiên hạ với những câu văn hoa bóng bẩy. Những người này chỉ biết viết bài xã luận. Người chủ báo, tuy ở trong nghề nhưng chưa biết tờ nhật báo có vai trò gì? Nhật báo đối với

---

(1) Đông Tây số 2 ngày 2-12-1929.

họ chỉ là những bài xã thuyết cộng với vài tin tức lượm lặt ở sở Cảnh sát hoặc dịch từ báo Pháp, vì không hiểu rằng tờ nhật báo phải đề cập đến những vấn đề thời sự: tin tức trong và ngoài nước... cho nên những người chủ trương chỉ chú ý đến các bài xã luận về luân lý, kinh tế, triết học và tưởng như vậy là đủ rồi.

Có người xem việc lập một tờ báo như mở một tiệm tạp hóa. Chủ báo ít vốn nên không dám chịu tốn kém để mua hoặc tìm tin tức. Họ cho trám vào mấy cột báo bất cứ tin tức nào bắt gặp trong báo Tàu hay báo Pháp".(1)

Lối hành văn báo chí được Hoàng Tích Chu cải cách lại, và công lao về cải cách hình thức tờ báo là của Đỗ Văn, ông này mặc dù tích cực góp công lao cho nền báo chí ở Bắc Kỳ nhưng ít được ai biết đến. Nhờ ông mà hình thức tờ báo trở nên hấp dẫn, tươi đẹp hơn đối với độc giả. Đây là một chiến sĩ của làng báo vì ông Đỗ Văn đã bỏ trường Cao đẳng Sư phạm, qua Pháp học nghề in thay vì tiếp tục học để trở thành giáo sư.

Công lao của Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn đáng được ghi nhớ trong lịch sử báo chí nước ta. *Đông Tây* tồn tại đến ngày 25-7-1932.

Ngoài ra, nên kể thêm 2 tờ nhật báo khác xuất hiện ở Bắc Kỳ:

---

(1) Đông Tây số 5 ngày 18-1-1930.

⋄ PHỔ THÔNG

Cơ quan thông tin, sáng lập ngày 1-7-1930 do Đặng Nguyên Quang, ngày đầu tiên phát không cho độc giả khoảng 10.000 số để làm quen.

Phổ thông chỉ đăng tải những tin tức trong nước, tin ngoại quốc và những việc linh tinh.

⋄ ĐÔNG PHƯƠNG

Một người Pháp là A. Lavallée sáng lập năm 1929 và do Dương Bá Trạc lãnh phần chủ biên, tương tự như tờ *Phổ Thông*. Đặc biệt là trong 4 trang báo, quảng cáo chiếm đến hơn 2 trang. Mặc dầu vậy, báo này vẫn chết vì thiếu tiền, tạm đình bản ngày 23-11-29 và đóng cửa năm 1933.

3.3. Ở Trung Kỳ

Trong khi báo chí phát triển ở Bắc và Nam thì tại Trung Kỳ không thấy tờ nhật báo nào ra đời cả. Tình trạng này kéo dài mãi đến năm 1927, khi tờ *Tiếng Dân* xuất hiện do nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng sáng lập tại xứ Huế dưới chế độ phong kiến lạc hậu.

Khi ra đời (1927), *Tiếng Dân* là tờ báo duy nhất của Trung Kỳ nhưng trước đó đã có 3 tờ yểu tử:

- Tờ *Rigolo,* báo của người Việt chủ trương, viết bằng Pháp ngữ, ra được vài số in trên giấy học trò.
- Một tờ của Nguyễn Bá Trác, một tờ của Phan Bội Châu, chết từ trong trứng nước.(1)

---

(1) Pháp Việt nhứt gia số ra ngày 8-2-1927.

◆ TIẾNG DÂN

HUỲNH THÚC KHÁNG

Ra đời trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn. Từ lâu dư luận nôn nóng để chờ đợi một tờ báo đúng đắn bằng Việt ngữ, chờ đợi đến mức gần như thất vọng. Nhưng cho ra một tờ báo trong hoàn cảnh đặc biệt của chế độ phong kiến bất lực, hấp hối quả thực là táo bạo.

Tuy nhiên, vào cuối năm 1926, người ta bàn tán về chuyện nhà yêu nước Phan Bội Châu sắp sáng lập một tờ báo Việt ngữ. Dân chúng ở miền Trung vô cùng xúc động khi đón nhận nguồn tin ấy. "*Trong khung cảnh của miền Trung hấp hối, với triều đình Huế bất lực thì tờ báo do một ngòi bút sắc bén có uy tín nhất định sẽ là những tia chớp sáng trong đêm. Nhưng rồi người ta lại thất vọng khi hay tin nhà chí sĩ họ Phan lại không được sự bảo đảm về tự do tư tưởng nên không muốn dấn thân vào nẻo bí. Như vậy thì đến bao giờ ở Trung Kỳ mới có tờ báo Việt ngữ: Còn bao nhiêu nước sẽ chảy qua cầu Tràng Tiền trên sông Hương?*"(1)

Sau cùng, Huỳnh Thúc Kháng đã lên tiếng trong bài diễn văn đọc tại Viện Dân biểu, trước mặt quan Khâm sứ Trung Kỳ, để tố cáo, trách cứ nhà nước về chuyện thiếu một tờ báo trên "giải đất gồm 15 tỉnh"(1). Ở Sài Gòn, một phong trào phản đối về vấn đề này đã phát khởi, trước tiên là trên báo *La Tribune Indochinoise* - một tờ báo do người Việt chủ xướng, viết bằng Pháp ngữ.

"Trong những nước còn ít nhiều tự do, sự hiện diện của báo chí nhất định là cần thiết, vì nó điều hành sinh hoạt kinh tế và tinh thần. Thật là cay đắng khi người ta nghĩ rằng sau 70 năm cai trị, tất cả hệ thống chèn ép hãy còn đó, để duy trì tình trạng cũ.

Người dân đã quá thất vọng, chính quyền đã dùng chính sách vô luân lý, bất nghĩa để lường gạt họ và họ không muốn nghe những lời dỗ dành mơ hồ... Đồng bào ở Trung Kỳ đâu phải là nhóm ít ỏi, không đáng kể." (2)

Trước dư luận mỗi lúc một xôn xao, nhà nước Pháp đành miễn cưỡng cho phép ông Huỳnh Thúc Kháng ra tờ Tiếng Dân.

Muốn ra báo, trước hết là tìm vốn. Ở tù Côn Đảo mới về, làm sao chí sĩ họ Huỳnh xoay trở cho được? Chỉ còn một cách là kêu gọi các bạn thân, những người đồng tâm chí ra tay ủng hộ bằng cách mua cổ phần (20 đồng mỗi cổ phần).(3)

Tháng 2-1926 các ông Trần Đình Phiên, Đào Duy Anh, Nguyễn Xương Thái phân công nhau ra Bắc vào

---

(1) La Tribune Indochinoise số 5 ngày 18-8-26.

---

(1) La Tribune Indochinoise số 24 ngày 24-12-26.

(2) La Tribune Indochinoise ngày 24-12-26.

(3) Pháp Việt Nhứt Gia ngày 8-2-7.

Nam và đi khắp miền Trung cổ động việc thành lập "Công ty Huỳnh Thúc Kháng". Đến tháng 2-1927 thu góp được số cổ phần trên 30.000 đồng, đủ mua một tòa nhà số 123 đường Đông Ba tức đường Hàng Bè (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng), và những máy móc cho nhà in. Ông Mai Du Lân (chủ nhiệm *Thực Nghiệp báo* ở Hà Nội), nhường máy in và nhà in Nghiêm Hàm (Hà Nội) đưa ấn công vào Huế trợ lực.

"Ban đầu, cụ Huỳnh Thúc Kháng định lấy hai chữ Trung Ngôn (lời nói ngay thẳng). Nhưng sau, cụ lại muốn lấy hai chữ Trung Thanh (vừa có nghĩa là tiếng nói ngay thẳng, vừa có nghĩa là tiếng nói miền Trung). Cuối cùng, cụ nghĩ đến hai chữ Dân Thanh (tiếng nói của dân). Khi được hỏi ý kiến, cụ Phan Bội Châu đáp: "Đã nói dân thanh thì chi bằng nói quách là Tiếng Dân" (1).

Nhờ sự ủng hộ tích cực ấy nên *Tiếng Dân* ra mắt tại Huế số đầu tiên ngày 10 tháng 8 năm 1927, tuần ra 2 lần. Đó là tờ báo lớn đầu tiên của Trung Kỳ và nó sống rất lâu đến năm 1943 là tờ báo lớn duy nhất xuất hiện trước 1930. Mặc dầu ra trễ nhưng *Tiếng Dân* đóng vai trò chính trị quan trọng và Huỳnh Thúc Kháng đã giải thích tại sao ông chọn hai chữ *Tiếng Dân*:

"Đó là sự vui mừng, sự buồn tủi và sự chờ đợi ấp ủ trong lòng hàng triệu đồng bào. Dân là đầu mối của nước. Tiếng Dân đi sát với những vấn đề trong nước. Nếu chính phủ biết rõ những nguyện vọng sâu xa của dân thì cần gì phải đối xử bất công với Tiếng Dân như đã từng đối xử với vài tờ báo đã ra mắt gần đây và đã bị đóng cửa. Tờ báo này thật xứng đáng để mang tên Tiếng Dân, vì trong thực tế, phải nhờ đến báo chí thì Tiếng Dân mới bộc lộ ra được". (1)

---

(1) Nguyễn Xuyến, Tiếng Dân tờ báo chính trị đầu tiên giữa kinh đô Huế, báo Người Lao Động, Thứ Bảy, ngày 20.6.1998.

Trần Đình Phiên, Đào Duy Anh, Nguyễn Quý Hương là những cộng sự viên đáng chú ý nhất. Và suốt 16 năm ròng rã đấu tranh chính trị, cơ quan ngôn luận này gây được cảm tình nồng hậu với độc giả, đường lối của tờ báo vẫn là công kích chính quyền bảo hộ. Số chót của *Tiếng Dân* ra ngày 28-4-1943. (2)

Từ khi được ân xá, nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng và các đồng chí đã theo đuổi lý tưởng cao đẹp, với tờ *Tiếng Dân* làm cơ quan ngôn luận đắc lực, chí sĩ họ Huỳnh được đắc cử chỉ định vào Viện Dân Biểu Trung Kỳ nhưng ông đã từ bỏ chức vụ ấy để làm báo... *"Tiếng Dân là diễn đàn của ông và các đồng chí để giáo dục dân chúng và thực hiện đường lối chính trị yêu nước vậy"*. Trong đời làm báo của mình, cụ Huỳnh đã xác định: *"Nếu không có quyền nói tất cả những điều mình muốn nói, thì ít ra cũng giữ cái quyền không nói những điều người ta ép buộc nói"*. Thành quả tốt đẹp mà *Tiếng Dân* thâu đạt được là đã gây ảnh hưởng chính trị đáng kể, chống đối chính quyền bảo hộ, thực dân.

---

(1) Tiếng Dân số 2 ngày 13-8-1927.

(2) Có tài liệu viết báo Tiếng Dân bị đình bản ngày 21-4-1943, hoặc ngày 24-4-1943.

IV. BÁO PHÁP NGỮ, DO NGƯỜI VIỆT CHỦ TRƯƠNG

Sau khi duyệt xét các báo in bằng Việt ngữ, chúng ta lần lượt điểm qua các tờ báo Pháp ngữ, nhưng do người Việt viết và chủ trương. Quan điểm chính trị của các báo này đã gây ảnh hưởng sâu rộng đáng kể trong giới trí thức trong nước.

Loại báo Pháp ngữ này chỉ xuất hiện đông đảo ở Nam Kỳ mà thôi. Sự kiện này có được là do cơ cấu chính trị và hành chính khá đặc biệt, người dân ở xứ Bảo hộ Bắc và Trung Kỳ không có. Một tác giả đã nhận định: *"Ở xứ Nam Kỳ được ưu đãi ấy, báo chí tha hồ và phát triển tùy thích, do đó khó mà kê khai cho đầy đủ được, nhiều tờ đã xứng danh là báo đứng đắn, đóng vai trò đáng kể trong sinh hoạt tinh thần của đồng bào nhưng còn bao nhiêu tờ khác đã giống như hoa tường vi sớm nở tối tàn, chẳng còn ai nhắc nhở tới"*.(1)

4.1. Nhờ đâu mà loại báo pháp ngữ dễ ra đời?

Chúng ta thấy ít nhất là hai lý do:

- Hậu quả của sắc luật ngày 30-12-1898.
- Chính sách tuyên truyền của nhà nước.

4.1.1. Hậu quả của sắc luật 30-12-1898

Theo điều 2 và 3 của sắc luật trên, *"Tất cả báo chí Việt ngữ, Hoa ngữ hoặc ngoại ngữ nào khác hơn là Pháp ngữ đều phải xin phép trước, giấy phép này do quan Toàn quyền cấp cho, sau khi được sự đồng ý của Ban Thường vụ của Hội đồng Tối cao Đông Dương"*.

---

(1) Bích Thủy, Báo Chí Annam, Thần Kinh Tạp Chí, số 16-11-1928, tr. 1524.

Theo sắc luật nói trên, chỉ những báo viết bằng Pháp ngữ mới được hưởng những sự dễ dãi do luật ngày 29-7-1881 ban hành tại chính quốc về tự do báo chí. Chúng ta thấy nhà cầm quyền Pháp đã cố ý hạn chế quyền tự do báo chí xem báo viết bằng Việt ngữ là loại đặc biệt, không thuộc phạm vi của luật trên. Nhưng người làm báo ở Việt Nam đã tìm cách khôn khéo để "lèo lách" một cách hợp pháp.

Họ nhờ một người quản lý có Pháp tịch đứng tên, xin phép ra báo bằng Pháp ngữ. Do đó, họ tránh né được những kềm hãm mà sắc luật 30-12-1898 quy định, đồng thời họ hưởng được quyền tự do báo chí mà đạo luật ngày 29-7-1881 đã nêu ra: người sáng lập tờ báo chỉ cần làm đơn xin với biện lý là đủ, đơn này nộp 24 giờ trước khi báo ấn hành. Nhờ vậy, tờ báo viết bằng Pháp ngữ ở Nam Kỳ được hưởng tự do như bao nhiêu tờ báo Pháp ngữ ở "mẫu quốc".

4.1.2. Chính sách tuyên truyền của nhà nước Pháp

Ở chương IV, chúng ta đã thấy vài nét lớn của chính sách mà quan Toàn quyền Albert Sarraut áp dụng tại Đông Dương: khuyến khích việc xuất bản sách báo bằng Pháp ngữ, để phổ biến ngôn ngữ này và luôn cả nền văn hóa Pháp trong giới trí thức Việt Nam.

"Ở thuộc địa Nam Kỳ của chúng ta (người Pháp), vấn đề tuyên truyền bằng sách báo không còn là vấn đề đáng lưu tâm cho lắm vì từ lâu, Pháp ngữ đã phổ biến trong dân chúng và chữ Nho gần như chẳng còn ai biết đến nữa. Những lúc gần đây, giới trung lưu Nam Kỳ ham thích và tìm tòi các báo Pháp để đọc, việc này gây bầu không khí thuận lợi, khuyến khích

chúng ta nên phổ biến ngôn ngữ và văn chương Pháp. Trong hiện tại, có thể nói là việc tuyên truyền cho văn hóa Pháp đang tiến hành chắc chắn, với những phương tiện đã tốn kém cho chính phủ".

Viên Toàn quyền Albert Sarraut là người đầu tiên đưa ra sáng kiến phổ biến văn hóa Pháp bằng báo chí, các viên toàn quyền kế tục ông ta đều theo chính sách này và đã cho phép người Việt Nam ra nhiều báo bằng Pháp ngữ. Ở Nam Kỳ lúc bấy giờ, bộ máy thống trị của người Pháp đã khá vững chắc, vai trò báo đối lập công kích chính phủ không hẳn là nguy cơ đáng ngại vì báo viết bằng Pháp ngữ chỉ thu hút được một số độc giả ít ỏi trong riêng giới trí thức ở mấy thành thị lớn mà thôi. Do đó, báo bằng Pháp ngữ không đủ khả năng thúc đẩy một phong trào nổi dậy sâu rộng trong quảng đại quần chúng, khả dĩ làm lung lay nền thống trị Pháp.

4.2. Báo pháp ngữ do người Việt chủ trương

Sau đây xin kể vài tờ báo yêu nước, chống thực dân Pháp:

✧ *TỜ LA CLOCHE FÊLÉE (CÁI CHUÔNG RÈ).*

Tờ báo do chí sĩ Nguyễn An Ninh chủ trương. Ông là kẻ thù của thực dân, do đó tờ báo chịu đựng quá nhiều thử thách. Ai cũng nhìn nhận rằng Nguyễn An Ninh là nhà cách mạng nhiệt thành, yêu nước một cách tích cực, bằng hành động. Tờ báo nói trên là phương tiện hữu hiệu để chí sĩ họ Nguyễn thực hiện lý tưởng của mình. Mặc dầu tờ báo có tiêu đề là "Cơ quan tuyên truyền cho tư tưởng của nước Pháp, những tư tưởng nào cao đẹp đều được chúng tôi chấp nhận".

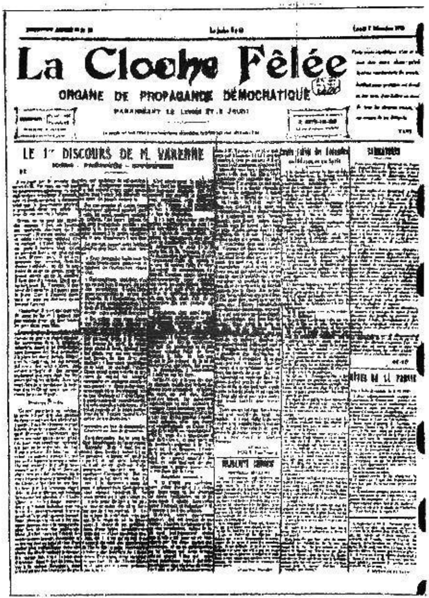

La Cloche Fêlée

ORGANE DE PROPAGANDE DÉMOCRATIQUE

LE 1er DISCOURS DE M. VARENNE

Tờ *LA CHOCHE FÊLÉE* số 23 ngày 7-11-1925

Nhưng ngay từ số đầu (ngày 10-12-1923) người chủ trương đã thẳng tay tấn công chế độ hiện hữu:

- Kẻ chiến thắng chỉ có sức mạnh vật chất, kẻ chiến bại bị bó tay có thể dùng sức mạnh tinh thần mà chống trả lại.

- Con người sinh ra tự do, mặc dầu đặt trong hoàn cảnh nô lệ, vẫn còn quyền tự do.

- Gặp những hoàn cảnh khó khăn tất yếu, người hùng có thể kiêu hãnh chịu đựng những điều tủi nhục bỉ ổi nhất để bình tĩnh mà nhìn về tương lai, chuẩn bị kiến tạo hoàn cảnh mới mà những sự bất công bỉ ổi không còn chiến thắng được con người.(1)

Trong số ra mắt, ông chủ nhiệm Nguyễn An Ninh đã giải thích cho những độc giả người Pháp hiểu tại sao tờ báo lại ra đời: *"Hy vọng rằng nhiều người Pháp sẽ là độc giả, họ sẽ lưu ý đến việc làm xây dựng của chúng tôi"*.

Đối với độc giả Việt Nam thì: *"Bao nhiêu khó khăn đã cản trở hành trình của một người Việt theo Tây học nhưng muốn viết báo bằng tiếng mẹ đẻ. Nỗi khó khăn lớn lao nhất vẫn là vốn liếng ít ỏi - nói rõ hơn là chúng tôi thiếu sự ủng hộ về tiền bạc (nói như thế, chúng tôi không có gì là xấu hổ cả). Chúng tôi chỉ có trí óc và bầu nhiệt huyết để phụng sự đất nước"*. (2)

Cũng trong số báo này, Nguyễn An Ninh đã trình bày lập trường của mình cho chính phủ Pháp biết, bằng cách dẫn chứng một lời nói của viên Toàn quyền Albert Sarraut:

"Một nước lớn như nước Pháp của chúng ta, dầu đi đến đâu hay hành động trong trường hợp nào đi nữa cũng phải nói cho mọi người và cho riêng mình biết là luôn luôn trung thành với mình. Nước Pháp phải nhìn chính sách thuộc địa của mình, như con người dám soi thẳng vào gương để tự vấn lương tâm".

Trong lịch sử báo chí Việt Nam, chưa có tờ báo nào bị đe dọa và trù ếm như *La Cloche Fêlée*. Học sinh mà đọc nó thì dễ bị đuổi, nếu bắt gặp; công chức thì bị bắt, rồi ngồi tù. Chủ báo và luôn cả ấn công đều bị nhân viên mật thám thường xuyên theo dõi, đe dọa. Vì vậy, để tờ báo được thành hình, Nguyễn An Ninh phải làm hầu hết mọi việc: viết bài, tiếp tay với ấn công để sắp chữ, rồi đích thân đem báo ra đường để bán lẻ.(1)

Chúng ta biết rằng Nguyễn An Ninh đậu cử nhân luật tại Pháp, khi hồi hương, chẳng những ông không chịu hợp tác với nhà nước thuộc địa để làm quan, như đa số trí thức Việt Nam lúc bấy giờ, lại còn mạnh dạn dùng Pháp ngữ để công kích người Pháp. Do đó, không bao lâu, ông trở thành thần tượng của thanh niên và giới trí thức. Dạo ấy, người nào dám đọc báo của ông thì được xem như là gan dạ, dám thách thức với sự đe dọa của Nhà nước.(2)

---

(1) La Cloche Fêlée số 19 ngày 14-7-1924.

(2) *La Cloche Fêlée* số 1 ngày 10-12-1923.

(1) Nguyễn Ngu Í, sách đã dẫn trang 22-23.

(2) Nguyễn Ngu Í, sách đã dẫn trang 23-24.

Tờ báo cách mạng này đã đạt đến mức thành công lớn lao. Nhiều tờ báo trước kia tỏ ra dè dặt, không dám đề cập đến chuyện quốc sự đã chuyển hướng, mà noi theo tờ báo đàn anh này. Nhờ sự tranh đấu của Nguyễn An Ninh mà lần hồi các người làm báo nghĩ đến dân tộc và có ý thức về nền độc lập dân tộc.

Kể từ ngày 26-11-1925, sau vài rắc rối gặp phải khi va chạm đến chính quyền. Nguyễn An Ninh giao tờ này cho luật sư Phan Văn Trường nắm phần chủ trương. Ngày 3-5-1926 tờ *La Cloche Fêlée* đình bản rồi tục bản ngày 6-5-1926 với cái tên mới *l'Annam* (xin đọc thêm chương VII về tờ báo *La Cloche Fêlée* và tiểu sử Nguyễn An Ninh).

◇ *TỜ L'ANNAM*

Phan Văn Trường là người dám công khai chống đối một cách tích cực chế độ thực dân. Ông là nhà trí thức tiến bộ đã từng quan hệ chặt chẽ trong thời gian du học ở Pháp, với Nguyễn Ái Quốc. Ngoài số trợ bút gồm người Việt Nam như Nguyễn Văn Long, Nguyễn Huỳnh Điểu, Nguyễn Khánh Toàn, luật sư Nguyễn Ngọc Thoại, ông Phan Văn Trường còn được sự hợp tác của hai cây bút người Pháp: Eugène Dejean de la Bâtie, lãnh trách nhiệm quản lý tờ báo và luật sư Paul Mounin (kẻ thù số một của nghị viên nặng óc thực dân Ernest Outrey).

Tôn chỉ của tờ báo được ghi rõ, đó là lời của Mạnh Tử: *"Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh"*. Những bài báo do Phan Văn Trường, Dejean de la Bâtie hoặc luật sư Paul Mounin đều nhằm vào việc tấn công

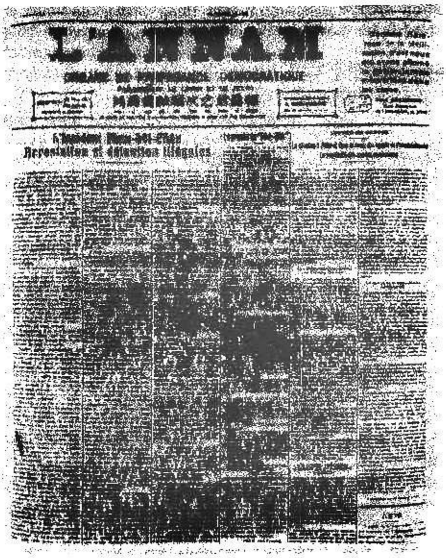

L'ANNAM

Tờ *L'ANNAM* số 122 ra ngày 16-12-1926

chính sách của người Pháp ở Đông Dương, đặc biệt là viên Toàn quyền A. Varenne, vốn là đảng viên đảng Xã hội Pháp: *"Chiến sĩ xã hội A. Varenne và các tay thực dân lộng hành ở Đông Dương chẳng có gì là khác nhau về đường lối cả!"*.(1)

"Với nhật báo non dại, đặt niềm hy vọng rằng tiếp theo chính sách lạc hậu của quan toàn quyền Merlin là chính sách mới, một chính sách của Đảng xã hội Pháp, với hành động tích cực. Hỡi ôi! Đảng viên xã hội A. Varenne chẳng đem lại cải cách xã hội gì cả, và người chiến sĩ này chẳng bao giờ tranh đấu cho dân bổn xứ".(2)

Vì những lời lẽ trên mà tờ *Annam* bị tạm đình bản kể từ ngày 25-7-27, sau khi ông Phan Văn Trường bị bắt về *"tội xúi dục người bổn xứ chống đối và dấy loạn"*(3). Ngày 12-1-1928, báo này lại tục bản, vẫn theo đường lối sơ khởi. Trước thái độ ngoan cường ấy, thống đốc Nam Kỳ là Blanchard de la Brosse đã truy tố và bỏ tù tất cả Ban giám đốc và cộng sự viên của tờ này.(4)

Vì vậy, tờ *Annam* đành trăn trối lần chót với độc giả:

- *"Vì nhu cầu của tình thế hiện tại bắt buộc chúng tôi có một thái độ mới, thích hợp với quyền lợi của dân tộc hơn, tờ báo cần phải chỉnh đốn, tăng cường thêm. Bởi vậy, chúng tôi đành phải tạm thời đình bản. Chúng tôi tin chắc rằng khi ra mắt trở lại, đồng bào sẽ thấy sự cố gắng để phục vụ của chúng tôi. Chắc rằng bạn đọc vui lòng tha thứ sự vắng mặt tạm thời này, chỉ vì chúng tôi muốn vắng mặt chứ không phải vì hoàn cảnh bên ngoài bắt buộc"*.(1)

◇ TỜ LE JEUNE ANNAM (Annam trẻ)

Một tờ báo rất nhiệt thành khác ra mắt vào ngày 20-3-1926, góp phần vào phong trào ầm ỉ đang tấn công chính phủ lúc bấy giờ là tờ Jeune Annam, do Lâm Châu Hiệp sáng lập, in mỗi kỳ 2.500 số, nhằm mục đích hướng dẫn dân tộc vào một "kỷ nguyên mới", khuyên đồng bào nên *"noi gương chiến đấu của các nước lân bang"*.

"Xem kìa, ở phương Bắc là Trung Hoa đã khuấy động bao nhiêu phong trào đấu tranh, nào đình công, nào dùng võ khí để xua đuổi đế quốc chủ nghĩa ra khỏi bờ cõi. Bên Trung Hoa, không còn chế độ tô giới, không còn những người làm công bị bóc lột như kẻ bị bán mọi thời Trung Cổ. Gương tranh đấu của Trung Hoa đã ghi rõ con đường giải phóng. Ở xa chúng ta hơn, các nước như Thái, Phi Luật Tân, Tân Calédonie cũng đang chuyển mình.

Còn nước ta? Vận mạng dân ta sẽ ra sao? Dân ta như món hàng bị xuất cảng để bán trên thị trường, bán cao hay thấp giá tùy theo người mua. Ta bị thiên hạ bóc lột".(2)

---

(1) Tờ Annam 30-9-1926.

(2) Annam ngày 2-6-1927.

(3) Annam ngày 12-1-28.

(4) Annam ngày 2-2-28.

---

(1) Annam số ngày 2-2-28. Xem tiểu sử Phan Văn Trường ở chương VII.

(2) Jeune Annam số 1 ngày 23-3-1926.

So với hai tờ báo trước thì *Jeune Annam* không kém phần tích cực, kêu gọi độc giả nhìn và suy nghĩ xa hơn, để khỏi bị phỉnh gạt vì chính sách Pháp Việt đề huề, hợp tác, mà vài người đã hô hào.

"Độc giả có lẽ sẽ thắc mắc: coi chừng bị cảnh sát làm khó dễ. Nhưng ta thử hỏi, mặc dầu bị cảnh sát và mật thám theo dõi, chí sĩ Phan Châu Trinh không mảy may lo rầu, ông cứ ăn, cứ ngủ, cứ tiếp tục hoạt động: Đành rằng chúng ta chưa đạt đến mức ông Phan Châu Trinh, hoặc như Thánh Gandhi. Nhưng gương tranh đấu của các vị này đã chứng minh rằng ta càng sợ sệt bao nhiêu thì chính quyền độc tài lại kềm hãm bấy nhiêu; chính quyền độc tài phản dân chủ này ở nước ta chỉ là một thiểu số thực dân thô bỉ." (1)

Điều đáng chú ý là trong tờ này, ngoài những bài do bộ biên tập viết, với bút hiệu như: Nam Cường, Nguyễn Trung Quốc, ông Tiên, Văn Trình, Nguyễn Bạt... thỉnh thoảng thấy vài bài ký tên Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, trích lại từ tờ *Le Paria* ở Paris nhan đề: Chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Viễn Đông, noi gương Trung Hoa.(2) Tờ báo này là tiếng nói của Đảng Thanh niên.

◇ *BÁO L'ÈRE NOUVELLE (Kỷ nguyên mới)*

Tờ L'Ère Nouvelle là cơ quan chính thức của Đảng lao động Đông Dương, do Cao Hải Đệ làm chủ nhiệm, ra mắt vào năm 1926 với nội dung kém hăng hái hơn các tờ báo vừa kể. Ngay từ số 1, tờ báo này tự giới thiệu: "*Không phải là cơ quan cách mạng hoặc tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng sản. Tờ báo chỉ muốn là cơ quan để cổ động cho sự hiểu biết và sự hợp tác giữa người Pháp và người Việt, phục vụ những tầng lớp thấp cổ bé họng, bị áp bức, nhằm tăng cường sức mạnh tinh thần và vật chất cho bao nhiêu nông phu tay lấm chân bùn quanh năm cực nhọc. Hỡi các ngài tự xưng là thượng lưu trí thức, hãy chấm dứt đường lối mị dân lừa phỉnh để nhìn vào thực tại,...*"(1)

---

(1) Nam Cường. Jeune Annam số 1 ngày 23-3-26.

(2) Ère Nouvelle số 1 ngày 17-8-26.

Trong cơ quan "lao động" này, độc giả gặp nhiều bài đề cập đến chủ nghĩa bôn-sơ-vích ở Nga, lý thuyết Cộng sản, vài bài trích dẫn từ các báo ngoại quốc do Lénine, Jean Jaurès viết. Nhưng vì gặp khó khăn tài chính nên nhà báo dành phân nửa số trang để đăng quảng cáo, khác hẳn trường hợp các đồng nghiệp đối lập vừa kể. Báo bị đình bản vào tháng 6 năm 1929.

◇ *TỜ LE NHÀ QUÊ*

Giống như tờ Jeune Annam, tờ *Nhà quê* bị thực dân thanh toán khi vừa mới ra đời, nhưng đây là tờ báo được chú ý trong số báo khuynh tả. Vụ án *Nhà quê*, khi viên chủ nhiệm bị bắt, đã một thời làm chấn động dư luận.

Báo thành lập vào ngày 11-12-1926 tại Sài Gòn do Nguyễn Khánh Toàn làm chủ nhiệm. Ông Toàn là người sinh ra ở Vinh (Hà Tĩnh) học ở trường Quốc Học (Huế), và trường Cao đẳng Sư phạm. Khi cha mẹ từ trần, ông vào Nam, nơi mà bầu không khí chính trị tương đối dễ thở hơn miền Trung. Tờ *Nhà quê* ra đời, ngay số đầu đã tấn công chế độ thuộc địa:

---

(1) Ère Nouvelle số 1 ngày 17-8-26.

"Ta hãy bắt tay vào việc, những ai còn sinh lực, bầu máu nóng hãy tranh đấu để bẻ gãy xiềng xích nô lệ, để cho con cháu ta được trở thành công dân của một nước hùng mạnh và tự do, trong nay mai".(1)

"Nhà cầm quyền không nhân nhượng chút nào, trước những lời lẽ trên nên đã lập tức ra lệnh bắt vị chủ nhiệm Nguyễn Khánh Toàn, Giám đốc Nguyễn Văn Chất và quản lý Phạm Văn Duyệt. Họ bị truy tố ra tòa về tội "xúi dục nổi loạn, nghĩa là dùng những phương tiện có thể phá hoại an ninh công cộng".(2)

Trên đây là nét sơ lược về các tờ báo có xu hướng cách mạng, mặc dầu chỉ có vài tờ nhưng gây được ảnh hưởng tốt, sâu rộng trong quần chúng. Những tờ báo này vốn là bất khuất, độc giả và đồng bào thấy rõ tinh thần yêu nước của các tiếng nói đối lập, của các người chủ trương. Bởi vậy, khi vừa ra đời thì độc giả đón chào rất nồng nhiệt. Điều khiến cho chúng ta xúc động là những người lớn tuổi, những nông dân không đọc được tiếng Pháp cũng mua nó, để nhờ người trẻ biết tiếng Pháp đọc và giải thích dùm. Điều đó chứng tỏ là dân Việt Nam lúc nào cũng có tình yêu nước nồng nàn, sâu đậm.

Vài tờ báo có khuynh hướng thân Pháp

Bên ngoài tự xưng là đối lập nhưng các báo này không như các tờ báo yêu nước kể trên.

Loại báo này chỉ công kích chính quyền với lời lẽ ôn hòa, theo đường lối đã vạch sẵn: *"Pháp Việt đề huề"*, công kích hành động của từng cá nhân riêng rẽ trong giới cầm quyền. Tuy nhiên, các vị chủ báo vẫn giao thiệp mật thiết với các chính khách hoặc các viên chức cao cấp người Pháp, hoặc các tay thực dân hạng nặng, nơi mà họ có thể tìm sự ủng hộ về chính trị hoặc tài chính. Trường hợp của họ, thực chất, rất khác với những tờ báo chống đối chế độ thuộc địa để rồi chịu ra tòa hoặc vào khám.

Xin kể qua vài tờ báo loại này:

◇ *TỜ LA TRIBUNE INDOCHINOISE (Diễn Đàn Đông Dương)*

Đây là tờ báo quan trọng nhất, thuộc loại đối lập ôn hòa, nhờ nhãn hiệu này mà gây được ảnh hưởng trong giới trí thức và tư sản ở Sài Gòn.

Báo ra đời năm 1926, do Bùi Quang Chiêu và các bạn của ông thuộc Đảng Lập hiến, là cơ quan chính thức của Đảng này. Tuy có đăng tải vài bài công kích chính quyền nhưng đường lối thì vạch ra rõ rệt như sau:

"Khẩu hiệu Pháp Việt đề huề mà chúng tôi nêu lên chắc không làm hài lòng một số đồng bào đang bực tức vì bao nhiêu bất công. Đó là chuyện tự nhiên, vì không phải tất cả những người thuộc lứa tuổi 20 đều ham làm cách mạng, vả lại chúng tôi cũng không dám tìm cách thuyết phục cho kẻ khác làm như chúng tôi.

Nhưng chắc độc giả dư hiểu rằng ngoài vấn đề xa vời là giải phóng và độc lập dân tộc ở xứ ta, rồi đây sẽ được nước Pháp chú ý giải quyết, nhờ sự tranh đấu lần hồi của các nghị viên khuynh tả trong quốc hội Pháp - hãy còn nhiều địa hạt mà giới thanh niên Việt Nam có thể hoạt động dễ dàng, gây được kết quả tốt, khỏi phải tốn thì giờ để công kích vu vơ (chính khách khuynh tả trong chính phủ Pháp), vì *chính những*

---

(1) Tờ *Nhà quê*, số ngày 11-12-1926.

(2) Ère Nouvelle số ngày 18-12-1926.

chính khách này cũng đồng ý là nên đòi hỏi cho nước Annam ta được thêm công bằng và tự do"(1).

Tờ Tribune Indochinoise đả kích thái độ "quá khích" của một số đồng bào, để rồi Ban giám đốc cứ ung dung theo đường lối hợp tác để huề giữa kẻ thống trị và kẻ bị trị. Báo này là tiếng nói của ban lãnh đạo đảng Lập hiến và những người trong giới áp phe đang thành công lúc bấy giờ: Trương Văn Bền, hội đồng quản hạt, nhà kinh doanh, Nguyễn Văn Sâm, Lê Quang Liêm. Những người có uy tín nhất chính là Bùi Quang Chiêu, giám đốc tờ báo.

Bùi Quang Chiêu là bạn của Toàn quyền Van Vollenhoven, và cũng là người được Toàn quyền A. Sarraut tin cậy ở Nam Kỳ lúc bấy giờ, cũng như Phạm Quỳnh ở Bắc Kỳ với tờ *Nam Phong*. Nhờ sử dụng khéo léo tờ báo mà Bùi Quang Chiêu đã làm ăn phát đạt: làm chủ một hãng nón, một nhà máy xay lúa, một cửa hàng "Nam Đông Lợi", không kể đến tờ *Tribune Indochinoise* mà ông là sở hữu chủ bằng cách loại những người hùn vốn cộng tác. Chính phủ đã giúp cho họ Bùi 20.000 đồng để mở một nhà máy tơ sợi ở Tân Châu, thâu lợi hàng năm đến 4.000 đồng(2). Số tiền mà giới thương gia và công kỹ nghệ ở Sài Gòn, Chợ Lớn đăng quảng cáo trên báo cũng lên đến bốn ngàn đồng(3). Đáng chú ý nhất là ván bài công kích hãng rượu Fontaine, tố cáo viên giám đốc "rượu công xi" này là kẻ đầu độc dân chúng, nhưng mặt khác, ông ta "tiêu lòn" để lãnh của công ty 50.000 đồng.(1)

Lẽ dĩ nhiên, những "mối này" đều thành công nhờ sự tiếp tay của vài nhân vật có uy thế, đặc biệt là của Albert Sarraut trong thời gian tại chức Toàn quyền Đông Dương. Ngoài ra, Bùi Quang Chiêu không ngần ngại viết công khai rằng ông ta lấy làm vui sướng tỏ lòng tri ân đối với thái độ đầy tín nghĩa của A. Sarraut, bấy giờ lãnh chức Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và của Maurice Long, Toàn quyền Đông Dương (2).

Báo này phát triển mạnh nhờ tài điều khiển khéo léo của chủ nhiệm, ngoài nghề làm báo, ông ta còn là một chính khách và một tay làm áp phe giỏi. Trong khi đó, những cơ quan ngôn luận khác như *Đuốc Nhà Nam* và *Điện Xa Tạp Chí* (báo Việt ngữ) lần hồi đóng cửa vì lỗ vốn.

Đến năm 1941, báo mới đình bản. Trong khoảng thời gian khá dài, đường lối vẫn là ca ngợi chính sách Pháp Việt đề huề, cùng với *tạp chí Nam Phong* chung một xu hướng.

❖ *TỜ LE PROGRÈS ANNAMITE (Sự tiến bộ xứ Annam)*

Cùng một xu hướng đối lập "ôn hòa" như La Tribune Indochinoise, còn có tờ *Progrès Annamite* do bác sĩ y khoa Lê Quang Trình sáng lập ngày 11-3-1924. Với tiêu đề "Trật tự và việc làm xây dựng" và dưới danh nghĩa đối lập, ông chủ nhiệm này trình bày chương trình "yêu nước" ngay từ số 1. Nên nhớ rằng bác sĩ Lê Quang Trinh là vị y khoa bác sĩ đầu tiên du học từ Pháp trở về, ông là phó chủ tịch Hội đồng quản hạt, chủ tịch Hội Ái hữu cựu chiến sĩ (Các chiến sĩ Việt Nam dự trận Âu Châu đại chiến 1914-1918).

---

(1) La Tribune Indochinoise, số 6 ngày 20-8-1926.

(2) Báo Văn Minh ngày 11-2-28.

(3) Văn Minh ngày 2-3-27.

(1) Văn Minh ngày 11-6-27.

(2) La Tribune Indochinoise số 6 ngày 20-8-26.

"Chúng tôi nhìn vào ba phương diện: chính trị, kinh tế và xã hội.

Chúng tôi theo chính sách bênh vực quyền lợi của nước Nam. Dân chúng hiện nay cần được chú ý hơn về mặt quyền lợi kinh tế. Về mặt cải tiến xã hội, chúng tôi muốn dồn tất cả nỗ lực vào kế hoạch giúp cho người lao động được hưởng quyền sống yên ổn, sống với mức vật chất khá đầy đủ".(1)

Vị chủ nhiệm không quên kêu gọi đọc và phổ biến tờ báo cho người lân cận cùng xem vì báo này ra đời nhằm vào mục đích làm cơ quan ngôn luận "của dân, vì dân".

Nhưng tiếc thay, ở vào vị trí là kẻ được tên nghị viên thực dân E. Outrey bảo trợ thì làm sao tờ *Progrès Annamite* bênh vực quyền lợi đồng bào, chống thực dân cho được? Bởi vậy, vào tháng 5 năm 1924, vào dịp bầu cử một nghị viên vào quốc hội Pháp, tờ *Progrès Annamite* không quên kêu gọi cử tri ở Nam Kỳ (gồm người có Pháp tịch) dồn phiếu cho tên "cá mập" đỡ đầu tờ báo.

"Dồn phiếu cho E. Outrey tức là giúp ích cho toàn cõi Đông Dương, hãy dồn phiếu cho E. Outrey nếu các bạn không muốn cho xứ Nam Kỳ xảy ra họa cướp bóc, họa vô chính phủ, và họa Cộng sản!"(2).

---

(1) Progrès Annamite số 1 ngày 11-3-24.

(2) Progrès Annamite ngày 9-5-24.

Mặc dầu đăng tải một số bài công kích vài cá nhân trong chính quyền thực dân, tờ *Progrès Annamite* thực ra chỉ bênh vực quyền lợi riêng của chủ nhiệm là Lê Quang Trinh và người bảo trợ là Outrey.

"Ông Outrey hiện đang vận động bầu cử, cùng với viên Hội đồng quản hạt Lê Quang Trinh, ông hội đồng này chỉ là bù nhìn của Outrey, kẻ khát máu đã từng đàn áp cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, kẻ đã giúp ông Lê Quang Trinh được gắn Bắc Đẩu bội tinh, nhờ công lao phục vụ ông Candelier (tên tài phiệt ở Nam Kỳ) trong những phiên họp Hội đồng quản hạt... Vì hy vọng rằng mình sẽ được huy chương nên ông Trinh - bác sĩ kiêm chủ báo - sẵn sàng tạm quên những lời tủi nhục mà Outrey đã thốt vào mặt ông ta. Mang tiếng là trung lập, ông Trinh, ngực bên này đeo "Chiến công bội tinh", có được trong bùn nhơ, ngực bên kia mang "Bắc đẩu bội tinh", nhận được từ một nơi ô uế do lòng phản trắc của ông ta mà có, mà cho rằng ông ta không làm gì sao?"(1).

Tờ báo tự nhận là "*binh vực quyền lợi cho người Annam*" năm 1931 đã đình bản.

❖ *TỜ LA VOIX ANNAMITE (Tiếng nói xứ Annam)*

Cũng vẫn lấy tôn chỉ "*binh vực quyền lợi cho người Annam*" như hai tờ vừa kể, tờ này sáng lập năm 1923, mỗi tuần ra ngày thứ sáu, chủ nhiệm là Lê Thành Tường nói rõ việc làm của mình như sau:

- *"Lại thêm một chuyện đau lòng nữa !*

---

(1) Tờ La Cloche Fêlée ngày 21-4-24.

Một người Âu nổi sùng, đạp vào chú cu-li xe kéo! Chúng tôi ghi nhận thêm một lần nữa tội ác do người Âu gây ra, hà hiếp một đồng bào của chúng tôi. Vài người da trắng tự cho rằng hễ là kẻ đi chinh phục thì có thể làm bất cứ chuyện gì đối với những "con chó" Annam. Mong rằng nhà cầm quyền sẽ có thái độ gắt gao để trừng phạt những sự hành hung như vừa nói. Ăn hiếp dân bổn xứ, kẻ da trắng đâu có gì là oai hùng, vì đó là việc làm không nguy hiểm."(1)

Ngoại trừ một bài báo "yêu nước" theo loại vừa đơn cử, tờ La Voix Annamite hứa với độc giả sẽ là *"cơ quan tuyên truyền cho chính sách của người Pháp, điều đó không có nghĩa là tờ báo này là của chính phủ chủ trương, nhưng là cơ quan hòa giải, để chứng minh sự cai trị của người Pháp là điều tốt cho dân Annam.*(2)

Kể từ ngày 10-10-1924, ông Huỳnh Văn Chính, biệt danh là Tự Do thay thế ông Lê Thành Tường ở chức vụ chủ nhiệm, tiếp tục đường lối "hòa giải" mãi đến năm 1925, khi tờ báo này đình bản vĩnh viễn.

◆ *TỜ L'ACTION INDOCHINOISE (Hành động Đông Dương)*

Là cơ quan của nhóm Cao Đài do Nguyễn Thế Phương chủ trương, ra đời vào ngày 23-8-1928, mỗi tuần một số, nhằm mục đích phổ biến giáo lý đạo Cao Đài, khuyên răn mọi tín đồ phải sống liêm khiết, đơn giản, giữ thể xác, tinh thần và đạo lý được trong sạch.

---

(1) La Voix Annamite ngày 17-8-23.

(2) La Voix Annamite ngày 12-1-23.

Ngoài những bài dành riêng cho vấn đề tôn giáo (đạo Cao Đài), báo này còn đăng tải những tin tức trong nước, ngoài nước. Cuối năm 1928, báo ngưng hoạt động.

Giống như những tờ báo vừa nói trên, những tờ báo khác lúc bấy giờ đều tự xưng là "cơ quan bênh vực quyền lợi của người Việt, hoặc quyền lợi Pháp Việt". Mặc dầu vậy, xem qua bài vở, ta thấy đường lối rõ rệt là thân chính quyền, chống đối hăng hái các tờ báo tiến bộ, yêu nước.

◆ *TỜ L'ECHO ANNAMITE (Tiếng dội An Nam)*

Ra đời từ năm 1920, lúc đầu do Võ Văn Thơm, hội đồng quản hạt chủ trương rồi giao cho Nguyễn Phan Long. Trong số ra mắt, đường lối phô bày là *"Cơ quan ngôn luận thuần túy Annam, tận tụy phục vụ quyền lợi của đất nước, tuyệt đối trung thành với nước Pháp. Hứa cố gắng phục vụ quyền lợi tối cao của nước Pháp và của Đông Dương"*.(1)

Từ khi nắm quyền điều khiển, khuynh hướng tờ báo có vẻ thay đổi chút ít. Nguyễn Phan Long là nhân vật có tiếng trong chính trường ở Nam Kỳ lúc bấy giờ. Ban đầu, báo ra mỗi tuần 1 số, sau đó, mỗi tuần 3 số, với hình thức là tranh đấu cho nguyện vọng của dân chúng, tờ báo đã chuyển mình từ tư thế thân chính quyền qua tư thế đối lập "ôn hòa".

Trên báo này, đăng tải một loạt bài "tẩy chay người Hoa kiều", nhằm tấn công sự độc quyền thương mại của Hoa kiều nhằm lũng đoạn kinh tế trong nước. Trong làng báo, đây là tờ báo sống lâu nhất, đình bản vào năm 1940 rồi lại tục bản, bộ mới ra mắt vào năm 1943, ngày 26 tháng 2.

---

(1) L'Écho Annamite số 1 ngày 8-1-20.

◇ *TỜ L'ESSOR INDOCHINOISE (ĐôngDương phồn thịnh)*

Sáng lập năm 1924, do Cao Văn Chánh với lời phi lộ rằng: *"Với sự hợp tác của nhiều bạn Pháp và Việt, chúng tôi sẽ thực hiện công trình hòa giải giữa hai dân tộc Pháp Việt, do định mạng đã sắp đặt để sống gần nhau, từ non một thế kỷ, để rồi đoàn kết với nhau chặt chẽ hơn".*(1)

Nói rằng để bênh vực những quyền lợi Pháp Việt, chủ nhiệm là Cao Văn Chánh đã công kích chí sĩ Nguyễn An Ninh trong bài nhan đề "Một người quốc gia Annam".

"Đây là một người chưa đủ tuổi đời để làm chính trị. Nếu xét về cách ăn mặc, cách nói chuyện, cách đi đứng, ta thấy đó là con người hơi "khật khùng"! Ngày nào đó, nước Pháp sẽ rời bỏ nước này cho chúng ta tự cai trị. Chắc đồng bào sẽ thấy bao nhiêu khó khăn hiện ra, khi người Annam tự tổ chức bộ máy cai trị ! Chao ôi ! Những danh từ giải phóng, độc lập, cao vọng của thanh niên! Chúng ta chưa muốn nghĩ tới những vấn đề mơ hồ đó."(2)

Báo ra mắt mỗi tuần một số, rồi hai số kể từ ngày 31-3-1926, trở lại hàng tuần từ 29-11-1928 rồi mỗi tuần ba số kể từ 16-6-1927 với tiêu đề "cơ quan ngôn luận dân chủ", dành phân nửa số trang để đăng quảng cáo, rao vặt để sống đến năm 1932.

---

(1) Tờ L'Essor Indochinoise số 1 ngày 5-7-1924.

(2) Tờ L'Essor Indochinoise số 1 ngày 5-7-1924.

Trong danh sách các báo thân chính quyền, nên ghi thêm:

◇ *Tờ LE PHARE INDOCHINOISE* (Đèn pha Đông Dương). Của Nguyễn Văn Khanh tự Paul Marchet.

◇ *Tờ L'APPEL (Kêu gọi)*, ra mắt tại Cần Thơ của Trần Đắc Nghĩa.

◇ *Tờ L'INDOCHINE NOUVELLE (Đông Dương Mới)* của Hoàng Nhữ Nam.

◇ *Tờ LE BLANC ET JAUNE (Trắng và Vàng)* của Phan Văn Thiết, v.v...

Những tờ báo này khoe khoang bênh vực quyền lợi cho đồng bào, lấy danh nghĩa là thay mặt cho đồng bào.

Tóm lại, loại báo Pháp ngữ do người Việt chủ trương không nhiều.

V. NHỮNG LOẠI BÁO ĐẶC BIỆT

5.1. Báo dành riêng cho phụ nữ

Trước năm 1930, báo dành riêng cho phụ nữ rất ít, tờ Nữ Giới Chung, do bà Sương Nguyệt Anh, con gái cụ Đồ Chiểu chủ trương đã không sống lâu, bấy giờ phụ nữ ở xứ ta còn thờ ơ trước thời cuộc. Hơn ngàn năm bị "tam tùng, tứ đức" của giáo lý Khổng Mạnh ràng buộc, làm sao phụ nữ có thể thoát khỏi vòng kềm tỏa, quan tâm đến những chuyện xảy ra ngoài khuôn khổ gia đình hoặc làng mạc? Ta đã hiểu tại sao những tờ báo đầu tiên cổ động cho phái yếu nên thoát ly gia đình, tham gia những công tác ích lợi cho xã hội lại bị dư luận phản đối. Thiếu sự ủng hộ của đồng bào, đặc biệt là thiếu độc giả trong phái yếu ủng hộ nên loại báo này chỉ lần hồi phát triển trong giai đoạn sau năm 1930 mà thôi. Từ mốc thời gian ấy trở về sau, nhờ tình hình chính trị, kinh tế xã hội thêm sôi động rõ rệt nên toàn dân đều nhận thấy rằng muốn sống còn thì nên đặt ra nhiều cải cách sâu rộng trong nước.

Trước 1930, chỉ có hai tờ báo dành cho phụ nữ, ở Bắc một tờ, ở Nam một tờ.

Tờ đầu tiên là *Phụ Nữ Tân Văn*, ra đời tại Sài Gòn vào năm 1929. Năm 1929 này đánh dấu sự biến chuyển quan trọng trong báo giới Việt Nam. Ở Bắc Kỳ, tờ *Đông Tây* đã mở một kỷ nguyên mới thay đổi báo chí ở Bắc Kỳ về nội dung lẫn hình thức. Ở Nam Kỳ, tờ *Thần Chung* được đa số độc giả hoan nghênh. Tờ *Phụ Nữ Tân Văn*, chào đời ngày 2-5-1929 thật đúng lúc, được mọi giới tán thưởng, không những chỉ phổ biến rộng ở Nam Kỳ mà còn được độc giả hai miền Bắc, Trung đón nhận với nhiều tình cảm tốt.(1)

Trước đó, tạp chí *Nam Phong* đã chiếm một vị trí quan trọng nhưng độc giả của nó chỉ gồm một số trí thức và nho sĩ. Hơn nữa, *Nam Phong* là loại báo viết cao, nặng về khảo cứu nên thu hút số đọc giả chọn lọc. Trái lại, tờ *Phụ Nữ Tân Văn* được phổ biến rộng rãi hơn, nhắm vào giới trung lưu.

Một ký giả lão thành, bấy giờ sống ở Bắc Kỳ đã đề cập đến ảnh hưởng của nó:

"Tên của tờ báo xưng là nhắm vào "phái yếu" nhưng khi đọc qua, mọi phái đều hài lòng, tìm được những bài bổ ích, mặc dầu nội dung không đề cập tới

---

(1) **Nguyễn Ngu Í, sách đã dẫn trang 28.**

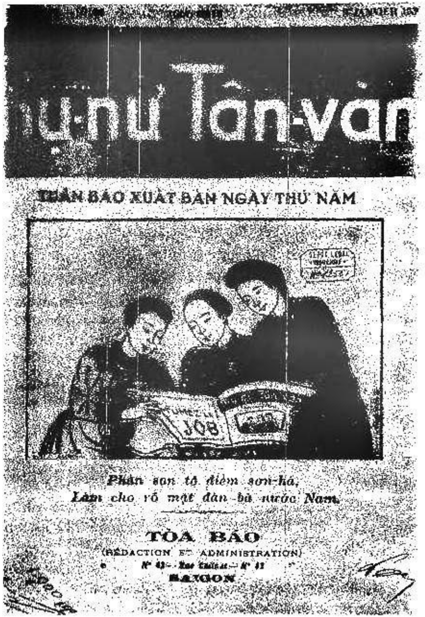

JANVIER 193

ụ-nữ Tân-văn

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM

Phấn son tô điểm sơn-hà,
Làm cho rõ mặt đàn-bà nước Nam.

TÒA BÁO
(RÉDACTION ET ADMINISTRATION)
N° 42 — [illegible] — N° 42
SAIGON

Tờ *PHỤ NỮ TÂN VĂN* số 36 ra ngày 9-1-1933 *những sinh hoạt chính trị trong nước*". Nếu so sánh với hai tờ báo khác, ở Nam Kỳ là *Đông Pháp Thời Báo* hoặc *Thần Chung* thì *Phụ Nữ Tân Văn* có đường lối ôn hòa, tuy nhiên, nếu so sánh với báo chí ở Bắc Kỳ thì lại tương đối tiến bộ hơn. Bởi vậy, nó thu hút được một số độc giả ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái nổ bùng, tiếp theo đó là phiên họp của Hội đồng Đề Hình lên án tử hình các nhà cách mạng thì độc giả ở Bắc Kỳ lại phải tìm *Phụ Nữ Tân Văn* để đọc, để tìm vài bài bình luận chính trị viết khéo léo, thúc đẩy dân chúng nên đứng về lập trường của những chiến sĩ đã hy sinh cho tổ quốc. Báo chí ở Bắc Kỳ lúc bấy giờ làm sao có thể đăng tải những bài tương tự (vì thực dân không cho phép).(1)

Về hình thức, *Phụ Nữ Tân Văn* là tuần báo ra ngày thứ năm, cách trình bày khá gọn gàng, ngoài bìa vẽ 3 cô gái Bắc Trung Nam với câu *"Phấn son tô điểm sơn hà, làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam"*, chủ nhiệm là bà Nguyễn Đức Nhuận.(2)

Ngay trong số ra mắt ngày 2-5-1929, *Phụ Nữ Tân Văn* vạch mục đích là để cập đến những vấn đề liên quan đến nữ giới, sự quan hệ và trách nhiệm của nữ giới trong đời sống quốc gia và xã hội. Tờ báo không đứng riêng theo phe phái nào, chỉ biết có chân lý, ý chí và tổ quốc. Ngoài ra tờ báo không bỏ qua những vấn đề xã hội, liên quan đến sinh hoạt đời thường nhựt, trong gia đình.

---

(1) Thiếu Sơn, *Một đời người*. Tạp chí Phổ thông số 13

(2) Không nên lầm lẫn với Nguyễn Đức Nhuận tự Bút Trà (báo Sài Gòn mới) và Nguyễn Đức Nhuận tự Phú Đức viết tiểu thuyết trinh thám. Ba người này khác nhau.

Báo được độc giả đón nhận nồng nhiệt vì phối hợp được thị hiếu của độc giả nam phái và nữ phái là mục đích của bà chủ nhiệm.

Nếu *Nam Phong* là tạp chí đứng đắn dành cho giới trí thức thì *Phụ Nữ Tân Văn* phản ánh một xu hướng thiên về đại chúng, đề cập đến những vấn đề thường nhựt với các đề mục thường xuyên.

- Ý kiến chúng tôi đối với thời sự.
- Vấn đề giải phóng phụ nữ Việt Nam.
- Phụ nữ và gia đình (gia chánh)
- Vệ sinh, khoa học.
- Tiểu thuyết.
- Mục dành cho nhi đồng.

PHAN KHÔI

Chủ bút *Phụ Nữ Tân Văn* là Đào Trinh Nhất, một người làm báo nhà nghề, lừng danh. Phải nhìn nhận rằng báo này được mọi giới chú ý nhờ sự hợp tác của nhà văn Phan Khôi (1), ký giả lão thành, học rộng, có lối lập luận sắc bén. Ngoài ra, *Phụ Nữ Tân Văn* còn đăng tải những thiên tiểu thuyết hấp dẫn ký bút hiệu B.Đ., sau này độc giả mới biết đó là bút hiệu của Bửu Đình, đang ở tù ngoài Côn Đảo, vì tội "dám làm quốc sự". Bửu Đình là cựu chủ bút của tờ báo đối lập ở Sài Gòn *Tân Thế Kỷ* (đọc lại tiểu thuyết *Cậu Tám Lọ*, *Mảnh Trăng Thu* của Bửu Đình, ngày nay ta vẫn thấy hay). Nữ sĩ Manh Manh (bút hiệu của cô Nguyễn Thị Kiêm) đăng tải trong báo *Phụ Nữ Tân Văn* nhiều bài thơ mới, được chú ý. Phong trào thơ mới (không theo thơ Đường luật) đã đi tiên phong trên *Phụ Nữ Tân Văn*, nữ sĩ Manh Manh đã mạnh dạn diễn thuyết về thơ mới - một việc làm thật táo bạo, lúc bấy giờ.

---

(1) Phan Khôi hiệu Chương Dân, sinh năm 1887, tại Điện Bàn, Quảng Nam. Ngoài việc là một nhà báo, nhà nghiên cứu ông còn là một nhà thơ sáng giá, nổi tiếng nhất là bài *Tình già*. Ông từng tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, tham gia kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc. Sau năm 1954, ông công tác ở Hội nhà văn Việt Nam và mất năm 1966 tại Hà Nội.

NGUYỄN THỊ KIÊM
tức nữ sĩ MANH MANH

Theo nghị định ngày 20-12-1939, *Phụ Nữ Tân Văn* bị đình bản, chính phủ thực dân viện lý do là báo này đã "mạ lỵ" ông Bùi Quang Chiêu về tội dính líu mật thiết với nhóm thực dân cá mập Homberg.(1)

Thực sự, lúc bấy giờ *Phụ Nữ Tân Văn* đã đưa ra nhiều sáng kiến quan trọng và hữu ích: trợ cấp cho học sinh nghèo có thể du học bên Pháp, lập ký nhi viện, triển lãm nữ công, lập quán ăn cho dân lao động và dân thất nghiệp.(2)

---

(1) Tế Xuyên. Nghề viết báo, Khai Trí, Sài Gòn, 1968, tr. 32

(2) Nguyễn Ngu Í, sách đã dẫn tr. 30

Sự thành công vẻ vang của *Phụ Nữ Tân Văn* sở dĩ có được là do sự làm việc và tư cách của bà chủ nhiệm Nguyễn Đức Nhuận. Bà biết tính toán thâu xuất, tờ báo bán chạy, bà không quên trả tiền nhuận bút rất hậu cho bộ biên tập, đặc biệt là biết kính mến các văn nhân, ký giả yêu nghề. Hàng ngày, bà giải quyết công việc rất nhanh chóng và nhận xét việc đóng góp của văn nhân, ký giả rất đúng mức. *Phụ Nữ Tân Văn* không còn, nhưng ngày nay những cộng sự viên và độc giả khi nhớ lại vẫn dành cho bao nhiêu thiện cảm.(1)

Tuy công bố rằng tờ báo không làm chính trị, chỉ biết làm một việc là bênh vực quyền lợi của chị em phụ nữ nhưng thỉnh thoảng độc giả bắt gặp vài bài mang xu hướng chống chính quyền rõ rệt. Vì vậy, báo bị đóng cửa, đó cũng là số phận mà nhà nước thực dân dành cho các tờ báo ưa làm "quốc sự".

5.2. Những tờ báo Công giáo

Loại báo này không phổ biến rộng như báo phụ nữ mà chỉ lưu hành trong giới tín đồ. Hai tờ ra mắt trong khoảng 1919 đến 1930, đều do người Công giáo chủ trương. (Nên nhớ trong giai đoạn này có tờ *Action Indochinoise* của Cao Đài).

Tờ thứ nhứt là *Trung Hòa Nhựt Báo* ra mắt năm 1923, mỗi tuần hai số nhằm mục đích thu hút tín đồ giúp họ tin nơi chúa Giêsu (2). Báo này do Hội truyền giáo Nam Kỳ bảo trợ.

---

(1) Thiếu Sơn, *Một đời người*, tài liệu đã dẫn. Phổ thông số 18 ngày 15-6-59

(2) Trung Hòa Nhựt Báo số ngày 8-9-1923.

Tờ thứ nhì là *Công Giáo Đồng Thinh*, ra mắt năm 1927 do Đào Kim Hương làm chủ nhiệm do những người công giáo Đông Dương ấn hành, chỉ đề cập đến những hoạt động dính dáng đến người Công giáo. Trong số đầu, ban giám đốc kêu gọi độc giả nên tự nguyện góp tiền để giúp những tín hữu nghèo mà không có 10 đồng để mua một năm báo. Ai có hảo tâm nên giúp đỡ cho tờ báo được phổ biến rộng rãi hơn(1). Mục tiêu của tờ này giống tờ *Trung Hòa nhựt báo*: phổ biến kinh thánh cùng đời sống của Đức Giêsu, Đức mẹ Đồng trinh, các tông đồ...

Ngoài ra còn hai tờ báo công giáo khác:

✧ SEMAINE RELIGIEUSE, mỗi tuần ra 2 số do giám mục Mossard sáng lập, bài vở viết tiếng bằng tiếng Việt.

✧ LỜI THĂM...

5.3. Những tờ báo bí mật

Sau những năm 1925-1926, tình hình chính trị trong nước lại sôi động, vài tờ báo cách mạng được luân chuyển bí mật tại trong nước. Mặc dù chỉ phổ biến hạn chế trong các nhóm làm cách mạng nhưng ảnh hưởng lan rộng trong dân chúng, tạo mầm mống cho cuộc cách mạng sắp diễn ra.

Năm 1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. So với các nhóm cách mạng đương thời thì đây là tổ chức có lý thuyết và nguyên tắc tổ chức vừa rõ ràng, vừa khoa học, nhờ đó mà cán bộ dễ bề hoạt động, tạo được ảnh hưởng tốt trong dân chúng(1). Một tờ báo bí mật được dùng làm cơ quan tranh đấu của tổ chức này:

5.3.1. Tờ Thanh Niên

Đích thân lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc điều khiển báo này, từ năm 1925. Tên trùm công an Đông Dương lúc bấy giờ là Louis Marty đã nhận định về tờ *Thanh Niên* như sau:(2)

"Từ ngày 20-6-1925, Nguyễn Ái Quốc cho ra đời tại Hương Cảng một tuần báo bí mật, in theo lối phức bản, mỗi lần chừng 100 số, báo lấy tên Thanh Niên, cũng là tên của nhóm. Đọc qua 88 số báo này (từ tháng 6-1925 đến tháng 4-1927) do người lãnh tụ tự tay soạn thảo bài vở và sửa chữa, ta thấy rõ ràng kỹ thuật mà ông ta đã dùng.

Những số Thanh Niên đầu tiên nhấn mạnh về sự đoàn kết nội bộ, nhờ đó mà đoàn thể có sức mạnh và những cá nhân trong đoàn thể làm việc có kết quả hơn. Đồng thời báo cũng kích thích tinh thần độc lập dân tộc và lòng yêu nước mà người Việt Nam lúc bấy giờ đang háo hức, chờ dịp để thi thố. Sau đó, tờ báo giúp độc giả nhận định về tình hình thế giới, đặc biệt là những biến chuyển vừa xảy ra trong lịch sử các cường quốc. Người viết bài đã cố gắng dùng những danh từ Việt Hán quen thuộc để phiên dịch lại vài danh từ Tây phương, giúp người đọc hiểu lần hồi lý

---

(1) Công Giáo Đồng Thinh, số 1 ngày 1-9-1927

(1) Un Siècle de luttes Nationals. Tập san Etudes Vietnamiennes số 24, Hà Nội 1970 tr. 87

(2) Louis Marty, Đảng Cộng Sản Đông Dương, tài liệu do Phòng Nghiên cứu Chính trị của Sở Liêm Phóng Đông Dương ấn hành, quyển 4, tr. 17

thuyết Cộng sản. Tờ báo hướng dẫn từ từ cho ai nấy hiểu rằng hiện giờ ở thế giới đã có nước Nga theo chế độ Xô Viết, dân ở nước ấy sống trong tự do, hạnh phúc. Nguyễn Ái Quốc, người chủ biên tờ Thanh Niên tỏ ra kiên nhẫn, suốt 60 số báo đầu tiên để cho độc giả chuẩn bị tinh thần và tình cảm và sau rốt, ông mới phơi bày công khai chủ trương của mình: chỉ riêng đảng Cộng sản mới có thể đem lại hạnh phúc cho dân tộc Việt mà thôi !

Điều đáng chú ý là tờ Thanh Niên được những người có chân hoặc không có chân trong Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội đọc tới. Nhiều người có cảm tình với đường lối của Hội đã chịu khó chép tới chép lui nhiều lần để phổ biến rộng rãi hơn. Vì vậy, tuy số ấn hành ít ỏi, tờ báo vẫn tạo được ảnh hưởng to lớn".(1)

Trường hợp ra đời của báo Thanh Niên:

"Sau khi tham dự đại hội thứ 5 của Quốc tế Cộng sản lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Trung Quốc, nhận công tác ở Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, đồng thời bắt tay vào việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới lập một đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam.(2)

Báo Thanh Niên, cơ quan tuyên truyền của Việt Nam Thanh Niên cách mạng đồng chí hội, ra hằng tuần bằng tiếng Việt, in tại Quảng Châu (Trung Quốc), được tất cả 88 số cho những người Việt Nam sống ở

---

(1) Lê Thành Khôi, sđd, tr.143.

(2) Hồng Chương, 120 năm báo chí Việt Nam, sđd, tr. 21.

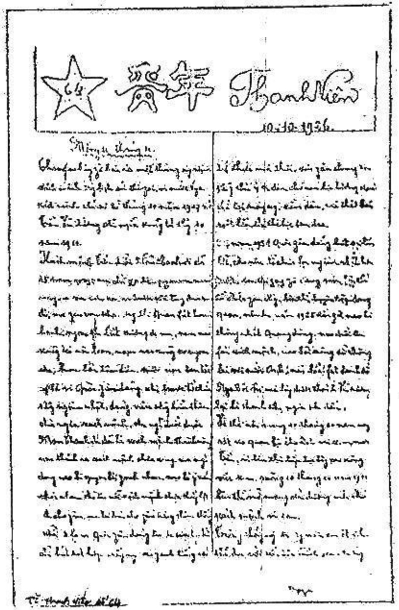

64

Thanh Niên

10-10-1926

Trang 1, tờ *THANH NIÊN* số 64, ra ngày 10-10-1926 phía Nam Trung Quốc, một số khác chuyển về Việt Nam, cũng như tới các trung tâm phong trào yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài.

Báo Thanh Niên in trên giấy sáp, tên báo viết bằng hai thứ chữ Việt và Hán, đầu trang bên trái có hình ngôi sao 5 cánh, giữa ngôi sao có chữ số: đó là số của tờ báo.

Báo Thanh Niên mỗi kỳ ra 2 trang, có lúc 4 trang, khổ giấy 13x19.

Các mục: xã luận, bình luận, diễn đàn phụ nữ, phê bình, tin tức, thơ ca, vấn đáp, trả lời bạn đọc, việc?".

Theo Huỳnh Kim Khánh, trong tài liệu lưu trữ của Mật thám Pháp có bản dịch của tờ Thanh Niên tới số 208 (tháng 5-1925) và cho biết sau đó tờ báo này vẫn tiếp tục xuất bản dưới hình thức những trang đánh máy.(1)

Nội dung và vai trò của báo Thanh Niên:

Báo *Thanh Niên* có nhiệm vụ tuyên truyền tôn chỉ và mục đích của Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, đồng thời thông qua những bài báo trình bày một cách có hệ thống một số vấn đề cơ bản về đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, về lý luận của chủ nghĩa Marx-Lénine. Tờ báo kêu gọi đồng bào Việt Nam trong và ngoài nước ra sức đoàn kết chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc để giành lại độc lập dân tộc.

---

(1) Theo Huỳnh Kim Khánh, Vietnamese Communism, The pre-power phase (1925-1945) Department of political science University of Western Ontario London, Ontario, Canada 1972, số 1 của tờ Thanh Niên ra ngày 21-6-1925, tr. 71.

Báo *Thanh Niên* giữ một vai trò lịch sử đặc biệt quan trọng, mở đầu cho việc tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước theo quan điểm Marx-Lénine, viết bằng tiếng Việt, được phổ biến rộng khắp cả nước, trong nhân dân Việt Nam, nhất là trong tầng lớp thanh niên, công nhân, nông dân,... nhằm chuẩn bị tư tưởng, lý luận chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 21-6-1985, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày xuất bản tờ báo *Thanh Niên*, ban Bí Thư Trung Ương đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định lấy ngày 21-6 hàng năm là "Ngày báo chí Việt Nam".

5.3.2. Những tờ báo do người Việt chủ trương ấn hành tại Trung Quốc

Ngoài tờ *Thanh Niên* nổi tiếng do Nguyễn Ái Quốc điều khiển xuất bản tại Hương Cảng, trong giai đoạn 1918-1930, ở các tỉnh phía Nam Trung Quốc vẫn tồn tại những tờ báo sau:

- *ĐỎ*: tờ báo của Chi bộ Thượng Hải của An Nam Cộng sản đảng, xuất bản khoảng tháng 8-1929.
- *KÔNG NÔNG*: do Nguyễn Ái Quốc sáng lập tại Quảng Châu năm 1926.
- *LÍNH CÁCH MỆNH*: do Nguyễn Ái Quốc sáng lập tại Quảng Châu tháng 2 năm 1927.
- *L'ARMÉE ROUGE* (Hồng Quân) báo của chi bộ An Nam Cộng sản đảng xuất bản tại Thượng Hải bằng tiếng Pháp để vận động binh lính khu vực tô giới của Pháp ở Trung Quốc.

◆ *GIÁC NGỘ*: báo của chi bộ An Nam Cộng sản đảng xuất bản ở Thượng Hải để vận động binh lính Việt Nam đóng ở các tô giới Pháp tại Trung Quốc, xuất bản giữa năm 1930, sau đó đổi tên là *Kèn gọi binh lính*, số 1 ra ngày 30-12-1930 (1).

◆ *QUỐC TẾ LAO ĐỘNG VẬN TẢI*: bị cấm lưu hành do nghị định ngày 29-6-1929 của chính phủ Toàn quyền Đông Dương.

5.3.3. Những tờ báo cách mạng do người Việt chủ trương ấn hành tại Thái Lan

Việt kiều ở Xiêm là một hậu cứ khá quan trọng cho cách mạng Việt Nam. Những thị xã hay làng mạc nào có Việt kiều cư ngụ đông là nơi đó đều có tổ chức cách mạng và thường xuất bản các báo chí, không những để cung ứng cho Việt kiều mà còn được bí mật gởi về nước làm tài liệu tuyên truyền nữa.

"Pháp luật của Thái Lan khi ấy quy định chỉ những nhà in và nhà báo lớn, có tính chất xuất bản để bán mới phải đăng ký, nhưng cũng không có chế độ kiểm duyệt, còn những ấn loát phẩm nào có tính chất quảng cáo, phát không lấy tiền và in thô sơ như in thạch hay ru lô đều không bị pháp luật cấm."(2)

◆ *BÁO ĐỒNG THANH XUẤT BẢN Ở PHI-CHỊT*

Phi-Chịt là một tỉnh thuộc Trung bộ nước Xiêm, có một làng Việt kiều rất đông đảo, gọi là Ban-Đông-Thầm, đây là một cơ sở cách mạng do các cụ Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính, Đặng Thúc Hứa thiết lập từ 1910 khi các cụ bị Nhật trục xuất (1908) lui về Xiêm tiếp tục hoạt động, rồi thành lập ra cơ sở này.

Cơ sở đầu tiên là một cơ sở đồn điền, mang tên là Ban Đông Thầm chỉ dùng làm nơi tá túc tạm thời cho các thanh niên khi muốn qua Tàu mà phải đi đường Xiêm. Ví dụ Liệt sĩ Phạm Hồng Thái khi qua Quảng Đông (Tàu) cũng đã tá túc ở đây 2 tháng.

Mãi về sau này ở đây có một số Việt kiều khá đông, cuối năm 1925, khi tổng bộ V.N.T.N.C.M.Đ.C.H ở Quảng Châu tổ chức xong, Nguyễn Ái Quốc mới phái Hồ Tùng Mậu về Xiêm tổ chức Việt kiều vào đoàn thể cách mạng, thì ở đây là địa phương được xây dựng đoàn thể cách mạng trước nhất.

Sau khi tổ chức xong người ta cho ra tờ báo *Đồng Thanh* (từ nghĩa đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu). Người đứng chủ trương tờ báo là nhà cách mạng lão thành Đặng Thúc Hứa và một số thanh niên tân học giúp sức viết bài, số xuất bản đầu tiên vào năm 1927.

Đây là tờ báo do hội Việt kiều thân ái xuất bản, đã mô tả tâm hồn yêu nước và chí khí chiến đấu của Việt kiều, dù sống trên đất khách quê người, nhưng họ vẫn luôn luôn hướng về tổ quốc:

"Cảnh Nam xào xạc chim kêu tổ.
Gió Bắc đìu hiu ngựa thét tàu!".

(Đặng Thúc Hứa)

---

(1) Trích Dương Quốc Anh, *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, tập III. Nxb KHXH, HàNội, 1988, tr. 139.

(2) Lê Mạnh Trinh, Cuộc vận động cứu quốc của Việt kiều ở Thái Lan. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1961, tr. 20.

◇ BÁO THÂN ÁI (1928-1930)

Tới năm 1928, tờ báo được đổi tên là Thân Ái do ông Lê Duy Trinh, tức Tú Thuận (người Thanh Hóa, đậu tú tài chữ Hán và bằng Cao Đẳng tiểu học Pháp) chủ biên. Mãi tới năm 1930, khi *Thanh Niên* được cải tổ sang Cộng sản, thì tờ báo mới đình bản.

Hai tờ báo *Đồng Thanh* và *Thân Ái* in bằng ru lô, có tính chất thông tin phản ảnh sinh hoạt của kiều bào và tình hình trong nước.

Trên các báo *Đồng Thanh, Thân Ái*, có đăng nhiều bài văn nghệ đủ các thể loại như: lục bát, ả đào, sa mạc, xẩm, thơ, phú v.v... Bài ca Trần Hưng Đạo, Nhật Ký Chìm Tàu do Nguyễn Ái Quốc viết rất được hoan nghênh. Kịch "Lịch sử Việt Nam chống Pháp từ Phan Đình Phùng đến Phạm Hồng Thái" cũng được kiều bào tán thưởng.

◇ TỜ TIẾNG CHUÔNG Ở NAKHONPHANOM

Nakhonphanom thường gọi là Lạc Hòn, một tỉnh lị ở bên bờ Mêkong đối diện bên Lào thuộc Pháp là tỉnh Thakhet. Ở Lạc Hòn Việt kiều có hàng vạn khi Việt kiều tổ chức vào hàng ngũ cách mạng ở đây gọi là "Đệ nhị chi bộ" (Phi Chịt là đệ nhất). Cũng vậy, khi tổ chức Việt kiều đâu vào đấy rồi, người ta cũng cho xuất bản một tờ báo lấy tên là *Tiếng Chuông* chủ biên là Hoàng Văn Hoan lúc đó mang tên là anh Nghĩa, sau đổi là Thoong. Báo này cũng tới 1930 mới đình bản (1926-1930).

◇ BÁO LAO KHỔ Ở SAKHONNAKHONNE

Sakhonnakhonne là một tỉnh thuộc khu Đông Bắc Thái Lan cách bờ MêKong lối 97km. Ở đây Việt kiều cũng khá đông, sau khi tổ chức vào hàng ngũ cách mạng rồi, người ta cũng cho xuất bản một tờ báo lấy tên là *Lao Khổ*, do Nguyễn Tài tức Vô làm chủ biên (Nguyễn Tài người phủ Anh Sơn (Nghệ An) trước có đi Pháp, sau về làm quan, sau cùng lại bỏ qua Tàu, được Nguyễn Ái Quốc phái về Xiêm hoạt động).

Tờ báo *Lao Khổ* được gởi về nước rất nhiều.

Ví dụ trên tờ *Lao Khổ* có những bài thơ sau đây:

"Thằng thì ăn chả đứa ăn nem
Tủi phận mình không phải nhịn thèm
Cơm được bữa trưa chưa bữa tối
Nhà sau không vách trước không rèm
Năm canh nước mắt cơn tầm tạ
Sáu khắc mồ hôi bố lấm lem
Xã hội bất bình là thế đó
Quyết thề tranh đấu hỡi anh em".

Và:

"Hỡi những kẻ dân ta nghèo đói!
Có biết rằng nông nỗi vì ai ?
Cả năm đòn gánh đè vai
Mồ hôi nước mắt không tài kiếm ra"

Và:

"Hỡi vô sản công nông ta hỡi!
Kiếp ngựa trâu cực bởi vì đâu?"

◇ BÁO ĐẠI CHÚNG XUẤT BẢN TẠI OUDONNE

Oudonne là một tỉnh thuộc khu Đông Bắc Thái Lan, cách bờ sông Mekong 56 km, ở đây cũng có một số Việt kiều khá đông cư trú, nên có tổ chức cơ sở cách mạng và có phát hành một tờ báo lấy tên là Đại Chúng do Lê Hi Toản biên tập. Mục đích và tôn chỉ *Đại Chúng* cũng giống như các tờ *Đồng Thanh, Thân Ái* ở Phi Chịt, tờ *Tiếng Chuông* ở Nakhon không khác với tờ *Lao Khổ* ở Sakhonnakhonne.

Đại Chúng xuất bản số đầu từ ngày 1-5-1928, cho mãi tới khi cải tổ sang Cộng sản, thì *Đại Chúng* mới đình bản.

5.3.4. Những tờ báo do người Việt chủ trương ấn hành bên Pháp

Nên ghi thêm vài tờ báo do người Việt chủ trương, ấn hành tại Pháp để rồi sau đó được lưu hành qua Đông Dương. Tuy rằng loại báo này rất ít và không đóng một vai trò giống như các báo ở trong nước nhưng nó vẫn góp phần vào cuộc tranh đấu giành độc lập, chống chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương.

Muốn được đến tay độc giả Đông Dương, lúc đầu các báo này nhờ phương tiện công khai của đường bưu điện. Nhưng chính phủ Pháp ở chính quốc và bọn mật thám ở thuộc địa đã liên kết với nhau để ngăn cấm, không cho gởi. Từ đó, báo chí còn một nẻo duy nhứt để phát hành là nhờ du khách, nhờ những người bồi tàu có thiện chí.

◆ *LE PARIA*

Xuất bản ngày 01-4-1922 tại Paris. (Le Paria vẫn được dịch là *Người Cùng Khổ*, nhưng tên viết chữ Hán trên đầu báo là *Lao Động báo*). Do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Tờ báo do Hội Liên Hiệp thuộc địa chủ trương, là *"diễn đàn của các thực dân thuộc địa"*. Tờ báo này tồn tại đến tháng 4-1926, được tất cả là 38 số, kêu gọi đoàn kết các dân tộc thuộc địa, với nhiều bài viết đặc sắc của Nguyễn Ái Quốc. *Le Paria* được bí mật chuyển về Việt Nam qua các đảng viên đảng Cộng sản.

◆ *VIỆT NAM HỒN*

Theo Dương Quốc Anh thì: *"Từ mùa xuân 1923, tại Paris, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chủ trương xuất bản một tờ báo bằng tiếng Việt lấy tên là Việt Nam hồn để tuyên truyền cách mạng trong giới Việt Kiều tại Pháp và bí mật gởi về nước. Dự kiến đó không thành vì đến tháng 6-1931, Nguyễn Ái Quốc đã rời khỏi Pháp sang Liên Xô"*.(1)

Cho đến đầu năm 1926, tờ *Việt Nam Hồn* mới xuất bản số 1 ngày 1-1-1926 ở Havre (Paris) do Nguyễn Thế Truyền (kỹ sư) và một số Việt kiều ở Pháp thực hiện như: Trần Văn Chi (kỹ sư), Nguyễn Thế Phủ, Nguyễn Thế Song, Nguyễn Văn Tư, Trinh Văn Hiên, Lâm Văn Nghi, Nguyễn Văn Luận (Như Phong), Hoàng Quang Giụ, Bùi Ái (giáo Viên), Ngô Văn Minh (bếp), Đặng Đình Thọ (xếp chữ), Đặng Văn Thu (thủy thủ) và Bùi Đình Thành (viên chức).(2)

Báo ra hàng tháng, in bằng tiếng Việt, thỉnh thoảng có bài bằng tiếng Pháp, hoặc chữ Hán. Số lượng in 2.000 bản, lưu hành trong giới Việt kiều và bí mật gởi về nước.

---

(1) Dương Quốc Anh, Những sự kiện lịch sử 1858-1945, tập III, nxb KHXH, H.1988. trg 152-153.

(2) Theo Daniel Hémery, Du Patriotisme au Marxisme, L'immigration Vietnamienne en France de 1926 à 1930. Extrait Mouvement Social, No 90 (I-III-1975). Les Éditions Ouriers, Paris.

Báo *Việt Nam hồn* xuất bản hợp pháp từ 1-1926 đến tháng 8-1926 bị nhà cầm quyền Pháp cấm. Sau đó vào tháng 9-1926 tái bản với tên mới là *Phục Quốc*.

◇ *PHỤC QUỐC*

Là tiếng nói của cơ quan Việt Nam Độc Lập đảng. Chính phủ Pháp ở mẫu quốc đặc biệt theo dõi tờ báo này cũng như với tờ Việt Nam hồn, cả hai theo đường lối giống nhau. Báo bị đóng cửa sau khi ra được 2 số (tháng 9 và tháng 10-1926). Tòa soạn bị lục soát, ký giả bị bắt (1).

◇ *LA NATION ANNAMITE*

Xuất bản vào tháng 6 và tháng 8 năm 1927 cũng do nhóm Việt kiều của Nguyễn Thế Truyền chủ trương, viết bằng tiếng Pháp.

◇ *LA TRIBUNE ANNAMITE*

Không sống nổi vì vốn liếng quá ít, không đủ để trang trải bao chi phí nặng nề. Những tờ báo sau đều bị đóng cửa nhanh chóng vì chính phủ Pháp không thể nào dung thứ được (2).

◇ *L'ÂME ANNAMITE*: 3 số xuất bản vào tháng 1, 2, 3 năm 1927

◇ *L'ECOLIER ANNAMITE*

◇ *L'INDÉPENDANCE ANNAMITE*

◇ *LA RÉSURRECTION (PHỤC SINH)*

---

(1) Le Tribune Indochinoise số ngày 29-12-1926.

(2) Lê Quang Trinh, Nam Phong số 125, tháng 1-1928, tr. 3.

Ra đời vào tháng 12-1928 do nhóm Nguyễn Văn Luân, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương cầm đầu.

Ngoài ra, theo Hồng Chương thì:

"Tháng 4 năm 1928, tại một cuộc hội nghị họp tại xưởng Saint Denis ở nước Pháp có nhóm người Việt Nam và một người Pháp thay mặt vụ thuộc địa của đảng Cộng sản Pháp tham dự, một nhóm Cộng Sản Đông Dương được thành lập ở Pháp. Nhóm này đã xuất bản một tờ báo bằng tiếng Việt lấy tên là Lao Nông, về sau đổi tên là Vô Sản. Tờ báo này nhằm mục đích tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản trong công nhân và học sinh người Đông Dương học tập và đang làm ăn ở Pháp, đấu tranh chống đế quốc Pháp để giải phóng Đông Dương. Tờ báo này cũng được anh em thủy thủ người Việt Nam, làm việc trên các tàu thủy chạy trên đường biển Pháp - Đông Dương bí mật chuyển về Việt Nam."(1)

VI. BÁO PHÁP NGỮ TẠI VIỆT NAM

Sau đây xin kể thêm vài tờ báo Pháp ngữ, do người Pháp viết và chủ trương.

◇ *EXTRÊME – ASIE*

Nguyệt san do Nha Du lịch Nam Kỳ ấn hành, với nhiều tranh ảnh về thắng cảnh miền Nam, Cao Miên, do Georges Mignon chủ biên. Báo do chính phủ Toàn quyền Đông Dương đỡ đầu, do 3 tờ báo đã có từ trước nhập làm một:

---

(1) Hồng Chương, *120 năm báo chí Việt Nam*. Nxb TP.HCM, 1985, tr. 29.

◆ *EXTRÊME-ASIE*, sáng lập năm 1924 bởi Georges Mignon.

◆ *REVUE INDOCHINOISE*, ra mắt từ năm 1898, của F.H. Schneider.

◆ *REVUE DU TOURISME*, sáng lập năm 1923 bởi Georges Mignon.

◆ *AVANT GARDE*

Cơ quan thân chánh quyền bảo vệ quyền lợi xứ Nam Kỳ. Báo xuất bản năm 1929.

◆ *AMI DU PEUPLE*

Nhựt báo độc lập. Xuất bản năm 1929.

◆ *ECLAIREUR*

Nhựt báo thuộc xu hướng cộng hòa, diễn đàn chung của dư luận Pháp và Việt (1925-1926).

◆ *JEUNE ASIE*

Đề cập các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội (1919-1921).

◆ *LA PRESSE INDOCHINOISE*

Báo định kỳ có hình ảnh, với các vấn đề về chính trị, văn chương và kinh tế (1924-1940).

◆ *SAIGON-RÉPUBLICAIN*

Cơ quan của Đảng Cộng Hòa, cấp tiến và Xã hội cấp tiến ở Viễn Đông (1925-1930).

◆ *INDOCHINE*

Cơ quan nhằm mục đích giúp hai dân tộc Pháp – Nam hiểu biết nhau hơn (1925-1936).

◆ *MERLE MANDARIN*

Tuần báo công kích trào phúng (1927-1930).

◆ *COLON FRANÇAIS*

Cơ quan Cộng hòa (1927-1937).

◆ *PETIT POPULAIRE DU TONKIN*

Cơ quan của đảng Xã hội Pháp S.F.I.O. (1929-1931)

◆ *VIGIE INDOCHINOISE*

Bán nguyệt san, tuyên truyền lý thuyết Cộng hòa v.v... (1930-1932).

VII. VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ TRONG GIAI ĐOẠN 1918 ĐẾN 1930

Ngoài vai trò giáo dục, phổ cập kiến thức và thông tin, báo chí Việt Nam còn đóng hai vai trò quan trọng trong giai đoạn vừa kể: vai trò văn học và chính trị.

7.1. Báo chí và văn học

Từ khi có mặt và mãi đến khoảng thời gian gần đây, báo chí Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong địa hạt văn học. Nhờ đó, văn học Việt Nam hiện đại được hình thành và phát triển.

Trên lãnh vực này, điều đáng chú ý là chữ quốc ngữ được phổ biến trước tiên ở miền Nam qua báo chí, nhưng miền Bắc lại là nơi mà chữ quốc ngữ được phát triển, trưởng thành để lần hồi trở thành nền tảng vững chắc cho văn chương hiện đại, trong khi ấy, báo chí ở Nam Kỳ dường như chỉ nhằm đóng vai trò vững chắc về thông tin, nhứt là về sinh hoạt chính trị thì làng báo Sài Gòn luôn luôn tỏ ra linh động, nhạy bén.

Đa số báo chí miền Bắc thuở ấy chỉ chú trọng vào vấn đề văn chương, khảo cứu lịch sử, nhờ đó góp phần tích cực vào văn học. Hiện tượng đó dễ dàng giải thích vì lẽ đất Thăng Long là nơi "ngàn năm văn vật", thuộc địa Nam Kỳ là nơi mà Nhà nước Pháp dành cho quy chế chính trị tương đối dễ dàng hơn các xứ bảo hộ Bắc, Trung, người làm báo ở Nam Kỳ phát biểu ý kiến tương đối thoải mái hơn đồng nghiệp ở miền Bắc. Vì thiếu tự do, ký giả miền Bắc đành thu hẹp vào phạm vi văn học, nghệ thuật.

Hai tờ báo ở Bắc Kỳ lúc bấy giờ đã góp phần xây dựng quan trọng vào văn học là *Nam Phong Tạp Chí* và *Đông Tây*.

7.1.1. Vai trò của Nam Phong và Phạm Quỳnh

Mặc dù ra đời trễ (lúc Chiến tranh Thế giới thứ Nhất) *Nam Phong* vẫn tạo được ảnh hưởng lớn về chính trị và văn học. Khi ra mắt, *Nam Phong* đã tuyên truyền cho khẩu hiệu "*Rồng Nam phun lửa, diệt Đức tặc*".

Khi Chiến tranh Thế giới thứ Nhất kết thúc, *Nam Phong* bắt đầu tác oai tác phúc trong làng báo. Phạm Quỳnh là cây bút chủ lực, viết những bài khảo luận về văn hóa đông tây: văn học, triết học, tôn giáo, văn chương, phong tục, tập quán v.v... Có người nhận xét Phạm Quỳnh có đủ khả năng để tranh luận thấu đáo và minh bạch bất cứ vấn đề nào: văn chương, triết học, tôn giáo, chính trị, xã hội. Trước khi đề cập đến một vấn đề, ông chịu khó nghiên cứu kỹ lưỡng. Nếu so sánh *Nam Phong* với các tạp chí xuất bản bên Pháp như *Revue de Paris, Grande Revue, Mercure de France, Nouvelle Revue Francaise*, độc giả thấy các tạp chí Pháp cũng đề cập đến những vấn đề tương tự, nhưng không tờ báo nào chú ý đến các vấn đề của Đông phương, xưa cũng như nay (1).

Từ 1931 về sau, Phạm Quỳnh thôi viết bài cho *Nam Phong*, tờ báo mất bản sắc cố hữu, độc giả không còn gặp những bài đàm luận, khảo cứu đáng chú ý như trước.

Nhà văn Thiếu Sơn đã từng là độc giả trung thành của *Nam Phong* như đa số trí thức đồng thời đã tiếc rẻ sự ra đi của vị chủ nhiệm:

"Giờ đây Phạm Quỳnh ra làm chính trị. Chủ nghĩa quân chủ lập hiến của ông tuy có giá trị đấy nhưng ta lo ngại rằng nó không dễ áp dụng, như là viết nó trên giấy.

Sự thực hiện lý thuyết này không ích lợi gì cho đồng bào, nó càng làm thương tổn cho văn nghiệp của ông. Bấy giờ người ta không thấy hậu quả của việc làm ấy. Điều hiển nhiên là từ khi ông chủ nhiệm ra đi, ai nấy đều nhận rằng giá trị văn chương của Nam Phong trở nên sa sút.

"Tại sao có chuyện ra đi?

Phải chăng ông chủ nhiệm đã bỏ rơi tờ báo để đi làm chính trị ?" (2)

---

(1) Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, Khai Trí, Sài Gòn 1960, tr.127.

(2) Thiếu Sơn, Phạm Quỳnh, *Phụ Nữ Tân Văn* số 30-7-1931.

7.1.2. Vai trò của Đông Tây và Hoàng Tích Chu

Văn học Việt Nam hiện đại đã bắt đầu thành hình, qua Gia Định Báo, *Lục Tỉnh Tân Văn*, tức là những tờ báo ấn hành khá sớm ở Sài Gòn. Sau đó, nền văn học này phát triển thêm, nhờ *Đông Dương Tạp Chí và Nam Phong Tạp Chí*, từ lối hành văn đến các từ ngữ ở hai tạp chí sau này, vẫn còn khá nhiều chữ Hán hoặc danh từ Hán Việt, vì vậy, chữ quốc ngữ chưa hoàn toàn chiếm địa vị độc lập, chịu ảnh hưởng quá sâu đậm của văn chương Trung Hoa.

Khi du học bên Pháp về, Hoàng Tích Chu chủ trương tờ *Đông Tây*, nhờ đó ông có đất đứng để làm đảo lộn kỹ thuật làm báo và kỹ thuật hành văn. Văn xuôi xưa kia quá dài dòng, nặng nề, dẫn chứng điển tích, dùng nhiều chữ Nho không cần thiết vì tiếng Việt đã sẵn có rồi. Lối hành văn của Hoàng Tích Chu đơn giản, sáng sủa, khiến người đọc dễ lĩnh hội hơn, theo kiểu hành văn của văn chương Pháp đương thời. Thoạt tiên, các bạn đồng nghiệp không tán đồng nhưng lần hồi, họ bắt chước theo. Quả là Hoàng Tích Chu đã mở một phong trào mới, cải tiến cách hành văn không riêng gì cho các bài báo mà còn ích lợi cho tiểu thuyết, truyện ngắn.

Phong trào báo chí lúc bấy giờ đã đóng góp cụ thể vào việc xây dựng một nền tảng vững chắc về nghề nghiệp, ảnh hưởng lan rộng đến trào lưu văn chương đương thời. Một điểm đáng chú ý là bấy giờ ở Âu Châu, việc làm báo nhằm vào mục đích kinh doanh, hoặc thông tin. Trái lại, ở Việt Nam, đặc biệt ở Bắc Kỳ người làm báo đặt nhẹ vấn đề kinh doanh thương mại, họ chỉ mong giúp được phần nào vào văn chương học thuật, hoặc phổ biến những kiến thức về triết học, lịch sử.

Những năm trước 1930 chỉ là bước đầu. Muốn chứng kiến thời kỳ hưng thịnh của văn học, phải chờ đến khoảng thời gian sau. Lúc ấy mới xuất hiện những nhà văn, cơ quan ngôn luận và phương tiện riêng: các nhà văn thuộc Tự Lực Văn Đoàn cho ra mắt hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay*, nhà xuất bản Tân Dân cho ra hai tờ *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* (đăng toàn truyện ngắn và tiểu thuyết nối dài), *Phổ Thông Bán Nguyệt San* (mỗi số đăng trọn một thiên tiểu thuyết) và tạp chí *Tao Đàn* (phê bình văn học, khảo cứu văn chương và truyện ngắn, truyện dài) và nhóm Tri Tân cho ra tạp chí văn mới (văn học, khảo cứu).

Sau năm 1930, văn chương phát triển mạnh, thi ca cũng nhờ phương tiện báo chí mà đến độc giả, trước khi được in thành tập.

7.2. Báo chí và chính trị

7.2.1. Báo chí và chính sách Pháp Việt đề huề

Trong giai đoạn 1919-1930, báo chí luôn luôn nhắc đến chính sách Pháp Việt đề huề. Từ khi mới hình thành, giai cấp tư sản Việt Nam theo đường lối "bất bạo động" của Phan Châu Trinh. Hơn 10 năm liên tiếp, đường lối của giai cấp tư sản này không thay đổi (1).

Chính sách này đã phát sinh từ thời Toàn quyền A. Sarraut, lần hồi trở thành một huyền thoại vào những năm sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, quyến rũ được một số đông trí thức và một vài lãnh tụ điều khiển các phong trào chống thực dân Pháp ở Đông Dương. Lúc đầu, Phan Bội Châu cũng tin vào chính sách này, rồi đến Phan Châu Trinh... Nhưng chính sách nói trên được đề cao và nhắc tới nhắc lui trên báo chí vào thời viên Toàn quyền thuộc đảng xã hội: Alexandre Varenne. Báo chí chia làm hai phe rõ rệt: ủng hộ và chống đối chính sách này.

---

(1) Tầm Dương, sách đã dẫn, tr.83.

a. Nhóm báo chí ủng hộ

Gồm những tờ thân chính phủ tin rằng dầu sao đi nữa chính quyền thuộc địa cũng có thiện chí không nhiều thì ít.

Ở Nam Kỳ, tờ *L'Echo Annamite* tự xưng là cơ quan phát ngôn của người Việt, với đường lối là *“tuyệt đối trung thành với nước Pháp, cố gắng phục vụ quyền lợi tối thượng của nước Pháp và của Đông Dương”*(1). Tờ *L'Essor Indochinoise* hứa hẹn với độc giả là góp phần *“hòa giải hai dân tộc, hôm nay sống cạnh nhau, định mạng lịch sử đã quyết định cho cả hai bên phải đoàn kết với nhau”*(2). Chủ nhiệm tờ này là Cao Văn Chánh chỉ biết lo *“một ngày nào đó, nước Pháp sẽ ra đi, người Việt Nam sẽ gặp bao nhiêu khó khăn, khi tự tổ chức lấy việc cai trị”*(3).

Riêng về tờ *La Tribune Indochinoise* của Bùi Quang Chiêu thì ao ước hai nước sẽ *“hợp tác đề huề”* và ra vẻ hoài nghi về *“vấn đề độc lập, giải phóng còn mơ hồ, trong tương lai một vấn đề mà bọn trẻ cách mạng vừa được 20 tuổi đời đang háo hức đòi hỏi”* (4). Tất cả những tờ báo khác thuộc xu hướng thân chính quyền ở Sài Gòn đều nêu cao tôn chỉ: cơ quan bênh vực quyền lợi Pháp Việt.

Tờ Thần Kinh Tạp Chí do nhóm quan lại triều đình Huế chủ trương, nhằm “giáo dục dân chúng”, phát triển xứ sở, theo đường lối ôn hòa, nhân đạo và công bình”(1).

Ở Bắc Kỳ, trong một bài gởi cho chính phủ, tờ *Thực Nghiệp Dân Báo* viết:

“Hôm nay Thực Nghiệp Dân báo chào đời, nhờ quan Toàn quyền Maurice Long và quan Khâm sứ Rivet mà tờ báo trình diện với bạn đọc. Nhân dịp này, chúng tôi xin cảm tạ quan Toàn quyền và quan Khâm sứ Bắc Kỳ đã hợp tác với dân tộc Việt, hầu giúp đỡ hai chính phủ Pháp và Việt trong địa hạt kinh tế”(2).

Đường lối *“đề huề, hợp tác với đế quốc Pháp là điểm đáng chú ý của* giai đoạn này”(3), một đường lối được hầu hết các báo chí ở Bắc và Nam tranh luận.

Tờ *Khai Hóa* của nhà tư bản xứ Bắc là Bạch Thái Bưởi luôn luôn ca ngợi công ơn khai hóa của Đại Pháp: *“May sao lại gặp được nước Đại Pháp sang bảo hộ hết lòng hết sức mà khai hóa cho ta”*(4). Riêng tờ *Hữu Thanh* thì cứ nhai đi nhai lại rằng: *“Từ khi chúng ta được nước Pháp đóng vai trò hướng dẫn, chính phủ bảo hộ đã thành thật giáo hóa dân ta, từ 40 năm qua”*(5)

---

(1) Écho Annamite số 1 ngày 8-1-20

(2) Éssor Indochinoise số 1 ngày 5-7-24

(3) Éssor Indochinoise số ra ngày 2-8-24

(4) Tribune Indochinoise ngày 21-1-29

---

(1) Thần Kinh Tạp chí số 1 ngày 10-2-20

(2) Thực Nghiệp Dân Báo số 1 ngày 10-2-20

(3) Tầm Dương, sách đã dẫn, tr.86

(4) Khai Hóa số 166 ngày 4-2-22

(5) Hữu Thanh số 35 ngày 1-1-1923

và thi sĩ Tản Đà trong tờ *Annam Tạp Chí* đã viết "*Dân Việt Nam được chính phủ bao bọc, luôn luôn giữ dạ trung thành với nước Pháp*". Nhưng thi sĩ Tản Đà lại nói thêm rằng ông "*không bao giờ chịu cảnh nô lệ, và luôn luôn giữ thái độ hãnh diện để khỏi tủi hổ là giống Lạc Hồng. Đó là ý nghĩa của chính sách Pháp Việt đề huề*" (1).

Tóm lại, đa số báo chí trong những năm ấy đều tán thành ít hay nhiều chính sách đề huề giữa hai dân tộc, tức là sự hợp tác giữa kẻ thống trị và kẻ bị trị. Đáng chú ý là ngoài các tờ báo nói trên, còn vài tờ đối lập, ra mắt ở Nam Kỳ, nơi mà người làm báo hưởng chút ít tự do ngôn luận so với Bắc Kỳ, nhứt là khi báo lại dùng Pháp ngữ thì sự tự do ấy được nới rộng hơn.

b. Nhóm báo chí chống đối

Người chống đối đầu tiên chính sách Pháp Việt đề huề là nhà yêu nước luật sư Phan Văn Trường với tờ *Annam*.

"*Sự giúp đỡ của nước Pháp... Những cải cách ư... Tất cả những sự cải cách đều chỉ là dự án, chưa thực thi, thí dụ như việc sửa đổi trường Luật, trường Y khoa Hà Nội trở thành trường có nhiều phân khoa hơn. Chỉ thấy một sự cải cách quan trọng mà thôi - (nếu gọi đó là cải cách), dưới trào quan Toàn Quyền Varenne, đó là việc ban hành thuế tiêu thụ 2 phần trăm. Đó là sự thật mà những người theo phái đề huề đã gặt hái được*" (2).

---

(1) Annam Tạp chí ra ngày 4-8-1926.

(2) Annam số 2-6-27.

Trong tờ *La Cloche Fêlée*, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh nhận định:

"*Vậy thì đây chỉ là sự hợp tác mơ hồ, trong tưởng tượng mà thôi. Không thấy công bố trên giấy tờ và không thấy hứa miệng ! Dầu gì đi nữa, không thể nào có sự hợp tác giữa chủ và tớ, hay là nói theo chính trị xứ ta cũng vậy thôi, không có sự hợp tác giữa kẻ đi bảo hộ và người bị bảo hộ. Bảo hộ, trong trường hợp này chỉ là sự bảo hộ bắt buộc, với võ lực. Nếu tình trạng này không thay đổi tận gốc rễ thì khó bề thuyết phục người bổn xứ nên duy trì "sự giúp đỡ quý báu" mà công dân Varenne đã khoe khoang.*"(1)

Cũng trong tờ *La Cloche Fêlée* luật sư Phan Văn Trường đã đả phá chính sách Pháp Việt đề huề và cảnh giác những ai còn tin theo nó:

"*Hãy xét riêng trường hợp của cụ Phan Châu Trinh. Từ người Việt luôn cả đến người chiến sĩ nồng nhiệt, cổ súy cho thuyết Pháp Việt đề huề, bất cứ trong lúc nào và trong tình thế nào. Nhà yêu nước đã để ngót 20 năm sau cùng của cuộc đời để tuyên truyền, thuyết phục đường lối đề huề với chính phủ thuộc địa để thực thi, từ bức thư thỉnh nguyện gởi đến Toàn quyền Paul Doumer đến những buổi diễn thuyết sau cùng, ít lâu trước khi người nhắm mắt. Người đã cố gắng tạo nên một sự hợp tác giữa người Pháp và người Việt, để đi đến hậu quả gì? Một bản án tử hình, ba năm tù đày ngoài Côn Đảo, một năm ngồi tù bên Pháp, không kể đến những việc làm khó làm dễ mà nhóm thực dân đã dùng đến, gây bao nhiêu bực dọc,*

---

(1) La Cloche Fêlé số 23 ngày 7-12-25

phiền muộn cho nhà yêu nước, trong những năm sau cùng"(1).

Riêng về tờ *Jeune Annam* thì khuyên đồng bào nên suy nghĩ xa hơn, đừng để cho chính sách đề huề lừa phỉnh như các báo thân chính quyền đã tuyên truyền.

"Nhân viên mật thám theo dõi chí sĩ họ Phan, nhưng ông này có lo rầu không? Chúng ta chưa được như họ Phan, hoặc như thánh Gandhi? Ít ra, thái độ của các nhà chiến sĩ này cũng cho ta thấy rằng càng sợ Nhà nước bao nhiêu thì Nhà nước thực dân độc đoán, phản dân chủ càng đày đọa chúng ta bấy nhiêu"(2).

Tờ *L'Ère Nouvelle* tỏ thái độ:

"...Ở Đông Dương luôn luôn có một số người Pháp đến với thái độ kẻ đi chinh phục, họ tưởng mình là chủ nhà, xem dân bổn xứ như tôi tớ, nô lệ. Sự hợp tác đề huề chân thành giữa dân tộc đi chinh phục và dân tộc bị chinh phục làm sao thực hiện được, trong hoàn cảnh ấy. Trong xứ ta, nhan nhản nạn độc tài, nạn bất công, nạn cướp bóc trắng trợn. Người ta tìm cách hạ thấp dân trí để dễ thống trị. Người ta cưỡng đoạt tài sản của dân để đem bán, người ta không cho dân trong nước được xuất dương cứ cầm tù dân trong xứ, người ta chiếm đoạt tài nguyên trong nước để dễ bắt dân làm nô lệ.

Đồng bào ơi ! Nên chối bỏ những giấc mơ đẹp đẽ, viễn vông ấy để trở lại thực tế"(3).

---

(1) La Cloche Fêlé số 1 ngày 23-3-26

(2) Jeune Annam số 1 ngày 23-3-26

(3) Ère Nouvelle số 18 ngày 16-10-26

Ngoài những tờ báo chống đối viết bằng Pháp ngữ, nên kể vài tờ báo Việt ngữ, cũng theo đường lối chỉ trích chính sách đề huề, tờ Thần Chung, Tân Thế Kỷ, Pháp Việt Nhứt Gia, Kịch Trường, Kỳ Lân Báo... Ở Trung Kỳ ngoài tờ *Tiếng Dân*, không có báo chống đối thuyết đề huề. Ở Bắc Kỳ, vì áp lực quá nặng nề của thực dân Pháp làng báo đành đi theo đường lối đề huề của *Nam Phong Tạp Chí* do Phạm Quỳnh đề xướng.

Tóm lại, lý thuyết phờ phỉnh "Pháp Việt đề huề" đã một thời thắng thế, được nói lên hàng đầu khoảng 1918-1930 trên hầu hết các tờ báo lúc bấy giờ. Lý thuyết "đề huề" đã có lần xâm chiếm cụ thể làng báo có người nghĩ đến chuyện hợp tác giữa báo Pháp ngữ và báo Việt ngữ. Tuy nhiên, cũng có kẻ tán thành người chống đối. Đứng đầu việc chống đối là những tờ báo bênh vực cho quyền lợi thực dân ở Đông Dương, như tờ *Le Courrier d'Haiphong*. Báo này chứng minh rằng một tờ báo do người Pháp chủ trương mà chấp nhận có người bổn xứ tham gia, góp cổ phần, đứng trong ban quản trị thì tự căn bản là bất hợp lệ. Báo này nói rõ là quyền lợi của người Pháp đi bảo hộ và của dân bổn xứ không giống nhau, hoặc không thể xem là ngang hàng nhau được. Kẻ đi bảo hộ vẫn phải được hưởng quy chế của chủ nhân ông. Đồng hóa, hợp tác là điều mà ban giám đốc tờ báo thực dân này tích cực chống đối, giữa hai dân tộc da trắng và da vàng, họ muốn vạch một lằn ranh rõ rệt. Theo tờ *Le Courrier d'Haiphong*, thì người Pháp là dân chinh phục, là chủ, như chức vị của người Anh ở Ấn Độ và ở Ai Cập(1).

---

(1) Écho Annamite ngày 3-5-21

Báo này nói rõ thái độ:

"Dẹp bỏ những ấn bản (của tờ Le Courrier d'Haiphong) chữ Hán và chữ quốc ngữ là phải. Dân da vàng chưa hiểu báo chí là gì, một bài báo có tầm ảnh hưởng tới đâu. Người Trung Hoa về phương diện này vẫn chưa tiến hơn người Đông Dương. Báo chí Hoa ngữ còn kém, bài vở viết luộm thuộm, thiếu tin tức, nhưng có giá trị nhờ phần tranh luận các vấn đề chính trị, xã hội. Bởi vậy, khi lọt vào tay dân da vàng, báo chí trở thành thứ công cụ nguy hiểm cần phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên"(1).

Riêng tờ *L'Echo Annamite* thì đưa ra quan điểm của mình như sau:

"Nắm tay lại như quả đấm hoặc là đưa thẳng ra để bắt tay thân thiện, chính sách độc đoán cứng rắn hay là chính sách tự do khoan hồng, bóc lột hay là giáo dục dân dạ vàng; nên chọn lựa một trong hai thái độ. Từ lâu rồi nước Pháp đã chọn lựa và theo đường lối tốt, dễ dãi với dân bổn xứ giúp hai dân tộc tin cậy lẫn nhau, để hợp tác chặt chẽ hầu xây dựng, giúp dân bổn xứ vươn lên, theo đà tiến bộ"(2).

7.2.2. Báo chí và các phong trào Cộng sản

Phong trào cách mạng chống Pháp trở nên nóng bỏng, một xu hướng chính trị mới đang xuất hiện, xu hướng Cộng sản. Trước biến cố này, báo chí Việt Nam tỏ bày thái độ. Mặc dù tờ báo bí mật đầu tiên thuộc xu hướng Cộng sản ra đời vào năm 1925 nhưng trước năm ấy, báo chí Việt Nam đã đề cập tới vấn đề này.

Trước tiên là tờ *Nam Phong*, trong số ấn hành vào tháng 6-1924 cho đăng tải một bài dịch từ tờ báo *Revue Mondiale*, nội dung so sánh Lénine và Wilson.

"Hai phong trào chính trị bành trướng trên thế giới hiện nay là phong trào "tự do" của Wilson và phong trào Cộng sản của Lénine; rồi đây một trong hai sẽ thắng. Nếu phong trào của Wilson thắng thì văn minh phương Tây có cơ hội đứng vững, ngược lại, nếu phong trào của Lénine thắng thì ta không tiên đoán nổi thế giới sẽ đi về đâu. Nếu Âu Châu không biết theo đường lối của Wilson thì chủ nghĩa Cộng sản đáng sợ của Lénine sẽ xâm chiếm toàn thế giới"(1). Có phải chăng *Nam Phong* là một trong những cái loa chống Cộng đầu tiên ở Việt Nam?

Ở miền Bắc xứ Trung Kỳ, Nhà nước thực dân đã tấn công chủ nghĩa Cộng sản, ngay tại nơi có truyền thống cách mạng. Tòa Khâm sứ Huế cho ấn hành một loạt bài báo để phổ biến tại các tỉnh ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà tĩnh. Tờ *Hà Tĩnh Tân Văn, Hoan Châu tân báo, Bình phú tân văn...* Các tờ báo này đăng tải nhiều bài đả kích nặng nề những người Cộng sản.

Ở Nam Kỳ, tờ *La Tribune Indochinoise* của Bùi Quang Chiêu gọi người Cộng sản là *"những tân hiệp sĩ mang dấu hiệu búa liềm đang mở cuộc tảo thanh chống guồng máy cai trị của chúng ta"*(2). Tờ *Le Progrès Annamite* của bác sĩ Lê Quang Trinh lại hăng hái hơn

---

(1) Courrier d'Haiphong ngày 15-1-1920

(2) Echo Annamite ngày 3-5-1921

---

(1) Nam Phong số 84 tháng 6-1924

(2) Tribune Indochinoise ngày 9-5-24

nhân kỳ bầu cử nghị viên Nam Kỳ đã kêu gọi độc giả: *hãy dồn phiếu cho E. Outrey để chận đứng sự du nhập chủ nghĩa Cộng sản vào Đông Dương - hãy bỏ phiếu cho E. Outrey nếu các bạn không muốn thấy xứ Nam Kỳ rơi vào thảm họa cướp bóc, vô chính phủ và thảm họa Cộng sản(1).*

Trái với đường lối trên, trong số các báo dành ít nhiều tình cảm với phong trào Cộng sản, ta nên kể tờ *Thần Chung*. Dưới nhan đề "Vấn đề chủ nghĩa Cộng sản ở nước ta" báo này, than phiền các nhà tư bản ở trong nước, kể luôn bộ máy chính quyền đã bạc đãi tầng lớp nông dân. Trong khi ngọn lửa Cộng sản lan vào thì xứ này đã chứa chấp sẵn những nhánh củi khô để làm mồi cho lửa. Muốn cho người Cộng sản không xuất hiện được thì nên dẹp hẳn chính sách độc tài, độc đoán mà chính phủ đã áp dụng đối với thợ thuyền và nông dân (2) *Thần Chung* còn dành một loạt bài nói về Chủ nghĩa Mác.

Ngoài ra tờ *L'Ère Nouvelle* giúp độc giả hiểu thêm các vấn đề liên quan đến chủ nghĩa Cộng sản ở Nga, lý thuyết Cộng sản và trích dịch lại từ các báo ngoại quốc một số bài do Lénine, Jean Jaurès viết.

Hầu hết báo chí Việt ngữ trong giai đoạn này đã nói nhiều về các vấn đề Cộng sản và các phong trào chính trị có cảm tình với những người Cộng sản. Lẽ dĩ nhiên, loại báo đối lập này bị Nhà nước lên án là thân Nga, là Cộng sản và bị đàn áp kịch liệt.

Trong lúc ấy một biến cố lớn xảy ra tại Sài Gòn, được các báo nói tới nhiều, gọi là "vụ án Barbier", gây tiếng vang rất lớn trong dư luận báo chí Sài Gòn lúc bấy giờ.

Vụ án xảy ra vào tháng 2 năm 1929, theo các báo Sài Gòn cho biết:

"Các nhóm cách mạng nói trên là những chi nhánh của trung ương, đặt trụ sở tại Quảng Đông. Những đảng viên dự bị, trước khi trở thành đảng viên chính thức phải đến trường võ bị Hoàng Phố để được huấn luyện, theo chương trình và đường lối phỏng theo các đảng viên Cộng sản ở Nga. Các nhóm cách mạng nói trên cho ra sách báo bí mật, truyền đơn để phục vụ công tác tuyên truyền – đó là các tờ *Tác Động, Thanh Niên, Nông Công Binh*".

Những người dính líu trong vụ án này gồm có:

"Nguyễn Văn Thinh, người này cũng khai rằng mục đích của hội mà ông ta gia nhập là đánh đổ chủ nghĩa tư bản trong nước và chủ nghĩa đế quốc Pháp, đánh đuổi kẻ thống trị, binh vực kẻ yếu đuối. Từ bên Trung Hoa trở về nước, ông ta cho ra tờ báo bí mật Nông Công Binh, trong đó ông ta viết nhiều bài kêu gọi dân chúng nên nổi dậy chống Pháp.

Tôn Đức Thắng - trước kia là thợ máy của cơ xưởng hải quân Toulon, khi về nước, mang theo ý thức công đoàn và có ý muốn tổ chức một công đoàn ở Việt Nam. Đến Sài Gòn, được Ngô Thiếm mời gia nhập vào một hội đoàn Cộng sản, ông nhận lời ngay vì chủ nghĩa Cộng sản giống với lý thuyết công đoàn về đại cương. Ông ta bị bắt khi đi từ Quảng Đông về.

---

(1) Le Progrès Annamite ngày 9-5-24

(2) Thần Chung số 263 ngày 17-12-29

Phạm Văn Đồng, cho biết đã gia nhập Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội (xu hướng Cộng sản).

Trần Huy Liệu, ký giả, đã trình bày về mục đích của hội nhằm giành độc lập cho tổ quốc.

Nguyễn Duy Trinh, đảng viên của Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội v.v...

Đa số bị tòa tuyên án đều hô khẩu hiệu: Việt Nam độc lập muôn năm ! Đả đảo đế quốc Pháp !"

7.2.3. Toàn quyền Varenne và báo chí

Cần nói rõ thêm chính sách của Alexandre Varenne đối với báo chí và thái độ của báo chí đối với ông ta, một đảng viên Đảng Xã Hội Pháp.

a. Chính sách của Varenne về báo chí

Giống như Toàn quyền A. Sarraut, Varenne là người hiểu rõ vai trò quan trọng của báo chí, để kềm hãm các dân tộc Đông Dương về mặt chính trị. Bởi vậy, ngay khi vừa đến Sài Gòn, ông đã xuất ra một số tiền là 120.000 quan để trợ cấp cho những tờ báo nào ủng hộ chính sách của ông ta. Nhân cuộc viếng thăm ban Trị sự trung ương của Hội Bảo trợ Nhân quyền vào tháng 11 năm 1926, ông ta tuyên bố: *"Trong 100 tờ báo may ra ta gặp 2 hay 3 tờ có khuynh hướng độc lập không thích làm áp lực để tống tiền. Bởi vậy, khi nào báo chí kêu rao to tiếng, ta nên trám miệng họ bằng cách cho họ một ít tiền trợ cấp hoặc nhân nhượng cho vài nguồn lợi đặc biệt nào đó"*(1). Phải chăng ông nhấn mạnh vào tờ *Echo Annamite* của Nguyễn Phan Long, tờ *La Tribune Indochinoise* của Bùi Quang Chiêu, hoặc muốn ám chỉ tờ *Le Progrès Annamite*, tờ *Văn Minh* của bác sĩ Lê Quang Trinh? Tất cả các báo trên đây đều có nhận tiền của phủ Toàn quyền.

Ai ủng hộ thì được tiền, ai chống đối thì có thể chờ đợi một thái độ khá nghiêm khắc. Toàn quyền Varenne chú ý tới một vài bài báo có vẻ gay gắt của Devillars ông này được gọi tới, được thuyết phục và đề bạt trở về Pháp coi sóc tờ *La Montagne*, tờ báo chính trị do A. Varenne xuất vốn ra kinh doanh ấn hành tại Clermont-Ferrand.

Những sắc luật Plerrier-Varenne hồi tháng 7 năm 1927 không giết báo chí bổn xứ hoặc báo chí Pháp ngữ ở Đông Dương, nhưng những tờ báo Pháp và Việt ngữ chết vì bị hăm dọa và mua chuộc thì nhiều (1). Xin nêu ra vài bằng chứng:

- Tên tài phiệt Homberg xuất ra 4 triệu quan để mua tờ *Impartial* và ấn bản Việt ngữ của tờ này là *Trung Lập báo*, với mục đích ngăn chặn lập tức, không cho báo này công kích phủ Toàn quyền.

- Mua chuộc Devillars, đã nói trên.

- Bắt giam Clément, chủ nhiệm tờ *Argus* vào ngày 5-7

- Truy tố tờ *Annam* cơ quan tuyên truyền cho lý thuyết dân chủ.

Dạo ấy, những tờ báo và những tin tức phổ biến bên Pháp đều do A. Varenne giựt dây hoặc do bọn bất tài vô hạnh ở đường Oudinot (2) (Oudinot là nơi tọa lạc của Bộ Thuộc địa Pháp).

---

(1) Annam số ngày 2-2-1928

(1) Annam số ra ngày 2-2-1928

(2) Annam ngày 2-2-28 (Oudinot là trụ sở Bộ Thuộc địa Pháp)

Viên Toàn quyền thuộc Đảng Xã Hội này liên lạc mật thiết với O. Homberg, tên tài phiệt có uy thế nhứt nhì ở Đông Dương, người đã trợ cấp rộng rãi cho báo chí ở Sài Gòn. Có thể là nhờ Homberg mà A. Varenne được nguồn tài chính đáng kể để trợ cấp cho các báo ủng hộ đường lối của phủ Toàn quyền lúc bấy giờ.

b. Thái độ của báo chí đối với Varenne

Lẽ dĩ nhiên, những tờ báo "đi cửa hậu" như *L'Echo Annamite, Le Progrès Annamite. La Tribune Indochinoise* đều tán thành "đường lối sáng suốt của quan Toàn quyền", "*do đó địa vị của ông Varenne càng được củng cố, để lãnh chức vụ Toàn quyền Đông Dương, lần nhậm chức thứ nhì này, ông được mọi sự ủng hộ cần thiết. Phải chăng đó là điều may mắn cho dân Việt Nam ? Chúng tôi trả lời bằng "phải" và chúng tôi muốn ca ngợi đức tính công bình, vô tư nhưng cứng rắn của viên Toàn quyền này. Kỳ nhậm chức lần đầu chúng tôi thấy ngài là vị lãnh tụ thành thật, hết sức liêm khiết*" (1).

Các báo thuộc xu hướng tiến bộ thì cứ nhắm thẳng vào quan Toàn quyền giả nhân giả nghĩa này mà công kích. Tờ *Annam* nhắc tới A.Varenne với lời lẽ như sau: "*Vài tờ báo "ngậm thơ" đã cho rằng sau khi quan Toàn quyền Merlin thuộc xu hướng lạc hậu đã ra đi thì một đảng viên, "một chiến sĩ xã hội" tới thay thế. Nhưng hỡi ôi! Đảng viên Xã hội này không bao giờ đem lý thuyết xã hội ra để áp dụng ở Đông Dương và người chiến sĩ này không tranh đấu gì cho người bổn xứ*

---

(1) La Tribune Indochinoise số 54 ngày 13-12-1926

hết". Tờ *La Cloche Fêlée* tự hỏi: "*Theo dư luận báo chí ở Pháp quốc và báo chí ở Đông Dương thì viên Toàn Quyền thuộc Đảng Xã hội này đến cai trị với mục đích quan trọng duy nhứt là chống lại sự tuyên truyền của chủ nghĩa Cộng sản ở Viễn Đông và Đông Dương nói riêng*".

Và khi củng cố được ngôi vị. Varenne tỏ thái độ khá cứng rắn đối với báo chí, *La Cloche Fêlée* lại tấn công thẳng:

"*Varenne ra lịnh kiểm duyệt báo chí, theo ông thì kiểm duyệt hình thức "hướng dẫn hiền lành, dễ dãi*".

"*Ông Varenne ơi ! ông phạm vào một sai lầm quá lớn. Ông đã đem lại sự thất vọng, bấy lâu quần chúng tin rằng một đảng viên Xã hội như ông thì sẽ đem lại cho họ nhiều cải cách xã hội quan trọng.*

Ông Varenne chắc dư hiểu rằng những người Việt Nam làm báo Pháp ngữ đang chờ đợi ban bố quyền tự do báo chí để có thể viết bằng tiếng mẹ đẻ.

Một đảng viên Xã hội đúng đắn không thể nào phụ họa với một thiểu số người giàu sang, phó mặc số phận 20 triệu người đang đau khổ rên siết. Chủ nghĩa Xã Hội không phải là chủ nghĩa xu thời!" (1).

Để kết luận chúng ta có thể nói rằng Toàn quyền Varenne nâng đỡ kẻ nịnh bợ và trừng phạt kẻ chống đối, suốt thời gian ông ta cai trị, chính sách đối với báo chí vẫn là: "Khép miệng những tờ báo Việt ngữ". Ông ta ít khi nào cho phép ra báo mới và tìm cách bứng tận gốc những tờ báo *"không chịu đề cao những kết quả tốt đẹp của thực dân"*(1).

---

(1) La Cloche Fêlée số 20 ngày 26-11-1925

Con người "Xã hội thực dân" chỉ áp dụng ở Đông Dương một chính sách không khác mấy, so với các tên toàn quyền đi trước: chính sách thuộc địa!

Để kết luận chương này, xin nêu ra vài điểm đặc biệt của báo chí Việt Nam trong giai đoạn 1918-1930.

Đây là giai đoạn mà báo chí vươn lên, các loại báo ra nhiều hơn, so với các năm trước, lại phân chia nhựt báo, báo định kỳ, báo dành cho từng giới như báo phụ nữ, báo tôn giáo. Ngoài ra, nên ghi nhận báo bí mật và báo Pháp ngữ do người Việt Nam chủ trương, cả hai đã góp phần quan trọng vào đời sống chính trị nước nhà. Làng báo được đông đảo là nhờ những điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội khá thuận lợi trong những năm 1918-1930.

Vấn đề kỹ thuật và nghề nghiệp lúc bấy giờ đáng được chúng ta lưu ý: người làm báo gặp quá nhiều khó khăn; báo đến tay độc giả quá chậm; gởi theo đường bưu điện theo quy chế ấn phẩm, có dán tem, xe chở thơ mỗi ngày đến tỉnh một lần, rồi từ tỉnh đến chợ quận... Ký giả lúc bấy giờ khi viết bài phải đắn đo về thời gian tính, khi báo đến tay độc giả thì tình hình đã thay đổi, báo mới ra lại trở thành báo cũ, lạc hậu. Việc thâu tiền báo cũng khó khăn, người quản lý đành chờ đợi những độc giả mua báo dài hạn gửi bưu phiếu về. Tiền tài là huyết mạch của tờ báo, do đó, nhiều tờ báo trong giai đoạn này không thể ra

---

(1) L'Ère Nouvelle số 117 ngày 12-1927

đúng kỳ hoặc tự ý đình bản. *An Hà Báo* (ra mắt tại Cần Thơ) đăng tải những lời khiếu nại của độc giả, báo đến tay họ quá trễ, hai hoặc ba tuần vì mấy chủ trạm và hương chức làng thiếu thiện chí và thiếu phương tiện.(1)

Trên tờ *Appel*, ký giả A. Viviès viết:

"Chúng tôi cho rằng mỗi tờ báo đều có cao vọng là được độc giả chiếu cố. Tờ báo chỉ có giá trị và thu được tiền khi nó đến tay đông đảo độc giả, thuộc mọi giới và ở khắp nơi, độc giả càng nhiều, người đóng tiền mua dài hạn càng đông thì tờ báo càng được sung túc về mặt tài chính. Trong thực tế, nhiều độc giả ở tận thôn quê thiếu phương tiện giao thông; vì không nhận báo đúng kỳ hạn hoặc vì báo thất lạc nên họ ngưng việc mua báo dài hạn. Chúng tôi cho ra một ấn bản Việt ngữ - An Hà Báo, mỗi kỳ in 900 số, với nhiều độc giả trung thành nhưng họ cứ kêu nài vì nạn báo thất lạc, hoặc đến quá trễ.Chúng tôi dư biết các báo trong nước đều gặp tai nạn tương tự, nhiều nhất là các báo Việt ngữ. Các ông hương chức trong làng, các chủ trạm và hương chức lớn nhỏ đã chận lại để đọc chơi, lý do chắc chắn là như thế."(2)

---

(1) An Hà Báo, số 299 ngày 15-9-1921

(2) Appel ngày 29-12-1923

CHƯƠNG VI

BÁO CHÍ VIỆT NAM THỜI KỲ 1930-1945

I. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ

1.1. Giai đoạn 1930-1939

Trong thời kỳ này các đảng phái chính trị đua nhau nở rộ. Báo chí Việt Nam, vì thế, cũng dần dần thay đổi "bộ mặt lãng mạn" của thời kỳ trước để thay vào đó bằng một sắc thái mới.

Tân Việt Cách Mạng đảng được thành lập từ năm 1925, bắt đầu phân hóa. Đến năm 1930, những thành viên của Đảng này bắt đầu gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Việt Nam Quốc Dân Đảng do Nguyễn Thái Học thành lập năm 1927. Đến ngày 10-2-1930, những nhà lãnh đạo của Đảng này mở một cuộc tấn công vào quân đội thực dân trong khi chưa tổ chức chu đáo. Pháp trả đũa. Ngày 17-6, tại Yên Bái, hầu hết những nhà lãnh đạo của Đảng này đều bị bắt và bị xử tử.

Tháng 5-1933, Việt Nam Quốc Dân Đảng gần như ngưng hoạt động ở Việt Nam. Một số đảng viên còn sót lại tiếp tục hoạt động ở miền biên giới Vân Nam nhờ sự trợ giúp của Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Sau đó, lợi dụng lúc Pháp đang gặp khó khăn ở châu Âu, một số đảng viên của tổ chức này về nước tiếp tục hoạt động, nhất là trên lãnh vực báo chí. Một trong những thủ lĩnh của nhóm, Nguyễn Tường Tam, tức nhà văn Nhất Linh, cho ra đời hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay*, đồng thời ông và một số người trong nhóm lập ra một tổ chức văn học lấy tên là "Tự Lực Văn Đoàn", cổ võ cho một cuộc cải cách xã hội tại Việt Nam.

Trong khi Việt Nam Quốc Dân Đảng ngày càng bị sa sút và bị mất uy tín đối với quần chúng thì Đảng Cộng sản Việt Nam từ lúc ra đời vào năm 1930 đã xuất hiện trên vũ đài chính trị nước nhà như là một chính đảng lớn nhất, hoạt động tích cực nhất và được lòng dân nhất, đặt dưới sự lãnh đạo của một nhân vật sáng chói lúc bấy giờ: Nguyễn Ái Quốc. Đảng đã yêu cầu Pháp phải thừa nhận những quyền tự do dân chủ và phải ban hành một đạo luật lao động cho những công nhân Việt Nam. Ngay từ đầu, Đảng đã được sự ủng hộ nhiệt liệt và rộng rãi của quần chúng.

Chính tình hình chính trị sôi động trong thời gian này khiến cho làng báo Việt Nam dấn thân vào sự nghiệp giải phóng đất nước, quan trọng nhất là báo chí cách mạng với những tờ như: *Cờ Đỏ, Tạp Chí Cộng Sản, Tranh Đấu*... Cho đến năm 1936, khi Mặt Trận Bình Dân lên nắm chính quyền ở Pháp, thì những phong trào chính trị lại càng phát triển mạnh nhờ vào những cơ quan ngôn luận của mình.

Ở Bắc Kỳ, từ năm 1931, người ta thấy phong trào phục hưng Phật giáo với việc thành lập nhiều hội đoàn, tổ chức nghiên cứu Phật giáo, cũng có những tờ báo riêng như: *Từ Bi Âm, Đuốc Tuệ, Đuốc Chân Lý*, v.v... Ngoài ra, hội Truyền Bá Quốc Ngữ cũng được thành lập vào năm 1938 tại Hà Nội do Ngô Tất Tố khởi xướng để xóa nạn mù chữ của dân ta. Chính phong trào này đã tạo cơ hội thuận lợi cho giới trí thức Việt Nam đi vào quần chúng.

1.2. Trong thời gian Chiến tranh Thế giới thứ Hai (1939-1945)

Hai sự kiện lịch sử quan trọng xảy ra trong thời gian này: sự can thiệp của Nhật vào Đông Dương và cuộc Cách mạng tháng 8-1945.

Trong khi ở châu Âu, Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng thì vào ngày 9-3-1945, tại Sài Gòn, Đại sứ Nhật Matsumoto, đưa ra một tối hậu thư cho viên Toàn quyền Pháp ở Đông Dương, lúc ấy là Đô Đốc Decoux, yêu cầu quân đội Pháp sát nhập vào quân đội Nhật. Decoux bác bỏ yêu cầu này. Quân Nhật tấn công. Quân Pháp chống cự yếu ớt và cuối cùng Bộ Tham mưu Pháp đầu hàng: chế độ thuộc địa Pháp ở Đông Dương hoàn toàn bị sụp đổ.

Ba nước Đông Dương: Việt Nam, Lào, Campuchia tuyên bố độc lập trong phạm vi của "Đế quốc Thiên Hoàng".

Ngày 19-3, tại Huế, vua Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ mọi hiệp ước do Việt Nam ký kết với Pháp trước đây. Ngày 17-4, một nội các mới được thành lập do Trần Trọng Kim đứng đầu. Trong thời gian này, hầu hết các báo chí Việt Nam đều hăng hái tham gia vào một lĩnh vực mà từ trước được xem như là điều cấm kỵ: chính trị.

Chính phủ Trần Trọng Kim không tồn tại được lâu: Đảng Cộng sản Đông Dương không thừa nhận

chính phủ bù nhìn của Nhật. Thừa cơ hội thuận lợi: Đức bại trận ở châu Âu và quân Nhật đầu hàng vô điều kiện vào ngày 15-8-45. Ngày 17-8-45, Đảng đã kêu gọi một cuộc nổi dậy toàn quốc

Tại Hà Nội, quân đội Việt Minh bắt đầu chiếm đóng các trụ sở công cộng, và chuẩn bị cướp chính quyền. Tại Sài Gòn, Trần Văn Giàu cầm đầu Ủy ban Hành chánh Kháng chiến Nam bộ, yêu cầu Pháp trao trả chính quyền lại cho Việt Nam. Tại Huế, vua Bảo Đại thoái vị và chấp nhận làm cố vấn cho chính phủ mới do chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập vào ngày 2-9-1945: chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Báo chí Việt Nam từ nay được tự do nói đến vấn đề chính trị và tự do đến với quần chúng và tạo nên một khúc quanh mới cho xã hội Việt Nam, đồng thời cũng nhận lãnh trách nhiệm của mình trước quần chúng và lịch sử.

II. SỰ TIẾN TRIỂN CỦA BÁO CHÍ TRONG THỜI KỲ 1930-1945

Sự phát triển của báo chí trong thời kỳ này đã gặt hái được những kết quả tốt đẹp. Với sự phát triển của ngôn ngữ và tư tưởng, văn phong của báo chí ngày càng hoàn chỉnh. Ngôn ngữ Việt Nam ngày càng phong phú trên lãnh vực triết học cũng như khoa học nhờ vào cơ sở văn hóa Trung Hoa và Pháp. Mặt khác, sự thống nhất ngôn ngữ giữa 3 miền Bắc-Trung-Nam được thiết lập nhờ vào sự lưu hành báo chí giữa 3 miền này với nhau. Ngôn ngữ mỗi địa phương cùng hòa đồng vào di sản văn hóa dân tộc.

Trong thời kỳ này báo chí miền Bắc phát triển mạnh mẽ, rất phong phú và đa dạng, lấn át cả báo chí hai miền Trung và Nam.

2.1. *Ở Bắc Kỳ*

2.1.1. Báo trào phúng

◆ *CƯỜI*

Sau khi du học ở Pháp về nước, Nguyễn Tường Tam, năm 1930, đã xin phép chính phủ Pháp cho phát hành tờ tuần báo *Cười*. Ngay từ khi ra đời, *Cười* đã gặp phải những khó khăn về tài chính, nên không thể mang tiếng *Cười* đến cho độc giả được. Sau đó Nguyễn Tường Tam đành phải nhượng nó lại cho Nguyễn Đình Thâu giám đốc một tờ báo trào phúng khác, tờ *Duy Tân*. Ban biên tập gồm: Lãng Nhân, Trần Khánh Giư tức nhà văn Khái Hưng.

◆ *LOA*

Tạp chí *Loa* ra đời ngày 8-2-193$\overset{4}{2}$, phát hành vào ngày thứ Năm mỗi tuần. Đây là một tờ báo trào phúng với nhiều tranh biếm họa rất đặc sắc, được đặt dưới sự điều khiển của Bùi Xuân Học, nhưng linh hồn của tờ báo chính là họa sĩ Côn Sinh Đỗ Mộng Ngọc. Về phương diện văn học, *Loa* không thể vượt nổi hai tờ báo đàn anh *Phong Hóa* và *Ngày Nay*; tuy nhiên, *Loa* lại thành công trong việc đã chinh phục được nhiều độc giả từ Bắc vào Nam.

Nhưng sau những bài cười cợt với chính phủ thuộc địa, nhà cầm quyền buộc phải bịt miệng *Loa*: *Loa* số 103 ra vào ngày 2-1-1936 là số cuối cùng. Về phương diện hình thức, cách trình bày trang báo rất sáng sủa

Đến hai 10/2/36.

LOA
TUẦN BÁO
RA NGÀY THỨ NĂM
Chơi xuân

Bìa số 1, *tạp chí LOA* ra ngày 8-2-1932 và rất đẹp, nhất là sự xuất hiện những hình ảnh màu. Ban biên tập gồm Nguyễn Lan Khai, Trương Đoàn Thi, Ngọc Giao...

◇ VỊT ĐỰC VÀ CON ONG

Có điều lạ là hầu hết những tờ báo trào phúng đều có chung số mệnh: *Loa* bị cấm phát hành, sau đó đến phiên *Vịt Đực* ra đời ngày 24-1 năm 1938 của nhóm Tam Lang, Vũ Bằng, Thượng Sĩ, Thiết Lan... sống không quá một năm. Số cuối cùng của tờ báo này ra tháng 7-1939.

Đề cập đến tờ *Vịt Đực*, ông Vũ Bằng viết:

"Phải nói ngay rằng tờ báo ấy ra đời là bắt chước theo kiểu Le Canard Enchainé, nhưng tờ Le Canard Enchainé của nhóm Pierre Bénard, René thiên về chính trị thì tờ Vịt Đực chỉ thiên về đả kích phong tục xấu xa trong xã hội... Bây giờ nếu còn có người nào nhớ đến tờ báo trào phúng có vẽ hai cái đầu vịt ở trên "măng xét", tất còn nhớ rằng báo ấy đã có một thời gây xáo động trong công luận và bực dọc cho các nhà cầm quyền Pháp với những bài châm chích Bảo Đại đi chim vợ người bị bắn gãy chân. "Thánh túc vi hòa, vạn tức thánh túc", những bài thơ về "Trên trời có ông sao tua, ở dưới hạ giới có ông vua thụt hầm" (vì Bảo Đại bị gãy chân lại nói rằng đi săn bị thụt hầm). Báo này chửi tuốt, bất kể vua quan, bất kể nghị sĩ nào, học giả nào thân Pháp, bợ đỡ Pháp. Cố nhiên là không thể nào tránh được sự sai lầm đáng tiếc, nhưng tựu trung thì cứ phải coi Vịt Đực như là một quả bom trong làng báo Bắc và cả làng báo Nam"(1).

---

(1) Vũ Bằng, Báo Chí tập san, năm 1968, tr.13.

Trong khi *Vịt Đực* đang hấp hối. Tam Lang và Thượng Sĩ cho ra mắt độc giả tờ *Con Ong* (1939-1940) sẵn sàng chĩa mũi về phía chính quyền thuộc địa. Tờ tuần báo "Văn học, xã hội và trào phúng" này chỉ ra mắt với độc giả của mình được 34 số, đến tháng 1-1940, *Con Ong* cũng bay mất, giống như các đồng nghiệp của mình trước đây.

2.1.2. Báo phụ nữ

◇ PHỤ NỮ THỜI ĐÀM

Tờ *Phụ Nữ Thời Đàm*, ra đời tại Hà Nội ngày 8-12-1930. Tờ này ra hàng ngày, do cô Nguyễn Thị Xuyên (bút hiệu Xuyên Đắc Bằng), hoa khôi đất Hà thành lúc bấy giờ, với sự hợp tác của mẹ là bà Nguyễn Văn Đa và Ngô Thúc Địch làm chủ nhiệm, về sau Phan Khôi hợp tác với tờ này. Thoạt tiên, báo bán khá mạnh, trong số 1 ra ngày 8-12-1930, tờ báo nêu mục đích: Trong mọi địa hạt, cần nâng cao đời sống của phụ nữ và nâng đỡ họ, trên cán cân xã hội, người đàn ông và đàn bà đứng ngang nhau sẽ đem lại thế quân bình căn bản cho loài người.

Để chứng minh phụ nữ không kém gì nam giới, tờ báo đăng tải một bài đề cao công chúa Như Mai, con gái phế đế Hàm Nghi đang bị thực dân Pháp lưu đày tại Algérie, cô công chúa này từng học tại Pháp và đậu bằng kỹ sư canh nông. Người viết bài kết luận: *"Chúng tôi hy vọng rằng phụ nữ Việt Nam sẽ noi gương công chúa để tiến bước trên nền khoa học"*.

◇ ĐÀN BÀ

Cũng cần lưu ý một ngòi bút nữ khác nổi bật lúc bấy giờ là Thụy An, cùng với chồng là nhà báo chuyên nghiệp Băng Dương, sau khi thất bại ở trong Nam với tờ tuần báo *Đàn bà mới* (1-12-38), hai vợ chồng nhà báo này ra Bắc thành lập tờ *Đàn bà* vào năm 1939. Lần này, hai người được sự giúp sức của những nhà thơ nổi tiếng của đất Hà Thành lúc ấy như Vân Đài, Hằng Phương, Ngân Giang, Anh Thơ...

THỤY AN
(Lưu Thị Yến)

⟡ *PHỤ NỮ*

Tạp chí ra mắt ngày 16-2-1938 tại Hà Nội, quản lý kiêm chủ nhiệm Nguyễn Thị Thảo. Đình bản tháng 4-1939.

⟡ *PHỤ NỮ THỜI ĐÀM*

Tuần báo số 1 ra mắt ngày 25-8-1938. Quản lý kiêm chủ nhiệm là Thái Văn Tâm. Đình bản sau số đặc biệt vào tháng 12-1938.

⟡ *BẠN GÁI*

Tạp chí do nhà in Mai Lĩnh phát hành. Năm thứ nhất, tháng 1-1941.

⟡ *VIỆT NỮ*

Cơ quan của phụ nữ Việt Nam. Tuần báo, ra mắt ngày thứ tư tại Hà Nội. Quản lý Trịnh Thị Thục. Số 1 ra ngày 7-4-1937. Đình bản tháng 12-1937.

2.1.3. Báo thiếu nhi

⟡ *CẬU ẤM*

Nhiều tạp chí khác ra đời ở Bắc Việt Nam nhấ là báo thiếu nhi, loại báo rất hiếm thấy ở Nam vi Trung. Tờ báo đầu tiên là tờ *Cậu Ấm* ra ngày 20-2-193 do nhà báo Thái Phỉ Nguyễn Đức Phong sáng lập cùn với sự cộng tác của một nhóm hướng đạo sinh. Bá có hình thức trình bày đẹp, in màu và được rất nhiề độc giả thiếu nhi ủng hộ nhiệt liệt. Ban biên tập đ đưa ra phương pháp sư phạm mới để giáo dục thiế nhi qua những chuyện kể bằng hình vẽ rất đẹp và rấ sống động.

⟡ *HỌC SINH*

Tiếp theo là tờ *Học Sinh*, phát hành năm 193 của Mai Lĩnh, do nhà giáo Phạm Cao Củng điều khiển

⟡ *THANH NGHỊ TRẺ EM*

Cuối cùng là tạp chí *Thanh Nghị Trẻ Em* ra mắ ngày 5-6-1941 đặt dưới sự điều khiển của hai ông Phạn Lợi và Ngô Bích San.

2.1.4. Báo văn học

⟡ *TÂN THANH TẠP CHÍ*

Ra ngày 12-2-1931, phát hành mỗi tuần vào ngà thứ năm. Chủ bút Nguyễn Trọng Thuật đề ra mụ tiêu của tờ báo là "Văn học, khoa học và văn nghệ" gồm khoảng 50 trang. Trong số đầu, ban biên tập giớ thiệu với độc giả mục tiêu của tờ báo là nhằm "*cải t lại nền văn học nước nhà; truyền bá những tư tưởn mới của phương Tây, phát triển khoa học thực nghiệm*

nghiên cứu nền văn học cổ điển... nhằm cứu văn đất nước, nâng cao tinh thần của người dân Việt Nam".

Ngay từ số đầu ban biên tập đã đạt được sự thành công tốt đẹp với con số phát hành là 4.000 số, con số khá quan trọng lúc ấy. Báo gồm nhiều bài vở có giá trị về văn học cổ điển và hiện đại, cùng với một số bài đề cập đến vấn đề khoa học thực nghiệm và những tiểu thuyết đăng từng kỳ rất hấp dẫn độc giả.

⬦ *VĂN HỌC TẠP CHÍ*

Của Dương Tụ Quân và Dương Bá Trạc. Đây là tờ nguyệt san, lần đầu tiên ra mắt độc giả vào tháng 5-1932, gồm toàn những bài đề cập đến vấn đề văn học. Thỉnh thoảng người ta còn thấy một vài bài học tiếng Anh và tiếng Quảng Đông. Trong khi đó tờ *Văn học* của Lê Tràng Kiều ra đời vào năm 1935 chỉ chuyên về nền văn học hiện đại.

⬦ *TÂN THIẾU NIÊN*

Năm 1934, một tờ báo khác, chuyên về vấn đề văn học. Đó là tờ *Tân Thiếu Niên* của Lê Tràng Kiều, một nhà báo chuyên nghiệp với sự hợp tác của một số bạn thân của ông như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Nhược Pháp, Huy Thông... Đa số những độc giả trung thành của tờ báo này là sinh viên và học sinh.

⬦ *HÀ NỘI BÁO*

Ra ngày 1-1-1936 của Lê Cường (chủ bút:Lê Tràng Kiều). *Hà Nội Báo* đăng tiểu thuyết *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng cũng gây tiếng vang rất lớn trong nước thời ấy.

⬦ *TINH HOA*

Ra ngày 13-3-1937 của hai ông Đoàn Phú Tứ và Vũ Đình Liên, chỉ ra được có 13 số, nhưng cũng gây được tiếng vang trong giới văn học đương thời.

⬦ *HÀ NỘI TÂN VĂN*

Của Vũ Ngọc Phan phát hành số đầu tiên ngày 2-1-1940

⬦ *TRUNG BẮC CHỦ NHẬT*

Đây là tờ báo "bình dân" nhất, được độc giả ba miền ủng hộ. Tờ *Trung Bắc Chủ Nhật* (3-3-1940) của Nguyễn Doãn Vượng được sự trợ giúp của hai nhà báo chuyên nghiệp Vũ Bằng và Đào Trinh Nhất. Ngoài ra còn có Vân Hạc Lê Văn Hòe, Sở Bảo Doãn Kế Thiện, Tam Hữu Mai Đăng Đệ, lãnh phần Nho học. Phần Pháp văn có Hồ Khắc Tráng, Hồ Khắc Quảng, Nguyễn Dân Giám... Nội dung tờ báo có nhiều tin tức, tranh ảnh thời sự, những bài nghiên cứu công phu và những bài viết liên quan đến một chủ đề do tờ báo chọn lọc. Điểm đặc biệt nữa là tờ báo này biết dung hòa nền văn hóa Đông và Tây bằng cách giới thiệu các tư tưởng mới của Tây phương song song với các bài giới thiệu những nét đặc điểm của nền văn minh Trung Quốc.

Ngoài ra, trong thời gian này còn có những báo xuất bản ở Bắc Kỳ như:

⬦ *ĐỜI MỚI* do Lê Văn Hòe làm chủ nhiệm, Nguyễn Mạnh Chất làm quản lý, xuất bản ở Hà Nội, số 1 ra ngày 24-3-1935.

⬦ *HỒN TRẺ* do Nguyễn Mạnh Đang làm chủ nhiệm xuất bản ở Hà Nội, số 1 ra ngày 15-4-1935. Tập mới số 1 ra ngày 6-6-1936.

- *KIẾN VĂN* do Nghiêm Thượng Văn làm chủ nhiệm, số 1 ra ngày 29-12-1935.

- *TIẾNG VANG* do Cao Văn Sơn làm chủ nhiệm, Nguyễn Mạnh Chất làm quản lý, xuất bản ở Hà Nội, số 1 ra ngày 20-6-1936.

- *TIN MỚI* của bác sĩ Nguyễn Văn Luyện là tờ báo đầu tiên sử dụng hệ thống in Rotative Duplеix mỗi giờ chạy được 50.000 số báo.

- *NAM CƯỜNG (1936)*

- *TIN TỨC (1938)*

- *CẤP TIẾN (1938)...*

2.1.5. Những tờ báo chuyên biệt

a. Phật giáo

Đuốc Tuệ số 1 ra ngày 10-12-1935 của hội Phật giáo Bắc Kỳ của viên quan hưu hàm Tổng đốc Nguyễn Năng Quốc đứng ra xin phép, nằm trong khuôn khổ của phong trào chấn hưng Phật giáo và được hỗ trợ của chính quyền thực dân. Tờ báo này chuyên quảng bá những giáo lý Phật giáo.

Ngoài ra còn có *Đuốc Chân Lý* (1935), *Viên Âm* (1933), *Niết Bàn Tạp Chí* (1933)... Các tờ này chỉ đề cập đến giáo lý Phật giáo.

b. Thiên Chúa Giáo

Có tờ *Thánh Kinh Báo* (1931), *Hy Vọng* (1937)... nhằm tuyên truyền kinh thánh, những hiểu biết về Chúa Giê Su, Thánh Mẫu Đồng Trinh...

c. Lãnh vực thuần túy khoa học

Gồm các tờ *Khoa học* (1931), *Y Học Tạp Chí* và *Bảo An Y Báo* (1934). Những tạp chí này dùng để truyền bá những kiến thức cơ bản về khoa học, nhất là về y học.

d. Lãnh vực nông nghiệp

Chúng ta phải kể đến những tờ như *Vệ Nông Báo* (1930) chuyên đăng những bài nghiên cứu về những vấn đề nông nghiệp và chăn nuôi..., tờ *Nông-Công-Thương* (1936) chuyên trách về những vấn đề canh nông, thương mại và thủ công nghiệp, tờ *Thần Nông...*

e. Lãnh vực thể thao

Có tờ *Bắc Kỳ Thể Thao...*

g. Lãnh vực pháp lý

Có tờ báo *Pháp Luật Cố Vấn* (1938) chuyên viết về những bài có liên quan đến pháp luật như vấn đề thừa kế, hôn nhân, tranh chấp về nhà đất...

Ngoài ra còn kể thêm tờ *Bắc Kỳ Bảo Hộ Công Báo* (1931) đăng những quyết định, tài liệu của chính phủ

2.1.6. Các nhóm báo chí

Đây là nét đặc thù của báo chí Bắc kỳ trong gia đoạn 1930-1945.

2.1.6.2. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn với hai tờ Phong Hóa, Ngày Nay

Người sáng lập: Nguyễn Tường Tam và Tự Lực Văn Đoàn.

Nói đến Tự Lực Văn Đoàn, người ta không thể không nói đến Nguyễn Tường Tam, người đã sáng lập ra nó. Ông ra đời vào đúng năm Đông Kinh Nghĩa Thục xuất hiện để thúc giục quốc dân bước vào con đường duy tân. Năm 11 tuổi, ông học trường tiểu học ở Cẩm Giàng, Hải Dương. Năm 1920, thi vào trường Bưởi, sau 3 năm trung học đã đậu bằng Thành Chung; ông là một độc giả khâm phục Nam Phong, một tín đồ của văn chương Nguyễn Du.

NHẤT LINH
Nguyễn Tường Tam

Tháng 11 năm 1925, ông xin thôi công sở, vào học trường Cao Đẳng Y Khoa, có lẽ muốn tìm một nghề nghiệp có địa vị hơn. Song cuối năm đó, nhà nước bảo hộ mở trường Mỹ Thuật, Nguyễn Tường Tam có lẽ vì tiếng gọi quyến rũ của nàng mỹ thuật, bỏ trường thuốc, thi vào trường mỹ thuật, đỗ đầu, và được họa sư người Pháp là Victor Tardieu hết sức dìu dắt. Cho đến năm 1927, ông xin đi Tây du học. Qua Pháp học ở Paris, theo ban Khoa học, trong vòng 24 tháng, đậu cử nhân lý hóa. Đồng thời, với việc học ở trường, ông để ý học hỏi đời sống xã hội Pháp, những nét mới của văn chương nghệ thuật, nhất là vai trò tiền phong của báo chí.

Năm 1930, Nguyễn Tường Tam, 24 tuổi trở về nước, nhảy vào lĩnh vực báo chí và văn chương. Đầu tiên ông ra tờ báo *Cười* nhưng thất bại.

Năm 1932, tờ *Phong Hóa* của các đồng nghiệp cùng dạy học ra đời, do Nguyễn Hữu Ninh, người sáng lập trường Thăng Long làm quản lý, Trần Khánh Giư, giáo sư Thăng Long làm chủ bút. Trần Khánh Giư đỗ tú tài Pháp, kiêm thông Nho học, có ngòi bút hoạt bát, tuy tư tưởng còn nhiều phần khuynh cổ. Phạm Hữu Ninh là người hiền lành, có tâm với *Phong Hóa*, với quốc văn, nhưng kinh nghiệm làm báo lại không có.

Phong Hóa mới ra được nhiều người chú ý, nhưng thất bại vì không đáp ứng được khẩu vị của độc giả đương thời. Nguyễn Tường Tam thấy một cơ hội tốt để làm một thí nghiệm. Trước hết ông soát lại những cộng sự với mình. Muốn đem lại cho độc giả một món ăn mới là cái cười thì có Hồ Trọng Hiếu. Ngoài ra, còn có Trần Khánh Giư (tức Khái Hưng), Thế Lữ, cùng mấy anh em Nguyễn Tường Bách, Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Long, Nguyễn Tường Lân...ông liền điều đình với Phạm Hữu Ninh và Nguyễn Xuân Mai (người chính thức có giấy phép) để đứng ra làm lại tờ báo.

Ngày 22 tháng 9 năm 1932, *Phong Hóa* số 14 đổi mới ra mắt độc giả và lần đầu, những tên tuổi chẳng mấy lúc trở thành danh giá ra đời: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ...

Kiểu hành văn mới này đã trúng khẩu vị độc giả. Trong vài tháng, số in lên vùn vụt từ 3.000 đến 10.000 số. Tháng 3 năm 1933, sau khi số báo Xuân ra đời được độc giả hết sức hoan nghinh, Nguyễn Tường Tam thấy nhóm họ đã thành công, mới tính chuyện hoạt động lâu dài, cùng anh em cộng tác thành lập một nhóm lấy tên Tự Lực Văn Đoàn.

Tự lực có nghĩa là tự sức mình gây lấy một cơ sở chứ không cậy nhờ bàn tay chính phủ hoặc một thế lực tài chính nào, do đó có tư cách độc lập, không tuân theo một chỉ thị nào, ngoài đường lối họ tự vạch ra.

Trong số báo *Phong Hóa* số 87 ra ngày 2-3-1933, văn đoàn ra mắt độc giả với một bản tuyên ngôn ngắn của nhóm nhà văn nhà báo của Tự Lực Văn Đoàn là: họ muốn đưa cuộc đời thực tế vào văn học và không bận tâm đến những giáo điều luân lý của Nho gia. Có thể nói, họ đã chủ trương làm "văn nghệ thuần túy" tách rời người nghệ sĩ ra khỏi nhà đạo đức, cho người đó cái quyền chỉ biết đến nghệ thuật của mình thôi. Đó là điều mà sau này họ bị các học giả tiến bộ của nhóm Hàn Thuyên chỉ trích mạnh mẽ.

Nguyễn Tường Tam qua đời tại Sài Gòn vào ngày 7-7-1963.

Hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay*.

⬥ TỜ PHONG HÓA

Chính qua tuần báo *Phong Hóa* đổi mới mà nhóm Tự Lực Văn Đoàn ra mắt quốc dân. Tờ báo ra đời như một trái bom nổ, mang lại cho xã hội Việt Nam khi đó một món quà người ta chưa hề được thưởng thức: cái cười. Xã hội ta xưa vốn đã có những câu thơ trào phúng, những câu chuyện tiếu lâm. Song ở đây, cái cười không vụn vặt như trước mà hiện ra như một chuyên môn, do những người chuyên bóp óc nghĩ cách cù cho người ta cười. Nhất là không phải chỉ cười bằng câu chuyện kể mà còn bằng những bức tranh khôi hài, những chân dung hí họa. Báo trào phúng Việt Nam đến đây mới có những người chủ trương đã khéo

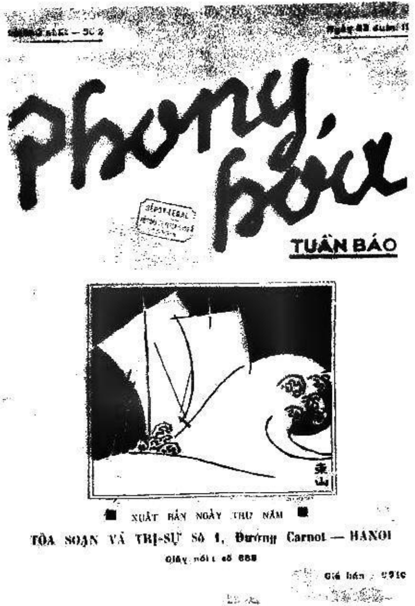

Bìa tờ *PHONG HÓA*, số 2, ra ngày 23-6-1932 học hỏi báo Pháp thời đó (các tờ *Rire, Canard Enchainé, Gringoire, Marianne*) và họ cũng có biệt tài về khoa đó nữa. Cái cười đã giúp cho họ chinh phục độc giả, nhất là giúp họ thực hiện đả phá những tục lệ cổ, đả đảo nhân vật thời danh, khoác cho mỗi người một nét vẽ hài hước, một biệt hiệu châm biếm...

Người đọc mua cười lấy làm vui, nhưng người bị cười tất nhiên không vui chút nào, nhất là khi người đó có quyền thế, cho nên *Phong Hóa* sau khi đã chĩa mũi vào đủ các nhân vật tai to mặt lớn bấy giờ (trong cái xã hội bản xứ mà thôi), đụng tới Hoàng Trọng Phu trong loạt bài hoạt kê "Đi xem mũ cánh chuồn" thì thấy sấm sét liền. Báo bị đóng cửa ba tháng (6,7,8 năm 1935). Sau đó, ra tiếp được hơn một năm và đến đầu năm 1936 thì bị đóng cửa vĩnh viễn.

◆ TỜ NGÀY NAY

Từ khi còn tờ *Phong Hóa*, *Ngày Nay* đã ra đời rồi. Ra *Phong Hóa* được hai năm, nhóm Tự Lực Văn Đoàn nhận thấy đã được nổi tiếng, gây được nhiều ảnh hưởng bằng trào phúng và tiểu thuyết, bèn quyết định mở thêm một mặt trận nữa để chinh phục độc giả. Tờ báo thứ hai của nhóm, tờ *Ngày Nay* ra đời, *"Vẫn theo đuổi một tôn chỉ coi đời bằng một con mắt vui vẻ và phấn đấu song theo một phương pháp khác với phương pháp trào phúng, chúng tôi sẽ đưa các bạn đi từ rừng đến bể, từ thành thị đến thôn quê, xem các trạng thái hiện có trong xã hội. Chúng tôi sẽ đi nhận xét lấy sự thật, nói lại để các bạn hay và sẽ chụp nhiều ảnh in xen vào bài để các bài này được rõ rệt hơn. Như thế các bạn chỉ đọc qua cũng như đi đến nơi"*. Tờ *Ngày Nay* loại hẳn mục trào phúng và chuyên

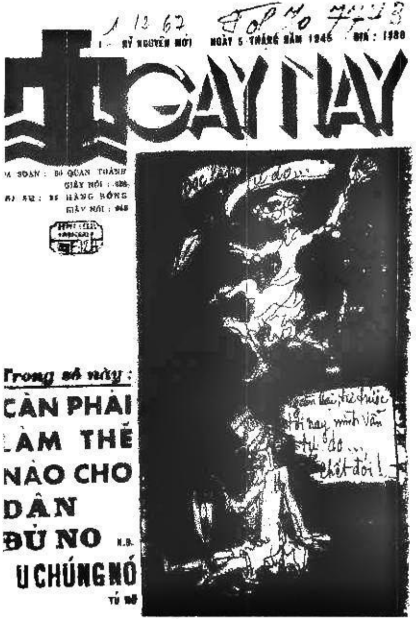

NGAY NAY

Trong số này :

CẦN PHẢI
ÀM THẾ
NÀO CHO
DÂN
ĐỦ NO

U CHÚNG NÓ

Bìa số 1, tờ *NGÀY NAY* ra ngày 5-5-1945 về phóng sự điều tra (thí dụ phóng sự ngày Tết, điều tra về nạn trộm cướp ở thôn quê, về bí mật đời sống sư vãi) với rất nhiều hình ảnh chụp có tính cách mỹ thuật, tựa như những tạp chí ngoại quốc *Paris Match, News Magazine, Life* bây giờ. Đây cũng là tất cả một sự mới lạ đối với độc giả Việt Nam khi đó, cho nên cũng rất được hoan nghênh. Nhưng ấn loát tốn kém quá, lại vì phải lo cả hai tờ cùng lúc nên chia sức ra, *Phong Hóa* vì vậy mà sa sút giá trị, họ đành phải đình bản *Ngày Nay* sau khi ra được 13 số và dành cả sức vào tiếp tục *Phong Hóa*.

Đến đầu năm 1936, *Phong Hóa* bị thu giấy phép, *Ngày Nay* mới được xuất bản lại. Tục bản, *Ngày Nay* muốn cắt đứt mục trào phúng là cái đã làm cho *Phong Hóa* chết, nên chỉ gồm có hai phần "tiểu thuyết và trông tìm". Nhưng đến cuối năm 1936, thời cuộc chính trị sôi nổi, vì phong trào lập kiến nghị để chờ đón Ủy ban Điều tra của chính phủ Bình Dân Pháp phái sang, Tự Lực bèn lại cho tái sinh phần trào phúng nhưng giảm bớt so với *Phong Hóa*, gọi là "cười nửa miệng" thôi, tờ *Ngày Nay* trong những năm 37, 38, 39 thường là nơi diễn đàn thời sự cho cây bút sắc sảo của Hoàng Đạo đưa ra những vấn đề chính trị và xã hội đòi chính quyền thực dân giải quyết như vấn đề tự do của nghiệp đoàn, của báo chí, vấn đề đời sống dân quê...

Nhóm Tự Lực sang giai đoạn *Ngày Nay*, mở rộng cửa ra, tuy không phải là rộng lắm, để đón nhận thêm nhiều văn thi gia có giá trị khác như Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, Thanh Tịnh, Xuân Diệu, Huy Cận.

Số cuối cùng của tờ *Ngày Nay* ra mắt độc gi vào ngày 2-9-1940.

Tuy nhiên, sau cuộc đảo chính Nhật ở Đông Dương tờ *Ngày Nay* lại tục bản vào ngày 15-5-1945, nhưng lần này điều khiển tờ báo lại là một người em củ Nguyễn Tường Tam. Từ đây *Ngày Nay* mạnh dạn dấn thân vào lãnh vực chính trị: "*Đế quốc Pháp đã sụp đổ, Ngày Nay sống lại... Ngày Nay thay đổi chiến thuộ lợi dụng thời cơ... nhưng vẫn trung thành với lý tưởn ban đầu của mình.*" Nhưng đến ngày 18-8-1945 vai tr của *Ngày Nay* đành phải chấm dứt vì lịch sử đã san trang: Cách mạng tháng Tám thành công và chính ph Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Ban biên tập của *Ngày Nay* gồm Nguyễn Tườn Tam, Nguyễn Tường Bách, Khái Hưng, Tú Mỡ, Hoàn Đạo, Nguyễn Xuân Miễn, v.v...

Trong lịch sử báo chí Việt Nam từ sau *Nam Phon Tạp Chí* chưa có một nhóm nhà văn-nhà báo nào tạ được một ảnh hưởng lớn trong xã hội và trong vă học như nhóm "Tự Lực Văn Đoàn" với hai tờ *Phon Hóa* và *Ngày Nay* như là hai cơ quan chính thức củ nhóm, với những cây bút sáng chói vào thời đó nh Nguyễn Tường Long tức nhà văn Hoàng Đạo, Trầ Khánh Giư tức nhà văn Khái Hưng, Hồ Trọng Hiếu t Tú Mỡ, Nguyễn Thứ Lễ tự Thế Lữ cùng với sự cộn tác của Nguyễn Gia Trí rất nổi tiếng về những tran châm biếm: Trần Tiêu, Bùi Hiển, Nguyễn Cát Tường Tô Ngọc Vân, Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, v.v...

Đặc điểm của hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay* là trong giai đoạn đầu đặt nặng nền văn học, giai đọan sau tấn công vào lãnh vực chính trị.

Kết luận về Tự Lực Văn Đoàn với 2 tờ Phong Hóa và Ngày Nay

- Về tư tưởng, chủ trương duy tân và cấp tiến của họ đưa ra tác động như một cơn lốc thổi vào cái xã hội trì trệ nước ta trước 1932. Nhất là với cái cười "*Phong Hóa*", không có gì họ nhằm đả phá mà đứng vững được. Cụ Nguyễn Văn Tố phải cắt búi tó; Tản Đà hết ngông hết mộng, đóng cửa *An Nam Tạp Chí*; Hoàng Tăng Bí rút ra khỏi *Trung Bắc Tân Văn;* Nguyễn Văn Vĩnh đình lại *Niên Lịch Thông Thư*. Tờ *Nam Phong*, thành trì của văn hóa cũ, sau những cố gắng liên tiếp phục hưng, nhưng không chịu nổi những "nhát dao cạo" của *Phong Hóa*, đành để sụp đổ. Những hí họa Lý Tóet, Xã Xệ lưu hành Bắc Trung Nam chỉ cho người ta thế nào là *"nhà quê"* là *hủ lậu*, thế nào là *văn minh*, là *tân tiến*. và thúc đẩy người dân trung lưu nhất là ở thành thị trút bỏ những tập tục cũ, đi vào con đường Âu hóa từ vật chất đến tinh thần.

- Về văn học, đứng trên lập trường văn học sử, không ai có thể chối cãi vai trò xây dựng, những tiến bộ quan trọng mà họ đã thực hiện cho nền văn học quốc ngữ sau 1932:

1. Trước hết ngay ở địa hạt báo chí họ đã làm cho báo chí nước nhà tiến bộ nhiều, từ bài vở cho đến kỹ thuật. Đồng thời, đưa người làm báo *"từ cảnh lẻ loi của mấy ông đồ ngồi yên cao vọng dạy đời đến con đường đi vào quần chúng, săn sóc dư luận, đặt*

ra và giải quyết những vấn đề liên quan đến số đông, tìm cách bênh vực những kẻ cô yếu, bài bác những bất công, tranh đấu cho sự cải cách xã hội"...

2. Nhất là ở địa hạt sáng tác, sự đóng góp của họ để làm tiến bộ văn nghệ mới lại càng quan trọng. Họ đã lãnh đạo và đưa đến toàn thắng phong trào thơ mới. Thế Lữ, danh tiếng dẫn đầu trong làng thơ mới, đã xuất phát từ nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Về sau cũng chính trên *Phong Hóa, Ngày Nay* mà ta thấy xuất hiện những nhà thơ có giá trị khác, như Xuân Diệu, Huy Cận, Thanh Tịnh, Tế Hanh.

3. Song nhất là ở tiểu thuyết họ đã gây được thành tích vẻ vang hơn cả. Có thể nói chỉ với Tự Lực Văn Đoàn, chúng ta mới bắt đầu có tiểu thuyết Việt Nam. Ở giai đoạn trước, như ta đã thấy, chỉ thịnh hành tiểu thuyết dịch, còn sáng tác nếu có thì thường mang dáng điệu mô phỏng nhân vật Tây, mô phỏng Tàu, mô phỏng cốt truyện, mô phỏng nhân vật. Đến khi tiểu thuyết của Tự Lực ra đời mới thấy những vai tuồng Việt Nam, hoạt động giữa khung cảnh Việt Nam, trong một câu truyện Việt Nam.

Tuy nhiên, hai tờ *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, nói riêng và nhóm Tự Lực Văn Đoàn nói chung, đã quá đề cao cá nhân chủ nghĩa và nghệ thuật thuần túy; đưa đến hậu quả là làm cho thanh niên Việt Nam quên đi cuộc đấu tranh gian khổ trước mắt, chỉ biết hưởng lạc, ăn chơi đồi trụy. Thật là tai hại!

2.1.6.2. Nhóm Tân Dân

Vũ Đình Long ở vào thời Nguyễn Ngọc Phách, Nam Phong có viết bài luận về truyện Kiều đăng trong

Nam Phong, ông viết những vở kịch quốc ngữ đầu tiên như: *Chén thuốc độc, Tòa án lương tâm*, đăng trên tờ *Hữu Thanh* (1921), sau đó ông mở hiệu sách và nhà xuất bản Tân Dân, chuyên in sách giáo khoa và nhất là kiếm hiệp, bi tình, phần lớn dịch từ truyện Tàu, thức ăn rất ưa chuộng của độc giả thời 1925-1932.

Năm 1932, khi Tự Lực Văn Đoàn xuất hiện trên văn đàn, Tân Dân đã có một cơ ngơi đồ sộ.

Tự Lực Văn Đoàn đề xướng một loại tiểu thuyết không phải tàu cũng không phải tây, mà là tiểu thuyết Việt Nam, với tâm lý hoàn cảnh Việt Nam, đồng thời thúc đẩy, mở màn một phong trào tiểu thuyết mới.

Nhà Tân Dân của Vũ Đình Long cũng lao theo đường lối này.

Ngày 2-6-1934, Vũ Đình Long cho ra đời *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* (ngày 2-6-1934), không có khuynh hướng chính trị hay khảo luận, chỉ đăng tiểu thuyết, thuần giải trí, mua vui: *"Mỗi ngày thứ bảy, sau một tuần lễ cần lao. Chúng tôi hiến cho các bạn đọc một món quà giải trí: vài ba truyện ngắn, hai tiểu thuyết dài, hoặc tự chúng tôi soạn, hoặc dịch theo sách Tây và Tàu".*

Những truyện ngắn và tiểu thuyết đăng từng kỳ rất hấp dẫn, được độc giả khắp 3 miền đất nước hoan nghênh nhiệt liệt. Ban biên tập gồm những nhà văn nổi tiếng đương thời như Ngọc Giao, Lê Văn Trương, Nguyễn Công Hoan, Lan Khai, Tô Hoài, Nam Cao, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân... nhờ họ mà chủ nhân tờ báo Vũ Đình Long làm giàu. Bởi vì độc giả lúc ấy quả rất say mê đọc những tiểu thuyết

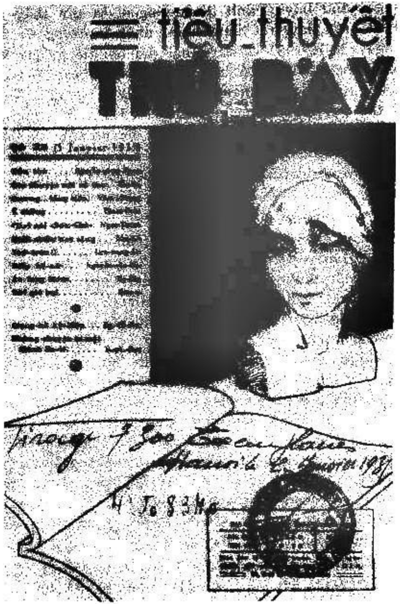

Bìa số 32, *TIỂU THUYẾT THỨ BẢY* ra ngày 5-1-1935 ra ngày thứ bảy. Thỉnh thoảng người ta tìm thấy vài bài thơ rất hay, rất lãng mạn, nhất là trong số 179 ra ngày 30-10-1937 có đăng bài thơ nổi tiếng, gây xôn xao dư luận lúc ấy về tính chất trữ tình cao, rất hợp với khẩu vị độc giả đương thời, nhất là sự "bí ẩn" của tên tác giả với những chữ tắt: T.T.K.H., bài thơ *Hai sắc hoa ti gôn*. Nhờ đó mà con số phát hành của *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* ngày càng cao, đến nỗi nó không đáp ứng đủ yêu cầu của độc giả. Đây là một sự thành công lớn của tờ báo. Có lẽ nó đáp ứng đúng thị hiếu "lãng mạn" của giới trẻ thời ấy.

Ngày 25-2-1936, một tờ báo tuần báo mới ra đời, tờ *Ích Hữu*. Cuối năm 1937 (8-12) nhà văn Lê Văn Trương đổi thành *Ích Hữu đổi mới* cùng với sự hợp tác của các nhà văn, nhà báo như Trương Tửu, Lê Tràng Kiều, Nguyễn Đình Lạp, Phạm Ngọc Khuê. Nhóm này chủ trương đề cao anh hùng cá nhân. Hai năm sau khi tờ *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* ra đời, nhà xuất bản Tân Dân cho ra đời một tạp chí khác, tờ *Phổ Thông bán nguyệt san* cho đăng mỗi số một tiểu thuyết trọn kỳ. Số phát hành đầu tiên ngày 1-12-1936, ban đầu biên tập cho ra mắt độc giả tiểu thuyết của nhà văn Nguyễn Công Hoan *Tắt Lửa Lòng* được công chúng say mê theo dõi. Một soạn giả trong Nam phỏng theo chuyện này soạn ra tuồng cải lương *Lan và Điệp* trở thành vở cải lương ăn khách ở miền Nam trong vòng mấy chục năm trở lại đây.

Ngoài ra, nhà xuất bản Tân Dân còn cho ra thêm tờ *TAO ĐÀN* ra hai lần mỗi tháng. Số đầu ra ngày 1-3-1939 gồm nhiều cây bút nổi tiếng: Nguyễn Triệu Luật, Nguyễn Trọng Thuật, Phan Khôi, Hoài Thanh, Trương Tửu, Lan Khai, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân. Hai số đặc biệt viết về nhà thơ Tản Đà và nhà văn Vũ Trọng Phụng nhân ngày qua đời của hai cây bút nổi danh Bắc Hà là tài liệu quý giá cho những ai muốn nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của hai nhân vật này.

Trong vòng 10 năm, bắt đầu từ *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, nhà Tân Dân với Vũ Đình Long đã hoạt động rất nhiều về báo chí và xuất bản. Dưới mắt nhóm Tự Lực Văn Đoàn, công việc của họ Vũ có tính thương mại hơn là văn hóa. Hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay* thường mai mỉa nhà Tân Dân là cái động Tân Dân, còn Vũ Đình Long là tiên ông luyện kiếm xâu bạc cắc. Họ tố cáo ông này chẳng thiết gì văn học, chuyên mua rẻ bài của nhà văn, nhà báo, xuất bản "hốt bạc". Ngay trong nội bộ các nhà văn, nhà báo đã đình công chống Vũ Đình Long như: Lan Khai, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân, Lê Văn Trương...

"Ngày đêm cặm cụi ra công
Giúp ông chúa động khơi dòng sông ngân"

(Tú Mỡ)

Tuy nhiên, không thể không thừa nhận công lao đóng góp của Vũ Đình Long cho văn học nước nhà. Chính các tờ báo của Tân Dân đã nuôi dưỡng những cây bút ít nhiều giá trị. Nhất là sự phát đạt của công việc chứng tỏ Tân Dân đã biết mang đến cho độc giả những thức ăn hợp khẩu vị. *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* trong 10 năm, in mỗi số cả chục ngàn, phát hành khắp Bắc Trung Nam, được độc giả Nam Kỳ hết sức ái mộ. Nhà Tân Dân có công phát triển tiểu thuyết và quảng bá thể loại ấy vào tầng lớp trung lưu, đại chúng.

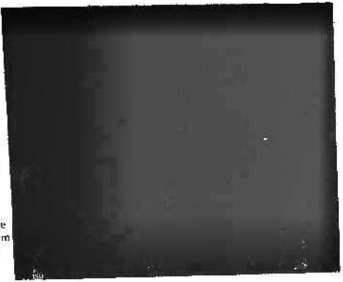

Từ trái sang phải:
Ông Vũ Đình Long
Revertegat
Hồ Văn Trung
Đỗ Văn
Nouvel de la Fleche
Nguyễn Khánh Đàm
Trương Vĩnh Tống
Sapin
Lê Tràng Kiều

Nói rằng nhóm Tân Dân giống như nhóm Tự Lực Văn Đoàn là không đúng, Tân Dân chưa bao giờ là một trụ sở hay đoàn thể văn nghệ. Các nhà tiểu thuyết viết cho Tân Dân chưa bao giờ hội họp dưới danh nghĩa Tân Dân để định tôn chỉ hoặc ra tuyên ngôn. Tuy nhiên, ta vẫn gọi họ là nhóm nhà văn, nhà báo; tuy quan hệ với nhau không mật thiết như nhóm Tự Lực Văn Đoàn, nhưng họ vẫn có ít nhiều điểm tương cận ở con người, ở sáng tác, ở trong câu văn, ở khách hàng, nhất là nếu chúng ta đặt họ ở vị trí đối lập với Tự Lực Văn Đoàn.

Nói chung, họ có một học thức và địa vị bậc trung: Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Lan Khai, Nguyễn Triệu Luật, cả Vũ Đình Long đều xuất thân là giáo viên tiểu học. Lê Văn Trương, Vũ Trọng Phụng học dở dang ở bậc Thành Chung, bỏ ngang đi buôn, làm thư ký. Họ thuộc giai tầng trung lưu nên thế giới sáng tạo của họ nói chung phản ảnh cái xã hội trung lưu. Nhân vật của họ thường không phải là ông Tuần, bà Án, giáo sư Chương, họa sĩ Nam, sống ung dung trong những biệt thự ven hồ Tây, những sinh viên trường thuốc, trường luật cuối tuần đến trường đua ngựa, những chàng Dũng, chàng Đoàn về thăm đồn điền của cha, nằm dài trên đồi thông nhìn mây bay mà băn khoăn về ý nghĩa cuộc sống như Tự Lực Văn Đoàn mà là những thầy ký ga, cô sơn nữ trong những tiểu thuyết của Ngọc Giao, Lan Khai, những trai tứ chiếng, gái giang hồ trong tiểu thuyết của Lê Văn Trương, những bố cu, mẹ đĩ hay trộm cướp bất lương trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng.

Đứng trước các nhà văn Tự Lực Văn Đoàn chuyên mô tả những môi trường và tâm lý trưởng giả, trí thức, nhóm Tân Dân có vẻ đại diện cho các tầng lớp trung lưu, làm văn nghệ cho đại chúng.

Đứng trước những người Tự Lực Văn Đoàn có thể coi là thể hiện lối sống phóng túng khi ấy của trí thức tây, trí thức thành thị, nhóm Tân Dân đại biểu cho đa số tầng lớp dân tộc còn vướng mắc trong những lề lối sinh hoạt và suy nghĩ cũ, nhưng cũng bởi vậy, mà còn mang những màu sắc quê mùa trung thành mộc mạc. Văn chương của nhóm Tân Dân là thức ăn ưa chuộng, thứ văn chương tiêu thụ của thành phần trung lưu và phụ nữ.

2.1.6.3. Nhóm Tri Tân

Ra tờ *Tri Tân* số 1 vào ngày 3-6-1941, ban biên tập gồm Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Đôn Phúc. Lớp trẻ thì có Trúc Khê, Thiếu Sơn, Chu Thiên, Khuông Việt và Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm làm chủ bút.

Mục thơ và tiểu thuyết còn có Minh Tuyền, Phan Khắc Khoan, Nguyễn Huy Tưởng...

Trong lời phi lộ số đầu (11-6-1941) viết: *"Sử học chính là phương thuốc hay cho tinh thần quốc gia mà người ta thấy cần phải nuôi nấng, kích động cho nhu cầu của cơn thử thách... Tri Tân là tấm lụa bạch chỉ viết những hàng chữ chân phương ngay thẳng, không tự nhuộm hoặc bị nhuộm một màu sắc nào. Tri Tân có khuynh hướng phục cổ, Tri Tân riêng đi vào con đường văn hóa với cặp kính khảo cứu. Tri Tân lần giở từng trang lịch sử bằng con mắt nhận chân và lạc quan. Tri Tân ngỏ rộng chân trời tri thức. Ghé vai gánh gạch xây vôi. Tri Tân đứng vào hàng ngũ công binh xây dựng lâu đài văn hóa Việt Nam"...*

Nhiều người lúc bấy giờ cho rằng "ôn cố" của *Tri Tân* có vẻ mơ hồ, xa rời thực tế, lạc lõng, không ăn nhập gì đến thời cuộc sôi động lúc ấy. Tuy nhiên, sau này khi đọc lại *Tri Tân* người ta thấy họ có mục đích: người mình là anh chủ nhà, nhưng bị truất phế làm người ở, nay rục rịch nuốn vươn lên làm chủ. Do đó cần phải chuẩn bị. Xem lại gia phả, biết cách bày biện trong nhà theo cha ông thuở trước... cổ nhân là cái gương, nhìn vào đó để biết mình là ai, từ đó biết cần phải làm gì trong tình hình trước mắt... Do đó nhóm *Tri Tân* đã đóng góp tích cực về tinh thần cũng như phương tiện cho công cuộc tiếp thu tổ quốc thời gian sau đó.

Tờ báo *Tri Tân* tồn tại cho đến 8-1945.

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

TRONG SỐ NÀY:

0$20

Bìa số 73, tờ *TRI TÂN* ra ngày 18-11-1942

2.1.6.4. Nhóm Thanh Nghị

Số đầu ra mắt vào tháng 6-1941, ban biên tập gồm có:

Chính trị: Vũ Văn Hiền, Phan Anh

Kinh tế - Xã hội: Nghiêm Xuân Yêm, Vũ Văn Can

Sử học: Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Thiệu Lâu, Nguyễn Văn Huyên

Văn hóa - Giáo dục: Vũ Đình Hòe, Đinh Gia Trinh, Lê Huy Vân.

Thanh Nghị là tiếng nói của lớp trí thức do nhà trường Pháp tạo ra hoặc ở Paris hoặc ở Hà Nội... Họ nhận thấy rằng văn minh phương Tây rất cần để soi đường và kích thích dân tộc Việt Nam tiến bộ, nhưng họ muốn có cái gì cho riêng mình... Lê Huy Vân viết: *"Ta cần phải có một bản sắc riêng. Ta cần phải có gan ta chỉ là ta"*. Lần đầu tiên ta thấy những người trí thức xuất thân ở các trường đại học Pháp tập hợp chung quanh một cơ quan đứng đắn, sử dụng câu văn Việt hoạt bát, đạo đạt những suy nghĩ của họ. Cũng như toàn dân, họ thấy đất nước đang chuyển mình. Hơn cả toàn dân, họ thấy trách nhiệm của người hiểu biết cho nên đứng ra lo liệu những rường cột cho tòa nhà Việt Nam ngày mai. Về chính trị tất nhiên không thể nói nhiều hoặc nói toạc ra: họ làm văn hóa công khai mà thực dân Pháp còn ngồi đó. Vũ Văn Hiền(1) cố gắng lắm cũng chỉ viết được dưới chế độ kiểm duyệt: *"Muốn xây dựng một nền hòa bình vững chắc phải giải quyết những khó khăn về chính trị đã nêu ra trước cuộc chiến tranh..."*

Những bài báo của nhóm Thanh Nghị làm cho người ta như đã cảm thấy cái không khí độc lập, cái ngày vui sắp tới mà người Việt Nam có thể cùng nhau lo lấy kể cả những vấn đề chuyên môn cao nhất.

2.1.6.5. Nhóm Hàn Thuyên

Nhóm này xuất bản tờ tạp chí *Văn Mới* vào năm 1941, mỗi tháng ra 2 lần.

Văn Mới chuyên khảo cứu, phê bình về văn học, triết học, lịch sử, xã hội. Trương Tửu (Nguyễn Bách Khoa), Nguyễn Đình Lạp, Đặng Thai Mai, Phạm Ngọc Khuê. Chủ biên: Nguyễn Đức Quỳnh. Ban biên tập muốn đi tìm một triết lý mới về nhân sinh, có ích lợi thiết thực cho cuộc sống hiện tại của quốc dân Việt Nam: chủ nghĩa Marx. Nhóm chủ trương đi tìm chân lý mới và dần dần làm cho độc giả của mình hiểu rõ tư tưởng mới: Marxisme. Họ nghiên cứu lịch sử bằng cặp kính duy vật sử quan bằng những đấu tranh giai cấp không ngừng. Học thuyết Marx-Engels được họ áp dụng vào việc nghiên cứu nhiều trường hợp trong lịch sử Việt Nam.

Với cái nhìn ấy tất nhiên tờ *Văn Mới* ở trong cái thế đối lập với nhóm Tri Tân, chống lại quan niệm sùng bái anh hùng cá nhân của nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

---

(1) Vũ Văn Hiến (1911-1963) một trong ba người sáng lập tờ Thanh Nghị (cùng với Vũ Đình Hòe, Phan Anh), đỗ Tiến sĩ Luật khoa tại Pháp. Sau khi Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, ông tham gia nội các Trần Trọng Kim, giữ chức Bộ Trưởng Bộ Tài Chính Kinh Tế. Ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, ông bị bắt giam tại Hỏa Lò Hà Nội ít lâu. Sau khi được tự do, ông vào Sài Gòn mở văn phòng luật sư, không tham gia chính trị. Ông mất năm 1963 tại Sài Gòn (theo Tự điển Nhân vật Lịch sử Việt Nam - Nguyễn Q. Thắng).

Mặt khác nhóm Hàn Thuyên cũng chống lại những tư tưởng mới do Pháp du nhập vào Việt Nam, đề cao cái gọi là tự do dân chủ, quyền tư hữu... con đẻ của cuộc cách mạng 1789. Họ cho rằng nhóm Tự Lực Văn Đoàn là "*Đội binh tiền phong của xu hướng văn hóa tư sản, đề cao người trí thức tư sản, thi vị hóa thói phóng đãng tư sản*". Ông Đặng Thai Mai cho rằng "*văn hóa tư sản đã phát triển hết mức của nó ở trời Âu, nay đã đến lúc tàn tạ. Vậy mà chính cái chế độ ấy, luân lý ấy nay than ôi, đã được xã hội Việt Nam giơ tay vồ đón như một vị cứu tinh ở đầu thế kỷ 20 này*". Trương Tửu viết: "*Chống phong kiến để theo luận lý tư sản giống như chạy trốn dịch hạch để mang lấy bệnh thổ tả, phản đối chế độ gia đình để tự do tiêm hút, tự do chơi bời đĩ điếm...*".

Hàn Thuyên cho rằng nhóm Phong Hóa bày ra cái cười phá hại tất cả nề nếp truyền thống, những cái cười vô ý thức, lố bịch hóa những người nhà quê như Lý Toét, Xã Xệ thật là tàn ác, bất công, chia rẽ nguy hại giữa dân quê và dân thành. Trương Tửu cho rằng họ đã vô tình hay cố ý mắc mưu thực dân hưởng ứng phong trào vui vẻ trẻ trung 1932, đề cao tình cảm lãng mạn và nghệ thuật thuần túy, làm cho thanh niên quên con đường tranh đấu gian nan ngã theo khuynh hướng hưởng lạc, đi đến ăn chơi đồi trụy.

2.1.6.6. Nhóm báo chí Cách mạng tại Bắc Kỳ

Sau hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2. 1930, các tờ báo của các tổ chức Cộng sản và các đoàn thể do các tổ chức đó chỉ đạo đều ngưng xuất bản để bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng, đường lối chính trị và tổ chức theo tổ chức mới.

Thời kỳ này, báo chí cách mạng đặc biệt phong phú cả về hình thức lẫn nội dung, những người theo tư tưởng Mác và theo tinh thần dân tộc đã biết lợi dụng báo chí công khai để tuyên truyền, cổ động, cũng như xuất bản những tờ báo bí mật, bất hợp pháp thể hiện quan điểm của Đảng Cộng sản đồng thời chuẩn bị tiền đề cho cuộc cách mạng Việt Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc chuyển hướng hoạt động sang hình thức công khai và bán công khai, các đảng viên Cộng sản đã tăng cường hoạt động trên lãnh vực báo chí. Ở Bắc kỳ, những hoạt động này được mở đầu bằng việc xuất bản tờ báo *Hồn Trẻ*.

❖ *HỒN TRẺ - TẬP MỚI*: số 1 ra ngày 06-6-1936.

"Báo này vốn là của một tư nhân đã ngừng xuất bản ngày 6.6.1935 (số 1: 15-4-1935 và số cuối 12-12-1935). Nhưng từ ngày 6-6-1936, giấy phép của tờ báo được chuyển qua tay một số chiến sĩ Cộng sản như Trần Đình Long, Trần Huy Liệu... và một số nhà báo tiến bộ, để rồi tờ báo trở thành cơ quan thông tin, hướng dẫn cho cuộc vận động Đông Dương Đại hội ở Bắc kỳ. Tờ báo Hồn Trẻ được tục bản kèm theo phụ đề Tập Mới. Chính trên tờ báo này, số 8 (25-7-1936) đã đăng bài báo "Nước Pháp bình dân với quần chúng Đông Dương", châm ngòi nổ cho sự hình thành phong trào Đông Dương đại hội ở Bắc kỳ.

"Với 12 số báo được phát hành, tờ Hồn Trẻ-Tập Mới thực sự đã trở thành hạt nhân tập hợp các lực lượng tiến bộ đấu tranh chống các khuynh hướng cải lương phản động của bọn tay sai thực dân trong cuộc

vận động Đông Dương Đại hội ở Bắc Kỳ. Chính vì vậy, ngày 28-9-1936, Toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định và ngày hôm sau cảnh sát đã ập đến tòa báo lục soát và đóng cửa trụ sở của tòa báo"(1).

◇ TÂN XÃ HỘI

Sau khi *Hồn Trẻ-Tập Mới* bị đóng cửa, các chiến sĩ Cộng sản chủ trương ra tờ báo *Khỏe* làm *"tờ báo của quần chúng lao động Đông Dương"* nhưng báo vừa lên khuôn thì đã bị thực dân thu hồi giấy phép. Ngày 30-9-1936, tờ *Tân Xã Hội* ra đời với nội dung vận động cho phong trào Đông Dương đại hội. Báo ra được 3 số thì bị đình bản do nghị định ngày 18-10-1936.

◇ TIẾNG TRẺ

Tờ báo vốn của một nghị viên Bắc Kỳ xuất bản từ 18-11-1935 sau đó đình bản. Từ ngày 22-12-1936, *Tiếng Trẻ* được tái bản và trở thành cơ quan tuyên truyền của các nhà báo Cộng sản và ra được 5 số thì bị đình bản ngày 19-1-1937.

◇ TIỂU THUYẾT THỨ NĂM

Tuần báo, số 1 ra ngày 18-3-1937 và số cuối cùng là số 7 ra ngày 1-5-1937. Sau đó lại được tục bản với tên gọi là *Tiểu Thuyết Thứ Năm* – Tập mới (số 1 ngày 5-8-1937) nhưng chỉ còn là một tờ báo văn chương thuần túy.

◇ THỜI THẾ

Tuần báo, số 1 ra ngày 22-3-1937, số cuối cùng là số 13 ra ngày 12-2-1938, nhưng chỉ từ số báo ra ngày 30-10-1937 nó mới mang nội dung của cơ quan báo chí cách mạng.

◇ HÀ THÀNH THỜI BÁO

Tuần báo, số 1 ra ngày 6-4-1937 và số cuối cùng là số 43 ra ngày 26-2-1938.

◇ BẠN DÂN

Tuần báo, số 1 ra ngày 24-4-1937 và số cuối là số 29 ra tháng 11-1937. Sau đó, tờ *Bạn Dân* được tục bản tồn tại cho đến 1941 nhưng không còn là báo chí cách mạng nữa.

◇ THẾ GIỚI

Của Đoàn Thanh niên Dân chủ, số 1 ra ngày 15-8-1938 và đình bản sau khi ra số 9 (1-2-1939). Sau đó, *Thế Giới* ra tiếp được 4 số dưới hình thức những tờ truyền đơn.

◇ NGÀY MỚI

Vốn là một tờ báo tư nhân ra số đầu ngày 24-8-1938, nhưng từ ngày 19-4-1939 tờ báo đặt dưới sự chỉ đạo của xứ ủy Bắc Kỳ, tồn tại cho đến số 14 (từ ngày 19 đến 28-8-1939).

◇ NGƯỜI MỚI

Vốn là một tờ báo văn chương-trào phúng-thể thao ra số 1 từ ngày 5-11-1938, nhưng từ số ngày 5-6-1939 chuyển sang khuynh hướng của báo chí cách mạng và tồn tại cho đến số cuối cùng là số 5 ra ngày 5-9-1939.

---

(1) Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, 1858-1945, tập IV. Nxb KHXH,HN Nội,1989.

⋄ TIN TỨC

Cơ quan Mặt trận Dân chủ. Thực tế là của xứ ủy Bắc Kỳ, Trường Chinh trực tiếp chỉ đạo. Báo này đặt trụ sở tại 105, Henri d'Orléans, Hà Nội. Số 1 ra ngày 2-4-1938, số cuối cùng số 43, ngày 15-19-10-1938. Sáng lập viên: Lương Văn Tuấn, quản lý: Trịnh Hoài Đức. Song song với tờ báo này còn có tờ phụ trương tin tức lý luận số 1 ra ngày 10-4-1938 và ra được 4 số (số cuối ra ngày 20 đến 30-4-1938).

⋄ ĐỜI NAY

Giấy phép cho tờ báo này ra mắt số đầu từ tuần lễ 15 đến 22-3-1938, nhưng chỉ từ số báo ra ngày 1-12-1938 (được đánh số lại từ 1) thì *Đời Nay* mới trở thành một tờ báo cách mạng và cũng do Trường Chinh trực tiếp chỉ đạo. Tờ báo ra đến số 38 (tuần lễ từ 22 đến 19-9-1939) thì đình bản.

Hạt nhân chỉ đạo hoạt động của các tờ báo cách mạng này là những nhà báo Cộng sản như Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Trần Đình Long, Trần Huy Liệu, Nguyễn Trọng Cảnh, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Phúc... và từ đầu năm 1937 đã hình thành chi bộ báo chí do đồng chí Trường Chinh làm bí thư. Hoạt động của các tờ báo cách mạng này đã trở thành linh hồn của cuộc vận động Mặt trận Dân chủ nói chung và đặc biệt là trên lĩnh vực báo chí, mà sự kiện tiêu biểu là việc triệu tập hội nghị báo giới Bắc Kỳ ngày 24-4-1937 (1).

---

(1) Dương Trung Quốc, sđd, tr. 13.

Ngoài những tờ báo tiếng Việt xuất bản công khai, lợi dụng quy chế báo chí nhà cầm quyền Pháp cho phép ra báo bằng tiếng Pháp không cần phải xin phép, một số đảng viên Cộng sản cùng một số trí thức có cảm tình với Đảng, xuất bản một số báo viết bằng tiếng Pháp như:

⋄ LE TRAVAIL

Ngày 16-9-1936, báo *Le Travail* ra mắt bạn đọc và đặt trụ sở tại số 28 phố Nguyễn Trãi (nay là đường Nguyễn Quang Bích - Hà Nội). Tờ báo đã trở thành cơ quan tập hợp những chiến sĩ Cộng sản sau khi ra khỏi nhà tù Pháp tiếp tục tham gia hoạt động. Với việc xứ ủy Bắc Kỳ được lập lại (tháng 3- 1937), tổ chức đảng của tờ báo được củng cố bằng việc thành lập chi bộ báo giới do ông Trường Chinh trực tiếp chỉ đạo, tờ *Le Travail* thực sự trở thành cơ quan chỉ đạo phong trào cách mạng thời kỳ vận động dân chủ Bắc Kỳ. Tờ báo ra được đến số 30 (ngày 16-4-1937) thì ngừng xuất bản, do việc chính quyền bảo hộ xúi giục các phần tử khiêu khích đưa tờ báo ra tòa, gây khó khăn tài chính,...

Thực hiện chủ trương tranh thủ mọi hình thức hoạt động công khai để mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, nhân cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ, những người Cộng sản đã đưa Trịnh Văn Phú, quản lý tờ *Le Travail* ra tranh cử. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, được sự ủng hộ của quần chúng, đại biểu của báo *Le Travail* đã giành được thắng lợi vang dội ngay ở vòng bầu cử thứ nhất ngày 17-1, đã đứng đầu với 568 lá phiếu, hơn đại biểu của giới cầm quyền 69 phiếu, ở vòng hai lại đắc cử với ưu thế tuyệt đối 820/363 phiếu của đối thủ và trên 1.240 cử tri. Thắng lợi này mở đầu cho những hoạt động của những người Cộng sản trên lãnh vực nghị trường (1).

Kế tục sự nghiệp của tờ *Le Travail* là các tờ:

◈ *RASSEMBLEMENT (Tập Họp)*, tuần báo ra ngày thứ ba, số ra mắt ngày 16-3-1937, số cuối cùng là số 5 (4-5-1937).

◈ *EN AVANT (Tiến Lên)*, tuần báo ra ngày thứ sáu, số 1 ra ngày 20-8-1937, số cuối cùng là số 11 (29-10-1937).

◈ *NOTRE VOIX (Tiếng Nói Chúng Ta)* số 1 ra ngày 15-1-1937, số cuối cùng là số 9 (19-3-1937).

Sau khi Mặt trận Bình Dân lên nắm chính quyền ở Pháp vào năm 1936, báo chí miền Bắc Việt Nam lúc ấy tương đối "dễ thở". Nhiều báo ra đời: *Nam Cường* (1936), *Cấp Tiến* (1938), *Quốc Gia* (1938), *Cờ Giải Phóng*, cơ quan chính thức của Đảng Cộng sản, tờ *Cứu Quốc* của Mặt trận Việt Minh, tờ *Độc Lập*, *Bạn Dân* (1940), *Bình Đẳng* (1940), *Dân Mới*, *Đội Cấn*, *Đồng Ruộng*, *Duy Nhất*, *Hy vọng Lao động* (1940), *Thống Nhất*, *Hải Phòng* nhật báo cùng với nhiều tờ khác như: *Báo Mới* (1944), *Bình Minh* (1940), *Đông Phương*, *Pháp Việt tạp chí* (1943), *Việt Thái báo* (in ở Lai Châu 1943), tờ *La Volonté Indochinoise* (1937) của Phạm Văn Đồng...

2.1.7. Báo Pháp ngữ tại Bắc Kỳ

Sau đây là vài tờ báo bằng tiếng Pháp và do người Pháp chủ trương:

---

(1) Dương Trung Quốc, tập IV, SĐD, trang 35

◈ *L'ORDRE DU TONKIN ET DE L'ANNAM*, ra đời năm 1934.

◈ *LE QUOTIDIEN DE L'INDOCHINE*, cơ quan thông tin thời sự, ra mắt ngày 25-2-1942 tại Hà Nội.

◈ *LA RÉPULIQUE*, tạp chí thông tin, ngôn luận, cơ quan chính thức của hội văn hóa cứu tế Việt Nam.

◈ *LE TRAVAIL*, tuần báo kinh tế, chính trị, phát hành năm 1931 tại Hà Nội.

◈ *LA DÊPÊCHE*.

◈ *LA VOIX DE L'EMPIRE*, nhật báo buổi tối, phát hành tại Hà Nội năm 1940.

◈ *LA VOIX FRANCAISE*, tuần báo chính trị ra tại Hà Nội năm 1936.

◈ *LA REVUE INDOCHINOISE*, *Juridique et Economique* là tờ báo Pháp ngữ nổi bật nhất lúc bấy giờ do G.H.Camerlynck và Paul Couzinet thành lập cùng với một nhóm giáo sư trường luật Hà Nội, ra mắt vào năm 1937: *"Tờ báo đề cập những lãnh vực rộng rãi và đa dạng, với sự phân tích một cách khách quan và có hệ thống các khía cạnh luật pháp, kinh tế và xã hội chẳng những của Đông Dương mà cả những nước khác ở Viễn Đông..."*

Sự diễn tiến của báo chí Bắc Kỳ trong thời kỳ này được đánh dấu bằng 2 đặc điểm sau đây:

a. Về hình thức

Bộ mặt các tờ báo thay đổi toàn diện: tin tức thời sự nhanh chóng, những bài phóng sự nóng bỏng... Kỹ thuật in ấn khá tiến bộ nhất là từ khi bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng sử dụng máy rotative hiệu Dupleix để in báo với tốc độ 50.000 số một giờ. Đây là một bước tiến lớn trong nghề làm báo nước nhà.

b. Về nội dung

Trước năm 1936, vì tình hình chính trị báo chí bị kiểm duyệt gắt gao. Hậu quả là ít có tờ báo nào dám đề cập đến vấn đề thời sự nóng bỏng lúc ấy mà chỉ nói đến những vấn đề văn học, triết học, khảo cổ học, xã hội (phong tục, tập quán như *Phong Hóa, Ngày Nay, Phổ Thông...*)

2.2. Ở Trung Kỳ

Dưới ảnh hưởng của chế độ chính trị và tình hình kinh tế, báo chí Trung kỳ tỏ ra còn non kém hơn là báo chí Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Ngoài ra yếu tố tâm lý cũng đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn cản sự phát triển của báo chí ở vùng đất An Nam này.

Trước đây, nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng cất tiếng nói đầu tiên với tờ *Tiếng Dân* vào năm 1927.

Tiếng nói thứ hai lại thuộc về "phái yếu" của đất Trung Kỳ là tờ:

◇ *PHỤ NỮ TÂN TIẾN*

Ra 2 lần một tháng. Giám đốc là bà Lê Thành Tường. Tạp chí gồm 32 trang với nhiều hình ảnh đẹp mắt ra số đầu tiên vào năm 1932.

◇ *KIM LAI TẠP CHÍ*

Ra ngày 31-12-1931 đặt dưới sự điều khiển của Viễn Đệ và Đào Duy Anh.

◇ *TRÀNG AN* Phát hành ngày 1-3-1935 của ông Bùi Huy Tín.

◇ *SÔNG HƯƠNG*

Phát hành vào tháng 8-1936 và tự đình bản vào số 32 (27-3-1937) của ông Phan Khôi, nhà văn kiêm nhà báo nổi tiếng ba miền Trung Nam Bắc trong suốt 20 năm trong làng báo Việt Nam *"Đây là một tờ báo xuất bản ở Huế chuyên về "văn chương, khoa học và mỹ thuật". Những người Cộng sản đã mua lại giấy phép xuất bản của tờ báo này vì ông Phan Khôi gặp khó khăn tài chính, và tờ Sông Hương (tục bản) số 1 ra ngày 19-6-1937. Sông Hương tục bản vẫn đề tên Phan Khôi là sáng lập viên, nhưng Nguyễn Cửu Thạnh là chủ nhiệm và Phan Đăng Lưu trực tiếp chỉ đạo. Sông Hương tục bản ra được 14 số ngày 14-10-1937, báo Sông Hương bị thu hồi giấy phép"*.(1)

◇ *NHÀNH LÚA*

Số 1 ra ngày 15-1-1937 số lượng phát hành mỗi số của báo là 5.000 bản, dưới sự lãnh đạo của ông Nguyễn Chí Diểu, Ủy viên trung ương Đảng phụ trách các tỉnh miền trung Trung Kỳ lúc bấy giờ. Ban biên tập gồm có: Phan Đăng Lưu, Hải Triều, Hải Thanh, Lâm Mộng Quang... Nguyễn Xuân Lữ làm chủ nhiệm và Hải Triều làm thư ký tòa soạn. Ngày 10-3-1937 bị đình bản.

◇ *KINH TẾ TÂN VĂN*

Do Phạm Bá Nguyên làm giám đốc, Lê Quế làm chủ nhiệm. Số 1 ra ngày 8-4-1937, xuất bản được 3 số thì bị cấm.

---

(1) Hồng Chương, *120 năm báo chí Việt Nam*, Nxb TPHCM 1985, tr.48.

◇ *DÂN*

Phát hành số 1 ngày 6-7-1938, với tiêu đề *"Cơ quan liên hiệp tất cả các lực lượng cấp tiến trong xứ"*. Trụ sở đặt tại nhà số 11 phố Doudard de Lagrée (nay là nhà số 15 phố Trần Thúc Nhẫn - Huế). Về danh nghĩa công khai, báo *Dân* do dân biểu Nguyễn Trác làm giám đốc chính trị, dân biểu Nguyễn Đan Quế làm quản lý (nhóm "Dân biểu xã hội" trong Viện Dân biểu Trung Kỳ). Nhưng bên trong do xứ ủy Trung Kỳ lãnh đạo như: Phan Đăng Lưu, Hải Triều, Lâm Mộng Quang, Tôn Quang Phiệt, Lê Bôi, Tố Hữu... Số lượng phát hành của báo *Dân* có thời gian lên đến 8000 số. Tờ báo này bị đóng cửa ngày 7-10-1938 sau khi ra được 17 số và sau khi Nguyễn Đan Quế và Nguyễn Xuân Các bị ra tòa.(1)

Dân số ra ngày 22-10-1938 đã thống kê hiện trạng báo chí Trung Kỳ và đưa ra các số liệu: tính đến lúc đó, lịch sử báo chí Trung Kỳ đã có 3 tờ bị rút giấy phép: *Nhành Lúa, Sông Hương* tục bản và *Dân* (đều là của Đảng); 14 tờ báo "tự tử" (tức là tự đình bản): *Thần Kinh, Trường An Cận Tín, Phụ Nữ Tân Tiến, Kim Lai, Ánh Sáng, Cười, Đất Việt, Văn Học Tuần San, Du Học Báo, Thanh Nghệ Tĩnh, Trung Kỳ* (Vinh), *Vệ Sinh Báo* (Đà Nẵng), *Thương Mại Báo* (Hội An), *Cẩm Thành Tạp Chí* (Quảng Ngãi) và 3 tờ báo "chết trong thai" (tức là không ra nổi): *Vệ Cường, Nam Dân, Chân Lý* (Huế); còn lại các tờ *Tiếng Dân, Tràng An, Vì Chúa, Viên Âm* (Huế), *Lời Thăm* (Quy Nhơn), *Sao Mai, Ý Dân, Tuần Lễ, Phục Hưng, Y Học Tạp Chí* (Vinh). Cũng theo số báo này thì tờ *Dân* tồn tại từ 14-7-1937 (1).

---

(1) Hồng Chương, *Sđd. tr50, 51.*

Những tờ báo chuyên biệt ở Trung Kỳ:

◇ *TẠP CHÍ VIÊN ÂM*

Số đầu tiên ra ngày 01-12-1933 của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ được đánh dấu bằng việc thành lập Hội nghiên cứu và thực hành Phật giáo Trung Kỳ (Société d'Etude et d'Exercice de la Religion Bouddhique de l'Annam) vào đầu năm 1932, do bác sĩ Lê Đình Thám khởi xướng.

◇ *TẠP CHÍ VIÊN ÂM NGUYỆT SAN* (xuất bản theo nghị định ngày 30-6-1933 của Khâm sứ Trung kỳ) là cơ quan ngôn luận của tổ chức này.

◇ *VÌ CHÚA, LỜI THĂM* của Công giáo.

Tóm lại, báo chí Trung Kỳ cho mãi đến lúc này vẫn còn thưa thớt và yếu kém so với các đồng nghiệp ở Bắc và Nam.

2.3. Ở Nam Kỳ

2.3.1. Giai đoạn 1930-1940

◇ *ĐỒNG NAI*

Trong giai đoạn này, có một nhóm thanh niên du học từ Pháp về, rất năng nổ trong lãnh vực báo chí: đó là nhóm Đồng Nai.

Nhóm này cho ra tờ *Đồng Nai,* bán nguyệt san (số 1 ra ngày 15-2-1932), giám đốc là Đoàn Quang Tấn.

---

(1) Dương Trung Quốc, sđd,

Đến ngày 1-7-1933, ông Hồ Hữu Tường thay thế, cùng với Phan Văn Hùm, điều khiển tờ báo này. Từ đây, *Đồng Nai* trở thành tuần báo có đường lối Trotskiste.

⟡ SỐNG

Hai năm sau, một nhóm trí thức khác cho ra tờ *Sống* (12-1-1935) cùng với hiệp hội "Trí Đức học xá" của tỉnh Hà Tiên. Ban biên tập gồm các nhà văn và nhà thơ như Đông Hồ Lâm Tấn Phác, Trúc Hà Trần Khiêm Thới, Trúc Phong, Mộng Tuyết. Dù được cảm tình của nhiều độc giả, *Sống* vẫn không thể sống lâu, giã từ độc giả chỉ một năm sau đó.

⟡ VĂN LANG

Năm 1939, một nhóm thanh niên tân học khác thành lập tờ *Văn Lang* (29-7-1939), đề cập những vấn đề khoa học, văn học, nghệ thuật... với sự hợp tác của kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích, bác sĩ Nguyễn Văn Nhã, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và ông Hồ Tá Khanh. Thỉnh thoảng người ta thấy có nhiều bài viết của Đào Duy Anh, Phan Văn Hùm, Sào Nam. Sau nhiều bài báo có đường lối đả kích chính quyền thuộc địa, tờ báo buộc phải đình bản vào tháng 6-1940.

⟡ MAI

Ra ngày 5-11-1935 của Đào Trinh Nhất và Vân Trình cũng được sự ủng hộ của giới thanh niên có học tại Sài Gòn. Nội dung tờ báo *Mai* có tranh hí họa, có phóng sự điều tra, có bàn về thời sự, có thơ văn của tuổi trẻ, có những tấm gương oanh liệt của người xưa, có chuyện thế giới,...

Trong thời kỳ này cũng có những tờ báo do người Việt chủ trương, mượn một người Pháp đứng tên chủ nhiệm, viết bằng tiếng Pháp nổi tiếng như:

⟡ LA LUTTE (Tranh Đấu):

Ra số đầu tiên ngày 24-3-1933 do Ganofsky làm chủ nhiệm. Trong 4 số đầu tiên, tờ báo này tích cực vận động tranh cử Hội đồng Thành phố, (liên danh có các ứng cử viên là công nhân và những người Cộng sản hoạt động công khai như Nguyễn Văn Tạo tham gia tranh cử trong "Sở Lao Động". Tự đình bản số 4 (2-6-1933), cho tới ngày 4-10-1934 mới ra tiếp số 5, tự xưng là cơ quan của giới lao động, tranh đấu chống thực dân. Nhóm "La Lutte" gồm hai phái đệ tam (Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Nguyễn...), đệ tứ (Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch,...) và những nhà yêu nước khác như Nguyễn An Ninh, Trịnh Hưng Ngẫu...

Ngày 29-7-1936, trên tờ *La Lutte* số 93, Nguyễn An Ninh đã viết bài báo "Tiến tới một cuộc Đông Dương Đại hội". Bài báo trước hết lên án lập trường "Bảo vệ những lợi ích tư sản", của nhóm Lập Hiến và bác bỏ việc làm *"một bản dân nguyện do vài cá nhân thảo ra và đệ trình lên mà những quyền lợi của họ đối lập với quần chúng đau khổ"*. Ông Ninh khởi xướng cuộc vận động Đông Dương đại hội, tạo nên một phong trào quần chúng rộng khắp nước.

Đến năm 1937, tờ *La Lutte* hoàn toàn trở thành tiếng nói của tổ chức Trotskiste (đệ tứ) ở Việt Nam. Đến năm 1938, *La Lutte* tục bản in bằng chữ quốc ngữ, tờ *Tranh Đấu*, được đánh số lại năm I, số 1, ngày 6-10-1938, cũng vẫn là cơ quan chính trị của nhóm La Lutte.

◆ *LE TRAVAIL (Lao Động) (1936)*

Cũng được thành lập do sự hợp tác của đệ tam và đệ tứ. Bề ngoài tờ báo này được điều khiển bởi những người của nhóm đệ tam như Trịnh Văn Phú, Nguyễn Văn Tiến, nhưng bên trong là do Huỳnh Văn Phương (đệ tứ) viết bài, còn tổ chức quần chúng là nhiệm vụ của Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu...

◆ *L'AVANT GARDE (Tiền Phong)*

Ra ngày 29-5-1937 của nhóm Cộng sản đệ tam. Báo ra được 8 số thì bị tịch thu. Những người phụ trách gồm Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Kiệt... danh nghĩa là "Cơ quan của Lao động và nhân dân Đông Dương".

◆ *LE PEUPLE (Nhân Dân) (1937-1939)*

L'Avant Garde đình bản, những người Cộng sản hoạt động công khai ở Sài Gòn liền ra tờ *Le Peuple* (số 1 ra ngày 24-9-1937) và tờ báo này tiếp tục đấu tranh theo tôn chỉ, đường lối của *L'Avant Garde.*

Khi Mặt trận Bình Dân lên cầm quyền ở Pháp, một người Pháp tại Sài Gòn là Cendrieux (1938) ra báo Việt ngữ lấy tên là *Dân Quyền*, không xin phép trước, chỉ theo đúng luật báo chí năm 1881, báo bị tịch thu, chủ báo ra tòa chỉ bị xử phạt. Ông Cendrieux chống án, Tòa Phúc án Sài Gòn nhìn nhận Cendrieux vô tội và Tòa Thượng thẩm Paris, cũng xử như thế, vì trong luật không minh định tự do báo chí chỉ riêng cho báo Pháp ngữ.

Việc này đã khích lệ rất nhiều cho các đồng nghiệp của báo Việt ngữ theo gương. Nhờ thế, nhiều tờ báo xuất hiện trong thời kỳ này.

Thế là tờ *Dân Chúng* ngày 22-7-1938 xuất bản không xin phép trước, không bị tịch thu, sống được trên 1 năm.

"Số 1 báo Dân Chúng in 1.000 bản. Số 2 lên 2.000 bản và tiếp tục lên có lúc lên một vạn bản như số 40, 41, kỷ niệm năm thứ 9 ngày thành lập Đảng và số Xuân 1939 lên 15.000 bản. Thông thường thì dao động trên dưới 6.000 bản."(1)

Ngoài ra những người Cộng sản ở Nam Kỳ đã mua hoặc thuê lại các tờ báo tư nhân như tờ:

◆ *VIỆT DÂN*

Do Đặng Thúc Liêng làm giám đốc, số 1 ra ngày 2-12-1936, báo chỉ ra được 2 số, Đặng Thúc Liêng đòi lại vì bị mật thám Pháp đe dọa.

◆ *KỊCH BÓNG*

Do bà Song Thu làm giám đốc và Phạm Văn Lang làm quản lý, số 1 ra ngày 19-10-1935, đến ngày 7-2-1936 thì được những người Cộng sản thuê sử dụng một thời gian rồi ông Trinh đòi lại.

◆ *PHỔ THÔNG*

Do Lê Hoàng làm giám đốc. Số 1 tờ báo phổ thông ra ngày 16-10-1936 và đến ngày 18-2-1938 thì được những người Cộng sản ký hợp đồng thuê ra đến số 16 (ngày 13-6-1938) thì Lê Hoàng hủy bỏ hợp đồng (1).

---

(1) Nguyễn Thành, *Báo chí Cách mạng Việt Nam 1925-1945.*

⋄ *DÂN TIẾN*

Số 1 ra ngày 27-10-1938 đến số 5 ngày 22-12-1938 bị đình bản.

⋄ *DÂN MUỐN*

Số 1 ra ngày 20-12-1938, đến số 2 bị cấm.

⋄ *TIẾN TỚI*

Số 1 ra ngày 6-2-1939 chẳng bao lâu cũng bị đóng cửa.

Ba tờ báo trên đều do Lưu Quý Kỳ làm thư ký tòa soạn.

Ngoài ra trong thời gian này, ở Nam Kỳ có các tờ báo bí mật như:

⋄ *LAO KHỔ*: của xứ ủy Nam Kỳ số 15 ra ngày 5-10-1930.

Sau đó trở thành tờ báo: *CỜ ĐỎ* của Xứ ủy lâm thời Nam Kỳ ra vào đầu năm 1932, đến tháng 10-1932 ngừng xuất bản vì xứ ủy bị phá vỡ.

⋄ *CỜ LÃNH ĐẠO*: Tháng 5-1933 cũng của Xứ ủy Nam Kỳ. Sau đổi tên là *GIẢI PHÓNG*, đến năm 1934 đình bản cũng vì lý do trên. Tháng 5-1935, *Giải Phóng* tái bản và tồn tại đến thời kỳ vận động dân chủ.

⋄ *BÁO THỢ THUYỀN*: Cơ quan của Thành ủy Sài Gòn (số 1 ra ngày 1-6-1932).

---

(1) Hồng Chương, Sdd, tr. 45,46.

⋄ *BÁO THÙNG DẦU*: Cơ quan của Chi bộ Nhà Bè (1931)

⋄ *BÁO NHÀ QUÊ*: Cơ quan của Đảng bộ Chợ Lớn (1932)

⋄ *BÁO BAO GẠO*: Cơ quan của Đảng bộ Chợ Lớn (1933)

⋄ *BÁO LAO ĐỘNG*: Số 1 ra ngày 29-11-1938 cơ quan của Tổng Công Hội Nam Kỳ (1).

⋄ *BÁO MỚI*: Cơ quan của Đoàn Thanh niên Dân chủ Nam Kỳ, số 1 ra ngày 1-5-1939.

Trong khi nước Pháp phải đương đầu với bao nhiêu khó khăn của tình hình trước cuộc chiến thì chính phủ thuộc địa ở Sài Gòn lần lượt cấm và kiểm duyệt gắt gao sách báo, cho đến khi Pháp đầu hàng Đức ở châu Âu thì đa số các tờ báo ở Sài Gòn đều bị đình bản.

Trước khi sang giai đoạn thứ hai, chúng ta phải ghi nhận ở đây một số tờ báo khác như:

⋄ *PHÁP ÂM*

Của Phật giáo do Hội Nghiên cứu và Bảo tồn Phật giáo Nam Kỳ (Comité pour l'Étude et la Conservation du Bouddhisme en Cochinchine) do Thượng tọa Lê Khánh Hòa đứng đầu. Tổ chức này có một cơ sở thư viện nghiên cứu và truyền bá là chùa Linh Sơn. Tờ *Pháp Âm* ra số đầu ngày 31-8-1929. Tổ chức này dần dần nhận được sự bảo trợ của nhà cầm quyền thực dân, sau đó đổi tên là *Từ Bi Âm* (vào khoảng năm 1931).

⋄ *HOÀN CẦU TÂN VĂN (1933)*

---

(1) Hồng Chương, Sdd, tr.29.

- *TẠP CHÍ CAO ĐÀI* (*Revue Caodaiste*) số đầu phát hành tháng 7-1930.
- *CHỚP BÓNG* (1932)
- *DÂN BÁO* (1933)
- *ĐIỆN TÍN* (1935) của Lê Trung Cang
- *ĐẠI ĐẠO* (1936)
- *NAY* (1937)
- *THẾ GIỚI TÂN VĂN* (1937)
- *TỰ DO* (1938) của Nguyễn Văn Sâm
- *ĐUỐC CÔNG LÝ* (1938) của Nam Đình và Triệu Công Minh.
- *THỂ THAO* (1938)
- *ẢO THUẬT TẠP CHÍ* (1939)
- *ĐUA NGỰA* (1939)
- *QUẢNG CÁO TUẦN BÁO* (1939)
- *VIỆT DÂN BÁO*
- *THỰC TẾ* (1941) ở Long Xuyên vv...
- ....

2.3.2. Giai đoạn 1940-1945

Ngày 17-6-1940, Pháp đầu hàng Đức, Đệ Tam Cộng hòa đành phải nhường lại cho chính phủ Pétain. Một chính sách mới được Pháp cho áp dụng ở Việt Nam. Đạo Khổng từ lâu bị quên lãng, lần này được Pháp giúp đỡ quảng bá và đề cao trong quần chúng. Đại tá Ducoroy đứng ra tổ chức những cuộc tranh tài thể thao, đặc biệt là cuộc đua xe đạp vòng quanh ba nước Đông Dương. Báo chí lúc bấy giờ được giao cho sứ mệnh tuyên truyền tư tưởng Khổng Mạnh và đề cao những phong trào thể dục thể thao do nhà nước tổ chức. Tất cả những việc làm này của Pháp cốt để đánh lạc hướng người dân Việt Nam, làm cho họ quên đi tình hình chính trị trước mắt.

✧ *THỂ THAO ĐÔNG DƯƠNG*

Tại Sài Gòn, Pháp giúp đỡ ông Trần Văn Hinh, chủ xưởng in, để thành lập tờ *Thể Thao Đông Dương* (31-10-1941) đến năm 1944, đổi thành *Thanh niên Đông Dương*.

✧ *NAM KỲ TUẦN BÁO VÀ ĐẠI VIỆT TẠP CHÍ*

Chính phủ Pháp cũng giúp đỡ phương tiện cho một công chức về hưu, nhà văn Hồ Biểu Chánh, để cho ra đời tờ *Nam Kỳ tuần báo* (3-9-1942) và *Đại Việt tạp chí* (1-10-1942). Hai tờ này được giao cho sứ mệnh phục hồi tư tưởng "Khổng Mạnh" và truyền thống văn hóa dân tộc. Ban biên tập gồm những nhà văn nhà báo nổi tiếng đương thời: Trúc Hà, Thiếu Sơn, Khuông Việt, Lê Chí Thiện, Lê Thọ Xuân, Ngạc Xuyên, Trường Chí Sơn...

THIẾU SƠN

✧ *TẠP CHÍ TÂN Á*

Từ cuối năm 1940, quân đội Nhật đã hiện diện ở Việt Nam. Người Nhật bắt

KHƯƠNG VIỆT

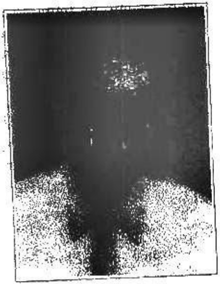

LÊ THỌ XUÂN

đầu quảng bá thuyết "Đại Đông Á" của họ. Trong chiều hướng này, Phòng Thông tin Nhật ở Sài Gòn cho ra đời tờ *Tân Á*, 2 lần tháng. Số 1 ra ngày 20-10-1942, có sứ mệnh tuyên truyền cho sự thịnh vượng chung của đế quốc Thiên Hoàng.

Trong thời gian này một số tờ báo cũng lần lượt ra mắt độc giả. Mặc dù cuộc sống của chúng ngắn ngủi nhưng đã chinh phục được nhiều cảm tình của quần chúng. Trong số này có các tờ báo như:

◇ *BẠN ĐƯỜNG* (1931) của Nam Mộc và Trần Điền, trước dành cho hướng đạo sinh, sau phổ biến cho mọi người.

◇ *ĐỒNG THỊNH* (1941) của Hồng Tiêu, là một nhà Nho tân học, lớn tuổi, thường ký bút hiệu Như Hoa. Được 18 số thì đình bản.

◇ *NGHỆ THUẬT VIỆT NAM* (1941) của Đỗ Phương Quế và Lê Tràng Kiều điều khiển, sau chín số đổi tên là *Bút Mới*.

◇ *NGÒI BÚT* (1941) của Phạm Ngọc Khuê, chỉ ra được 2 số.

◇ *THANH NIÊN* xuất bản vào ngày 7-8-1943 và đình bản ngày 30-9-1944. Người chủ trương tờ báo là kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát.

Ngoài ra, còn có sự hợp tác của Bình Nguyên Lộc, Dương Tử Giang, Nguyễn Xuân Bổng, Mạnh Phú Tư, Nguyên Hồng. Có cả các nhà văn từ miền Bắc vào tăng viện như Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh, Chế Lan Viên và nhạc sĩ Lê Thương... Nhóm thanh niên yêu nước này thường tổ chức trong dịp hè những cuộc triển lãm về vệ sinh, y học... và những cuộc diễn thuyết cùng những đêm văn nghệ... Nhờ đó, tờ *Thanh Niên* đã chinh phục được đám đông thanh niên và sinh viên, học sinh miền Nam lúc bấy giờ. Họ còn sáng lập ra Hội truyền bá Quốc ngữ để chống nạn mù chữ.

Tuy sống không lâu, nhưng tờ báo này đã gây một ảnh hưởng rất lớn trong quần chúng Sài Gòn lúc bấy giờ.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chánh Pháp, tại Sài Gòn còn sống 3 tờ báo:

◇ *TIN ĐIỂN*

◇ *SÀI GÒN*

◇ *DÂN BÁO*

◇ *TUẦN BÁO TIẾN*, cơ quan ngôn luận chính thức của phong trào Thanh Niên Tiền Phong, số 1 ra mắt độc giả vào ngày 11-8-1945, giám đốc là Mai Văn Bộ, quản lý là Huỳnh Văn Tiểng.

Ngày 19-8-1945, chính phủ Trần Trọng Kim sụp đổ. Ở miền Bắc, các tờ báo cách mạng ra công khai như tờ *Cứu Quốc*, *Sự Thật*, *Tiền Phong*...

Ở miền Nam, kẻ đã giết chết nền báo chí ở đây chính là tướng Gracey chỉ huy lực lượng đồng minh đến Sài Gòn để giải giới quân Nhật. Trong số những tờ bị đóng cửa có tờ *Hưng Việt* của Hồ Văn Ngà và tờ *Tranh Đấu* của Phan Văn Hùm.

Ngày 23-9-1945, bắt đầu cuộc kháng chiến Nam bộ. Cho đến ngày 22-11-1945, người dân Sài Gòn mới có dịp đọc báo trở lại: tờ *Phục Hưng* của Hiền Sĩ chủ trương phân chia Nam-Bắc.

Ngày 19-12-1946 nổ ra cuộc toàn quốc kháng chiến. Báo chí nước nhà bước sang một khúc quanh lịch sử mới.

2.3.3. Báo Pháp ngữ tại Nam Kỳ giai đoạn 1930-1945.

Loại báo Pháp ngữ do người Pháp chủ trương xuất hiện ở trong Nam nhiều hơn ngoài Bắc, vì đây là vùng đất thuộc địa, nơi mà báo chí được hưởng một chế độ tương đối tự do như báo chí ở chính quốc. Loại này có các tờ:

- *L'ABEILLE* (1934), tuần báo thông tin và chính trị.
- *AGIR* (1936), tuần báo thông tin chính trị và văn học.
- *FRANCE-ANNAM* (1932), báo thông tin chính trị và văn học.
- *LE COURRIER DE SAIGON* (1931).
- *LA BOMBE* (1934), tờ báo có khuynh hướng độc lập.

- *L' ALERTE (1934)*, cơ quan bảo vệ quyền lợi Pháp Việt.
- *L'INDOCHINE NOUVELLE* (1934), tuần báo thông tin.
- *LA LANTERNE (1937).*
- *LIBRE PAROLE D'INDOCHINE (1934)*, tuần báo thông tin
- *PAYSANS COCHINCHINOIS (1934)*, tuần báo bảo vệ quyền lợi nông dân.
- *NOUVELLES DU DIMANCHE (1935).*
- *NOUVELLISTE D'INDOCHINE (1936)*, tuần báo chính trị, kinh tế và văn học.
- *LE PETIT SAIGONNAIS (1940).*
- *LA VOIX DE L'OUEST (1940)*, phát hành tại Long Xuyên, tuần báo thông tin và tuyên truyền.

Báo chí Nam kỳ trong giai đoạn này có 3 đặc điểm sau đây:

- Báo chí Nam Kỳ phát triển, nhưng không theo kịp các đồng nghiệp ở miền Bắc nhất là về phương diện văn học.

Tuy nhiên, theo ý kiến của một số nhà văn và nhà báo đương thời thì báo chí trong Nam đi sâu vào quần chúng hơn, nó mang màu sắc đặc biệt của địa phương.

- Tạo môi trường thuận lợi cho sự hiểu biết lẫn nhau giữa người dân ở hai miền Bắc-Nam (nhờ sự có mặt của các nhà báo, nhà thơ từ miền Bắc vào).

- Báo chí cung cấp cho người dân Sài Gòn nói riêng và dân miền Nam nói chung những phương tiện để đấu tranh chống thực dân Pháp và đề cao tinh thần yêu nước của toàn dân.

III. VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ THỜI KỲ 1930-1945

3.1. Trên lĩnh vực văn học và xã hội

3.1.1. Văn học

Trên lãnh vực này, phải thừa nhận rằng báo chí miền Bắc nước ta đóng một vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay* của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Chính nhóm này đã thiết lập nên nền tảng vững chắc cho nền văn học hiện đại.

Hai tờ báo này tiếp tục bổ sung cho những việc làm của Hoàng Tích Chu trước kia. Họ chỉ trích lối hành văn phức tạp, khó hiểu với những từ Hán - Việt để thay vào đó lối hành văn giản dị, sáng sủa phỏng theo văn chương Pháp.

3.1.2. Xã hội

Trên lãnh vực xã hội, nhiều bài báo trong thời gian này đã liên tục hô hào chống lại những ai muốn dựa vào những hủ tục cổ xưa, chống lại bọn cường hào ác bá, các quan lại tham nhũng hại dân hại nước. Báo chí đề cao những cải cách xã hội, tự do cá nhân, công bằng xã hội...

3.2. Trên lĩnh vực chính trị

Chính báo chí đã tạo ra được một tinh thần quốc gia dân tộc, nhất là trong giới thanh niên yêu nước từ nay có được một ý thức hệ chính trị mới: *chủ nghĩa Marx*. Từ đó báo chí đã tạo ra được những phong trào đấu tranh chống thực dân và giải phóng dân tộc.

3.3. Trên lĩnh vực kỹ thuật và nghề nghiệp

Về phương diện hình thức rõ ràng là có một tiến bộ vượt bực. Cách thức trình bày trang báo rất đẹp mắt, phương tiện thông tin nhanh, nhất là những tin tức nước ngoài. Vì trong thời chiến, người Pháp ở Đông Dương rất khao khát muốn biết những tin tức xảy ra ở châu Âu. Nhờ vậy mà chính phủ thuộc địa lúc ấy đã kiện toàn hệ thống liên lạc điện tín giữa Pháp và Đông Dương.

Nhiều tờ báo lúc bấy giờ đã đạt đến những con số phát hành kỷ lục, trên 10.000 số mỗi ngày. Ngoài ra, có sự xuất hiện của những loại báo chuyên môn về y học, thương mại, phụ nữ, thiếu nhi v.v...

Mặc dù có sự tiến bộ rõ rệt, nhưng cho đến lúc này, báo chí Việt Nam vẫn còn phải đương đầu với rất nhiều khó khăn, máy in còn cổ lỗ, vấn đề tài chính đối với những người làm báo chân chính và nhất là tình trạng nghèo khổ và mù chữ của dân ta lúc ấy vẫn còn khá phổ biến.

CHƯƠNG VII

VÀI VẤN ĐỀ ĐẶC BIỆT CỦA LÀNG BÁO VIỆT NAM

Tờ báo nói chung chỉ là tờ giấy có in chữ, nếu chỉ đọc qua thì chưa đủ để hiểu nó. Do đó, người nghiên cứu lịch sử báo chí cần phân tích kỹ hơn những vấn đề như:

- "Phía sau" của tờ báo, tìm hiểu những phương tiện kỹ thuật, những người chủ trương và viết bài, và ngân sách tài chánh của tờ báo,...

- "Phía trước" của tờ báo, tức là độc giả; người nghiên cứu cần tìm hiểu những ai đọc tờ báo, ảnh hưởng của tờ báo trong quần chúng. Đây có thể là việc phỏng đoán khó chính xác.

- Bên trong tờ báo, nghĩa là "nội dung của tờ báo", tức là những bài vở đăng tải (1).

Chúng tôi trình bày vài vấn đề đặc biệt của báo chí Việt Nam từ lúc có tờ báo đầu tiên đến năm 1945 qua ba khía cạnh vừa kể. Đó là những vấn đề:

1. Bản chất, cơ cấu về xã hội và nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam.

---

(1) Pierre Albert, Histoire de la Presse Française, bài giảng dạy ở Viện Báo chí Pháp, niên khóa 1966-1967, tr. 2.

2. Bản chất, cơ cấu về xã hội và nghề nghiệp của độc giả.

3. Phân tích nội dung của vài tờ báo điển hình.

4. Báo chí và vấn đề tài chính.

I. BẢN CHẤT, CƠ CẤU VỀ XÃ HỘI VÀ NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LÀM BÁO VIỆT NAM

Vào khoảng 1925-1930, người làm báo xuất thân từ Nho sĩ như các ông: Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Nhượng Tống bởi vậy thiên hạ xem họ như những nhà luân lý đem kiến thức ra để giáo dục dân chúng, sống thanh bạch đáng kính nể. Họ có tác phong nghiêm trang, gương mặt trầm tư, luôn luôn cố gắng tìm những "lời vàng ngọc" để viết ra, rồi ngày mai độc giả sẽ lĩnh hội với thái độ kính cẩn. Nào phải riêng người viết bài xã luận mới ra vẻ quan trọng, nghiêm nghị, kể cả những người dịch tin tức, người phóng viên cũng theo tác phong đó khi tiếp xúc với người xung quanh, giới ký giả tỏ ra dè dặt cẩn thận từng cử chỉ, lời nói và tránh có hành động làm giảm uy tín cho cả làng báo nói chung...(1)

Đó là chân dung của người làm báo thời Pháp thuộc do một ký giả lão thành tả lại. Thuở ấy, ký giả được dân chúng nể nang, được quan niệm như những người hiểu biết rộng, với phong thái trang nghiêm. Họ xứng đáng được kính trọng, đóng vai trò "hướng dẫn", giáo dục quần chúng, họ được người dân xem như thuộc vào tầng lớp "quan lại cao cấp". *"Bấy giờ quan lại thì*

---

(1) Tố Xuyên, *Nghề viết báo*, Khai Trí, Sài Gòn 1968, trang 39-40.

đông, chủ bút thì ít. Ở Nam Kỳ, chỉ có một quan Thống Đốc, vài ông hội đồng quản hạt, còn giới ký giả thì thưa thớt, năm mười người thôi."(1)

Những bằng có trên chứng minh rằng làm báo là một nghề được kính trọng lúc bấy giờ, độc giả yêu kính người làm báo, vì vai trò tinh thần của họ, họ là "Kẻ sĩ".

Để có một ý niệm cụ thể hơn về đời sống của giới làm báo thời Pháp thuộc, chúng tôi xin tạm chia ra ba hạng, và mỗi hạng được giới thiệu qua một vài nhân vật điển hình:

- Nhà báo - Chính khách
- Nhà báo - Văn thi nhân
- Nhà báo - Chuyên nghiệp

1.1. Nhà báo - Chính khách

Đây là người dùng báo chí như là phương tiện để họ đạt mục đích chính trị, họ cố gắng gây ảnh hưởng trong độc giả. Như trường hợp của Trần Chánh Chiếu (tức Gilbert Chiếu), Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh,...

a. Trường hợp Trần Chánh Chiếu (1867-1919)

Người có công nhất trong việc vận động Duy Tân ở miền Nam vào đầu thế kỷ là ông Trần Chánh Chiếu.

Ông quê ở làng Vân Tập, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang). Ông có hiệu

---

(1) Hoàng Phố, *Ba mươi năm làm báo*, báo chí Tập San, số 1, Sài Gòn 1968.

là Quang Huy, biệt hiệu là Đông Sơ và thường ký tên Kỳ Lân Các, Nhựt Thăng, Thiên Trung,...

Là một "công tử" tại Rạch Giá, ông được đưa lên Sài Gòn học tại trường Collège d'Adran. Tốt nghiệp, ông về làm thầy giáo, rồi xã trưởng Rạch Giá, thông ngôn cho tham biện (chủ tỉnh) tỉnh Rạch Giá. Ông gia nhập quốc tịch Pháp, và giàu có nhờ khẩn đất hoang ở vùng Tràm Chẹt Nhỏ (thuộc huyện Giồng Riềng), do đó, còn gọi ông là Gilbert Chiếu. Ông cũng là một trong những người xây dựng chợ Rạch Giá đầu tiên thời bấy giờ.

+ Trần Chánh Chiếu - Nhà báo:

Khoảng năm 1900, ông bán một phần gia tài, bỏ việc lên Sài Gòn làm báo, tham gia các tổ chức yêu nước... Năm 1906, ông liên lạc với các nhà yêu nước như Nguyễn Thần Hiến, Nguyễn Quang Diêu, Nguyễn An Khương, Phan Bội Châu,... Từ đó ông được xem là nhân vật cột trụ của phong trào Duy Tân, Đông Du ở Miền Nam. Có lần ông sang Hương Cảng, Nhật Bản để gặp Phan Bội Châu.

Năm 1907, ông làm chủ bút tờ Lục tỉnh Tân Văn, công khai hô hào duy tân cứu nước.(1) Ông đưa ra chương trình cải cách quảng bá rộng rãi trên hai tờ *Nông Cổ Mín Đàn* và *Lục Tỉnh Tân Văn*. Trên hai tờ báo này, nhất là tờ *Lục Tỉnh Tân Văn*, ông Trần Chánh Chiếu là cây bút chủ lực đã đóng góp rất nhiều về văn hóa, hướng dẫn về mặt chính trị và thương mại cho nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ.

---

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Tiến trình văn nghệ miền Nam*. Nxb An Giang, 1990, tr. 250.

Ngoài việc làm báo, ông còn để lại các sách:

- *Hương Cảng nhân vật* (ký)
- *Tiền căn báo hậu* (phỏng dịch tiểu thuyết *Le Comte de Monte Cristo* của A. Dumas) ký là Kỳ Lân Các 1914.
- *Văn ngôn tập giải* (recueil du langage fleuré 1915)
- *Hoàng Tố Anh hàm oan* (ký là Trần Thiên Trung 1910)
- *Minh Tân tiểu thuyết* (gồm các bài báo)
- *Gia Phổ* (1917)

+ Trần Chánh Chiếu - Nhà cách mạng

Ngoài việc lập tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* để đưa ra chương trình cải cách, vận động duy tân ở miền Nam, ông Trần Chánh Chiếu còn thành lập các cơ sở công thương nghiệp để tạo tài chánh giúp đỡ cho các du học sinh tại Nhật Bản, thành lập hội Minh Tân (danh xưng này rút gọn từ một câu trong sách Đại Học: "*Đại học chi đạo tại Minh Minh Đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện*". Đương thời ở miền nam, nhân dân thường gọi Trần Chánh Chiếu là ông phủ Minh Tân.(1)

Ông đã tổ chức được các cơ sở kinh tài như: Chiêu Nam Lầu, hãng xà bông Canard (Con vịt), Nam Trung khách sạn; Minh Tân khách sạn, Nam Kỳ Minh Trung khách sạn, Tân Hòa thương hội, hội tương trợ Tân Công nghệ, Tân Hòa thương hội, hội tương trợ của giáo viên, Minh tân thương cuộc, Nam Kỳ thương cuộc, Nam Mỹ Thạnh thương quán, y dược công ty, Nam Hoà, Công ty Nam Chân Thành, Nam Hoà Lợi, Tế Nam khách sạn,... rải rác khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Mỹ Tho, Sa Đéc, Rạch Giá, Bến Tre, Bạc Liêu, Vĩnh Long.(1)

Toàn lục tỉnh Nam Kỳ đều hưởng ứng phong trào này.

Hội viên của hội Minh Tân phần đông là nông dân, lao động thành thị, tiểu thương, tiểu nông,... những người này tham gia vào hội Minh Tân là do động cơ yêu nước, muốn canh tân Việt Nam, chớ không phải vì mục đích làm giàu; họ chỉ muốn cho đồng bào tự cường, tự lực,... mà ý thức đó phần lớn là do các ngòi bút của hai tờ báo *Nông Cổ Mín Đàm, Lục Tỉnh Tân Văn*, do Gilbert Chiếu khởi xướng.

Phong trào Minh Tân khởi xướng một thời gian thì bị tan rã vì ông Trần Chánh Chiếu bị Pháp bắt năm 1908. Sau khi ra tù, ông về Rạch Giá bán hết ruộng đất lên Sài Gòn lập tiệm buôn để lấy tiền giúp phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu.

Năm 1917, ông lại bị tòa án quân sự Pháp bắt một lần nữa vì cho ông là người tài trợ cho Phan Phát Sanh tức Phan Xích Long. Sau đó ông được thả tự do và mất tại Sài Gòn năm 1919.

b. Trường hợp Phạm Quỳnh

Những hoạt động báo chí, văn chương, chính trị của Phạm Quỳnh được bộc lộ rõ rệt trong tạp chí *Nam Phong*, cơ quan văn hóa của giới nho sĩ đương thời

---

(1) Nguyễn Q. Thắng, Sđd, trang 248.

(1) Sơn Nam, *Miền Nam đầu thế kỷ XX Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân*. Nxb Phù Sa, 1916, Sài Gòn.

mà Phạm Quỳnh là linh hồn, là cột trụ của tạp chí này.

Phạm Quỳnh

Quê ông ở Hải Dương (Bắc Kỳ), sanh năm 1890, học trường Thông ngôn, tốt nghiệp năm 1908, rồi làm việc ở trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội. Năm 1913, ông viết bài cho *Đông Dương Tạp Chí*, mãi đến 1917, năm ông điều khiển tờ *Nam Phong Tạp Chí* với chức vụ chủ bút (1). Ông cũng là cây viết chủ lực, cùng với Nguyễn Bá Trác, của tạp chí *Âu Châu Chiến Sử*, cơ quan tuyên truyền của Toàn quyền Sarraut cho thành lập phổ biến bên Trung Hoa. Trên *Nam Phong*, Phạm Quỳnh viết hầu hết những bài về văn học, triết học, chính trị bằng Việt ngữ, Hoa ngữ và Pháp ngữ.

Năm 1919, Phạm Quỳnh là một trong những sáng lập viên của hội Khai trí Tiến Đức.

Được nổi danh trong nghề, nên năm 1922, ông qua Marseille (Pháp) diễn thuyết ở Viện Pháp quốc Hải ngoại, Sinh ngữ Đông phương, Hội Nghiên cứu Địa lý ở Paris và Hàn Lâm viện Khoa học Luân lý và Xã hội.

---

(1) Phạm Thế Ngũ, Sđd, tr. 125.

+ Phạm Quỳnh - Chính khách

Trong địa hạt chính trị, ông được chỉ định làm Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ năm 1916, Tổng Thơ ký hội Cứu tế xã hội năm 1931. Năm 1932, Hoàng đế Bảo Đại về nước, Phạm Quỳnh được bổ nhiệm làm Ngự Tiền Văn phòng ngày 2-5-1933, sau đó lên đến chức vụ Lại Bộ Thượng Thơ. Về chánh trị, ông chủ trương thuyết Quân chủ Lập hiến, theo khuôn khổ của hiệp định Pháp-Việt 1884. Năm 1945, khi người Nhật đảo chánh ở Đông Dương, nội các Trần Trọng Kim thay thế nội các Phạm Quỳnh.

Phạm Quỳnh qua đời vào tháng 8-1945.

+ Phạm Quỳnh và chính sách Pháp-Việt đề huề

Phạm Quỳnh khâm phục chính sách của A. Sarraut và được viên Toàn quyền tin cậy. Phạm Quỳnh hăng hái tin rằng người Pháp sẽ thật thà thi hành đường lối đề huề, kẻ thống trị và kẻ bị trị hợp tác nhau để mưu ích lợi chung. Bởi vậy đa số bài vở mà ông viết trong *Nam Phong* đều nhắm vào việc đề cao "sứ mạng khai hoá" của nước Pháp, đề cao sự hợp tác chặt chẽ vô tư giữa hai dân tộc.

Nhà báo Jean de Méville giúp chúng ta hiểu thêm thái độ của Phạm Quỳnh đối với chính sách Pháp-Việt đề huề.

"Nhiều người Pháp chúng ta hơi than phiền về thái độ xu phụ của Phạm Quỳnh. Họ hồ nghi, chẳng hiểu tại sao ông này thân Pháp một cách quá thành thật, quá vô tư, hay là ông muốn đóng vai trò vụ lợi để đạt được mục đích nhanh chóng hơn. Chúng tôi đã

nhiều lần nói chuyện với ông ta, quả thật ông ta có cảm tình với chính sách bảo hộ của nước Pháp, nhưng không vì thế mà bỏ mất "cốt cách thuần túy Việt Nam" trong lúc tranh luận, trong lúc nói, châm chọc khôi hài. Bởi vậy khi ông ta được cử giữ chức Thượng thư Bộ lại dưới triều Bảo Đại, Phạm Quỳnh đã kiên nhẫn đề cao "Quốc hồn quốc tuý" khi diễn tả bằng chữ Nho, Quốc ngữ hoặc Pháp văn. Có thể so sánh ông ta với văn hào F.Mistral và hơn nữa với các nhà văn nhân bản hồi thế kỷ 16. Phạm Quỳnh là người tiếp tay quý báu và cần thiết để phát triển tinh thần Pháp - Việt đề huề, gây tin cậy giữa hai dân tộc. Không có tinh thần nầy thì khó bề thực hiện một sự thông cảm lâu dài. Điều nầy đã được quan Toàn quyền Albert Sarraut hiện giờ là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đặc biệt ca ngợi và tưởng thưởng. Người đã sáng suốt nhìn xa, can đảm mở đường khai lối để thực hiện những cải cách căn bản. Dám mong một số người Pháp ở thuộc địa sẽ thấu rõ, sẽ say mê cũng như chúng tôi trước bao nhiêu việc làm xây dựng cho đế quốc Pháp, như là công lao của các chiến sĩ vô danh, của Bá Đa Lộc, của Bộ trưởng Chasseloup-Laubat, của nhà thám hiểm Pavie, của các quan toàn quyền Doumer, Sarraut, Van Vollenhoven. Chỉ khi nào chúng ta lưu ý đến các bài nghiên cứu của các người Việt Nam lỗi lạc như Phạm Quỳnh thì chúng ta mới phục vụ đắc lực hơn trong địa hạt hợp tác Pháp-Việt, theo con đường mà tiền nhân đã vạch sẵn."(1)

---

(1) Jean de Méville, *Học giả Phạm Quỳnh*, Tạp chí Hebdomadaire số 27, ngày 8-7-1933, Paris.

c. Trường hợp Bùi Quang Chiêu

Ông nầy không đóng vai trò quan trọng như Phạm Quỳnh, chỉ viết những bài bình luận chính trị trong tờ báo nhà là tờ *La Tribune Indochinoise*; trong khi Phạm Quỳnh có thể đề cập đến những vấn đề văn học, nghệ thuật, triết học. Ở miền Nam, người ta biết nhiều Bùi Quang Chiêu vì ông là một trong những lãnh tụ của Đảng Lập hiến Đông Dương, là Hội đồng Quản hạt và là Giám đốc chính trị của tờ *La Tribune Indochinoise*.

Sanh quán ông ở Bến Tre, chào đời năm 1873, học ở Algérie, bạn học của Van Vollenhoven (sau này là Toàn quyền Đông Dương). Sau khi đậu bằng tú tài khoa học tại Alger, ông vào trường canh nông Pháp ở Paris, ra trường năm 1897, ông xin nhập quốc tịch Pháp(1).

Về Sài Gòn, ông làm việc cho Viện Nghiên cứu Sài Gòn, khi trường canh nông ở Huế thành lập, triều đình Huế (đời Thành Thái) mời ông ra Huế dạy. Năm năm sau, chính quyền Pháp bổ nhậm ông làm Phó giám đốc Nha Canh Nông ở Hà Nội. Năm 1907, ông được nhà nước thuộc địa giao chăm sóc thí điểm nuôi tằm và dệt lụa ở Tân Châu (Châu Đốc). Năm 1913, ông lại trở ra Hà Nội để nghiên cứu vấn đề tơ lụa cho chính phủ. Sau đó, khi về Sài Gòn, ông được làm quản đốc cơ sở tằm tơ Tân Châu, mỗi năm thâu số lợi chừng 4.000 đồng(2) là số tiền rất to lúc bấy giờ.

---

(1) Văn Minh, số ngày 3-9-1927.

(2) Văn Minh, ngày 11-2-1928.

Ngoài nghề viết báo, hoạt động chính trị, Bùi Quang Chiêu còn hoạt động tích cực trong ngành doanh thương, ông có một xưởng làm nón, một nhà máy xay lúa gạo và một nhà buôn lớn ở Sài Gòn (hiệu Nam Đồng Lợi). Các cơ sở kinh doanh này rất thành công về mặt kinh tài, nhờ uy thế chính trị của ông và nhờ sự nâng đỡ của chính phủ đương thời.

Tóm lại Bùi Quang Chiêu là con người đa dạng: làm báo (tờ La Tribune Indochinoise), làm chính trị (Hội đồng Quản hạt, lãnh tụ Đảng Lập Hiến), làm kinh tài... Ông biết tận dụng uy thế của tờ báo để làm áp lực với chính phủ, với các nhóm kinh tài khác với mục đích ông được ưu đãi trong công cuộc làm ăn.

Về chính sách Pháp-Việt đề huề, Bùi Quang Chiêu cổ súy hết lòng không kém gì Phạm Quỳnh. Chính sách "Đề huề" do Toàn quyền Albert Saraut ban ra được họ Bùi ca ngợi như sau:

"Người Pháp đã góp phần thắt chặt tình hữu nghị Việt-Pháp tạo nền móng vững chắc để từ đó Đông dương sẽ vươn lên đẹp đẽ và vững mạnh. Người Việt Nam đã từng yêu quý nhiều người Pháp có thiện chí, mà họ xem như là bạn thân, là anh cả. Những người anh cả nầy sẵn sàng đền đáp lại, giúp đỡ đàn em..."(1)

Trên đây là hai nhân vật điển hình cho giới làm báo kiêm chính trị gia. Cả hai đều nhờ con đường làm báo mà đạt mục tiêu chính trị. Phạm Quỳnh nhảy lên ghế Lại Bộ Thượng Thư, Bùi Quang Chiêu trở thành lãnh tụ Đảng Lập Hiến và Hội đồng Quản hạt, được Nhà nước thuộc địa nể nang phần nào, được dân chúng miền Nam và đặc biệt là giới trí thức tư sản chú ý.

d. Trường hợp Phan Văn Trường (1876-1933) (1)

PHAN VĂN TRƯỜNG

Là một trong những tiến sĩ luật khoa đầu tiên của Việt Nam, ông còn là một học giả uyên bác, tinh thông cả hai nền Hán học và Tây học, kim cổ đông tây, và là một trí thức yêu nước, tiến bộ.

Ông người làng Đông Ngạc, Hà Nội, xuất thân từ một gia đình khoa bảng. Năm 1908, Phan Văn Trường sang Pháp du học và đỗ bằng tiến sĩ luật. Năm 1922, ông ghi tên vào danh sách Đoàn Luật sư Paris, hành nghề tại Toà Thượng Thẩm Paris.

Tại Paris, ông tham gia những hoạt động yêu nước, cùng với Phan Chu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, viết nhiều bài báo đăng trên tờ Le Paria. Chính trong những năm 1913-1914, Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc đã có những quan hệ mật thiết với nhau. Sau khi Nguyễn Ái Quốc bí mật rời khỏi Pháp, cuối 1923, Phan Văn Trường quyết định về nước.

---

(1) La Tribune Indochinoise, số 47 ngày 26-11-1926.

(1) Gs Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng, *Luật sư Phan Văn Trường*. Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1995

báo La Cloche Fêlée (Cái Chuông Nứt)(1) lên án chế độ cai trị của thực dân Pháp ở Đông dương và đánh đổ sự mục nát bất công trong xã hội. Bị thực dân làm khó dễ đủ điều, song ông Ninh vẫn kiên gan tiến mạnh trên con đường đã vạch sẵn.

Ông vẫn tiếp tục viết báo và chính ông ôm báo, chạy rao, bán khắp nẻo đường ở Sài Gòn. Ông còn diễn thuyết hô hào kêu gọi đồng bào thức tỉnh trước cảnh nước mất nhà tan, kêu gọi thanh niên đứng lên chống chế độ hà khắc của thực dân.

Thực dân đã mạnh tay khủng bố ông. Chúng bắt ông bỏ tù năm lần mà lần sau cùng, tòa án Sài Gòn trong phiên họp xử kín ngày 14-05-1940 kết án ông Nguyễn An Ninh 5 năm tù, 10 năm biệt xứ, và 10 năm mất quyền... công dân.

Cuối năm 1940, ông bị đày ra Côn Đảo. Tại đây chúng xem ông là "phần tử nguy hiểm" nên giam giữ riêng ông. Chế độ hà khắc của lao tù Côn Đảo giết lần mòn các nhà ái quốc Việt Nam ...

Ông Ninh mang ba chứng bệnh hiểm nghèo: xuất huyết, thủng và kiết nặng.

---

(1) Trong quyển: Luật sư Phan văn Trường của Nguyễn Phan Quang và Phan Văn Hoàng, trang 94: "Theo Hà Huy Giáp, "Anh (Nguyễn An Ninh) hăng hái, năng động, nhưng anh chưa có đường lối, còn mò mẫm. Tiếng Chuông (ý nói "tờ báo" Chuông Rè) đánh trong đêm khuya dăng dặc còn chưa rõ, chưa trong, còn đục. Chuông đánh trong đêm tối như mực chưa có ánh lối thoát:... Còn Trần văn Giàu thì nhận xét: "Nguyễn An Ninh sôi nổi bao nhiêu thì Phan văn Trường trầm tĩnh bấy nhiêu." Nhưng hình như sự khác nhau về cá tính không ảnh hưởng đến sự cộng tác gắn bó tâm đắc của hai nhà chí sĩ."

Do đó, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đã trút hơi thở cuối cùng vào 22 giờ 20 đêm thứ bảy 14-08-1943, nhằm 14 tháng 7 âm lịch năm Quý Mùi. Thực dân chỉ cho có hai chiếc bao bàng với bảy nuột dây để bó xác ông Ninh.

Thi hài nhà Cách mạng giao phó cho ba tù nhân bỏ lên xe tay, đẩy cà rịch cà tàng trên con đường trải đá lôm chôm đến khu rừng chồi ở cuối đường Hàng Keo nay gọi là Hàng Dương, chôn vào lúc 14 giờ 45 chúa nhựt 15-08-1943, tức Rằm tháng bảy năm Quý Mùi.

Ông Nguyễn An Ninh hưởng dương 44 tuổi."

Trần Tấn Quốc, trong tờ Dân Quyền ra ngày 15-8-1964, viết về Nguyễn An Ninh như sau:

"Thành danh ở ngoại quốc về xứ, lại không đem hiểu biết phục vụ cho mẫu quốc, đó là điều làm cho Tây... hối hận không ít.

Trở về xứ, ông ra báo. Tờ báo lại viết bằng chữ Pháp La Cloche Fêlée (Cái Chuông Nứt). Sự thật thời bấy giờ có nhiều bọn trí thức, học hỏi đỗ đạt lại ra làm gia nô cho ngoại bang mong vinh thân phì gia. Làm báo chữ Pháp đồng bào bình dân bản xứ nhiều người không đọc được, nhưng chắc chắn bộc lộ được lòng yêu nước của mình một cách thẳng thắng trước bọn xâm lăng. Sinh viên, học sinh, giáo chức đọc được báo của ông Ninh, bầu máu nóng cuồn cuộn bừng sôi.

Bù lại cho giới lao động bình dân không đọc được báo mình, ông Ninh diễn thuyết cho họ nghe, ít nhất mỗi ngày một lần... từ anh phu xe kéo đến chị bán hàng rong...

Sôi nổi nhất là lần ông đánh tên Chà góp tiền chỗ tại chợ Cũ để bênh vực quyền lợi bạn hàng. Mọi người quây quần chung quanh sẵn sàng bênh vực cho ông. Lúc đó ông mạnh miệng công kích chánh sách thuộc địa của bọn thực dân Tây và vạch trần những thủ đoạn bóc lột của ngoại kiều. Ông được đồng bào cổ vũ, hoan hô nhiệt liệt.

Với ông, khi có cơ hội thuận tiện là ông diễn thuyết ngay, nhằm mục đích thức tỉnh đồng bào, có chứng minh cụ thể.

Như lần tờ báo ông bị đình bản, ông quy tụ đồng bào trên đại lộ De La Somme để công kích quyền tự do ngôn luận bị chà đạp."

Nhân nói về cụ Phan Chu Trinh, một nhân vật thời đó viết:

"Đây là do Nguyễn An Ninh đem Phan Chu trinh về nước và đem luôn sự giác ngộ cho dân chúng Đông Dương. Nếu không có Ninh thì dân chúng còn mê muội, mãi nghĩ đến chức phận và tranh nhau quyền lợi nhỏ nhen, chớ không ồ ạt như ngày nay..."

Có thể nói ông là một nhà cách mạng chân chính. Suốt đời chỉ biết lo cho dân, mong mỏi quy tụ đồng bào mọi giới thành một khối lớn chống lại ách thống trị ngu dân của ngoại bang, không phân biệt đảng phái hay chính kiến.

Ngày ông vào tù, học sinh bãi khóa, thợ thuyền đình công, nông dân biểu tình đòi thả Nguyễn An Ninh.

"Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan nào sợ cái Côn Nôn..."

Năm lần bị bắt vào khám, bị thực dân Pháp kết án cả 11 năm 6 tháng tù ở, 20 năm biệt xứ, 10 năm mất quyền công dân, trọn đời ông Nguyễn An Ninh là người hiến thân cho dân cho nước.

Đề cập đến Nguyễn An Ninh, GS Trần Văn Giàu viết: *"Nguyễn An Ninh chưa hề là Đảng viên Cộng sản, vậy mà ít ra từ những năm 1929-30, anh đã như là một người Mácxít-Lêninit hoạt động trong quần chúng, hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng... Trong mắt, trong lòng người Sài Gòn-thành phố Hồ Chí Minh, chí sĩ Nguyễn An Ninh là một người cách mạng, xứng đáng được lưu danh bằng bia đá, tượng đồng"* (1).

1.2. Nhà báo - Văn thi nhân

Lúc làng báo còn phôi thai, người làm báo thường xuất thân là văn sĩ, thi sĩ. Ở Việt Nam, văn sĩ, thi sĩ vốn sẵn có nhiều cảm tình với độc giả, thường được ban Giám đốc mời đến, đặc biệt là giao phó trách nhiệm chủ trương các mục văn học, phê bình, thi ca, tiểu thuyết, phần "văn nghệ" này cũng rất quan trọng vì giới trí thức ở Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XX tha thiết đến văn chương hơn các vấn đề khác, hơn nữa để tránh cây kéo kiểm duyệt, người làm báo lánh né vào vấn đề văn chương vừa được yên thân vừa có độc giả.

Bởi vậy trong tòa soạn văn nhân, thi sĩ chiếm phần quan trọng. Về mặt tinh thần, họ được độc giả ái mộ. Tiểu thuyết, thi ca của họ, đã làm cho số độc giả tăng thêm. Về mặt vật chất, đời sống của họ lắm

---

(1) Nguyễn An Tịnh, *Nguyễn An Ninh*. Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1996, tr.16.

Tại Sài Gòn, ông vừa hành nghề luật sư, vừa hợp tác với nhà yêu nước Nguyễn An Ninh (mà hai người đã quen biết nhau từ trước ở Pháp, Nguyễn An Ninh kém Phan Văn Trường 22 tuổi), cùng làm báo tranh đấu chống thực dân Pháp: tờ *La Cloche Fêlée* và tờ *L'Annam*.

Từ tờ báo cho đến những buổi diễn thuyết chống thực dân trước sự cổ vũ cuồng nhiệt của hàng ngàn thanh niên Việt Nam lúc đó, ông luôn luôn bày tỏ thái độ chống thực dân, tấn công cái gọi là "Pháp Việt đề huề" một thời ru ngủ một số trí thức thân Pháp như Phạm Quỳnh ở Bắc, Bùi Quang Chiêu ở miền Nam, khiến thực dân Pháp hết sức lo sợ. Hậu quả là ngày 27-3-1928, Phan Văn Trường bị bắt, ra tòa, bị kêu án hai năm tù giam. Ông chống án, sang Pháp, và mãi đến một năm rưỡi sau tòa Thượng Thẩm Paris mới xử y án. Ngày 14-8-1929, ông bị đưa vào nhà giam La Santé, nơi 15 năm trước Phan Chu Trinh đã từng ngồi tù.

Mãn hạn tù, Phan Văn Trường về nước, chứng kiến tình hình cách mạng trong nước đã chuyển biến nhanh sau mấy năm xa xứ.

Về đến Sài Gòn, Phan Văn Trường gặp lại Nguyễn An Ninh với ý định tiếp tục cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp trên mặt trận báo chí công khai.

Ý nguyện chưa thành, năm 1933, ông về Hà Nội để thăm gia đình, nhưng ngã bệnh bất ngờ. Ông qua đời tại quê nhà ngày 22-4-1933, vào cái tuổi 57, để lại niềm thương tiếc sâu xa trong lòng bè bạn và người dân cả nước.

Các nhà cách mạng Việt Nam đã đánh giá cao thân thế sự nghiệp Phan Văn Trường.

Hà Huy Giáp - nguyên Ủy viên ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, từng hoạt động nhiều năm ở Nam bộ, đã bị tòa án Đại hình Sài Gòn của thực dân Pháp tuyên án khổ sai chung thân (tháng 5-1933), đày ra Côn Đảo - là một trong những người biết khá rõ về Phan Văn Trường . Ông nhận định: *"Phan Văn Trường là một học giả uyên bác, tinh thông văn hóa kim cổ đông tây (...) có công lao cùng với Ninh (Nguyễn An Ninh), sau cùng với Nguyễn Khánh Toàn (...) truyền bá chủ nghĩa Cộng sản trực tiếp ở Việt Nam vào trong giới sinh viên học sinh, nhà giáo (...). Ông có uy tín trong giới trí thức."*(1)

Trần Văn Giàu - nguyên bí thư Xứ ủy Đảng Cộng Sản Việt Nam ở Nam Kỳ, một trong 19 sinh viên Việt Nam biểu tình trước dinh tổng thống Pháp ngày 22-5-1930 phản đối bản án tử hình 13 chiến sĩ trong khởi nghĩa Yên Bái, bị chính quyền thực dân trục xuất về nước- đã có dịp tiếp xúc với Phan Văn Trường. Ông cho rằng Phan Văn Trường *"chịu ảnh hưởng khá đậm của Cách mạng Tháng 10 Nga."*

Trong *Lược sử báo chí Thành phố 1865-1945*, Ngô Hà đánh giá Phan Văn Trường với hai tờ *La Cloche Fêlée* và *L'Annam* như sau: *"Phan Văn Trường là một trong những người Việt Nam sớm được giác ngộ, thức tỉnh bởi cuộc Cách mạng Tháng 10 Nga vĩ đại; cụ đã góp phần quan trọng truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin*

---

(1) Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng, Sđd, tr.145.

ở xứ ta trong những năm 20, đặc biệt là từ 1925-1927 qua La Cloche Fêlée và L'Annam mà cụ là linh hồn (...)". "Ông Phan được sự hợp tác chẳng những của trí thức Việt Nam yêu nước nổi tiếng ở Sài Gòn mà cả nhiều người Pháp tiến bộ như trạng sư Monin (...). Khuynh hướng chính trị của Chuông Rè, Nước Nam thật rõ, càng về sau càng rõ yêu nước, cách mạng, cộng sản (...). Chuông Rè, Nước Nam soi sáng cho đồng bào lúc đó, nhờ thấy xa thấy đúng (...). Hai tờ báo đó làm danh dự cho làng báo Việt Nam, từ trước đến đó chưa hề thấy có báo đối lập với chính quyền thực dân Pháp mà dũng cảm như thế, với văn phong hấp dẫn như thế (...). Những năm 20 và công khai mà được như vậy đáng là những tờ báo tiên phong, những ngôi sao sáng của lịch sử báo chí Sài Gòn (...). Có thể xem L'Annam là tờ báo tiến bộ nhất ở Việt Nam, ở Sài Gòn trong những năm 20."(1)

e. Trường hợp Nguyễn An Ninh (1900-1943)

Nguyễn An Ninh tức Nguyễn Văn Ninh, sinh năm 1900 tại Hóc Môn (Gia Định), trong một gia đình nho giáo.

Thân sinh ra ông là cụ Nguyễn An Khương và cụ bà Trương Thị Ngưu.

Cụ Nguyễn An Khương vốn là nhà trí thức, từng hoạt động cách mạng thời Đông Kinh Nghĩa Thục, lãnh đạo phong trào Duy Tân ở Nam. Cụ có hợp tác với báo *Nông Cổ Mín Đàm* và chính cụ lập ra khách sạn

---

(1) Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng, Sđd, tr.150,151.

Chiêu Nam lầu ở Chợ Cũ Sài Gòn với mục đích làm nơi đưa rước nhóm thanh niên bí mật xuất dương.

Nguyễn An Ninh học tại các trường Taberd, Collège Mỹ Tho, Chasseloup-Laubat ở Nam. Sau đó ông ra Hà Nội học trường thuốc, nhưng chỉ sáu tháng thì bỏ y khoa, sang học luật. Năm 1918, nhân dịp bãi trường, ông về Sài Gòn thăm gia quyến và không trở lại Hà Nội mà sang Pháp.

NGUYỄN AN NINH

Ông Lê Văn Thử, viết trong quyển *Hội kín Nguyễn An Ninh* có đoạn:

"Thân sinh anh Ninh, ông Nguyễn An Khương, không đủ tiền cho anh đi Pháp. Anh Ninh phải mượn một số bạc của người cậu ruột để sau này trừ phần ăn bên ngoại của anh.

Tại Pháp, ông Ninh vừa đi làm vừa học, mới đủ tiền chi dụng. Ông đậu bằng cử nhân luật khoa, rồi sau đó trở về nước. Trong thời gian ở Pháp, ông quan hệ mật thiết với nhiều nhà yêu nước Việt Nam như Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc,...

Năm 1923, trở về nước, ông từ khước chức quan tòa và tất cả chức vị cao cấp khác do chính phủ thuộc địa ân cần trao cho. Tại Sài Gòn, ông Ninh chủ trương khi quá bi đát, họ không ăn lương cao, trái lại bị đóng khung vào kiếp tằm nhả tơ, trong khi ký giả kiêm chính khách có đời sống dồi dào về tiền bạc - trừ trường hợp ký giả các tờ báo chống chính quyền.

a. Trường hợp Tản Đà

Thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu là người mà chúng tôi nêu lên, làm điển hình cho trường hợp vừa kể.

+ *Tản Đà thi sĩ:*

Nguyễn Khắc Hiếu, bút hiệu Tản Đà, chào đời năm 1889 ở Sơn Tây miền Bắc Việt Nam, thuở nhỏ học chữ Nho, năm 14 tuổi, bắt đầu làm vài bài thơ đáng chú ý, năm 19 tuổi, học chữ Quốc ngữ nhưng không đỗ đạt gì cả. Ông tự khôi hài: *Chữ nghĩa Tây Tàu trót dở dang...*

NGUYỄN KHẮC HIẾU
(Biệt hiệu TẢN ĐÀ)

+ *Tản Đà viết báo:*

Năm 1921, tờ *Hữu Thanh* ra đời, như là cơ quan ngôn luận của Hội nông công thương gia Bắc Kỳ, do Nguyễn Huy Hợi và Nguyễn Thông thành lập. Tản Đà được mời làm chủ bút. Sáu tháng sau, thi sĩ nghỉ việc làm báo để lo việc xuất bản những thi phẩm riêng của mình và lập Tản Đà thư cục.

Năm 1926, với số vốn 60 đồng, Tản Đà cố gắng cho ra tờ *An Nam tạp chí* do chính ông chủ trương.

Sau 10 số, vì tiền bạc khô cạn, tờ báo đình bản. Sau khi thanh toán nợ nần ông còn dư được 7 đồng để làm một chuyến du lịch vào Nam Kỳ, nơi đây ông gặp Diệp Văn Kỳ, chủ nhiệm *Đông Pháp Thời Báo.* Ông Kỳ giúp Tản Đà một số tiền để tái bản *An Nam tạp chí* nhưng chính phủ lại không cho tục bản; để cảm tạ vị ân nhân này, Tản Đà vui lòng cộng tác với *Đông Pháp Thời Báo*, giữ phụ trang văn chương (kể từ số 638 ngày 22-10-1927).

Ngày 14-2-1928, Tản Đà về Bắc, cũng với 7 đồng trong túi như hồi ra đi(1)!

Năm 1930, *An Nam Tạp Chí* của Tản Đà lại ra mắt, được ba số, tạm đình bản, rồi lại tục bản ở Nam Định. Báo bị chủ nợ tịch thâu, nhưng hai năm sau, báo lại đặt tòa soạn ở Hà Nội (nhưng in tận trong Vinh) ra thêm được chín số thì nghỉ vĩnh viễn vào ngày 1-3-1933.

Một mình Tản Đà lo bài vở, tòa soạn và lo luôn việc quản trị tiền nong, ông viết nhiều bài, đặc biệt là số 11 của *An Nam tạp chí* (tháng 7-1930) ta gặp 11 bài đều do Tản Đà ký tên. Thật là một chuyện hi hữu trong lịch sử báo chí thế giới vậy (2).

Ông Ngô Tất Tố thuật lại rằng trong thời gian cộng tác với *Đông Pháp thời báo* của Diệp Văn Kỳ, Tản Đà lãnh mỗi tháng 100 đồng, ngoài ra chủ báo còn cho ông vay thêm 100 đồng. Tuy vậy, đời sống của ông vẫn thiếu thốn và mỗi tháng đều phải vay nợ.(1)

---

(1) Tầm Dương, Sđd, trang 37.

(2) Tầm Dương, Sđd, trang 45.

Trường hợp "đói" của Tản Đà và tình trạng dở sống dở chết của *An Nam tạp chí* chỉ là điều thông thường trong làng báo Việt Nam lúc bấy giờ. Tờ *Nhựt Tân* ra hằng tuần, bài vở chọn lọc, trình bày đẹp so với các bạn đồng nghiệp, ấy thế mà phải "tạm biệt" độc giả vì tiền bạc cứ thâm thủng, đa số văn sĩ khác đều sống khan khổ, chỉ tìm được sự an ủi trong sự ái mộ của độc giả mà thôi.

b. Trường hợp Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1906-1969) (2)

Ông có bút danh Đông Hồ, hoặc Thuỷ Cổ Nguyệt, Đại Ẩn Am, Nhị Liễu Tiên Sinh, người làng Mỹ Đức, tỉnh Hà Tiên, (nay thuộc huyện Hà tiên, tỉnh Kiên Giang). Xuất thân từ một nhà giáo, ông chuyên nghiên cứu tiếng Việt, có ý hướng phát huy văn hóa dân tộc. Sau đó ông bỏ nghề dạy học, tham gia viết báo. Ông đã từng cộng tác với tạp chí *Nam Phong, Phụ Nữ Tân văn, Đông Pháp thời báo, Việt Dân, Mai, Tri Tân,...*

Từ năm 1926-1934, ông thành lập "Trí Đức Học Xá" chủ trương dạy Việt văn, cổ động người Việt tin tưởng vào tương lai tiếng Việt.

Vào năm 1935, ông cho xuất bản tuần báo Sống ở Sài Gòn, báo được vài mươi số, phải đình bản, ông trở về Hà Tiên sinh sống và chuyên tâm vào việc nghiên cứu văn học miền Nam.

---

(1) Tâm Dương, Sđd, tr. 48.

(2) Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế, sđd, tr. 311.

Năm 1945, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ông có tham gia một thời gian, nhưng sức yếu, ông rời Hà Tiên lên Sài Gòn. Đến năm 1950, ông sáng lập nhà xuất bản Bốn Phương. Năm 1953, xuất bản tập san *Nhân Loại*. Đây là một tờ báo tiến bộ vào thời đó ở Sài Gòn.

Đến năm 1964, ông ngưng việc xuất bản, lui về ẩn dật tại "Quỳnh Lâm thư thất", ở vùng ngoại ô Gia Định. Năm 1965, ông được mời làm giảng viên phụ trách môn văn học miền Nam tại trường đại học Văn Khoa - Sài Gòn.

Ông mất năm 1969 và để lại rất nhiều tác phẩm văn học.

1.3. Nhà báo chuyên nghiệp

Đây là hạng người viết báo và sống bằng nguồn lợi tài chánh thâu được khi làm báo. Họ mới thật sự là "ký giả thứ thiệt".

Xuất thân thuộc tầng lớp trí thức tiểu tư sản, sau một thời gian học tập bên Pháp hay học ở các trường Pháp trong nước, họ muốn mô phỏng theo báo chí Âu châu, đặc biệt là báo chí bên Pháp: họ đặt nặng vai trò thông tin hơn là vai trò giảng luân lý, triết học, phát huy thi ca, tiểu thuyết. Kể từ lúc ấy, ký giả Việt Nam mặc âu phục, sẵn sàng đi ra ngoài, tiết kiệm thời giờ, xách máy ảnh, nhờ đó mà khi nhìn qua, thiên hạ biết ngay là thầy ký giả... Hình ảnh ký giả Việt Nam không khác gì một ký giả ngoại quốc (1).

---

(1) Hải Phòng, số 6 ngày 24-2-1935.

a. Trường hợp Hoàng Tích Chu

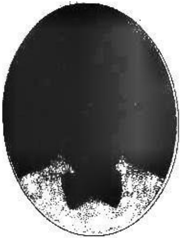
HOÀNG TÍCH CHU

Hoàng Tích Chu không sống lâu (1897-1932) nhưng giúp ích rất nhiều cho báo giới. Sau khi học nghề làm báo bên Pháp, ông về xứ, không những tung ra những cải cách lớn lao cho báo giới lúc bấy giờ (1) mà còn mang theo một nếp sống mới, khác hẳn với các bạn đồng nghiệp đương thời. Thay vì ra vẻ đạo mạo như những nhà "đạo đức", Hoàng Tích Chu và các bạn trong nhóm sống phóng túng, mặc âu phục, uống rượu, khiêu vũ, có thể hút thuốc phiện và nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Dầu sao đi nữa, ta phải nhìn nhận rằng nhóm Hoàng Tích Chu đã có khuyết điểm là thúc đẩy thanh niên Việt Nam vào con đường trác táng, họ nhìn đời như một lũ ngông.(2)

Vũ Bằng, một ký giả chuyên nghiệp lão thành đã thuật lại cuộc đời làm báo của mình như sau:

"Tôi hiểu rằng đã là ký giả phải ra vẻ là người ngoại hạng. Tôi cần có dáng điệu phong cách của nhà viết báo khác đã nổi danh, như Hoàng Tích Chu, Phùng Bảo Thạch, Tạ Đình Bích, Bùi Xuân Học, Phùng Tất Đắc. Bởi vậy, tôi hút thuốc phiện, tôi uống rượu, tôi

---

(1) Tế Xuyên, Nghề viết báo, Khai Trí 1969, tr. 159

(2) Vũ Bằng, *40 năm nói láo*. Nxb Phạm Quang Khai, Sài Gòn 1969, tr. 29

thích trai gái. Càng tự nhận mình là nhà viết báo cỡ lớn, tôi càng theo nếp sống trác táng"(1).

Hơn thế nữa Hoàng Tích Chu và các bạn trong nhóm hay thách đố các đồng nghiệp ở báo khác bày trò "đấu gươm, đấu súng", khi xảy ra bút chiến để giải quyết dứt khoát vấn đề danh dự, giống như các ký giả Pháp hồi thế kỷ 18 và 19 (2).

b. Trường hợp Quán Chi Đào Trinh Nhất (1900-1951)

ĐÀO TRINH NHẤT

Ông là con trai cụ Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ, sinh ở Thuận Hóa (Huế) nhưng cư ngụ tại Thái Bình.

Đào Trinh Nhất là một người làm báo nhà nghề, sau khi sang Pháp du học (khoảng năm 1925-1926), ông đã gia nhập hàng ngũ những người làm báo vào năm 1929 với tờ *Phụ Nữ Tân Văn* tại Sài Gòn, do bà chủ nhiệm Nguyễn Đức Nhuận trông coi. Ngay sau khi cộng tác với tờ báo này, ông đã nổi tiếng với nhiều bút hiệu như Tinh Vệ, Vô Nhị, Nam Chúc, Hồng Phong, Hậu Đình, Viên Nạp, Anh Đào, XYZ,...

---

(1) Vũ Bằng, *40 năm nói láo*. Nxb Phạm Quang Khai, Sài Gòn 1969, tr.30

(2) Tế Xuyên, Sđd, trang 206

"Công lao của ông đối với làng báo Việt Nam rất lớn. Tuy không là người đầu tiên khai sáng phong trào phụ nữ, Đào Trinh Nhất là một chiến sĩ xã hội luôn luôn hướng về quần chúng. Trong khi giữ chức chủ bút cho Phụ Nữ Tân Văn, Đào Trinh Nhất đã chú trọng đến các mục thường xuyên về ý kiến đối với thời sự, vấn đề giải phóng phụ nữ Việt Nam, vấn đề tổ chức gia chánh, vệ sinh, khoa học và đặc biệt hơn nữa là mục dành cho nhi đồng."(1)

Trong ba mươi lăm năm làm báo và viết văn, ông đã từng làm chủ bút và viết ở các báo: *Thực Nghiệp Dân Báo, Hữu Thanh, Trung Hòa Nhựt Báo, Phụ Nữ Tân Văn, Thần Chung, Đuốc Nhà Nam, Mai, Trung Bắc Chủ Nhựt,...* và đã viết tác phẩm lịch sử như: *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ, Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt Nam Tây Thuộc Sử,...* ông là tác giả của những chuyện dài như: *Cô Tư Hồng, Lê Văn Khôi,...*

Đào Trinh Nhất là một nhà báo, nhà nghiên cứu, nhà văn của văn học Việt Nam hiện đại.

Tóm lại, đa số nhà báo chuyên nghiệp lúc bấy giờ đều thuộc giới trí thức tiểu tư sản, ít nhiều chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp, tự nhận là không làm chính trị và cộng tác với những tờ báo "phi chính trị". Nhưng thật ra, họ đã dùng những tờ báo để thực hiện những hoài bão, ước mơ của họ về một cuộc cách mạng trong văn học Việt Nam.

---

(1) Nguyễn Việt Chước, *Lược sử báo chí Việt Nam*. Nxb Nam Sơn, Sài Gòn 1974, tr.105, 106.

II. BẢN CHẤT, CƠ CẤU VỀ XÃ HỘI VÀ NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐỘC GIẢ

Thật khó nghiên cứu vấn đề nầy vì ta thiếu những ước lượng tương đối chính xác về con số độc giả, thành phần xã hội của họ. Muốn giải quyết câu hỏi khó khăn trên, ta nên tìm lại những thơ gửi mua báo, trong đó thường ghi rõ rệt nghề nghiệp (để tờ báo khi gởi bằng đường bưu điện không bị thất lạc).

Tờ nhật báo bán chạy nhất thuở ấy là *Trung Lập Báo*(1), in mỗi ngày 15.000 số - một con số quá ít ỏi so với tổng số dân cư trong nước và con số phát hành ít nhất của một tờ nhật báo là 500 số.

Mặc dầu không trưng ra được tài liệu cụ thể, ta có thể phỏng đoán rằng đa số độc giả lúc bấy giờ là giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản trí thức, vì chỉ có những tầng lớp nầy mới có đủ tiền bạc và kiến thức văn hóa để đọc báo.

Giai cấp tư sản Việt Nam khác với các giai cấp khác vì có vốn liếng tiền bạc dồi dào nhưng họ có tập quán, tâm lý và sự đào tạo về giáo dục riêng. Giai cấp nầy phát triển khá đông, trong thập niên 1919-1929 so với những năm đầu thế kỷ(2).

Dầu gì đi nữa, giới kỹ nghệ gia, thầu khoán, kỹ sư và đại điền chủ vẫn là một giai cấp tư sản, không đông đảo lắm. Giai cấp tư sản phát triển đặc biệt ở Nam Kỳ có mức sống quá cao so với mức sống công nhân và nông dân. Hai giai cấp nghèo này có huê lợi hằng năm phỏng ước chừng 50 đồng(1) trong khi tiền mua báo hằng năm là 5 đồng cho tuần báo và 12 đồng cho nhật báo. Người nghèo làm sao dư tiền để mua báo? Lại còn yếu tố giáo dục nữa, người thất học, chữ nghĩa lem nhem làm sao đọc được báo?

---

(1) Nguyễn An Ninh, *La France en Indochine*. Nhà Debeauve, Paris 1926 tr. 18.

(2) Un Siècle de Luttes Nationales, đã dẫn, tr. 79.

Tầng lớp tư sản trí thức đông đảo hơn, tập trung ở thành thị, gồm sinh viên, trí thức theo Tây học. Nhiều nhà trí thức, giáo sư, luật sư, y sĩ, ký giả đã chịu ảnh hưởng tư tưởng tiến bộ của nước Pháp. Họ chiếm đa số độc giả thuở ấy và mãi đến nay...

Tuy thiếu chi tiết rành mạch, ta có thể nêu ra hai điểm sau về số độc giả:

- Về số lượng của độc giả thay đổi từ 500 đến 15.000 cho một tờ nhật báo.
- Về mặt thành phần xã hội của độc giả, đa số là thành phần tư sản và trí thức tiểu tư sản, tức là những người có đủ tiền mua báo và có vốn liếng văn hóa. Họ chiếm tỉ lệ cao trong tổng số độc giả.

III. THỬ PHÂN TÍCH NỘI DUNG CỦA VÀI TỜ BÁO ĐIỂN HÌNH

Sau khi nhìn mặt trước, mặt sau của tờ báo, ta thử xem xét bên trong của tờ báo, vì nội dung phản ánh rõ rệt đường lối chính trị của từng tờ.

Chúng tôi tạm chia ra ba loại:

- Báo chí hợp tác với nhà nước

---

(1) A. Dumarest, *Sự hình thành giai cấp và xã hội ở Việt Nam*, Luận án, Paris 1935, trang 211-218.

- Báo chí đối lập
- Báo chí không làm chính trị gọi nôm na là "thương mại".

Về hợp tác với nhà nước, chúng tôi chọn làm điển hình là tờ *Nam Phong*.

Về báo đối lập: tờ *La Cloche Fêlée*.

Về báo thương mại: tờ *Trung Lập Báo*

3.1. Trường hợp tờ Nam Phong tạp chí

Như các tờ báo thân chính quyền khác, *Nam Phong* theo đường lối duy nhất, rõ rệt: hợp tác với nhà nước, chấp nhận chính sách thuộc địa và chế độ cai trị của người Pháp. *Nam Phong* thành lập do sáng kiến của chính quyền thuộc địa và được Nhà nước kiểm soát chặt chẽ. Tờ này đứng hàng đầu về phương diện thân chánh quyền, gây khá nhiều ảnh hưởng trong giới sĩ phu đương thời.

"Tờ báo nầy nay tên là Nam Phong viết bằng chữ Quốc ngữ và chữ Nho, nhằm mục đích gieo rắc một cách khéo léo và sâu đậm ảnh hưởng của nước Pháp vào giới sĩ phu ở khắp ba kỳ, kể luôn các tỉnh Trung Hoa giáp giới Bắc Kỳ."(1)

Sự nhận xét trên đây của Louis Marty, giám đốc phòng nghiên cứu chính trị của Phủ Toàn quyền Đông Dương, nêu ra và đó cũng là lời thú nhận vì ông ta cũng là sáng lập viên của Nam Phong Tạp Chí. Do đó, hàng tháng chính phủ trợ cấp 400 đồng cho báo nầy, gọi là để giúp đỡ những chi phí tòa soạn và ấn loát...(2)

---

(1) Louis Marty, *Phúc trình về Tạp Chí Nam Phong*, Hà Nội, ngày 22-3-1917.

Vì *Nam Phong* có tầm quan trọng nên chúng ta thử duyệt lại nội dung và thành phần bộ biên tập. Ngay từ số 1, tờ *Nam Phong* chia nội dung làm 9 phần rõ rệt như sau: (3)

1. Lời nói đầu

Giải thích mục đích của tờ báo: văn hóa cổ truyền của Trung Hoa không còn đủ sức chống lại sự du nhập mới từ Tây phương. Tờ báo muốn giúp cho giới nho sĩ, trí thức trong nước theo kịp đà tiến hóa mới, biết thêm văn hóa Pháp. Nên khen ngợi việc bảo hộ của người Pháp về mặt tinh thần và tri thức. Tờ báo cố gắng nâng cao tri thức và tinh thần của đồng bào, giúp đồng bào thụ hưởng càng nhiều càng tốt những điều lợi ích do sự bảo hộ của người Pháp đem lại, Pháp quốc là nước văn minh lớn nhất trên thế giới. Ta không thể nào nghĩ đến sự giải phóng về chính trị và tự trị nếu người Pháp còn thấy rằng ta còn yếu kém, chưa đủ sức cai trị xứ sở.

2. Bình luận

Đề tài *"nền văn hóa Pháp"*. Bài nầy do Phạm Quỳnh viết ra, căn cứ vào quyển sách của Victor Giraud đã được giải thưởng "hùng biện" năm 1916, Phạm Quỳnh mô phỏng theo đó để đề cao vai trò to tát mà nước Pháp đã đóng góp, trong lịch sử tư tưởng nhân loại, trong lịch sử khoa học và nghệ thuật. Tác giả muốn chứng minh câu thơ *"càng gần gũi nước Pháp chừng nào thì ta càng gần gũi nhân loại chừng ấy"*. Để kết luận, *"khoa học mà không phục vụ con người thì chỉ là sự băng hoại của tinh thần mà thôi."*

3. Văn học

Giới thiệu và tóm lược quyển tiểu thuyết luận đề của Paul Bourget Le *Sens de la Mort* (Ý nghĩa của cái chết). Nêu lên những nét chính, làm nổi bật những đoạn tả tâm lý sâu sắc.

4. Xã hội học

Số lượng và chất lượng, phỏng theo bài của Ferrero, đăng trong tờ *Thời Báo* năm 1914, so sánh văn minh hiện đại (theo kiểu Mỹ) với những nền văn hóa đời thượng cổ.

5. Mục khoa học

Nói về tiềm thủy đĩnh, thuật lại theo quyển sách của kỹ sư Pháp Laubeuf, người đóng tiềm thủy đĩnh đầu tiên ở Âu Châu.

6. Văn chương

Bài thơ về Hồ Tây

7. Linh tinh

Nói về Hàn Lâm Viện Pháp và các buổi lễ đón nhận người mới được bổ nhậm vào viện. Trích lục chương ngôn, tư tưởng của tác giả.

8. Tiểu thuyết

Dịch lại theo văn xưa truyện ngắn *Le cachet rouge* (Triện son) của Alfred de Vigny.

---

(1) Louis Marty, *Phúc trình về Tạp Chí Nam Phong* (đã dẫn).

(2) Nam Phong Tạp Chí, số 1 tháng 7 năm 1917.

9. Tóm tắt những biến cố trong tháng qua

Tờ báo in khổ lớn, khá dày nên bài vở dành cho mỗi mục rất phong phú. Ngay trong số đầu, phần Hán văn chiếm số trang không kém phần Việt văn. Ông Nguyễn Bá Trác trình bày các vấn đề chính trị, văn chương kể từ 1922, thêm phần phụ lục Pháp ngữ do Phạm Quỳnh hoặc Nguyễn Văn Nho viết, hoặc trích lục lại những bài đăng trong báo Pháp, hoặc bài diễn văn của các nhân vật cầm quyền..v..v...

Sự biến đổi về nội dung của *Nam Phong Tạp Chí*

Tạp chí nầy sống khoảng thời gian khá lâu (1917-1934) nên nội dung có biến đổi tùy tình hình trong nước và do tham vọng của chủ bút Phạm Quỳnh. Chúng tôi tạm chia ra từng giai đoạn như sau:

1. Giai đoạn 1917-1922:

Nội dung nhằm viết bài bình luận chính trị: đề cao văn minh Pháp và việc làm của vua Khải Định.

Những ngòi bút hợp tác lúc này: Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác, Dương Bá Trạc, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Khôi, Tản Đà, Hoàng Tích Chu, Nguyễn Mạnh Bổng.

2. Giai đoạn 1922-1925:

Sau chuyến đi Pháp, Phạm Quỳnh trở về, uy tín càng tăng thêm.

Nguyễn Bá Trác - cánh tay mặt của Phạm Quỳnh không còn viết cho Nam Phong nữa. Ông nầy vào Huế, làm quan cho triều đình Huế. Phần Hán văn được giao cho Lê Dư. Phần Pháp văn được tăng cường, đề cao vai trò hội Khai Trí Tiến Đức - hàng tháng đều có bài nói về các vấn đề phong tục tập quán, vai trò của phụ nữ trong xã hội, sự giáo dục của phụ nữ...

Hợp tác trong giai đoạn nầy gồm các ông: Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Triệu Luật, Hoàng Ngọc Phách, Trần Trọng Kim, Phạm Duy Tốn, Vũ Đình Long, Lê Dư.

3. Giai đoạn 1925-1932:

Tạp chí cứ tiến mạnh theo con đường vạch sẵn, Phạm Quỳnh chính thức bước vào trường chính trị. Ông ta tuyên bố:

"Những gì tôi đã làm từ buổi đầu cho đến bây giờ chỉ nhằm vào mục đích chính trị. Người ta trách tôi, chỉ vì không hiểu tôi. Bởi vậy, kể từ hôm nay vì hoàn cảnh bắt buộc, tôi phải lo việc nước, lo những vấn đề ích lợi cho sự tiến bộ của quốc dân. Trong trường hợp nầy, người ta có thể xem như tôi bước vào chính trường."(1)

Trên *Nam Phong*, thấy xuất hiện nhiều bài nghiên cứu chính trị: *Tinh thần của hiến pháp trong một nước* (số 103), *Nghiên cứu về các đảng phái chính trị* (số 102), *Lý thuyết của Lư Thoa* (J.J. Rousseau) (số 104), của Mạnh Đức Tư Cưu (Montesquieu) số 108, của Phúc lộc Đắc Nhĩ (Voltaire) (số 114)....

Phạm Quỳnh vạch rõ lý thuyết của mình là quân chủ lập hiến, chống lại thuyết "trực trị" do Nguyễn Văn Vĩnh đề xướng. Đây là giai đoạn dấn thân chính trị của *Nam Phong Tạp Chí*, rốt cuộc Phạm Quỳnh ca khúc khải hoàn khi được Bảo Đại gọi về Huế, cho giữ chức Thượng thư Bộ Lại (1932)

---

(1) Đào Hùng, *Phỏng vấn Phạm Quỳnh*, Phụ nữ Tân Văn số 87 ngày 18-6-1931.

Hợp tác với Nam Phong trong giai đoạn nầy gồm có: Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Lê Dư, Bùi Kỷ, Vũ Đình Long, Nguyễn Tường Tam,... Nên kể vào đây một số văn thi sĩ của xứ Nam Kỳ: Đông Hồ, Nguyễn Văn Kiêm (bút hiệu Trọng Toàn), Mộng Tuyết, Trúc Hà.

4. Giai đoạn 1932-1934:

Tờ *Nam Phong* xuống dốc rõ rệt, việc tòa soạn được giao cho Nguyễn Trọng Thuật, từ khi Phạm Quuỳnh đi làm quan. Sau vài số lại tới lượt ông Lê Văn Phúc trông coi bài vở, ông nầy mời một số thanh niên tân học từ bên Pháp về để cùng xây dựng tờ báo. Người điều khiển sau cùng là Nguyễn Tiến Lãng, tự Hán Thu, con rể của Phạm Quỳnh. Phần Hán văn dẹp bỏ, phần Pháp văn được tăng cường. Báo có thêm nhiều hình ảnh, trình bày đẹp, ra mỗi tháng hai lần (thay vì một lần như lúc trước).

Mặc dầu Nguyễn Tiến Lãng cố gắng, tờ *Nam Phong* lại đình bản vì tiền bạc thiếu hụt. Tòa soạn cho biết là từ khi Nguyễn Tiến Lãng cải tiến tờ báo thì số tiền trợ cấp của chính phủ bị rút lại, vì ngân sách thâm hụt. *"Tạp chí văn chương sống được nhờ các vị Mạnh Thường Quân. Xứ Đông Dương không còn có vị Mạnh Thường Quân nào giúp chúng tôi nữa nên chúng tôi đành phải cố gắng tự lấy sức mình mà làm việc vậy."*(1)

---

(1) Nam Phong tạp chí số ra ngày 1-7-1934.

Cộng tác trong giai đoạn này gồm có: Nguyễn Tiến Lãng, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Đôn Phục, Đỗ Đình Thạch.

Ngoài những người trong bộ biên tập vừa kể trên, không thể bỏ qua một nhân vật quan trọng điều khiển đường lối chính trị của Nam Phong: Louis Marty, kẻ chính thức đứng lên sáng lập.

Louis Marty(1) lúc ban đầu là công chức ở tòa Khâm sứ Bắc Kỳ, năm 1914 được đề bạt làm Phó giám đốc Phòng Nghiên cứu Chính trị của toàn quyền Đông Dương. Hồi Chiến tranh Thế giới thứ Nhất (1914-1918), ông được phép qua Tòa Đại sứ Pháp ở Bắc Kinh để thương thuyết với các nhà cầm quyền Trung Hoa về những rắc rối xảy ra ở biên giới Việt-Hoa. Khi trở về Hà Nội, được làm Giám đốc Phòng nghiên cứu Chính trị của Toàn quyền Van Vollenhoven đồng thời đặc trách về việc tổ chức hệ thống tình báo ở Đông Dương. Từ đó, ông ta là chuyên viên lỗi lạc, là cố vấn chính trị của các toàn quyền kế tiếp, mãi đến năm 1934, Toàn quyền René Robin cho ông qua làm Khâm sứ ở Lào.

Ngoài việc hiểu biết khá sâu rộng về Việt ngữ, L. Marty còn biết rành chữ Hán, viết và đọc dễ dàng như một nho sĩ đương thời. Ông ta giỏi về tổ chức chính trị nhằm đối phó hữu hiệu đối với những vấn đề quốc nội, thí dụ như sáng lập tạp chí *Âu Châu Chiến Sử*, tạp chí *Nam Phong*, và là một trong những sáng lập viên của Hội Khai Trí Tiến Đức, một tổ chức nhằm thu hút quan lại và trí thức để thực hiện chính sách Pháp Việt Đề Huề. Hội này do Thủ hiến Hoàng

---

(1) Nam Phong tạp chí số ra ngày 1-7-1934.

Trọng Phu đứng đầu. Phu là con quan Kinh lược Hoàng Cao Khải.

3.2. Báo đối lập: Tờ La Cloche Fêlée

La Cloche Fêlée đứng hàng đầu trong hàng ngũ đối lập, nhờ những loạt bài gây chấn động, công kích thẳng tay nhà cầm quyền thực dân và nhờ người điều khiển là nhà yêu nước Nguyễn An Ninh. Tinh thần yêu nước, lòng hăng say cách mạng của ông là điều không ai chối chãi được.

Về nội dung tờ báo trên, xin tạm chia ra hai giai đoạn rõ rệt:

1. Giai đoạn 1923-1924:

Đây là lúc Nguyễn An Ninh đích thân điều khiển, báo ra đời ngày 10-12-1923, lúc đầu gồm hai trang lớn, từ số 3, ra bốn trang, Eugène Dejean de la Bâtie là chủ nhà in, đồng thời cũng là quản lý và Biên tập viên thường trực.

Nội dung chú trọng vào tình hình chính trị quốc nội với những bài:

- Những cuộc Hội nghị của Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ (số 1, ngày 10-12-1923)
- Một buổi tiệc chống bọn tài phiệt thực dân (số 3, ngày 24-12-1923)
- Sự bảo vệ quyền lợi của đồng bào (số 8, ngày 28-1-1924)
- Nguyện vọng của đồng bào (số 8, ngày 28-1-1924)
- Những thành tích phi thường của bác sĩ Cognac (Thống đốc Nam Kỳ) số 15 ngày 19-5-1924.
- Ý nghĩa của cuộc bầu cử theo Outrey (số 15), v.v..

Tờ báo trích đăng lại những tư tưởng danh nhân, ở trang nhất, phía tay mặt tên tờ báo vẽ bằng chữ to, chiếm 8% trang 3, thí dụ như:

- Xã hội càng nhận rõ sự ngu xuẩn của bạo lực thì xã hội càng tiến đến sự tự do thực sự.

(Tolstoi, số 6 ngày 14-1-1924)

- Sự tiến bộ và sự công bình không do từ trên trời rớt xuống. Những ý tưởng này phải tự lực từ dưới đất vươn lên cao. Và đây là cuộc chinh phục gay go, từng bước một.

(J. Jaurès, số 10 ngày 17-3-1924)

- Nếu một dân tộc bị bắt buộc phải tuân lời cường quyền mà lại tuân theo thì đó là hành động tốt. Đến lúc dân tộc ấy có thể cởi bỏ xiềng xích nô lệ mà dân tộc ấy lại cương quyết cởi bỏ thì đó là hành động tốt hơn...

(J.J. Rousseau số 13 ngày 7-4-1924)

Cộng tác trong giai đoạn này gồm có Nguyễn An Ninh, E. Dejean de la Bâtie, Nguyễn Tịnh, Đố Biết (bút danh), Octave Fêlée (một bút danh khác), Trung Kỳ (bút danh).

Sau khi số ra ngày 14-7-1924, báo lại đình bản, tòa soạn giải thích lý do:

"Trong 600 người mua báo dài hạn, có đến 400 người chưa đóng tiền, còn 200 độc giả đã đóng chút ít, chỉ non 100 người đã đóng xong trọn năm mà thôi.

Bổn báo chủ nhiệm không là nhà triệu phú và cũng không là kẻ thân tín được "tay tổ" trong nước nâng đỡ về tiền bạc. Chánh phủ thuộc địa đã gây áp lực, hăm dọa các chủ nhà in ở Sài Gòn, vì vậy, chúng *tôi buộc lòng phải sắm nhà in riêng. Ngoài ra, báo của chúng tôi không được nhà nước nâng đỡ bằng cách mướn đăng tải những cáo thị của nhà nước, hoặc mỗi kỳ nhà nước xuất tiền ra mua một mớ, như trường hợp những tờ báo "gia nô" khác". (1)*

Trong hoàn cảnh này, dầu bổn báo chủ nhiệm và những cộng sự kiên nhẫn và gan lì đến mức nào, tờ báo cũng khó lòng sống dai, mặc dầu có đăng tải thêm quảng cáo thương mãi choán từ 8 đến 16% diện tích của các trang báo.

2. Giai đoạn 1924-1926:

Báo đình bản từ 14-7-1924 đến 26-11-1925, suốt 16 tháng dài, chủ nhiệm là nhà yêu nước Nguyễn An Ninh sống kham khổ, không thể nào gom vốn để tờ báo tục bản được. May thay, luật sư Phan Văn Trường đến tiếp tay. Phan Văn Trường là nhà yêu nước đã từng hoạt động chống thực dân hồi ở bên Pháp.

Báo tục bản ngày 26-11-1925 với sinh khí mới tiếp tục đường lối chống thực dân của Nguyễn An Ninh và tranh đấu chống chính phủ với lập trường cứng rắn, táo bạo hơn.

Từ số 20 của bộ mới tục bản, báo ra mỗi tuần hai số thay vì một số như lúc trước. Tiêu đề cũ là "cơ quan tuyên truyền cho tư tưởng Pháp", rồi đến "cơ quan tuyên truyền Dân chủ" được thay thế bằng tiêu đề ghi rõ trên tờ báo: *"Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh"* (Mạnh Tử).

---

(1) La Cloche fêlée số 19 ngày 14-7-1924.

Về nội dung, bài do luật sư Phan Văn Trường xuất hiện càng nhiều trong khi bài do Nguyễn An Ninh viết lại ít hơn. Ngoài những vấn đề chính trị, báo còn tăng cường thêm nhiều mục mới: Tiểu thuyết nối dài, Tin tức quốc tế. Về quảng cáo thương mãi chiếm tỷ lệ cao hơn, từ 16 đến 25% trên tờ báo 4 trang.

Phan Văn Trường bắt đầu tấn công Nhà nước thực dân, qua những bài tiêu biểu:

- Một đảng viên Xã hội làm Toàn quyền Đông Dương (số 25, ngày 26-11-1925)

- Bài diễn thuyết đầu tiên của ông Varenne: tư tưởng chính kiến và lập luận sai lầm (số 23, nhầy 7-12-1925).

- Màn hài kịch của xứ thuộc địa - Một thứ hiến pháp kỳ quặc (số 27, ngày 21-12-1925).

- Lập luận sai lầm và xuyên tạc về tình trạng "an cư lạc nghiệp" hiện tại (số 32, ngày 7-1-1926) v.v...

Kể từ số 21 (30-11-1925), Phan Văn Trường cho đăng tải theo kiểu tiểu thuyết nối dài một thiên hồi ký nhan đề "Một cuộc âm mưu khuynh đảo chính quyền do người Việt chủ trương ở Paris" hay "Sự thật về vấn đề Đông Dương" trong đó tác giả thuật lại những hoạt động của sinh viên Việt Nam, của Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc ở Paris; nhà cầm quyền Pháp đề quyết tác giả là kẻ chủ mưu phản loạn.

Nguyễn An Ninh viết một loạt bài về "Nước Pháp ở Đông Dương" (kể từ số 20). Loạt bài nầy về sau được in thành sách ở Paris do ấn quán F. Debeauve, năm 1926.

Nguyễn Tịnh viết bài nhan đề "Ông Varenne và quyền tự do báo chí" (số 22 ngày 3-12-1925), E. Dejean de la Bâtie đề cập đến "chính sách thuộc địa", "chế độ và người của chế độ" (số 21 ngày 30-11-1925), v.v..

Tờ *La Cloche Fêlée* do Phan Văn Trường chủ trương nắm vững đường lối ấy đến ngày 3-5-1926, thì bị đình bản để rồi tiếp tục tranh đấu kể từ đầu tháng 5 năm 1925, đổi tên là tờ *Annam*.

Bộ biên tập nói chung gồm các ngòi bút quen thuộc: Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Eugène Dejean de la Bâtie, Nguyễn Tịnh, Octave Fêlée, Trung Kỳ...

Vì thiếu tài liệu nên chúng tôi không dám quyết đoán ai đã dùng những biệt danh: Đố Biết, Octave Fêlée, Trung Kỳ, Nguyễn Tịnh xuất hiện đều đặn nhất, cũng là biệt danh. Riêng về E.D. de la Bâtie, ta biết đây là ông chủ nhà in đảm trách việc ấn loát tờ *La Cloche Fêlée* đồng thời cũng là chủ bút. Ngoài ra, ông cũng là chủ bút của tờ *L'Écho Annamite, L'Indochine*.(1) Trên tờ *La Cloche Fêlée*, ngoài phận sự quản nhiệm, chủ bút, ông còn trực tiếp viết nhiều bài bình luận chính trị chống chính sách thuộc địa ở Đông Dương. Trong một cuộc mít tinh, ông đã diễn thuyết chống thực dân, bị bắt tại trận một lượt với Nguyễn An Ninh.

Nguyễn An Ninh, sanh năm 1900 ở ấp Mỹ Hòa (Hóc Môn, Gia Định) được cấp 2 năm học bổng ở trường Đại học Hà Nội, rồi qua Pháp đậu bằng cử nhân luật. Trong thời gian ở bên Pháp, ông đã du lịch Ý, Áo, Đức, Hòa Lan và Bỉ.

---

(1) La Cloche Fêlée, ngày 7-1-1926.

Ông còn trẻ, lạc quan và nổi danh là thông minh, khi về nước diễn thuyết làm chấn động dư luận. Những cao vọng của thanh niên Việt Nam *"Thở cũng đủ làm cho tôi hạnh phúc rồi"*. Ông viết như thế trong lá thơ gửi cho văn sĩ Pháp là Léon Werth. Ngoài việc làm báo, ông còn đi về các tỉnh ở Tiền Giang, sống với đồng bào. Ông có tài hùng biện, thường diễn thuyết và tổ chức mít tinh. *"Để đối phó với cuộc đàn áp có tổ chức tối tân, ta phải có một cuộc đề kháng cũng được tổ chức tối tân không kém"* (1). Lúc ở bên Pháp, nhân cuộc diễn thuyết trước một số thanh niên Việt Nam, ông đã công kích chính sách thực dân ở Đông Dương:

"Ta phải dùng bạo động và dùng công thức khởi nghĩa để chống lại sự áp bức, ta phải dùng sự bất công để chống lại sự bất công. Trong vòng bốn năm nữa, cách mạng sẽ bùng nổ và chế độ thực dân ở Đông Dương sẽ sụp đổ".(2)

Ngày 24-3-1925, Nguyễn An Ninh và E. Dejean de la Bâtie cầm đầu cuộc mít tinh ở Sài Gòn, cả hai bị bắt, nhân cuộc tập họp này Nguyễn An Ninh có phát truyền đơn, kêu gọi dân chúng nổi dậy:

"Từ 70 năm qua chúng ta sống dưới ách nô lệ. Giờ đây ta được các chính phủ đã đàn áp chúng ta suốt 70 năm tuyên bố rằng họ thương mến, họ đem nền văn minh đến để khai hóa chúng ta... Từ 70 năm, bao nhiêu nhà yêu nước của dân tộc đã bị giết chóc, tù đày, ngược đãi. Hỡi anh em, lẽ nào anh em chịu cúi đầu cam phận ngựa trâu..."

---

(1) La Cloche Fêlée, ngày 26-4-1926.

(2) Nguyễn Ngu Í, sách đã dẫn, tr. 23-24.

Sau đó, Nguyễn An Ninh bị truy tố ra tòa ở Sài Gòn.

Viên chánh án hỏi:

- Tờ *La Cloche Fèlée* là tờ xúi giục bạo động. Nghề làm báo không mang sanh kế cho ông?

- Tôi sống khổ sở lắm, thất nghiệp, không làm gì hết ở làng quê.

- Tại sao ông dùng những lời lẽ khích động, xúi dục khởi loạn?

- Bởi vì sự thật trước mắt quả là khích động và đáng làm loạn.

Viên chánh án hỏi tiếp:

- Cách đây 80 năm, người Cao Miên cũng đứng vào tình thế ấy, đối với người Việt Nam, giống như người Việt Nam ngày nay gặp người Pháp. Nếu ông làm chánh án, cách đây 80 năm, ông xử những người Cao Miên làm loạn chống triều đình như thế nào?

Nguyễn An Ninh trả lời không do dự:

- Thì tôi tha tội cho họ!

- Này, ông nên nhớ lại rằng "nếu" làm như ông nói thì xứ sở Đông Dương này sẽ mất luôn!

Những câu đối đáp trên đây đủ chứng minh tài trí của Nguyễn An Ninh, người đã được không riêng gì giới trí thức mến mộ mà luôn cả quảng đại quần chúng nữa! Những năm làm báo và hoạt động cách mạng của ông đã góp phần tích cực vào công cuộc khơi dậy ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước cho giới thanh niên (1) tạo cơ sở cho cuộc cách mạng sau này.

---

(1) Nguyễn Ngu Í, sách đã dẫn, tr. 23-24.

Ông mất trong nhà tù ở Côn Đảo.

Lúc ở Pháp, Phan Văn Trường đậu Tiến sĩ luật khoa. Ông đã tiếp xúc với nhiều lãnh tụ, trong đó có người điều khiển tờ *Le Paria* là Nguyễn Ái Quốc.

Ngoài ra, Phan Văn Trường là người có sự hiểu biết uyên thâm về mặt chuyên môn với các quyển *Khảo luận về luật Gia Long, Luật hình qua các giai đoạn, trong luật lệ Trung Hoa*. Ông còn dự định cho ra mắt quyển *Pháp luật lược luận* viết bằng quốc ngữ nhằm mục đích giúp quảng đại quần chúng có những ý thức sơ đẳng về luật pháp hiện hành.

Ngay từ khi về nước, Phan Văn Trường đã thay thế Nguyễn An Ninh chỉ đạo tờ *La Cloche Fèlée* năm 1925. Đây không phải là lần đầu tiên ông làm quen với nghề báo. Trước đó, với số vốn kiến thức khá rộng rãi về tình hình thế giới, ông đã hợp tác với nhiều tờ báo tiến bộ, ở Pháp và ở Đông Dương, khi ký tên thật, khi dùng bút hiệu.

Độc giả mến mộ lối hành văn sáng sủa, giản dị của ông, khi nào cần ông cho câu văn đượm vẻ mỉa mai, hoặc dùng lập luận cứng rắn thích nghi với từng vấn đề. Ông còn viết cho các tờ *La Tribune Indochinoise, L'Echo Annamite, L'Indochine* (1). Dầu sử dụng Pháp văn hay Việt văn, ông Phan Văn Trường vẫn diễn tả rõ rệt, với bút pháp độc đáo; Nguyễn An Ninh không tiếc lời khen ngợi, cho rằng ông Trường là tiêu biểu cho người Việt Nam trọn vẹn, kết tinh được tinh thần văn hóa Đông Tây(2).

---

(1) La Cloche Fêlée số 23 ngày 7-12-1925.

(2) La Cloche Fêlée số 20 ngày 26-11-1925.

Nếu Nguyễn An Ninh thích hoạt động, tạo cơ sở quần chúng thì Phan Văn Trường là người không tích cực bằng. Ông viết báo, thỉnh thoảng tham dự vài cuộc hội họp chính trị thế thôi. Mấy bài của ông viết chống chính sách thực dân, đặc biệt là chống viên Toàn quyền Varenne (thuộc đảng Xã Hội Pháp) đã một thời gây chấn động.

- Một đảng viên Xã hội làm chức Toàn quyền Đông Dương (số 20 ngày 26-11-1926)

- Bài diễn văn đầu tiên của ông Varenne: Những tư tưởng chính, những thành kiến và những sự ngụy biện xuyên tạc (số 23 ngày 7-12-1925).

Sau khi *La Cloche Fêlée* nghỉ luôn, ngày 3-5-1926, luật sư Phan Văn Trường đổi nó ra tờ báo mới tên là *An Nam* do chính ông làm chủ nhiệm (6-5-1926). Trên tờ *An Nam*, tinh thần chống đối càng hăng say hơn, bộc lộ rõ rệt, cho đến ngày 21-7-1927 và khi ông bị bắt, nhà cầm quyền tố cáo ông là *"Xúi giục dân chúng nổi loạn và chống đối bằng vũ lực"*. Vị chủ nhiệm vắng mặt, tờ *An Nam* ngưng phát hành từ 2-1-1928.

3.3. Loại báo thông tin, thương mại: Trung Lập báo

Tờ báo tự nhận không làm chính trị, đứng trung lập, chú trọng về thông tin, thấy sao nói vậy, không thiên vị dân chúng hoặc chính quyền, có chủ đích rõ rệt là thương mại nhưng ít nhiều vẫn theo khuôn khổ của chính quyền thuộc địa. Xin nêu trường hợp tờ *Trung Lập Báo* và xem xét thử nội dung của nó.

Người sáng lập báo này là **Henri de Lachevrotière**(1), báo ra số đầu vào tháng 2-1924, bán giá rẻ 5 xu một số, được độc giả chiếu cố, mỗi ngày in 5000 số. Sự thành công này được giải thích:

- Tờ báo ra vẻ trung lập không làm chính trị.

- Chủ nhiệm là Henri de Lachevrotière là người có tiếng được nhiều người biết đến. Trên chính trường, ông ta là chủ tịch Hội đồng Quản hạt, giới thương gia và công kỹ nghệ gia sẵn sàng đăng quảng cáo thương mãi trên báo để ủng hộ ông về tài chánh.

- Báo ra bốn trang, đăng tải các đề tài nặng về thông tin:

Bàn về việc hôn nhân (số 3, 18-1-1924)

Hát cải lương (số 3)

Bàn về quốc học (số 40, ngày 6-3-1924)

Quan toàn quyền Đông Dương sẽ công du qua Nhật (số 136, 30-6-1924)

Tin quốc tế, tin tức Đông Dương, tiểu thuyết,v.v...

Quảng cáo thương mãi chiếm gần phân nửa diện tích các trang báo.

Nhờ thời thế, tờ *Trung Lập Báo* gặt hái thêm thành công bất ngờ về tài chính. Vào những năm 1925-1926, ngân hàng Hòa Lan bắt đầu gây uy thế lớn sau khi xuất tiền ra mua tờ *Công Luận Báo* và ấn bản Pháp ngữ của nó là tờ *L'Opinion*(2). Để cạnh tranh với ngân hàng nói trên, nhóm tài phiệt Octave Homberg quyết định mua tờ báo của Henri de Lachevrotière với giá là 3 triệu quan(1).

---

(1) H. De Lachevrotière là người Pháp lai, xuất thân là cặp rằng coi cu li, sau làm Hội Đồng Quản hạt, ở trong nhóm tài phiệt Octave Homberg.

(2) Nguyễn Văn Bé, Nhật báo nước ta, Thần Chung, số ra ngày 3-4-1929

Bộ biên tập thường trực gồm: Đặng Thúc Liên, Lương Khắc Ninh tự Dũ Thúc, Nguyễn Viên Kiều, Trương Duy Toản, tất cả đều thông thạo chữ Hán (và đã từng tham gia phong trào Duy Tân ở miền Nam vào năm 1908). Nhà văn Phú Đức góp phần lớn vào việc làm cho báo thêm ăn khách, nhờ cho đăng tiểu thuyết trinh thám trọn kỳ, gây sự ngạc nhiên thích thú, vào những năm 1925-1926 (2).

Báo đình bản vào năm 1933, sau khi Octave Homberg về Pháp không còn đỡ đầu cho tờ này nữa.

Sau đây, thử phân tích nội dung tờ *Trung Lập Báo*.

Trường hợp tờ *Trung Lập Báo* số 3, ngày 18-01-1924

ĐỀ MỤC	%
Xã luận	3,57
Những vấn đề luân lý và xã hội	10,71
Thi văn	3,57
Giải trí	7,14
Tin Đông Dương	14,28
Tin ngoại quốc	10,71
Thư độc giả	3,57
Tiểu thuyết	10,71
Quảng cáo	35,74
Phân phối trên 4 trang	100

---

(1) Henri Lamagat, Sđd, tr. 118.

(2) Tế Xuyên, *Nghề viết báo*, Khai Trí xuất bản, Sài Gòn, 1968, tr.110.

Số 6052, ngày 14-01-1930

ĐỀ MỤC	%
Xã luận	4,16
Những vấn đề luân lý và xã hội	10,40
Tin Đông Dương	13,68
Tin ngoại quốc	8,32
Tiểu thuyết	11,44
Quảng cáo	52,00
Phân phối trên 8 trang	100

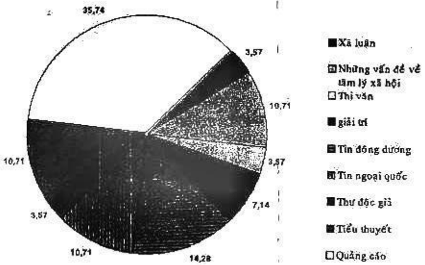

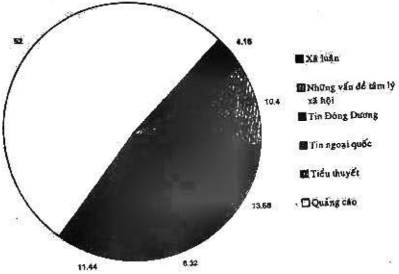

IV. BÁO CHÍ VÀ VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH

Sau khi nghiên cứu mặt sau (người viết báo), mặt trước (độc giả), và bên trong (nội dung) của tờ báo, giờ đây xin đề cập đến một vấn đề quan trọng khác, vấn đề tài chính.

4.1. Ngân sách của tờ báo

Vì thiếu tài liệu cụ thể, chúng tôi không biết rõ tổn phí tòa soạn, nhân viên, quản lý, tiền trả cho nhà in... lúc bấy giờ. Nhưng điều đáng lưu ý là đa số báo chí sống tạm bợ trong thời gian ngắn ngủi rồi chết chỉ vì căn bệnh chính là thiếu tiền. Báo chí phàn nàn là bán ế ẩm, muốn sống dai, con đường tốt nhất cho ban giám đốc vẫn là nhờ cậy vào sự trợ cấp của Nhà nước hoặc của các nhóm tài phiệt có uy thế.

Sau đây là hai trường hợp điển hình, tuy chưa đầy đủ, của hai tờ *Annam tạp chí* (do thi sĩ Tản Đà chủ trương) và *L'Écho Annamite* (do Nguyễn Kim Đính chủ trương) để chứng minh rằng báo chí lúc bấy giờ thiếu vốn liếng tiền bạc.

Annam tạp chí ra đời vào tháng 11-1926, đình bản tháng 3-1927, chủ nhiệm kiêm chủ bút là Tản Đà cho biết kết toán thâu xuất như sau(1).

"Mỗi tháng, tiền in, tiền giấy, tiền phố, tiền nhân công và luôn cả lương của chủ bút, phải tốn ít nhất là 200 đồng.

Không tháng nào mà Ty quản lý có được đủ tiền để xoay sở cả! Tản Đà đành vay mượn và xin các bạn thân giúp cỡ 400 đồng, cộng thêm 700 đồng tiền bán sách. Với 1000 đồng phụ thêm ấy, (tính từ tháng 11-1926 đến tháng 3-1927), ông ta chỉ còn dư được có 15 đồng mà thôi" (2).

Tản Đà lại cố gắng, cho báo tục bản lần nữa (tháng 4-1931 đến tháng 7-1932), nhưng ở số sau chót, ta thấy những lời thống thiết: "Vì nhà báo mang nợ quá nhiều nên không thể nào trả nổi tiền nhà in là 600 đồng, kể từ đây tờ báo bị tịch biên tài sản" (3).

Về trường hợp tờ *L'Écho Annamite* của Nguyễn Kim Đính, tình trạng tài chánh cũng không khá hơn là mấy. Ông chủ nhiệm cho biết:

---

(1) Annam tạp chí, số đầu tháng 3-1927.

(2) Tâm Dương, Tản Đà. Nxb Khoa Học, Hà Nội, 1964, tr. 23.

(3) Annam tạp chí, tháng 7-1923.

- Năm 1924 lỗ 975 đồng 66
- Năm 1925 lỗ 869 đồng 42

Trong hai năm lỗ 1845 đồng 08

Khi giao quyền điều khiển tờ báo cho người khác, ông Nguyễn Kim Đính được đền ơn vô điều kiện là 500 đồng, như vậy là còn thua lỗ 1.345 đồng 08. Ngoài ra, còn 1200 độc giả dài hạn chưa trả tiền (tổng số 3.000 người), giá mỗi năm 8 đồng, tính ra 1200 x 8 = 9600 đồng và tiền mua giấy còn thiếu lại 1000 đồng (1).

Qua dẫn chứng trên đây giúp ta thấy ngân sách của tờ báo lúc bấy giờ quá eo hẹp, làm báo bị lỗ lã là việc thường xảy ra trong làng báo Việt Nam.

4.2. Báo chí và nhà cầm quyền

Báo chí được nhà cầm quyền trợ cấp là điều dĩ nhiên và thường xảy ra ở Đông Dương. Hễ báo nào ủng hộ chính sách của nhà cầm quyền thì được ủng hộ tiền bạc. "*Khi tờ báo nào đó phảng phất mùi "dễ ngửi" thì nhà cầm quyền thực dân bèn tìm cách theo dõi để hiểu tình hình tài chánh, người chủ nhiệm có thể ra vào yết kiến các người thay mặt của Nhà nước để xin tiền trợ cấp, đúng kỳ hạn đều đặn*"(2). Ngoài ra tờ báo theo đúng đường lối lại được Nhà nước mua ủng hộ, các ông làng ông xã phải xuất tiền công nho (ngân sách) của làng ra để mua, vì lợi ích công cộng. Tờ báo đã ăn xôi thì ngậm miệng, cứ viết bài ca ngợi nhà nước và cảnh cáo dân chúng rằng nếu "*loạn quân dấy lên*" thì dân sẽ khổ cực.

---

(1) Đông Pháp Thời Báo, số 319, ngày 3-8-1925.

(2) Hậu Sanh, Favoritisme Colonial, báo Ère Nouvelle số 9 ngày 14-9-1926.

Ngoài cách mua ủng hộ, Nhà nước còn trợ cấp riêng bằng tiền mặt cho viên chủ nhiệm khả ái nọ khoảng 5.000 hoặc 6.000 đồng(1). Nhà nước muốn mượn tay tờ báo để làm cơ quan tuyên truyền, hầu củng cố chế độ thực dân.

Tưởng nên nêu ra vài trường hợp quan hệ về tiền bạc giữa báo chí và chính quyền thời ấy.

- Theo ông Tự Do(2), tờ *Gia Định Báo* đã từng đóng vai tờ công báo ở nông thôn, và tờ *Lục Tỉnh Tân văn* đã lãnh trợ cấp hàng năm để dịch ra quốc ngữ và đăng tải các văn kiện chính thức của Nhà nước. Mỗi làng xuất công nho ra mua báo này, xem như là công báo.

- Các tờ báo *Đại Nam Đồng Văn, Đại Việt Tân Báo* ở Bắc Kỳ đều có lãnh trợ cấp của Nhà nước.(3)

- *Nam Phong Tạp Chí* của Phạm Quỳnh lãnh trợ cấp hàng tháng là 400 đồng của Nhà nước.

- Theo *Đông Pháp Thời Báo*(4), Toàn quyền Varenne có một ngân khoản riêng dành tài trợ các báo thân chánh quyền, số tiền lên đến 120.000 đồng. Ông ta đã trợ cấp cho tờ *L'Annamite* của Nguyễn Phan Long, *La Tribune Indochinoise* của Bùi Quang Chiêu, *Le Progrès*

---

(1) Hậu Sanh, Favoritisme Colonial, báo Ere Nouvelle số 9 ngày 14-9-1926.

(2) Tự Do, Fragments Journalistiques, nhà in Nguyễn Văn Của xuất bản, Sài Gòn 1926, tr. 40.

(3) Phúc trình của Phủ Toàn quyền gửi Bộ Thuộc địa Pháp, Hà Nội, 3-7-1908.

(4) Đông Pháp Thời Báo, số 394, ngày 5-2-1926

Annamite và *Văn Minh* của Lê Quang Trinh, *L'Essor Indochinois* của Cao Chánh (1).

Ngoài sự nương dựa vào chính quyền, muốn sống vững và mạnh tờ báo có thể cậy trông vào một thế lực khác: thế lực của giới kinh tài.

4.3. Báo chí và giới tài phiệt

Nhiều tờ báo đã hưởng tiền trợ cấp của bọn kỹ nghệ, công thương gia Pháp. Họ trợ cấp bằng nhiều cách: cho vay tiền (Đông Dương ngân hàng cho vay), đăng quảng cáo các món hàng, mua giúp mỗi kỳ một số hạn định, trao tiền trực tiếp.

Hai nhân vật sau đây được chọn làm điển hình, người thứ nhất là tay tài phiệt nắm độc quyền về nhà in ở Đông Dương, người thứ nhì là tay tài phiệt nắm các ngành kinh tế quan trọng.

a. Trường hợp của François Henry Schneider

Đây là tay doanh thương quan trọng, làm chủ nhiều nhà in lớn và làm chủ nhiệm nhiều tờ báo ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ, ra bằng Pháp ngữ hoặc Việt ngữ.

F.H. Schneider xuất thân là công chức, có uy thế, được quan toàn quyền Lanessan tin cậy. Nhờ đó mà ông ta cậy thời cậy thế làm ăn, thành công lớn về tài chánh.

"Ở Đông Dương, ngành nhà in là ngành phồn thịnh và được trang bị đầy đủ nhất, giới chủ nhân nhà in khá đông, tha hồ mà cạnh tranh nhau, nhờ vậy mà khi cần gọi thầu, chánh phủ luôn luôn có lợi, đặt hàng với giá hạ".(1)

Mặc dầu vậy, một tay chủ nhà in và tay duy nhất F.H.Schneider lại được ưu đãi và vươn lên dễ dàng.

Khởi đầu, Schneider được Nhà nước bán lại với giá rẻ mạt một số máy in, lại được vay mượn trước 100.000 đồng (gần mười triệu quan Pháp theo thời giá). Với tiền mặt và máy móc, ông ta lập nhà in riêng. Chính quan Toàn quyền Lanessan đã ký tên vào bản hợp đồng.(2)

Tuy nhiên, các chủ nhà in khác không chịu thua. Bấy giờ sự bất công mới được phơi bày ra. Trước kia Toàn quyền Đông Dương muốn dành ưu tiên đặt hàng cho F.H.Schneider, trước áp lực của giới chủ nhân nhà in, Nhà nước đành mở cuộc đấu thầu. Crébassac, chủ nhà in ở Hà Nội được giá thấp, có lợi cho chính phủ hơn, trong khi F.H. Schneider đưa giá cao. Nhưng quan Toàn quyền lại sử dụng "quyền hạn riêng" để gạt Crébassac ra, cho Schneider được trúng thầu trong thời hạn 10 năm, tức là mặc nhiên thâu lợi được hàng triệu. Các chủ nhà in đem chuyện này ra ánh sáng, kiện qua tận chính quốc nhưng không thắng kiện, ở xứ thuộc địa, quan Toàn quyền phải có nhiều quyền kia mà.

Trong khi đó, giới chủ nhân nhà in bắt đầu lo trang bị cho tối tân hơn, ở Hà Nội, Sài Gòn, mỗi nơi hàng chục nhà in (kể luôn nhà in của người bản xứ)

---

(1) Ère Nouvelle ngày 3-1-1928.

(1) Thơ khiếu nại của một nhóm chủ nhơn nhà in ở Hà Nội gởi cho tổng trưởng Thuộc địa Pháp ở Paris, Hà Nội, ngày 28-5-1906.

(2) Thơ khiếu nại đã dẫn.

3 nhà in ở Hải Phòng. Máy in được nhập cảng thêm nhiều, lại có thêm lò đúc chữ. Mức phát triển của ngành ấn loát lên đến tột đỉnh, về chất lượng cũng như về số lượng. Vì vậy mà Nhà nước dẹp luôn Thuộc Địa Ấn Quán(1).

Trong hoàn cảnh ấy, Schneider vẫn được phủ Toàn quyền dành cho bao nhiêu ưu đãi, như vay tiền trước, như lãnh nhiều hợp đồng đặt hàng để lấy lời. Phủ toàn quyền đi xa hơn, bằng cách bảo lãnh với Đông Dương ngân hàng cho Schneider vay trước nhẹ lời 30.000 đồng (tương đương 70.000 quan). Khi trả nợ nhà băng được chút ít thì Schneider lại được vay thêm, đó là chưa tính đến số tiền mà Nhà nước sắp trả cho nhà in, theo kỳ hẹn. Với số vốn lớn lao ấy, với bao nhiêu ưu thế thì việc tự do cạnh tranh để đấu thầu không còn nữa.

Ở Bắc Kỳ bấy giờ xuất hiện tờ báo in bằng chữ Hán, tờ *Đại Nam Đăng Cổ Tùng Báo,* do nhà Schneider lãnh việc ấn loát, Nhà nước ký giao kèo với nhà in kiêm nhà báo Schneider, theo đó mỗi năm Nhà nước mua dài hạn mỗi kỳ 10.000 số, tính ra khoảng 40.000 đồng(2) vì đây là báo tuyên truyền cho chính phủ.

Ngoài những nhà in ở rải rác tại Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Schneider còn làm chủ nhiệm vài tờ báo, ai in báo mướn tại nhà in của ông ta thì dễ bị ông ta làm áp lực. Ai ít vốn thì phải biết nuông chiều chủ nhà in. Riêng ông ta làm chủ các tờ: *Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo, Đông Dương Tạp Chí* (ở Bắc Kỳ), *Lục Tỉnh Tân Văn* (ở Nam Kỳ), v.v...

Tóm lại, F.H.Schneider là tay tài phiệt nắm gần hết những nhà in và báo chí ở Đông Dương thời bấy giờ.

b. Trường hợp Octave Homberg

Tên này là tay có vốn lớn, chạy áp phe giỏi, không có nhà in hoặc không làm chủ báo như trường hợp Schneider ở Bắc Kỳ, O. Homberg dùng thủ đoạn đưa tiền thẳng các nhà báo, hoặc đưa gián tiếp bằng cách đăng quảng cáo thương mại để nhờ báo chí viết bài làm áp lực, tạo dư luận thuận lợi với chính quyền, để chính quyền giúp ông ta trong công chuyện làm ăn.

Tên tuổi của Homberg được nhắc đến vang dội một thời, ông ta lăm le chức vụ chủ tịch Hội đồng Quản trị của Đông Dương ngân hàng và được thỏa mãn nguyện vọng trong những năm giữa hai trận thế chiến.

Xuất thân của Homberg là viên chức của tòa đại sứ, rồi qua ngành tài chính, làm chủ tịch ủy ban hối đoái, ông ta tiến rất nhanh và có đủ phương tiện để hợp thức hóa bao nhiêu hành vi bất chính, ông ta điều khiển Công Ty Tài chính Pháp quốc và Thuộc Địa (Sté. Financière Française et Coloniale). Công ty này có phương tiện để lợi dụng những dịch vụ về chuyển ngân. Nhờ lúc trước có làm việc ở Ủy ban Hối đoái, ông ta hiểu rành những thủ đoạn, những khe hở để bênh vực quyền lợi cho nước Pháp nói chung và quyền lợi cá nhân ông ta nói riêng. Công ty ông ta thành lập với số vốn là 50 triệu đã thâu hoạch trong năm 1926 một số lợi tức là 23 triệu 385.000 quan, trừ mọi sở phí, nghĩa là lời trăm phần trăm.(1)

---

(1) Thơ khiếu nại đã dẫn.

(2) Toa đặt hàng theo lối tự thuận giữa Fourrès, Khâm sứ Bắc Kỳ và Schneider ngày 11-2-1905.

Nhóm tài phiệt Homberg nắm giềng mối của nhiều công ty ở Đông Dương, chưa kể đến những dịch vụ to tát ở Bắc Phi.

- Crédit Foncier de l'Indochine (Địa ốc ngân hàng).
- Caoutchous de l'Indochine (Công ty Cao su Đông Dương).
- Indochinoise des cultures tropicales (Công ty trồng tỉa).
- Sucre et Raffinerie de l'Indochine (Công ty đường).
- Indochine Electricité (Công ty điện lực).
- Papeterie de l'Indochine (Công ty giấy ở Đáp-cầu).
- Imprimerie d'Extrême Orient (Nhà in Viễn Đông)

v.v...

Giữa hai trận thế chiến, O. Homberg là nhân vật quan trọng của Đông Dương ngân hàng và của thị trường chứng khoán Paris.

"Tên Ao may mắn này đã thâu lợi một tỷ quan trong vòng vài năm thôi, đó là số tiền xương máu của dân Việt và tiền tiết kiệm của Ngân hàng Pháp"(2).

O. Homberg làm áp phe giỏi nhưng làm chính trị cũng tài. Người mà ông ta chiêm ngưỡng là Toàn quyền Albert Sarraut, dưới mắt ông ta, vị quan toàn quyền này là người có nhiều kinh nghiệm, có tài, có máu thực dân, đặt chủ thuyết thực dân thành một lý

---

(1) Ère Nouvelle ngày 28-1-1928.

(2) Humanité ngày 29-5-1926.

tưởng(1). Homberg nói rõ lý thuyết thực dân, theo đó thì có ba hình thức của một cơ cấu lớn để gây dư luận, truyền đạt dư luận và kết tinh tinh thần của đa số dân chúng. Đó là chính phủ, bộ máy giáo dục và báo giới.

Ông ta không quên nhấn mạnh sự quan trọng của yếu tố thứ ba, ông ta viết:

"Đây chưa hẳn là tiết lộ bí mật quốc gia khi tôi nói rằng chính phủ có thể gây áp lực với báo chí khi nào chính phủ muốn. Nhứt là khi cần nhờ báo chí để phổ biến, gây dư luận về một đôi quốc sách nào đó.

Chính quyền có thể tìm nơi báo chí một sự tiếp tay hùng hậu để giáo dục dân chúng (bên Pháp), khiến họ tin rằng nước muốn mạnh thì phải có thuộc địa. Nên tiếp tục đường lối ấy."(2)

Bởi vậy, Homberg lung lạc báo chí Pháp ngữ hơn cả Việt ngữ ở Đông Dương bằng cách đi cửa hậu. Ông ta mua đứt với giá 3 triệu franc(3) tờ báo lớn nhứt ở Sài Gòn - tờ Trung Lập *báo* và ấn bản Pháp ngữ của tờ này là *Impartial* do De Lacherotière, Chủ tịch Hội đồng Quản hạt làm chủ.

Ngoài ra ông ta còn chỉ huy hai tờ báo chuyên về tài chánh bên Pháp: tờ *Information* và *Agence Economique et Financière*. Tờ *Matin*, một trong những nhật báo thông tin lớn nhứt ở Paris lúc bấy giờ cũng được ông ta ve vãn (1).

---

(1) Octave Homberg, L'Ecole des Colonées, Paris, 1929, tr. 121.

(2) Octave Homberg, Sdd, tr. 120.

(3) Henry Lamagout, Souvenir d'un vieux journaliste Indochinoise IDEO, 1942, tr. 118.

Khi gặp gió, con diều càng muốn bay cao đến tuyệt đỉnh.

"Homberg muốn khoe khoang cho mọi người biết rằng ông ta là vị cứu tinh nền tài chánh nước Pháp. Ở Paris, ở Lyon, ông ta diễn thuyết, khoe khoang tài năng mà không biết ngượng miệng. Tài ba của ông ta ra sao? Tuyệt lắm. Tài năng ấy được nhà nước chiếu cố, đưa lên ghế Tổng trưởng Tài chánh, như vậy mới là tiêu biểu và hữu ích. Sự đề bạt ấy là bằng cớ để xác nhận rằng chế độ hiện hữu với vị bộ trưởng nọ đáng bị truy tố ra tòa án. (2)

Trường hợp của Homberg thật điển hình, đầy đủ, nhưng ở Đông Dương còn nhiều trường hợp mua chuộc tương tự:

- Tờ *Công Luận Báo* và ấn bản Pháp ngữ của nó là tờ *Opinion* thuộc quyền của Ngân hàng Hà Lan, trước khi bán lại cho Hérison với giá 60.000 đồng (3).

- Tờ *La Tribune Indochinoise* của Bùi Quang Chiêu đã nhận 50.000 đồng của công ty rượu Fontaine (4). Ngoài ra, Bùi Quang Chiêu còn điều khiển vài ngành công kỹ nghệ khác.

---

(1) Humanité,ngày 29-5-1926

(2) Humanité, ngày 29-5-1926.

(3) La Cloche Fêlée, số 5, ngày 7-1-1924.

(4) Văn Minh, ngày 11-6-1927 và Thần Chung số 80, ngày 25-4-1929

Tóm lại, để bưng bít dư luận, bọn tài phiệt và kỹ nghệ gia không có cách nào hiệu quả hơn là mua chuộc báo chí.(1)

Còn nhiều trường hợp khác xảy ra trong bóng tối, chưa được biết rõ. *"Báo chí Việt ngữ lên tiếng phản đối chính sách mua chuộc ấy, nhưng bài vở của họ bị kiểm duyệt gắt gao và khi công kích bọn tài phiệt, họ bị vu khống là "cộng sản Nga" "làm cách mạng" là "chống Pháp, bài ngoại" là thân Tàu, là có tham vọng, vì mặc nhiên họ đã chống lại tên Outrey, dân biểu "nhiều tài đức, song toàn" của chế độ hiện hữu"*(2).

---

(1) Lynx, Báo giới Nam Kỳ, La Voix Annamite số 33 ngày 31-08-1923.

(2) La Cloche Fêlée, số 55, ngày 7-1-1924.

PHẦN KẾT LUẬN

Để kết luận, chúng tôi lần lượt nêu lên những nét chính về sự tiến triển của báo chí Việt Nam từ những bước đầu tiên (1865) đến năm 1945 qua 4 giai đoạn lớn như sau:

- *Giai đoạn 1865-1907: những bước đầu của báo chí Việt Nam.*
- *Giai đoạn 1907-1918: giai đoạn báo chí dưới chính sách của Toàn quyền Albert Sarraut.*
- *Giai đoạn 1918-1930: giai đoạn phát triển báo chí Việt Nam.*
- *Giai đoạn 1930-1945: giai đoạn trưởng thành của báo chí Việt Nam.*

Trong giai đoạn đầu, vì nhiều lý do phức tạp, báo chí đóng vai trò phụ thuộc, thông tin và giáo dục, nhưng phần lớn do người Pháp đỡ đầu, nhằm phục vụ cho mục đích tuyên truyền đường lối chính quyền thực dân. Việc phổ biến chữ Quốc ngữ qua trung gian của báo chí còn ở trong giai đoạn khiêm tốn.

Giai đoạn kế tiếp (1907-1918), báo chí xuất hiện nhiều hơn, nhờ những biến cố dồn dập: phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, sự can thiệp của

người Đức ở Việt Nam... nhưng dù cố gắng đến đâu, báo chí Việt Nam cũng không thoát khỏi khuôn khổ tuyên truyền cho đường lối nhà cầm quyền, theo chính sách do Toàn quyền Albert Sarraut vạch ra.

Sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, giai đoạn thứ ba (1918-1930) mở đầu, vơi sự cộng tác của nhiều văn nhân, ký giả có tài. Nhờ vậy, báo chí tiến bộ vượt bậc, chữ quốc ngữ và văn hóa dân tộc ngày càng phát triển. Báo chí Việt Nam trở thành diễn đàn, để đạt nguyện vọng của dân chúng đến chính quyền. Lúc đầu, bước chân còn chậm chạp, chưa vững nhưng lần lần trở thành chững chạc hơn với tư thế riêng, khá vững chắc, kiến tha lâu thì đầy tổ, mài sắt rồi cũng nên kim, trong quần chúng đã bắt đầu có một trào lưu tư tưởng, một dư luận, tuy còn bé nhỏ chưa lan rộng nhưng là một thực tế, trong đó báo chí góp phần đáng kể, chúng tôi muốn nói đến ý thức dân tộc.

Giai đoạn 1930-1945, báo chí Việt Nam bước sang một bước ngoặt quan trọng. Trưởng thành về mọi mặt, ý thức chính trị, văn học đang phát triển mạnh, kỹ thuật làm báo đã đạt được một bước tiến đáng kể. Báo chí Việt Nam trong giai đoạn này có thể tự hào về sứ mạng của mình trước lịch sử, nhất là báo chí cách mạng.

Trong phần kết luận này, chúng tôi muốn xét qua các vấn đề sau:

+ Báo chí và văn học Việt Nam.
+ Báo chí và xã hội Việt Nam.
+ Báo chí và ý thức dân tộc.
+ Báo chí và chính quyền thực dân.

I. BÁO CHÍ VÀ VĂN HỌC

Trong lĩnh vực này, ta thấy văn học Việt Nam hiện đại thoát thai từ báo chí khác với trường hợp ở các nước phương Tây là văn học đẻ ra báo chí. Ta nên nhìn nhận người Pháp khởi xướng việc làm báo, bấy giờ, báo chí là phương tiện duy nhất mà nhà văn Việt Nam có để trau dồi quốc ngữ. Các tạp chí, tuần báo viết bằng Việt ngữ do các nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Hoàng Tích Chu chủ trương đã góp phần xây dựng và trau dồi cho nền văn học hiện đại. Thoạt tiên, văn học phát triển ở miền Nam (nhờ phương tiện ấn loát dồi dào) vang dội đến miền Bắc, khác hơn trường hợp trước kia, chữ Nho và việc khoa cử phát triển ở miền Bắc trước tiên rồi lần hồi vào Nam.

Nhờ báo chí mà tiếng Việt được thuần nhất khắp ba miền Bắc, Trung, Nam. Người miền này làm quen với cách hành văn, với những ngôn từ của miền kia, báo chí ba miền trở thành những viên gạch xây đắp cho tòa nhà văn học duy nhất của Việt Nam.

Khi nghiên cứu văn học hiện đại, chúng ta hẳn chú ý rằng đa số các tác phẩm văn học đều đăng trước nhất trên mặt báo, sau đó mới in thành sách. Bởi vậy, theo thiển ý của chúng tôi, muốn nghiên cứu văn học hiện đại, ta nên xem qua lịch sử báo chí. Các nhà văn nổi tiếng lúc bấy giờ thường dùng báo chí để đăng tải các tác phẩm văn học do họ sáng tác.

Tuy nhiên, điều ấy có thể gây bất lợi, báo chí làm cản trở sự sáng tạo đúng mức của các nhà văn (vì đăng báo là phải viết theo thị hiếu, cho ăn khách), nếu làm theo ý riêng của mình thì khó đăng được và khó có tiền nhuận bút (nhà thơ Tản Đà đã trả lời khi người của nhà báo đến lấy bài: *"Làm thơ đâu giống như bừa củi, lúc nào cũng bừa được!"*. Một số nhà văn đã học quốc ngữ, viết văn đăng báo được độc giả tán thưởng rồi trở thành nhà báo chuyên nghiệp. Nhưng làm báo đòi hỏi nhiều thì giờ: như coi sóc, sửa chữa bài vở, đi điều tra, đi phỏng vấn. Khi đã vào nghề rồi, làm sao còn thời giờ rảnh rang và đầu óc thảnh thơi để nghĩ đến chuyện sáng tác văn chương thơ phú.

Nhưng mặt khác, ta nên nhìn nhận rằng văn chương hiện đại phát triển nhờ sự trợ giúp tích cực của báo chí, nơi đăng tải các tác phẩm và những bài phê bình, khảo luận.

Trong làng báo Việt Nam, ngay từ những bước đầu, loại tiểu thuyết nhiều kỳ vẫn chưa chiếm địa vị quan trọng bên cạnh những bài vở khác. Thoạt tiên, trên *Đông Dương Tạp Chí* ta gặp những truyện Tàu, dịch từng kỳ báo, được độc giả lưu ý và tán thưởng. Hai dịch giả tài danh này là Phan Kế Bính và Nguyễn Đỗ Mục. Bộ *Tam Quốc Chí* do Phan Kế Bính dịch ra Việt văn là công trình có giá trị lớn cũng như bộ *Đông Chu Liệt Quốc* do Nguyễn Đỗ Mục dịch, cũng đăng trên *Đông Dương Tạp Chí*, được giới trí thức và luôn cả giới bình dân ưa chuộng. Báo chí ở Nam Kỳ thời ấy cũng dành cho truyện Tàu một vị trí quan trọng: truyện *Tiền Hán, Hậu Hán, Tiền Đường*... do Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn An Khương dịch(1).

---

(1) Vương Hồng Sển, *Sài Gòn năm xưa*. Nhà xuất bản Tự Do, Sài Gòn 1959, tr.173

Điều đáng chú ý là mãi đến lúc sau này, tiểu thuyết nhiều kỳ vẫn còn nắm ưu thế, trong tờ báo 4 trang, tiểu thuyết có khi chiếm hết 2 trang bên trong.

II. BÁO CHÍ VÀ XÃ HỘI

Sau năm 1930, vai trò cải tiến xã hội của báo chí hiện ra rõ rệt hơn khoảng 1930 trở về trước. Tuy nhiên, trước 1930, báo chí đã du nhập tư tưởng của Âu Tây: chủ nghĩa cá nhân, tinh thần dân chủ, nếp sống phóng túng, hưởng lạc của những người trong nhóm Hoàng Tích Chu là thí dụ cụ thể nhất. Tư tưởng lãng mạng Tây phương của thế kỷ 19 cũng được du nhập vào Việt Nam, do đó nề nếp phong kiến Khổng Mạnh, luân lý cổ truyền bị tấn công tạo ra vài sự thay đổi mới trong đời sống thường nhựt của cá nhân, gia đình cũng như trong quan niệm về tình yêu.

“Trong số bao nhiêu tiếng nói sắc bén hoặc hấp dẫn, êm ái hoặc sấm sét nói lên trong lòng đất Đông Dương, trong cuộc tranh đấu cho nhiều lý tưởng khác nhau, quả thật báo chí Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng, hàng ngũ báo chí lúc đầu thưa thớt, nhưng lần hồi thêm đông đảo, tăng thêm ảnh hưởng và tầm quan trọng” (1).

Tờ báo dành cho nữ giới ra mắt lần đầu tiên vào năm 1918: tờ *Nữ Giới Chung* (Tiếng chuông của nữ giới) do nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, con gái cụ Đồ Chiểu, chủ trương. Đây là bước đầu quan trọng, nhằm mục đích giải phóng chị em phụ nữ khỏi bao nhiêu trói buộc của luân lý phong kiến. Các tờ báo kế tiếp, *Phụ Nữ Tân Văn, Phụ Nữ Thời Đàm* đã khuyến khích phụ nữ nên ra khỏi ngưỡng cửa gia đình, làm công tác xã hội. Các báo khác tuy không dành riêng cho phụ nữ nhưng thỉnh thoảng cũng có phụ trương hay mục phụ nữ, góp phần tích cực “giải phóng phụ nữ Việt Nam”.

Muốn cải tiến xã hội, phải cải tiến gia đình mà trong gia đình phụ nữ có một vai trò quan trọng. Thời kỳ này vấn đề của phụ nữ được báo chí nói đến cũng nhằm mục đích nâng cao dân trí, tấn công vào cơ cấu xã hội lạc hậu của thời phong kiến.

III. BÁO CHÍ VÀ Ý THỨC DÂN TỘC

Lúc mới chập chững vào đời, báo chí là công cụ tuyên truyền cho Nhà nước. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập, mặt trận văn hóa cũng không thể thiếu được. Khi các chiến sĩ lên tiếng, xả thân tranh đấu, họ không quên vấn đề văn hóa và người cầm bút không thể làm ngơ trước bao nhiêu biến cố quan trọng: bản án tử hình dành cho Phan Bội Châu, đám tang Phan Chu Trinh, bản án tử hình của các liệt sĩ Yên Bái là bao nhiêu cơ hội tốt để báo chí nói đến, loan tin cho đồng bào. Ở Bắc Kỳ, báo chí đã từng nhắc đến những áng văn của các chiến sĩ Duy Tân bên Trung Hoa: Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu trong khi ở Nam Kỳ các người làm báo trong đó có sinh viên, trí thức du học từ Pháp trở về đã viết bài nhằm vào việc kêu gọi các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh chống bất công xã hội. Dân chúng tán thưởng và ủng hộ việc làm của báo chí. Những biến cố quan trọng như sự nhậm chức của Toàn quyền Varenne, thuộc Đảng Xã hội, sự xuất hiện của phong trào Cộng sản, cũng là cơ hội để báo chí bình luận về những vấn đề "quốc sự", về tư tưởng dân chủ, tự do, những vấn đề mà trước kia nhà cầm quyền cố ý không cho nói tới. Nguyện vọng tha thiết của dân chúng từ Bắc chí Nam lúc bấy giờ là muốn tham gia, muốn góp phần xây dựng tương lai đất nước. Báo chí đã đáp ứng phần nào nhu cầu ấy và đã trực tiếp hoặc gián tiếp kêu gọi đồng bào ở ba miền đất nước nên chung sức chống lại thực dân Pháp.

---

(1) Bích Thủy, *La Presse Annamite en Indochine*. Thần kinh Tạp chí, số 16, tháng 11-1928 tr. 1524.

Báo chí trong giai đoạn này còn đăng tải nhiều bài viết về lịch sử dân tộc cho người đọc thông cảm với nhau, để hiểu rằng ba miền với ba chế độ cai trị khác nhau chỉ là sự phân chia giả tạo, ngoài ra, ai muốn tìm hiểu thêm về các học thuyết chính trị thì có thể tìm đọc rải rác trên các báo những bài giới thiệu khá cặn kẽ.

Ý thức dân tộc nhờ vậy mà trưởng thành.

IV. BÁO CHÍ TRÊN ĐỊA HẠT KỸ THUẬT VÀ NGHỀ NGHIỆP

Tờ báo đầu tiên ở Việt Nam chào đời khoảng 200 năm sau khi Théophraste Renaudot sáng lập tờ báo *La Gazette* bên Pháp. Năm 1865, báo chí ở bên Anh đã bước vào thời kỳ hưng thịnh rồi.

Vào khoảng 1855-1856, bên Anh Quốc báo chí đã có số lượng lớn từ 560 đến 1.300 tờ đủ loại (nhật báo, tập san, ...). Cuối năm 1865, khi tờ báo Việt Nam đầu tiên ra đời, tờ *Le Petit Journal* của Moise Millaud phát

hành mỗi lần 260.000 số. Năm 1924, tờ *Trung Lập báo* bán chạy nhất chỉ in có 15.000 số. Vì rằng vào đầu thế kỷ XX, dân Việt Nam còn ít, đường giao thông chưa thuận tiện trong khi ở Tây phương, báo chí trở thành kỹ nghệ lớn, còn ở Việt Nam ngành báo chí chỉ đóng vai trò thứ yếu.

Ở Tây phương, vào khoảng 1830-1860, nhiều hãng Thông tấn được tổ chức với quy mô lớn, bao trùm các lục địa, nhờ đó báo chí được cung cấp dồi dào về tin quốc tế cũng như quốc nội. Đó cũng là một yếu tố quan trọng khiến báo chí có cơ hội phát triển.

- Hãng Thông tấn Havas, do Charies Havas lập năm 1835.

- Hãng thông tấn Reuter, do Jullius Reuter lập năm 1851.

- Hãng Thông tấn Assiociated Press lập năm 1848 v.v...

Còn ở Việt Nam thì, *"việc cung cấp tin tức ở Đông Dương từ lâu do hãng ARIP (Agence Radio d'Information et de Presse) đảm nhận. Hãng này hoạt động dưới sự bảo trợ của chính quyền bảo hộ, có mạng lưới thông tin viên đặt tại các cơ quan chính phủ cung cấp cho giới báo chí những bản tin bằng tiếng Pháp, đồng thời nó cũng là cơ quan thông tin tuyên truyền cho đường lối của nhà cầm quyền thực dân. Còn việc cung cấp tin tức thế giới cho Đông Dương thì do hãng Havas (một hãng thông tấn quốc tế đầu tiên trên thế giới, từ năm 1835), theo một thỏa ước ký kết với chính quyền Đông Dương, có hiệu lực từ ngày 1-3-1899. Theo thỏa ước này, hằng năm chính quyền Đông Dương phải* *trả 50.000F và cung cấp tin tức cũng như phương tiện để hãng này đảm nhận việc chuyển tin tức thế giới cho Đông Dương và tin tức Đông Dương, cũng như cho các cơ quan ngoại giao của Pháp ở Viễn Đông. Năm 1911, Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut có dự kiến thành lập riêng cho Đông Dương một hãng thông tấn, nhưng việc này không thành do chiến tranh bùng nổ và những khó khăn về tài chính.*

Khi Chiến tranh Thế giới thứ Hai bùng nổ, hãng HAVAS bị sung công và trở thành Sở Thông Tin Pháp (Office Française d'Information - OFI). Từ ngày 1-7-1942, theo thỏa thuận giữa OFI và Toàn quyền Đông Dương thì cơ quan này cũng thay thế cả hãng ARIP trong việc khai thác và cung cấp thông tin nội địa ở Đông Dương.

Ngay sau khi nhảy vào Đông Dương, bên cạnh việc khống chế Pháp về mặt chính trị, quân sự, kinh tế, phát xít Nhật cũng tìm cách kiểm soát bộ máy tuyên truyền và thông tin đại chúng. Ngày 28-9-1940, 15 phóng viên báo chí và thông tấn đầu tiên của quân đội Nhật và hãng DOME đã tới Hải Phòng. Các quân nhân này mang trên tay phù hiệu "Tòng quân ký giả" chốt ở Hà Nội và các địa phương để thu lượm tin tức về Đông Dương cho nước Nhật và thế giới, đồng thời cũng thu lượm các tin tức tình báo. Với việc thành lập hãng API (06-07-1945), Nhật đã thủ tiêu bộ máy thông tấn của Pháp và độc quyền kiểm soát hệ thống thông tấn và thông tin đại chúng ở Đông Dương".(1)

Nếu so sánh ta thấy báo chí Việt Nam thời bấy giờ còn quá chậm tiến so với báo chí thế giới, kể cả việc lấy tin trong nước cũng lệ thuộc vào các hãng thông tấn của Pháp và Nhật.

Vào đầu thế kỷ, việc in báo tại Việt Nam chỉ là một nghề thủ công, một tiểu thủ công nghiệp chưa được tổ chức theo phương pháp khoa học và thực tiễn. Công nghiệp và kinh tế Việt Nam lúc ấy chưa có gì phát triển. Thời triều Nguyễn, chữ Nôm khó đọc, khó viết với quảng đại quần chúng, lại còn việc in và sách không phổ biến. (Thời xưa dùng bảng gỗ, khắc mỗi lần một trang sách).

Riêng việc in báo mãi cho đến năm 1930 tại Việt Nam vẫn còn rất thô sơ. Những điều này tưởng không gì rõ hơn bằng lời tường thuật của chính *Phụ Nữ Tân Văn* đăng trong hai số 59 (3-7-1930) và số 60 (10-7-1930), nguyên văn như sau:

"Làm thế nào cho thành một tập báo Phụ Nữ Tân Văn"

... "Việc soạn bài vở:

"Bài vở, đăng mỗi kỳ báo, ví dụ như kỳ số 59 đây, ra thứ năm tuần này, nhưng mà chúng tôi đã phải dự bị sẵn sàng và xong hết từ thứ năm tuần trước, chỉ trừ ra có bài nào, hay là cái tin gì cần kíp, thì mới để lại trước ba ngày báo ra mới đưa in mà thôi.

"Vì Phụ Nữ Tân Văn xuất bản 32 trương lớn như vầy và in mỗi kỳ 10.800 số, cho nên việc sắp chữ phải ba ngày ròng rã lại ba ngày ròng rã để in và đóng thành tập, cả thảy là 6 ngày hay là đúng một tuần lễ thì mới xong. Báo chúng tôi phải dự bị trước một

---

(1) Dương Kinh Quốc, Sđd, tập IV, tr. 248.

tuần lễ là vì thế. Như số 59 này in ra rồi, thì số 60 đã đương sắp chữ và sắp lên máy in.

“Việc sắp chữ và trình sở kiểm duyệt:

“Nhưng vì bổn báo chưa có nhà in riêng, nên còn phải mượn in. Trước kia in ở nhà in ông J. Viết, bây giờ in ở nhà in Albert Portail. Đã có độc giả viết thơ than phiền, với chúng tôi, sao tập báo của người Annam, không mướn nhà in Annam, lại đi in ở nhà in Tây. Điều trách ấy nghĩ cũng phải. Nhưng mà nếu xét cho kỹ về việc in tập báo này, đã nhiều trương, bìa lại in màu, và in ra nhiều như thế, thì phải nhà in lớn in mới đặng. Chúng tôi nhắm chừng nhà in ta ở Sài Gòn, chỉ có như nhà in của ông Huyện Của và ông J. Viết là có thể in nổi Phụ Nữ Tân Văn cho hẳn hòi, tốt đẹp được, song hai nhà in này, đều bận làm công việc nhiều quá, thành ra chúng tôi đã đi hỏi ông Của thì không nhận lãnh, còn ông J. Viết, năm ngoái đã in một năm, mà bước qua năm nay, thì ông tăng giá lên quá, cho là in báo này mỗi tuần phải kẹt chữ kẹt máy, không làm được nhiều việc khác nữa.

“... Bài vở soạn xong rồi, như bài nào muốn sắp bằng thứ chữ gì: chữ đứng (romain), chữ xiên (italique), hay là kiểu chữ nào khác như: latin, compacte, initiales larges hay étroites, antique, v.v... muốn chữ lớn hay chữ nhỏ, chữ kiểu hoa hay kiểu thường, thì phải ghi vào bên cạnh bản thảo cho thợ biết; rồi đó mới đưa xuống nhà in cho thợ sắp chữ.

“Toán thợ mà nhà in để riêng về việc sắp chữ báo Phụ Nữ có chừng 10 người, vừa lớn vừa nhỏ.Có một người lớn tuổi và thạo việc đứng làm cai...

“Nhưng cái hộc bằng cây chia ra từng ô nho nhỏ và để xiên, mà độc giả thấy đó là hộc đựng chữ; mỗi ô đựng một thứ chữ, ví dụ như ô này ròng chữ a, ô kia ròng chữ b, .v.v.. Hộc phía trên là chữ hoa, phía dưới là chữ thường, còn hai ba cái ô chót nữa ở phía dưới đựng cái kêu là cadras espaces, là đồ cũng bằng chì, dùng để xen vào chữ, cho phân cách chữ này với chữ kia.

“... Thợ sắp chữ để bài ở trước mặt, nhìn từng chữ trong bài, theo thứ tự trước sau mà lượm từng chữ ở trong hộc ra để vào một cái kêu là composteur, nghĩa là thứ để sắp chữ. Xong một hàng thì thợ lấy miếng chì mỏng và nhỏ, kêu là interligne để ngăn cho cách hàng này với hàng kia.

“Họ sắp độ chừng mươi lăm hàng, nghĩa là chừng nào đầy cái composteur thì để ra một miếng ván có rìa ở bề ngang và bề dọc, kêu là galée. Sắp xong mỗi bài thì cột nhợ xung quanh kêu là một paquet. Ấy là bài cụt, nếu bài dài thì chia ra năm bảy paquets không chừng. Anh thợ nào sắp bài nào xong thì lấy giấy vỗ bài ấy ra đưa cho người sửa bài (correcteur) sửa lỗi. Cách sửa bài đã có những cái dấu riêng. Có bài sửa tới hai ba lần, mỗi lần sửa kêu là một épreuve.

“... khi sắp chữ xong một người trong nhà báo phải tới nhà in, chỉ cho thợ đặt bài nào trước, bài nào sau, cho có thứ tự; công việc xếp đặt từng bài, từng trương đó, kêu là mise en page.

“Nếu như báo Tây, hay là báo nào ở nước khác, khi làm mise en page xong là có thể lên máy in ngay được rồi. Nhưng báo quốc ngữ ở nước Việt Nam này

không thế, xếp đặt thành trương xong rồi, lại phải lấy giấy mực, vỗ hai xấp, đưa trình cho sở kiểm duyệt báo coi.

"... Sở kiểm duyệt đọc xong bấy nhiêu trương cũng hết một ngày: hễ bài nào, khúc nào, hay là chữ nào mà sở kiểm duyệt thấy nói động chạm tới thời thế, phạm tới quan trên,.v.v... thì gạch chữ xanh vào chỗ đó, mà đề chữ censuré. Bài nào hàng nào mà sở kiểm duyệt bôi đi, thì phải lấy ra, hoặc đặt bài khác hoặc những cái chấm để thế vào, hoặc là để trắng, nếu vô ý bỏ sót lại mà in, thì tánh mạng tờ báo phải nguy lắm. Đó là sự bất hạnh đã xảy ra cho bạn quá cố của chúng tôi là báo Thần Chung vậy.

"... Việc lên máy in:

"Khi đã làm mise en page xong thì một mặt chúng tôi gửi bài lên sở kiểm duyệt coi, một mặt ở nhà phải sửa lỗi. Công việc này gọi là sửa morasse. Sửa một lần, sau đó vỗ morasse một lần nữa rồi chúng tôi mới cho bon à tirer, nghĩa là nhận rằng hết lỗi cho in. lúc bấy giờ thợ mới giáp khuôn lên máy. Cái máy ở nhà in Portail là một kiểu máy mới chế ở bên Tây, có nhiều cái đặc sắc lắm, tại Saigon này chỉ có nhà Portail là có mà thôi và giá nó tới 35.000 đồng.

"Nó có những đặc sắc như sau:

"1. Nó chạy đúng, nói theo tiếng nhà nghề gọi là nó có précision... Từng chữ từng tờ in ra coi đều đặn, hẳn hòi, rõ ràng ngay ngắn...

"2. Máy này vừa in vừa cắt giấy... từ đặt giấy lấy mực cho tới in ra thành tờ và xếp lại, nhứt thiết đều là máy tự làm lấy cả...

"3. Nó chạy mau và êm... Mỗi giờ tới 1.800 tờ giấy, song người ta chỉ cho nó in chừng 1.000 hay 1.200 mà thôi...

"... Bìa báo Phụ Nữ bao giờ cũng in hai màu: màu này xen với màu kia; ...Mỗi màu in bằng cái cliché kẽm, in màu này trước màu kia sau. Sự lựa màu, phải lựa cho màu này hợp với màu kia thì mới đẹp...

"Báo Phụ Nữ có 32 trương nhỏ tức là nguyên hai tờ giấy báo hàng ngày xếp lại, mỗi tờ 16 trương. Bởi vậy, mỗi lần lên máy chữ in được 16 trương, rồi lại lên khuôn thứ hai 16 trương nữa mới xong.

"Khi thợ sắp chữ sửa lỗi hết rồi, đem khuôn lên máy cho thợ máy ráp lại sẵn sàng và lấy cây hoặc sắt, nêm đúng bốn phía xung quanh lại, cho thiệt chặt để khi máy chạy khỏi sút chữ ra... Công việc sửa soạn trên máy như thế kêu là mise en train.

"Còn cách làm hình kẽm (photogravure sur zinc), bây giờ các nước Âu Mỹ đã dùng những phương pháp hóa học... Ở ta đây vẫn dùng lối cũ..."Độc giả có tấm hình, muốn đưa làm bảng kẽm (cliché) để in lên báo, thì người thợ chuyên môn đem tấm hình ấy ra máy chụp hình, thứ máy riêng, rọi qua một thứ kiếng mỏng, đem vào buồng tối, pha thuốc, đặt miếng kiếng đã chụp kia lên trên, cho hình ăn xuống kẽm, sau đó đem thả vào trong một chậu nước acide, lắc đi lắc lại chừng 15 phút, acide ăn lủng vào kẽm làm cho hình nổi lên...

"Khi thợ máy làm việc mise en train xong, thợ in cho máy chạy. Máy chạy bằng hơi điện chớ không phải dùng người quay bánh xe như lối cũ. Tới đây là công

việc của máy, in hết tờ này tới tờ khác, chừng nào đủ số của mình đã định thì thôi."

Trên đây là những khó khăn của báo chí thời Pháp thuộc.

Ông Huỳnh Thúc Kháng, chủ nhiệm tờ *Tiếng Dân* đã chứng minh (1): *"Ở xứ ta mà bấy lâu nay chưa có tờ báo nào, người ta vẫn còn nhiều khó khăn và ngay khi thành lập, tờ báo phải đối phó với nhiều vấn đề rắc rối:*

- Thiếu tài liệu cho Bộ biên tập làm việc: Muốn viết một bài xã luận hay, tờ báo cần nhiều tài liệu. Riêng về Tiếng Dân thì tài liệu thiếu thốn quá nhiều, tài liệu là yếu tố quan trọng cho bất cứ tờ báo nào.

- Đường giao thông khó khăn: Muốn được độc giả chú ý, tờ báo cần có tin tức hàng ngày. Phương tiện giao thông ở xứ ta còn yếu kém, muốn đi từ Nam ra Bắc phải tốn 5-7 ngày, vùng thôn quê, vùng sơn cước lại là nơi khó tới lui. Như vậy làm sao thu thập tin tức.

- Nạn mù chữ: Báo sống nhờ độc giả, ở Trung Kỳ, ngoại trừ thành thị, chỉ có 10 phần trăm dân chúng là biết đọc ở thôn quê. Bởi vậy người đọc báo rất ít.

- Sự kém hiểu biết về kỹ nghệ thương mại: Báo phát triển mạnh khi giới doanh thương chú ý đến nó. Giới doanh thương cần quảng cáo hàng hóa trên báo và họ cần giúp cho tờ báo được sống. Ở xứ ta, thương mãi và kỹ nghệ hầu như không có, vậy thì tờ báo làm sao đứng vững lâu dài nếu thiếu người chịu đăng quảng cáo.

- Hiện tượng tâm lý: Ở những nước tiên tiến, báo chí được phồn thịnh nhờ tất cả mọi người đều đọc báo, từ kẻ doanh nghiệp đến người lao động, từ văn sĩ đến chính trị gia. Báo chí nhờ đó mà trở thành một lực lượng đáng kể. Nhưng ở xứ ta, thấy ít nói đến báo chí và thích đọc báo. Không được công chúng biết đến thì báo khó mà sống dai được..."

Ông Huỳnh Thúc Kháng đã nêu ra những khó khăn của tờ *Tiếng Dân*, nhưng thật ra, các tờ báo khác cũng gặp những khó khăn tương tự vậy:

- Phương tiện giao thông kém.
- Vốn quá ít.
- Thương mãi kỹ nghệ chưa phát triển.
- Nạn mù chữ, độc giả chỉ là thiểu số trong dân chúng. Nhà nước thuộc địa lúc bấy giờ đã chú ý đào tạo một số quan phủ, quan huyện mà thôi. Nhà nước cố ý bỏ qua vấn đề học vấn cho quảng đại quần chúng, e rằng *"sẽ tạo khí giới cho lứa thanh niên Việt Nam chống lại Nhà nước. Chừng 80 phần trăm dân chúng không biết đọc, biết viết"*(1).

V. BÁO CHÍ VÀ CHÍNH QUYỀN THỰC DÂN

Lý do chủ yếu khiến cho báo chí bị cản trở trên đà phát triển là vấn đề chính trị.

---

(1) Tiếng Dân. Số 3 ngày 17-8-1927.

(1) Tiếng Dân. Số 3 ngày 17-8-1927.

Báo chí có thể phát triển dễ dàng ở những nước mà chế độ cai trị tỏ ra tự do và dân chủ. Khốn nỗi, từ khi thành hình, báo chí Việt Nam sống dưới chế độ độc đoán, thiếu tự do tư tưởng. Thực dân Pháp cai trị xứ ta non trăm năm. Chúng tìm mọi cách ngăn cản tự do báo chí và tìm cách nuôi dưỡng tờ báo nào chịu tuyên truyền, tức là ca ngợi chế độ. Báo chí không được quyền nói đến chuyện quốc sự. Ai vi phạm điều này thì bị tù, tài sản bị tịch thu để "bảo vệ an ninh quốc gia". Một số đông độc giả chê trách rằng báo chí Việt ngữ không đăng bài nào "coi được", vì vậy, báo bán ế.

"Chính quyền thực dân áp dụng những nguyên tắc lạc hậu, dùng những phương tiện vượt ngoài mức tưởng tượng để khóa miệng báo chí Việt ngữ. Giấy phép ra báo thì thỉnh thoảng mới cấp hoặc là không cấp. Kế đó, cơ sở kiểm duyệt, một cơ quan làm việc hăng hái và tận tụy để cắt xén tàn nhẫn những bài báo không chịu ca ngợi những thành quả tốt đẹp của chế độ đó.

"Bởi vậy thiên hạ không ngạc nhiên cho lắm khi thấy ở Đông Dương mọc lên nhiều tờ báo gọi là "đứng đắn". Lẽ dĩ nhiên các báo này ca ngợi việc nhà nước đắp lộ, làm đường, cất trường học, xây nhà thương, nghĩa là tờ báo làm mọi cách để phô bày cho người Việt thấy ở khắp Đông Dương đâu đâu cũng có những "kỳ quan" dựng lên. Để làm công việc ca ngợi này, loại báo mà Nhà nước khen là đứng đắn đã thu hút số tiền lớn do dân chúng đóng góp, được Nhà nước xuất ra giúp cho nhà báo, gọi là "trợ cấp của Nhà nước".

"Nhìn tình trạng đó, ta nghĩ rằng người Pháp ở thuộc địa còn lâu lắm mới làm tròn sứ mạng khai hóa, một sứ mạng mà bọn thực dân thường khoe khoang như là "phương thuốc vạn năng, tiêu trừ bá bịnh".

"Chế độ thuộc địa là chế độ bỉ ổi, sứ mạng khai hóa chỉ là sứ mạng kiềm hãm dân chúng trong u tối".

"Quyền tự do ăn nói là quyền thiêng liêng, lòng yêu sự thật cũng là quyền thiêng liêng. Chính phủ thuộc địa đã cố che dấu tội lỗi bằng cách dùng những thủ đoạn gọi là độc tài, vì ta không còn danh từ nào khác hơn để gọi".

"Với chế độ kiểm duyệt, Nhà nước khóa miệng những ai dám suy nghĩ sâu xa và dám nói thẳng sự việc. Nếu ký giả nào viết bài chống Nhà nước thì bị lên án gọi đó là bọn vô chính phủ, làm cách mạng, rồi bỏ tù người viết, để cho những người ở chính quốc biết rằng ở thuộc địa có điều hay, điều tốt chẳng còn ai tìm được điều gì gọi là xấu".

"Với quyền hạn sẵn có, bọn thực dân ngăn cấm không cho người Việt được quyền viết bằng Việt ngữ. Một thủ đoạn quanh co lừa đảo, không xứng đáng là một dân tộc hằng tự hào đã sản xuất những nhà trí thức chánh trực như J. Jaurès, Voltaire, ...".

"Ôi ! Chính sách khai hóa ! Nhơn danh mi, người ta đã phạm bao nhiêu tội ác"(1).

Trong giai đoạn 1865-1945, vì gặp quá nhiều khó khăn, báo chí Việt Nam chưa được hoàn hảo và chưa đạt được mục tiêu lớn. Ngay từ khởi thủy, báo chí Việt

---

(1) L'Ère Nouvelle số 117 ngày 17-12-1927.

Nam không là báo thương mãi, mà chỉ là báo chính trị. Vấn đề thương mãi (kinh doanh thương mãi) chỉ là yếu tố thứ yếu, so với nhiệm vụ chính yếu là nhiệm vụ chính trị. Khi nào tình hình chính trị trong nước trở nên sôi động, với những biến cố lớn thì báo chí ra nhiều.

Dầu sao đi nữa, báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến năm 1945 cũng đã cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu của độc giả trong khi nước nhà đang trải qua những cơn biến chuyển lớn lao. Ngày nào mà nền kinh tế phát triển, chính trị được ổn định thì nhất định báo chí Việt Nam sẽ có cơ hội thuận lợi để làm tròn sứ mạng hướng dẫn quần chúng và bênh vực quyền lợi cho nhân dân.

PHỤ LỤC

MỤC LỤC BÁO CHÍ VIỆT NGỮ TỪ 1865-1945

BẢNG KÊ THEO NIÊN ĐẠI

1862	**Xã Thôn Công báo** (*Le Bulletin les Communes*) in bằng chữ Hán (1862-?)
1865	**Gia Định Báo** (1865-?). Ra đời 15-4-1865 dưới sự điều khiển của Ernest Potteau qua đến 16-9-1869 giao về ông Trương Vĩnh Ký - Sài Gòn
1883	**Nhật Trình Nam Kỳ** (1883-?) (Le Journal de Cochinchine). Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy (bằng Pháp và Việt văn).
1888	**Bảo Hộ Nam Dân** - Số 1 ngày 8-7-1888
1888	**Thông loại Khóa Trình** (1888-1889) Miscellanées ou lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, commulales et cantonales par P.J.B. Trương Vĩnh Ký. Sài Gòn. Số 1 tháng 1-1988
1892	**Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo** (1892-1907)
1898	**Phan-Yên Báo** (1898-1899) do Diệp Văn Cương biên tập
1901	**Nông Cổ Mín Đàm** (1901-1924).

(*Causeries sur l'agriculture et le commerce*). Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ năm; Chủ nhân: Canavaggio; Chủ bút: Lương khắc Ninh tự Dũ-Thúc. Năm thứ 1. Số 1. 01 tháng 8 năm 1901. Số cuối ngày 4-11-1924.

1905 **Đại Việt Tân Báo** (1905-?)

1905 **Nhật Báo Tỉnh** (1905-?)
(Le Moniteur des Provinces). Sài Gòn. Ra ngày thứ năm, Việt ngữ.

1907 **Đăng Cổ Tùng Báo** (1907-?)

1907 **Lục Tỉnh Tân Văn** (1907-1944)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ năm, sau đổi ra hàng ngày. Năm 1921, *Lục Tỉnh Tân Văn* và *Nam Trung Nhật Báo* hợp nhất thành nhật báo xuất bản mỗi ngày, trừ ngày lễ và ngày chủ nhật. Sài Gòn. Chủ nhiệm: Nguyễn Văn Của; Chủ bút: Lê Hoằng Mưu.
Số 1, ngày 15-11-1907. Số cuối, tháng 12-1944.

1908 **Notre Journal** (1908-1910)

1908 **Nam Kỳ Địa Phận** (1908-1945)
(*Semaine religieuse*). Sài Gòn. Tuần báo ra ngày thứ năm.
Số đầu ra ngày 26-11-1908. Số cuối ngày 15-2-1945

1910 **Notre Revue** (1910-?)

1913 **Đông Dương Tạp Chí** (1913-1918)
(Edition spéciale du *Lục Tỉnh Tân Văn* pour le Tonkin et l'Annam). Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ năm, Chủ nhân: F. H. Schneider. (1918 đổi ra *Học Báo*). Năm thứ 1. Số 1 (15-5-1913)

1913 **Trung Bắc Tân Văn** (1913-1941)
(*Gazette de l'Annam-Tonkin*). Hà Nội, nhật báo. Imp. du *Trung Bắc Tân Văn*. Schneider chủ nhiệm, Nguyễn Văn Vĩnh chủ bút.

1916 **Tân Đợi Thời Báo** (1916-1916)
Số 1, tháng 1-1916 đến tháng 8-1916 đổi thành *Công Luận báo*.

1916 **Công Luận Báo** (1916-1939)
Sài Gòn, bán tuần báo, ra ngày thứ ba và thứ sáu; Imp. de l'Union. Số 1 ra ngày 29-8-1916. Số cuối, ngày 30-9-1939.

1917 **Nam Phong** (1917-1934)
(*Văn học Khoa học tạp chí*). Hà Nội, một tháng 1 kỳ. Từ số 194. 15-4-1934, mỗi tháng hai kỳ; Chủ bút kiêm quản lý: Phạm Quỳnh; Chủ bút: Dương Bá Trạc. Năm thứ 1, số 1, tháng 7-1917; đình bản số 210, 16-12-1934

1917 **Nam Việt Tế gia** (1917-1918)
Số 1 ra ngày 14-10-1917. Số cuối, ngày 22-9-1918.

1917 **La Tribune Indigène** (1917-1925)
Số 1, ra ngày 20-8-1917. Số cuối, ngày 31-1-1925.

1917 **Quốc Dân Diễn đàn** (1917-1919)
Số 1, ra ngày 28-10-1917. Số cuối, ngày 20-10-1919.

1917 **Nam Trung Nhật Báo** (1917-1921)
Sài Gòn. Nguyễn Tử Thức: chủ bút; Lê Sum: phụ bút (1)

1917 **An Hà Báo** (1917-1934)
(*Édition en Quốc Ngữ de l'Appel*). Cần Thơ, tuần báo ra ngày thứ năm, Imp. de l'Ouest. Võ Văn Thơm: chủ biên, chủ bút. Đình bản ngày 14-12-1934.

1918 **Đại Việt Tạp chí** (1918-1918)
Số 1, tháng 1-1918

1918 **Nữ Giới Chung** (1918-1918)
Số 1, ra ngày 01-2-1918. Số cuối, ngày 19-7-1918.

1918 **Thời Báo** (1918-1919)
Số 1, tháng 10-1918. Số cuối, ngày 16-12-1919.

1918 **Học Báo** (1918-1944)
(*Revue pédagogique à l'usage des écoles primaires de l'Annam et du Tonkin*). *Hà Nội.*

1918 **Petit Tribune Indigène** (1918-1919)

1918 **Đèn Nhà Nam** (1918-1919)
Số 1, ra ngày 04-12-1918. Số cuối, ngày 08-1-1919.

1919 **Quan Báo**
Số 1, ra ngày 1-1-1919

1920 **Thánh Giáo Tuần Báo Bắc Kỳ** (1920-1923)
(*Semaine religieuse du Tonkin*). Hà Nội.

1920 **Écho Annamite** (1920-1944)
Số 1, ra ngày 08-1-1920. Số cuối, tháng 1-1944.

1920 **Thực Nghiệp Dân Báo** (1920-1933)
Hà Nội. Nhật báo. Imp du Thực nghiệp Dân Báo.
Đình bản số 149, 24-9-1933

1920 **Nam Kỳ Kinh Tế Báo** (1920-1924)
(*L'information économique de Cochinchine*). Sài Gòn (tuần báo).
Số 1, ra ngày 27-10-1920. Số cuối, ngày 21-2-1924.

1921 **Khai Hóa Nhật Báo** (1921-1927)
Hà Nội, (nhật báo). Số cuối, ngày 31-8-1927.

1921 **Hữu Thanh** (1921-1924)

(Cơ quan Hội Bắc Kỳ Công Thương Đồng Nghiệp).
Hà Nội.
(Bán nguyệt san). Số 1, ra ngày 01-8-1921.
Số cuối, ngày 15-9-1924.

1922 **Nhật Tân Báo (Ère Nouvelle)** (1922-1929)
Sài Gòn, (tuần báo ra ngày thứ năm); chủ nhiệm: Cao Hải Để.
Số 1, ra ngày 06-4-1922. Số cuối, ngày 6-7-1929.

1922 **Sư Phạm Học Khoa** (1922-1939)
(*Journal des écoles*). Sài Gòn (tuần báo ra ngày thứ hai).

1922 **Lời Thăm Các Thầy Giảng** (1922-1943)

1922 **Việt Nam Thanh niên Tân tiến** (1922-?)
Số 1, ra ngày 6-5-1922

1922 **Tập Kỷ Yếu của Hội Trí Tri** (1922-1945)
(*Bulletin de la Société d'enseignement Mutuel du Tonkin*).
Hà Nội (ba tháng một kỳ).

1923 **La Cloche Fêlée** (1923-1926)
Số 1, ra ngày 10-12-1923. Số cuối, ngày 3-5-1926.

1923 **Đông Pháp Thời Báo** (1923-1927)
(*Le Courrier Indochinois*). Sài Gòn (ra ngày thứ hai, thứ tư và thứ sáu). Năm thứ 1, số 1 ngày 25-3-1923. Số cuối ngày 31-12-1927.

1923 **Công Giáo Đồng Thinh** (1923-1930)
(*La Voix Commune des Missions Catholiques*). Sài Gòn (nhật báo)

1923 **Khoa Học Tạp Chí** (1923-1926)

(*Revue de vulgarisation scientifique*). Sài Gòn (tuần báo ra ngày thứ năm). Năm thứ 1, từ số 1 đến 4 (1923). 1926 (112 đến 135).

1923 **La Voix Annamite** (1923-1933)
Số 1, ra ngày 12-1-1923

1923 **Vệ Nông Báo** (1923-1932)
(*Revue agricole* en Quốc ngữ). Hà Nội (bán nguyệt san).
Số 1 đến số 7 (1923); đình bản số 90: tháng 12-1933.

1923 **Việt Nam Thanh Niên tạp chí** (1923-1924)
Số 1, ra ngày 01-7-1923. Số cuối, tháng 6-1924.

1923 **Trung Hòa Nhật Báo** (1923-1939)
Hà Nội (bán tuần). Năm thứ 1, số 1, 8-9-1923.

1924 **Tân Dân Báo** (1924-1925)
Sài Gòn (nhật báo).
Năm thứ 1, số 1 ngày 17-11-1924. Số cuối, ngày 20-2-1925.

1924 **Le Moniteur de Hải Dương** (1924-1929)
Hải Phòng (tuần báo Việt Ngữ).

1924 **Trung Lập Báo** (1924-1933)
(*Edition annamite de l'Impartial*). Sài Gòn, (nhật báo).
Năm thứ 1, số 1, 16-1-1924; đình bản số 7023, 30-5-1933.

1924 **L' Essor Indochinnois** (1924-1927)
Số 1, ngày 05-7-1924. Số cuối, ngày 17-9-1927.

1924 **Le Progès Annamite** (1924-1931)
Số 1, ra ngày 11-3-1924.

1925 **Việt Nam Hồn** (1925-?)

1925 **Báo Đông Pháp** (1925-1932)
(*Edition Annamite de France Indochine*).
Hà Nội (bán tuần san đổi ra tuần báo và nhật báo).

1925 **Thanh Niên** (1925-1930?)
Số 1, ra ngày 21-6-1925. Người sáng lập , chủ bút: Nguyễn Ái Quốc. Cơ quan ngôn luận của VNTNCMĐCH, tờ báo đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam .

1925 **Le jeune Annam** (1925-?)
Số 1, ra ngày 23-3-1925.

1926 **An Nam Tạp Chí** (1926-1933)
Hà Nội. Tuần báo, ra ngày thứ bảy; chủ nhiệm: Nguyễn Khắc Hiếu. Số 1 (1926); đình bản từ số 10 (3-1927); ra số 11 (7-1930) đến số 24 (6- 1931); ra lại số 25 (16-1-1932); từ 1-9-1932 đánh lại số 1 và trở thành bán nguyệt san; đình bản số 9, 1-3-1933.

1926 **Rạng Đông (*L'Aurore*)** (1926-1930)
Sài Gòn (Nguyệt San), số 1 tháng 9-1926 đến số 31 (1-9-1929) đổi chủ nhiệm: Georges Bignon, tuần báo phụ trương cho *Trung Lập* cho đến ngày 13-4-1930 đình bản.

1926 **Tân Thế Kỷ** (1926-1927)
Sài Gòn (nhật báo). Năm thứ 1 ngày 1-11-1926.
Số cuối, ngày 30-4-1927

1926 **L 'Annam** (1926-1928)
Số 1, ra ngày 06-5-1926. Số cuối, ngày 02-2-1928.

1926 **La Tribune Indochinoise** (1926-1941)
Số 1, ra ngày 06-8-1926. Số cuối, tháng 1-1941.

1926 **L' Ere Nouvelle** (1926-1929)
Số 1, ra ngày 17-8-1926. Số cuối, ngày 22-6-1929.

1926 **Le Nhà Quê** (1926-1926)
Số 1, ra ngày 11-12-1926.

1926 **Văn Minh** (1926-1931)
Số 1, ra ngày 03-9-1926.

1927 **Kịch Trường Tạp Chí** (1927-1929)
(*Revue des Spectacles*). Gia Định (tuần báo sau đổi bán tuần); chủ nhiệm: Lê Chơn Tâm. Năm thứ 1, số 1 đến 8 (1927), đình bản số 64 (bộ mới) 19-6-1929.

1927 **Pháp Việt Nhất Gia** (1927-1927)
Sài Gòn (ra ngày thứ năm và thứ bảy).
Năm thứ 1, số 1 tháng 2-1927. Số cuối, ngày 17-5-1927.

1927 **Thần Kinh tạp chí** (1927-1942)
(*Revue mensuelle de vulgarisation et d'information*).
- Huế, (Nguyệt san). Số đầu, tháng 8-1927.

1927 **Tiếng Dân** (1927-1943)
(*La Voix du Peuple*). Huế (ra ngày thứ tư và thứ bảy).
Năm thứ 1, số 1 ra ngày 10-8-1927.
Là tờ báo lớn đầu tiên của Trung Kỳ, là tiếng nói của người dân tại đây, đồng thời là tiếng nói chính thức của nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng.

1927 **Achat et Vente (Mua và Bán)** (1927-1929)
(Revue d'affaires); Sài Gòn (Bán nguyệt san).

1927 **Du Học báo** (1927-1935)

1927 **Vệ Sinh Báo** (1927-1933)
(*Journal de vulgarisation d'hygiène*).
Hà Nội (báo ra ngày 15 mỗi tháng).

1927 **Dân Báo** (1927)
Hà Nội (nhật báo). Năm thứ 1, số 1 ngày 01-5-1927.
Số cuối, ngày 16-5-1927.

1927 **Hà Thành Ngọ Báo** (1927-1929)
Hà Nội (nhật báo); Imp. du Hà Thành Ngọ Báo.
Năm thứ 1, số 1, tháng 5-1927. Số cuối, ngày 26-12-1929.

1927 **Quảng Đạt Báo** (1927-1931)
(*Journal d' annonce de l'Indochine*); Hà Nội (tuần báo).
Năm thứ 1, số 1 ngày 28-01-1927. Đình bản ngày 7-3-1931.

1927 **Bulletin de la Société d'Encouragement aux Etudes Occidentales: Du Học Báo** (1927-1935)
Huế (nguyệt san) (Việt, Hán, Pháp Ngữ). Năm thứ 1, số 1 tháng 7- 1927, đình bản số 74, tháng 3-1935, tục bản tháng 9-1935 và ngưng luôn.

1928 **Điện Xa Tạp Chí** (1928-1929)
Sài Gòn; Imp. Nguyễn Khắc, 1928. Số cuối, ngày 8-6-1929.

1928 **Vệ Sinh Y Báo** (1928-1929)
(*Revue mensuelle de vulgarisation d'hygiène et de la médecine*). Huế. (Nguyệt san).

1928 **L 'Action Indochinoise** (1928-?)
Số 1, ra ngày 23-8-1928.

1928 **Đuốc Nhà Nam** (1928-1937)
Sài Gòn. Số 1, ngày 26-9-1928, bị đình bản ngày 6-7-1937.

1928 **Kỳ Lân Báo** (1928-1929)
Sài Gòn, (ra ngày thứ năm và thứ bảy). Chủ nhiệm Bùi Ngọc Thự. Năm thứ 1, số 1 tháng 8-1928, đình bản ngày 18-5-1929.

1928 **Hà Tĩnh Tân Văn** (1928-1930)
Huế. Năm thứ 1 số 1 tháng 8-1928, đình bản tháng 7-1930.

1928 **Dân Hiệp** (1928-1940)

1929 **Cao Miên Hướng Truyền** (1929-1930)
(*Edition Annamite de l'echo du Cambodge*).
PnomPenh (tuần báo ra ngày thứ ba); Quản lý: Trần Kim Chi.
Năm thứ 1, số 1 đến 12 (1929), đình bản số 51, 29-4-1930.

1929 **Phụ Nữ Tân Văn** (1929-1934)
Sài Gòn (tuần báo ra ngày thứ năm);
Chủ Nhiệm: Bà Nguyễn Đức Nhuận.
Năm thứ 1, số 1, ra ngày 2-5-1929; đình bản số 271, 20-12-1934.

1929 **Canh Nông Luận** (1929-1931)
(*Revue agricole*).Saigon. Năm thứ 1, số 1, ngày 24-8-1929.
Đình bản số 76, ngày 4-4-1931.

1929 **Tam Dân Hoa Xã** (1929)

1929 **Công Thị Báo** (1929-1934)

1929 **Thần Chung (*La Cloche du Matin*)** (1929-1930)
Sài Gòn. Chủ nhiệm: Diệp Văn Kỳ.
Năm thứ 1, số 1 ra ngày 8-1-1929, đình bản số 344 (22-3-1930).

1929 **Nông Công Thương báo** (1929-1932)
Hà Nội, (nhật báo).

1929 **Bulletin mensuel des communes de Thái Bình** (1929)
(*Thái Bình nguyệt san*). Chỉ ra số 1, tháng 9-1929.

1929 **Đông Phương** (1929-1933)
(*Orient*). Hà Nội, nhật báo. Chủ nhiệm: A.La Vallé. Năm thứ 1, số 1,1er-11-1929, đình bản số 96, 18-11-1933.

1929 **Đông Tây** (1929-1932)
(*Orient - Occident*). Hà Nội tuần báo rồi bán tuần báo và nhật báo. Quản lý: Hoàng Tích Chu.
Năm thứ 1, số 1, 15-12-1929, đình bản số 222, 25-7-1932.

1929 **Phục Pháp Âu Dược Báo** (1929)
(*Revue de la Pharmacie moderne européenne*). Hà Nội, nguyệt san, Quản lý: P. Domat.
Chỉ ra số 1, Février 1929, tục bản số tháng 9-1932.

1929 **Thanh Niên Tân Tiến** (1929-1929)

1929 **Thần Nông Báo** (1929-1933)
(*Revue agricole*) Hà Nội, tuần báo, chủ nhiệm: Nguyễn Gia Huy. Năm thứ 1, số 1, 1-12-1929; đình bản số 120, 5-12-3-1933.

1930 **Công Báo** (1930-1931)
(*La voix publique*). Hà Nội, nhật báo; chủ nhiệm: Tiết Lương Khiêm. Năm thứ 1, số 1, 16-7-1930, đình bản số 16, 2-8-1930

1930 **Long Giang Độc Lập** (1930-1931)

Sài Gòn, ra ngày thứ ba, thứ năm và thứ bảy; quản lý: Võ thành Bút. Số 1 (4-11-1930; đình bản số 86 (5-9-1931).

1930 **Phổ Thông** (1930-1931)
(*Journal de vulgarisation*). Hà Nội (nhật báo). Chủ nhiệm: Đặng Nguyên Quang. Năm thứ 1, số 1, 1-7-1930, đình bản số 182. 8-9-2-1931.

1930 **Sài Thành Nhật Báo** (1930-1931)
(*Journal de Saigon*). Sài Gòn, nhật báo, quản lý: Hồ Văn Hiến. Năm thứ 1, số 1, 23-11-30; đình bản ngày 26-4-1931.

1930 **Tả Trực Báo** (1930-1931)
Huế, bán nguyệt san. (Hán và Việt ngữ); Imp. Đắc Lập. Năm thứ 1, số 1, 1-7-1930; đình bản số 30, 15-9-1931.

1930 **Thanh Nghệ Tĩnh Tân Văn** (1930-1936)
(*Écho des provinces de Thanh Hoá, Nghệ An et Hà Tĩnh*). Vinh, 10 ngày 1 kỳ. Quản lý: Nguyễn văn Luận. Năm thứ 1, số 1, tháng 7- 1930, đình bản số 84, tháng 3-1936.

1930 **Vệ Nông Báo** (1930)

1930 **Lao Khổ** (1930)

1930 **Thương Báo** (1930-1931)
(*Annonces Commerciales*). Hà Nội tuần báo ra ngày chủ nhật. Chủ nhiệm: Đàm Như Khuê. Năm thứ 1, số 1, 7-9-1930; đình bản số 42, 5-7-1931.

1930 **Hoan Châu Tân Báo** (1930)
(*Les Perdes retrouvées*) - Huế, (nguyệt san), Việt văn và Hán văn. Năm thứ nhất, số 1, tháng 1-1930; đình bản số 7, tháng 7-1930.

1930 **Nam Nữ Giới Chung** (1930-1932)
Chợ Lớn, (tuần báo). Chủ nhiệm: Nguyễn Kỳ Sất. Năm thứ 1, số 1, 28-3-1930; đình bản ngày 2-3-1932.

1930 **Tứ Dân Tạp Chí** (1930-1932)
(*Revue pour tous*); Hà Nội, (tuần báo); quản lý: Tiết Như Ngọc. Năm thứ 1, số 1. 8-3-1930; đình bản số 51, 9-4-1932.

1930 **Đông Dương Thương Báo** (1930-1931)
(*Bulletin des annones commerciales de l'Indochine*); Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Đinh văn Phúc. Năm thứ 1, số 1, 16-6-1930, đình bản số 47, 30-5-1931.

1930 **Bắc Kỳ Thể Thao** (1930-1933)
(*Tonkin sportif*). Hà Nội, tuần báo, chủ nhiệm: Nghiêm Xuân Huyến. Năm thứ 1, số 1, 4-11-1930; đình bản số 133, 27-6-1933.

1930 **Bình Phú Tân Văn** (1930-1931)
(*Écho des provinces Bình Định et Phú Yên*).- Huế, bán nguyệt san, Quốc văn và Hán văn.
Năm thứ 1, số 1, 1-7-1930; đình bản ngày 1-10-1931.

1930 **Cổ Kim Văn Tập** (1930)
(*Recueil des textes anciens et modernes*). Hà Nội, bán nguyệt san. Chỉ có số 1, tháng 1-1930.

1930 **Cười** (1930)
Tuần báo. Quản lý: Nguyễn Tường Tam.

1930 **Tạp chí Cao Đài** (1930)

1930 **Trường An Cận Tín** (1930-1932)
(*Echo de la capitale*). Huế, bán nguyệt san. Năm thứ 1, số 1, 1-7-1930; đình bản ngày 1-4-1932.

1930 **Phụ Nữ Thời Đàm** (1930-1933)
(*Journal pour les femmes et les jeunes filles*). Hà Nội, nhật báo, chủ nhiệm: Mme Nguyễn Văn Đa. Năm thứ 1, số 1, 8-12-1930; đình bản ngày 5-6-1934.

1930 **Sơ Học Tuần Báo** (1930-1932)
(*Revue hebdomadaire pour l'enseignement primaire*). Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Xuân Mai. Năm thứ 1, số 1, 29-11-1930; đình bản số 57, 22-5-1932.

1930 **Sài Thành Nhật Báo (*phụ trương đua ngựa*)** (1930-1931)
Sài Gòn, tuần báo; Nhà in Bảo Tồn; quản lý: Hồ Văn Hiến.
Năm thứ 1, số 1, 23-11-1930; đình bản số 22, 26-4-1931.

1930 **Trung Kỳ Vệ Sinh Chỉ Nam** (1930-1931)
(*Chỉ bảo những điều thường thức vệ sinh. Moniteur de l'hygiène de l'Annam*). - Huế, nguyệt san; chủ nhiệm: F. Imbert.
Năm thứ 1, số 1 tháng 3-1930; đình bản tháng 12-1930.

1931 **Thánh Kinh Báo** (1931-1943)
(*Bulletin de la Mission évangelique*). Hà Nội, nguyệt san.
Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1931.

1931 **Bạn Đường** (1931)

1931 **Niên Báo Tùng Đàm** (1931-1933)
Hà Nội, niên san.Chủ nhiệm: Nguyễn Nhu. Năm thứ 1, số 1, 26-5-1931; không có năm 1932; tái bản 1-11-1933.

1931 **Thời Báo** (1931)
Hà Nội, một tuần ra 3 kỳ; Chủ nhiệm: Phùng Văn Long.Năm thứ 1, số 1, 15-1-1931; đình bản số 36, 17-4-1931.

1931 **Tiếng Chuông** (1931)
(*Publication satirique et littéraire*). Hà Nội; Chủ nhiệm: Nguyễn Văn Thìn. Năm thứ 1, số 1 (1931), đình bản với số 2.

1931 **Tiếng Cười Thế Sự** (1931)
(*Publication satirique et littéraire*). Hà Nội; Chủ nhiệm: Nguyễn Văn Thìn. Năm thứ 1, số 1 (1931); đình bản với số 2.

1931 **Tiểu Thuyết Chủ Nhật** (1931)
Hà Nội, tuần báo ra ngày chủ nhật; Chủ nhiệm kiêm quản lý: Trần Minh Kính. Năm thứ 1, số 1, 2-8-1931. Đến số 11, đổi tên **Tiểu Thuyết Tuần Báo** đến số 13, 25-10-1931; đổi tên **Tiểu Thuyết Tuần San** và đánh số 1 từ 7-11-1931; đình bản số 8, 25-12-1931.

1931 **Trung Kỳ Nam Giới** (1931-1932)
Huế, bán nguyệt san.
Năm thứ 1, số 1, 10-10-1931; đình bản tháng 3-1932.

1931 **Bạn Dân** (1931-1932)
(*Edition annamite de l'Ami du Peuple*). - Hà Nội, nhật báo;
Chủ nhiệm: R.E.Eichol.
Năm thứ 1, số 1, 30-12-1931; đình bản số 28, 2-2-1932.

1931 **Khoa Học Tạp Chí** (1931-1940)

(*Revue scientifique*). Hà Nội;
Chủ nhiệm: Nguyễn Công Tiếu, Quản lý: Nguyễn văn Hy.
Năm thứ 1, số 1, 1-7-1931; đình bản số 232, tháng 7,8-1940.

1931 **Pháp Viện Báo** (1931-1932)
(*Revue judiciaire Franco-Annamite*). Hà Nội, nguyệt san;
Chủ nhiệm: Phạm Huy Lục.
Năm thứ 1, số 1, tháng 5-1931; đình bản số 4-6 tháng 10-12/1932.

1931 **Tam-Kỳ Tạp Chí** (1931)
(*Revue hebdomadaire de vulgarisation litté raire, Seiertique et artistique*). Hà Nội, tuần báo ngày thứ năm; chủ-nhiệm: Hoàng Hữu Huy. Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1931; đình bản số 49, 10-12-31.

1931 **Tân Thanh Tạp Chí** (1932-1935)
(*La Cloche nouvelle*). Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Vị Thủy Lương Quý Phùng; chủ bút: Tử Siêu Nguyễn Trọng Thuật.
Năm thứ 1, số 1, 12-2-1931; đình bản số 82, 15-8-1934;
và tục bản số 83, 25-1-1935; đình bản luôn.

1931 **Thời Báo** (1931-1932)
(*Le temps*). Hà Nội, ra ngày thứ ba, thứ năm, thứ bảy;
Chủ nhiệm: Phùng Văn Long.
Năm thứ 1, số 1, 15-1-1931; đình bản số 20, 28-8-1932.

1931 **Bắc Kỳ Thời Báo** (1931)

Hà Nội, nhật báo; chủ nhiệm: Dương Tự Tám; quản lý: Nguyễn Thông; chỉ có số 1, 29-4-1931.

1931 **Đông Dương Báo** (1931)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Lê Trung Nghĩa; quản lý: Huỳnh Võ Tạo. Năm thứ 1, số 1, 18-6-1931; đình bản số 13, 27-9-1931.

1931 **Báo Thùng Dầu** (1931-1943)
Cơ quan của Chi bộ Nhà Bè.

1931 **Duy Tân** (1931)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Nguyễn Đình Thấu.
Năm thứ 1, số 1, 28-6-1931; đình bản số 21, 15-11-1931.

1931 **Kim Lai Tạp Chí** (1931-1932)
(Aujourd'hui et Demain) -Huế, tuần báo;
chủ nhiệm: Viễn Đệ; quản lý: Đào Duy Anh.
Năm thứ 1, số 1, 31-12-1931; đình bản số 8, 6-6-1932.

1931 **Nam Kỳ Thể Thao** (1931)
Sài Gòn, tuần báo, ra ngày thứ hai; quản lý: Trần Văn Chim; đến số 22, 13-10-1931 đình bản

1931 **Ngòi Bút Thép** (1931)
(*Pages satiriques, humoristiques et littéraires*). Hà Nội, tuần báo; Chủ nhiệm: Vũ Công Nghi.
Năm thứ 1, số 1, 24-9-1931; đình bản số 5, 11-11-1931.

1931 **Dân Mới** (1931)
Hà Nội, tạp chí; Imp. Trung Bắc Tân Văn;
chỉ ra một số ngày 3-12-1931

1932 **Văn Học Tạp Chí** (1932-1935)

Hà Nội, nguyệt san, sau đổi tuần báo; chủ nhiệm: Dương Tụ Quân. Năm thứ 1, số 1, tháng 5-1932; đình bản số 75, 20-4-1935;
tục bản với số 1, 18-5-1935; đình bản số 14 (4-1935)

1932 **Cờ Đỏ** (1932)
Cơ quan của Xứ ủy lâm thời Nam Kỳ, phát hành đầu năm 1932 đến tháng 10-1932 thì đình bản.

1932 **Báo Nhà Quê** (1932)
Cơ quan của Đảng bộ Chợ Lớn.

1932 **Asie (L') nouvelle illustrée** (1932-1935)
(*Tân Á Tạp Chí*). Sài Gòn; chủ nhiệm: Đoàn Trung Còn.
Năm thứ 1, tập 1, quyển 1, 1-12-1932; đình bản số 28, tháng 4-1935

1932 **Bản An Phụ Trương Đua Ngựa** (1932)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Hữu Đắc.
Năm thứ 1, chỉ có số 1, 17-11-1932

1932 **Phong Hóa Tuần Báo** (1932-1936)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Xuân Mai; quản lý: Phạm Hữu Ninh. Năm thứ 1, số 1, 16-6-1932; bị lệnh ngưng bản 3 tháng (tháng 4 đến tháng 6-1932); bị cấm hẳn số 190, 5-6-1936.

1932 **Đông Thanh Tạp Chí** (1932-1938)
(*La voix de l'Orient*). Hà Nội, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Ngô Tử Hạ. Năm thứ 1, số 1, 1-7-1932; đình bản số 35, 1-12-1934; tục bản số 36, 15-5-1935; đình bản số 38, 15-4-1936; tục bản số tháng 10-36; đình bản số 43, tháng 8-1938

1932 **Sài Thành** (1932-1933)

Sài Gòn, nhật báo; Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Nhuận; quản lý: Alpha. Năm thứ 1, số 1, 2-12-1932; từ 340, 30-4-1933 đổi tên Sài Gòn, đánh số 1, 3-5-1933

1932 **Tân Báo** (1932)
Hà Nội, nhật báo; quản lý: Hồ Khắc Trang. Năm thứ 1, số 1, 2-2-1932; đình bản số 18, 9-3-1932

1932 **Tân Thiếu Niên** (1932)
(*La jeunese nouvelle*). Hà Nội, ra ngày thứ năm và chủ nhật;
Chủ nhiệm: Trần Tấn Thọ; quản lý: Ngô Thanh. Năm thứ 1, số 1, 21-12-1932; đình bản số 51, 21-8-1932

1932 **Tiên Long Báo** (1932-1934)
Huế, tuần báo; quản lý: Nguyễn Ngọc Tân.
Năm thứ 1, số 1, 9-4-1932; đình bản số 100, 7-4-1934
(thay thế cho *Trung Kỳ Nam Giới* và *Trường An Cận Tín*)

1932 **Từ Bi Âm** (1932-1941)
(*La voix de la miséricorde*). Sài Gòn, bán nguyệt san;
Chủ nhiệm: Phạm Ngọc Vinh; quản lý: Lê Khánh Hoà.
Năm thứ 1, số 1, 1-1-1932

1932 **An Nam Thông Chí** (1932)
Nam Định, mỗi 5 ngày ra một kỳ; quản lý: Vũ Hưng Toan; chỉ ra số 1, 20-2-1932

1932 **Bắc Kỳ Thời Báo** (1932)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ bảy; chủ nhiệm: Dương Tự Tám. Năm thứ 1, số 1, 23-4-1932; đình bản số 10, 23-7-1932

1932 **Bảo An** (1932-1933)
(*Conservation de la Paix*). Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy;
Chủ nhiệm: Nguyễn Thế Phương; quản lý: Nguyễn Hữu Đắc.
Năm thứ 1, số 1, 2-2-1932; đình bản số 16, 18-2-1933.

1932 **Bulletin de l'Asecourfi** (1932-1940)
(*Bắc Kỳ liên hiệp ái hữu tương tế hội*). Hà Nội (Đông Dương liên hữu tương tế), tuần báo; imp. Vũ Văn Định.
Năm thứ 1, số 1, 2-4-1932

1932 **Chớp Bóng** (1932)
(*Revue du Cinéma*). Hà Nội, tuần báo. Chủ nhiệm: Đặng Trọng Duyệt. Năm thứ 1 số 1, 16-4-1932; đình bản số 18, tháng 8-1932

1932 **Bảo An Y báo** (1934)

1932 **Đồng Nai** (1932-1933)
Sài Gòn, bán nguyệt san sau đổi tuần báo; quản lý: Lê Thế Vinh. Năm thứ 1, số 1, 15-2-1932; đình bản số 34, 1-7-1933;
tái bản với số 1, 6-11-1933; đình bản số 6, 14-12-1933.

1932 **Phụ Nữ Tân Tiến** (1932-1934)
Huế, bán tuần; chủ nhiệm: Lê Thành Tường; quản lý: Nguyễn Văn Tân. Năm thứ 1, số 1, 29-7-1932; đình bản số 24, 15-7-1933;
tục bản, tuần báo, số 1, tháng 2, 1934; đình bản số 4, 5-4-1934

1932 **Phục Pháp Âu Dược** (1932)

Hà Nội, nguyệt san; quản lý: P. Domart;
tái bản chỉ có một số tháng 9-1932.

1932 **Thời Báo** (1932)
Hà Nội, nhật báo; chủ nhiệm: Phùng Văn Long; tái bản số 1, 3-8-1932; đình bản số 20, 28-8-1932

1932 **Thương Báo** (1932-1933)
(*Organe d'un groupe de commèrcants pour la propagande du commerce et de l'industrie*). Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Phạm Tá. Năm thứ 1, số 1, 3-12-1932; đình bản số 10, ngày 11-3-1933

1932 **Hình Vẽ** (1932)
(*Tạp chí tranh ảnh*). Sài Gòn; quản lý: C. Ardin. Năm thứ 1 chỉ có một số, 8-12-1932

1932 **Báo Thợ Thuyền** (1932)
Cơ quan của Thành Ủy Sài Gòn. Số 1, ngày 1-6-1932.

1932 **Họa Báo** (1932-1933)
Sài Gòn, nguyệt san. Năm thứ 1, số 1, 31-12-1932; đình bản sau khi phát hành số tháng 1-1933.

1933 **Văn Học Tuần San** (1933)
Huế, bán nguyệt san; quản lý: Lê Lương Phụng. Năm thứ 1, số 1, 16-9-1933; đình bản số 3, 1-11-1933

1933 **Thanh Niên** (1933-1935)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Phạm Hữu Khánh; quản lý: Ngạc Văn Đông. Năm thứ 1, số 1, 6-10-1933; đình bản số 37, 26-11-1934; tục bản số 38, tháng 1, 2-1935, đánh số 1, 5-5-1935; đình bản số 5, 4-6-1935.

1933 **Zân Báo** (1933)

Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Võ Khắc Thiệu. Năm thứ 1, số 1, 1-4-1933; đình bản số 11, 21-4-1933; tục bản trở thành tuần báo, số 1, 1-7-1933; đình bản sau số 22, 16-12-1933.

1933 **Đế Thiên, Đế Thích** (1933)
Sài Gòn, sáng lập: cô Nguyễn Thị Trang, tổng thư ký: cô Nguyễn Thị Phương Huê. Năm thứ 1, chỉ có tập 1, 15-7-1933.

1933 **Hậu Giang** (1933-1935)
Cần Thơ, nguyệt san ; quản lý: Nguyễn Hưu Đẩu. Năm thứ 1, số 1, tháng 8-1933 ; đình bản số 8, năm 1935.

1933 **Hoàn Cầu Tân Văn** (1933-1938)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ năm. Chủ nhiệm: Nguyễn Háo Vĩnh, quản lý Nguyễn Văn Khanh tự Paul Marchet. Năm thứ 1, số 1, 24-8-1933; đình bản số 63, 24-12-1934; tục bản 25-5-1935; đình bản tháng 4-1936; tục bản số 1, tháng 9-1936; đình bản số 30, tháng 3-1938.

1933 **Viễn Âm** (1932-1936)
Số 1, ra ngày 1-12-1933

1933 **Hồn Liêm Sĩ** (1933)
Hà Nội, nguyệt san. Chủ nhiệm: Hoàng Nhuận. Năm thứ 1, số 1, tháng 11-1933. Đình bản số 2, tháng 12-1933.

1933 **An Nam Thông Chí** (1933)
Nam Định, mỗi ngày một kì. Chủ nhiệm: Vũ Hùng Toản, quản lý: Nguyễn Xuân Dương. Số 1, 1-5-1933; đình bản số 6, 15-7-1933.

1933 **Cùng Bạn** (1933-1935)

Sài Gòn, tuần báo. Chủ nhiệm: Trần Thái Nguyên, quản lý: Nguyễn Kim Đính. Năm thứ 1, số 1, 3-5-1933. Đình bản số 11, 27-2-1935.

1933 **Khuynh Diệp** (1933-1934)
(*Journal mensuel d'organisation et d'affaires en langue Annamite*).-Huế, nguyệt san, quản nhiệm: Viễn Đệ.
Năm thứ 1, số 1, 15-4-1933. Đình bản số 13, 15-10-1934.

1933 **Kinh Tế Tạp Chí** (1933-1934)
Nam Định, bán nguyệt san.
Chủ nhiệm: Nguyễn Đạo Kính, quản lý Nguyễn Xuân Ngoạn.
Năm thứ 1, số 1, 1-4-1933. Đình bản 10-12-1934.

1933 **Doanh Nghiệp** (1933)
(Tên cũ là *Quảng cáo báo*). Hải Phòng và Hà Nội, chủ nhiệm: Mazière Frères; số 5, 5-7-1933; đình bản số 9, 1-11-1933.

1933 **Tân Văn Tiểu Thuyết** (1933-1935)
Hải Phòng, tạp chí (1933-1935); Năm thứ 3, số 1, tháng 6-1935.

1933 **La Lutte (*Tranh Đấu*)** (1932-1936)
Số 1, ra ngày 24-3-1933.
Năm 1938, tái bản in bằng Việt ngữ, tờ *Tranh Đấu*.

1933 **Phụ Nữ Thời Đàm** (1933-1934)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: bà Nguyễn Văn Đa; Số 1, 7-9-1933 (1933-1934); đình bản số 26, 5-6-2934.

1933 **Bạn Trẻ** (1933-1934)

Hà Nội, tuần báo, ra ngày thứ tư; quản nhiệm: Tôn Thất Minh. Năm thứ 1, số 1, 6-12-1933; đến số 15, 11-4-1934.

1933 **Sài Thành Họa Báo** (1933-1935)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Trần Văn Quang; quản lý: Đào Thao Vy. Năm thứ 1, số 1, 2-9-1933; đình bản số 48, 15-12-1934;
tục bản số 49, 25-4-1935; đình bản số 50, 25-4-1935.

1933 **Vận Động Bắc** (1933-1934)
Sài Gòn, tuần báo thể thao ra ngày thứ bảy; chủ nhiệm: Trần Văn Kha. Năm thứ 1, số 1, 5-8-1933; đình bản số 26, 3-3-1934.

1933 **Quảng Cáo Báo** (1933)
Hà Nội, bán nguyệt san; chủ nhiệm: anh em Mazière; quản lý: Đỗ Thúc Trâm. Năm thứ 1, số 1, 16-4-1933; kể từ số 8, 16-9-1933 đổi tên là *Doanh Nghiệp*; đình bản số 9, 1-9-1933.

1933 **Quảng Cáo Phan Bá Đài** (1933-1934)
(*Thương Mại Tùng Thư*). Sài Gòn, nguyệt san; chủ nhiệm: Phan Bá Đài. Năm thứ 1, số 1, tháng 8-1933; đình bản số 8, tháng 11-1934.

1933 **Báo Bao Gạo** (1933)
Cơ quan của Đảng bộ Chợ Lớn.

1933 **Tân Văn Tiểu Thuyết** (1933-1935)
Hải Phòng, tạp chí, quản lý: Lê Quang Thiệp.
Năm thứ 3, số 1, tháng 6 năm 1935.

1933 **Kho Chuyện Của Phái Cười Đời** (1933)
Nam Định, bán nguyệt san, quản nhiệm: Lê Tràng Kiều.

Năm thứ 1, tập 1, tháng 6-1933 đình bản số 3, tháng 7-1933.

1933 **Nhật Tân** (1933-1935)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ tư; chủ nhiệm: Đỗ Văn.
Năm thứ 1, số 1, 2-8-1933; đình bản số 204 (?) 20-2-1935.

1933 **Niết Bàn Tạp Chí** (1933-1939)
Sài Gòn, bán nguyệt san; quản lý: Nguyễn Văn Lượng.
Năm thứ 1, số 1, 15-10-1933; đình bản số 5, tháng 6-1939.

1933 **Phòng Canh Nông Nam Kỳ Tạp Chí** (1933-1934)
(*Revue agricole Cochinchinoise*). Sài Gòn; quản lý: Clermidy.
Năm thứ 1, số 1, 15-6-1933; đình bản số 16, 15-9-1934.

1933 **Rạng Đông** (1933-1934)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ bảy; chủ nhiệm: Nghiêm Xuân Huyến. Năm thứ 1, số 1, 8-7-1933; đình bản 25-5-1934.

1933 **Tiểu Thuyết Tuần San** (1933-1934)
Hà Nội, tuần báo, chủ nhiệm: Vũ Công Định; số 1, 23-7-1933; đình bản số 71, 2-12-1934.

1933 **Thánh Thể Báo** (1933-1937)
(*Hội các ngày ca chầu mình thánh*). Hà Nội, nguyệt san;
Quản lý: G. Lebourdais.
Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1933; đình bản số 144, tháng 1,2-1937.

1933 **Cờ Lãnh Đạo** (1932-1936)
Sau đổi tên là *Giải Phóng*. Đình bản năm 1934.

1933 **Việt Dân** (1933-1937)
Sài Gòn, nhật báo, sau thành tuần báo; chủ nhiệm: Đặng Thúc Liêng; quản lý: Nguyễn Kim Định. Năm thứ 1, số 1, 16-3-1933; đình bản số 13, 1-4-1933; tục bản và đánh số 1, 15-9-1933;
đình bản số 22, 28-7-1934; tục bản ngày 6-12-1934 và đánh số 1; đình bản số 22, tháng 6-1935; tục bản tháng 11-1935 đánh số 1; đình bản số 1-9-1937.

1934 **Long Giang** (1934)
Sài Gòn, xuất bản thứ hai, thứ tư, thứ sáu; chủ nhiệm: Lê Hoàng Hưu; quản lý: Võ Thanh Bút;
Số 1, 11-5-1934; đình bản số 1, (bộ mới) 4-12-1934.

1934 **Thực Nghiệp Dân Báo** (1934-1935)
Hà Nội, nguyệt san, chủ nhiệm: Mai Du Lân. Số 1, tháng 1, 2-1934; đình bản số 5, tháng 5, 12-1934; tục bản số 6, tháng 1, 6-1935.

1934 **Bạn Trẻ** (1934-1935)
Vinh, ra ngày thứ năm và chủ nhật; chủ nhiệm: Tôn Thất Dinh,
Số ngày 27-9-1934; đình bản số 3, 20-5-1935.

1934 **Văn Học Tuần San** (1934-1937)
Sài Gòn, bán nguyệt san, quản lý: Lê Cương Phụng, 15-9-1934; đình bản số 32, tháng 7-1937.

1934 **Tương Lai Tạp Chí** (1934)
Sài Gòn, nguyệt san (chữ Pháp và Việt); quản nhiệm: Hoàng Tân Dân. Năm thứ 1, số 1, 15-2-1934; số 4, tháng 6-1934.

1934 **Tương lai** (1934)
Nha Trang, nguyệt san, quản lý: Cung Giũ Nguyên;
Chỉ ra có số 1, 15-2-1934.

1934 **Tuổi Xuân** (1934-1935)
Qui Nhơn, nguyệt san, quản lý: Perreaux.
Năm thứ 1, số 1, tháng 1- 1934; đình bản số tháng 6-1935.

1934 **Tiểu Thuyết Thứ Bảy** (1934-1943)
Hà Nội, tuần báo; quản nhiệm: Nguyễn Thị Hot. Năm thứ 1, số 1, 2-6-1934.

1934 **Việt Nam Thương Báo** (1934)
Faifo, nguyệt san; quản nhiệm: Hoàng Đắc Vinh. Năm thứ 1, số 1, 10-7-1934; đình bản số 2, tháng 8-1934.

1934 **Đàn Bà Mới** (1934-1937)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy; Quản lý: bà Băng Dương tức Thụy An. Năm thứ 1, số 1, 1-12-1934; đình bản sau số Xuân 1937.

1934 **Hải Phòng Tuần Báo** (1934-1935)
Hải Phòng, tuần báo; quản lý: Đào Thiên Thụy.
Năm thứ 1, số 1, 24-7-1934; đình bản số 10, 25-9-1934;
tục bản số 1, 20-1-1935; đình bản số 13, 14-4-1935.

1934 **Khoa Học Phổ Thông** (1934-1942)
Sài Gòn, bán nguyệt san; quản nhiệm: Lâm Văn Vãng.
Năm thứ 1, số 1, 1-9-1934; đình bản số 158, tháng 11, 12-1942.

1934 **Nhân Loại** (1934-1935)

Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Đặng Trọng Duyệt; quản lý: Hoàng Như Tiếp. Năm thứ 1, số 1, 14-10-1934; đình bản số 18, 1-6-1935.

1934 **Chấn Thanh** (1934)
(*Revue scolaire de perfectionnement*). Sài Gòn, bán nguyệt san;
Chủ nhiệm: Phan Bá Luận; quản lý: Nguyễn Văn Trương.
Năm thứ 1, số 1, 1-6-1934; đình bản số 7, 15-10-1934.

1934 **Tận Thiếu Niên** (1934-1935)
Hà Nội, nhật báo; chủ nhiệm: Trần Tấn Thọ; quản lý: L. T. Phùng. Số 1, 1-6-1934; đình bản số 3, 16-2-1935.

1934 **Đồng Thanh** (1934-1935)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Trần Như Lân. Năm thứ 1, số 1, 28-2-1934; đình bản số 18, 3-5-1935.

1934 **Livres et Revues** (1934-1935)
Qui Nhơn, hai tháng ra một kỳ (chữ Pháp và Việt); quản lý: Perreaux. Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1934; đình bản số 2, tháng 3,4-1935.

1934 **Đông Phương** (1934)
Hà Nội, nguyệt san sau đổi tuần báo; chủ nhiệm: A. Lavallée; quản lý: Hoàng Văn Tuân. Số 1, tháng 1, 2-1934; đình bản số 9, 24-12-1934.

1934 **Loa** (1934-1936)
(Tuần báo trào phúng). Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ năm;
Quản lý: Phan Trần Chúc.

Năm thứ 1, số 1, 8-2-1934; bị cấm số 103, tháng 2-1935.

1934 **Nghĩa Binh Thánh Thể Tạp Chí** (1934-1943?)
Hà Nội, hai tháng ra một kỳ; quản lý: G. Lebourdais.
Năm thứ 1, số 1, tháng 5, 6-1934.

1934 **Sao Mai** (1934-1939)
Vinh, tuần báo ra ngày thứ sáu; chủ nhiệm: Trần Bá Vinh; quản lý: Hoàng Huy Tuấn. Năm thứ 1, số 1, 12-1-1934; đình bản số 287, tháng 8-1939.

1934 **Y Học Tạp chí** (1934)

1934 **Tiểu thuyết Thứ Bảy** (1934-1944?)
Số 1 ra ngày 2-6-1934 . Chủ nhiệm: Vũ Đình Long.

1934 **Sports** (1934-1935)
Hà Nội, tuần báo thể thao ra ngày thứ ba (tiếng Pháp và tiếng Việt); quản nhiệm: A. Couteau.
Năm thứ 1, số 1, 6-11-1934; đình bản số 31, tháng 10-1935.

1934 **Tân Văn** (1934-1936)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Phan Văn Thiết; quản lý: Phan Văn Nhuệ. Năm thứ 1, số 1, 4-8-1934; đình bản số 89, tháng 5-1936.

1934 **Thương Mại** (1934-1935)
Hà Nội, bán nguyệt san; quản nhiệm: Bùi Đình Tiến.
Năm thứ 1, số 1, 28-10-1934; đình bản số 9, 20-2-1935.

1934 **Trung Tâm** (1934-1935)
Hà Nội, tuần báo, quản nhiệm: Vũ Văn Hoan.

Năm thứ 1, số 1, 17-10-1934; đình bản số 5, 21-11-1934; và đình bản sau khi phát hành số 6, 23-5-1935.

1934 **Phụ Nữ Tân Tiến** (1934)
Huế, tuần báo; chủ nhiệm: Phạm Bá Nguyên.
Số 1, tháng 2-1934; đình bản số 4, 5-4-1934.

1935 **Ánh Sáng** (1935)
Huế, nhật báo; quản lý: Nguyễn Quốc Túy.
Năm thứ 1, số 1, 26-3-1935; từ số 20, 27-4-1935 trở thành tuần san; đình bản số 52, tháng 10-1935.

1935 **Bắc Hà** (1935-1936)
Hà Nội, mỗi tháng xuất bản ba kỳ; chủ nhiệm: Bùi Đình Tiến.
Năm thứ 1, số 1, 1-3-1935; đình bản số 20, 13-9-1935;
tục bản 5-3-1936 và nghỉ.

1935 **Đuốc Tuệ** (1935)
Số 1, ra ngày 10-12-1935

1935 **Cậu Ấm** (1935-1937)
(Báo con trai). Hà Nội, tuần báo; quản lý: Nguyễn Đức Phong.
Năm thứ 1, số 1, 20-2-1935; đình bản số 129, tháng 11-1937.

1935 **Chân Lạc** (1935)
(*Thể thao tuần báo*). Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Dậu. Năm thứ 1, số 1, 4-1-1935; đình bản số 2, tháng 2-1935.

1935 **Công Giáo Nam Thành** (1935-1937)
Nam Định, nguyệt san, quản lý: R.P. Vaquier.

Năm thứ 1, số 1, 3-5-1935; đình bản số 21, tháng 1-1937.

1935 **Công Thương** (1935)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Hồ Văn Sao. Năm thứ 1, số 1, 20-1-1935; từ số ?, 4-5-1935 trở nên tuần báo, rồi đình bản luôn.

1935 **Bắc Ninh Tuần Báo** (1935-1936)
Bắc Ninh, bán nguyệt san; quản lý: Trần Đức Bích. Năm thứ 1, số 1, 1-6-1935; đình bản số 16, tháng 1-1936.

1935 **Bình Dân** (1935)
Sài Gòn, bán tuần báo; chủ nhiệm: Trần Văn Quang;
Quản lý: Nguyễn Văn Chinh (dit Thái).
Năm thứ 1, số 1, 7-9-1935; đình bản số 31, 12-12-1935.

1935 **Truyện Ngắn Nhi Đồng** (1935-1936)
Sài Gòn, tạp chí; Imp. Việt Nam. Năm thứ 1, số 1, tháng 9-1935; đình bản số 3, tháng 10-1936.

1935 **Công Dân** (1935-1936)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Tiết Như Ngọc. Năm thứ 1, số 1, 25-9-1935; đình bản số 15, tháng 1-1936; tục bản tháng 7-1936 đánh số 1, đình bản số 16, 1-7-1936.

1935 **Dân Quyền** (1935-1936)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Cendrieux; quản lý: Nguyễn văn Sen. Năm thứ 1, số 1, 20-6-1935; đình bản số 2, 2-10-1935.

1935 **Đời Nay** (1935)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Hữu Nguyên.

Năm thứ 1, số 1, 6-9-1935; đình bản số 2, 2-10-1935.

1935 **Đông Tây Báo** (1935-1936)
Hà Nội, tuần san; chủ nhiệm: Dương Tự Quán. Năm thứ 1, số 1, 27-11-1935; bị cấm số 26, 25-6-1936.

1935 **Đông Thinh**
(1935)
(*La Voix de L'Orient*). Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Diệp Văn Kỳ. Năm thứ 1, số 1, 19-8-1935; đình bản với số đặc biệt, tháng 9-1935.

1935 **Đàn Văn** (1935)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Nguyễn Phú Đốc. Năm thứ 1, số 1, 4-4-1935; đình bản số 7, 16-5-1935.

1935 **Điện Tín** (1935-1937)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Lê Trung Cang; quản lý: M. Bernard. Năm thứ 1, số 1, 15-1-1935; đình bản số 6, Bộ Mới, 21-11-1937.

1935 **Đời Mới** (1935)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Lê Văn Hòe; quản lý: Nguyễn Mạnh Chất. Năm thứ 1, số 1, 24-3-1935. Đình bản số 4, 14-4-1935.

1935 **Hồn Trẻ** (1935-1936)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ bảy; quản lý: Nguyễn Mạnh Đang. Năm thứ 1, số 1, 15-4-1935; đình bản số 10, 12-12-1935; tục bản số 1, 6-6-1936; đình bản số 12, 27-8-1936.

1935 **Hướng Đạo** (1935-1936)
Sài Gòn, nguyệt san; quản lý: Phan Bá Lân. Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1935; đình bản số 19, tháng 7-1936.

1935 **Ngày Nay** (1935-1945)
Hà Nội, mỗi tháng ra ba kỳ, rồi tuần báo; Chủ nhiệm: Nguyễn Tường Cẩm. Năm thứ 1, số 1, 30-1-1935-1940. Tục bản tháng 5-1945 đến tháng 8-1945 đình bản vĩnh viễn.

1935 **Nghề Mới** (1935-1938)
Hà Nội, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Dương Trung Thục.
Năm thứ 1, số 1, 1-5-1935; đình bản số 6, 11-1-1936; tục bản tháng 4-1936, đánh lại số 1; đình bản số 23, tháng 7-1938.

1935 **Nghe Thấy** (1935)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ năm; quản lý: Phan Bá Lân.
Năm thứ 1, số 1, 25-4-1935; đình bản số 27, tháng 12-1935.

1935 **Sống** (1935-1936)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ ba; chủ nhiệm: Trần Phước Phán; quản lý: Trần Thiêm Thới. Năm thứ 1, số 1, 22-3-1935; đình bản số 31, 15-10-1935; tục bản, tháng 1-1936; số 32 và đình bản luôn.

1935 **Tân Nữ Lưu** (1935-1936)
Hà Nội, bán nguyệt san. Năm thứ 1, số 1, 4-5-1935; Đình bản số 8, 31-8-1935; tục bản số 9, 22-2-1936 và đình bản luôn.

1935 **Tân Thời** (1935-1936)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Tôn Văn Lâm. Năm thứ 1, số 1, 17-1-1935 đến tháng 11-1935, đổi khổ báo và đánh lại số 1; đình bản số 14-5-1936.

1935 **Tân Tiến** (1935)

Vĩnh Long, mỗi tuần ra ba kỳ; quản lý: Nguyễn Phú Toàn.
Năm thứ 1, số 1, 152-1935; đình bản số 38, tháng 7-1935.

1935 **Tiểu Thuyết Thứ Sáu** (1935)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Nguyễn Thế Phương.
Năm thứ 1, số 1, 25-3-1935; đình bản số 3, 3-8-1935.

1935 **Tràng An** (1935-1943)
Huế, mỗi tuần ra hai lần; chủ nhiệm: Bùi Huy Tín.
Năm thứ 1, số 1, 1-3-1935.

1935 **Tiếng Chuông Sớm** (1935-1936)
Hà Nội, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Đỗ Văn Hỷ; quản lý: Đinh Xuân Lạc. Năm thứ 1, số 1, 15-8-1935 đình bản số 24, tháng 5- 1936.

1935 **Tiếng Trẻ** (1935-1936)
Hà Nội, tuần san; chủ nhiệm: Phạm Hữu Ninh.
Năm thứ 1, số 1, 18-4-1935; đình bản số 13,tháng 2-1935.

1935 **Tiểu Thuyết Nam Kỳ** (1935)
Sài Gòn, tạp chí; quản lý: Nguyễn Ngọc Quới.
Năm thứ 1, số 1, tháng 6-1935; đình bản số 13, tháng 9-1935.

1935 **Tiểu Thuyết Sài Gòn** (1935)
Sài Gòn, tạp chí, chủ nhiệm: Lê Quang Hảo; quản lý: Nguyễn Văn Bằng. Năm thứ 1, số 1, tháng 11-1935.

1935 **Tiểu Thuyết Thứ Hai** (1935)
Vinh, tuần san; chủ nhiệm: Lê Hữu Nhơn.

Năm thứ 1, số 1, 7-10-1935; đình bản số 4, 11-11-1935.

1935 **Tin Văn** (1935-1936)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Đức Phong.
Năm thứ 1, số 1, 28-7-1935; đình bản số 28, tháng 11-1936.

1935 **Trung Kỳ** (1935-1936)
Vinh, tuần báo; chủ nhiệm: Vương Đình Quang.
Năm thứ 1, số 1, tháng 10-1935; đình bản số 16, 14-10-1936.

1935 **Tứ Dân Văn Uyển** (1935-1943)
Hà Nội, nguyệt san; chủ nhiệm: E. Veyrac.
Năm thứ 1, số 1, tháng 5-1935; đình bản số 35, tháng 11-1943.

1935 **Nước Non Tuần Báo** (1935)
(*Grand journal encyclopédique humoristique satirique*).
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Trần Trung Viễn.
Năm thứ 1, số 1, 1-7-1935; đình bản số 12, tháng 9-1935.

1935 **Sài Gòn Ngọ Báo** (1935-1936)
Sài Gòn, tạp chí, quản lý: Nguyễn Thế Phương.
Năm thứ 1, số 1, 9-7-1935; đình bản số 4, Xuân 1936.

1935 **Tân Văn Báo** (1935)
Hà Nội, tạp chí; chủ nhiệm: Phạm Gia Lãm.
Năm thứ 1, chỉ có số 1, 15-8-1935.

1935 **Tân Văn Tiểu Thuyết** (1935)
Hải Phòng, tạp chí; quản lý: Lê Quang Thiệp.
Chỉ có số 1, 1-6-1935.

1935 **Tập Kỷ Yếu Hội Phật Giáo** (1935)
(*Bulletin de l'Association Bouddhique*). Hà Nội, tạp chí;
imp. Trung Bắc. Năm thứ 1, số 1, tháng 5-1935.

1935 **Thẳng Tiến** (1935)
Hà Nội, bán nguyệt san; quản lý: Trần Văn Tuyền.
Năm thứ 1, số 1, 5-11-1935.

1935 **Thời Sự** (1935)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Pha Viết. Chỉ có số 1, 23-3-1935.

1935 **Việt Nam** (1935-1936)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Nguyễn Phan Long; quản lý: Phan Kim Trọng. Năm thứ 1, số 1, 2-9-1935; bị cấm số 370, 17-12-1936.

1935 **Việt Nam** (1935)
Hải Phòng, tạp chí; imp. Commerciale;
Chỉ có một số đặc biệt nạp bản ngày 18-6-1935.

1935 **Tân Thiếu Niên** (1935)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Trần Tấn Thọ; quản lý: L. T. Phung; đình bản số 3, 16-2-1935.

1935 **Zân** (1935)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Nguyễn Văn Nhật.
Số 1, 23-3-1935; đình bản số 3, 6-4-1935.

1935 **Bạn Trẻ** (1935)
Vinh, bán tuần báo; chủ nhiệm: Tôn Thất Minh; đình bản số 3, 20-5-1935.

1935 **Cười** (1935)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Lê Tiến Phúc; quản lý: Trần Trọng Cảnh. Năm thứ 1, số 1, 20-12-1935; 1936: Xuân.

1935 **Đông Dương Chớp Bóng** (1935-1936)
(*Indo-Ciné*). Sài Gòn, tạp chí; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Sanh;
quản lý: Tạ Đình Bính.
Năm thứ 1, số 1, tháng 12-1935; đình bản số 9, 16-5-1936.

1935 **Đức Bà Hằng Cứu Giúp** (1935-1943)
Hà Đông, nguyệt san; quản lý: G. Michand.
Năm thứ 1, số 1, tháng 7-1935.

1935 **Đuốc Chân Lý** (1935-1939)
Mỹ Tho, tạp chí; quản lý: Nguyễn Văn Ca.
Năm thứ 1, số 1, 15-7-1935; đình bản số 35, tháng 1, 2-1939.

1935 **Duy Tân Phật Học** (1935-1943)
Trà Vinh, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Văn An; quản lý: Nguyễn Văn Kheo. Năm thứ 1, số 1, 10-1935.

1935 **Hoạt Động** (1935)
Hải Phòng, tuần báo; chủ nhiệm: Dương Trung Phục.
Năm thứ 1, số 1, 1-9-1935; đình bản số 4, tháng 11-1935.

1935 **Khuyến Học** (1935-1937)
Hà Nội, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Xuân Thái.
Năm thứ 1, số 1, 1-9-1935; đình bản số 3 (bộ mới), tháng 4-1937.

1935 **Kịch Bóng** (1935-1937)

Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Bùi Văn Còn; quản lý: Nguyễn Văn Thới. Năm thứ 1, số 1, 19-10-1935; đình bản số 2 (bộ mới), 28-8-1937.

1935 **Mai** (1935-1939)
Sài Gòn, tạp chí; chủ nhiệm: Đào Trinh Nhất; quản lý: Nguyễn Ngọc Nghệ. Năm thứ 1, số ra mắt 5-11-1935; từ số 96, 4-8-1939; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Thăng; đình bản số 70, 31-7-1937; tục bản số 1, 4-9-1937; đình bản số 108, tháng 10-1939.

1935 **Majestic Chớp Bóng** (1935)
Sài Gòn, tạp chí; quản lý: Lê Văn Trịnh.
Năm thứ 1, chỉ có số 1, tháng 6-1935.

1935 **Kiến Văn** (1935-1936)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nghiêm Thượng Văn.
Năm thứ 1, số ra mắt, 29-12-1935; số 1, 5-1-1936; đình bản số 10, tháng 3-1936.

1935 **Tiến Hóa** (1935)
Hà Nội, tạp chí; chủ nhiệm: Lê Tràng Kiều; đình bản số 3, 7-12-1935.

1935 **Đuốc Tuệ** (1935-1939)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Năng Quốc; quản lý: Cung Đình Bính. Năm thứ 1, số 1, 10-12-1935;
L'avenir de Jeunesses, chủ bút: Nguyễn Đăng Thục.

1936 **Bắc Hà** (1936-1938)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Bùi Đình Tiến.
Số 1, 10-8-1936; đình bản số 12, tháng 3-1938.

1936 **Le Travail** (1936-1937)
Số 1, ngày 16-9-1936

Số cuối, ngày 16-4-1937

1936 **Báo Tiểu Thuyết** (1936-1942)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Vũ Đình Chung.
Năm thứ 1, số 1, 20-7-1936, đình bản số 29, 1942.

1936 **Bồ Đề Tạp Chí** (1936)
Sóc Trăng, tạp chí; chủ nhiệm: Lê Phước Chí; quản lý: Trần Phong Ngân. Năm thứ 1, số 1, 15-8-1936; đình bản số 2, tháng 9-1936.

1936 **Công Giáo Tiến Hành** (1936-1938)
Sài Gòn - Tân Định, tuần báo;
Chủ nhiệm: Đoàn Công Chánh; quản lý: Đoàn Hữu Lộc.
Năm thứ 1, số 1, tháng 7-1936; đình bản số 18, tháng 12-1938.

1936 **Đại Đạo** (1936-1937)
Sài Gòn, bán nguyệt san; quản lý: Lê Thế Vinh.
Năm thứ 1, số 1, 12-6-1936; đình bản số 10, 10-1-1937.

1936 **Dân Hiệp** (1936-1942)
Sài Gòn, tạp chí; quản lý: Edmanuel Victorien và Eugène Nguyễn Văn Dinh. Năm thứ 1, số 1, 28-11-1936; đình bản số 1107, tháng 12-1942.

1936 **Dân Quê** (1936)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Phan Trần Chúc.
Năm thứ 1, số 1, 1-12-1936; (bị cấm số 4, 26-12-1942?)

1936 **Kỹ Nghệ Thương Mại** (1936-1938)
Hải Phòng, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Thế Vinh.
Năm thứ 1, chỉ ra 1 số, tháng 5-1936.

1936 **Tiến Bộ** (1936)
Bắc Ninh, Hà Nội, tuần báo; Chủ nhiệm: Trần Đức Bích;
quản lý: Nguyễn Hữu Điềm. Năm thứ 1, số ra mắt, tháng 1-1936, số 1, 9-2-1936; đình bản số 6, tháng 3-1936.

1936 **Tiếng Vang Làng Báo** (1936)
Hà Nội, tạp chí; chủ nhiệm: Nguyễn Cao Sơn.
Năm thứ 1, số ra mắt, 6-5-1936; số 1, 29-6-1936 và bị cấm.

1936 **Việt Dân** (1936)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Đặng Thúc Liêng; đình bản số 2, ngày 9-12-1936.

1936 **Bát Nhã Âm** (1936-1943)
Bà Rịa, nguyệt san; chủ nhiệm: Đỗ Phước Tâm dit Minh Chánh. Năm thứ 1, số 1, 15-3-1936; đình bản số 3, tháng 5-1936;
tục bản năm 1937; đình bản số 23, 1943.

1936 **Cấm Thành Tạp Chí** (1936)
Quảng Ngãi, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Đình Nhơn.
Năm thứ 1, số ra mắt, 25-3-1936; đình bản số 1, 20-4-1936.

1936 **Đuốc Văn Minh** (1936)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Ngô Văn Ban.
Năm thứ 1, số 1, 26-4-1936; đình bản số 2, 6-5-1936; tục bản với số 1, 11-7-1936; đình bản số 4, 1-8-1936.

1936 **Đường Ngay** (1936-1937)
Vinh, bán tuần báo; Chủ nhiệm: R. P. Dalaine; quản lý: Võ Qúi Ninh. Năm thứ 1, số 1, 1-1-1936; đình bản số 24, 15-1-1937.

1936 **Hà Nội Báo** (1936-1937)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ tư; chủ nhiệm: Lê Cường.
Năm thứ 1, số 1, 1-1-1936; bị cấm số 55, 20-1-1937.

1936 **Học Sinh Tuần Báo** (1936-1937)
Thanh Hóa, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Tích; quản lý: Nguyễn Văn Tụng. Năm thứ 1, số 1, 20-2-1936; đình bản số 7, 14-1-1937.

1936 **Ích Hữu** (1936-1938)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Vũ Cang, Vũ Huy Thọ.
Năm thứ 1, số 1, 25-2-1936; đình bản tháng 3-1938.

1936 **Sông Hương** (1936-1937)
Huế, tuần báo; quản lý: Phan Khôi.
Năm thứ 1, số 1, 1-8-1936; đình bản số 32, 27-3-1937; tục bản 19-3-1937, đánh số 1; đình bản số 14, tháng 10-1937.

1936 **Tân Xã Hội** (1936)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Vũ Đình Huỳnh.
Năm thứ 1, số ra mắt, 3-9-1936, số 1, 10-10-1936; đình bản số 2, ngày 17-10-1936.

1936 **Thế Giới Tân Văn**
(1936-1937)
Sài Gòn, tuần san; chủ nhiệm: Phan Văn Thiết.
Năm thứ 1, số 1, 9-7-1936; đình bản số 18, tháng 6-1937.

1936 **Tương Lai** (1936-1937)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Doãn Chi.

Năm thứ 1, số 1, 2-9-1936; bị cấm số 13, 22-4-1937.

1936 **Tuyệt Phích** (1936-1938)
(Sau đổi *Đông Dương Thể Thao*). Sài Gòn, tạp chí; quản lý: Châu Vĩnh Thanh. Năm thứ 1, số 1, 12-9-1936; đình bản số 86, tháng 8-1936.

1936 **Vì Chúa** (1936-1944)
Huế, tuần báo; chủ nhiệm: Võ Văn Am; quản lý: Tôn Thất Đệ. Năm thứ 1, số 1, 18-9-1936.

1936 **Nông Công Thương** (1936-1944)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Trần Hạnh Nhẫn; quản lý: Nguyễn Khắc Hương. Năm thứ 1, số 1, 1-8-1936; từ số 88, 1-6-1938, chủ nhiệm: Hồ Văn Kính; quản lý:Nguyễn Khắc Hương; từ số 35, 9-12-1939, bán nguyệt san; quản lý: Nguyễn Văn Diễm.

1936 **Nữ Công Tạp Chí** (1936-1938)
Sài Gòn, nguyệt san; chủ nhiệm: Phạm Thị Ngọc, tức Mỹ Ngọc; quản lý: Lương Hiếu Chỉ. Năm thứ 1, số 1, tháng 10-1936;
đình bản số 18, 29-11-1938.

1936 **Nữ Lưu** (1936-1938)
Sài Gòn, tuần san; chủ nhiệm: Tô Thị Đệ.
Năm thứ 1, số 1, 22-5-1936; đình bản số 36, tháng 6-1938.

1936 **Phổ Thông** (1936-1938)
Sài Gòn, tuần san; chủ nhiệm: Lê Hoàng.
Năm thứ 1, số 1, 16-10-1936; đình bản số 4, tháng 8-1938.

1936 **Phổ Thông Bán Nguyệt San** (1936-1944)
Hà Nội, bán nguyệt san ; quản lý: Vũ Đình Long.

Năm thứ 1, số 1, 1-12-1936.

1936 **Sài Gòn, Tiểu Thuyết** (1936-1937)
Sài Gòn, tuần san; quản lý: Phan Thành Xuân. Năm thứ 1, số 1, 14-11-1936; đình bản số 7, tháng 10-1937.

1936 **Hồn Trẻ** (1936)
Số 1, ngày 6-6-1936. Số cuối, ngày 28-9-1936.

1936 **Tân Xã hội** (1936)

1936 **Sài Gòn, Tiểu Thuyết Tùng Thơ** (1936)
Sài Gòn, tạp chí; quản lý: Ngũ Văn Bằng.
Năm thứ 1, số 1, tháng 8-1936; đình bản số 4, tháng 9-1936.

1936 **Việt Báo** (1936-1942)
Hà Nội, nhật báo; quản nhiệm: Bùi Xuân Học.
Năm thứ 1, số 1, 18-8-1936; đình bản, tháng 2-1942.

1936 **Ý Dân** (1936-1938)
Vinh, tuần báo; quản nhiệm: Lê Hữu Nhơn.
Năm thứ 1, số 1, 27-3-11936; đình bản số 38, tháng 10-1938.

1936 **Y Khoa Tạp Chí** (1936)
Sài Gòn, nguyệt san; quản nhiệm: Nguyễn Tư Thục.
Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 15-8-1936.

1936 **Tỉnh Ninh Bình** (1936-1938)
Nam Định, tạp chí, nhà in Trường Phát.
Năm thứ 1, số 1, tháng 8-1936; đình bản số 14, tháng 1-2-1938.

1936 **Tiếng Trẻ** (1936-1937)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ ba; chủ nhiệm: Phạm Hữu Bộ;

đình bản sau số 5, tháng 1-1937.

1936 **Hoàn Cầu Tân Văn** (1936-1938)
Sài Gòn, bán nguyệt san ; chủ nhiệm: Nguyễn Háo Vĩnh;
Số 4, tháng 9-1936; đình bản số 30, tháng 3-1938.

1936 **Nghe Thấy** (1936-1937)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Văn Thế Thủy; quản lý: Nguyễn Văn Nho; Số 1, 6-6-1936; đình bản số 4, 4-7-1936;
tục bản tháng 10-1936; đình bản số 1 (bộ mới), 18-3-1937

1937 **Anh Niên** (1937)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ sáu; quản lý: Nguyễn Khắc Mẫn. Năm thứ 1, số 1, 2-4-1937; đình bản số 14, tháng 7-1937.

1937 **Bạn Dân** (1937-1941)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ bảy; quản lý: Đào Duy Kỳ.
Năm thứ 1, số 1, 24-4-1937; đình bản số 11, tháng 9-1941.

1937 **Cá Ngựa và Thể Thao** (1937)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ sáu và thứ bảy; chủ nhiệm: bà Nguyễn Ngọc Kỳ. Năm thứ 1, số 1, 6-3-1937; đình bản số 15, tháng 6-1937.

1937 **Đông Dương Hoạt Động** (1937)
(*L'Activité Indochinoise*).- Vinh, tuần báo ra ngày thứ tư (Việt-Hán-Pháp ngữ); chủ nhiệm: Võ Quí Huân; quản lý: Nguyễn Đức Hinh. Năm thứ 1, số 1, 6-1-1937; đình bản số 10, 7-4-1937.

1937 **Đông Dương Tạp Chí** (1937-1942)
Hà Nội, tuần báo (Việt-Pháp ngữ); quản nhiệm: Nguyễn Giang. Năm thứ 1, số 1, 15-5-1937; đình bản số 38, 21-7-1938; tục bản số 39, 19-1-1939.

1937 **Hà Thành Thời Báo** (1937-1938)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ ba;
Chủ nhiệm: Lê Kế Huyên; quản lý: Vũ Liên.
Năm thứ 1, số 1, 6-4-1937; đình bản số 2 (bộ mới), tháng 9-1938.

1937 **Nhành Lúa** (1937)
Huế, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Xuân Lư.
Năm thứ 1, số 1, 15-1-1937; đình bản số 9, 19-3-1937.

1937 **Hy Vọng** (1937)

1937 **Thế giới Tân Văn** (1937)

1937 **Nhật Báo** (1937)
Sài Gòn, tạp chí; chủ nhiệm: Trương Lập Tạo; quản lý: Lâm Thành Thị. Năm thứ 1, số ra mắt ngày 2-2-1937; đình bản số 17, 24-12-1937.

1937 **Nước Nam** (1937)
Hà Nội, tuần báo chính trị kinh tế và văn chương; chủ nhiệm: Phạm Lê Bổng. Năm thứ 1, chỉ có số ra mắt, 17-4-1937.

1937 **Pháp Âm Phật Học** (1937-1938)
Chợ Lớn, nguyệt san;
Chủ nhiệm: Henri Lâm Văn Hậu; quản lý: Lương Văn Dượng.
Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1937; đình bản số 18, tháng 9-10-1938.

1937 **Tam Bảo Tạp Chí** (1937-1939)
(*Đổi thành Phật Học Nguyệt San*).- Tourane;

Chủ nhiệm: Trần Văn Uyên; quản lý: Trần Tư. Năm thứ 1, số 1, 15-1-1937; đình bản số 8, 2-5-1939.

1937 **Tân Việt Nam** (1937-1939)
Hà Nội, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Luận. Năm thứ 1, số 1, 1-4-1937; đình bản số 2, tháng 11-1939.

1937 **Thời Thế** (1937-1939)
(Tuần báo văn chương và xã hội). Hà Nội; chủ nhiệm: bà Nguyễn Đức Quỳnh. Năm thứ 1, số 1, 26-3-1937; đình bản số 14, tháng 2-1938.

1937 **Tiếng Chuông** (1937)
(Thức tỉnh quần chúng cần lao ở xứ này). Sài Gòn, tạp chí;
Chủ nhiệm: Hoàng Minh Dậu. Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 1937.

1937 **Le Rassemblement** (1937)
Số 1, ngày 16-3-1937. Số cuối, ngày 29-10-1937

1937 **En Avant** (1937)
Số 1, ngày 20-8-1937. Số cuối, ngày 29-10-1937

1937 **Tiểu Thuyết Thứ Bảy** (1937-1938)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Đoàn Như Khuê; quản lý: Đỗ Xuân Mai. Năm thứ 1, số 1, 2-3-1937; đình bản số 46 tháng 1-1938

1937 **Tiểu Thuyết Thứ Năm** (1937-1942)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Trần Duy Nhất; quản lý: Đinh Mai. Năm thứ 1, số 1, 18-3-1937; sau số 18, tháng 9-1938, đánh lại số 1; đình bản số 51, tháng 1-1942.

1937 **Tinh Hoa** (1937)

Hà Nội, tuần báo văn chương mỹ thuật ra ngày thứ bảy;
Chủ nhiệm: Đoàn Phú Tứ, Vũ Đình Liên.
Năm thứ 1, số 1, 13-3-1939; đình bản số 13, tháng 7-1937.

1937 **Bạn Thiếu Niên** (1937-1939)
Ninh Bình, Nam Định, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Bửu.
Năm thứ 1, số 1, tháng 9-1937; đình bản số đặc biệt tháng 6-7-1939.

1937 **Trung Nam Bắc** (1937)
(Tuần báo nghị luận, chính trị và xã hội). Thanh Hóa;
Chủ nhiệm: Phạm Gia Mỹ; quản lý: Phan văn Giao.
Năm thứ 1, số 1, 9-11-1937; đình bản số 4, 15-7-1937.

1937 **Việt Nữ** (1937)
(Cơ quan của phụ nữ Việt Nam). Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ tư; quản lý: Trinh Thị Thục. Năm thứ 1, số 1, 7-4-1937; đình bản số 12, tháng 11-1937.

1937 **Canh Nông Luận** (1937)
Sài Gòn, tạp chí; quản lý: Trần Hải Năng.
Năm thứ 1, chỉ có số ra mắt, 24-8-1937.

1937 **Notre Voix** (1937)
Số 1, ngày 15-1-1937
Số cuối, ngày 19-3-1937

1937 **Cười** (1937-1938)
(Tuần báo trào phúng và văn chương).- Huế;

Chủ nhiệm: Lê Thanh Cảnh; quản lý: Lê Thanh Tuyên.
Năm thứ 1, số 1, 1-10-1937; đình bản số 5, tháng 4-1938.

1937 **Đông Tây Tiểu Thuyết Báo** (1937-1942)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Nguyễn Xuân Thái.
Năm thứ 1, số 1, 1-9-1937; đình bản số 5-7, tháng 2-1942.

1937 **Ly Tao Tuần Báo** (1937-1940)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Đỗ Văn Tính.
Năm thứ 1, số 1, 1-9-1937; đình bản số đặc biệt, tháng 10-1940.

1937 **Nhật Báo** (1937)
Hà Nội, tạp chí; imp. Du Nord.
Năm thứ 1, số 1, 25-6-1937; đình bản số 2 (bộ mới), 6-12-1937.

1937 **Tiểu Thuyết Tuần San** (1937-1942)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Lê Ngọc Thiều.
Năm thứ 1, số 1, 10-11-1937; đình bản số đặc biệt, tháng 2-1942.

1937 **Y Học Tạp Chí** (1937-1941)
Vinh, bán nguyệt san; quản lý: Phó Đức Thanh.
Năm thứ 1, số 1, 15-3-1937.

1937 **Văn Côi Tạp Chí** (1937-1944?)
Nam Định, nguyệt san; nhà Chung Saint Albert.
Năm thứ 1, số 1, tháng 10-1937.

1937 **Tam Giáo Kỷ Yếu** (1937)
Nam Định, niên san; chùa Tam Thanh; nhà in Trường Phát.
Năm thứ 1, số 1, năm 1937.

1937 **Thời Đại** (1937)
Hà Nội, tạp chí chính trị, xã hội và văn học;
Quản nhiệm: Phan Trần Chúc. Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 20-12-1937.

1937 **L'Avant Garde (Tiền Phong)** (1936)
Số 1, ngày 29-5-1937. Cơ quan chính thức của nhóm cộng sản đệ tam dưới danh nghĩa là "Cơ quan của Lao động và Nhân dân Đông Dương".

1937 **Le Peuple (Nhân Dân)** (1937-1939)
Cơ quan ngôn luận của những người Cộng sản hoạt động công khai ở Sài Gòn. Tờ báo đấu tranh theo tôn chỉ, đường lối của tờ L'Avant Garde.

1937 **Nay** (1937-1938)
(Văn học, khoa học tạp chí). Chợ Lớn, nguyệt san;
Chủ nhiệm: Nguyễn Duy Cần; đình bản số 17, tháng 7-1938.

1937 **Nam Việt Công Dân** (1937-1939)
(Le Citoyen Annamite). Hà Nội, tuần báo;
Chủ nhiệm: Dương Bá Trạc, số 1, 3-1-1937;
đình bản; tục bản tháng ?-1938; đình bản số 3, tháng ?-1939.

1937 **Kinh Tế Tân Văn** (1937)
Huế, tuần báo; chủ nhiệm: Phạm Bá Nguyên.
Năm thứ 1, số 1, 8-4-1937; đình bản số 3, 24-4-1937.

1938 **Đời Nay** (1938-1939)
Hà Nội, tuần báo chính trị và xã hội; quản nhiệm: Nguyễn Văn An. Năm thứ 1, số 1, 15-3-1938; bị cấm số 38, tháng 9-1939.

1938 **Lao Động** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ hai;

Quản lý: Nguyễn Văn A; Lưu Quý Kỳ: biên tập viên.

Năm thứ 1, số 1, 29-11-1938; bị cấm số 20, tháng 7-1939.

1938 **Nghệ Thuật** (1938-1939)

Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Lê Hữu Phương.

Năm thứ 1, số 1, 10-9-1938; đình bản số 14, tháng 12-1939.

1938 **Thời Vụ Báo** (1938-1940)

Hà Nội, tuần báo; quản nhiệm: Phạm Toàn.

Năm thứ 1, số 1, 8-2-1938; đình bản tháng 3-1940.

1938 **Tân Tiến** (1938-1939)

Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Lê Quang Trinh; quản lý: Trương Vĩnh Hy. Năm thứ 1, số 1, 7-2-1938; đình bản số 331, tháng 3-1939

1938 **Tân Dân Báo** (1938)

Hà Nội, tuần báo; quản nhiệm: Nguyễn Trung Chính.

Năm thứ 1, chỉ có số 1, 15-5-1938.

1938 **Tân Báo** (1938-1939)

Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Lộ.

Năm thứ 1, số 1, 25-3-1938; đình bản số 26, tháng 11-1938;

đình bản số 27 (bộ mới), 24-6-1939.

1938 **Phục Hưng Báo** (1938)

Vinh, tuần báo ra ngày thứ sáu; quản nhiệm: Thái Nam Vân.

Năm thứ 1, số 1, 15-4-1938; đình bản số 31, tháng 10-1938.

1938 **Phụ Nữ** (1938-1939)

Hà Nội, tạp chí,; quản nhiệm: Nguyễn Thị Thảo; quản lý: Bùi Chân Quý. Năm thứ 1, số 1, 16-2-1938; đình bản số 2, tháng 4-1939.

1938 **Nam Cường** (1938-1940)

Hà Nội, tuần báo; quản nhiệm: Phạm Lê Bổng. Năm thứ 1, số 1, 23-1-1938; đình bản số 129, tháng 8-1940.

1938 **Báo Tiểu Thuyết** (1938-1942)

Hà Nội, tạp chí; sáng lập: Vũ Đình Chung; chủ nhiệm: Đỗ Văn Tịnh. Năm thứ 1, số đặc biệt, 15-5-1938; số 1, 3-6-1938.

1938 **Bắc Kỳ Dân Báo** (1938-1939)

Hà Nội, tạp chí; chủ nhiệm: Nguyễn Quý Toàn. Năm thứ 1, số 1, 1-9-1938; đình bản số 24, tháng 8-1939.

1938 **Vịt Đực** (1938-1939)

Hà Nội, tuần báo trào phúng ra ngày thứ tư; quản lý: Nguyễn Đức Long. Năm thứ 1, số 1, 24-1-1938; đình bản số 53, tháng 7-1939.

1938 **Tự Do** (1938-1939)

Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy;

Chủ nhiệm: Nguyễn Văn Sâm; quản lý: Dương Thành Phong.

Năm thứ 1, số 1, 1-10-1938; đình bản số 23, tháng 4-1939.

1938 **Đất Việt** (1938)

Huế, xuất bản thứ tư và thứ bảy; chủ nhiệm: Cao Văn Chiếu.

Năm thứ 1, số 1, 14-5-1938; đình bản số 5, tháng 6-1938.

1938 **Vui** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy; quản lý: Nguyễn Thị Hưởng. Năm thứ 1, số 1, 15-10-1938; đình bản số 5, tháng 1-1939.

1938 **Vẽ Đẹp** (1938-1939)
Sài Gòn, nguyệt san; quản nhiệm: Lê Công Đức. Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1938; đình bản số 2 (bộ mới) tháng 5-1939.

1938 **Tuần Lễ** (1938-1940)
Vinh, tuần báo ra ngày thứ bảy; chủ nhiệm: Nguyễn Đức Bính. Năm thứ 1, số 1, 19-3-1938; đình bản số 115, tháng 12-1940.

1938 **Tin Tức** (1938)
Hà Nội, tuần báo; sáng lập: Lương Văn Tuân; quản lý: Trịnh Hoài Đức. Năm thứ 1, số 1, 2-4-1938; đình bản số 43, tháng 10-1938.

1938 **Tiểu Thuyết Nhật Báo** (1938-1942)
Hà Nội, nhật báo; chủ nhiệm: Đoàn Như Khuê; quản lý: Đỗ Xuân Hai. Năm thứ 1, số 1, 9-2-1938; đình bản số 363, tháng 5-1941.

1938 **Dân Mới** (1938-1939)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Nguyễn Bảo Toàn; quản lý: Nguyễn Văn Hai. Năm thứ 1, số 1, 5-9-1938; bị cấm số 305, tháng 9-1939.

1938 **Dân Sạch** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Lê Hoàng; quản lý: Nguyễn Xuân Vinh. Năm thứ 1, số 1, 25-9-1938; đình bản số 10, tháng 7-1939.

1938 **Dân Tiến** (1938)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Huỳnh Văn Thanh. Năm thứ 1, số 1, 27-10-1938; đình bản số 5, tháng 12-1938.

1938 **Đọc** (1938-1940)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Văn La. Năm thứ 1, số 1, 18-2-1938; đình bản số 94, tháng 5-1940.

1938 **Việt Kiều Nhật Báo** (1938-1939)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Vương Lập Tạo; quản lý: Vương Ngọc Chánh. Năm thứ 1, số 1, 30-12-1938; từ số 14, 25-1-1939, địa chỉ: Phnom-Pênh, đổi số 1, 27-6-1939; từ số 6, 18-7-1939, chủ nhiệm: Trần Văn Khá; đình bản số 12, tháng 8-1939.

1938 **Tiếng Địch** (1938)
(Văn chương, trào phúng, mỹ thuật). Sài Gòn, tạp chí; quản nhiệm: Đoàn Quân Cảnh. Năm thứ 1, chỉ có số 1, 20-8-1938.

1938 **Tiếng Địch Thời Đại** (1938)
(Tuần báo chính trị, xã hội và văn chương). Sài Gòn, tuần báo; quản nhiệm: Đoàn Quân Cảnh. Năm thứ 1, chỉ có số 1, 9-10-1938.

1938 **Tiểu Thuyết Tuần San** (1938)
Mỹ Tho, tuần báo; sáng lập: Nguyễn Kim Thiên; quản nhiệm: Hồ Văn Thuận. Năm thứ 1, số 1, 6-10-1938; đình bản số 2, tháng 10-1938.

1938 **Tranh Đấu** (1938-1939)
(Cơ quan chính trị của nhóm La Lutte). Sài Gòn, tuần báo;
Quản nhiệm: Nguyễn Văn Quế.

Năm thứ 1, số 1, 6-10-1938; bị cấm số 31, tháng 7-1939.

1938 **Việt Nam Thương Mại Kỹ Nghệ** (1938-1939)
(*Journal de défense des intérets du commerce* et de l'industrie Indochinois). Sài Gòn, tạp chí (Pháp và Việt ngữ);
Chủ nhiệm: Trịnh Văn Sáng; quản lý: Nguyễn Văn Nghĩa.
Năm thứ 1, số 1, tháng 10-1938; đình bản số 10, tháng 8-1939.

1938 **Chính Trị Tùng Thư** (1938)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Nguyễn Thế Vinh.
Năm thứ 1, số 1, tháng 4-1938; đình bản số 54, tháng 6-1938.

1938 **Chuyện Đời** (1938-1940)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ bảy;
Sáng lập: Lê Văn Hoàn; quản lý: Nguyễn Văn Sự.
Năm thứ 1, số 1, 9-4-1938; đình bản số 27, tháng 6-1940.

1938 **Công Thương Báo** (1938-1939)
Thanh Hóa, tạp chí; chủ nhiệm: Lê Ninh.
Năm thứ 1, số 1, 15-2-1938; đình bản số 14, tháng 8-1939.

1938 **Dân Chúng** (1938-1939)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ bảy; quản lý: Vũ Kim Cương.
Năm thứ 1, số 1, 28-5-1938; đình bản;
Tiếp tục; quản lý: Võ Văn Chung; đình bản số 5, 14-12-1939.

1938 **Công Nhân** (1938)

Sài Gòn, xuất bản ngày chúa nhật; quản lý: Đinh Công Thống. Năm thứ 1, số 1, 14-8-1938; đình bản số 10, tháng 10-1938.

1938 **Chính Trị Tuần Báo** (1938-1939)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Tiết Hiếu Trung, Nguyễn Thế Vinh. Năm thứ 1, số 1, 18-10-1938; đình bản số 10, tháng 8-1939.

1938 **Chiến Tuyến** (1938-1939)
Hà Nội, nguyệt san; chủ nhiệm: Bùi Đức Dậu.
Năm thứ 1, số 1, 1-7-1938; đình bản số 4, tháng 5-1939.

1938 **Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** (1938-1940)
Gia Định, tạp chí; quản lý: Lê Kim Tỵ.
Năm thứ 1, số 1, 1-8-1938; đình bản số 19, tháng 5-1940.

1938 **Đại Chúa** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Phạm Văn Điều.
Năm thứ 1, số 1, 5-11-1938; đình bản số 12, tháng 2-1939.

1938 **Đại Đồng** (1938-1940)
Sài Gòn, tạp chí; quản lý: Võ Văn Tường.
Năm thứ 1, số 1, 1-10-1938; đình bản số 20, tháng 12-1940.

1938 **Dân** (1938)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Nguyễn Đan Quế.
Năm thứ 1, số 1, 6-7-1938; đình bản số 17. Tháng 10-1938.

1938 **Dân Chúng** (1938-1939)
Sài Gòn, báo; quản lý: Dương Trí Phú. Năm thứ 1, số 1, 22-7-1938; từ số 53, 28-3-1939, quản lý:

Huỳnh Văn Thanh; từ số 70, 21-6-1939, quản lý: Huỳnh Hoa Cương; bị cấm số 80, tháng 8-1939.

1938 **Tiến Hóa Tạp Chí** (1938-1939)
Rạch Giá, tạp chí ra mỗi tháng hai lần; chủ nhiệm: Đỗ Kiết Tuân. Năm thứ 1, số 1, 1-1-1938; đình bản số 14-15, tháng 4, 7 năm 1939.

1938 **Người Mới** (1938-1939)
Hà Nội, tuần báo văn chương, trào phúng và thể thao;
Quản nhiệm: Nguyễn Địch Cương.
Năm thứ 1, số 1, 5-11-1938; bị cấm số 8, tháng 2-1939.

1938 **Nữ Giới** (1938-1939)
(Tập mới của Mỹ-Ngọc, nữ công tạp chí). Sài Gòn, tuần san;
Chủ nhiệm: Lương Hiếu Chi.
Năm thứ 1, số 1, 3-11-1938; đình bản số 23, tháng 12-1939.

1938 **Phóng Sự** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Lê Trung Nghĩa.
Năm thứ 1, số 1, 10-11-1938; đình bản số 23, tháng 5-1939.

1938 **Phụ Nữ Thời Đàm** (1938)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ năm; quản nhiệm: Thái Văn Tâm.
Năm thứ 1, số 1, 25-8-1938; đình bản sau số đặc biệt tháng 12-1938.

1938 **Quốc Gia** (1938-1940)
Hà Nội, tuần san; quản nhiệm: Ngô Thị Thoa.
Năm thứ 1, số ra mắt, 2-8-1938; số 1, 9-9-1938.

1938 **Sanh Hoạt** (1938-1939)
Sài gòn; xuất bản thứ tư và chủ nhật; quản nhiệm: Ngũ Văn Bằng. Năm thứ 1, số 1, 7-9-1938; bị cấm số 17 tháng 9-1939.

1938 **Nhi Đồng Giảng Tập** (1938-1944)
(Riêng cho các bạn trẻ trong Hội Tin Lành). Hà Nội, tuần báo; imp. De la Mission évangélique. Năm thứ 1, số 1, 2-1-1938.

1938 **Ngày Mới** (1938-1939)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ năm; chủ nhiệm kiêm quản lý: Dương Tụ Quán. Năm thứ 1, số ra mắt, 24-8-1938, số 1, 23-2-1939; từ số 5, 19-5-1939, chủ nhiệm: Nguyễn Đức Chính; quản lý: Nghiêm Hồng; bị cấm số 14, tháng 8-1938.

1938 **Nước Nam** (1938-1944)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm kiêm quản lý: Lương Ngọc Hiển. Năm thứ 1, số 1, 3-12-1938.

1938 **Pháp Luật Cố Vấn** (1938-1940)
Chợ Lớn, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Hiếu; quản lý: Lê Văn Nhơn. Năm thứ 1, số 1, 17-12-1938; đình bản số 23, 16-12-1939; tục bản số 1, 18-5-1940; đình bản số 2, tháng 7-1940.

1938 **Quốc Dân** (1938-1939)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Lê Đình Tôn.
Năm thứ 1, số 1, 1938; đình bản số 3, tháng 1-1939.

1938 **Sài Gòn Tiến Hóa** (1938)
Sài Gòn, bán tuần báo; chủ nhiệm: Trần Trọng Cư; quản lý: Vương Văn Lang. Năm thứ 1, số 1, 21-12-138; đình bản số 3, tháng 12-1938.

1938 **Thái Dương** (1938-1939)

Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Lê Trung Nghĩa; quản lý: Trần Trọng Cảnh. Năm thứ 1, số 1, 3-12-1938; đình bản số 6, tháng 2-1939; quản lý: Dương Minh Trí.

1938 **Sự Thật** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo; quản nhiệm: Huỳnh Văn Tài. Năm thứ 1, số 1, 24-1-938; bị cấm số 26, tháng 7-1939.

1938 **Tháng Mười** (1938-1939)
Sài Gòn, nguyệt san; quản lý: Edgar Ganofsky.
Năm thứ 1, số 1, tháng 9-1938; bị cấm số 5, tháng 3-1939.

1938 **Thầy Thợ** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ tư; quản lý: Edgar Ganofsky.
Năm thứ 1, số ra mắt, 16-10-1938; số 1, 16-11-1938; bị cấm số 11, tháng 3-1939.

1938 **Thế Giới** (1938-1939)
Hà Nội, nguyệt san; sáng lập: Lê Văn Thanh; quản lý: Thành Ngọc Quản. Năm thứ 1, số 1, tháng 9-1938; đình bản số 9, tháng 2-1939; tục bản ngày 1-8-1939; bị cấm số ngày 25-8-1939.

1938 **Thể Thao** (1938)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ sáu; quản nhiệm: Nguyễn Thanh Tỉnh. Năm thứ 1, số 1, 21-10-1938; đình bản số 4, tháng 12-1938.

1938 **Thời Đại** (1938-1939)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Trương Trọng Khánh; quản lý: Cao Văn Chánh. Năm thứ 1, số 1, 5-10-1938; đình bản số 1, (bộ mới), 14-4-1939.

1938 **Tiến Bộ** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy;
Chủ nhiệm: Hồ Văn Sao; quản lý: Phạm Chí Lang. Năm thứ 1, số 1, 4-6-1938; đình bản số 32, tháng 7-1939.

1938 **Zân** (1938-1940)
(Cơ quan nghiên cứu các vấn đề chính trị, xã hội). Hà Nội, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Lân; quản lý: Nguyễn Đình Đa;
Chủ nhiệm: Nguyễn Ngọc Sơn. Năm thứ 1, số 1, 15-7-1938;
bị cấm ba tháng; từ 4-4-1940 đình bản.

1938 **Y Học Tân Thanh** (1938-1939)
Chợ Lớn, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Vũ Trang. Năm thứ 1, số 1, 1-10-1938; đình bản số 13, tháng 6-1939.

1938 **Cấp Tiến** (1938)
Hà Nội, tạp chí; chủ nhiệm kiêm quản lý: Lê Thăng. Năm thứ 1, chỉ có số 1, tháng 12-1938.

1938 **Dân Muốn** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm kiêm quản lý: Phan Văn Tạo;
Thư ký tòa soạn: Lưu Quý Kỳ.
Năm thứ 1, số 1, 20-12-1938; đình bản số 2, tháng 1-1939.

1938 **Dân Sanh** (1938-1939)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Võ Hoàng Giáp; quản lý: Nguyễn Văn Mạnh; số 3, 17-12-1938; đình bản số 10, tháng 7-1939.

1938 **Hợp Tác Xã Thông Báo** (1938-1944)

(Xuất bản mỗi tháng một kỳ dưới quyền kiểm soát của Nông Khố Ngân Quỹ tổng Cục: Office indochinois de Credit Agricole mutuel). Hà Nội; quản lý: Ngô Văn Đông. Năm thứ 1, số 1, tháng 10-1938; đình bản số 59, tháng 12-1943; tục bản số 60, tháng 6-1944.

1938 **Đông Dương** (1938-1944 ?)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy; chủ nhiệm: Châu Vĩnh Thanh. Năm thứ 1, số 1, 17-9-1938; từ số 80, 8-11-1940, quản lý: Trần Văn Hai; từ số 171, 11-9-1943, quản lý: Phạm Văn Tốt.

1938 **Dư Luận** (1938)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ hai; quản lý: Bùi Xuân Diễn.
Năm thứ 1, số 1, 27-6-1938; đình bản số 17, tháng 10-1938.

1938 **Đuốc Công Lý** (1938-1939)
(Phụ trương của *Điện Tín*). Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Nguyễn Thế Phương. Năm thứ 1, số đặc biệt ra mắt, tháng 11-1938; đình bản số 31, tháng 9-1939.

1938 **Bóng Tròn Nam Kỳ** (1938-1939)
(*Footbal Cochinchine*). Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: M. Fontana; quản lý: Lê Quang Kính. Năm thứ 1, số 1, 17-11-1938; đình bản số 36, tháng 8-1939.

1938 **Hy Sinh**
Sài Gòn, báo; quản lý: Phan Văn Tạo.
Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 17-10-1938.

1938 **Nhật Báo** (1938-1939)

Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Nguyễn Bảo Toàn; sau số 133, đánh trở lại số 1 (bộ mới); chủ nhiệm: Trương Lập Tạo; bị cấm sau số 1 (bộ mới), tháng 9-1939.

1938 **Công Dân** (1938)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Đinh Công Thống; đình bản sau số 4, tháng 12-1938.

1939 **Văn Hóa** (1939)
Sài Gòn, tạp chí; sáng lập: Trần Văn Kế; quản lý: Huỳnh Văn Tuyên. Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1939; đình bản số 18, tháng 7-1939.

1939 **Văn Mới** (1939)
(Tuần báo văn chương và mỹ thuật). Hà Nội, tuần báo;
Quản lý: Đỗ Văn Đường. Chỉ có số 1, 15-2-1939 (bị cấm).

1939 **Vô Tuyến Truyền Thanh** (1939-1940)
Hà Nội, bán tuần báo, sau đổi tuần báo; chủ nhiệm: Đào Ngọc Kỳ. Năm thứ 1, số 1, 4-1939; đình bản số 3, tháng 6-1940.

1939 **Bảo Mệnh Cẩm Nang** (1939)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Hoàng Minh Đẩu. Chỉ ra số 1, 19-9-1939.

1939 **Chỉ Trích** (1939)
Sài Gòn, nhật báo; quản lý: Nguyên Doãn Chu. Năm thứ 1, số 1, 10-8-1939; đình bản số ngày 29-8-1939.

1939 **Tao Đàn** (1939-1940)

Hà Nội, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Vũ Đình Long; quản lý: Lan Khai. Năm thứ 1, số 1, 4-3-1939; đình bản số 3,
(bộ mới), tháng 8-1940; quản lý: Nguyễn Triệu Luật.

1939 **Báo Mới** (1939)
Số 1, ngày 1-5-1939

1939 **Thần Bí Tạp Chí** (1939)
Sài Gòn, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Bùi Thiện Dương.
Năm thứ 1, số 1, 19-2-1939; đình bản số 5, tháng 10-1939.

1939 **Tháng Mười** (1939)
Sài Gòn, nguyệt san; quản lý: Edgar Ganofsky; Ra số đặc biệt tháng 2-1939; bị cấm số 5, tháng 8-1939.

1939 **Tiến Tới** (1939)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Tạ Văn Bảo. Năm thứ 1, số 1, 6-2-1939; đình bản số 4, tháng 3-1939.

1939 **Trào Phúng** (1939)
Sài Gòn, tạp chí; quản lý: Triệu Trường Thế. Năm thứ 1, số ra mắt, tháng 2-1939; số 1, 2-6-1939; đình bản số 17, tháng 9-1939.

1939 **Đua Ngựa** (1939)
Chợ Lớn, tuần báo ra ngày thứ bảy;
Chủ nhiệm: Cao Minh Chiếm; quản lý: Hồ Văn Hiến.
Năm thứ 1, số 1, 8-4-1939; đình bản số 6, tháng 5-1939.

1939 **Mới** (1939)

(Tờ báo của thanh niên), Sài Gòn, bán nguyệt san; quản lý: Lâm Văn Quý. Năm thứ 1, số 1, 1-5-1939; đình bản số 11, tháng 9-1939.

1939 **Quảng Cáo Tuần Báo** (1939-1943?)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Phạm Trần Chung. Năm thứ 1, số 1, 11-11-1939.

1939 **Sống Chung** (1939-1940)
Bạc Liêu, tuần báo; chủ nhiệm: Trương Kế An; quản lý: Lê Thanh Long. Năm thứ 1, số ra mắt 22-6-1939; số 1, 13-7-1939;
Từ số 8, 1-4-1940, địa chỉ: Rạch Giá; số 16, 1-9-1940, chủ nhiệm: Ngô Quang Ninh; đình bản số 18, tháng 10-1940.

1939 **Thanh Nghệ Báo** (1939-1940)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ bảy; chủ nhiệm: Doãn Kế Thiện. Năm thứ 1, số 1, 27-10-1939; số 2, 20-4-1940 đình bản.

1939 **Thông Xã Báo** (1939-1944)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Dejean de la Bâtie. Năm thứ 1, số 1, 30-8-1939, đến số 55, 12-10-1940, chủ nhiệm: Nguyễn Chánh Chiếu; quản lý: Ernest Louis Phan Van Huon.

1939 **Văn Hóa Tạp Chí** (1939)
Hà Nội, nguyệt san; chủ nhần: Bùi Zuân ?; quản lý: Trần Tuấn Kha. Năm thứ 1, số 1, 29-6-1939; đình bản số 2, 30-12-1939.

1939 **Sống Đời** (1939)
?, tuần báo; chủ nhiệm: ?. Năm thứ 1, số ra mắt, tháng 2-1939; chỉ ra số ngày 17-2-1939.

1939 **Chuyện Đời** (1939-1940)

Hải Phòng, tuần báo ra ngày thứ bảy; chủ nhiệm: Dương Văn Đa. Số 1, 11-21-2-1939; đình bản số 27, tháng 6-1940.

1939 **Văn Lang Tuần Báo** (1939-1940)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Huỳnh Văn Đơn; quản lý: Trương Văn Thái. Năm thứ 1, số 1, 29-7-1939; bị cấm số 44, tháng 6-1940.

1939 **Vẽ Đẹp** (1939)
Sài Gòn, nguyệt san; chủ nhiệm: Lê Công Đức; Số 1, 19-4-1939. Đình bản số 2, tháng 5-1939.

1939 **Y Học Thường Thức** (1939)
Hà Nội, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Trọng Tuệ.
Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 15-6-1939.

1939 **Hà Nội Tân Văn** (1939-1941)
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ ba; chủ nhiệm: Vũ Đình Dy.
Năm thứ 1, số ra mắt, 31-10-1939; số 1, 2-1-1940.

1939 **Người Mới** (1939)
Hà Nội, bán nguyệt san; quản lý: Nguyễn Thương Khánh.
Năm thứ 1, số 1, 5-6-1939; đình bản số 4, tháng 7-1939.

1939 **Pháp Việt** (1939)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Trọng Niệm.
Năm thứ 1, số 1, 7-4-1939; đình bản số đặc biệt 1-10-1939.

1939 **Kịch Ảnh: Théâtre et Cinéma** (1939)
Hà Nội, tạp chí; chủ nhiệm kiêm quản lý: Đàm Quang Thiện.

Năm thứ 1, số 1, 6-4-1939; đình bản số 2, tháng 5-1939.

1939 **Nài Ngựa (Le jockey)** (1939)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Nguyễn Tấn Thanh.
Năm thứ 1, số 1, 4-8-1939; đình bản số 5, tháng 9-1939.

1939 **Ảo Thuật Tạp Chí** (1939)
(*Revue de prestidigitation*). Chợ Lớn, bán nguyệt san;
Chủ nhiệm kiêm quản lý: Nguyễn Thành Long.
Năm thứ 1, số 1, 15-5-939; đình bản số 6, tháng 8-1939.

1939 **Bạn Đường** (1939-1942)
Thanh Hoá, nhật báo; chủ nhiệm: Trần Điều.
Năm thứ 1, số 1, 11-3-1939; đình bản số 4 (bộ mới), tháng 4-1942.

1939 **Công Chức** (1939-1940)
Long Xuyên, tạp chí; quản lý: Ernest Louis Phan Văn Hườn.
Năm thứ 1, số 1, 3-1-1939; đình bản số 19, 25-6-1940.

1939 **Công Nghệ Thương Mại** (1939)
Sài Gòn, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Hạnh Thông.
Năm thứ 1, chỉ có số 1, 1-2-1939.

1939 **Hương Thôn Sinh Hoạt** (1939)
Vĩnh Long, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Phú Toàn.
Năm thứ 1, số 1, tháng 3-1939; đình bản số 2, tháng 3-1939.

1939 **Nhật Tân** (1939)

Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Nguyễn Văn Thăng.
Chỉ ra số Xuân 1939.

1939 **Sáng** (1939)
Sài Gòn, tuần báo chính trị và văn chương; quản lý: Lâm Thành Thị. Năm thứ 1, số 1, 6-1-1939; đình bản số 10, tháng 4-1939.

1939 **Con Ong** (1939-1940)
(Báo trào phúng, văn chương và xã hội).
Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ tư; chủ nhiệm: Nghiêm Xuân Huyên.
Năm thứ 1, số 1, 4-6-2939; bị cấm số 34, tháng 1-1940.

1939 **Dân Chúng** (1939-1941)
(*Le Peuple*), Hà Nội, tuần báo văn chương và xã hội;
Chủ nhiệm: Tiết Hiếu Trung; quản lý: Phan Soạn.
Số 1, 31-10-1930; đình bản số 18, tháng 4-1941.

1939 **? Tùng Báo** (1939-1940)
(?). Hà Nội, bán nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Di Luân.
Năm thứ 1, số 1, 1-8-1939; đình bản số 3, tháng 3-1940.

1939 **Hạnh Phúc** (1939)
Hồng Ngự (Tân Châu), bán nguyệt san; chủ nhiệm: Dương Sĩ Hiền. Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 30-9-1939.

1939 **Cuồng Đàm Nguyệt San** (1939)
Hà Nội, nguyệt san; chủ nhiệm: Phan Văn Chu.
Năm thứ 1, chỉ ra số 1, tháng 4-1939.

1939 **Đàn Bà** (1939-1944)

Hà Nội, tuần báo; quản lý: Lưu Thị Yến, tức Thụy An.
Năm thứ 1, số 1, 24-3-1939.

1939 **Dân Báo** (1939-1944)
Sài Gòn, nhật báo; quản lý: E. Lanne. Năm thứ 1, số ra mắt, 19-5-1939; số 1, 26-5-1939; từ số 133, 6-11-1939; chủ nhiệm: Bùi Thế Mỹ; quản lý: Michel; sau số 1123, 4-5-1943; đánh trở lại số 1; quản lý: Trần Văn Lai; từ số 59 bis, 16-7-1943; quản lý: Phạm Văn Thâm.

1939 **Dân Nam** (1939-1942)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ năm; chủ nhiệm: Nguyễn Hữu Tạo; quản lý: Đàm Hữu Lộc. Năm thứ 1, số 1, 1-1-1939; từ số 23, 29-6-1939; chủ nhiệm: Tô Đức Thế; quản lý: Nguyễn Can Thường; đình bản số 63, tháng 7-1942.

1939 **Độc Lập** (1939)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Ngọc Phương.
Năm thứ 1, số 1, 9-4-1939; đình bản số 3, tháng 4-1939.

1939 **Đông Phương Tạp Chí** (1939)
(Truyền tin và khảo cứu văn học, khoa học xã hội).
Mỹ Tho, bán nguyệt san; quản lý: Nguyễn Văn Phấn.
Năm thứ 1, số 1, 1-1-1939; đình bản số 10, tháng 9-1939

1940 **Bạn Trẻ Học Sinh** (1940)

Sài Gòn, bán nguyệt san; quản lý: Đoàn Văn Châu. Năm thứ 1, số 1, 25-4-1940 (đình bản).

1940 **Chúa Nhật** (1940-1941)
(Tuần báo chính trị, văn chương, mỹ thuật). Sài Gòn; quản lý: bà Đinh Thị Mai. Năm thứ 1, số 1, 19-5-1940; quản lý: Nguyễn Vạn Trí; đình bản số 63, tháng 8-1941.

1940 **Công Nghệ Thực Hành** (1940)
(Les Industries pratiques). Sài Gòn; chủ nhiệm: Nguyễn Minh Hiếu. Năm thứ 1, số 1, 15-3-1940; đình bản số 2, tháng 4-1940.

1940 **Hành Động** (1940)
(Bênh vực chủ nghĩa Thiên chúa và Quê hương). Hà Nội, tuần báo; Chủ nhiệm: Trần Ngọc Ban. Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1940; đình bản số 9, tháng 9-1940.

1940 **Khóc Cười** (1940)
(Tuần báo hài hước). Gia Định; chủ nhiệm: Huỳnh Văn Tài.
Năm thứ 1, số 1, 23-3-1940; đình bản số 8, tháng 6-1940.

1940 **Hà Nội Tân Văn** (1940)
Số 1, ngày 2-1-1940

1940 **Bình Đẳng** (1940)
Nhật báo, chủ nhiệm: Lương Ngọc Hiền.
Năm thứ 1, chỉ có số ra mắt, 13-7-1940.

1940 **Chủ Nhật Tuần Báo** (1940)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Kiên; quản lý: Trần Hữu Phụng. Năm thứ 1, số 1, 19-10-1940; bị cấm, số 5, tháng 11-1940.

1940 **Chúa Nhật Tuần Báo** (1940-1941)
(Chính trị, văn chương, mỹ thuật). Sài Gòn, tuần báo;
Quản lý: bà Đinh Thị Mai. Năm thứ 1, số 1, 19-5-1940;
Từ số 18,15-9-1940; quản lý: Nguyễn Vọng Tú; đình bản số 63, tháng 8-1941.

1940 **Đông Á Tân Văn** (1940)
(Văn chương, mỹ thuật). Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Nguyễn Tân Đó. Năm thứ 1, số 1, 12-10-1940; đình bản số 4, tháng 11-1940.

1940 **Thứ Bảy** (1940)
(Tuần báo văn chương và tin tức). Sài Gòn; quản lý: Nguyễn Văn Bằng. Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 16-11-1940

1940 **Thực Tế** (1940-1941)
Long Xuyên, tuần báo;
Chủ nhiệm: Hoàng Tâm; quản lý: Nguyễn Hữu Thuế, dit Thái. Năm thứ 1, số 1, tháng 7-1940; đình bản số 12, tháng 5-1941.

1940 **Tin Mới Thể Thao** (1940-1942)
(Bản in riêng Tin Mới). Hà Nội, tuần báo ra ngày thứ bảy;
Chủ nhiệm: Nguyễn Văn Luyện; quản lý: Nguyễn Văn Chạc.
Năm thứ 1, số 1, 29-6-1940; đình bản số 88, tháng 3-1942.

1940 **Tin Mới Văn Chương** (1940-1941)
(Tiểu thuyết, phóng sự, chiếu bóng). Hà Nội, tuần báo;

chủ nhiệm: Nguyễn Văn Luyện; quản lý: Nguyễn Văn Chạc.
Năm thứ 1, số 1, 15-9-1940; đình bản số 6, tháng 12-1941.

1940 **Tin Tức Chúa Nhật** (1940-1941)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Đoàn Văn Châu. Năm thứ 1, số 1,
25-9-1940; đình bản số sau số đặc biệt, tháng 1-1941.

1940 **Quảng Cáo** (1940-1941)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy; imp. Thạnh Mậu. Năm thứ 1,
số 1, 23-11-1940; đình bản sau số đặc biệt tháng 1-1941.

1940 **Quốc Gia** (1940)
(Thương mại, xã hội, văn chương, trào phúng). Hà Nội, tuần báo; Chủ nhiệm: Lê Ngọc Thiều. Năm thứ 1, số 1, 24-11-1940;
đình bản số 5, tháng 12-1940.

1940 **Quốc Gia Nhật Báo** (1940-1944?)
Hà Nội, bán tuần báo; chủ nhiệm: Lê Ngọc Thiều. Số 1, 24-11-1940.

1940 **Thời Thế** (1940-1941)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Dương Quân; quản lý: Dương Văn Kha. Năm thứ 1, số 1, 26-11-1940; đình bản số 4, tháng 6-1941.

1940 **Đồng Thanh** (1940-1941)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Tô Ngọc Châu.
Năm thứ 1, số 1, 30-11-1940; đình bản số 9, 22-2-1941.

1940 **Dư Luận Tuần Báo** (1940)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Trần Đức Mậu.
Năm thứ 1, số 1, 12-10-1940; đình bản số 9, tháng 12-1940.

1940 **Người Mới** (1940-1941)
(Tạp chí chớp bóng). Sài Gòn, một tháng ba kỳ; chủ nhiệm: Lê Hữu Phương. Năm thứ 1, số 1, 15-10-1940; đình bản số 12, tháng 2-1941.

1940 **Pháp Việt** (1940-1941)
(Tuần báo văn chương và chính trị). Hà Nội,
Chủ nhân: Nguyễn Văn Ba; chủ nhiệm: Lê Hạnh Di.
Năm thứ 1, số 1, 20-6-1940; đình bản số 17, tháng 1-1941.

1940 **Sự Thực** (1940-1941)
Hà Nội, bán nguyệt san; quản lý: Nguyễn Quang Oánh.
Năm thứ 1, số 1, 1-12-1939; đình bản số 24, tháng 1-1941.

1940 **Tin Chúa Nhật** (1940-1941)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Trần Văn Thương. Năm thứ 1, số 1, 2-6-1940; đình bản số 4, tháng 6-1940.

1940 **Tin Mới** (1940-1944?)
Hà Nội, nhật báo; chủ nhiệm: Nguyễn văn Luyện; quản lý: Nguyễn Văn Chạc. Năm thứ 1, số 1, 27-1-1940; từ số 668, 13-2-1942; chủ nhiệm: Nguyễn Tấn Gi Trọng.

1940 **Truyền Tin** (1940-1941)

Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Giang Văn Chánh; quản lý: Trần Kim Chi. Năm thứ 1, số 1, 14-7-1940; đình bản số 289, tháng 7-1941.

1940 **Tuy Dô** (1940)
Sài Gòn, tuần báo ra sáng thứ bảy; quản lý: Dương Thành Mười. Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 15-9-1940.

1940 **Việt Nam Y Báo** (1940)
(Cơ quan của hội Việt Nam Y Dược). Hà Nội, nguyệt san;
Chủ nhiệm: Phó Đức Chu; quản lý: Dương Bá Trạc. Năm thứ 1, số 1, tháng 6-1940; đình bản số 6, tháng 12-1940.

1940 **Y Tá Tùng Biên** (1940-1942)
(Cơ quan của hội Nam Nữ Y Tá Bắc Kỳ). Hà Nội, tạp chí ba tháng một kỳ; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Giậu. Năm thứ 1, số 1, 15-8-1940; đình bản số 9-10, tháng 8-11-1942.

1940 **Phóng Sự** (1940)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Trần Kim Chung; quản lý: Công Minh Triệu Trường Thế; đình bản số 5, tháng 4-1940.

1940 **Trung Bắc Tân Văn Chủ Nhật** (1940-1944)
Hà Nội, tuần báo; quản lý: Dương Phượng Đục.
Năm thứ 1, số 1, 3-3-1940; từ số 3, 17-3-1940; quản lý: Nguyễn Doãn Vượng; từ số 257; chủ nhiệm: Nguyễn Văn Luận.

1940 **Trước Pháp Luật** (1940)
Gia Định, tuần báo; chủ nhiệm: Dương Bá Quân; quản lý: Lê Văn Ngọ. Năm thứ 1, số 1, 16-5-1940; đình bản số 3, tháng 6-1940.

1940 **Truyền Tin** (1940)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày chủ nhật; chủ nhiệm: Lê Thế Vinh. Năm thứ 1, số 1, 24--1940; đình bản số 6, tháng 6-1940.

1940 **Bạn Trẻ** (1940)
Sài Gòn, bán nguyệt san ; chủ nhiệm: Nguyễn Trung Cảnh.
Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 1-11-1940.

1940 **Kỹ Nghệ** (1940-1944?)
Hà Nội, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Hữu Thăng.
Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1940.

1940 **Pháp Việt** (1940)
(Tuần báo trào phúng xã hội), Hà Nội;
Chủ nhiệm: Ngô Thân; quản lý: Ngô Văn Tèo.
Năm thứ 1, số ra mắt, 9-3-1940; số 1, 20-3-1940 và đình bản.

1940 **Khai Trí Tiến Đức tập san** (1940-1943)
Hà Nội.

1940 **Viện Âm Nguyệt San** (1940-1943)
Huế, nguyệt san; chủ nhiệm: Nguyễn Đình Hòa; quản lý: Lê Đình Thám; tục bản số 37, tháng 6-1940; đình bản số 47, tháng 7-8-1941; tục bản số 48, tháng 5-1942; chủ nhiệm: Ưng Bàng; quản lý: Phạm Văn Vị; đình bản số 63, tháng 8-1943.

1940 **Traducteur (Le)** (1940-1942)
(*Dịch văn tạp chí*). Hà Nội; chủ nhiệm: Trương Anh Tụ, (Pháp và Việt ngữ). Năm thứ 1, số 1, 15-12-1940; đình bản số đặc biệt, 12-4-1942.

1940 **Trường Làng** (1940-1944)

Hà Nội, nguyệt san; imp. Du Nord. Năm thứ 1, số 1, tháng 9-1940.

1941 **Sức Mạnh** (1941)
Hà Nội, tạp chí; chủ nhiệm: Phan Văn Giáo.
Năm thứ 1, chỉ ra số ra mắt 4-1-1941.

1941 **Thanh Nghệ Tuần Báo** (1941-1944)
Hà Nội, chủ nhân: Doãn Kế Thiện; chủ nhiệm: Vũ Đình Hoè.
Năm thứ 1, số ra mắt, 25-4-1941; số 1, 15-5-1941; từ số 12, 1-5-1942, bán nguyệt san.

1941 **Tin Ngựa** (1941)
(Tuần báo chuyên về đua ngựa). Sài Gòn, ra mỗi sáng thứ sáu;
chủ nhiệm: Đinh Xuân Hòa; quản lý: Ngô Văn Bằng.
Năm thứ 1, số 1, 26-1-1941; đình bản số 9, tháng 4-1941.

1941 **Thông Tin Báo** (1941-1944)
Hà Nội, nhật báo; chủ nhiệm: Hoàng Cừ.
Năm thứ 1, số 1, 4-8-1941; quản lý: Hoàng Tích Chu.

1941 **Tiến** (1941-1942)
(Cơ quan đào luyện nhân cách và tổng hợp tri thức). Sài Gòn;
Chủ nhiệm: Nguyễn văn Nhuận. Năm thứ 1, số 1,tháng 7-1941;
đình bản số 13, tháng 7-1942.

1941 **Truyền Bá** (1941-1944)
(Tập báo của tuổi trẻ ra ngày 10 và 25). Hà Nội, chủ nhiệm:

Vũ Đình Long. Năm thứ 1, số ra mắt, 25-7-1941.

1941 **Tuyệt Phích Saigonais** (1941)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Trần Kim Chi.
Năm thứ 1, số 1, 8-8-1941; đình bản số 2, tháng 8-1941.

1941 **Bạn Mới** (1941)
(Tuần báo Kịch bóng, văn chương, thể thao). Sài Gòn;
Quản lý: Nguyễn Văn Luận.
Năm thứ 1, số 1, 15-12-1941; đình bản số 3, tháng 12-1941.

1941 **Chiến Sĩ** (1941-1944)
(Cơ quan của các vị tuyên úy và chiến sĩ các đoàn thanh niên thôn quê công giáo). Hà Nội, bán nguyệt san; nhà in Trung Hòa.
Năm thứ 1, số 1, tháng 3, 4-1941.

1941 **Con Chiên** (1941)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày chúa nhật; quản lý: Nguyễn Văn Bền. Năm thứ 1, số 1, 9-11-1943; đình bản số 4, tháng 12-1941.

1941 **Công Thương** (1941)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Phạm Văn Tường.
Năm thứ 1, số 1, 6-11-1941; đình bản số 6, 13-12-1941.

1941 **Đồng Thinh** (1941-1942)
(Tuần báo văn học tư tưởng). Sài Gòn;
Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Huy, tự Hồng Tiêu; quản lý: Lê Minh Tánh. Năm thứ 1, số 1, 13-10-1941; đình bản số 18, tháng 3-1942.

1941 **Gió Mùa** (1941-1942)

Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy;
Chủ nhiệm: Lê Tràng Kiều; quản lý: Trần Văn Lai.
Năm thứ 1, số 1, 29-11-1941; đình bản số 10, tháng 3-1942.

1941 **Ngòi Bút** (1941)
Hà Nội, tuần báo phê bình ra ngày thứ năm; quản lý: Phạm Ngọc Khuê. Năm thứ 1, số 1, 9-10-1941; đình bản số 2, tháng 10-1941.

1941 **Thanh Niên** (1941-1944?)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Hoàng Tâm; quản lý: Ernest Louis Phan Văn Hườn. Năm thứ 1, số 1, 27-18-9-1941; từ số 20, 10-10-1942, chủ nhiệm: Tạ Đình Bích và Bửu Tư dit Lâu.
Bộ mới số 1, 7-8-1943; quản lý: Huỳnh Tấn Phát.

1941 **Thể thao Đông Dương** (1941)
Đến năm 1944 đổi thành *Thanh Niên Đông Dương* (1944).
Sài Gòn, tạp chí; chủ nhiệm: Huỳnh Đạt Thành.
Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 20-12-1941.

1941 **Thời Đại Tuần Báo** (1941-1942)
Hà Nội, tuần báo; imp. Du Nord.
Năm thứ 1, số 1, tháng 7-1941; đình bản số 3, 7-1942.

1941 **Ánh Sáng** (1941)
Sài Gòn, nguyệt san; quản lý: Trần Văn Nhiêu.
Năm thứ 1, chỉ ra số 1, tháng 3-1941.

1941 **Bạn Gái** (1941)
Hà Nội, tạp chí; nhà in Mai Lĩnh.
Năm thứ 1, chỉ ra số ra mắt, tháng 1-1941.

1941 **Báo Mới** (1941-1942)
Hà Nội, nhật báo;
Chủ nhiệm: Nguyễn Khắc Kha; quản lý: Nguyễn Doãn Vượng. Năm thứ 1, số 1, 16-4-1941; đình bản số 264, tháng 2-1942.

1941 **Hạnh Phúc** (1941-1944?)
Sài Gòn, tạp chí xuất bản ngày 1 và 16 mỗi tháng; Quản lý: Phạm Văn Điều. Năm thứ 1, số 1, 16-3-1941.

1941 **Hên Hên** (1941)
Sài Gòn, tuần báo đua ngựa; chủ nhiệm: Donnetto (Pháp và Việt ngữ). Năm thứ 1, số 1, 4-1-1941; đình bản số 2, tháng 4-1941.

1941 **Nhi Đồng Họa Bản** (1941-1944)
Hà Nội, tạp chí; chủ nhiệm: bà Phạm Ngọc Khu; quản lý: Nguyễn Văn hữu. Năm thứ 1, số 1, 4-12-1941; đình bản số 43, tháng 1-1944; tục bản tháng 6-1944; quản lý: Nguyễn Doãn Vượng.

1941 **Phật Pháp Chỉ Niết Bàn** (1941)
Sài Gòn, tạp chí xuất bản ngày đầu tháng; chủ nhiệm: Hồ Ngọc Sung. Năm thứ 1, chỉ ra số 1, 18-8-1941.

1941 **Phóng Sự** (1941-1943)
Sài Gòn, nhật báo; chủ nhiệm: Công Ninh Triệu Tường Thế.
Năm thứ 1, số 1, 15-10-1941; đình bản số 342, tháng 8-1943.

1941 **Phú Thọ Đua Ngựa** (1941-1942)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Dương Thành Phong.
Năm thứ 1, số 1, 17-7-1941; đình bản số 21, tháng 1-1942.

1941 **Thanh Nghị** (1941)
Hà Nội, mười ngày ra một kỳ; chủ nhân: Doãn Kế Thiện; quản lý: Vũ Đình Hoè. Năm thứ 1, số 1, 15-6-1941; đình bản số 16, 15-10-1941.

1941 **Hướng Đạo Truyền Tin** (1941)
(Phụ trương của tạp chí *Chef*). Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Consigny. Năm thứ 1, số 1, tháng 1, 2-1941; đình bản tháng 10-1941.

1941 **Hy Vọng Lao Động** (1941-1943)
Hải Phòng, nguyệt san; quản lý: Lopez.
Năm thứ 1, số 1, tháng 2- 1941; đình bản số 16 tháng 4-1943.

1941 **Nam Kỳ Đua Ngựa** (1941)
(Phụ trương của *Sports de Cochinchine*). Sài Gòn;
Chủ nhiệm: Phan Bá Lân; quản lý: Đỗ Thư Của.
Năm thứ 1, số 1, 23-2-1941; đình bản số tháng 3-1941.

1941 **Thanh Nghị Trẻ Em** (1941)
Chủ nhiệm: Phạm Lợi ; Quản lý: Ngô Bích San
Số 1, ngày 5-6-1941

1941 **Nghệ Thuật Việt Nam** (1941)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Đỗ Phương Quế. Năm thứ 1, số 1, 5-5-1941; từ số 9, 30-4-1941, đổi *Bút Mới*.

1941 **Pháp Việt** (1941)
(Cơ quan thông tin, chính trị và văn chương).
Huế, nhật báo;
Chủ nhiệm: Hardouin Delaforge.
Năm thứ 1, số 1, 22-1-1941; đình bản số 197, tháng 9-1941.

1941 **Bút Mới** (1941)
Sài Gòn, tuần báo; quản lý: Đỗ Phương Quế; tiếp tục *Nghệ Thuật Việt Nam*, số 9, 30-4-1941; đình bản số 22, tháng 7-1941.

1941 **Pháp Việt** (1941-1943)
(Tuần báo văn chương, phụ nữ, thanh niên, chính trị). Hà Nội;
Chủ nhiệm: Element Edmond Koch; quản lý: Trần Nguyên Bí.
Số 1, 18-3-1941; số 65, tháng 2-1943.

1941 **Nam Cường** (1941)
Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm kiêm quản lý: Bùi Xuân Nhu.
Số 1, 7-6-1941; đình bản số 27, tháng 12-1941.

1941 **Tri Tân** (1941-194?)
(Tạp chí văn hóa). Hà Nội, tuần báo; chủ nhiệm: Nguyễn Tường Phượng; quản lý: Dương Tụ Quán. Năm thứ 1, số 1, 3-6-1941.

1941 **Văn Hóa** (1941)
(Tạp chí văn học, nghệ thuật, tư tưởng). Hà Nội, nguyệt san;
chủ nhiệm: Bùi Xuân Tiêu; quản lý: Trần Quốc Trinh.
Năm thứ 1, số 1, 15-1-1941; đình bản số 5, 31-7-1941.

1941 **Văn Mới** (1941)
Bán nguyệt san Hà Nội ; chủ biên: Nguyễn Đức Quỳnh.

1941 **Vui Cười** (1941)
Gia Định, nguyệt san; quản lý: Huỳnh Văn Tài.

Năm thứ 1, chỉ ra số 1, tháng 1-1941.

1941 **Á Âu** (1942)
(Tạp chí giáo dục và thương mại).- Chợ Lớn, bán nguyệt san;
chủ nhiệm: Bửu Tục Bản dit Lâu; quản lý: Huỳnh Văn Tài.
Năm thứ 1, chỉ ra số 1, tháng 12, 1-1942.

1941 **Giáo Dục Tạp Chí** (1942-1944)
(Revue pedagogique, publiéo par un groupe de mandarins et de membres de l'enseignement en Annam).
- Huế, nguyệt san;
Chủ nhiệm: Nguyễn Khoa Toàn (Pháp và Việt ngữ).
Năm thứ 1, số 1-2, tháng 9,10-1942.

1942. **Hướng Đạo Công Giáo của Liên Đoàn F. I. S** (1942)
Hà Nội, nguyệt san; quản lý: Nguyễn Đức Tiến. Năm thứ 1, số 1, 1-8-1942; từ số tháng 9-1943; quản lý: Dương Công Định.

1942 **Nam Kỳ Tuần Báo** (1942-1944?)
Sài Gòn, tuần báo; chủ nhiệm: Hồ Văn Trung; quản lý: Hồ Văn Kỳ Trân. Năm thứ 1, số 1, 3-9-1942.

1942 **Tân Á** (1942-1944?)
Sài Gòn, bán nguyệt san; quản lý: Đặng Ngọc Anh. Năm thứ 1, số 1, 20-10-1942.

1942 **Phòng Thương Mại Canh Nông Bắc Bộ Trung Kỳ ở Vinh** (1942-1944?)
Vinh, tuần báo; imp. Du Nord Annam. Năm thứ 1, số 1, 5-2-1942.

1942 **Việt Cường** (1942-194?)

Hà Nội, nhật báo; chủ nhiệm: Trịnh Ninh. Năm thứ 1, số 1, 10-2-1942.

1942 **Đại Việt Tạp Chí** (1942-1944)
Sài Gòn, bán nguyệt san; quản lý: Hồ Văn Kỳ Trân. Năm thứ 1,
số 1, 1-10-1942; ra số đặc biệt từ số 34-36, 16-3-1944, 1-4-1944,
5-6-1944.

1942 **Đông Phong** (1942-1944?)
(Tạp chí văn học và nghệ thuật). Sài Gòn; chủ nhiệm: Lê Phát Vinh; quản lý: Trần Văn Khanh. Năm thứ 1, số 1, 5-7-1942.

1942 **Báo Khoa học** (1942-1944)
Hà Nội, nguyệt san; chủ nhân: Nguyễn Xiển; chủ nhiệm: Nguyễn Đình Thu. Năm thứ 1, số 1, tháng 1-1942; số 33-34, tháng 9, 10-1944.

1942 **Bình Đẳng Nhật Báo** (1942)
Hà Nội, nhật báo, tạm thời tuần báo;
Chủ nhiệm: Lê Ngọc Vũ; quản lý: Nguyễn Văn Thiều.
Năm thứ 1, số 1, 12-4-1942; đình bản số 4, tháng 5-1942.

1942 **Giữ Vững** (1942-1944)
(*Tenir*), (Bulletin de liaison des Chefs de l'Association de scoutisme de Trung Kỳ). - Huế, nguyệt san (Pháp và Việt ngữ); Quản lý: Tạ Quang Bửu. Năm thứ 1, số 1, tháng 3-1942; số 1 (bộ mới), tháng 1, 4-1944.

1942 **Bulletin de la Sociét d'Enseignement mutuel de la Cochinchine** (1942-1943)

(Hội Khuyến Học Nam Kỳ). Sài Gòn, niên san; Hội trưởng: Đoàn Quan Tấn; tổng thơ ký: Chim Hải Yến.
Số đầu, tháng 1-1942, và số 1943.

1943 **Tráng Sĩ** (1943-1944?)
(Phụ trương hướng đạo thẳng tiến). Hà Nội, nguyệt san; imp. Xuân Thu. Số 1, tháng 1-1943; từ số 2, tháng 2-1943, quản lý: Lê Văn Phúc.

1943 **Thanh Niên** (1943-1944?)
Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ bảy;
Chủ nhiệm: Tạ Đình Bính và Bửu Tư; quản lý: Huỳnh Tấn Phát;
Bộ mới số 1, 7-8-1943. Đình bản ngày 30-9-1944.

1943 **Pháp Việt** (1943-1944?)
(Văn học tạp chí). Hà Nội, tuần báo; quản lý: Nguyễn Văn La.
Số 1, 18-5-1943.

1945 **Tiến** (1945)
Sài Gòn, tuần san; giám đốc: Mai Văn Bộ.
Năm thứ 1, số 1, 11-8-1945; số 3-4, 1-9-1945.

1945 **Tân Việt Nam** (1945)
Sài Gòn, tuần báo ; giám đốc: Trần Văn Hanh.
Năm thứ 1, số 1, ngày 11-8-1945.

1945 **Tin Điển** (1945)

1945 **Sài Gòn** (1945)

1945 **Dân Báo** (1945)

1945 **Tương Lai** (1945)
Của Nguyễn Ang Ca.

1945 **Phục Hưng** (1945-1952)

Sài Gòn, tuần báo ra ngày thứ năm; chủ nhiệm: Hiền Sĩ. Số 1, 22-11-1945; từ số 9, 14-1-1946, trở thành nhật báo; Từ số 35, 16-2-1946; quản lý: Dương Văn Sĩ. Số 1845, 12-7-1952 (năm thứ tám).

1945 **Tuần Báo Tiến**, cơ quan ngôn luận chính thức của phong trào Thanh niên Tiền phong.
Số 1, ngày 11-8-1945.
Giám đốc: Mai Văn Bộ
Quản lý : Huỳnh Văn Tiểng
Đình bản ngày 17-9-1945.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. NHỮNG TÁC PHẨM IN

A. BẰNG TIẾNG PHÁP

- Dương Văn Giáo. *L'Indochine pendant le guerre*, Luận án tiến sĩ (Khoa học chính trị và kinh tế), Đại học Luật Paris, 1925.
- Đoàn Thị Đỗ. *Le Journalisme au Vietnam et les périodiques Vietnamiens de 1865 à 1944*, Thư viện Quốc gia Paris, 1958.
- Henri Lamagat. *Souvenirs d'un vieux journaliste Indochines*, Nhà Extrême-Orient in, Sài Gòn, 1942.
- Henry Litolff (tựa của Jean Chabas). *Le régime de la Presse en Indochine*, Nhà Extrême-Orient in, Hà Nội, 1939.
- Lê Thành Khôi. *Le Vietnam, Histoire et Civilisation*, Nhà Minuit in, Paris, 1955.
- Nguyễn An Ninh. *Le France en Indochine*, A et F Debeauve in, Paris, 1926.
- Presse (Cochinchine Francaise), Sắc lệnh ngày 16-2-1880.

- Tự Do. *Les Fragments journalistiques*, Nhà Nguyễn Văn Của in, Sài Gòn 1926.

B. BẰNG TIẾNG VIỆT

- Diệp Văn Kỳ. *Chế độ báo giới Nam Kỳ*, Sài Gòn 1938.
- Dương Trung Quốc (chủ biên). *Việt Nam những sự kiện lịch sử, 1858-1945*, tập I,II, III, IV, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1989.
- Đặng Thai Mai. *Văn thư cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1961.
- Hồng Chương. *120 năm báo chí Việt Nam*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1985.
- Khổng Xuân Thu. *Trương Vĩnh Ký*, Tân Việt in, Sài Gòn, 1958.
- *Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ*. Nhà sách Nguyễn Khánh Đàm, Nxb Lũy Tre, Sài Gòn 1942.
- Nguyễn Khắc Xuyến. *Mục lục phân tích tạp chí Nam Phong*, Bộ Quốc gia Giaó dục in, Sài Gòn, 1968.
- Nguyễn Thành. *Báo chí cách mạng Việt Nam 1925-1945*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1984.
- Nguyễn Q. Thắng. *Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1992.
- Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế. *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1997.
- Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng. *Luật sư Phan Văn Trường*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1995.

+ Nguyễn An Tịnh. *Nguyễn An Ninh*. Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1996.
+ Phạm Thế Ngũ. *Việt Nam Văn học sử*. Nxb Quốc học, Sài Gòn, 1965.
+ Tầm Dương. *Tản Đà*. Nxb Khoa học, Hà Nội, 1964.
+ Tế Xuyên. *Nghề viết báo*. Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1968.
+ Thanh Lãng. *13 năm tranh luận văn học*. Nxb Văn học, TP. Hồ Chí Minh, 1995.
+ Thiếu Sơn. *Phê bình và Cảo luận*. Nxb nam Ký, Hà Nội, 1933.
+ Vũ Bằng. *Bốn mươi năm "nói láo"*. Nxb Thăng Long ấn hành, Sài Gòn, 1960.
+ Vũ Ngọc Phan. *Nhà văn hiện đại*. Nxb Thăng Long ấn hành, Sài Gòn 1960.

II. CÁC BÀI BÁO

A. BẰNG TIẾNG PHÁP

+ A. de Pourvourville. La nouvelle presse Indochine, đăng trong *Dépêche Coloniale*, in lại trong *La Tribune Indigène*, ngày 3-8-1920, Sài Gòn.
+ Bích Thủy. La Presse Annamite en Indochine, *Thần Kinh Tạp Chí*, số 16, 11-1928, Huế.
+ Brenier (Henri). A propos de Phạm Quỳnh, La Symbolyse Francovietnamienne, *Tạp chí Troupes Colonilales*, 10 -1947, Paris.

+ Huỳnh Tôn. Les journalistes Annamites et la presse Indochine, *Tạp chí Indochinoise* ngày 10-10-1940, Hà Nội.
+ Le Gouvernement colonial et la presse de la langue Annamite. *Ère Nouvelle*, số 117, ngày 17-12-1927, Sài Gòn.
+ Le régime de la presse au Vietnam des origines jusqu'à nos jours, Phụ bản bằng tiếng Pháp của *Báo chí Tạp san*, số 2, Sài Gòn, hè 1968.
+ Lê Quang Trinh. La presse Annamite, *Nam Phong*, số 125, 1-1926, Hà Nội.
+ Lynx dans la Presse cochinchinoise La voix Annamite, số 33 ngày 31-08-1923, Sài Gòn.
+ Meville. Un Felibre Annamite, Le lettre Phạm Quỳnh, *Tạp chí Hebdomadaire*, số 27, ngày 8-7-1933, Paris, plon.
+ Phạm Quỳnh. La presse Annamite, *Tạp chí Nam Phong*, số 107, 7-1926, Hà Nội.
+ Re-Radoteur de l'Esplanade. Le Journalisme en Annam, *Tạp chí Thần Kinh*, số 1, 8-1927, Huế.
+ Sur la Collaboration de ces deux presses, xem *Echo Annamite*, ngày 3-5-1921, Sài Gòn.
+ Trần Văn Trí. Politique et journalisme Annamite, *La Tribune Indochinoise* ngày 21-1-1929, Sài Gòn.
+ V.M. A propos de la presse en langue Annamite, *La Tribune Indochinoise* ngày 15-11-1926, Sài Gòn.
+ Vinh Lang. Pour la liberté de la presse en langue Annamite, *La Tribune Indochinoise*, số 33, ngày 22-10-1926, Sài Gòn.

B. BẰNG TIẾNG VIỆT

- Đào Hùng. Phỏng vấn Phạm Quỳnh, *Phụ Nữ Tân văn*, số 87, ngày 18-6-1931.
- Hà Tri Bửu đình. Báo giới Quốc âm ngày nay ở xứ ta, Địa vị nhà viết báo ngày nay, *Tân Thế Kỷ*, số 13, ngày 19-11-1926.
- Hoàng Phố. 30 năm làm báo, *Báo chí Tập san*, số 1, Xuân 1968, Sài Gòn.
- Hoàng Tích Chu. Vì sao báo ta ít nói đến việc trong nước, *Đông Tây tuần báo* số 5, Sài Gòn, ngày 16-1-1930.
- Hương Giang. Tạp chí bưu trạm Việt Nam, *Văn Hóa Nguyệt san*, bộ 4, Sài Gòn, tháng 9-1964.
- *Kỷ yếu 1961*. Nghiệp đoàn nhà in, nhà sách, nhà xuất bản Việt Nam, Sài Gòn, 1961.
- Lê Thành Lưu. Quyền tự do ngôn luận của người mình, *Pháp Việt Nhứt Gia* ngày 17-3-1927.
- Lê Thái Bằng. Luật lệ báo chí Việt Nam xưa và nay, *Báo chí tập san*, số 2, hè 1968, Sài Gòn.
- Nguyễn Ngu Í. 100 năm Báo chí Việt Nam, *Bách Khoa*, số 25, Sài Gòn ngày 15-1-1966.
- Nguyễn Văn Bá. Nhật báo nước ta, *Thần Chung*, ngày 3-4-1966.
- Phan Khôi. Ý kiến của tôi đối với sự bỏ kiểm duyệt báo quốc ngữ, *Phụ Nữ Tân Văn*, số 271 ngày 20-12-1934.
- Phỏng vấn Nguyễn Văn Vĩnh, *Phụ Nữ Tân Văn*, số 91 ngày 16-7-1931.

- Trần Huy Liệu. Giới thiệu lịch sử báo chí Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 1, 3-1959, Hà Nội.
- *Mục lục báo chí Việt ngữ từ 1865-1945*, Lê Ngọc Trụ chủ biên, Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia Sài Gòn ấn hành, năm 1968 (có sửa chữa và bổ sung).
- Vũ Bằng. Báo chí Bắc Việt từ 1934 đến 1954, *Báo chí Tập san*, số 1, Sài Gòn, 1968.

III. TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN BÁO CHÍ ĐÔNG DƯƠNG CÒN LƯU TRỮ Ở VĂN KHỐ QUỐC GIA PHÁP SỐ 27 ĐƯỜNG OUDINOT, PARIS

1. Articles de la presse Tonkinoise dirigée contre le Ministre des Colonies et l'État Major d'Indochien (1909).
   code : Indoch. A 81 NF 69.
2. Au sujet de l'imprimerie fournie en Indochine (1885-1886).
   code: Indoch. D 12 (4) cart 51.
3. Au sujet de l'imprimeur des journaux, M. François Henri-Schneider.
   code: Indoch. X 21 NF 938.
4. Bulletin Officiel de l'Expédition de la Cochinchine (1861-1962).
   code: Indoch. D00 (2) cart 48.
5. Bulletin périodique d'information Coloniale étrangère (Nos. 11, 16, 17, 18, 20, 22) 15 Janvier 15 Décembre (1919).

code: Indoch. A 82 NF 624.

6. Campagne de presse Chinoise et Japonaise contre l'administration Française en Indochine (1909-1910).
   code: Indoch. A 81 NF 67.
7. Cochinchine : Autorisation de publier "La Semaine religieuse" Hebdomadaire en langue Annamite (1909)
   code: Indoch. A 81 (10) cart 27 bis.
8. Cochinchine. Promulgation d'une loi sur la presse et la diffamation (1874). Extension à la Cochinchine de la législation métropolitaine sur la presse (1881).
   code: Indoch. A 81 (3) cart 27.
9. Cochinchine : 1867-1868 :
   Le *Phare de la Loire*
   La *Trompette*.
   code: Indoch. Ā (2). Cart 27.
10. Cochinchine : Le *Courrier de Saigon.*
    L'*Indépendant de Saigon.*
    L'*Indochine Française*
    Le *Saigonnais*
    code: Indoch. Ā (I). Cart 27.
11. Demande par le Ministre des Colonies d'un envoi régulier au service de l'Indochine des publications périodiques de la Colonie (1912).
12. Demande de documents par le journal Officiel 1881.
    code: Indoch. A 81, cart 27.
13. Etats des exemplaires des journaux (1887).

code: Indoch. X 70 (8), cart 321.

14. Informations inexactes sur l'Indochine reproduites par la presse métropolitaine (1909). Plaintes émises sur ce sujet par le Gouverneur général Klobukowski.
    code: Indoch. A 81 NF 68.
15. Interdiction des journaux révolutionnaires Chinois en Indochine (1908-1910). Rappots, lettres adressées par le Gouvernuer général et le Ministre de l'Intérieur au Ministre des colonies sur ce sujet.
    code: Indoch. A 81 NF 66.
16. Journal *Le Mékong* (directeur Ulysse Lerich), délit de presse (diffamation, fausses nouvelles). Rapport du Gouvernement général, extraits de presse.
    code: Indoch. A 81 (9), cart 27 bis.
17. Justification de la suppression par la censure de Saigon d'un article donnant la momenclature des Maisons Allemandes établies au Siam (1916).
    code: Indoch. A 81 NF 31.
18. Lettres des Affaires Étrangères au sujet du journaliste. Le jeune Vilar, et au sujet d'un article de la *Politique Coloniale.*
    code: Indoch. A 81 (8), cart 27 bis.
19. Mesures prises en vue de la sécurité de l'Indochine pendant la guerre 14-18.
    code: Indoch. A 0 NF 46.
20. Mesures d'ordre économique, politique, administratif, militaire et financier prises en Indochine depuis Août 1914 en raison de l'État de guerre Européenne.

code: Indoch. A 0 NF 29.

21. Notes sur les projets, les initiatives, les réalisations du Gouverneur général d'Albert Sarraut en matière de polique indigène.
code: Indoch. A 0 NF 56.

22. Plaintes émanant de l'Union Coloniale Française au sujet de la violente campagne de presse menée au Tonkin contre les Annamites (1904).
code: Indoch. A 81 NF 61.

23. Presse (1899-1914). L'Agence Havas (1899-1914) et Télégrammes de presse.
code: Indoch. A 81 NF 993.

24. Presse (1916-1920): Demande de subvention en faveur du journal *Panorama* crée en 1916 pour là propagande antillamande.
code: Indoch. A 8111 NF 117.

25. Presse en Indochine.
code: Indoch. A 81 NF 62.

26. Propagande 1917. Sur le *Nam Phong* et sur le concours de doctorat et sur l'Europe.
code: Indoch. A 01 NF 196.

27. Radiodiffusion (1919).
code: Indoch. A 81 NF 2474 (1).

28. Rapport du Gouverneur général Klobukowski sur les articles tendantieux publiés à Hanoi (Notre Journal) 1909.
code: Indoch. A 30 NF 7.

29. Rapport du Gouverneur général sur la presse Cochinchinoise et Combodgienne (1887).

30. Rapport du Gouverneur général au sujet d'articles du *Courrier d'Indochine* et du *Temps*. Rapport du Gouverneur général au sujet des journaux Française (*La Nouvelle Égalité*) adressés au Đề Thám (1910). Démenti du Gouverneur général Klobukowski à une interview de la *Presse Coloniale* (1912).
code: Indoch. A 81, cart 27 bis.

31. Régime de presse en pays de Protectorat (1898-1900).
code: Indoch. A 81 NF 58.

32. Renseignements founis par le Ministères des Colonies sur le quotidien 1 *Opnion* de l'Indochine (1911).
code: Indoch. A 81 NF 72.

33. Résumés de la presse Indochine (1919-1920).
code: Indoch. A 82 NF 65.

34. Tonkin : Rapport de Gouverneur général relatif au journaux :
Le *Protecteur des Annamites*.
Le *Petit Français*
L' *Avenir du Tonkin (1888 1890)*
code: Indoch. A 81 (5), cart 27 bis.

35. Tonkin: Réclamation de L'Association de la presse coloniale au nom de l'*Avenir du Tonkin*.
code: Indoch. A 81 (7), cart 27 bis.

MỤC LỤC

Lời tựa 5

CHƯƠNG I

THÔNG TIN TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM NGÀY XƯA

I. Phổ biến tin tức bằng sự truyền khẩu 9
- 1.1. Những câu ca dao và những bài hát bình dân. 9
- 1.2. "Thằng mõ". 10
- 1.3. Ca kịch cổ truyền Việt Nam. 11

II. Phổ biến tin tức bằng chữ viết 15
- 2.1. Những báo cáo 15
- 2.2. Biên niên sử. 16

III. Nghề in và ấn loát 17

IV. Những phương tiện thông tin 23

CHƯƠNG II

CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ VIỆT NAM DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

I. Nguyên nhân sự thành lập báo chí Việt Nam 27

II. Chế độ báo chí ở Nam Kỳ 30

III. Sắc luật ngày 30-12-1898 34

IV. Chế độ báo chí ở các xứ bảo hộ: Bắc Kỳ và Trung Kỳ 38

V. Tình trạng giới nghiêm trong thời gian chiến tranh 1914-1918 44

VI. Nghiệp đoàn báo chí thuộc địa 48

CHƯƠNG III

GIAI ĐOẠN KHỞI ĐẦU CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM THỜI KỲ TỪ 1865 ĐẾN 1907

I. Báo chí Việt Nam trước năm 1865 55
- 1.1. Le Bulletin officiel de l'Expédition de la Cochinchine. 55
- 1.2. Le Bulletin de Communes. 56
- 1.3. Le Courrier de Saigon. 56

II. Tờ báo tiếng Việt đầu tiên ở Việt Nam: Gia Định báo 58
- 2.1. Xuất xứ. 58
- 2.2. Giám đốc và chủ bút tờ Gia Định báo. 60
- 2.3. Đặc tính tờ Gia Định báo. 64
- 2.4. Mục tiêu tờ Gia Định báo. 68

III. Những tờ báo khác từ năm 1865 đến năm 1907 69
- 3.1. Ở Nam Kỳ. 69
- 3.2 Ở Bắc Kỳ. 75

IV. Báo chí Pháp ngữ giai đoạn 1865-1907 88
- 4.1. Ở Nam Kỳ. 88
- 4.2. Ở Bắc Kỳ. 90

V. Vai trò của báo chí trong thời kỳ 1865-1907 91
- 5.1. Vai trò giáo dục và truyền bá. 91
- 5.2. Ảnh hưởng của báo chí trên văn học. 92
- 5.3. Vai trò của báo chí đối với quần chúng. 93
- 5.4. Vai trò của báo chí đối với chính trị. 96
- 5.5. Vấn đề thông tin và những phong trào cách mạng 97

CHƯƠNG IV

BÁO CHÍ VIỆT NAM TỪ 1907 ĐẾN 1918

I. Những điều kiện thuận lợi cho sự xuất hiện báo chí trong giai đoạn này 102
- 1.1. Điều kiện chính trị. 102
- 1.2. Điều kiện văn hóa. 104

II. Chính sách của Albert Sarraut và báo chí theo chủ thuyết của A. Sarraut 109
- 2.1. Chính sách của Albert Sarraut. 109
- 2.2. Báo chí theo chủ thuyết của A. Sarraut. 116

III. Những tờ báo khác xuất bản trong thời kỳ từ 1908 đến 1918 147
- 3.1. Ở Bắc Kỳ. 148
- 3.2. Ở Nam Kỳ. 149

IV. Báo chí chuyên biệt 151
- 4.1. Báo tiếng Pháp do người Việt Nam chủ trương. 151
- 4.2. Báo chí Trung Hoa được lưu hành ở Việt Nam. 155
- 4.3. Báo chí tiếng Pháp. 158

V. Những nơi cung cấp tin tức 160
- 5.1. Tin trong nước. 160
- 5.2. Tin ngoài nước. 162

VI. Vai trò của báo chí Việt Nam trong giai đoạn từ 1907 đến 1918 163
- 6.1. Ảnh hưởng của báo chí Việt Nam trên phương diện chính trị. 163
- 6.1. Ảnh hưởng của báo chí trên phương diện văn học. 165

CHƯƠNG V

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM TỪ 1918 ĐẾN 1930

I. Những điều kiện phát triển của báo chí Việt Nam từ 1918 đến 1930 170
- 1.1. Điều kiện chính trị. 170
- 1.2. Điều kiện kinh tế. 175
- 1.3. Điều kiện văn hóa. 177
- 1.4. Điều kiện xã hội. 178

II. Báo định kỳ 179
- 2.1. Ở Nam Kỳ. 180

- 2.2. Ở Bắc Kỳ. 196
- 2.3. Ở Trung Kỳ. 204

III. Các nhật báo 208
- 3.1. Ở Nam Kỳ. 208
- 3.2. Ở Bắc Kỳ. 212
- 3.3. Ở Trung Kỳ. 225

IV. Báo Pháp ngữ do người Việt chủ trương 230
- 4.1. Nhờ đâu mà báo Pháp ngữ dễ ra đời. 230
- 4.2. Báo Pháp ngữ do người Việt chủ trương. 232

V. Những loại báo đặc biệt 251
- 5.1. Báo dành riêng cho phụ nữ. 251
- 5.2. Những tờ báo Công giáo. 257
- 5.3. Những tờ báo bí mật. 258

VI. Báo Pháp ngữ tại Việt Nam 271

VII. Vai trò của báo chí trong giai đoạn 1918 đến 1930 273
- 7.1. Báo chí và văn học. 273
- 7.2. Báo chí và chính sách Pháp-Việt đuề huề. 277

CHƯƠNG VI

BÁO CHÍ VIỆT NAM THỜI KỲ 1930-1945

I. Tình hình chính trị 294
- 1.1. Giai đoạn 1930-1939. 294
- 1.2. Trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945). 296

II. Sự tiến triển của báo chí trong thời kỳ 1930-1945 297
- 2.1. Ở Bắc Kỳ. 298
- 2.2. Ở Trung Kỳ. 336
- 2.3. Ở Nam Kỳ. 339

III. Vai trò của báo chí thời kỳ 1930-1945 352
- 3.1. Trên lĩnh vực văn học và xã hội. 352
- 3.2. Trên lĩnh vực chính trị. 352

3.3. Trên lĩnh vực kỹ thuật và nghề nghiệp. 353

CHƯƠNG VII

VÀI VẤN ĐỀ ĐẶC BIỆT CỦA LÀNG BÁO VIỆT NAM

I. Bản chất, cơ cấu về xã hội và nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam 355
1.1. Nhà báo chính khách. 356
1.2. Nhà báo văn thi nhân. 373
1.3. Nhà báo chuyên nghiệp. 377
II. Bản chất, cơ cấu về xã hội và nghề nghiệp của độc giả 381
III. Thử phân tích nội dung của vài tờ báo điển hình 382
3.1. Trường hợp tờ *Nam Phong tạp chí.* 383
3.2. Báo đối lập: Tờ *La Cloche Fêlée.* 390
3.3. Loại báo thông tin, "thương mại": *Trung Lập báo.* 398
IV. Báo chí và vấn đề tài chính 402
4.1. Ngân sách của tờ báo. 402
4.2. Báo chí và nhà cầm quyền. 404
4.3. Báo chí và giới tài phiệt. 406

PHẦN KẾT LUẬN

I. Báo chí và văn học 416
II. Báo chí và xã hội 418
III. Báo chí và ý thức dân tộc 419
IV. Báo chí trên địa hạt kỹ thuật và nghề nghiệp 420
V. Báo chí và chính quyền thực dân 429

PHỤ LỤC

MỤC LỤC BÁO CHÍ VIỆT NGỮ TỪ 1865-1945

Tài liệu tham khảo 516

BÁO CHÍ VIỆT NAM

Từ khởi thủy đến 1945

Chịu trách nhiệm xuất bản :
TRẦN ĐÌNH VIỆT
Biên tập : ĐỨC BÌNH
Trình bày : NGUYỄN ĐÔNG HIẾU
Sửa bản in : NGUYỄN ĐỨC
Vẽ bìa : MAI QUẾ VŨ

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận I
Điện thoại : 8225340-8296764-8220405-8222726
Fax : 84.8.8298540

In 1000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Xưởng in FAHASA
Giấy phép xuất bản số 555-3/XB-QLXB cấp ngày 1-7-1999
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3-2000